BAOVIET

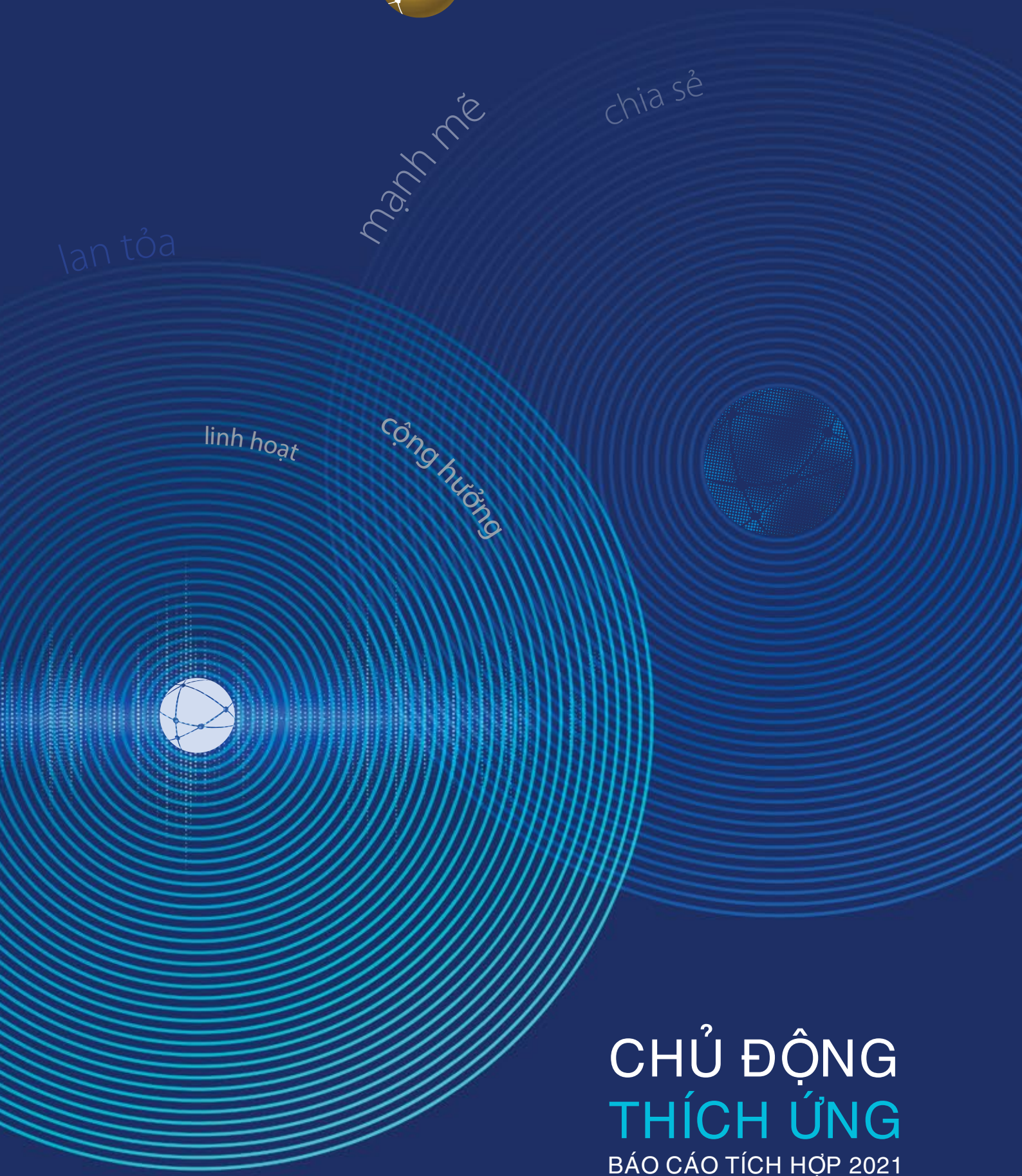

CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG

BÁO CÁO TÍCH HỢP 2021

Chủ động THÍCH ỨNG

THÔNG ĐIỆP BÁO CÁO 2021

Trước diễn biến phức tạp của Đại dịch Covid-19, đặc biệt có những thời điểm số ca nhiễm liên tục lập đỉnh, các doanh nghiệp đứng trước thách thức phải chuyển đổi và chuẩn bị cho mình một tâm thế chủ động, thích ứng linh hoạt để tiếp tục tồn tại và phát triển.

Với việc lựa chọn **"Chủ động thích ứng"** là thông điệp chủ đạo, Bảo Việt mong muốn khắc họa chân dung và hoạt động thực chất của doanh nghiệp khi đối mặt với những thách thức từ môi trường kinh doanh, từ cuộc cách mạng công nghệ 4.0 và diễn biến phức tạp của Đại dịch. Xuyên suốt báo cáo của Bảo Việt là những bản nhạc, lời ca và hình ảnh con người cùng hòa quyện, mang đến âm hưởng của sự lạc quan, lan tỏa tình người ấm áp, đồng hành và chia sẻ cùng nhau để mạnh mẽ vượt qua thách thức.

Nếu ví cuộc sống như một bản nhạc thì ta thấy bản nhạc ấy luôn có những cung bậc khác nhau, có những khó khăn, thử thách và có cả những cơ hội và hạnh phúc ngọt ngào. Dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào, hãy giữ cho mình một tinh thần lạc quan, một tâm thế chủ động để vững vàng thích ứng và nắm bắt những cơ hội mới.

Nếu ví hoạt động kinh doanh như một bản nhạc giao hưởng thì Bảo Việt và các đơn vị thành viên như một dàn nhạc, trong đó Bảo Việt đóng vai trò như một nhạc trưởng, là hạt nhân điều phối, dẫn dắt, điều tiết và truyền cảm hứng để các đơn vị thành viên cùng vận hành nhịp nhàng để hoàn thành bứt phá các mục tiêu.

Năm 2021, việc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số một cách mạnh mẽ đóng vai trò then chốt. Bảo Việt đã tập trung xây dựng Hệ sinh thái số, tối ưu hóa dữ liệu và quy trình làm việc, tăng cường hợp tác với các đối tác công nghệ, đối tác thanh toán, các hệ sinh thái khác để hình thành một hệ sinh thái số hoàn chỉnh cho toàn Tập đoàn. Bằng cách tận dụng các giải pháp công nghệ, tài nguyên số để tích hợp các sản phẩm và dịch vụ vào cùng một nền tảng, Bảo Việt có thể mở rộng quy mô kinh doanh và nâng cao lợi thế cạnh tranh, từ đó mang lại giá trị tăng thêm cho đối tác, khách hàng, người lao động và các bên liên quan. Bên cạnh đó, việc xây dựng một môi trường làm việc hiệu quả, chăm lo sức khỏe, phúc lợi cho người lao động, cũng như gia tăng sự gắn kết giữa doanh nghiệp và người lao động cũng được Bảo Việt chú trọng, đặc biệt là tạo điều kiện để người lao động được tiêm vaccine sớm, đảm bảo thích ứng an toàn trong bối cảnh dịch bệnh.

Trong bối cảnh biến động toàn cầu, Bảo Việt tin rằng, chỉ khi chuẩn bị cho mình một tâm thế chủ động, doanh nghiệp có thể làm chủ được tình thế, dám nghĩ, dám hành động, chủ động tìm tòi, sáng tạo, linh hoạt trong điều hành để thích ứng với các thách thức hiện hữu và phát sinh trong tương lai, từ đó giữ vững và duy trì nhịp độ hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG BÁO CÁO TƯƠNG TÁC

Click vào **Tên các chương** góc dưới bên phải ở mỗi trang để tương tác nhanh đến Chương cần xem.

Điểm nhấn

BÁO CÁO TÍCH HỢP 2021

#TÍCH HỢP ĐA NỀN TẢNG
#CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI
#THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG
#TÍCH HỢP ESG
BÁO CÁO TƯƠNG TÁC

Truy cập vào website:
baoviet.com.vn/baocaotichhop2021

Tải ứng dụng báo cáo tích hợp tại: Download on the App Store | GET IT ON Google Play

Nhập từ khóa "Baoviet Integrated Report 2021"
hoặc "Báo cáo tích hợp Bảo Việt 2021"

Chúng tôi mong muốn lắng nghe ý kiến từ các Quý vị để nâng cao chất lượng nội dung báo cáo.
Vui lòng liên hệ Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư
investorbvh@baoviet.com.vn
(+84) 24 3928 9999

VÌ SAO CỔ PHIẾU BVH HẤP DẪN NHÀ ĐẦU TƯ?

Với tỷ lệ thâm nhập doanh thu phí bảo hiểm/GDP thấp như hiện nay (2,6%), lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, đặc biệt là lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ đang trở thành lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng cao, thu hút sự quan tâm của đông đảo nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

169.504
(Tỷ đồng)
Tổng tài sản
tăng trưởng 15,8%

50.380
(Tỷ đồng)
Tổng doanh thu hợp nhất
tăng trưởng 2,8%

2.003
(Tỷ đồng)
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất
tăng trưởng 21,4%

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI QUY MÔ LỚN

- **≤200** Chi nhánh
- **>1.000** Phòng giao dịch
- Tại **63** tỉnh thành trong cả nước

DANH MỤC SẢN PHẨM ĐA DẠNG & ƯU VIỆT

- **80** Sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ
- **>50** Sản phẩm bảo hiểm nhân thọ

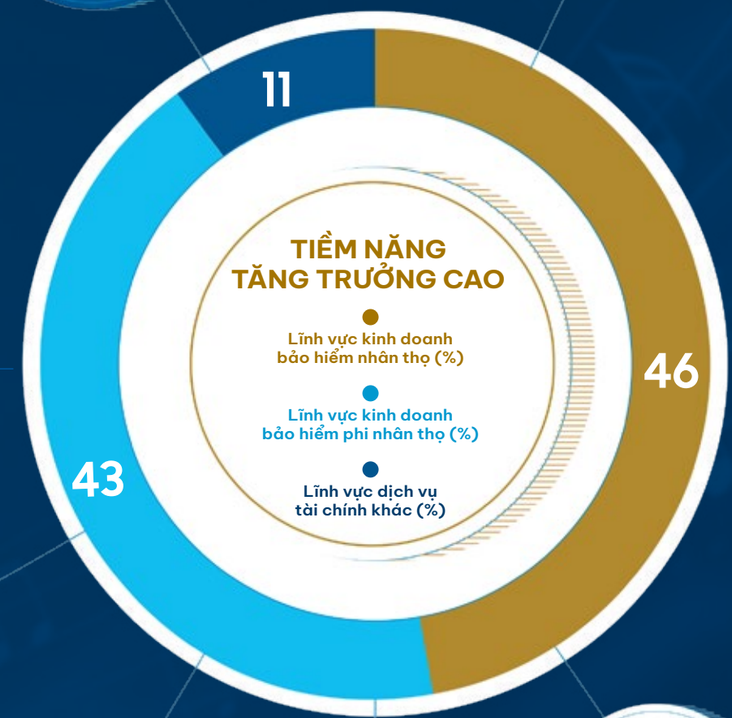

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VỮNG CHẮC, HIỆU QUẢ

- **THANH KHOẢN CAO**
- **CỔ TỨC BẰNG TIỀN MẶT ỔN ĐỊNH**
- **TÍCH CỰC ĐÓNG GÓP TRỞ LẠI NỀN KINH TẾ**

>1.000.000
Cổ phiếu/phiên
(Trung bình 10 phiên)

Đóng góp gần **24.000**
Tỷ đồng
vào Ngân sách Nhà nước
kể từ khi cổ phần hóa đến nay

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

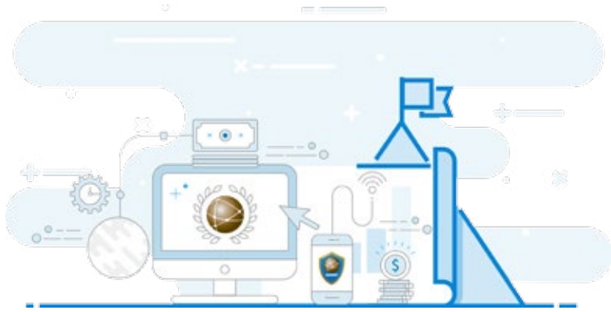

VỊ THẾ KHÁC BIỆT & VƯỢT TRỘI

Là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, Bảo Việt có lịch sử lâu đời với hơn nửa thế kỷ phát triển, thương hiệu uy tín hàng đầu thị trường, đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm nhất trên thị trường tài chính bảo hiểm với hơn 300.000 cán bộ, đại lý, tư vấn viên. Mạng lưới phân phối quy mô lớn, gần 200 chi nhánh, hơn 1.000 phòng giao dịch bảo hiểm bao phủ rộng khắp các tỉnh thành của Việt Nam.

Năm 2021, Bảo Việt tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu trong các lĩnh vực kinh doanh nòng cốt với tổng doanh thu hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ năm 2021 đạt hơn 10.670 tỷ đồng, tiếp tục giữ số 1 thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam; tổng doanh thu lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ đạt 37.848 tỷ đồng, tiếp tục giữ vị trí số 1 thị trường bảo hiểm nhân thọ về tổng doanh thu.

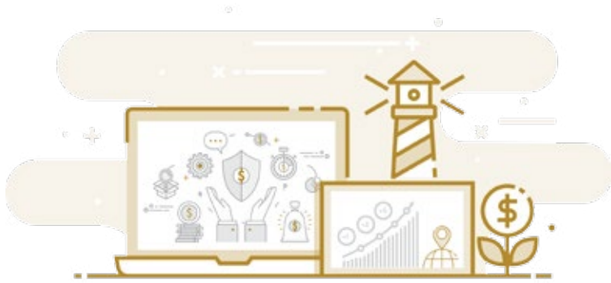

VAI TRÒ TẠO LẬP & PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

Bảo Việt tích cực tham gia tạo lập thị trường bảo hiểm và thị trường vốn trên thị trường tài chính Việt Nam.

Bảo Việt luôn đi đầu trong các chương trình bảo hiểm mang tính xã hội, chương trình bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm rủi ro thiên tai, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm vi mô...

TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG LỚN

Bảo Việt đã xây dựng nền tảng tạo đà cho sự tăng trưởng bền vững trong tương lai và chuẩn bị sẵn sàng khai thác các cơ hội lớn trên thị trường tài chính bảo hiểm Việt Nam.

Kết quả kinh doanh tăng trưởng bền vững, hiệu quả

Bảo Việt đạt kết quả tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ổn định vững chắc qua các năm trên các mảng Bảo hiểm - Đầu tư - Dịch vụ tài chính

Luôn thuộc nhóm dẫn đầu các tổ chức tài chính có tỷ lệ sinh lời ROE, ROA cao nhất.

CỔ PHIẾU BVH HẤP DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

Tập đoàn Bảo Việt là công ty niêm yết có vốn hóa thị trường lớn, cổ phiếu BVH đóng vai trò dẫn dắt trong nhóm ngành bảo hiểm, thanh khoản cao và luôn nằm trong danh mục sở hữu của các quỹ ETFs nước ngoài tại Việt Nam.

Thuộc nhóm dẫn đầu trong các tổ chức tài chính có tỷ lệ cổ tức bằng tiền mặt ổn định qua các năm.

BẢO VIỆT HIỆN THỰC HÓA CAM KẾT PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THÀNH HÀNH ĐỘNG

BẢO VIỆT LUÔN GẮN LIỀN

Ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của Bảo Việt. Bảo Việt hiểu rằng để xây dựng nên một tương lai tốt đẹp, cần sự nỗ lực của tất cả chúng ta từ ngày hôm nay, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò như một nhân tố tích cực trong việc hiện thực hóa tương lai này. Và để làm được, chúng tôi cũng cần xây dựng lộ trình cụ thể nhằm bù đắp lại những thiếu hụt về nguồn lực tài nguyên mà con người đã khai thác quá mức trong quá khứ và trong hiện tại.

Hoạt động phát triển bền vững được Bảo Việt chia sẻ tích cực và chủ động với các bên liên quan nhằm nhận diện những vấn đề được các bên quan tâm. Những vấn đề này tiếp tục được chúng tôi đánh giá và xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp, từ đó xác định ra các vấn đề trọng yếu để thực hiện rà soát, cải tiến trong năm 2021.

BẢO VIỆT CAM KẾT ĐÓNG GÓP VÀO MỤC TIÊU HẠN CHẾ SỰ GIA TĂNG NHIỆT ĐỘ TOÀN CẦU

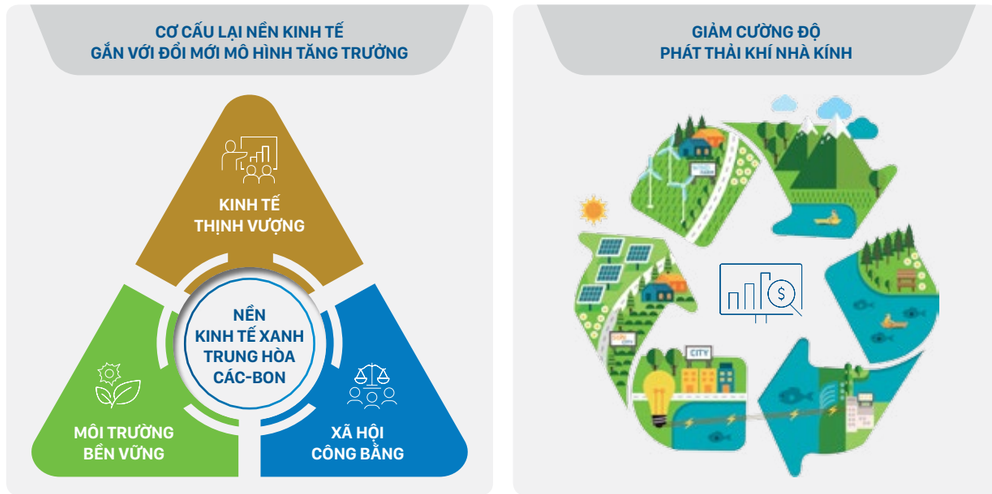

HÀNH ĐỘNG NHỎ CHO THAY ĐỔI LỚN

BẢO VIỆT ĐỒNG HÀNH CÙNG VIỆT NAM TRONG THỰC HIỆN MỤC TIÊU CỦA HỘI NGHỊ COP26

HIỆN THỰC HÓA MỤC TIÊU KÉP
TĂNG TRƯỞNG NHANH & BỀN VỮNG

Bảo Việt hiểu rằng các mục tiêu Tăng trưởng xanh giải quyết các thách thức lớn trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, dưới tác động mạnh mẽ của CMCN 4.0 phù hợp với điều kiện quốc gia.

Là doanh nghiệp đầu ngành, Bảo Việt cam kết và hưởng ứng chủ trương của Chính phủ trong việc thực hiện Mục tiêu kép:

"TĂNG TRƯỞNG NHANH & BỀN VỮNG"

Hướng tới các mục tiêu bền vững đến năm 2030

Hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển nhanh và bền vững toàn diện cả về kinh tế, xã hội và môi trường.

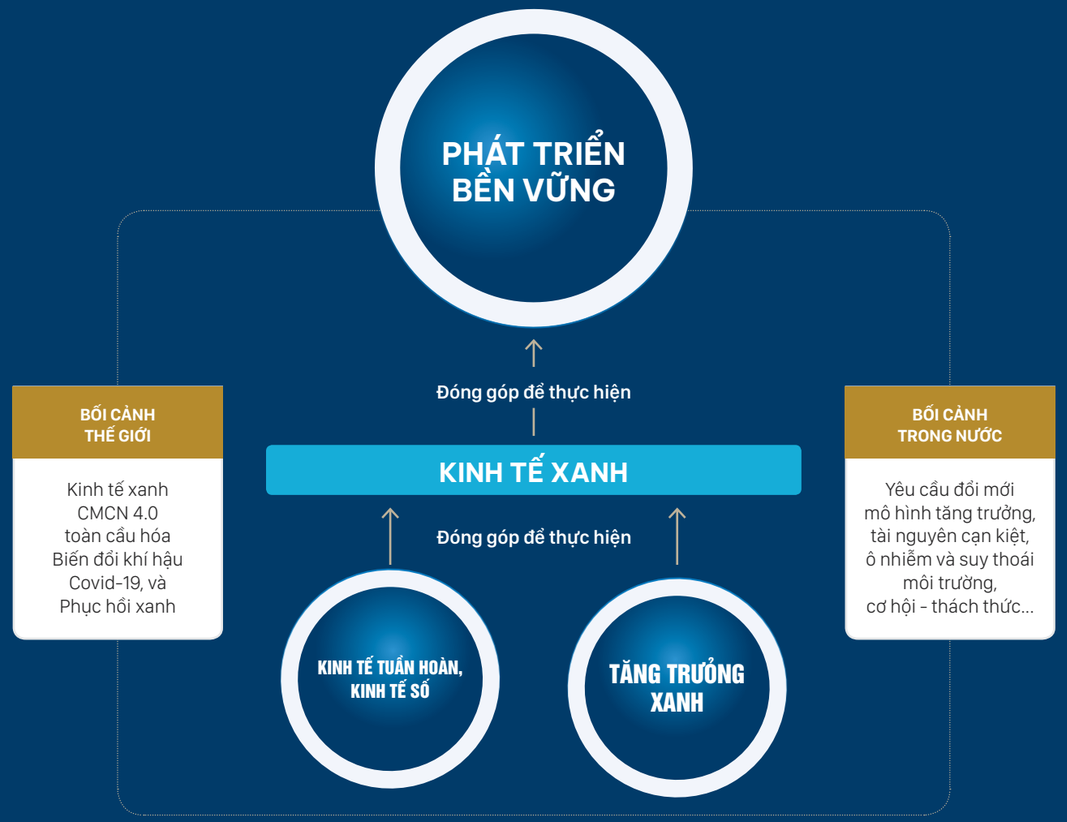

Bảo Việt cam kết chung tay cùng cộng đồng doanh nghiệp và Chính phủ trong tiến trình hiện thực hóa Chiến lược Tăng trưởng xanh, thúc đẩy thực hiện mục tiêu phát triển nhanh và bền vững thông qua các mục tiêu xanh hóa các ngành kinh tế, xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững, xanh hóa quá trình chuyển đổi, đặc biệt tập trung thực hiện Mục tiêu xanh hóa lối sống gắn kết chặt chẽ với kinh tế số và kinh tế tuần hoàn nhằm thúc đẩy nền kinh tế xanh, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững

BÁO CÁO ĐƯỢC ĐẢM BẢO BỞI KIỂM TOÁN NỘI BỘ

BAOVIET Holdings
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Số: 481/2022/TĐBV-KTKTNB
V/v: **Đảm bảo một số chỉ tiêu Phát triển bền vững**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: **TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT**

Để đảm bảo độ tin cậy của một số chỉ tiêu trên Báo cáo Phát triển bền vững năm 2021 của Tập đoàn Bảo Việt, Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện đảm bảo một số chỉ tiêu Phát triển bền vững năm 2021 của Tập đoàn Bảo Việt.

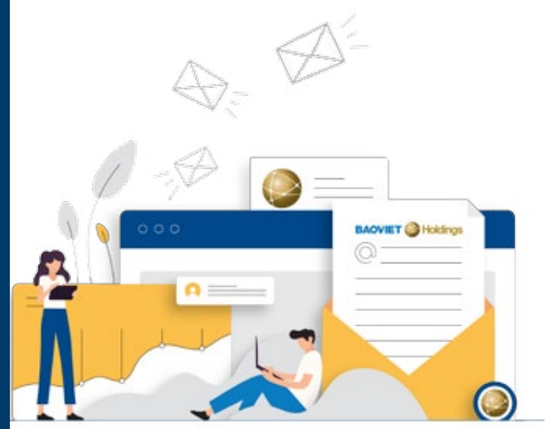

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo Phát triển bền vững năm 2021 theo Bộ tiêu chuẩn báo cáo Phát triển bền vững và Công bố bổ sung ngành dịch vụ tài chính của Tổ chức Sáng kiến báo cáo toàn cầu (GRI). Đồng thời Ban Điều hành chịu trách nhiệm về việc thiết kế và thực thi các kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo sự hợp lý của thông tin, số liệu trong Báo cáo Phát triển bền vững năm 2021 của Tập đoàn Bảo Việt.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TRA - KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ có trách nhiệm đưa ra các ý kiến đánh giá độc lập, khách quan về các chỉ tiêu Phát triển bền vững được lựa chọn năm 2021 dựa trên quy trình, phương pháp đã được quy định tại Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về kiểm toán nội bộ, Quy chế/Quy trình Kiểm toán nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt, các hướng dẫn thực hành Chuẩn mực Kiểm toán nội bộ quốc tế và các thông lệ quốc tế. Quy định này yêu cầu các kiểm toán viên của Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ tuân thủ Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, phương pháp đánh giá dựa trên rủi ro cho các bước tiến hành từ khâu lập kế hoạch, triển khai nhằm đưa ra kết luận.

Việc triển khai dịch vụ đảm bảo được tiến hành chủ yếu thông qua phương pháp phỏng vấn và thực hiện đối chiếu thông tin, dữ liệu.

Kết quả đảm bảo đã được thảo luận với Ban Điều hành và lãnh đạo các Ban chức năng/đơn vị có liên quan.

PHẠM VI RÀ SOÁT VÀ ĐẢM BẢO

Trên cơ sở nguồn lực hiện có, Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ cung cấp dịch vụ đảm bảo cho 08 chỉ tiêu Phát triển bền vững tại Báo cáo Phát triển bền vững năm 2021 của Tập đoàn Bảo Việt dựa trên Bộ tiêu chuẩn báo cáo Phát triển bền vững và Công bố bổ sung ngành dịch vụ tài chính của GRI bao gồm:

- GRI 202-1 — Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng;
- GRI 401-2 — Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian (không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian);
- GRI 403-8 — Người lao động được bảo vệ bởi hệ thống an toàn và sức khỏe lao động;
- GRI 403-9 — Tai nạn lao động;
- GRI 404-1 — Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên;
- GRI 404-2 — Các chương trình nâng cao kỹ năng làm việc và hỗ trợ chuyển tiếp cho người lao động;
- GRI 413-1 — Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển;
- GRI-G4 FS7 — Giá trị (bằng tiền) của sản phẩm và dịch vụ được thiết kế phục vụ một lợi ích xã hội nhất định cho từng lĩnh vực kinh doanh phân theo mục đích.

KẾT LUẬN

Dựa trên các thủ tục đảm bảo đã nêu trên, Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ nhận thấy các chỉ tiêu Phát triển bền vững được lựa chọn trong Báo cáo Phát triển bền vững năm 2021 của Tập đoàn Bảo Việt đã được trình bày trung thực và phù hợp theo quy định tại Bộ tiêu chuẩn báo cáo Phát triển bền vững và Công bố bổ sung ngành dịch vụ tài chính của GRI trên các khía cạnh trọng yếu.

Ngoài ra, để cải thiện hoạt động lập báo cáo Phát triển bền vững cho các năm tiếp theo, KTKTNB có đưa ra một số khuyến nghị liên quan đến việc lập báo cáo Phát triển bền vững năm 2021.

Trần Thị Diệu Hằng
Trưởng Kiểm tra - Kiểm toán Nội bộ

NỘI DUNG

BÁO CÁO TÍCH HỢP
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
NĂM 2021

1 GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

04 Điểm nhấn Báo cáo tích hợp 2021
06 Vì sao cổ phiếu BVH hấp dẫn nhà đầu tư?
08 Điểm nhấn đầu tư
10 Bảo Việt - Hiện thực hóa cam kết phát triển bền vững thành hành động
14 Báo cáo được đảm bảo bởi kiểm toán nội bộ
18 Thông điệp Chủ Tịch Hội đồng Quản trị
22 Thông điệp Tổng Giám đốc
26 Thông điệp của Cổ đông chiến lược Sumitomo Life

30 Tổng quan Tập đoàn Bảo Việt
36 Cơ cấu quản trị Tập đoàn
38 10 sự kiện tiêu biểu
42 Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản (KPIs)

2 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

46 Môi trường kinh doanh, cơ hội và thách thức
51 Mô hình hoạt động kinh doanh và các yếu tố tạo động lực tăng trưởng
58 Gắn kết các bên liên quan
62 Xác định các lĩnh vực trọng yếu
66 Các xu hướng thế giới ảnh hưởng đến chiến lược của Bảo Việt
82 Chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt

3 HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

90 Tổng quan hoạt động kinh doanh
92 Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành
148 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về mọi mặt hoạt động
152 Báo cáo hoạt động của các đơn vị thành viên
156 Báo cáo hoạt động Tổng Công ty Bảo Hiểm Bảo Việt
164 Báo cáo hoạt động Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ
172 Báo cáo hoạt động Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
176 Báo cáo hoạt động Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt
180 Báo cáo hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

4 QUẢN TRỊ CÔNG TY

190 Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt
194 Thành viên Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt
198 Tổng quan về Quản trị công ty tại Tập đoàn Bảo Việt
222 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
230 Hoạt động của các Ủy ban
244 Báo cáo của Ban Kiểm soát
250 Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát
252 Hoạt động kiểm tra - kiểm soát nội bộ
258 Quản lý rủi ro

5 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

272 Con số và sự kiện tiêu biểu năm 2021
274 Tổng quan hoạt động phát triển bền vững tại Bảo Việt
276 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội
280 Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động
288 Sự kiện và hoạt động thuộc trọng tâm phát triển bền vững của Bảo Việt

6 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

298 Báo cáo tài chính hợp nhất
400 Báo cáo tài chính riêng tóm tắt
406 Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế

THÔNG ĐIỆP
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2021, nền kinh tế thế giới đang có dấu hiệu dần phục hồi sau thời gian dài chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19. Năm 2021 cũng là năm tiền đề cho Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 -2030, Tập đoàn Bảo Việt đã nhanh chóng chủ động thích ứng, nắm bắt cơ hội, nâng cao phương thức tiếp cận, chất lượng dịch vụ, ra mắt các sản phẩm tích hợp dành cho khách hàng để hướng tới là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tài chính - bảo hiểm tốt nhất cho thị trường. Với những nỗ lực không ngừng nghỉ, Tập đoàn Bảo tạo đà bứt phá, góp phần đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội mà Đảng và Nhà nước đã đề ra trong giai đoạn 2021-2030.

Kính gửi các Quý cổ đông, khách hàng và đồng nghiệp,

Đại dịch COVID-19 kéo dài đã đẩy kinh tế thế giới rơi vào trạng thái khủng hoảng trầm trọng nhất kể từ năm 1930, kéo tăng trưởng xuống mức âm do gián đoạn chuỗi cung ứng, các biện pháp phòng vệ trước dịch bệnh và ảnh hưởng của nó đến các hoạt động kinh tế trên quy mô toàn cầu. Đứng trước bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới có nhiều khó khăn, bất ổn, Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã thực hiện quyết liệt các giải pháp kinh doanh trên tinh thần chủ động, sáng tạo, khắc phục khó khăn

TOP 10

DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG VIỆT NAM 6 NĂM LIÊN TIẾP

TOP 50

CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT VIỆT NAM

TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tập đoàn Bảo Việt tập trung thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là phát triển thị trường thông qua nâng cao năng lực cạnh tranh, chất lượng dịch vụ tài chính kết hợp, sản phẩm bảo hiểm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của nền kinh tế - xã hội. Tập đoàn Bảo Việt đã tạo sự chuyển biến trong tăng trưởng doanh thu và hiệu quả; khẳng định sự chuyên nghiệp và hợp tác nội bộ mạnh mẽ, khẳng định thương hiệu và chất lượng dịch vụ hàng đầu Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế; giữ vững vị thế một Tập đoàn tài chính - bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam và trong khu vực. Trong năm vừa qua, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ giữ đà tăng trưởng tốt, giữ vững vị trí số 1 về thị phần tổng doanh thu phí trên cả thị trường bảo hiểm phi nhân thọ và thị trường bảo hiểm nhân thọ; Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt tiếp tục là doanh nghiệp quản lý quỹ hàng đầu Việt Nam; Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt thuộc Top 10 công ty có thị phần môi giới lớn nhất.

Chúng tôi tin rằng với sự nhiệt huyết và nỗ lực bền bỉ, luôn luôn "CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG", chúng tôi sẽ mang đến một hình ảnh Bảo Việt mang tầm quốc tế, chuyên nghiệp, năng động, không ngừng phát triển, luôn hướng về tương lai với tâm nguyện làm cho cuộc sống tốt đẹp và thịnh vượng hơn

ĐÀO ĐÌNH THI

Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2021, với những nền tảng được xây dựng vững chắc, với sự nỗ lực của toàn hệ thống, chúng tôi tiếp tục đạt được nhiều kết quả khả quan, được các tổ chức uy tín trong và ngoài nước đánh giá cao. Những giải thưởng này đã góp phần nâng cao giá trị thương hiệu Bảo Việt, tiên phong kiến tạo giá trị thương hiệu của doanh nghiệp Việt vươn tầm khu vực.

Bảo Việt được vinh danh nhiều giải thưởng danh giá, dẫn đầu **Top 10 Doanh nghiệp Bền vững Việt Nam** 6 năm liên tiếp; là đại diện duy nhất ngành bảo hiểm trong danh sách **Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam** do Forbes bình chọn; T**op 5 doanh nghiệp niêm yết quản trị công ty tốt nhất** trong nhóm vốn hóa lớn (Largecap) của năm 2021; Bảo Việt - **Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam và Thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn** năm 2021. Theo tổ chức Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report), Bảo Việt đứng số 1 ở cả 2 danh sách "**Top 10 công ty bảo hiểm nhân thọ uy tín nhất Việt Nam**" và "**Top 10 công ty Bảo hiểm phi nhân thọ uy tín nhất Việt Nam**".

Thành công này là nhờ sự nhiệt huyết và nỗ lực không mệt mỏi của tập thể ban lãnh đạo, cán bộ nhân viên, tư vấn viên của Bảo Việt cũng như sự quan tâm chỉ đạo của các cơ quan quản lý và sự hỗ trợ, đồng hành của các quý cổ đông, khách hàng và đối tác của Bảo Việt trong suốt năm qua.

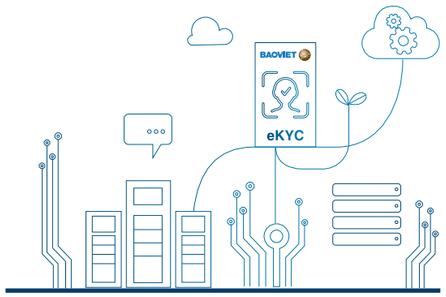

BẢO VIỆT
NỖ LỰC BỨT PHÁ, VƯƠN TẦM CAO MỚI

Ứng biến nhanh trước thời cuộc luôn là yếu tố khẳng định bản lĩnh của doanh nghiệp. Sau những diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, Bảo Việt tự tin bước vào "**trạng thái bình thường mới**" với "**tâm thế mới**", tập trung thực hiện các giải pháp nhằm phát triển thị trường, phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và chắc chắn phải nhắc đến chiến lược số hóa được chúng tôi áp dụng trong những năm qua. Việc xây dựng cơ sở hạ tầng và nền tảng kỹ thuật số giúp duy trì 100% dịch vụ cho khách hàng và đội ngũ bán hàng trong giai đoạn giãn cách. Bất kỳ thách thức nào cũng có thể biến thành cơ hội nếu biết tận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo.

Các giải pháp tài chính và bảo hiểm được nhận thức một cách rõ ràng hơn sau thời gian dịch bệnh kéo dài. Đây là cơ hội tốt để Bảo Việt phát triển các sản phẩm dịch vụ Tài chính bảo hiểm khác nhau, đáp ứng được nhu cầu đa dạng của thị trường. Với gần 60 năm kinh nghiệm hình thành và phát triển, Bảo Việt vẫn luôn nỗ lực lắng nghe, cải thiện dịch vụ để mang đến những trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. Thị trường tiềm năng vẫn rất dồi dào, với những chiến lược đúng đắn, Bảo Việt sẽ tiếp tục gặt hái được nhiều thành công hơn nữa, vươn lên tầm một cao mới trong tương lai.

Tôi tin rằng Bảo Việt với uy tín được gây dựng trong những thập niên qua sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kinh doanh trong năm 2022, xây dựng nền tảng vững chắc cho chiến lược phát triển 2021 - 2030 của Tập đoàn. Từ đó, khẳng định vị thế và vai trò dẫn đầu, định hướng thị trường bảo hiểm Việt Nam, vươn tầm quốc tế.

ĐÀO ĐÌNH THI
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Bảo Việt

THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Với tâm thế "**Chủ động thích ứng**", Bảo Việt sẽ tiếp tục phát triển và hoàn thiện Hệ sinh thái số của riêng mình bằng cách tận dụng các giải pháp công nghệ, tài nguyên số để tích hợp các sản phẩm và dịch vụ vào cùng một nền tảng từ đó giúp Bảo Việt mở rộng quy mô kinh doanh và nâng cao lợi thế cạnh tranh, kết nối liên thông giữa các hệ thống trong nội bộ và tăng cường hợp tác với các đối tác công nghệ, đối tác thanh toán, các hệ sinh thái khác để hình thành một hệ sinh thái tài chính số hoàn chỉnh cho Tập đoàn Bảo Việt.

50.380

Tổng doanh thu hợp nhất
(Tỷ đồng)

10.588

Tổng doanh thu lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ năm 2021
(Tỷ đồng)

37.848

Tổng doanh thu lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ năm 2021
(Tỷ đồng)

Thân gửi các quý cổ đông, khách hàng và đồng nghiệp,

Năm 2021, nền kinh tế thế giới đã gượng dậy sau những tổn thất to lớn bởi dịch bệnh Covid 19. Những biến chủng mới vẫn nối tiếp xuất hiện, nhưng thế giới đã học được nhiều bài học để "**thích ứng**". Nền kinh tế toàn cầu nói chung hồi phục, nhưng tốc độ phục hồi giữa các quốc gia không đồng đều. Tại Tập đoàn Bảo Việt, năm 2021 còn là năm khởi đầu cho Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2030. Với những nỗ lực và quyết tâm của Ban Lãnh đạo và tập thể cán bộ nhân viên Tập đoàn Bảo Việt, chúng ta vô cùng tự hào khi Tập đoàn Bảo Việt đã đạt được mức tăng trưởng và phát triển ổn định, hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021 đã đặt ra và tiếp tục giữ vững vị trí số 1 thị trường bảo hiểm nhân thọ về thị phần Doanh thu phí bảo hiểm và phi nhân thọ về doanh thu phí bảo hiểm gốc, đạt 50.380 tỷ đồng tổng doanh thu hợp nhất. Tổng doanh thu lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ năm 2021 đạt 10.588 tỷ đồng. Tổng doanh thu lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ năm 2021 đạt 37.848 tỷ đồng.

Năm 2021, Bảo Việt tiếp tục khẳng định vị thế thương hiệu hàng đầu với nhiều danh hiệu, giải thưởng danh giá: dẫn đầu Top 10 Doanh nghiệp Bền vững Việt Nam 6 năm liên tiếp; là đại diện duy nhất ngành bảo hiểm trong danh sách Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam do Forbes bình chọn; nằm trong danh sách 25 thương hiệu tài chính dẫn đầu do Forbes Việt Nam công bố Top6 Báo cáo phát triển bền vững tốt nhất thế giới, Giải Bạch Kim Báo cáo thường niên tốt nhất thế giới do LACP bình chọn.

Năm 2021 là một năm có nhiều khó khăn, thách thức đối với Bảo Việt song cũng là năm Bảo Việt khẳng định bản lĩnh, nỗ lực chủ động vượt qua thử thách để đạt được những thành tựu đáng kể trong bối cảnh bình thường mới.

Song song với hiện đại hóa công nghệ, Bảo Việt không ngừng đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng các kênh phân phối, mang lại niềm tin và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Bảo Việt đã đồng hành cùng Nhà nước, nhân dân và khách hàng trong đại dịch. Phát huy tinh thần "**tương thân tương ái**" và tinh thần trách nhiệm vì cộng đồng, Tập đoàn Bảo Việt đã đóng góp 41,5 tỷ đồng vào quỹ Vaccine phòng Covid quốc gia để đầu tư tăng cường các biện pháp phòng dịch, đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng toàn quốc, nhanh chóng triển khai các chính sách đặc biệt để hỗ trợ cho khách hàng không may nhiễm covid.

Sự đồng lòng, quyết tâm và linh hoạt của mỗi người Bảo Việt đã tạo nên một Bảo Việt 2021 - "**bình thường mới**" những gam màu tươi sáng trong bối cảnh bức tranh ảm đạm của Covid- 19, tạo tiền đề để Bảo Việt tiếp tục chinh phục những đỉnh cao mới trong giai đoạn tiếp theo.

Kinh tế thế giới năm 2022 được dự báo chịu chi phối từ những nỗ lực kiềm chế lạm phát cùng với chống biến đổi khí hậu, trong bối cảnh sự gián đoạn nguồn cung toàn cầu kéo dài và áp lực giá cả toàn cầu tăng cao và những căng thẳng địa chính trị gia tăng.

NĂM 2022

CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG

Tại Việt Nam, nhờ động lực chính đến từ tốc độ bao phủ vắc xin nhanh, hoạt động xuất khẩu ổn định, Việt Nam được dự báo sẽ có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất khu vực ASEAN+3. Năm 2022 sẽ là một năm của những thời cơ để ngành bảo hiểm chủ động thích ứng với nhiều phát triển đột phá trên thị trường bảo hiểm về sản phẩm, kênh phân phối, dịch vụ khách hàng, và ứng dụng công nghệ số,...

Bảo Việt hiểu rằng cân bằng tĩnh chỉ sự đứng yên, muốn phát triển thì phải cân bằng động. Với việc lựa chọn thông điệp chủ đạo là "**Chủ động thích ứng**" nhằm khắc họa chân dung và hoạt động thực chất của doanh nghiệp khi đối mặt với những thách thức từ cuộc cách mạng công nghệ 4.0 và diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid19, Bảo Việt đã chuẩn bị cho mình một tâm thế chủ động, làm chủ được tình thế, dám nghĩ, dám hành động, chủ động tìm tòi, sáng tạo, linh hoạt trong điều hành để thích ứng với các thách thức hiện hữu và phát sinh trong tương lai, từ đó giữ vững và duy trì nhịp độ hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống.

Với tâm thế "**Chủ động thích ứng**", Bảo Việt sẽ tiếp tục phát triển và hoàn thiện Hệ sinh thái số của riêng mình bằng cách tận dụng các giải pháp công nghệ, tài nguyên số để tích hợp các sản phẩm và dịch vụ vào cùng một nền tảng từ đó giúp Bảo Việt mở rộng quy mô kinh doanh và nâng cao lợi thế cạnh tranh, kết nối liên thông giữa các hệ thống trong nội bộ và tăng cường hợp tác với các đối tác công nghệ, đối tác thanh toán, các hệ sinh thái khác để hình thành một hệ sinh thái tài chính số hoàn chỉnh cho Tập đoàn Bảo Việt.

Tiếp tục hành trình chuyển đổi số của Tập đoàn và các công ty thành viên, năm 2022 là năm thứ hai của giai đoạn chiến lược 5 năm 2021-2025, Tập đoàn Bảo Việt sẽ tiếp tục củng cố, hoàn thiện các ứng dụng để hỗ trợ quá trình số hóa toàn diện các lĩnh vực hoạt động của toàn Tập đoàn. Cụ thể, Tập đoàn Bảo Việt sẽ chuyển đổi và số hóa các quy trình và sản phẩm hướng tới một Bảo Việt không giấy tờ (paperless); triển khai ứng dụng AI trong bài toán nhận diện quang học - OCR nhằm tự động hoá một số quy trình từ đó nâng cao năng suất lao động; triển khai eKYC (định dạng khách hàng điện tử); ứng dụng công nghệ Bigdata để phân tích và ra quyết định; tiếp tục nâng cấp hệ thống để nâng cao trải nghiệm khách hàng và hoàn thiện nền tảng bán hàng trực tuyến.

Quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thách thức, nắm bắt cơ hội phát triển và bứt phá, năm 2022, Bảo Việt sẽ quyết liệt thực hiện đồng bộ các giải pháp trọng tâm như nâng cao hiệu quả của các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi; đẩy mạnh chuyển đổi số; hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin; tích cực nghiên cứu và phát triển các sản phẩm tích hợp bảo hiểm - đầu tư - tài chính; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên toàn hệ thống nhằm giữ vững vị thế Tập đoàn tài chính - bảo hiểm hàng đầu Việt Nam.

Trên nền tảng công nghệ đã được trang bị, phát huy sức mạnh trí tuệ con người Bảo Việt, tôi tin rằng Bảo Việt sẽ tiếp tục lớn mạnh hơn trong năm 2022 - năm thứ hai trong giai đoạn chiến lược phát triển mới với niềm tin vững chắc về một Bảo Việt phát triển vững mạnh và vươn xa. Những giá trị Bảo Việt tạo dựng không chỉ là niềm tự hào của mỗi cán bộ nhân viên, mà còn là chữ TÍN Bảo Việt đã, đang giữ trọn với khách hàng, đối tác và cả cộng đồng.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt, tôi xin trân trọng cảm ơn các Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác, các cơ quan quản lý Nhà nước cùng toàn thể cán bộ nhân viên, đại lý, tư vấn viên trong toàn hệ thống đã luôn đồng hành cùng Bảo Việt trong suốt thời gian qua và rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Quý vị trong thời gian tới để Bảo Việt luôn vững bước tiên phong trên con đường chinh phục những đỉnh cao.

Kính chúc toàn thể Quý vị mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng cảm ơn.

ĐỖ TRƯỜNG MINH
Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt

THÔNG ĐIỆP CỦA CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC SUMITOMO LIFE

Ông TAKADA YUKINORI
Tổng giám đốc Sumitomo Life

Tôi là Tổng giám đốc của Sumitomo Life kể từ năm 2021. Sumitomo Life là công ty Bảo hiểm nhân thọ hoạt động với tôn chỉ "Giúp cho từng khách hàng ngày một sống tốt, sống khỏe hơn (well-being)". "Well-being" không chỉ là về mặt thể chất, mà còn cả về mặt tinh thần, giao tiếp xã hội, tài chính cá nhân. Chúng tôi sử dụng nguồn "nhân lực" và "công nghệ" để hỗ trợ khách hàng, góp phần "Giúp cho từng khách hàng ngày một sống tốt, sống khỏe hơn", trở thành một công ty "không thể thiếu" đối với xã hội và khách hàng.

Kể từ năm 2012, Tập đoàn Bảo Việt và Sumitomo Life đã từng bước xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược bền chắc. Để hỗ trợ cho sự phát triển hơn nữa của Tập đoàn Bảo Việt, Sumitomo Life đã phái cử nhiều nhân sự giữ vai trò là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên cũng như các chuyên gia kỹ thuật sang làm việc tại Bảo Việt, mặc khác, cũng tiếp nhận các Lãnh đạo và cán bộ của Bảo Việt tới thăm Nhật Bản, làm tăng thêm sự hiểu biết sâu sắc giữa hai bên. Hơn nữa, từ năm 2019, Sumitomo Life đã đầu tư thêm vốn vào Tập đoàn Bảo việt, cùng với việc góp phần tăng cường khả năng tài chính của Bảo Việt, chúng tôi cũng cử thêm nhân sự tới làm việc tại Tập đoàn Bảo Việt, tăng thêm sự hỗ trợ trong lĩnh vực xây dựng kế hoạch kinh doanh trung hạn và lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.

Công ty Bảo hiểm nhân thọ Sumitomo Life là đối tác chiến lược của Tập đoàn Bảo Việt.

Trong năm 2021, mặc dù chịu ảnh hưởng từ dịch Covid-19, xung đột giữa các vùng lãnh thổ, xu hướng lạm phát tăng cao... rất nhiều yếu tố khó lường đã diễn ra trên phạm vi toàn cầu, bản thân các thị trường cũng chịu sự cạnh tranh rất gay gắt, nhưng Bảo Việt vẫn có tốc độ tăng trưởng tốt và củng cố vững vị trí thương hiệu số 1 trên thị trường bảo hiểm tại Việt Nam, và chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng Bảo Việt sẽ còn tiến xa hơn nữa.

Sumotomo Life tin tưởng rằng Bảo Việt sẽ đồng cảm và đồng hành với tôn chỉ "Giúp cho từng khách hàng ngày một sống tốt, sống khỏe hơn (well-being)", hướng tới "trở thành công ty không thể thiếu đối với xã hội và khách hàng" của Sumitomo Life. Sumitomo Life sẽ tăng cường mối quan hệ hợp tác hơn nữa, phát triển song hành cùng với Bảo Việt.

A1 MOODY'S — XẾP HẠNG TÍN NHIỆM — A+

Năm thành lập
Tháng 5 năm 1907

Trụ sở chính
Tokyo và Osaka, Nhật Bản

Mạng lưới
Tại Nhật Bản:
87 văn phòng chi nhánh, 1,451 văn phòng quận.

Trên thế giới: [1]
Các công ty bảo hiểm nhân thọ tại Mỹ, Việt Nam, Indonesia, Singapore và Trung Quốc.

Các văn phòng đại diện tại
New York, Bắc Kinh và Hà Nội.

371,1
Tổng tài sản [2]
(Tỷ USD)

19,7
Tổng doanh thu phí bảo hiểm [2]
(Tỷ USD)

10.921
Số lượng nhân viên
(Người)

19,3
Tổng tài sản ròng [2]
(Tỷ USD)

14
Số lượng hợp đồng [3]
(Triệu hợp đồng)

35.163
Đội ngũ bán hàng
(Đại lý)

1 1đô la Mỹ =110.71 yên Nhật (tại thời điểm 31/3/2021) 2 Số liệu chưa hợp nhất 3 Các hợp đồng cá nhân và hưu trí

1

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

… Muốn vươn lên một vì sao sáng …

Ngôi sao
trong lòng mọi người

TỔNG QUAN
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

BẢO HIỂM (Phi nhân thọ, nhân thọ) | **ĐẦU TƯ** | **TÀI CHÍNH** | **NGÂN HÀNG**

Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu với lịch sử 57 năm tiên phong khai mở và đồng hành cùng sự phát triển của thị trường bảo hiểm Việt Nam.

Ngày thành lập Tập Đoàn

15/01/1965

Tên giao dịch: **TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT**

Địa chỉ: Số 72 Trần Hưng Đạo,
Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Vốn điều lệ: 7.423.227.640.000 VNĐ
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt được đăng ký thay đổi lần thứ 14 vào ngày 25/02/2022

17.000.000
Khách hàng

300.000
Đại lý và tư vấn viên

6.530
CBNV toàn hệ thống Bảo Việt

179
Chi nhánh

1.000
PGD trên 63 tỉnh thành

80
Sản phẩm Bảo hiểm phi Nhân thọ

40
Sản phẩm Bảo hiểm Nhân thọ

- **Cung cấp đầy đủ các dịch vụ chứng khoán, quản lý quỹ, ngân hàng.**

TẦM NHÌN

Giữ vững vị thế Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tiềm lực tài chính mạnh, tăng trưởng hiệu quả và bền vững.

SỨ MỆNH

Bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TINH THẦN TRÁCH NHIỆM
Có tinh thần trách nhiệm với khách hàng, cộng đồng, đồng nghiệp và trung thực trong công việc

NĂNG ĐỘNG
Luôn năng động và sẵn sàng tiếp nhận các ý tưởng, cơ hội mới

DỄ TIẾP CẬN
Tạo phong cách làm việc gần gũi, dễ tiếp cạn và phục vụ khách hàng chu đáo như phục vụ chính mình

TINH THẦN HỢP TÁC
Thể hiện tinh thần hợp tác và tôn trọng đồng nghiệp

CHẤT LƯỢNG
Tăng cường chất lượng hiệu quả công việc và hướng tới chuẩn mực cao hơn

HÀNH TRÌNH HƠN NỬA THẾ KỶ

Kiến tạo giá trị vững bền

1965
Công ty Bảo hiểm Việt Nam chính thức đi vào hoạt động ngày 15/01/1965.

1989
Công ty Bảo hiểm Việt Nam chuyển đổi thành Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam.

1996
Thành lập công ty bảo hiểm nhân thọ đầu tiên trên thị trường.

Trở thành công ty bảo hiểm hỗn hợp đầu tiên tại Việt Nam.

1999
Thành lập Công ty Chứng khoán Bảo Việt, là công ty chứng khoán đầu tiên trên thị trường.

2005
Thành lập Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt.

2007
IPO và thành lập Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt.

HSBC Insurance mua 10% cổ phần tại Bảo Việt.

2008
Thành lập Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

2009
Cổ phiếu BVH được niêm yết trên HOSE. Thành lập Công ty Đầu tư Bảo Việt.

HSBC Insurance tăng vốn góp tại Bảo Việt lên 18%.

2010
Ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới.

2011
Tập đoàn Bảo Việt tăng vốn điều lệ lên 6.805 tỷ đồng thông qua phát hành riêng lẻ cho các cổ đông hiện hữu.

2012
Sumitomo Life trở thành cổ đông chiến lược của Bảo Việt.

Ngân hàng Bảo Việt hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng.

2013
Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng.

2015
Hoàn thành Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt giai đoạn 2011-2015.

2016
Tập đoàn tài chính - bảo hiểm đầu tiên tại Việt Nam vượt mốc doanh thu 1 tỷ USD.

2019
Thực hiện thành công dự án Phát hành riêng lẻ với đối tác Sumitomo Life, nâng tổng số vốn điều lệ của Bảo Việt lên mức 7.423 tỷ đồng, giúp Tập đoàn hoàn thành chiến lược tăng vốn 2016-2020.

2020
Hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh trong điều kiện dịch bệnh Covid ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn toàn cầu.

2021

THÍCH ỨNG AN TOÀN TRONG ĐẠI DỊCH

Tổng doanh thu hợp nhất vượt **2 TỶ USD**

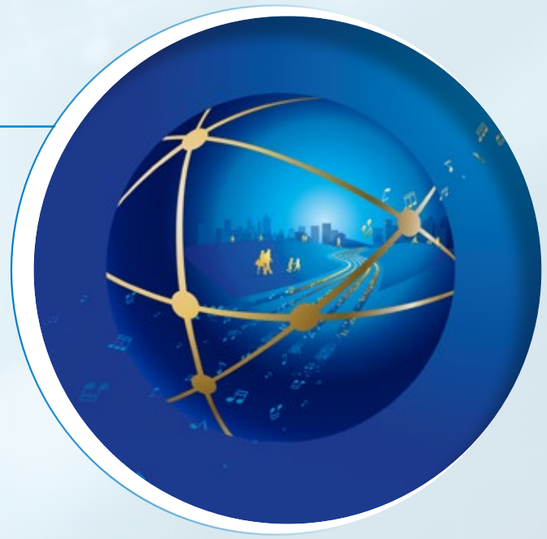

LĨNH VỰC VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Bảo Việt là doanh nghiệp đầu tiên cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ và chứng khoán tại Việt Nam. Hiện nay, Bảo Việt cung cấp các dịch vụ tài chính toàn diện bao gồm bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ và đầu tư với mạng lưới phân phối rộng khắp các tỉnh thành trên toàn quốc, phục vụ hàng triệu khách hàng.

63
Tỉnh thành

362
Phòng phục vụ khách hàng của bảo hiểm nhân thọ

600
Phòng phục vụ khách hàng của bảo hiểm phi nhân thọ

MẠNG LƯỚI

Mạng lưới phân phối rộng khắp Việt Nam với gần 200 chi nhánh và công ty thành viên hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ tại 63 tỉnh thành, 600 phòng phục vụ khách hàng của bảo hiểm phi nhân thọ, và 362 phòng phục vụ khách hàng của bảo hiểm nhân thọ.

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

Sản phẩm dịch vụ phong phú, đa dạng với trên 80 sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ, 55 sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và các sản phẩm ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ.

ĐỊA BÀN KINH DOANH TRỌNG ĐIỂM

Các đơn vị thành viên đóng trụ sở tại các địa bàn trọng điểm kinh tế của cả nước như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Nghệ An, Hải Phòng, Bình Dương luôn khẳng định là các đơn vị kinh doanh quan trọng, chiếm doanh thu lớn của Bảo Việt.

KHÁCH HÀNG

Phục vụ mọi đối tượng khách hàng cá nhân và tổ chức trên khắp các tỉnh thành.

Tập đoàn Bảo Việt hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100111761, đăng ký lần đầu ngày 15/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 09/01/2020, hoạt động trong các lĩnh vực

BẢO HIỂM

- Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ: Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; Bảo hiểm hàng không; Bảo hiểm xe cơ giới; Bảo hiểm Y tế sức khỏe; Bảo hiểm con người; Bảo hiểm nông nghiệp...;
- Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ: Bảo hiểm trọn đời; Bảo hiểm sinh kỳ; Bảo hiểm tử kỳ; Bảo hiểm hỗn hợp, Bảo hiểm liên kết chung, Bảo hiểm hưu trí...;
- Kinh doanh tái bảo hiểm.

ĐẦU TƯ

- Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết;
- Quản lý ủy thác danh mục đầu tư,;quản lý các quỹ đầu tư;
- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, đầu tư kinh doanh bất động sản.

TÀI CHÍNH

- Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán;
- Kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

NGÂN HÀNG

- Huy động vốn: nhận tiền gửi; phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và giấy tờ có giá trị khác để huy động vốn;
- Hoạt động tín dụng: cấp tín dụng dưới hình thức cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, cho thuê tài chính...;
- Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
(Tại ngày 31/12/2021)

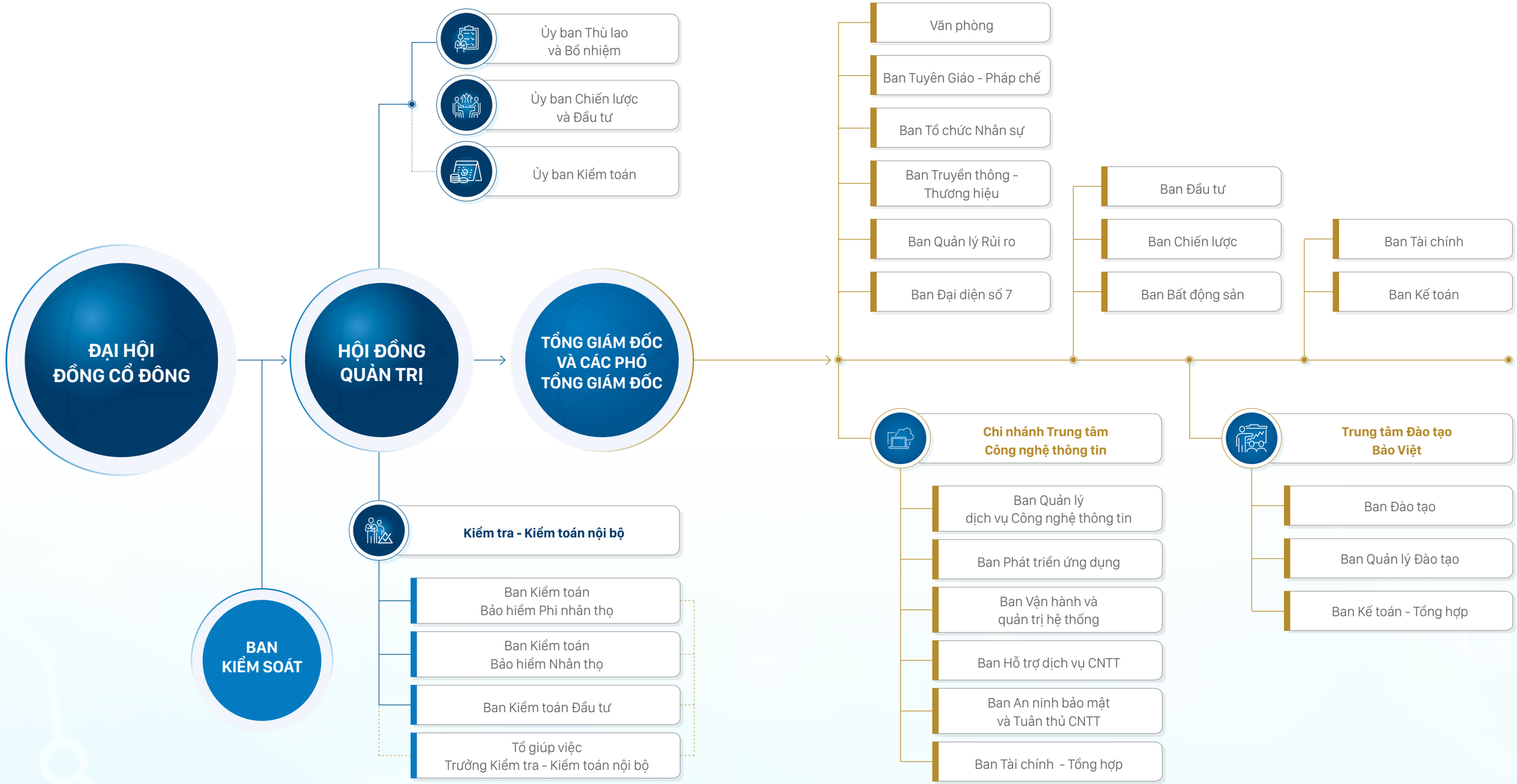

Ghi chú: *Tổ giúp việc Trưởng Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ không nằm trong cơ cấu tổ chức bộ máy của Kiểm tra - Kiểm toán Nội bộ.*

10 SỰ KIỆN TIÊU BIỂU NĂM 2021

01

Bảo Việt
nỗ lực hoàn thành
xuất sắc mục tiêu
kinh doanh năm 2021
trong bối cảnh dịch bệnh
Covid-19.

02

Bảo Việt tiếp tục khẳng định **VỊ THẾ THƯƠNG HIỆU HÀNG ĐẦU**
với nhiều danh hiệu, giải thưởng danh giá

03

Bảo Việt
ra mắt các sản phẩm,
dịch vụ mới,
gia tăng quyền lợi
khách hàng.

04

Vận dụng
sáng tạo công nghệ số
trong học tập và
nâng cao trình độ
chuyên môn nghiệp vụ
tại Bảo Việt

05

Đẩy mạnh hiệu suất
hoạt động của các dự án
công nghệ thông tin
trọng điểm, nâng cao
hiệu quả kinh doanh,
quản trị, điều hành.

06

Hợp lực bán chéo
cán đích thành công

07

Đổi mới sáng tạo
trong tổ chức chuỗi
các sự kiện, chương trình,
hội nghị trực tuyến

08

CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI
hướng đến mục tiêu phát triển bền vững,
chung tay cùng chính phủ bảo vệ cộng đồng

09

Tăng cường hợp tác
với đối tác uy tín,
đa dạng hóa
kênh phân phối mới

10

Khởi động
Chương trình thúc đẩy
bán hàng nội bộ
"NGƯỜI BẢO VIỆT DÙNG HÀNG BẢO VIỆT"

10 SỰ KIỆN TIÊU BIỂU NĂM 2021

Năm 2021, trong bối cảnh đại dịch Covid -19 có nhiều diễn biến phức tạp và gây ảnh hưởng trên khắp thế giới, Tập đoàn Bảo Việt đã thành công trong việc tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu trên cả hai mảng kinh doanh chính là bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ nhờ chiến lược kinh doanh linh hoạt, tối ưu hóa các cơ hội cũng như nhờ sự đồng lòng, quyết tâm và nỗ lực của toàn hệ thống trong việc ứng dụng và triển khai các giải pháp, sản phẩm công nghệ, giúp tận dụng cơ hội đầu tư và phát huy tối đa sức mạnh hợp lực toàn Tập đoàn.

01

Bảo Việt nỗ lực hoàn thành xuất sắc mục tiêu kinh doanh năm 2021 trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19

02

Bảo Việt tiếp tục khẳng định vị thế thương hiệu hàng đầu với nhiều danh hiệu, giải thưởng danh giá

03

Bảo Việt ra mắt các sản phẩm, dịch vụ mới, gia tăng quyền lợi khách hàng

04

Vận dụng sáng tạo công nghệ số trong học tập và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ tại Bảo Việt

05

Đẩy mạnh hiệu suất hoạt động của các dự án công nghệ thông tin trọng điểm, nâng cao hiệu quả kinh doanh, quản trị, điều hành

06

Hợp lực bán chéo cán đích thành công

07

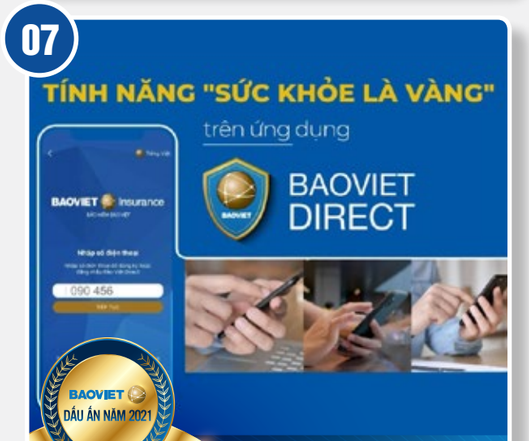

Linh hoạt, đổi mới, sáng tạo trong cách thức tiếp cận và phục vụ khách hàng

08

Công tác an sinh xã hội hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, chung tay cùng chính phủ bảo vệ cộng đồng

09

Đẩy mạnh hợp tác với đối tác uy tín

10

Khởi động Chương trình thúc đẩy bán hàng nội bộ "Người Bảo Việt dùng hàng Bảo Việt"

CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN (KPIs)

ĐƠN VỊ: TỶ ĐỒNG

	HỢP NHẤT	CÔNG TY MẸ	BẢO HIỂM BẢO VIỆT	BẢO VIỆT NHÂN THỌ	QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT	ĐẦU TƯ BẢO VIỆT	CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT
	169.504 Tổng tài sản	18.908 Tổng tài sản	13.030 Tổng tài sản	141.422 Tổng tài sản	96.298 Tổng tài sản quản lý	312 Tổng tài sản	5.719 Tổng tài sản
	22.027 Vốn chủ sở hữu	18.519 Vốn chủ sở hữu	3.299 Vốn chủ sở hữu	7.550 Vốn chủ sở hữu	171 Vốn chủ sở hữu	215 Vốn chủ sở hữu	2.144 Vốn chủ sở hữu
	50.380 Tổng Doanh thu	1.490 Tổng Doanh thu	10.588 Tổng Doanh thu	37.848 Tổng Doanh thu	115 Tổng Doanh thu	312 Tổng Doanh thu	1.147 Tổng Doanh thu
			10.045 Tổng Doanh thu phí BH	30.562 Tổng Doanh thu phí BH			
	2.376 Lợi nhuận trước thuế	1.084 Lợi nhuận trước thuế	253 Lợi nhuận trước thuế	1.085 Lợi nhuận trước thuế	50 Lợi nhuận trước thuế	10 Lợi nhuận trước thuế	291 Lợi nhuận trước thuế thực hiện
	2.003 Lợi nhuận sau thuế	1.031 Lợi nhuận sau thuế	207 Lợi nhuận sau thuế	875 Lợi nhuận sau thuế	43 Lợi nhuận sau thuế	8 Lợi nhuận sau thuế	232 Lợi nhuận sau thuế thực hiện
	7.423 Vốn điều lệ	7.423 Vốn điều lệ	2.900 Vốn điều lệ	6.000 Vốn điều lệ	100 Vốn điều lệ	200 Vốn điều lệ	722 Vốn điều lệ
	9,1% ROE	5,6% ROE	6,3% ROE	11,6% ROE	25,0% ROE	3,8% ROE	10,8% ROE *(Tính trên lợi nhuận thực hiện)*
	27,0% ROCC	13,9% ROCC	7,1% ROCC	14,6% ROCC	42,8% ROCC	4,1% ROCC	32,1% ROCC *(Tính trên lợi nhuận thực hiện)*

2

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ RỦI RO ĐẾN NĂM 2025

Trong bối cảnh kinh tế và thị trường tài chính toàn cầu biến động khó lường, môi trường kinh doanh ở Việt Nam diễn biến phức tạp, với nhiều rủi ro tiềm ẩn, Bảo Việt đã chủ động thực hiện công tác dự báo, phân tích sự thay đổi của môi trường kinh doanh và nhận diện các cơ hội, thách thức đối với Bảo Việt trong ngắn, trung và dài hạn.

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG DÀI HẠN (ĐẾN NĂM 2025)

Triển vọng kinh tế toàn cầu dự báo vẫn còn nhiều khó khăn và tiềm ẩn nhiều rủi ro khó đoán định, tốc độ hồi phục kinh tế sẽ tiếp tục ở mức khiêm tốn do những khó khăn, thách thức vẫn còn nhiều. Trong bối cảnh đó, Tập đoàn Bảo Việt nhận diện các cơ hội và thách thức đối với hoạt động kinh doanh của Bảo Việt đến năm 2025 bao gồm:

Yếu tố tác động chính	Các nhân tố ảnh hưởng	Lĩnh vực Bảo hiểm	Lĩnh vực Đầu tư	Lĩnh vực Dịch vụ Tài chính
BỐI CẢNH KINH TẾ VĨ MÔ	Chính phủ đẩy mạnh đầu tư công tuy nhiên giảm đầu tư các dự án mới		●	●
	DN hồi phục sau giai đoạn gặp nhiều khó khăn	●	●	●
	Kiểm soát lạm phát	●	●	●
	Mặt bằng lãi suất thấp	●	●	●
	Gia tăng tiết kiệm và giảm thiểu chi tiêu	●		●
	Trục lợi và nợ phí bảo hiểm	●		
	Biến động tỷ giá	●	●	●
	Thắt chặt tín dụng và tiền tệ			●
	Nợ xấu tăng cao			●
TÁI CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM	Áp lực tăng vốn, yêu cầu chặt chẽ hơn trong quy định giám sát của cơ quan quản lý	●	●	●
	Lành mạnh hóa thị trường theo hướng minh bạch và chuyên nghiệp hơn	●	●	●
	Tái cơ cấu ngành tài chính		●	●
HỘI NHẬP SÂU RỘNG VÀO KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI	Gia tăng cạnh tranh với DN nước ngoài	●	●	●
	Thúc đẩy hoạt động thương mại	●	●	●
	Gia tăng dòng vốn đầu tư nước ngoài		●	●
YẾU TỐ DÂN SỐ XÃ HỘI	Tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm/GDP thấp	●		
	Cơ cấu dân số vàng, tầng lớp trung lưu gia tăng nhanh chóng	●	●	●
	Nhận thức và hiểu biết của người dân về bảo hiểm ngày càng tăng	●		
	Áp lực nghiên cứu kỹ thị trường	●	●	●

CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU

Chú thích:

Mức độ	*Xu hướng: (dự báo)*
● *Rủi ro cao* ● *Rủi ro trung bình* ● *Rủi ro thấp*	↑ *Rủi ro tăng* ↔ *Rủi ro ổn định* ↓ *Rủi ro giảm*

1. RỦI RO BẢO HIỂM

Mức độ, xu hướng ↔

Nhận diện

- Chi phí bồi thường bảo hiểm có biến động mạnh;
- Nghĩa vụ chi trả các sự kiện bảo hiểm phát sinh vượt quá các giả định thiết kế sản phẩm.
- Phạm vi bảo hiểm mở rộng liên quan đến dịch bệnh Covid-19.

Giám sát và Quản lý rủi ro

- Đánh giá rủi ro trong thiết kế sản phẩm bảo hiểm mới, khai thác, giám định và trả tiền/bồi thường bảo hiểm; đánh giá và thiết lập các hạn mức rủi ro tích tụ theo từng nghiệp vụ, nhóm sản phẩm, địa phương...
- Thường xuyên rà soát các giả định quan trọng (bảng tỷ lệ tử vong, lãi suất kỹ thuật; số liệu về tổn thất), rà soát các rủi ro chấp nhận bảo hiểm và đối tượng bảo hiểm; chuyển giao rủi ro thông qua nghiệp vụ tái bảo hiểm.

2. RỦI RO TÍN DỤNG

Mức độ, xu hướng ↓

Nhận diện

- Rủi ro phát sinh các khoản nợ xấu hoặc các khoản đầu tư trái phiếu, tiền gửi quá hạn.
- Rủi ro từ hoạt động bảo hiểm, hoạt động giao dịch ký quỹ.

Giám sát và Quản lý rủi ro

- Xây dựng các quy định nội bộ về đánh giá tín nhiệm, thiết lập các hạn mức được Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn thông qua.
- Giám sát, theo dõi việc tuân thủ hạn mức đầu tư, hạn mức rủi ro.
- Định kỳ đánh giá tài sản đảm bảo của trái phiếu doanh nghiệp.

3. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Mức độ, xu hướng ↑

Nhận diện

- Các biến động lãi suất tiền gửi, lãi suất trái phiếu chính phủ.
- Biến động giá cổ phiếu và/ hoặc giá của các hàng hoá khác.

Giám sát và Quản lý rủi ro

- Quản lý, đo lường bằng thước đo Value at risk (VaR), phân tích độ nhạy lãi suất PVO1.
- Giám sát thông qua các báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý.

4. RỦI RO THANH KHOẢN

Mức độ, xu hướng ↔

Nhận diện

- Các rủi ro gây mất cân đối về kỳ hạn của dòng tiền để thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến trạng thái cân đối thanh khoản của toàn Tập đoàn.

Giám sát và Quản lý rủi ro

- Theo dõi dòng tiền tài sản và trách nhiệm theo từng kỳ hạn, tỷ lệ tài sản thanh khoản của các tài sản.
- Quản lý bằng hạn mức thanh khoản, chỉ số GAP thanh khoản, và phân tích kịch bản.

5. RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Mức độ, xu hướng ↔

Nhận diện

- Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin ảnh hưởng đến tính liên tục của hoạt động kinh doanh; an toàn thông tin...
- Rủi ro phát sinh trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật và nội bộ.
- Rủi ro từ môi trường bên ngoài, dịch bệnh, thiên tai.

Giám sát và Quản lý rủi ro

- Đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố rủi ro đến tính liên tục của hoạt động kinh doanh, ảnh hưởng về mặt tài chính, danh tiếng.
- Giám sát, theo dõi bằng các chỉ số hoạt động (KPI), báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý..
- Quản lý bằng Khung quản lý rủi ro hoạt động, các quy định về an ninh bảo mật, an toàn thông tin và các quy trình, thủ tục giám sát, kiểm tra kiểm soát nội bộ.
- Chuyển đổi số được triển khai đồng bộ, toàn diện từ hoạt động kinh doanh đến hoạt động kiểm tra, giám sát.

6. RỦI RO DANH TIẾNG

Mức độ, xu hướng ↔

Nhận diện

- Rủi ro phát sinh khi các phương tiện thông tin đại chúng đưa các thông tin bất lợi hoặc các sản phẩm, dịch vụ chưa đáp ứng kỳ vọng của khách hàng, nhà đầu tư.
- Các hoạt động của doanh nghiệp, các hành vi, thái độ của nhân viên hoặc bên thứ ba làm ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh doanh nghiệp.

Giám sát và Quản lý rủi ro

- Quản lý bằng các quy trình, thủ tục, sổ tay hướng dẫn, Quy chế xử lý khủng hoảng truyền thông.
- Giám sát, theo dõi bằng các tin, bài viết từ cơ quan báo chí, khách hàng và người lao động.
- Tổ chức đào tạo và truyền thông cho các cán bộ và lãnh đạo trong Tập đoàn về Xử lý khủng hoảng truyền thông và các khóa đào tạo chuyên đề về quản lý rủi ro danh tiếng.

7. RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Mức độ, xu hướng ↓

Nhận diện

- Kế hoạch kinh doanh xây dựng hàng năm có thể chưa gắn kết với các mục tiêu chiến lược đã đặt ra.
- Chưa dự báo hết được các yếu tố chủ quan, khách quan hoặc các thay đổi của môi trường kinh doanh.
- Ảnh hưởng của rủi ro an toàn thông tin liên quan đến chuyển đổi số và tự động hóa các hoạt động kinh doanh.

Giám sát và Quản lý rủi ro

- Theo dõi bằng hệ thống báo cáo phân tích hàng tháng, hàng quý các nhân tố tế vĩ mô, kết quả kinh doanh, kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược hàng năm.
- Quản lý bằng việc phân tích kịch bản của sự biến động các nhân tố vĩ mô, nhân tố nội tại để xem xét tính khả thi của chiến lược hàng năm.
- Đầu tư hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin theo chuẩn mực quốc tế, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, an toàn và hiệu quả.

8. RỦI RO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mức độ, xu hướng ↔

Nhận diện

- Các rủi ro tác động đến sự phát triển bền vững trong hệ thống Bảo Việt;
- Các rủi ro của môi trường, xã hội tác động đến Bảo Việt;
- Các rủi ro từ hoạt động kinh doanh của Bảo Việt tác động đến môi trường, xã hội.

Giám sát và Quản lý rủi ro

- Chiến lược phát triển kinh doanh luôn ưu tiên các mục tiêu phát triển bền vững.
- Theo dõi định kỳ các chỉ số tài chính và phi tài chính.
- Quản lý bằng quy trình, quy chế; thực hiện kiểm toán nội dung Phát triển bền vững bởi Kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ.

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CÁC YẾU TỐ TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Là doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho hàng triệu người dân Việt Nam, Bảo Việt xác định doanh nghiệp chỉ có thể thực hiện chiến lược phát triển bền vững khi thực hiện kết hợp mục tiêu tăng trưởng, lợi nhuận kinh tế với thực hiện phát triển xã hội, bảo vệ môi trường. Trên cơ sở nhận diện các vấn đề trọng yếu và mối quan tâm của các bên liên quan, Bảo Việt đã xây dựng mô hình kinh doanh nhằm khai thác tối đa hiệu quả của **các yếu tố nội lực** (nguồn nhân lực, vốn, sở hữu trí tuệ, uy tín thương hiệu...) và **các yếu tố bên ngoài** như xu hướng phát triển bền vững, nhân khẩu học, trách nhiệm xã hội nhằm tạo ra các giá trị đầu ra bao gồm các sản phẩm dịch vụ, các giá trị kinh tế (doanh thu, lợi nhuận, cổ tức) nhằm mang lại giá trị gia tăng cho các bên liên quan. Các nội dung này được khái quát hóa theo mô hình dưới đây:

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CÁC NGUỒN LỰC ĐẦU VÀO

- Nguồn lực tài chính
- Tài sản hữu hình
- Tài sản vô hình (Thương hiệu quyền sở hữu trí tuệ)
- Nguồn nhân lực
- Quản trị chuyên nghiệp
- Yếu tố môi trường
- Yếu tố xã hội

SẢN PHẨM DỊCH VỤ & CHUỖI CUNG ỨNG

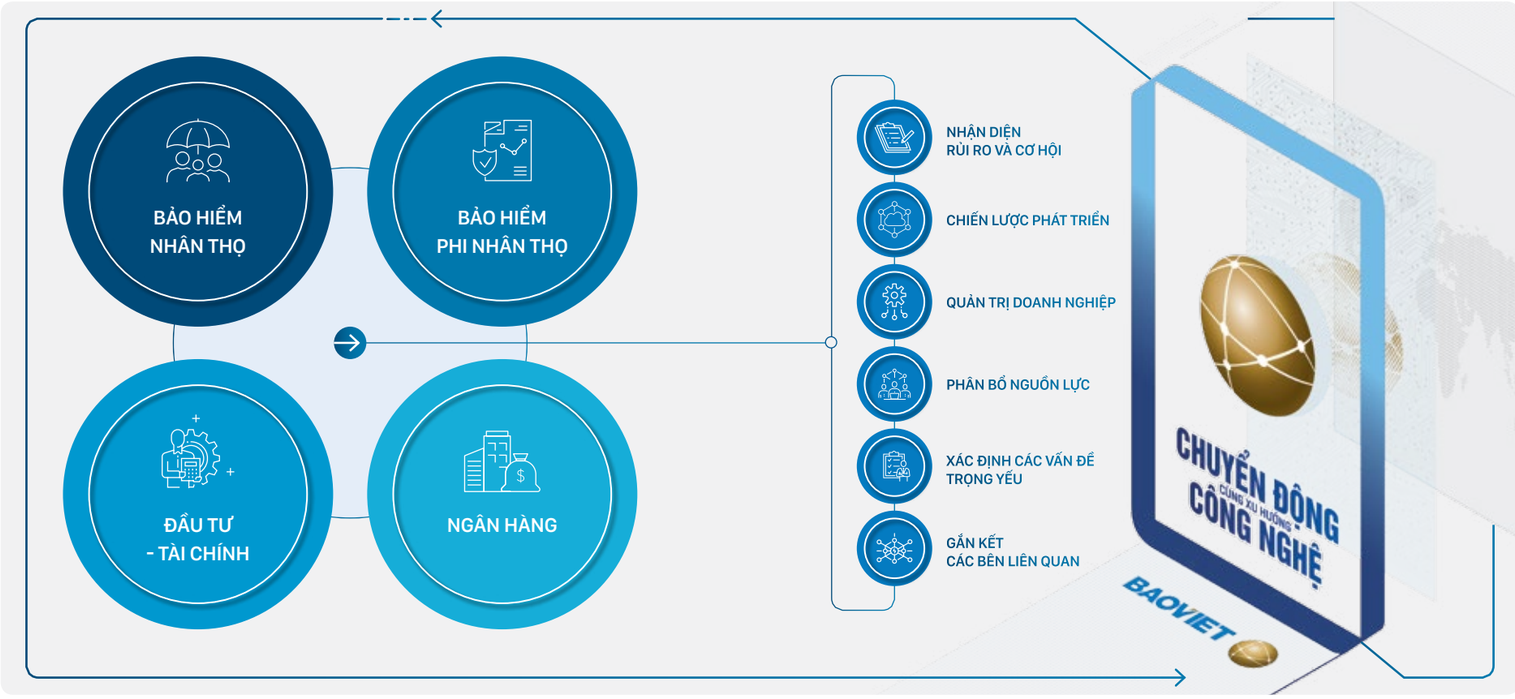

GIÁ TRỊ MANG LẠI CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN

- Khách hàng
- Cổ đông và nhà đầu tư
- Đối tác, nhà cung cấp
- Người lao động
- Cơ quan ban ngành
- Cộng đồng
- Môi trường

YẾU TỐ TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG

● Yếu tố nội lực ● Yếu tố bên ngoài

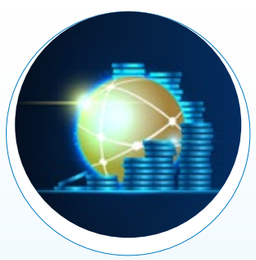

NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH

Tiềm lực tài chính vững mạnh; Khai thác cơ hội thị trường.

NGUỒN LỰC SẢN XUẤT VÀ TÀI SẢN HỮU HÌNH

Nền tảng công nghệ thông tin hiện đại; Hệ thống phân phối quy mô lớn.

TÀI SẢN VÔ HÌNH VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Năng lực phát triển sản phẩm tích hợp; Hỗ trợ kỹ thuật từ cổ đông chiến lược.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Năng lực quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực quản trị quốc tế.

YẾU TỐ XÃ HỘI

Cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững và yếu tố nhân khẩu học.

YẾU TỐ MÔI TRƯỜNG

Biến đổi khí hậu và xanh hóa hoạt động kinh doanh.

TỐI ƯU HOÁ CÁC YẾU TỐ TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG VỚI BẢO VIỆT

Việc xác định các yếu tố tạo động lực tăng trưởng đối với Doanh nghiệp là vô cùng quan trọng, điều này sẽ giúp Doanh nghiệp đưa ra quyết định phù hợp liên quan đến phân bổ hoặc tập trung nguồn lực vào phát triển những yếu tố nào để thúc đẩy sự phát triển của Doanh nghiệp.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, cách thức sử dụng các yếu tố đầu vào sao cho hiệu quả là nhân tố quyết định đến việc tạo ra giá trị và giá trị bao gồm:

Giá trị kinh tế
(tăng trưởng vững chắc về doanh thu và lợi nhuận, cổ tức cho cổ đông)

Giá trị gia tăng cho khách hàng
(sản phẩm và dịch vụ vượt trội)

Giá trị vật chất và tinh thần cho Người lao động
(phúc lợi, môi trường làm việc, thu nhập)

Lợi ích cho các bên liên quan khác
(xã hội, môi trường,...)

Các yếu tố đầu vào	Cách thức sử dụng các yếu tố đầu vào trong quá trình hoạt động kinh doanh để tạo ra giá trị	Các yếu tố đầu ra (kết quả kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ...)	Gia tăng giá trị mang lại cho các bên liên quan
NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH Vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ đông); Vốn từ nguồn dự phòng phí bảo hiểm (chủ hợp đồng bảo hiểm).	• Sử dụng vốn hiệu quả thông qua việc đầu tư vào các tài sản an toàn (tỷ trọng trái phiếu chính phủ và tiền gửi luôn chiếm trên 90% tổng danh mục đầu tư); • Tìm kiếm các kênh đầu tư mới, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư.	• Đạt được tốc độ tăng trưởng ổn định và vững chắc về doanh thu, lợi nhuận, cán mốc doanh thu trên 2 tỷ USD năm 2021; • Chi trả cổ tức với tỷ lệ 8,985%/ mệnh giá cổ phiếu; • Năng lực tài chính vững mạnh, tăng cường đầu tư trở lại nền kinh tế; Đóng góp trên 25.000 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước kể từ sau cổ phần hóa.	• **Cổ đông/Nhà đầu tư;** • **Chủ hợp đồng bảo hiểm;** • **Khách hàng đang sử dụng các dịch vụ tài chính khác;** • **Cơ quan quản lý nhà nước;** • **Người lao động.**
NGUỒN NHÂN LỰC Nhân viên; Văn hóa doanh nghiệp.	• Đầu tư cho hoạt động đào tạo (theo bản đồ học tập), phát triển nguồn nhân lực; • Nâng cao chất lượng của đội ngũ tư vấn viên/đại lý bảo hiểm; • Tuyển dụng và thu hút nhân tài; • Bồi dưỡng nhân tài, tăng cường sự gắn kết của người lao động; • Chính sách phúc lợi ưu việt, cơ hội thăng tiến theo năng lực.	• Xây dựng môi trường gắn kết - văn hóa vững mạnh; • Tạo được sự gắn kết người lao động trong các hoạt động doanh nghiệp; • Bổ sung nhiều chương trình phúc lợi mới (K-care, Hưu trí, tiêm vaccine sớm cho NĐL) nhằm mang lại quyền lợi cao hơn cho người lao động; các chương trình bảo hiểm, tiết kiệm, tích lũy và gia tăng giá trị từ đầu tư tài chính.	• **Người lao động;** • **Đại lý, tư vấn viên bảo hiểm.**

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CÁC YẾU TỐ TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG

TỐI ƯU HÓA CÁC YẾU TỐ TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG VỚI BẢO VIỆT

Các yếu tố đầu vào	Cách thức sử dụng các yếu tố đầu vào trong quá trình hoạt động kinh doanh để tạo ra giá trị	Các yếu tố đầu ra (kết quả kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ...)	Gia tăng giá trị mang lại cho các bên liên quan
NGUỒN LỰC SẢN XUẤT VÀ TÀI SẢN HỮU HÌNH Nền tảng công nghệ thông tin hiện đại; Hệ thống phân phối quy mô lớn; Hệ thống call-center 24/7; Hệ thống bảo lãnh viện phí lớn nhất Việt Nam.	• Đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại theo chuẩn quốc tế (LIPA..), chuyển hướng tích hợp công nghệ điện toán đám mây; • Đa dạng hóa kênh phân phối: Online, bancassurance, digital,...; • Vận hành hệ thống call-center hoạt động ổn định 24/7; • Vận hành hệ thống bảo lãnh viện phí hiệu quả, kiểm soát trục lợi bảo hiểm.	• Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại; • Tiếp cận khách hàng thông qua hệ thống phân phối đa kênh; kiểm tra sức khỏe qua Telehealth; Đẩy mạnh triển khai các sản phẩm mới trên nền thương mại điện tử như Life Care, Flight Delay, Bảo hiểm thiết bị điện tử, Bảo hiểm xe máy, ô tô • Chất lượng dịch vụ khách hàng vượt trội nhờ hệ thống call-center giúp giải quyết yêu cầu của khách hàng nhanh chóng, chính xác; • Tăng cường quản lý rủi ro, kiểm soát bồi thường; • Tái định vị thương hiệu, tạo cho khách hàng cảm giác tin cậy, gần gũi, thân thiện, chuyên nghiệp.	• **Khách hàng;** • **Đối tác.**
TÀI SẢN VÔ HÌNH VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ Dẫn đầu thị trường về năng lực phát triển sản phẩm; Giá trị thương hiệu; Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực từ các cổ đông chiến lược nước ngoài	• Đầu tư phát triển sản phẩm đa dạng, phù hợp với nhu cầu của nhiều phân khúc khách hàng khác nhau; • Ra mắt các sản phẩm bảo hiểm mới và nhiều sản phẩm tài chính tích hợp; • Nâng cao giá trị thương hiệu thông qua các giải thưởng uy tín; • Tận dụng thế mạnh của cổ đông chiến lược để tạo nên sức mạnh cộng hưởng trong quản trị, điều hành và các mảng kinh doanh cốt lõi.	• Cung cấp giỏ sản phẩm đa dạng với 80 sản phẩm phi nhân thọ và 50 sản phẩm nhân thọ, ra mắt các sản phẩm mới chuyên biệt, ưu việt và áp dụng công nghệ mới trong kinh doanh: Ứng dụng tích hợp quản lý giải pháp Bảo hiểm số - Baoviet Direct; ứng dụng My BVLife; MyDoc, sản phẩm "An Khang Hạnh Phúc" với các nhóm quyền lợi ưu việt; • Thương hiệu Bảo Việt nằm trong top các thương hiệu bảo hiểm tốt nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; • Triển khai hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, giám sát tuân thủ, nâng cao năng lực khai thác bảo hiểm với sự hỗ trợ từ cổ đông chiến lược Sumitomo Life.	• **Khách hàng;** • **Đối tác;** • **Cổ đông.**
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP Mô hình quản trị theo thông lệ quốc tế; Hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ được chuẩn hóa.	• Nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế (Thẻ điểm quản trị ASEAN, Nguyên tắc quản trị OECD...); • Tăng cường vai trò Kiểm soát nội bộ, Quản lý rủi ro tuân thủ, phát huy sức mạnh hợp lực và nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành.	• Tăng cường vai trò của Công ty mẹ, tăng cường hợp lực giữa các ĐVTV. Công ty Mẹ đóng vai trò điều phối, là hạt nhân của cả hệ thống Tập đoàn, chịu trách nhiệm trực tiếp điều hành hoạt động toàn Tập đoàn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.	• **Cổ đông;** • **Người lao động.**
YẾU TỐ XÃ HỘI Các mối quan hệ xã hội; Các yếu tố nhân khẩu học; Xu hướng phát triển bền vững; Trách nhiệm xã hội.	• Các yếu tố nhân khẩu học (cơ cấu dân số vàng, tốc độ già hóa dân số nhanh) mở ra cơ hội phát triển các sản phẩm mới; • Nắm bắt cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững: Đầu tư có trách nhiệm, nghiên cứu phát triển các sản phẩm tài chính xanh; • Thực hiện trách nhiệm xã hội: Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ; Phát triển cộng đồng địa phương; Tri ân người có công, xóa đói giảm nghèo.	• Cung cấp các sản phẩm hưu trí tự nguyện, ung thư kết hợp các lợi ích bảo vệ, tích lũy, đảm bảo sự an tâm cho người lao động khi về già; • Phát triển các sản phẩm y tế, chăm sóc sức khỏe phục vụ nhu cầu ngày càng gia tăng của xã hội: *Life Care - sản phẩm chuyên biệt dành cho ung thư và đột quỵ, K-Care sản phẩm chuyên biệt dành cho bệnh ung thư, One Storm - Bảo hiểm bão nhiệt đới, bảo hiểm cá nhân và hộ gia đình;* • Đầu tư xây dựng trạm y tế, trường học, xóa đói giảm nghèo, phát triển cộng đồng bền vững.	• **Các bên liên quan (cơ quan quản lý);** • **Cộng đồng dân cư;** • **Môi trường.**
YẾU TỐ MÔI TRƯỜNG Biến đổi khí hậu; Giảm phát thải và hiệu ứng nhà kính.	• Giảm khí thải nhà kính thông qua các dự án trồng cây xanh; • Giảm phát khí thải nhà kính từ các tòa nhà văn phòng, điều hòa và tủ lạnh; • Giảm thiểu rác thải trong văn phòng làm việc, triển khai thực hành 5S *(Sàng lọc - Sắp xếp - Sạch sẽ - Săn sóc - Sẵn sàng).*	• Triển khai hoạt động quan trắc định kỳ hàng quý tại trụ sở làm việc; • Xanh hóa hoạt động kinh doanh: sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, giảm rác thải nhựa trong văn phòng; • Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững; • Tiết giảm nước thải và tiết kiệm năng lượng.	• **Môi trường kinh doanh;** • **Môi trường sống.**

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan là những đối tác quan trọng, phản hồi từ các đối tác này là nguồn thông tin quý giá để chúng tôi tiếp tục phát triển và củng cố hoạt động của doanh nghiệp. Với mỗi nhóm đối tượng, Bảo Việt sử dụng cách thức tiếp cận thông tin khác nhau. Phản hồi từ các bên được chúng tôi thận trọng xem xét, nghiên cứu và nỗ lực để đưa các phản hồi này vào các chính sách và các hoạt động của Công ty.

CÁC BÊN LIÊN QUAN TRỌNG YẾU ĐỐI VỚI BẢO VIỆT

Chúng tôi xác định các bên liên quan dựa trên những ảnh hưởng có thể có từ hoạt động của Bảo Việt đến họ hoặc những người có mối quan tâm, sức ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại của Bảo Việt. Chúng tôi xây dựng và phát triển mối quan hệ dựa trên đáp ứng lợi ích lâu dài giữa các bên; mối quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức của Doanh nghiệp.

Theo đó, 7 bên liên quan trọng yếu đối với Bảo Việt bao gồm:

NGUYÊN TẮC CƠ BẢN TRONG GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chúng tôi tiếp cận với các bên liên quan thông qua nhiều nguồn kênh thông tin khác nhau một cách phù hợp nhằm lắng nghe ý kiến và mối quan tâm của từng bên đối với hoạt động của Bảo Việt, đặc biệt là các vấn đề quản trị công ty, phát triển nguồn nhân lực, tăng trưởng kinh tế, đóng góp cho xã hội và môi trường.

Quá trình trao đổi với các bên cũng giúp Bảo Việt chủ động nhận diện được các vấn đề mang xu hướng, thời sự cũng như giúp Bảo Việt nhìn nhận một cách khách quan về những chính sách, báo cáo và công bố thông tin ra bên ngoài mà chúng tôi thực hiện.

Bảo Việt xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với Bảo Việt theo tỷ trọng như sau:

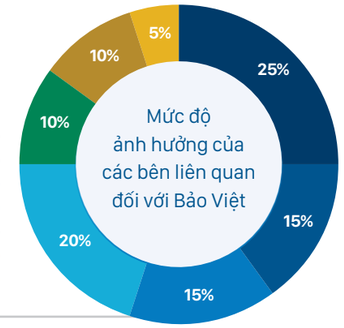

HOẠT ĐỘNG GẮN KẾT CỦA BẢO VIỆT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bảo Việt tiếp tục gắn kết các bên liên quan thông qua các kênh thông tin đa chiều qua đó các vấn đề phát triển bền vững trong năm 2021 được Bảo Việt đề cập sâu hơn nhằm lắng nghe ý kiến của các bên đối với hoạt động của Doanh nghiệp liên quan đến Kinh tế - Xã hội - Môi trường.

Năm 2021, chúng tôi cũng tiến hành lấy ý kiến rộng rãi trên mạng xã hội và website của Bảo Việt thông qua phiếu khảo sát về phát triển bền vững của Bảo Việt tại chuyên mục Phát triển bền vững/Khảo sát các bên liên quan.

Qua những lần trao đổi, tiếp xúc, chúng tôi đã rút ra được các vấn đề được các bên quan tâm và tính trọng yếu của các vấn đề này đối với hoạt động của Bảo Việt. Đây cũng là cơ sở để chúng tôi xây dựng nội dung của Báo cáo Phát triển bền vững 2021.

Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề, chúng tôi thực hiện đầu tư, phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Doanh nghiệp.

Người lao động

Hội nghị Người lao động thường niên/Ấn phẩm nội bộ: Kênh Workplace, Bảntin nội bộ xuất bản định kỳ, Tạp chí nghiên cứu của Bảo Việt; Các chương trình đào tạo.

Cơ quan báo chí

Tổ chức Các chương trình giao lưu, hợp tác báo chí, thông cáo báo chí về hoạt động Doanh nghiệp qua hình thực trực tiếp và trực tuyến.

Khách hàng

Đội ngũ đại lý, tư vấn viên tiếp xúc trực tiếp với Khách hàng; Trung tâm chăm sóc Khách hàng và số hotline hoạt động 24/7; Kênh giải đáp Khách hàng tích hợp trên hệ thống website.

Cổ đông/Nhà đầu tư

Gặp gỡ trực tiếp Nhà đầu tư/Đại hội đồng Cổ đông; Bản tin IR newletters; Website Bảo Việt; Các chương trình giao lưu, hợp tác, giới thiệu Nhà đầu tư.

Cơ quan Quản lý

Tham gia các Hội nghị, Hội thảo do Chính phủ, Bộ tổ chức; Tham gia các tổ chức, Hiệp hội: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam; Hội đồng Doanh nghiệp Vì sự phát triển bền vững; Diễn đàn Kinh tế Thế giới;...

Cộng đồng địa phương

Phối hợp với Chính quyền Địa phương tiếp xúc, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của Người dân địa phương.

Đối tác/Nhà cung cấp

Gặp gỡ trao đổi trực tiếp: Bổ sung trong quy chế đấu thầu, hợp đồng hợp tác với Nhà cung cấp.

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

CÁC BÊN LIÊN QUAN	NGƯỜI LAO ĐỘNG	CƠ QUAN BÁO CHÍ	KHÁCH HÀNG	CỔ ĐÔNG/ NHÀ ĐẦU TƯ	CƠ QUAN QUẢN LÝ	CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	ĐỐI TÁC/ NHÀ CUNG CẤP
CHỦ ĐỀ ĐƯỢC CÁC BÊN QUAN TÂM	• Môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp; • Gia tăng quyền lợi, phúc lợi cho người lao động; • Chế độ đãi ngộ và cơ hội thăng tiến.	• Cung cấp, chia sẻ thông tin cởi mở, chủ động, thường xuyên để báo chí có thể phản ánh chân thực, khách quan về hoạt động của doanh nghiệp đến công chúng.	• Uy tín doanh nghiệp, chất lượng sản phẩm, dịch vụ; • Sản phẩm đa dạng, đáp ứng nhu cầu khách hàng.	• Hoạt động kinh doanh tăng trưởng hiệu quả, bền vững; • Đối xử bình đẳng và đảm bảo quyền lợi cổ đông; • Thông tin minh bạch.	• Thực hiện các định hướng, chiến lược phát triển của chính phủ; • Chung tay cùng cơ quan quản lý thực hiện các chính sách nhằm hỗ trợ cho sự phát triển của nên kinh tế, thị trường, cộng đồng dân cư.	• Hỗ trợ người dân nâng cao các điều kiện sống cơ bản. • Hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương.	• Đối xử bình đẳng với các nhà cung cấp.
HÀNH ĐỘNG CỦA BẢO VIỆT NĂM 2021	• Xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, thái độ, làm việc tích cực, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại; • Tổ chức các phong trào rèn luyện sức khỏe.	• Kết nối chặt chẽ với cơ quan báo chí, đảm bảo tin tức hoạt động của Bảo Việt được cập nhật kịp thời và phản ánh một cách chân thực, khách quan; • Tăng cường số lượng thông tin gửi tới báo chí thông qua các thông cáo báo chí, tin tức, các bài viết phân tích chuyên sâu nội bộ gửi tới các cơ quan báo chí.	• Xây dựng các sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu đa dạng khách hàng; bảo vệ khách hàng trước các rủi ro, đem đến cho khách hàng các cơ hội để hiện thực hóa ước mơ, đảm bảo sự bình an và thịnh vượng cho khách hàng; • Ứng dụng AI (Artificial Intelligence) và machine learning để xây dựng AdviserBot phục vụ khách hàng; • Tổ chức khảo sát lấy ý kiến khách hàng online và tại quầy dịch vụ khách hàng.	• Thực thi chính sách bình đẳng giữa các cổ đông lớn và cổ đông nhỏ về cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho mọi cổ đông thực hiện quyền biểu quyết; • Chi trả cổ tức đầy đủ, công bố thông tin minh bạch.	• Thực hiện các định hướng, chiến lược phát triển của Chính phủ; • Chung tay cùng cơ quan quản lý thực hiện các chính sách nhằm hỗ trợ cho sự phát triển của nên kinh tế, thị trường, cộng đồng dân cư	• Hỗ trợ cộng đồng thông qua đóng góp xây dựng các điều kiện sống căn bản, giúp người dân tập trung lao động sản xuất, đảm bảo kinh tế gia đình, qua đó thúc đẩy kinh tế địa phương, tạo ra các cơ hội phát triển kinh doanh cho Bảo Việt; • Đánh giá tác động môi trường; Giảm tiêu thụ năng lượng và phát thải khí nhà kính.	• Bổ sung 02 tiêu chí đánh giá và rà soát về môi trường và xã hội trong Quy trình đầu tư dự án và Quy trình đầu tư góp vốn cổ phần của Tập đoàn Bảo Việt.
KẾT QUẢ	• Triển khai mua bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm bệnh ung thư cho CBNV; • Gần 6.500 cán bộ được tham gia đào tạo chuyên môn nghiệp vụ; • Xây dựng phòng tập Yoga, Zumba, tạo điều kiện cho cán bộ tập luyện ngoài giờ; • Duy trì chương trình tập thể dục giữa giờ.	• Thực hiện các bài phỏng vấn, video, phóng sự ngắn để cung cấp thông tin về Bảo Việt đến công chúng; • Trên 100 tin, bài viết về hoạt động PTBV của Bảo Việt được đăng tải trên các báo tại Việt Nam và quốc tế.	• Triển khai mua bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm bệnh ung thư cho CBNV; • Gần 6.500 cán bộ được tham gia đào tạo chuyên môn nghiệp vụ; • Xây dựng phòng tập Yoga, Zumba, tạo điều kiện cho cán bộ tập luyện ngoài giờ; • Duy trì chương trình tập thể dục giữa giờ.	• Tổ chức các hội nghị/ cuộc họp trực tuyến với gần 100 lượt nhà đầu tư; • Tham gia 05 Hội thảo Virtual Conference qua zoom với các nhà đầu tư lớn tại thị trường trong nước và quốc tế • Trên 100 Cuộc gọi từ nhà đầu tư cá nhân được giải quyết; • Chi trả cổ tức với tỷ lệ 8,985%/mệnh giá cổ phiếu.	• Tăng cường tuyển dụng lao động địa phương, gia tăng việc làm và thu nhập cho người dân tại địa bàn nơi Bảo Việt đang hoạt động hoặc các địa bàn khó khăn.	• Tổ chức nhiều chương trình khám chữa bệnh, tặng quà cho bà con vùng núi; tặng sách vở và quần áo, học bổng cho các em học sinh, sinh viên; • Đầu tư gần 400 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội; • Thực hiện báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng quý tại trụ sở chính Bảo Việt.	• Áp dụng bộ tiêu chí đánh giá nhà cung cấp trên 5 phương diện trong đó có yếu tố môi trường; • Các nhà cung cấp đáp ứng yêu cầu quản lý, tuân thủ yêu cầu pháp luật và quá trình hoạt động không gây tổn hại đến môi trường và xã hội.

XÁC ĐỊNH CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

Trên cơ sở việc đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề xét trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, Bảo Việt xây dựng "Ma trận các vấn đề trọng yếu" nhằm xác định mức độ ưu tiên và thực hiện phân bổ nguồn lực nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan.

QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

Đánh giá lĩnh vực trọng yếu là nguyên tắc yêu cầu báo cáo nhưng đồng thời là quá trình xác định nội dung trọng tâm phù hợp với Chiến lược PTBV đã được xây dựng. Quá trình thực hiện đánh giá trọng yếu tại Bảo Việt được tiến hành theo đúng các bước của quy trình và phương pháp luận đánh giá lĩnh vực trọng yếu theo GRI Standards.

Trên cơ sở phân tích tác động theo các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường cho các hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt, chúng tôi xác định các lĩnh vực trong yếu quy chiếu theo GRI Standards. Chúng tôi thực hiện tổng hợp mức độ quan tâm theo các lĩnh vực đã được xác định đối với từng bên liên quan chủ yếu dựa trên kết quả gắn kết tham vấn các bên liên quan. Sau đó, chúng tôi tổng hợp đánh giá lĩnh vực trọng yếu trên ma trận theo các kết quả đánh giá mức độ quan trọng với các bên liên quan và doanh nghiệp.

XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

Bảo Việt thực hiện tham khảo ý kiến của những chuyên gia trong lĩnh vực phát triển bền vững đối với các lĩnh vực được coi là trọng yếu mà Bảo Việt cần phải xem xét và cân nhắc tại thời điểm hiện tại. Đồng thời, chúng tôi cũng cân nhắc đến ý kiến của người lao động thông qua việc rà soát các đề xuất, các bình luận được nêu ra thông qua các kênh tương tác nội bộ.

Việc đánh giá các lĩnh vực trọng yếu đối với doanh nghiệp được căn cứ trên các phân tích chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, các phân tích thông tin báo chí và môi trường kinh doanh ngành. Từ đó chúng tôi lựa chọn các lĩnh vực và vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm. Mức độ quan trọng và phạm vi thực hiện của các vấn đề tiếp tục được sàng lọc, phân tích và làm rõ trong các buổi họp thảo luận với các Khối/Ban liên quan và trình lên Lãnh đạo cấp cao để xác định những vấn đề ưu tiên thực hiện trong năm 2021.

Năm 2021, Khối Kiểm toán Nội bộ Tập đoàn Bảo Việt đã tiến hành tư vấn đánh giá quy trình quản lý vấn đề trọng yếu đối với phát triển bền vững của Bảo Việt theo phương pháp đánh giá dựa trên mô hình trưởng thành năng lực với 04 mức độ trưởng thành phù hợp với thông lệ quốc tế. Từ đó, Khối Kiểm toán nội bộ đã đề xuất các giải pháp với Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt nhằm cải thiện quy trình quản lý các vấn đề trọng yếu theo tiêu chuẩn quốc tế.

QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

Xác định các lĩnh vực liên quan đến phát triển bền vững có thể ảnh hưởng tới Bảo Việt

- Nghiên cứu, rà soát các thông tin từ thị trường và ngành;
- Phân tích thông tin báo chí;
- Đánh giá, khảo sát từ khách hàng Thông tin từ các Hiệp hội ngành;
- Các thảo luận nội bộ với người lao động;
- Các buổi tiếp xúc với lãnh đạo địa phương.

Xây dựng Bộ tập hợp các vấn đề có liên quan đến phát triển bền vững trong năm 2021 (Tham chiếu theo tiêu chuẩn GRI Standards)

Lựa chọn các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm

- Sàng lọc các lĩnh vực quan trọng cần được ưu tiên;
- Xác thực lĩnh vực trọng yếu từ Lãnh đạo cấp cao;
- Lựa chọn các vấn đề được coi là trọng yếu với Bảo Việt.

Phân loại các lĩnh vực trọng yếu theo 3 nội dung:

Xác định các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững có thể ảnh hưởng tới Bảo Việt

Phân tích ảnh hưởng tới các bên liên quan

- Xác định trọng số của các bên liên quan;
- Đánh giá mức ảnh hưởng của vấn đề lên các bên;
- Tính điểm trung bình theo trọng số và mức ảnh hưởng các bên.

Phân tích các ảnh hưởng đến hoạt động của Bảo Việt

- Đánh giá cho điểm ảnh hưởng lên doanh số chi phí các quy định, uy tín doanh nghiệp.

Lựa chọn các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm

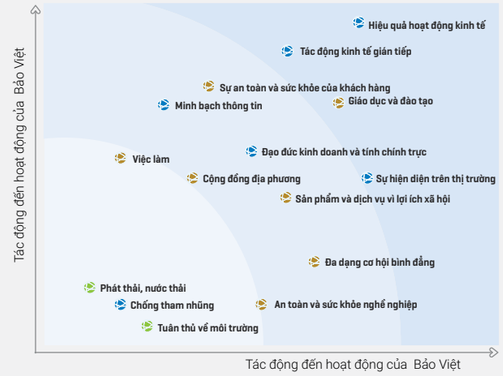

Đánh giá và rà soát nội bộ

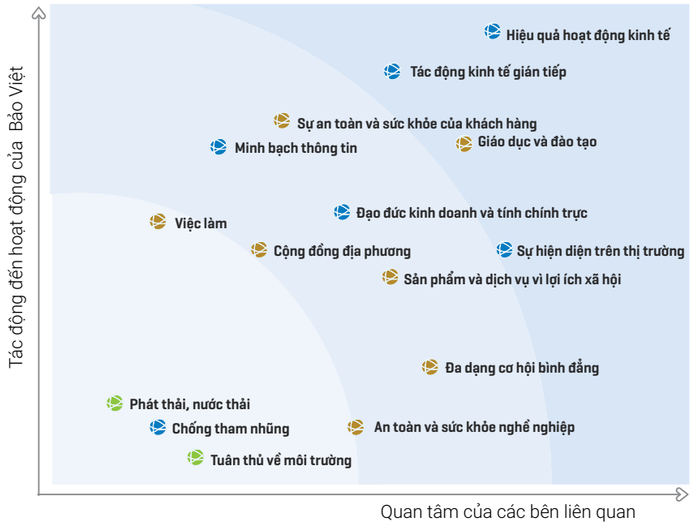

Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các lĩnh vực xét trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, Bảo Việt xây dựng "Ma trận các lĩnh vực trọng yếu" nhằm xác định mức độ ưu tiên và thực hiện phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Sau quá trình tìm hiểu và đánh giá mức độ quan tâm của các bên liên quan với các vấn đề trọng yếu, kết hợp với các thông tin khuyến nghị bởi kiểm toán nội bộ sau quá trình đảm bảo với một số chỉ tiêu, trong năm 2021 Bảo Việt đã rà soát, phân tích và đối chiếu theo tiêu chuẩn GRI Standards.

Cùng với việc tham vấn các bên liên quan, có một số các vấn đề mà các bên liên quan gia tăng sự quan tâm nên Bảo Việt đã tập trung phân tích trong báo cáo 2021 cụ thể như sau:

1. Đối với các vấn đề kinh tế

Sau khi tham vấn, chúng tôi nhận thấy các bên liên quan có sự gia tăng mức độ quan tâm đối với hiệu quả hoạt động kinh doanh và vị thế của Bảo Việt trên thị trường. Các bên liên quan bày tỏ sự quan tâm đối với việc Bảo Việt cần tăng tốc trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động và vị thế chiếm lĩnh thị trường sau khi đã tập trung đổi mới mô hình kinh doanh.

2. Đối với các vấn đề về quản trị, minh bạch thông tin

Là một doanh nghiệp niêm yết có giá trị vốn hóa lớn, Bảo Việt thu hút sự quan tâm của nhiều bên liên quan bao gồm nhà đầu tư trong và ngoài nước, cơ quan báo chí, cơ quan quản lý... Do vậy, việc công bố thông tin minh bạch và đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin ra công chúng được các bên rất quan tâm. Năm 2021, Bảo Việt tập trung nâng cao tính minh bạch và độ tin cậy của thông tin công bố (mở rộng phạm vi kiểm toán các chỉ tiêu phi tài chính, tiếp tục soát xét báo cáo tài chính định kỳ hàng quý (theo quy định việc soát xét báo cáo tài chính chỉ yêu cầu thực hiện đối với báo cáo bán niên); tăng cường tham dự và chia sẻ thông tin tại các diễn đàn quốc tế (Singapore, Nhật Bản), chủ động đáp ứng nhu cầu thông tin của các bên liên quan.

3. Sự an toàn và sức khỏe của khách hàng

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, dịch vụ tài chính nên vấn đề an toàn và sức khỏe của khách hàng được Bảo Việt lồng ghép ngay từ khâu nghiên cứu, thiết kế sản phẩm nhằm mang đến cho khách hàng giải pháp bảo vệ toàn diện.

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid - 19, Bảo Việt đã phát triển sản phẩm tích hợp và chuyên biệt để kịp thời hỗ trợ khách hàng không may bị nhiễm bệnh, đồng thời duy trì các sản phẩm bảo hiểm vi mô cho người lao động thu nhập thấp, Bảo Việt có thể hiện thực hóa cam kết mang đến giải pháp tài chính và bảo vệ toàn diện cho khách hàng và cộng đồng. Sự ra đời liên tục của các sản phẩm hưu trí tự nguyện, các sản phẩm bảo hiểm chuyên biệt , sản phẩm bảo hiểm vi mô (micro-insurance) bao gồm các sản phẩm với mức phí đóng thấp dành cho số đông người dân là cách để Bảo Việt hỗ trợ cải thiện cuộc sống của các hộ dân nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn và thành thị.

ĐÁNH GIÁ VỀ SỰ PHÙ HỢP CỦA PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

Các vấn đề trọng yếu đã được nhận diện và đánh giá theo hướng tích hợp mối quan tâm của các bên liên quan và của Bảo Việt cụ thể theo 5 lĩnh vực: Kinh tế, Xã hội, Môi trường, Quản trị, An toàn và Sức khỏe khách hàng, từ đó Bảo Việt có thể phân bổ nguồn lực hợp lý, đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Các vấn đề nêu trên được trình bày trong các phần tiếp theo của báo cáo này.

Nội dung liên quan đến các vấn đề trọng yếu cũng được phân tích và trình bày chi tiết tại Báo cáo phát triển bền vững năm 2021 của Tập đoàn Bảo Việt được lập theo Bộ tiêu chuẩn GRI Standards.

CÁC XU HƯỚNG THẾ GIỚI ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHIẾN LƯỢC CỦA BẢO VIỆT

XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ TÁC ĐỘNG ĐẾN NGÀNH BẢO HIỂM

Trong những năm gần đây, ngành bảo hiểm toàn cầu đang chuyển mình mạnh mẽ dưới sự phát triển của cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0. Theo đó, các doanh nghiệp trong ngành bảo hiểm sẽ có xu hướng áp dụng công nghệ 4.0 vào quá trình phân tích dữ liệu khách hàng để nâng cao trải nghiệm khách hàng, phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới, gia tăng khả năng linh hoạt và di động của đội ngũ cán bộ, tư vấn viên, cải thiện quy trình, nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm thiểu chi phí vận hành doanh nghiệp.

CƠ HỘI VÀ RỦI RO TỪ XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ ĐẾN NGÀNH BẢO HIỂM VÀ BẢO VIỆT

CƠ HỘI

Công nghệ phát triển mạnh mẽ mang đến cơ hội cho ngành bảo hiểm nói chung và Bảo Việt nói riêng khả năng gia tăng cơ hội tiếp cận, tương tác với khách hàng, khả năng cải thiện mô hình phân phối, đa dạng kênh bán hàng cũng như khả năng thay đổi hoàn toàn hành trình trải nghiệm của khách hàng với dịch vụ tài chính, bảo hiểm.

THÁCH THỨC

Một loạt các tiến bộ công nghệ đột phá (như AI, Big Data, Cloud, BlockChain, IoT, Robotic...) dự báo trong 5-10 năm tới sẽ buộc ngành bảo hiểm phải thích nghi hoặc bị vượt mặt bởi các mô hình kinh doanh thay thế. Đây là những nhân tố đang làm thay đổi ngành bảo hiểm cũng như đẩy sự cạnh tranh giữa các đối thủ truyền thống và những đối thủ mới ngày càng quyết liệt, đồng thời cũng nắm giữ tiềm năng lớn nhất cho tăng trưởng và chuyển đổi.

HÀNH ĐỘNG CỦA BẢO VIỆT ĐÃ THỰC HIỆN ĐỂ NẮM BẮT XU HƯỚNG ĐÓ TRONG NĂM 2021

Trước những xu hướng công nghệ đó, Bảo Việt đã tập trung vào xây dựng Hệ sinh thái số, mang lại giá trị tăng thêm cho khách hàng bằng cách tối ưu hóa dữ liệu và quy trình làm việc từ các bộ phận, công cụ, hệ thống nội bộ, cũng như với khách hàng, nhà cung cấp và đối tác bên ngoài. Với những hành động cụ thể, Bảo Việt đang phát triển và hoàn thiện Hệ sinh thái số của riêng mình bằng cách tận dụng các giải pháp công nghệ, tài nguyên số để tích hợp các sản phẩm và dịch vụ tương đồng vào cùng một nền tảng từ đó giúp doanh nghiệp mở rộng quy mô kinh doanh và lợi thế cạnh tranh.

Dựa trên 03 trụ cột là **Chiến lược, Văn hóa và Công nghệ,** Bảo Việt tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp Hệ thống phần mềm lõi và các phần mềm vệ tinh để thực hiện Chuyển đổi số trong 06 lĩnh vực trọng tâm là Bảo hiểm Nhân thọ, Bảo hiểm Phi nhân thọ, Quản lý Quỹ, Chứng khoán, Quản trị nội bộ và Dịch vụ khách hàng.

Đa dạng hóa các kênh tương tác với khách hàng cũng như nâng cao trải nghiệm của khách hàng với các tiện ích tốt nhất trên nền tảng kỹ thuật số. Bảo Việt cũng triển khai thử nghiệm công nghệ Big Data, AI kết hợp để xây dựng mô hình dự đoán sức khỏe và các tiện ích khác cho khách hàng. Việc nâng cao trải nghiệm khách hàng được Bảo Việt xác định chính là mang lại hành trình trải nghiệm của khách hàng được đầy đủ, liên tục kể từ khi khách hàng quan tâm đến sản phẩm cho đến khi mua hàng, thanh toán phí, và các dịch vụ chăm sóc sau mua hàng như Bồi thường, thay đổi điều kiện hợp đồng và các chương trình chăm sóc khách hàng thân thiết của Bảo Việt. Khách hàng có nhiều lựa chọn và được trải qua nhiều điểm chạm khác nhau với Bảo Việt: Qua website, Chatbot, Call Center, SMS và đặc biệt gần đây Bảo Việt rất chú trọng nâng cấp hai ứng dụng dành cho khách hàng là MyBVLife và Baoviet Direct.

6.530
Cán bộ nhân viên toàn hệ thống

Đối tác

>500
Garage trên toàn quốc

>190
Bệnh viện có bảo lãnh

>20
Đối tác thanh toán

CÁC XU HƯỚNG THẾ GIỚI ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHIẾN LƯỢC CỦA BẢO VIỆT

Tập trung hoàn thiện và triển khai các giải pháp đồng bộ nhằm hỗ trợ tối đa cho công tác bán hàng cũng như quản lý kênh phân phối một cách hiệu quả. Tư vấn viên được cung cấp các công cụ và điều kiện làm việc tốt nhất từ khi học, luyện thi để trở thành tư vấn viên đến Các ứng dụng hỗ trợ công tác bán hàng, quản lý khách hàng, gửi yêu cầu bồi thường, tra cứu chính sách, thù lao và thu nhập của Tư vấn viên.

Tập trung kết nối các hệ thống nhằm hoàn thiện hệ sinh thái số của Bảo Việt.

Thực hiện chiến lược chuyển đổi số thông qua công tác số hóa các quy trình của Bảo Việt như quy trình bồi thường, quy trình quản lý tờ trình, công văn, ... tiến tới một Bảo Việt "Paperless".

Đẩy mạnh triển khai các sản phẩm mới trên nền thương mại điện tử như Life Care, Flight Delay, Bảo hiểm thiết bị điện tử, Bảo hiểm xe máy, ô tô... cũng như thúc đẩy hợp tác với các công ty công nghệ tài chính (fintech) và trung gian thanh toán trong việc xây dựng hệ sinh thái dịch vụ tài chính bảo hiểm.

Hoàn thiện ứng dụng nền tảng phân tích dữ liệu lớn (Bigdata) để xây dựng công cụ định phí xe cơ giới "Pricing Engine".

Nâng cấp hệ thống tài chính kế toán hiện đại, tập trung nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị trong Tập đoàn.

Bên cạnh những xu hướng công nghệ mới, năm 2021 còn đánh dấu sự ảnh hưởng nặng nề của Covid-19 đến mọi mặt đến đời sống của con người cũng như sự bất ổn về kinh tế, xã hội. Để đảm bảo công việc của các Tổng công ty hoạt động ổn định trong giai đoạn giãn cách, Bảo Việt đã đẩy nhanh tiến độ để triển khai ứng dụng Văn phòng điện tử không giấy tờ Bảo Việt Office tạo nền tảng phê duyệt một cửa với các công tác hành chính trong nội bộ. Bên cạnh đó, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục hoàn thiện ký số Hợp đồng bảo hiểm và đưa vào áp dụng cho tất cả các sản phẩm bảo hiểm. Bảo Việt đã tối ưu hóa quy trình mua bảo hiểm và chi trả bồi thường trên nền tảng số để mang lại cho khách hàng những trải nghiệm ngày một thuận tiện hơn với một hành trình khép kín trên thiết bị di động.

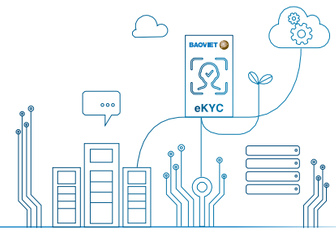

KẾ HOẠCH 2022 & ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2025

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CNTT CỦA BẢO VIỆT

Định hướng CNTT của Bảo Việt đến năm 2025 là đi tắt, đón đầu, triển khai các hệ thống CNTT tiên tiến, hiện đại đẩy mạnh việc chuyển đổi số toàn diện trong mọi hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt

> Bảo Việt sẽ tiếp tục đầu tư mạnh mẽ để hoàn thiện hệ thống CNTT, nắm bắt, ứng dụng kịp thời những xu thế công nghệ mới đang thịnh hành trên thế giới, tạo nền tảng để có khả năng kết nối, liên thông, tích hợp và chia sẻ thông tin, thực sự đưa CNTT là thế mạnh của Bảo Việt nhằm tạo lợi thế cạnh tranh trong thời đại mới, thời đại của cách mạng công nghiệp 4.0

VỀ PHẦN MỀM

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp các hệ thống phần mềm hiện có.
- Hoàn thiện và phát triển Hệ sinh thái số toàn diện của Bảo Việt
- Tập trung hoàn thiện các hệ thống nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng như hệ thống Baoviet Direct, MyBvlife, bảo hiểm trực tuyến - eCommerce, eClaim, Hệ thống bảo lãnh viện phí, Baoviet Pay.
- Đẩy mạnh việc ứng dụng các nền tảng, kiến trúc công nghệ tiên tiến theo đúng xu thế trên thế giới cho các hệ thống phần mềm của Bảo Việt để tăng cường hiệu năng ứng dụng, phát triển nhanh và đảm bảo an toàn bảo mật
- Đẩy mạnh việc áp dụng các công nghệ mới như: Trí tuệ nhân tạo, học máy, học sâu, xử lý dữ liệu lớn vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị thành viên, tự động hóa các quy trình đánh giá rủi ro, giám định, bồi thường để nâng cao năng suất lao động

VỀ CƠ SỞ HẠ TẦNG

- Tiếp tục chuyển đổi hạ tầng sang nền tảng công nghệ điện toán đám mây kết hợp giữa Private Cloud với Public Cloud/ Native Cloud và Hybrid cloud để phù hợp với các nhu cầu kinh doanh và tối ưu hoá chi phí.
- Đẩy mạnh việc ứng dụng các nền tảng công nghệ tiên tiến trong hoạt động vận hành ứng dụng CNTT của Bảo Việt, từ đó nâng cao năng suất lao động, rút ngắn thời gian đưa các ứng dụng phần mềm vào hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị.
- Nâng cao hiệu quả đầu tư bằng việc chuyển đổi chi phí đầu tư vào **hạ tầng** *(chỗ đặt thiết bị, điều hòa, điện, phòng cháy chữa cháy...)*, Trung tâm dữ liệu, Trung tâm dự phòng thảm họa bằng cách thuê dịch vụ hạ tầng của các nhà cung cấp phù hợp với nhu cầu.

VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN, AN NINH BẢO MẬT

- Tiếp tục tăng cường và gia cố hệ thống công nghệ thông tin theo tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế: ISO 27001, OWASP, SANS, NIST, CIS... bảo vệ hệ thống CNTT theo cấp độ hệ thống và phòng thủ nhiều lớp.
- Chủ động giám sát nguy cơ, thu thập cảnh báo và phân tích lỗ hổng bảo mật để kịp thời phản ứng, ứng phó với sự cố an toàn thông tin trong tình hình tội phạm an ninh công nghệ cao ngày một phức tạp.
- Rà soát cập nhật, cải tiến hệ thống tài liệu, chính sách, quy định, quy trình để áp dụng tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn thông tin mạng, bảo vệ thông tin cá nhân của khách hàng, đối tác của Bảo Việt.

Để thực hiện các định hướng chiến lược trên, Tập đoàn Bảo Việt sẽ thực hiện tập trung xây dựng một đội ngũ cán bộ chất lượng cao, chủ động, sáng tạo; để chiếm lĩnh công nghệ trong một thế giới phẳng, khẳng định vị trí dẫn đầu: thương hiệu Việt đẳng cấp quốc tế.

CÁC ẢNH HƯỞNG TỪ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỚI BẢO VIỆT

Khi sự phục hồi kinh tế toàn cầu chưa bền vững, còn những rủi ro khó lường; sự gia tăng của dịch bệnh, chiến tranh thương mại, nợ công toàn cầu, biến đổi khí hậu ngày càng đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Trong xu hướng phát triển bền vững, Bảo Việt nhìn nhận một số rủi ro và thách thức có thể tác động tới hoạt động của Bảo Việt. Các thách thức và rủi ro này được đánh giá theo mức độ ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Bảo Việt và lợi ích của các bên liên quan.

THÁCH THỨC TỪ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU - DỊCH BỆNH GIA TĂNG VÀ TÂM THẾ CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG

THÁCH THỨC TỪ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU - VIỆT NAM HỨNG CHỊU NHIỀU TÁC ĐỘNG TỪ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Năm 2021, hơn 400 trạm thời tiết trên khắp thế giới ghi nhận nền nhiệt phá kỷ lục 30 năm. Biến đổi khí hậu đang tăng tốc nhanh hơn bao giờ hết. Hàng loạt vụ Hạn hán, cháy rừng và thiếu nước, Nắng nóng ở Tây Bắc Thái Bình Dương, Lốc xoáy tại Mỹ, Siêu bão Ida (Mỹ), Lũ lụt lớn tại Tây Âu, tình Hà Nam (Trung Quốc) và bang Tennessee (Mỹ) được coi là các hiện tượng nổi bật của biến đổi khí hậu trong năm 2021.

Biến đổi khí hậu là một thách thức lớn, tác động mạnh mẽ đến sản xuất, đời sống và môi trường. Nhiệt độ tăng, mực nước biển dâng gây ngập lụt, nhiễm mặn nguồn nước, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và các hoạt động kinh tế - xã hội.

Rõ ràng các hoạt động của con người đã gây tác động rộng rãi hơn lên cả hành tinh, làm suy thoái các hệ sinh thái tự nhiên, cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, gây ô nhiễm không khí, nước, đất..., và đặc biệt đã làm cho khí hậu toàn cầu bị biến đổi. Bão tố, lũ lụt, hạn hán bất thường đang tăng dần lên, cả về tần số và mức độ, gây thiệt hại về nhiều mặt ở tất cả các vùng trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia sẽ bị ảnh hưởng nặng nề do biến đổi khí hậu, trong đó thiên tai, lũ ống, lũ quét và sạt lở đất gây thiệt hại lớn nhất và ngày càng nghiêm trọng, đặc biệt là ở các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc. Báo cáo cho biết những năm gần đây, thiên tai có chiều hướng gia tăng về số lượng, tần suất, diễn biến khó lường và tính tàn phá cũng ngày càng khốc liệt hơn do biến đổi khí hậu.

Trong tổng kết của Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai, tính từ đầu năm 2021 đến nay Việt Nam đã xảy ra 8 cơn bão, 3 áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông, 109 trận động đất nhẹ, 316 trận mưa đá, lốc, sét; 140 trận mưa lớn, lũ cục bộ, trong đó 9 trận lũ ống, lũ quét, 157 vụ sạt lở bờ sông, 7 đợt nắng nóng và 6 đợt không khí lạnh, gió mùa đông bắc. Ước tính giá trị thiệt hại khoảng 1.428 tỷ đồng.

Nếu như 1 thế kỷ nữa, nhiệt độ nước biển tại Việt Nam tăng 3 độ C. Mực nước biển vùng ĐBSCL tăng từ 55 - 75 cm, sẽ khiến cho 40% tổng diện tích ĐBSCL bị ngập nước. Việc nước biển dâng, xâm mặn sẽ khiến cho 45% diện tích vùng ĐBSCL bị nhiễm mặn vào năm 2030.

DỊCH BỆNH GIA TĂNG, ẢNH HƯỞNG ĐẾN TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU VÀ VIỆT NAM

Trong năm qua, dịch Covid-19 xuất hiện và diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tất cả các quốc gia trên thế giới. Nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng nên chịu nhiều tác động tiêu cực của dịch bệnh trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Các hoạt động sản xuất, cung ứng và lưu chuyển thương mại, hàng không, du lịch, lao động và việc làm bị đình trệ, gián đoạn do ảnh hưởng của dịch bệnh. Doanh nghiệp là đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề, nhiều doanh nghiệp phải tạm ngừng hoạt động hoặc phá sản, giải thể, thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh.

Sự đứt gãy của không ít hoạt động kinh tế dựa trên nền tảng truyền thống buộc các cơ quan, doanh nghiệp Việt Nam phải mạnh dạn hơn trong nghiên cứu, ứng dụng nền tảng số hóa trong các hoạt động quản lý, sản xuất - kinh doanh.

Thế giới đang chứng kiến những chuyển biến nhanh như vũ bão của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0. CMCN 4.0 xuất phát từ đột phá trên nhiều lĩnh vực, trong đó có làn sóng số hóa của lĩnh vực sản xuất. Nhận thức được tầm quan trọng đó, nhiều nước đã quan tâm và cụ thể hóa các ưu tiên phát triển kinh tế số. Đặc biệt, bối cảnh đại dịch COVID-19 càng khiến Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam quan tâm đến kinh tế số nhiều hơn.

Mặc dù bị ảnh hưởng nặng nề của đại dịch, doanh nghiệp Việt Nam vẫn có thể thấy được những cơ hội để phát triển và cải thiện năng lực. Việc đẩy lùi được dịch bệnh giúp nước ta trở thành địa chỉ tin cậy của các nhà đầu tư nước ngoài, điểm đến tiềm năng, an toàn cho sự phân bổ lại dòng vốn đầu tư trên thế giới, đặc biệt là xu hướng chuyển dịch nhà máy sản xuất ra khỏi Trung Quốc của các tập đoàn trên thế giới. Với lực lượng lao động đông đảo và giá nhân công rẻ, cơ sở hạ tầng khá tốt, vị trí địa lý gần Trung Quốc, Việt Nam sẽ được các tập đoàn có nhu cầu dịch chuyển ngày càng chú ý hơn. Giai đoạn bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 cũng là cơ hội để các doanh nghiệp kiểm chứng lại sức chịu đựng và khả năng thích nghi với tình hình mới; tự đánh giá về thực trạng sản xuất kinh doanh, điểm mạnh, điểm yếu và lợi thế cạnh tranh, trên cơ sở đó cải tiến mô hình sản xuất kinh doanh theo hướng hiệu quả và bền vững.

Trong trạng thái "Bình thường mới", Bảo Việt đã chuẩn bị cho mình một tâm thế chủ động, linh hoạt, không ngừng học hỏi, vận dụng, sáng tạo, đổi mới cách thức quản trị điều hành, tăng cường chuyển đổi số, thay vì bó hẹp trong những lối đi truyền thống, Bảo Việt đã đón đầu và làm chủ công nghệ, tham gia thế giới phẳng để thích ứng trước những thay đổi trong trạng thái mới để không ngừng tăng trưởng và phát triển bền vững.

BẢO VIỆT CHUNG TAY GÓP PHẦN GIẢI QUYẾT CÁC THÁCH THỨC TOÀN CẦU

ĐỐI VỚI CÁC THÁCH THỨC TỪ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Biến đổi khí hậu tác động gián tiếp lên sức khỏe con người thông qua nguồn gây bệnh, làm tăng khả năng bùng phát và lan truyền các bệnh dịch, gây ra các rủi ro từ gói bảo hiểm y tế và bảo hiểm sức khỏe của Bảo Việt. Các rủi ro về con người, tài sản cũng ảnh hưởng tới Bảo Việt với các chi phí bồi thường gia tăng.

Những thiệt hại của biến đổi khí hậu đối với nền kinh tế của quốc gia gây ra rủi ro cho hoạt động kinh doanh của Bảo Việt xét ở khía cạnh thu nhập của người dân giảm và các ưu tiên dành cho bảo hiểm có thể được thay thế cho những nguy cơ khác cấp bách hơn của khách hàng nhằm phục vụ cho các mục tiêu ngắn hạn.

Việc thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu là vấn đề mang tính toàn cầu nhưng đây cũng có thể là cơ hội nếu biết khai thác, tận dụng. Bảo Việt nhìn nhận trách nhiệm của mình trong việc chung tay giải quyết các thách thức thông qua việc phát triển các sản phẩm chuyên biệt như One-storm - bảo hiểm bão nhiệt đới, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm cây lúa... góp phần giảm nhẹ thiệt hại và hậu quả của biến đổi khí hậu.

ĐỐI VỚI CÁC THÁCH THỨC TỪ DỊCH BỆNH GIA TĂNG

Trước tình hình diễn biến phức tạp và khó lường của Covid-19, Bảo Việt đã có các chính sách đặc biệt dành cho khách hàng tham gia sản phẩm bảo hiểm như: Chi trả chi phí y tế cho các khách hàng tham gia bảo hiểm sức khỏe bị nhiễm Covid-19, giảm phí bảo hiểm 15% đối với sản phẩm Bảo Việt An Gia, Bảo Việt Intercare. Các quyền lợi được chi trả bao gồm chi phí xét nghiệm, chi phí điều trị, chi phí trợ cấp nằm viện nội trú, giải quyết quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp Người được bảo hiểm tử vong do Covid-19.

Để hỗ trợ khách hàng thăm khám sức khỏe, Bảo hiểm Bảo Việt đã thúc đẩy hợp tác cùng các doanh nghiệp lớn về công nghệ bảo hiểm số uy tín, trong đó có Tập đoàn Hitachi triển khai tính năng "Sức khỏe là Vàng" trên Baoviet Direct - ứng dụng nền tảng công nghệ trí thông minh nhân tạo (AI) - phân tích các chỉ số, thói quen sinh hoạt, các chỉ số xét nghiệm, tiền sử bệnh đã có đề đưa ra đánh giá các rủi ro sức khỏe tiềm ẩn... Đồng thời triển khai dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến ứng dụng BaoViet Mydoctor tích hợp trên website https://baovietonline.com.vn/; khách hàng sẽ được kết nối thăm khám với hệ thống bác sĩ đa khoa, bác sĩ chuyên khoa hàng đầu tại Việt Nam thông qua video call trực tiếp, dễ dàng nhận tư vấn và kê đơn trực tuyến mọi lúc mọi nơi.

Bên cạnh đó, nhằm đáp ứng nhu cầu gia tăng bảo vệ và chăm sóc y tế, đặc biệt trong bối cảnh các rủi ro đang gia tăng như hiện nay, Bảo Việt Nhân thọ đã triển khai giải pháp tài chính mới "An Khang Hạnh Phúc", bảo vệ trọn đời và toàn diện trước các rủi ro trong cuộc sống, đặc biệt bảo vệ bệnh ung thư ngay từ giai đoạn đầu, đột quỵ, nhồi máu cơ tim và các quyền lợi chăm sóc y tế ưu việt.

Trong trạng thái "Bình thường mới", Bảo Việt tăng cường chuyển đổi số thông qua công tác số hóa các quy trình của Bảo Việt như quy trình bồi thường, quy trình quản lý tờ trình, công văn... tiến tới một Bảo Việt "Paperless". Đồng thời, Bảo Việt tập trung nâng cao trải nghiệm khách hàng, đại lý bằng cách triển khai các chương trình khách hàng thân thiết (Loyalty), cung cấp thêm những công cụ bán hàng dành cho đại lý, tăng tính tương tác trên các nền tảng mới (MyAP, BaoViet Digital Platform); Đẩy mạnh triển khai các sản phẩm mới trên nền thương mại điện tử như Life Care, Flight Delay, Bảo hiểm thiết bị điện tử, Bảo hiểm xe máy, ô tô... cũng như thúc đẩy hợp tác với các công ty công nghệ tài chính (fintech) và trung gian thanh toán trong việc xây dựng hệ sinh thái dịch vụ tài chính bảo hiểm.

KINH TẾ TUẦN HOÀN
CƠ HỘI LỚN ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Là một trong những Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, Bảo Việt nhận thức rõ vai trò không chỉ là đầu tàu kinh tế mà còn là doanh nghiệp tiên phong trong việc tuyên bố và hiện thực hóa Chiến lược Phát triển bền vững bằng các hành động cụ thể trong việc ra quyết định kinh doanh, đảm bảo tăng trưởng hiệu quả về kinh tế, bảo vệ môi trường, góp phần bảo đảm sự bình an, thịnh vượng của cộng đồng trên cơ sở nắm bắt các xu hướng quốc tế về phát triển bền vững và đón đầu các cơ hội trên thị trường.

Kinh tế tuần hoàn, hiểu một cách đơn giản là biến rác thải đầu ra của ngành này thành nguồn tài nguyên đầu vào của ngành khác hay tuần hoàn trong nội tại bản thân của một doanh nghiệp. Kinh tế tuần hoàn một phần góp phần gia tăng giá trị cho doanh nghiệp, giảm khai thác tài nguyên, giảm chi phí xử lý chất thải, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Hoàn thành các Mục tiêu Toàn cầu mở ra cơ hội thị trường trị giá ít nhất 12 nghìn tỷ USD được Ủy ban Kinh doanh và Phát triển bền vững khảo sát, chiếm khoảng 60% giá trị của nền kinh tế thực và có vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện các Mục tiêu Toàn cầu. Để nắm bắt được tất cả các cơ hội, doanh nghiệp cần phải theo đuổi sự phát triển bền vững về xã hội và môi trường một cách mạnh mẽ và rõ ràng như cách họ theo đuổi thị phần và giá trị cổ đông. Càng nhiều doanh nghiệp tham gia trong quá trình này ngay từ bây giờ, chúng ta sẽ cùng nhau trở thành một lực lượng hùng mạnh và sớm đạt được những mục tiêu phát triển bền vững Bảo Việt nhìn nhận quá trình xây dựng nền kinh tế tuần hoàn đòi hỏi công nghệ và khả năng đổi mới nhằm tái sử dụng các nguồn lực hiệu quả, không chỉ tốt cho môi trường mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Do vậy, doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc chung tay cùng Chính phủ và các cơ quan hữu quan nâng cao nhận thức của cộng đồng để khai thác và tái sử dụng nguồn tài nguyên hợp lý.

Trong bối cảnh hiện nay, việc chuyển đổi từ kinh tế thẳng sang kinh tế tuần hoàn là thiết yếu đối với tất cả các quốc gia trên thế giới, không ngoại trừ Việt Nam. Bốn lý do chính mà bắt buộc diễn ra sự chuyển đổi này bao gồm:

- Sự gia tăng nhu cầu về nguyên liệu thô, trong khi nguồn nguyên liệu này ngày càng cạn kiệt, đặc biệt đối với nguồn tài nguyên khoáng sản, nguồn tài nguyên không thể tái tạo được.
- Tác động đến sự biến đổi khí hậu (phát thải các khí nhà kính, đặc biệt là CO_2) làm gia tăng quá trình biến đổi khí hậu cực đoan, gây nên các hậu quả cực kỳ nghiêm trọng.
- Sự phụ thuộc vào các nước khác, đặc biệt các quốc gia phụ thuộc nước khác về nguyên liệu thô. Sự phụ thuộc này dẫn đến căng thẳng về chính trị toàn cầu;
- Sự chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn với mục tiêu sử dụng năng lượng bền vững sẽ làm giảm quá trình biến đổi khí hậu;
- Tạo ra các cơ hội kinh tế, đặc biệt đối với doanh nghiệp và khoa học trong lĩnh vực việc đổi mới, thiết kế, tái chế và sáng tạo.

Kinh tế tuần hoàn cũng được các doanh nghiệp ngày càng quan tâm. Các đô thị phát triển theo hướng thông minh hơn, giảm ô nhiễm môi trường, tiết kiệm điện nước sẽ kích thích làn sóng đầu tư cho nhiều loại hình công nghệ mới như proptech (công nghệ bất động sản), fintech (công nghệ tài chính), năng lượng, di chuyển thông minh hay nhiều dịch vụ khác.

Bảo Việt hiểu rằng để xây dựng nên một tương lai tốt đẹp, cần sự nỗ lực của tất cả chúng tôi từ ngày hôm nay, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò như một nhân tố tích cực trong việc hiện thực hóa tương lai này. Và để làm được, chúng tôi cũng cần xây dựng lộ trình cụ thể nhằm bù đắp lại những thiếu hụt về nguồn lực tài nguyên mà con người đã khai thác quá mức trong quá khứ và trong hiện tại.

Bảo Việt luôn gắn liền Tăng trưởng kinh tế với Bảo vệ môi trường và Trách nhiệm xã hội - ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của Bảo Việt.

Bảo Việt hiểu rằng để xây dựng nên một tương lai tốt đẹp, cần sự nỗ lực của tất cả chúng ta từ ngày hôm nay, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò như một nhân tố tích cực trong việc hiện thực hóa tương lai này.

HÀNH ĐỘNG NHỎ LỚN CHO THAY ĐỔI

BẢO VIỆT ĐỒNG HÀNH CÙNG VIỆT NAM TRONG THỰC HIỆN MỤC TIÊU CỦA HỘI NGHỊ COP26

Tại Hội nghị Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP) là hội nghị thường niên tổ chức trong khuôn khổ Công ước khung Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) nhằm đánh giá quá trình đương đầu với biến đổi khí hậu, Việt Nam đã có những cam kết mạnh mẽ cùng gần 150 quốc gia cam kết đưa mức phát thải ròng về "0" vào năm 2050. Việc thực hiện các cam kết tại COP26, đặc biệt là cam kết đưa mức phát thải ròng về "0" vào giữa thế kỷ là xu thế tất yếu, không thể đảo ngược; việc triển khai thực hiện kịp thời các cam kết này sẽ mang lại lợi ích lớn và lâu dài cho đất nước.

Bảo Việt hiểu rằng cộng đồng doanh nghiệp có thể đóng một vai trò quyết định trong việc thúc đẩy hành động khí hậu, cả bằng cách giảm phát thải trong các hoạt động của chính mình và bằng cách phát triển và ứng dụng công nghệ mới có thể giúp giảm hay ngăn ngừa phát thải. Trong năm 2021, để chủ động thích ứng và hiện thực hóa cam kết thành hành động trong việc ứng dụng công nghệ nhằm giảm phát thải trong hoạt động kinh doanh, Bảo Việt đã đã tập trung xây dựng Hệ sinh thái số, mang lại giá trị tăng thêm cho khách hàng bằng cách tối ưu hóa dữ liệu và quy trình làm việc từ các bộ phận, công cụ, hệ thống nội bộ, cũng như với khách hàng, nhà cung cấp và đối tác bên ngoài. Với những hành động cụ thể, Bảo Việt đang phát triển và hoàn thiện Hệ sinh thái số của riêng mình bằng cách tận dụng các giải pháp công nghệ, tài nguyên số để tích hợp các sản phẩm và dịch vụ vào cùng một nền tảng từ đó giúp Bảo Việt mở rộng quy mô kinh doanh, tăng lợi thế cạnh tranh và đảm bảo giảm thiểu các tác động đến môi trường.

Bảo Việt đã triển khai một loạt các giải pháp đồng bộ để nâng cao trải nghiệm của khách hàng, đại lý và tư vấn viên trên cơ sở hoàn thiện nâng cấp hệ thống core, kết nối liên thông giữa các hệ thống trong nội bộ và tăng cường hợp tác với các đối tác công nghệ, đối tác thanh toán, các hệ sinh thái khác để hình thành một hệ sinh thái số hoàn chỉnh cho Tập đoàn Bảo Việt.

GẮN KẾT MỤC TIÊU TOÀN CẦU VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (SDGS) TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững của Liên Hợp quốc đến năm 2030 gồm: **17** Mục tiêu với **169** Chỉ tiêu được cụ thể hóa

Hưởng ứng lời kêu gọi tại Hội nghị Thượng đỉnh Liên Hợp quốc về Phát triển bền vững thông qua Chương trình nghị sự 2030 với trọng tâm là các Mục tiêu Phát triển bền vững cho giai đoạn 2015 - 2030, theo đó các doanh nghiệp trên toàn thế giới được kêu gọi đánh giá tác động của mình, đặt ra những mục tiêu tham vọng với quyết tâm mạnh mẽ và công bố kết quả thực hiện một cách minh bạch.

Căn cứ theo nội dung cụ thể của 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc, Bảo Việt đã phân tích, lựa chọn và tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững trong định hướng chiến lược phát triển bền vững đến năm 2025 của doanh nghiệp. Để điều chỉnh hoạt động kinh doanh phù hợp với Mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu, Bảo Việt không chỉ lồng ghép các mục tiêu vào quá trình lập kế hoạch chiến lược, phát triển kinh doanh mà còn vào mọi khía cạnh trong hoạt động của doanh nghiệp. Việc áp dụng một phương pháp tích hợp toàn diện này sẽ mở rộng tầm nhìn chiến lược của doanh nghiệp, thúc đẩy các quyết định và các hoạt động của doanh nghiệp với kỳ vọng mang lại lợi ích trong dài hạn cho các bên liên quan.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT TRONG TRUNG VÀ DÀI HẠN

Nhận diện các ảnh hưởng và cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững trong trung và dài hạn, Bảo Việt đã gắn kết các mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững của Liên Hợp quốc trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 trên cơ sở đánh giá các hoạt động đã triển khai và phân tích các tác động đối với Bảo Việt.

ĐỊNH HƯỚNG

Việc thực hiện mục tiêu kinh tế được kết hợp với thực hiện các mục tiêu khác về mặt xã hội và môi trường nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan tới hoạt động trong hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển dài hạn và bền vững của Bảo Việt.

Bảo Việt luôn gắn liền **tăng trưởng kinh tế** với **bảo vệ môi trường** và **trách nhiệm xã hội** - ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của Bảo Việt. Trong đó, mục tiêu kinh tế là mục tiêu quan trọng nhất của Bảo Việt vì việc thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường.

CAM KẾT TỪ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Chiến lược phát triển của doanh nghiệp gắn liền với sự cam kết và quyết định của Ban lãnh đạo. Tại Bảo Việt, việc định hướng và cam kết thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, cũng như việc gắn kết các mục tiêu phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh nhận được sự đồng thuận từ cấp Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, lãnh đạo quản lý cấp trung đến cán bộ nhân viên.

HIỆN THỰC HÓA CHIẾN LƯỢC THÔNG QUA CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ

Bảo Việt công bố định hướng phát triển bền vững trong chiến lược phát triển của Bảo Việt với sự cam kết của Lãnh đạo cấp cao về việc đảm bảo thực hiện 3 mục tiêu kinh tế - xã hội và môi trường. Định hướng chiến lược này được hiện thực hóa thông qua việc xây dựng mục tiêu cụ thể cho từng Trung tâm/Ban chức năng và đơn vị thành viên. Các mục tiêu này được lượng hóa theo chỉ tiêu đánh giá hiệu quả (KPIs), trong đó bao gồm các chỉ tiêu tài chính (kinh tế) và phi tài chính (môi trường và xã hội). Tại mỗi đơn vị, định hướng chiến lược, kế hoạch hành động, mục tiêu phát triển của đơn vị được phổ biến, thống nhất tới cán bộ nhân viên thông qua các cuộc họp triển khai nhiệm vụ kinh doanh, họp hội nghị người lao động, các khóa đào tạo, phổ biến tới toàn thể cán bộ.

THEO DÕI VÀ CHỈ ĐẠO CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt duy trì việc họp định kỳ mỗi quý một lần nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất và kịp thời đưa ra các chỉ đạo trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Tại các cuộc họp này, Tổng Giám đốc, các Ủy ban trực thuộc HĐQT và các cán bộ quản lý báo cáo về các vấn đề trọng tâm liên quan đến kinh tế - xã hội - môi trường ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp. HĐQT sẽ xem xét và có những đánh giá, định hướng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm: đánh giá tình hình kinh tế xã hội để có những sự thay đổi chiến lược kinh doanh hợp lý chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên; triển khai thực hiện các chương trình an sinh xã hội. Tổng Giám đốc triển khai thực hiện theo Nghị quyết của hđqT được ban hành sau các cuộc họp.

HĐQT giám sát việc triển khai chiến lược của Bảo Việt, trong đó bao gồm chiến lược phát triển bền vững. HĐQT có trách nhiệm phê duyệt chủ trương thực hiện và phê chuẩn các báo cáo tài chính đã được kiểm toán và gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định trước khi trình đhđCđ xem xét thông qua lần cuối. hội đồng quản trị giao Ban điều hành và Bộ phận chịu trách nhiệm về phát triển bền vững chuẩn bị, xây dựng nội dung phù hợp với chuẩn mực quốc tế về phát triển bền vững và phù hợp với pháp luật, thông lệ và điều kiện Việt Nam.

Bảo Việt cũng cử đại diện tham gia Ban Điều hành Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD) nhiệm kỳ 2020-2022, qua đó Bảo Việt có cơ hội cập nhật các xu hướng mới về phát triển bền vững để gắn kết trong chiến lược và hoạt động kinh doanh hiệu quả hơn, đồng thời cam kết sẽ chung tay cùng Ban Điều hành VBCSD trong các hoạt động thường niên về phát triển bền vững nhằm thúc đẩy kinh doanh theo hướng phát triển bền vững; Thúc đẩy nhân rộng áp dụng bộ chỉ số bền vững trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.

Bên cạnh đó, Bảo Việt cũng thành lập Tổ thường trực về phát triển bền vững gồm 45 thành viên, trong đó Ban chỉ đạo bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Lãnh đạo các Ban chức năng/ Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ, trong đó có sự phân quyền rõ ràng cho các thành viên đối với từng nhóm mục tiêu căn cứ trên 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc và các lĩnh vực mà Bảo Việt có thể tác động lớn nhất khi triển khai các mục tiêu đó.

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGẮN - TRUNG VÀ DÀI HẠN

Trong quá trình định hình các cơ hội thị trường do các Mục tiêu Toàn cầu về phát triển bền vững mang lại trên nền tảng các triết lý kinh doanh dựa trên:

Bảo Việt hiểu rằng thực hiện thành công các Mục tiêu Toàn cầu là chìa khóa mở ra cánh cửa tới phát triển kinh doanh lâu dài.

Để điều chỉnh hoạt động kinh doanh phù hợp với Mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu, Bảo Việt không chỉ lồng ghép các mục tiêu vào quá trình lập kế hoạch chiến lược, đổi mới phát triển kinh doanh mà còn vào mọi khía cạnh trong hoạt động của doanh nghiệp, từ đầu tư, vận hành hoạt động đến marketing, truyền thông thương hiệu, quản lý và phát triển nguồn nhân lực... Việc áp dụng một phương pháp tích hợp toàn diện này sẽ mở rộng tầm nhìn chiến lược của doanh nghiệp, thúc đẩy các quyết định và các hoạt động đầu tư với kỳ vọng mang lại lợi ích trong dài hạn khi xu hướng phát triển bền vững trở thành xu hướng tất yếu và bước vào chu kỳ tăng tốc.

Căn cứ theo nội dung cụ thể của 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc, Bảo Việt đã phân tích, lựa chọn và tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững trong định hướng chiến lược phát triển bền vững đến năm 2025 của doanh nghiệp bao gồm:

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG

NGẮN HẠN (2021-2022)

- Giữ vị trí hàng đầu trên thị trường bảo hiểm;
- Đảm bảo chính sách chi trả cổ tức đều đặn, tối thiểu 50% lợi nhuận sau thuế
- Chiến lược đầu tư thận trọng đảm bảo an toàn tài sản trên nguyên tắc vốn đầu tư phân bổ theo hiệu quả và khả năng sinh lời của các đơn vị.
- Triển khai nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm trong các dự án đầu tư,
- Mở rộng hoạt động kinh doanh, đóng góp cho kinh tế địa phương, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương tại các địa bàn Bảo Việt đang hoạt động.
- Đẩy mạnh mô hình sản phẩm tài chính - bảo hiểm tích hợp, thúc đẩy tiêu dùng có trách nhiệm.

DÀI HẠN (2022- 2025)

- Tăng cường chuyển đổi số trên nền tảng công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng hỗ trợ nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Phát triển gói sản phẩm dịch vụ tài chính - bảo hiểm mới đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư, khách hàng, cộng đồng.
- Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận; tỷ suất lợi nhuận sau thuế đạt trên 8%, đảm bảo quyền lợi cổ tức cho cổ đông theo cam kết.
- Quản lý rủi ro, kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Đóng góp vào ngân sách nhà nước thông qua nộp thuế và cổ tức, đóng góp gián tiếp cho việc thực hiện các mục tiêu an sinh xã hội của Chính phủ.
- Duy trì vị trí hàng đầu trong việc tái đầu tư trở lại nền kinh tế từ nguồn phí bảo hiểm .

GIẢI PHÁP

- Hoàn thiện Hệ sinh thái số bằng cách tận dụng các giải pháp công nghệ, tài nguyên số để tích hợp các sản phẩm và dịch vụ vào cùng một nền tảng
- Chú trọng đẩy mạnh đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ tài chính, đón đầu nhu cầu thị trường
- Triển khai ứng dụng AI trong bài toán nhận diện quang học - OCR nhằm tự động hoá một số quy trình từ đó nâng cao năng suất lao động; triển khai eKYC (định dạng khách hàng điện tử);
- Tập trung phát triển các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là bảo hiểm - đầu tư - tài chính - ngân hàng.
- Đẩy mạnh hợp lực, bán chéo, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Triển khai Bảo hiểm hưu trí tự nguyện; bảo hiểm chuyên biệt cho bệnh hiểm nghèo, đẩy mạnh bảo hiểm vi mô cho người thu nhập thấp.

ĐÓNG GÓP CHO SỰ PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA XÃ HỘI

Gắn kết SDGs

3 CUỘC SỐNG KHỎE MẠNH | 4 CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC | 5 BÌNH ĐẲNG GIỚI | 10 GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG

Tiêu chuẩn GRI

Việc làm – GRI 401 | Giáo dục và đào tạo – GRI 404 | Đa dạng và cơ hội bình đẳng – GRI 405 | Cộng đồng địa phương – GRI 413 | An toàn và sức khoẻ khách hàng – GRI 416 | Sản phẩm và dịch vụ vì lợi ích xã hội – FS7

NGẮN HẠN (2021-2022)

- Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn thông qua việc đầu tư tại các địa bàn khó khăn, tập trung cho các huyện nghèo vùng cao.
- Hỗ trợ các điều kiện sống cơ bản cho người dân vùng khó khăn nhằm giúp họ tập trung lao động sản xuất để nuôi sống bản thân và gia đình tốt hơn.
- Đầu tư phát triển các gói sản phẩm bảo hiểm vi mô và sản phẩm đáp ứng các nhu cầu bảo vệ cho khách hàng thông qua gói sản phẩm đa dạng với tính năng ưu việt, linh hoạt.
- Xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, hợp lý về cơ cấu, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại, tiên tiến.
- Đầu tư cho công tác giáo dục, phát triển thế hệ trẻ, góp phần xây dựng thế hệ tri thức tương lai của đất nước.

DÀI HẠN (2022- 2025)

- Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn;
- Đầu tư hỗ trợ các huyện nghèo xây dựng cơ sở hạ tầng, từng bước đem lại điều kiện sống tốt và cuộc sống khỏe mạnh hơn cho người dân;
- Đảm bảo lợi ích và môi trường làm việc cho người lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống và thu nhập cho tư vấn viên để tăng sự gắn bó lâu dài;
- Đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển thế hệ trẻ, hỗ trợ công tác khuyến học.

GIẢI PHÁP

- Triển khai các hoạt động xóa nghèo, đầu tư xây thêm các nhà bán trú dân nuôi, trạm y tế, trường học tại các địa phương khó khăn;
- Tổ chức các chương trình mang thông điệp "He for She" - Nam giới vì Phụ nữ tại công sở nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và quyền phụ nữ
- Dành ngân sách 1% lợi nhuận sau thuế cho các hoạt động cộng đồng khác như đầu tư cho thế hệ trẻ, khắc phục hậu quả thiên tai và tri ân anh hùng liệt sỹ;
- Đầu tư cho công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực;
- Hoàn thiện cơ chế đánh giá và trả lương theo hiệu quả;
- Gắn kết người lao động trong các hoạt động vì cộng đồng thông qua tổ chức các sự kiện đi bộ gây quỹ, mang hơi ấm tới vùng cao, trồng cây xanh,...

CHUNG TAY BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Gắn kết SDGs

7 NĂNG LƯỢNG SẠCH & BỀN VỮNG | 13 HÀNH ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI HIỆN ĐỔI KHÍ HẬU | 16 HÒA BÌNH, CÔNG BẰNG & THỂ CHẾ VỮNG MẠNH

Tiêu chuẩn GRI

Năng lượng – GRI 302 | Phát thải, chất thải, nước thải – GRI 305 | Tuân thủ về môi trường – GRI 307

NGẮN HẠN (2021-2022)

- Đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, nhằm số hóa các giao dịch hoạt động, giảm lượng giấy thải ra môi trường
- Sử dụng năng lượng hiệu quả tại các tòa nhà văn phòng thông qua việc sử dụng hợp lý, có ý thức các nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên.
- Tăng cường sử dụng các sản phẩm tái chế và sử dụng các thiết bị được dán nhãn "xanh".Tạo sự chuyển biến từ ý thức bảo vệ môi trường đến việc đồng hành cùng Bảo Việt trong các hoạt động vì môi trường đối với khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên.
- Thực hiện đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp căn cứ trên các cam kết trách nhiệm đối với xã hội và môi trường.
- Áp dụng các nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm trong các dự án đầu tư, nhằm đảm bảo thực hiện chuỗi giá trị bền vững của Bảo Việt.

DÀI HẠN (2022- 2025)

- Giảm thiểu việc sử dụng nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên qua đó góp phần giảm thiểu cường độ phát thải khí nhà kính;
- Giảm 10% lượng xăng và điện tiêu thụ;
- Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững: áp dụng 100% chỉ tiêu đo lường năng lượng và nước tiêu thụ trên toàn hệ thống;
- Tiết kiệm văn phòng phẩm, giảm thiểu rác thải trong văn phòng làm việc;
- Giảm tối đa lượng rác thải nhựa trong sinh hoạt văn phòng.
- Giảm thiểu các hoạt động gây phát sinh chất thải và ô nhiễm môi trường, góp phần cải tạo môi trường và sức khỏe của con người.

GIẢI PHÁP

- Số hóa các quy trình và sản phẩm hướng tới một Bảo Việt không giấy tờ (paperless)
- Giảm phát khí thải nhà kính thông qua giảm tiêu thụ năng lượng các tòa nhà văn phòng do Bảo Việt quản lý;
- Thực hiện kiểm soát hệ thống xử lý chất thải tại các tòa nhà của Bảo Việt - đảm bảo đạt các tiêu chuẩn môi trường cho phép;
- Thực hiện theo dõi tiêu thụ điện năng và xăng dầu định kỳ hàng tháng;
- Thay thế việc sử dụng các bình đun nước nóng cục bộ bằng việc sử dụng các trung tâm cấp nước nóng sử dụng dầu D.O;
- Tăng tỷ lệ rà soát và thỏa thuận về môi trường xã hội với nhà cung cấp và dự án đầu tư.

3

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NGÀNH CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ VIỆT NAM CÓ TỐC độ TĂNG TRƯỞNG

9%
GẤP 3 LẦN SO VỚI TĂNG TRƯỞNG GDP

VIỆT NAM DUY TRÌ TĂNG TRƯỞNG DƯƠNG PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Tăng trưởng GDP qua các năm (%)

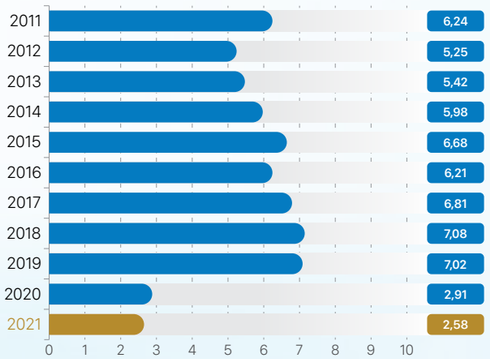

CƠ CẤU GDP NĂM 2021 (%)

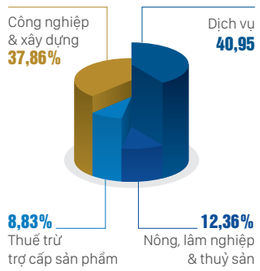

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM TĂNG TRƯỞNG 2 CON SỐ

CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM NĂM 2021

(ĐVT: Tỷ đồng)

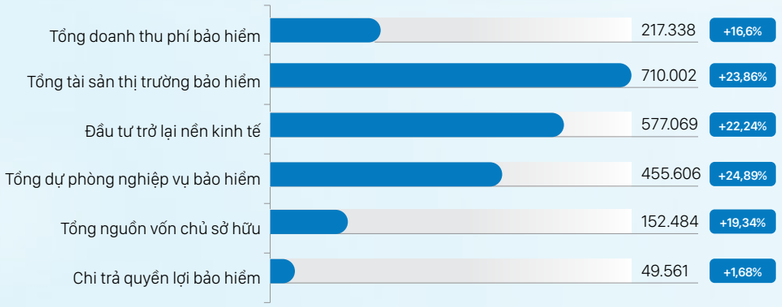

Thị trường Bảo hiểm tăng trưởng 2 con số

(ĐVT: %)

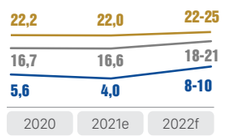

Toàn TTBH | BHPNT | BHNT

BẢO VIỆT KHẲNG ĐỊNH VỊ TRÍ DẪN ĐẦU THỊ TRƯỜNG

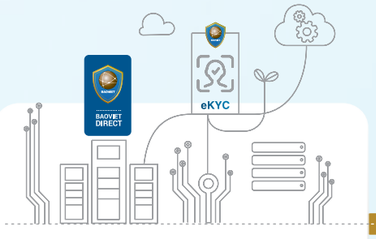

DOANH THU PHÍ BH GỐC THEO DN

(ĐVT: Tỷ đồng)

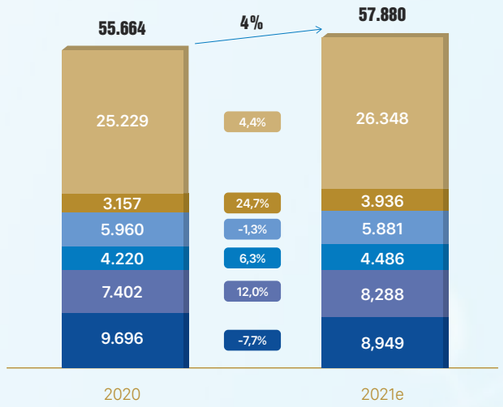

THỊ PHẦN DOANH THU PHÍ BH GỐC (%)

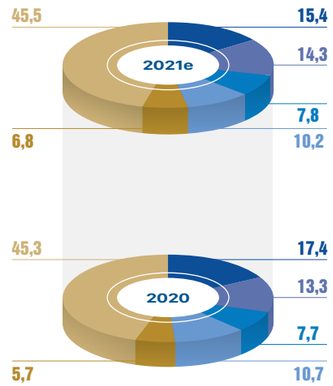

BVBH | PVI | Bảo Minh | PTI | MIC | Các doanh nghiệp còn lại

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TĂNG TRƯỞNG MẠNH MẼ VỀ CHỈ SỐ, THANH KHOẢN VÀ MỨC VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG

Nguồn: HNX

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Làn sóng COVID-19 lần thứ tư đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam, đặc biệt trong quý 3/2021. Năm 2021, GDP Việt Nam tăng trưởng 2,51%- thấp hơn mức 2,9% vào năm 2020. Tuy nhiên, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong chương trình tiêm chủng. Sự kết hợp giữa đẩy mạnh tiến độ tiêm chủng vacxin, lĩnh vực sản xuất phục hồi, chi tiêu tiêu dùng tăng trở lại và chính sách tiếp tục hỗ trợ của Nhà nước có thể giúp bức tranh chung của năm 2022 là tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ hơn. Gói kích thích kinh tế sẽ có khoản chi đáng kể phục vụ lĩnh vực y tế.

KINH TẾ VĨ MÔ, THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH BẢO HIỂM VIỆT NAM 2021

ĐIỂM SÁNG KINH TẾ VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH NĂM 2021

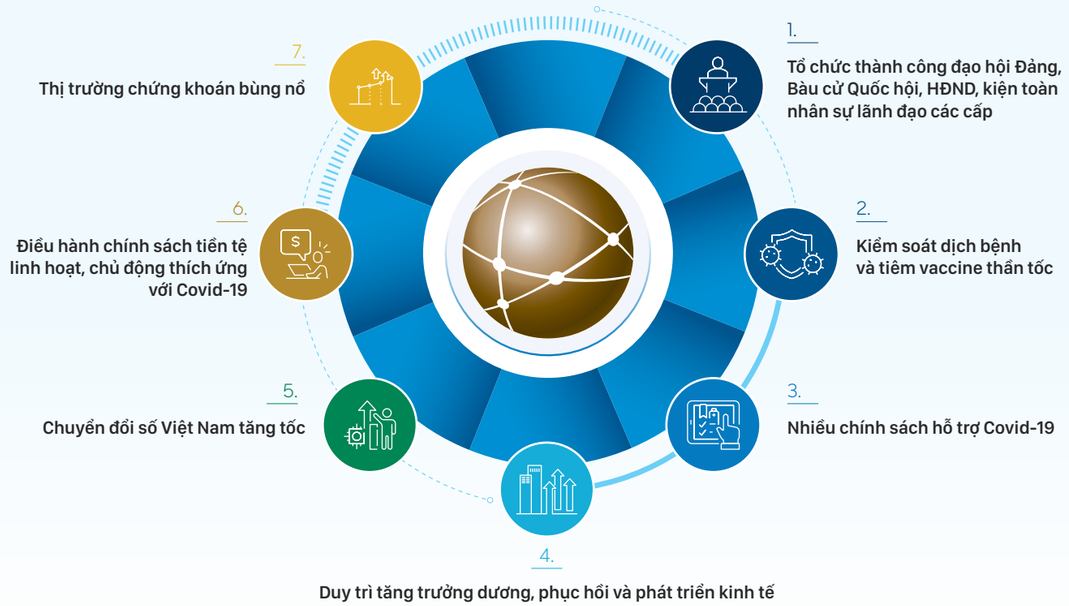

1.

TỔ CHỨC THÀNH CÔNG ĐẠI HỘI ĐẢNG, BẦU CỬ QUỐC HỘI, HĐND, KIỆN TOÀN NHÂN SỰ LÃNH ĐẠO CÁC CẤP

Kiện toàn nhân sự lãnh đạo các cấp, được kỳ vọng đổi mới trong đường lối, chính sách; ứng dụng khoa học, công nghệ; đổi mới, sáng tạo và trọng dụng nhân tài trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Đại hội xác định mục tiêu phát triển đất nước cho 5 năm, 10 năm tiếp theo và đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao, theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào năm 2045.

2.

KIỂM SOÁT DỊCH BỆNH VÀ TIÊM VACCINE THẦN TỐC

Năm 2021, nước ta trải qua 2 đợt bùng phát dịch bệnh COVID-19 kéo dài với biến chủng Delta lây lan nhanh hơn chủng cũ nhiều lần và hết sức nguy hiểm, khó kiểm soát hơn.

Với chiến dịch tiêm vaccine thần tốc, từ chỗ tiêm vaccine rất thấp, Việt Nam đã vượt lên là một trong các nước có tỷ lệ bao phủ vaccine cao nhất thế giới.

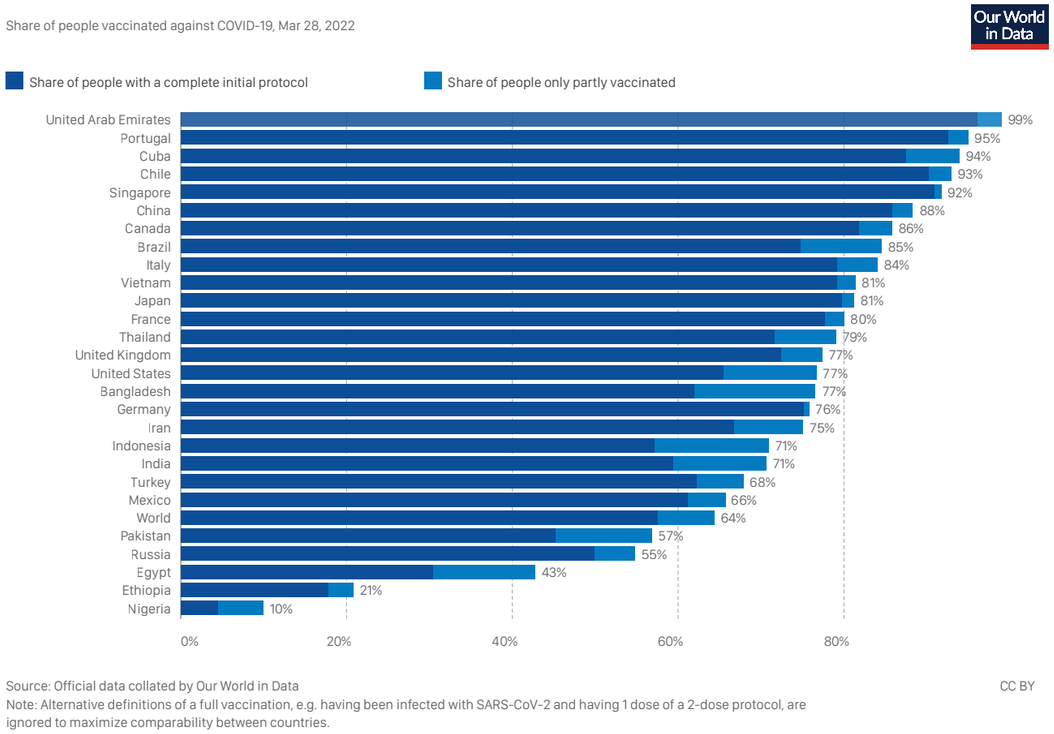

3.

NHIỀU CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ COVID-19

Năm 2021, nhiều chính sách an sinh hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động, người nhiễm covid-19...đã được Chính phủ, bộ ban ngành và địa phương triển khai thực hiện như: Nghị định số 52/2021/NĐ-CP về giãn hoãn thuế, tiền thuê đất; Nghị quyết 68/NQ-CP về an sinh xã hội; Nghị quyết 116/NQ-CP về hỗ trợ người lao động; Nghị quyết số 83/NQ-CP về giảm giá điện; Thông tư 03-NHNN, sau đó sửa đổi bằng Thông tư 14-NHNN về cơ cấu lại nợ và giảm lãi, phí...

5 gói an sinh đã được triển khai hỗ trợ: gói hỗ trợ 26.000 tỷ đồng từ nguồn ngân sách; gói hỗ trợ 38.000 tỷ đồng từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp. TPHCM chi hơn 9.800 tỷ đồng hỗ trợ trong 3 đợt.

4.

DUY TRÌ TĂNG TRƯỞNG DƯƠNG, PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Tổng sản phẩm trong nước năm 2021 ước tính tăng

2,58%

Từ giữa tháng 10/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 128/NQ-CP chuyển sang trạng thái thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19.

Tăng trưởng kinh tế 3 tháng cuối năm khởi sắc, GDP quý IV ước tăng 5,22% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 4,61% của năm 2020. Đây là sự đảo chiều ấn tượng so với mức sụt giảm của quý trước, đưa tổng sản phẩm trong nước năm 2021 ước tính tăng 2,58%.

Tăng trưởng GDP qua các năm (%)

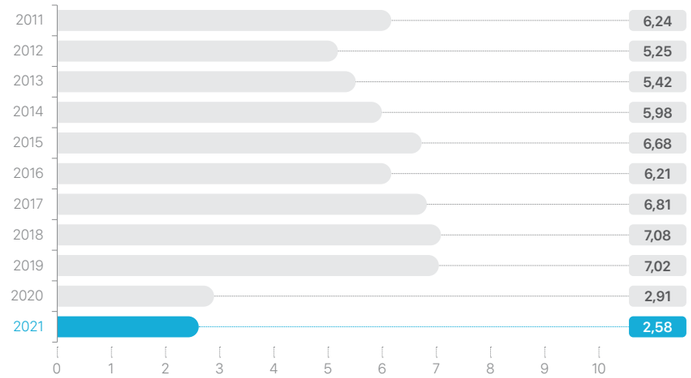

5.

CHUYỂN ĐỔI SỐ VIỆT NAM TĂNG TỐC

Ngành công nghiệp công nghệ sốViệt Nam có tốc độ tăng trưởng

↑9%

Năm 2021 là năm chuyển đổi số tăng tốc mạnh mẽ với các điểm nhấn là thương mại điện tử, dịch vụ công và dịch vụ số...

Đại dịch Covid-19, bên cạnh tác động tiêu cực cũng là tạo "cú huých" thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế số Việt Nam. Một trong những điểm nhấn năm 2021 là Việt Nam đã xây dựng được cơ sở dữ liệu dân cư. Đây là cơ sở dữ liệu quan trọng để phát triển chính phủ điện tử, kinh tế số và xã hội số.

6.

ĐIỀU HÀNH CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ LINH HOẠT, CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG VỚI COVID-19

Tỷ giá ổn định, lãi suất giảm và duy trì ở mức thấp, góp phần hỗ trợ doanh nghiệp. Trong năm 2021, trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát, giá cả hàng hóa, lạm phát thế giới tăng, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, bám sát diễn biến thị trường để tăng cường ổn định vĩ mô và hỗ trợ doanh nghiệp. Mặt bằng lãi suất cho vay năm 2021 tiếp tục giảm thêm 0,81%/năm; trong đó, lãi suất cho vay ngắn hạn bình quân bằng VND đối với một số ngành, lĩnh vực ở mức 4,3%/năm, thấp hơn mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa theo quy định của NHNN (4,5%/năm).

Triển khai hóa đơn điện tử - bước tiến lớn về chuyển đổi số và hiện đại hóa công tác thuế

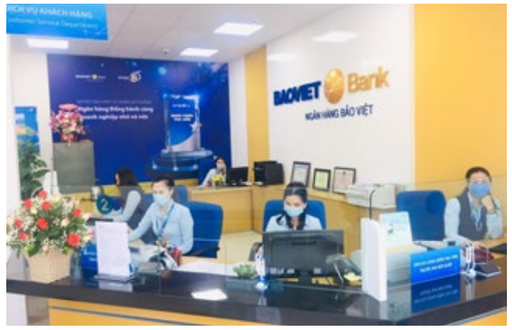

16 ngân hàng đồng loạt giảm lãi suất hỗ trợ doanh nghiệp và người dân bị ảnh hưởng bởi dịch covid-19

Bùng nổ thanh toán điện tử và chính thức áp dụng eKyc, Mobile money trong năm 2021

Mỹ khẳng định Việt Nam không thao túng tiền tệ

7.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN BÙNG NỔ

Thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận một năm 2021 tăng trưởng bùng nổ về mọi phương diện, từ chỉ số cho tới thanh khoản, số lượng người tham gia. Các ngưỡng 1.500 điểm được chinh phục và mang đến niềm tin cho nhiều người bất chấp tâm lý tiêu cực trước thông tin về đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, trong đó có biến chủng nguy hiểm mới Omicron lây lan ở nhiều nước.

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM: VƯỢT THÁCH THỨC COVID-19, DUY TRÌ TĂNG TRƯỞNG 2 CON SỐ

Trong năm 2021, mặc dù dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp tác động đáng kể đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội nhưng thị trường bảo hiểm năm 2021 vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá. Theo số liệu ước tính của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường năm 2021 tăng trưởng 16,6% so với năm 2020, trong đó doanh thu phí gốc thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tăng 4%; tổng doanh thu phí thị trường bảo hiểm nhân thọ tăng 22%.

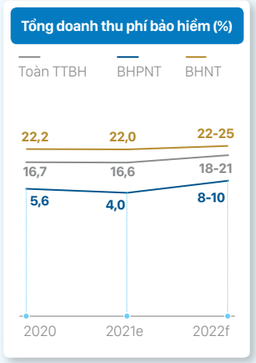

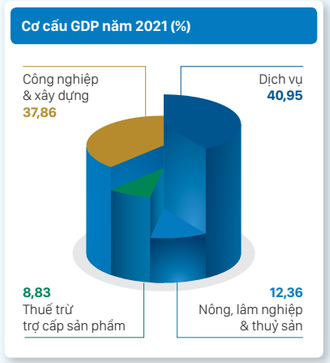

Các chỉ số của nền kinh tế:

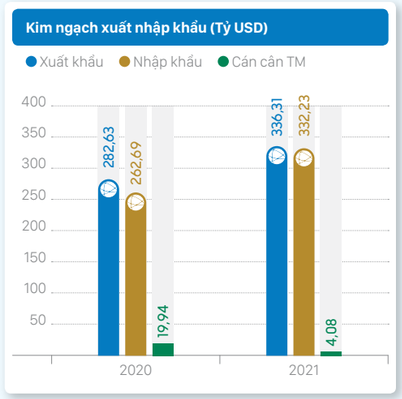

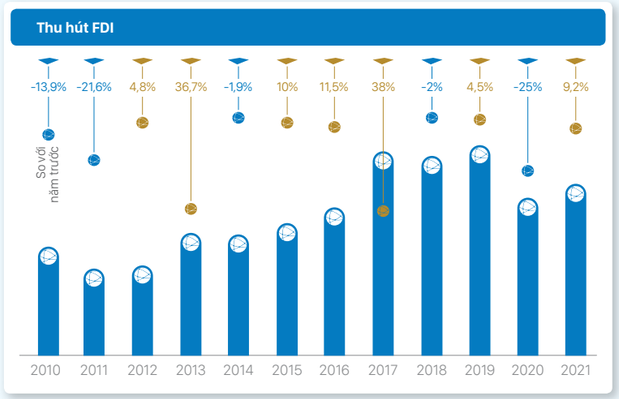

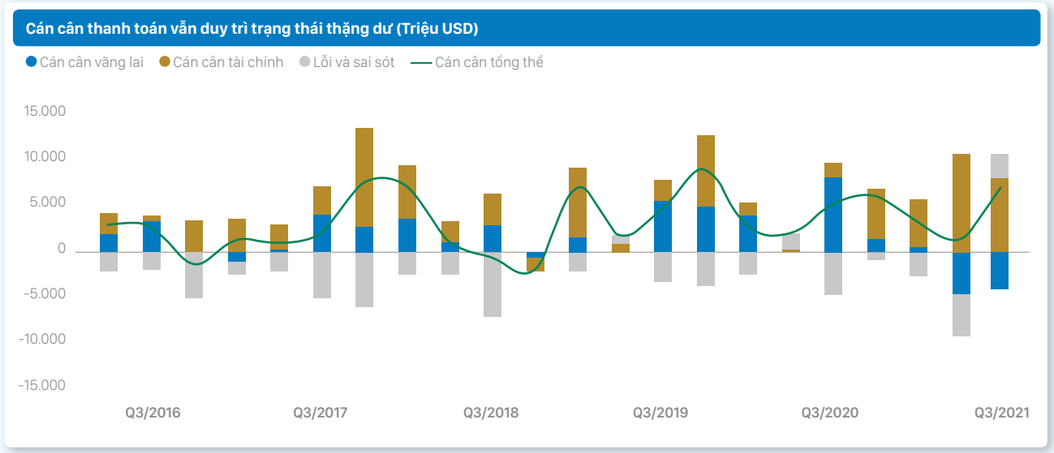

217.338
Tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường
(Tỷ đồng)

57.880
Doanh thu phí bảo hiểm gốc phi nhân thọ năm 2021
(Tỷ đồng)

159.458
Tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ năm 2021
(Tỷ đồng)

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

Trong năm 2021, mặc dù dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp tác động đáng kể đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội nhưng thị trường bảo hiểm vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá.

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

Theo số liệu ước tính của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam năm 2021, tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường ước đạt 217.338 tỷ đồng, tăng trưởng 16,6% so với năm 2020, trong đó doanh thu phí bảo hiểm gốc phi nhân thọ ước đạt 57.880 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2020; tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ ước đạt 159.458 tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2020.

Các chỉ tiêu chính của thị trường bảo hiểm năm 2021 (Tỷ đồng)

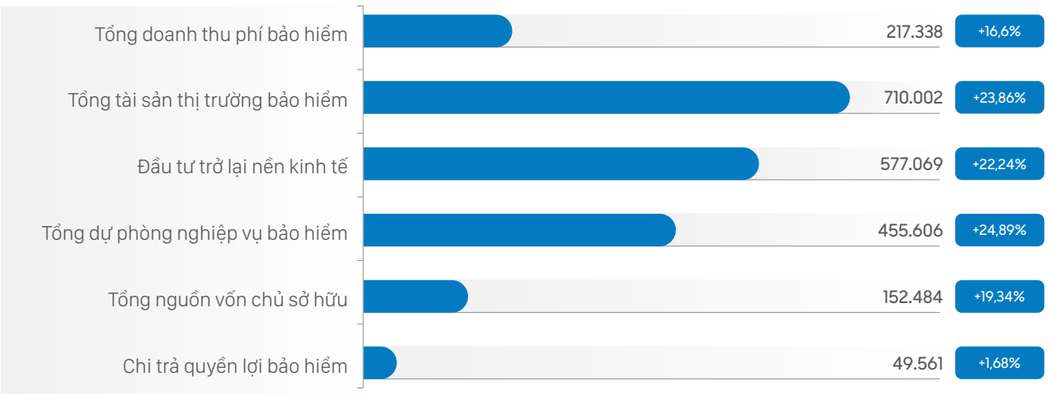

Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, Cục Quản lý, Giám sát bảo hiểm.

Bộ Tài chính đã thực hiện các giải pháp hỗ trợ cho thị trường bảo hiểm trong thời gian vừa qua như: Đơn giản hóa hồ sơ bồi thường BH bắt buộc TNDS chủ XCG, đơn BH online có giá trị pháp lý; Kéo dài chính sách hỗ trợ BH nông nghiệp đến hết năm 2021; Giảm mức trích nộp Quỹ bảo vệ người được BH trong năm 2021 từ 0,15% xuống 0,05%; Cho phép tổ chức thi chứng chỉ đại lý online; Thông tin thường xuyên, kịp thời đến các DNBH về định hướng nghiên cứu, xây dựng Luật Kinh doanh bảo hiểm sửa đổi...

Năm 2021, các DNBH chủ động cắt giảm chi phí, bổ sung vốn điều lệ để tăng cường năng lực tài chính, đầu tư cho CNTT và chuyển đổi số, mở rộng các kênh phân phối, nhất là kênh bancassurance và kênh online, đa dạng các kênh thu phí trực tuyến, gia hạn thời gian đóng phí BH cho khách hàng, xây dựng hệ sinh thái số, ứng dụng CNTT trong huấn luyện đào tạo đại lý...

Nhận thức của người dân về tầm quan trọng của BH đã được nâng lên đáng kể trong giai đoạn dịch bệnh COVID-19. Người dân vì thế đã chủ động hơn trong việc tiếp cận và tham gia BH.

Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ năm 2021 tăng trưởng chậm lại, chỉ đạt 4% so với năm 2020, là mức tăng trưởng thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây. Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV) tiếp tục đứng số 1 thị trường về doanh thu phí bảo hiểm gốc.

Năm 2021, đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp hơn năm 2020 và tác động tiêu cực đến thị trường bảo hiểm, nhất là bảo hiểm phi nhân thọ. Nhiều nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ chịu tác động trực tiếp và rõ nét của Covid-19 như bảo hiểm xe cơ giới, sức khỏe, du lịch, tín dụng... dẫn đến tăng trưởng toàn thị trường BHPNT giảm mạnh trong năm 2021, thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây.

Tăng trưởng thị trường BHPNT và các nghiệp vụ bán lẻ giảm mạnh

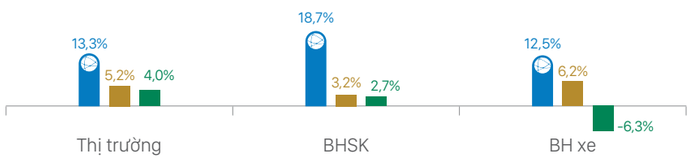

Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Mặc dù tăng trưởng âm (-7,7%), BHBV vẫn giữ ngôi vương về thị phần doanh thu phí bảo hiểm gốc (đạt 15,4% thị phần). Trong khi đó, PVI tăng trưởng 12%, rút ngắn khoảng cách thị phần với BHBV. Top 5 chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ của MIC, năm 2021 tăng trưởng đến 24,7%, vượt qua vị trí của PJICO để vào Top 5.

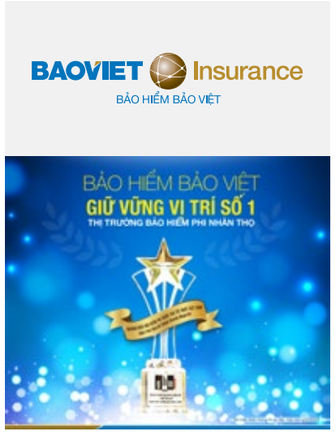

Doanh thu phí bh gốc theo DN
(Tỷ đồng)

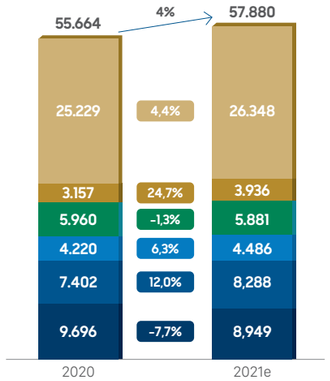

Thị phần doanh thu phí bh gốc
(%)

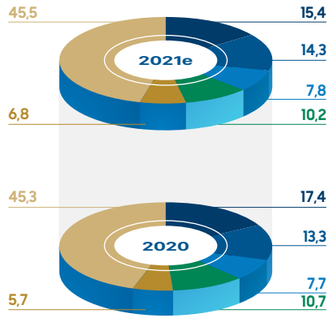

BVBH PVI Bảo Minh PTI MIC Các doanh nghiệp còn lại

Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Điểm sáng của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ năm 2021 là tỷ lệ bồi thường của toàn thị trường giảm đáng kể so với năm 2020, từ mức 36,9% xuống còn

33,4%

Tỷ lệ bồi thường của BHBV có mức giảm mạnh mẽ nhất trong Top 5, từ 54,7% xuống 43,7%. Theo sau là PVI và MIC với mức giảm lần lượt từ 49,5% xuống 42,2% và 29,8% xuống 25,3%. Trong khi đó tỷ lệ này của Bảo Minh lại tăng. PTI và bình quân các DN còn lại có tỷ lệ bồi thường giảm nhẹ so với năm 2020.

Tỷ lệ bồi thường gốc (%)

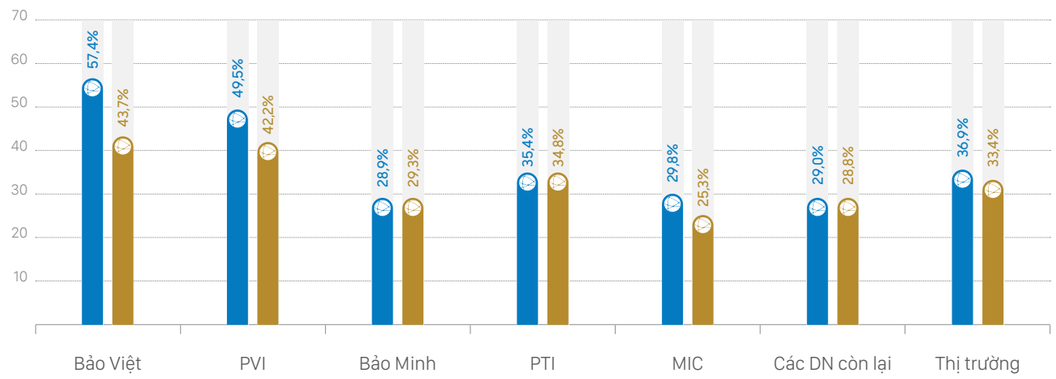

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

Các DNBH phi nhân thọ tiếp tục ứng dụng công nghệ gia tăng tiện ích cho khách hàng, nâng cao trải nghiệm khách hàng, đẩy mạnh các hình thức phân phối sản phẩm bảo hiểm trực tuyến trong đó có hợp tác với các đối tác.

Năm 2021, BHBV nhận giải thưởng "Sáng kiến bảo hiểm số của năm". BHBV triển khai ứng dụng BaoViet Mydoctor - tư vấn sức khỏe trực tuyến tích hợp trên web baovietonline.com.vn. Triển khai tính năng "Sức khỏe là Vàng" trên Baoviet Direct (ứng dụng công nghệ AI phân tích các chỉ số, thói quen sinh hoạt, chỉ số xét nghiệm đã có để đưa ra đánh giá các rủi ro sức khỏe tiềm ẩn). Nâng cấp chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng bằng ứng dụng giám định bồi thường số E-Claim. Triển khai sản phẩm CI37, sản phẩm An Tâm Viện Phí trên BVCare và với các ngân hàng.

PTI ứng dụng công nghệ OCR vào các hoạt động cấp đơn online thông qua app bán hàng - PTI Seller; phân phối sản phẩm TNDS xe cơ giới trên nền tảng trực tuyến Break Field VN; triển khai sản phẩm Insurtech bảo hiểm trời mưa hợp tác với NTUC Income (Singapore).

PVI triển khai bảo hiểm TNDS bắt buộc của chủ XCG số hóa trên nền tảng thương mại điện tử Tiki. Bên cạnh đó, còn hợp tác với ứng dụng đặt xe Fclass, nền tảng quà tặng điện tử Got It...

MIC triển khai công nghệ bồi thường siêu tốc Online qua App (ứng dụng công nghệ AI và công nghệ OCR).

Thị trường bảo hiểm nhân thọ duy trì đà tăng trưởng cao trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Bảo Việt Nhân thọ (BVNT) tiếp tục đứng đầu về tổng doanh thu phí.

Theo số liệu ước tính của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, tổng doanh thu phí nhân thọ năm 2021 đạt 159.458 tỷ đồng, tăng trưởng 22% so với năm 2020.

BVNT tiếp tục giữ vị trí số 1 về thị phần tổng doanh thu phí, đạt 30.544 tỷ đồng, thị phần chiếm trên 19,2%, theo sau là Manulife (18,6%). Với tốc độ tăng trưởng cao, Manulife duy trì vị trí số 1 về thị phần doanh thu KTM trong năm 2021 (23,2%), Prudential đứng thứ 2 với 13,6% thị phần, BVNT đứng thứ 3 với 12,3% thị phần.

Tổng DTP
(Tỷ VNĐ)

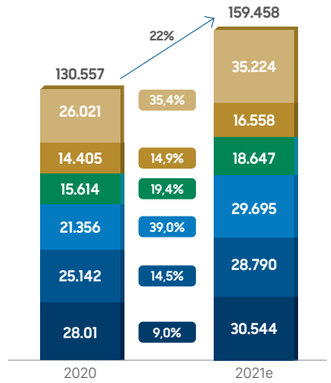

DT KTM
(Tỷ VNĐ)

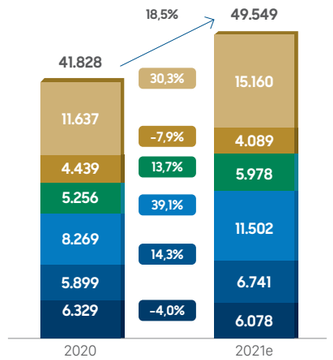

Thị phần Tổng DTP
(%)

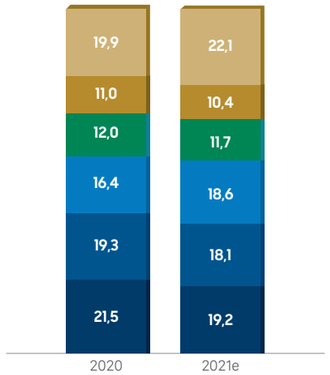

Thị phần DT KTM
(%)

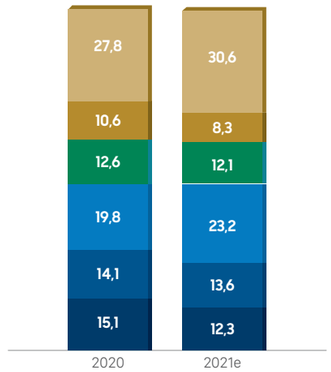

Bảo Việt · Pridential · Manulife · Daiichi · AIA · Khác

Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Kênh đại lý tăng chậm lại trong khi kênh bancassurance bùng nổ

Chính sách giãn cách xã hội tại nhiều tỉnh thành trong năm 2021 khiến các đại lý bảo hiểm nhân thọ gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận khách hàng. Kênh đại lý tiếp tục tăng trưởng chậm lại (9T.2021, chỉ tăng 9,6%, giảm so với mức tăng năm 2020 là 19,5%.

Trong khi đó, kênh bancassurance bùng nổ tăng trưởng với tốc độ tăng gần 64% (KTM) trong 9 tháng 2021, gấp gần 3 lần so với mức tăng của năm 2020 (27,3%). Manulife, Prudential, Dai-i-chi là các DNBH khai thác mạnh kênh bancassurance. Năm 2021, Sun Life Việt Nam ký thỏa thuận hợp tác 15 năm với ngân hàng ACB; BVNT ký hợp tác toàn diện với PG Bank.

Tăng trưởng DT KTM
kênh đại lý và kênh bancassurance

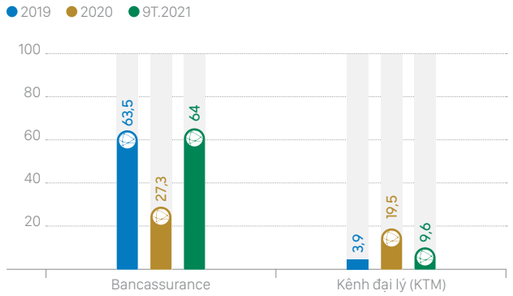

Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

Xu hướng lãi suất thấp tiếp diễn trong năm 2021 ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của các DNBH nhân thọ, các DNBH nhân thọ chuyển dịch cơ cấu sản phẩm sang các dòng sản phẩm có độ nhạy cảm ít hơn với biến động lãi suất.

Năm 2021, lãi suất trúng thầu TPCP liên tục giảm và đang ở mức thấp nhất 10 năm qua. Lãi suất huy động 12 tháng tiếp tục giảm xuống mức thấp nhất lịch sử, trung bình năm 2021 giảm 1 điểm phần trăm so với mức trung bình của năm 2020. Môi trường lãi suất thấp trong năm 2021 tiếp tục gây áp lực lên hiệu quả đầu tư của các DNBH, tăng trích lập dự phòng của các DNBH nhân thọ.

Tính đến tháng 9/2021, có 33 sản phẩm mới ra mắt, tập trung chủ yếu ở dòng sản phẩm sức khỏe/tử kỳ và liên kết đầu tư. Trong đó, sản phẩm Unit linked bao gồm 05 sản phẩm mới của AIA (làm mới sản phẩm hiện hành), FWD, Generali, Manulife và MB Ageas. Manulife triển khai sản phẩm chính BHSK trả theo chi phí thực tế. Chubb và Hanwha triển khai sản phẩm bổ trợ sức khỏe mới là BHSK trả tiền viện phí thực tế và BH CSYT toàn cầu.

Các DNBH nhân thọ thúc đẩy số hóa từ quy trình bán sản phẩm (tư vấn, thẩm định...) đến tiếp nhận hồ sơ, thanh toán phí, quy trình giải quyết quyền lợi bảo hiểm trực tuyến... Một số DN triển khai dịch vụ khám sức khỏe thẩm định trực tuyến...

Năm 2021, BVNT nhận giải DNBH nhân thọ ứng dụng chuyển đổi số tốt nhất Việt Nam (Global Banking & Finance Review). BVNT triển khai sản phẩm Life Care trực tuyến trên app My Viettel. Triển khai Lifebot 24/7 - chuyên gia dịch vụ khách hàng ảo trên fanpage và website; các quy trình online (giấy yêu cầu online và E-sign...).

Prudential triển khai dịch vụ khám sức khỏe thẩm định trực tuyến trên eDoctor, ra mắt ứng dụng chăm sóc sức khỏe Pulse by Prudential (phát triển trên nền tảng AI).

Manulife ra mắt ứng dụng MaxX D - giải pháp số hóa đóng vai trò như trợ lý ảo cho các đại lý, tích hợp hệ thống mạng lưới các giải pháp số hóa của Manulife bao gồm ePOS, eClaims và ManulifeMOVE.

THỊ TRƯỜNG NGÂN HÀNG - TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

NHNN điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, lãi suất huy động và cho vay tại các NHTM liên tục được điều chỉnh giảm trong cả năm 2021, duy trì mặt bằng lãi suất ở mức thấp vào cuối năm 2021

Tại thời điểm cuối tháng 12/2021 theo NHNN, lãi suất huy động kỳ hạn 6 tháng giảm khoảng 30-50 điểm cơ bản so với trung bình năm 2020. Lãi suất huy động 12 tháng tiếp tục giảm xuống mức thấp nhất lịch sử, trung bình năm 2021 giảm 1 điểm phần trăm so với mức trung bình của năm 2020.

Lãi suất tiết kiệm tháng 12/2021 (ĐVT: %/năm)

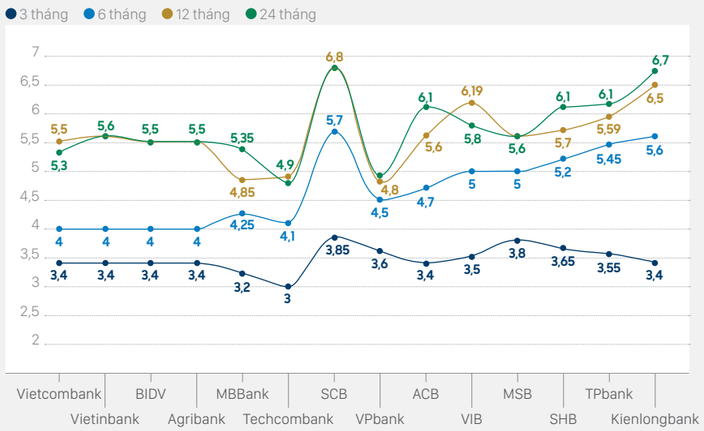

Lãi suất huy động VNĐ (12/2021)

Không kỳ hạn - dưới 1M	1M - dưới 6M	6M - dưới 12M	Trên 12M
0,1-0,2%	3,3-3,9%	4,4-5,8%	5,4-6,8%

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Năm 2021 là năm bùng nổ của thị trường chứng khoán với sự tăng trưởng mạnh mẽ về chỉ số, thanh khoản và mức vốn hóa thị trường.

Diễn biến chỉ số VN-Index và HNX index năm 2021

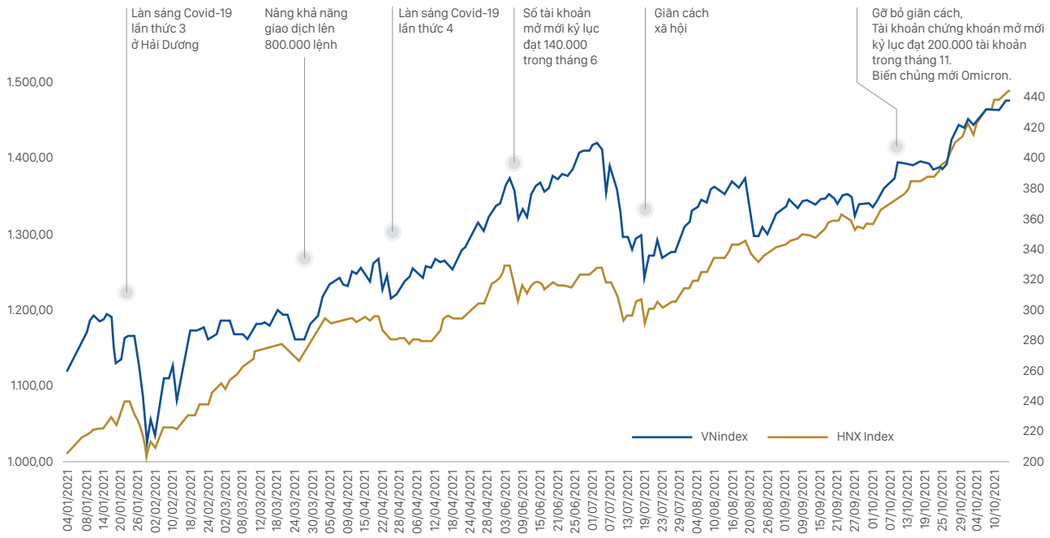

Nguồn: HNX

VN-Index TOP 10
THỊ TRƯỜNG TĂNG MẠNH NHẤT TRÊN THẾ GIỚI

Tính chung cả năm 2021, VN-Index đã tăng gần 36% so với thời điểm cuối năm 2020 và lọt Top 10 thị trường tăng mạnh nhất trên thế giới. Cụ thể, VN-Index tăng 12,31 điểm (0,83%) lên 1.498,28 điểm, HNX-Index tăng 12,34 điểm (2,67%) lên 473,99 điểm, UPCoM-Index tăng 1,07 điểm (0,96%) đạt 112,63 điểm.

Cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ về chỉ số, mức vốn hóa thị trường cổ phiếu cũng tăng mạnh. Tính đến ngày 28/12, mức vốn hóa thị trường đạt 7.729 nghìn tỷ đồng, tăng 46% so với cuối năm 2020, tương đương 122,8% GDP. VN Index đã duy trì đà tăng tích cực trong năm 2021 và chính thức vượt mốc 1,500 điểm vào ngày 25/11/2021, mặc dù trải qua hai làn sóng dịch Covid19 nghiêm trọng tại thời điểm cuối tháng 01/2021 và tháng 05/2021.

Trong năm 2021, giá trị và khối lượng giao dịch bình quân phiên lần lượt đạt trên 21.593 tỷ đồng và 737,29 triệu cổ phiếu, tương ứng tăng 247,27% về giá trị và 120,43% về khối lượng bình quân so với năm 2020. Tổng giá trị và khối lượng giao dịch cổ phiếu lần lượt đạt khoảng 5,39 triệu tỷ đồng và 184,32 tỷ cổ phiếu, tăng lần lượt 244,51% về giá trị và tăng 118,68% về khối lượng so với năm 2020.

Năm 2021 cũng chứng kiến số lượng nhà đầu tư tham gia thị trường chứng khoán tăng mạnh. Tổng số lượng tài khoản chứng khoán lên con số 4,08 triệu tài khoản, tăng hơn 47% so với cuối năm 2020.

Cổ phiếu ngân hàng dẫn dắt thị trường trong 1H 2021 trong khi cổ phiếu bất động sản khuấy động chỉ số trong ba tháng cuối năm 2021.

5 SỐ LIỆU ẤN TƯỢNG CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2021

1.500 ĐIỂM

Dù trải qua nhiều biến động bởi đại dịch, nhưng chỉ số chứng khoán VN-Index vẫn khép lại năm 2021 với 1.498,28 điểm, tăng 36% trong vòng một năm, nằm sát mốc đỉnh lịch sử 1.500,81 điểm (25-11).

56.100 TỶ ĐỒNG/PHIÊN

Từ đầu năm đến nay, giá trị giao dịch bình quân đạt hơn 26.560 tỷ đồng/phiên, tăng 258% so với năm trước. Riêng phiên 19-11 ghi nhận kỷ lục hơn 56.100 tỷ đồng.

123% GDP

Vốn hóa thị trường cổ phiếu tăng mạnh, đạt hơn 7,7 triệu tỷ đồng tính đến 28-12, tăng 46% trong vòng một năm, xấp xỉ 123% GDP năm 2020.

444.940 TỶ ĐỒNG HUY ĐỘNG VỐN

Tổng mức huy động vốn trên thị trường chứng khoán trong 11 tháng đầu năm đạt hơn 444.940 tỷ đồng, tăng 23% so với cùng kỳ năm trước.

4.000.000 TÀI KHOẢN

Chỉ riêng 11 tháng qua (số liệu mới nhất) đã có hơn 1,3 triệu tài khoản do nhà đầu tư trong nước mở mới, nâng tổng số lượng tài khoản chứng khoán tại Việt Nam lên 4 triệu, xấp xỉ 4% dân số, tăng hơn 47% so với cuối năm trước.

Nguồn: SSC

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Thị trường trái phiếu năm 2021 tiếp tục nhận được hỗ trợ rất lớn từ chính sách tiền tệ khi NHNN bơm một lượng tiền đồng đáng kể vào hệ thống.

Đối với thị trường trái phiếu chính phủ, trong năm 2021, Bộ Tài chính tiếp tục thực hiện đúng Nghị quyết số 128/2020/QH14 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 để huy động vốn cho NSNN. Theo đó, khối lượng huy động TPCP trên thị trường trong năm 2021 là 318.213 tỷ đồng. Kỳ hạn phát hành bình quân đạt 13,92 năm (giảm 0,02 năm so với cuối năm 2020), lãi suất phát hành bình quân đạt 2,30% (giảm 0,56% so với cuối năm 2020).

Xu hướng giảm của lợi suất tiếp tục chiếm ưu thế. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ so với năm 2020.

- Lợi suất trái phiếu ngắn hạn nhích tăng nhẹ, do mặt bằng lãi suất liên ngân hàng trung bình năm nay cao hơn so với cùng kỳ năm ngoái.
- Mặc dù thanh khoản không thiếu hụt, mức giảm lợi suất trái phiếu dài hạn khá khiêm tốn đặc biệt trong Quý 3.

Nguyên nhân, lãi suất đã giảm khá mạnh trong một khoảng thời gian dài trước đó, bởi vậy tâm lý nhà đầu tư khá nhạy cảm trước yếu tố tiềm ẩn có thể thay đổi sự ổn định vĩ mô.

- Các nguyên nhân lý giải cho đà giảm của lợi suất trái phiếu: (1) Các NHTW vẫn cho thấy động thái nới lỏng chính sách tiền tệ nhằm hỗ trợ nền kinh tế phục hồi sau đại dịch. (2) Chính phủ luôn cho thấy nỗ lực kiểm soát dịch bệnh. (3) Trái phiếu Chính phủ vẫn là sự lựa chọn hàng đầu cho các tài sản thanh khoản, có mức sinh lời cố định.

Tỷ đồng	Kế hoạch phát hành 2020	Khối lượng đã phát hành	% Hoàn thành kế hoạch 2021
5 năm	35.000	20.768	59.34%
7 năm	10.000	5.481	54.81%
10 năm	145.000	133.906	92.35%
15 năm	125.000	103.704	82.96%
20 năm	23.000	23.885	103.85%
30 năm	35.000	30.469	87.05%
Tổng	**373.000**	**318.213**	**98.21%**

Lãi suất tiết kiệm tháng 12/2021 (ĐVT: %/năm)

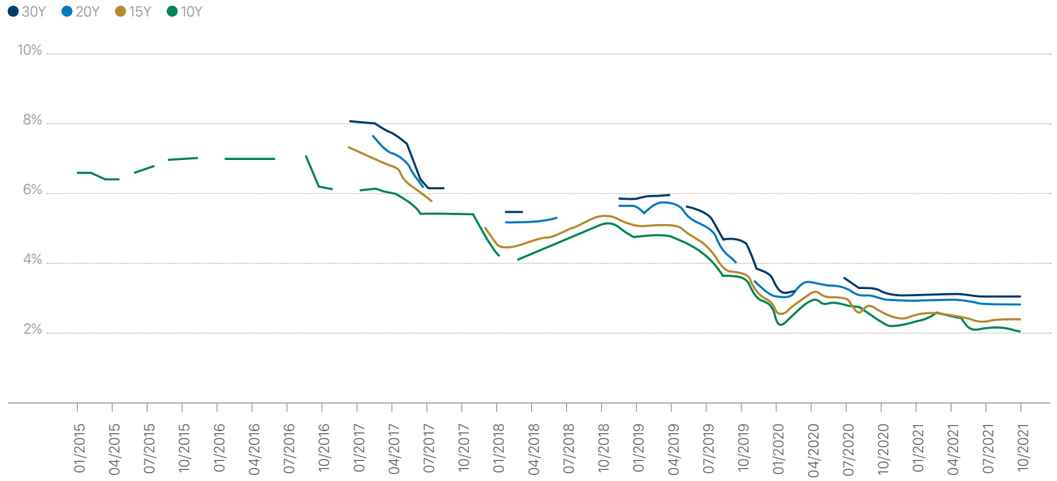

Nguồn:HSX

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

Trái phiếu doanh nghiệp được phát hành trong nước năm 2021

594.520

(+35,83% YOY) TỶ ĐỒNG

Bên cạnh đó, có 6 đợt phát hành trái phiếu quốc tế với tổng giá trị

1,74

TỶ USD

(Tổng giá trị phát hành ước đạt ~644.000 tỷ đồng).

Thị trường TPDN đã nhanh chóng có sự thích nghi với khung pháp lý mới: từ tháng 5 khối lượng phát hành đã tăng trở lại. Hình thức phát hành chủ đạo là phát hành riêng lẻ (98,5%).

Ngân hàng và Bất động sản (chiếm lần lượt 37% và 36%) tiếp tục là nhóm ngành phát hành chủ đạo. Lãi suất phát hành có xu hướng giảm nhẹ đi cùng xu hướng giảm lãi suất cho vay.

Trái phiếu Bất động sản: phát hành đạt 210.950 tỷ đồng (+61% yoy). Có thể thấy sự phát triển loại hình trái phiếu bất động sản bắt nguồn từ cả hai phía cung và cầu khi các chủ đầu tư là doanh nghiệp BĐS có nhu cầu huy động vốn để triển khai dự án. Trong khi đó, nhà đầu tư đặc biệt là nhà đầu tư cá nhân cũng tìm kiếm những sản phẩm có mức sinh lời tốt hơn so với lãi suất tiết kiệm.

THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Năm 2021 khép lại thêm đầy dãy khó khăn đối với lĩnh vực bất động sản (BĐS), thị trường tiếp tục mất cân đối cung - cầu, "sốt đất" xảy ra sau mỗi đợt dịch Covid-19.

Những tháng đầu năm 2021, đặc biệt trong quý I tình trạng "sốt đất" xảy ra từ Bắc vào Nam, ở khắp các khu vực trên cả nước, mức tăng bình quân từ 30 - 100%, do 3 nguyên nhân chính: Thông tin quy hoạch, phát triển hạ tầng khiến nhiều nhà đầu tư kỳ vọng như quy hoạch ven sông Hồng, một số huyện ở Hà Nội lên quận, quy hoạch Đà Nẵng, quy hoạch Thủ Đức (TP Hồ Chí Minh) lên thành phố...; Dòng vốn đầu tư nước ngoài đổ mạnh vào phát triển công nghiệp kéo theo nhu cầu cơ sở hạ tầng gia tăng khiến giá đất nhiều vùng trũng ở nhiều địa phương tăng vọt; Ngoài ra, sốt đất còn do giới đầu nậu, cò đất thổi giá.

Năm 2021 là năm đầu tiên thực thi hàng loạt những luật, bộ luật mới sửa đổi, bổ sung liên quan đến thị trường BĐS, như: Luật Đầu tư, Luật Kinh doanh BĐS, Luật Nhà ở, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Thuế thu nhập DN... kết hợp với Luật Xây dựng (sửa đổi) đảm bảo sự đồng bộ của hệ thống pháp luật liên quan đến việc chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư, công nhận chủ đầu tư dự án nhà ở, BĐS).

Bước sang năm 2022 kinh tế dự báo phục hồi nhanh, khi thực hiện tốt chương trình phục hồi kinh tế, trong đó có gói tín dụng về nhà ở xã hội đề xuất là 65.000 tỷ đồng; Chiến lược phát triển nhà ở Bộ Xây dựng đang gấp rút hoàn thành trình Chính phủ phê duyệt; Đầu tư công, đặc biệt vấn đề pháp lý được tháo gỡ mạnh thời gian qua, sắp tới sẽ sửa đổi Luật Đất đai. Chính phủ cũng đang sửa Nghị định về nhà ở cho công nhân khu công nghiệp... những điều đó sẽ tác động tích cực đến thị trường BĐS.

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG NĂM 2022

Trong năm 2022, với triển vọng về vaccine và kiểm soát dịch Covid-19, kinh tế trên thế giới được dự báo sẽ tiếp tục ghi nhận tăng trưởng. Cầu tiêu dùng được đánh giá sẽ duy trì đà tăng khi các nền kinh tế mở cửa mạnh mẽ hơn, đầu tư có thể sẽ giảm do dư địa tài khoá của một số chính phủ co lại cùng sự kéo dài của đại dịch.

Việc thu hẹp các gói chính sách tiền tệ nới lỏng là xu hướng trong năm 2022. Về tốc độ điều chỉnh chính sách, sẽ có sự phân hoá khi Fed nhiều khả năng là NHTW đi đầu.

IMF đã hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu trong năm 2022 xuống mức 4,4%, thấp hơn 0,5% so với dự báo công bố tháng 10 năm ngoái. Theo IMF, yếu tố dẫn tới sự sụt giảm này là do đợt bùng phát dịch mới đây của biến thể Omicron, cho dù giới chuyên gia dự báo số ca mắc mới do biến thể này có thể giảm dần bắt đầu từ quý II/2022. Ngoài ra yếu tố căng thẳng địa chính trị đặc biệt là căng thẳng Nga-Ukraine diễn ra đầu năm 2022 vẫn chưa được các tổ chức tính toán tới và sẽ tiếp tục được cập nhật trong các dự báo mới nhất.

Trong bối cảnh đó, Tập đoàn Bảo Việt nhận diện kinh tế vĩ mô và thị trường có tác động đến hoạt động kinh doanh của Bảo Việt như sau:

1. KINH TẾ VĨ MÔ

Theo Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022

Chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022

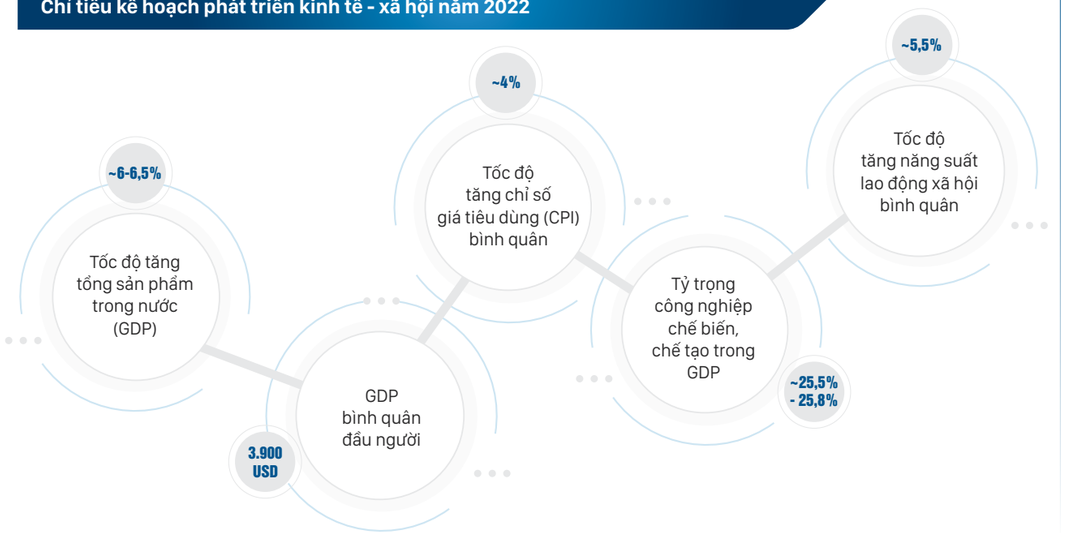

Trước tình hình dịch dịch bệnh Covid-19 vẫn còn phức tạp, có ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam, cũng như tính hình căng thẳng địa chính trị Nga - Ukraine khiến giá năng lượng tăng cao.

Dự báo, lạm phát có thể tăng cao hơn so với trung bình các năm trước, nhưng vẫn trong khả năng kiểm soát nhờ:

(1) Chính phủ tiếp tục lùi thời điểm tăng lương cơ bản, thay vì kế hoạch tăng vào tháng 7/2022;

(2) Nhóm lương thực thực phẩm và hàng hóa tiêu dùng, cần theo dõi đến nguy cơ thiếu hụt nguồn cung ngắn hạn do gián đoạn sản xuất sau dịch;

(3) Chính sách tiền tệ điều hành linh hoạt;

(4) Giá cả của các loại hàng hóa dịch vụ công, điện, nước, y tế trong khả năng điều hành và kiểm soát của Chính phủ.

Tuy nhiên cần theo dõi các yếu tố gây áp lực lên lạm phát:

(1) Cầu tiêu dùng nội địa ghi nhận cải thiện đáng kể ở nhóm tiêu dùng không thiết yếu (giải trí, oto, quần áo...);

(2) Giá nguyên nhiên liệu đầu vào ở mức cao và có thể duy trì mặt bằng này sang đến nửa đầu năm 2022;

(3) Nhóm y tế cũng có thể ghi nhận áp lực tăng, trong phục vụ cho nhu cầu chữa trị và công tác dự phòng.

Dự báo, năm 2022 tăng trưởng GDP đạt 6,5%-6,8%. Cầu tiêu dùng dần phục hồi. Gói kích thích kinh tế với quy mô hợp lý sẽ giúp Việt Nam theo kịp tốc độ hồi phục của thế giới.

Tăng trưởng GDP	Lạm phát	Tỷ giá	Tín dụng
6,5-6,8%	≈ 4%	< 2%	13-15%

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

(1) Covid sẽ trở thành căn bệnh có thể điều trị được vào năm 2022, tuy nhiên xác suất lây nhiễm đối với các chủng virus kháng vắc-xin sẽ góp phần gia tăng tính bất định của quá trình phục hồi kinh tế.

(2) Gói kích thích kinh tế giải ngân nhanh cũng như chính sách tiền tệ của NHNN vẫn tiếp tục nới lỏng sẽ tạo động lực hỗ trợ nền kinh tế phục hồi và tăng trưởng.

(3) Đầu tư công sẽ là yếu tố chính hỗ trợ quá trình phục hồi kinh tế. Gói chi tiêu công sẽ tập trung vào các lĩnh vực chính, bao gồm y tế công, kỹ thuật số và viễn thông, hạ tầng giao thông và năng lượng.

(4) Chuyển đổi số tiếp tục dẫn dắt quá trình tăng trưởng.

(5) Nền kinh tế Trung Quốc đang tăng trưởng chậm lại và chính sách "Zero Covid" có khả năng làm tăng thêm rủi ro cho đà tăng trưởng của Việt Nam, ảnh hưởng đến xuất khẩu.

(6) Căng thẳng địa chính trị Nga-Ukraine khiến cho giá năng lượng tăng cao, ảnh hưởng đến chuỗi cũng ứng sản xuất vốn đã bị ảnh hưởng do dịch covid-19 trong 2 năm qua.

2. THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

Theo Swiss Re, tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm của Việt Nam vẫn ở mức thấp (năm 2021 là 2,3% GDP, trong đó, thị trường BHNT là 1,6% và thị trường BHPNT là 0,7%). Bên cạnh đó, mục tiêu của Chính phủ đến năm 2025, Việt Nam đạt mục tiêu 15% dân số tham gia bảo hiểm nhân thọ (năm 2020 là 11%).

Dự báo thị trường bảo hiểm phi nhân thọ hồi phục tăng trưởng trong năm 2022

8-10%

Thị trường bảo hiểm nhân thọ dự báo duy trì tăng trưởng tích cực trong năm 2022

22-25%

Đối với lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ

BHSK và tai nạn cá nhân được dự báo là động lực tăng trưởng chính nhờ đại dịch nâng cao nhận thức của cộng đồng về các mối quan tâm sức khỏe và tử vong. Tuy nhiên, điều này có thể bị cản trở bởi bảo hiểm y tế nhóm tiếp tục chậm lại (Fitch Solutions - Q1.2022). BH xe cơ giới dự báo phục hồi nhờ chính sách giảm 50% lệ phí trước bạ giúp sức tiêu thụ ô tô tăng trưởng mạnh trở lại trong năm 2022.

Theo AM Best, xu hướng chung là các DNBH phát triển sản phẩm kỹ thuật số đơn giản, sáng tạo, hướng đến khách hàng. Các DNBH tiếp tục phát triển mối quan hệ với các tổ chức tài chính (kênh bancassurance), tăng cường hoạt động bán chéo và khai thác quyền phân phối độc quyền, đầu tư phát triển kênh phân phối trực tuyến.

Các DNBH đẩy mạnh chuyển đổi số và các quy trình kỹ thuật số trong cả bán hàng và hoạt động, tối ưu hóa quy trình phục vụ khách hàng từ xử lý thông tin, bán sản phẩm, công tác chi trả bồi thường; tiếp tục hướng đến xây dựng một hệ sinh thái số khép kín, an toàn và bảo mật, mang lại sự thuận tiện cho khách hàng. Các DNBH liên tục cải tiến cách thức mua hàng và đóng phí linh hoạt, khai thác dịch vụ Mobile money để cung cấp bảo hiểm vi mô.

Đối với lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ

Kênh bancassurance tiếp tục là động lực tăng trưởng chính. Năm 2022, một số thương vụ bancassurance lớn là Techcombank và VPBank tiếp tục đàm phán lại hợp đồng với Manulife và AIA. HDBank và LienVietPostBank có thể ký kết hợp đồng banca độc quyền mới (theo SSI). Song song với kênh đại lý cá nhân, các DNBH mở rộng khai thác kênh đại lý tổ chức (công ty dịch vụ tài chính, sàn thương mại điện tử, ví điện tử...).

Theo Báo cáo Q1.2022 của Fitch Solutions, các DNBH nhân thọ sẽ cung cấp nhiều loại sản phẩm tiết kiệm và bảo vệ nhắm vào các tầng lớp trung lưu mới nổi. Đồng thời, các DNBH sẽ tiếp tục phát triển các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe, chăm sóc sức khỏe đa dạng để thu hút khách hàng.

Bên cạnh đó, người dân ngày càng hiểu biết về công nghệ, thúc đẩy sự phát triển của công nghệ bảo hiểm Insurtech, kéo theo xu hướng các DNBH cạnh tranh về chất lượng dịch vụ và sản phẩm, tăng tính tiện ích đối với các trải nghiệm dịch vụ khách hàng. Các DNBH đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số, tự động hóa bán hàng theo xu hướng sử dụng AI trong tiếp cận dữ liệu khách hàng.

Bên cạnh các yếu tố triển vọng, thị trường bảo hiểm năm 2022 sẽ phải đối mặt với một số thách thức

Covid-19	Rủi ro xuất hiện các biến chủng mới thách thức quá trình phục hồi kinh tế, tiếp tục tác động đến thị trường bảo hiểm, nhất là bảo hiểm phi nhân thọ;
Lạm phát	Sự gia tăng lạm phát tiềm ẩn trong năm 2022 ảnh hưởng đến lợi nhuận ngành bảo hiểm thông qua tăng chi phí, bồi thường;
Lãi suất	Lãi suất năm 2022 dự báo tăng nhẹ tuy nhiên vẫn duy trì ở mặt bằng thấp như giai đoạn đầu năm 2021. Môi trường lãi suất thấp tiếp tục gây áp lực lên hiệu quả đầu tư của DNBH (AM Best).
Bồi thường	Tỷ lệ tổn thất năm 2022 dự báo có thể tăng cao hơn so với mức thấp của năm 2021, nhất là các nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới, BHSK...
Rủi ro	Rủi ro an ninh mạng, rủi ro thiên tai ngày càng gia tăng...
Đối thủ tiềm năng	Đối thủ cạnh tranh từ ngoài ngành như các doanh nghiệp công nghệ, bán lẻ, công ty chuyên về sức khỏe. Năm 2021 đánh dấu nền tảng kỹ thuật số độc quyền về bảo hiểm nhân thọ đầu tiên tại Việt Nam là Tiki cùng hợp tác với AIA.
Pháp lý	Sửa đổi Luật KDBH, có hiệu lực từ 1/7/2023 quy định mới về mô hình quản lý, giám sát theo rủi ro; thúc đẩy hợp tác, M&A, ứng dụng công nghệ, minh bạch thông tin, bảo vệ người tiêu dùng... Trong đó quy định về khả năng thanh toán và tỷ lệ an toàn vốn sẽ tác động mạnh mẽ đến yêu cầu về vốn và quản trị rủi ro của các DNBH.

3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ - NGÂN HÀNG

Với chính sách điều hành linh hoạt của NHNN, thị trường tiền tệ dự báo tiếp tục ổn định trong năm 2022.

NHNN duy trì định hướng chính sách nhất quán trong năm 2022, trọng tâm kiểm soát nợ xấu trong hệ thống ngân hàng: yêu cầu NHTM tiếp tục đồng hành, hỗ trợ nguồn vốn cho doanh nghiệp phục hồi sau đại dịch. Do đó, tăng trưởng tín dụng có thể cao hơn năm 2021, đạt 13% - 15%.

Thị trường ngoại hối và tỷ giá ổn định. NHNN có chính sách linh hoạt và nhất quán nhằm kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô nói chung và tỷ giá nói riêng. Tuy nhiên, nếu FED nới lỏng tiền tệ sớm hơn dự kiến thì USD lên giá nhiều hơn so với các ngoại tệ khác; từ đó gây áp lực lên VND. VND được dự báo giảm giá không quá 2% so với USD.

Dự báo mặt bằng lãi suất huy động trong năm 2022 sẽ đi ngang hoặc tăng nhẹ 25-50 điểm cơ bản và duy trì ở trạng thái ổn định phù hợp với xu thế thị trường thế giới nhờ: (i) CPI trung bình cho cả năm 2022 tăng so với 2021 tuy nhiên vẫn nằm trong tầm kiểm sát; **(ii)** Quá trình nới lỏng của các NHTW lớn trên thế giới sẽ diễn ra với tốc độ chậm rãi, thời điểm Fed bắt đầu tăng lãi suất có thể xuất hiện vào cuối năm 2022; **(iii)** Định hướng xuyên suốt của NHNN là đảm bảo thanh khoản hệ thống, giữ LSHĐ ở mặt bằng thấp, và dành nguồn lực xử lý nợ xấu.

Lãi suất cho vay có thể giảm thêm nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sau đại dịch nhờ: NHNN chủ động điều tiết cung tiền và thanh khoản một cách hợp lý khi cần thiết. LS huy động ổn định ở mặt bằng thấp đủ lâu là tiền đề cho xu hướng giảm của LS cho vay.

4. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

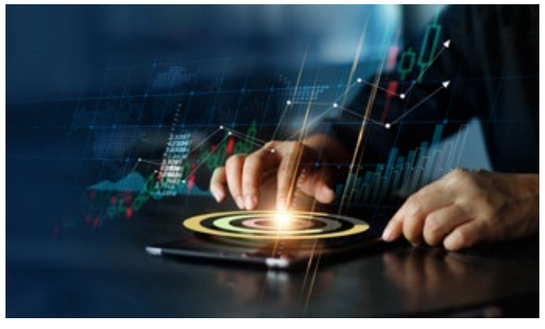

Nền kinh tế Việt Nam lấy lại đà tăng trưởng kinh tế, lạm phát ở mức cao nhưng trong tầm kiểm soát. Gói kích thích kinh tế được thông qua, giảm thuế. NHTW các nước lớn bắt đầu rút tiền về và nâng lãi suất. Lãi suất tại Việt Nam có thể tăng nhẹ tuy nhiên vẫn ở mức thấp. Thị trường chứng khoán nhìn chung vẫn sẽ là một kênh đầu tư hấp dẫn - nhất là với các nhà đầu tư cá nhân

Hệ thống công nghệ thông tin mới của Sở HOSE, để có thể đưa thêm được các sản phẩm khác trên thị trường như T-0, hay đáp ứng đủ các điều kiện để thị trường Việt Nam sớm nâng hạng lên thị trường mới nổi.

VnIndex có xu hướng tăng điểm trong năm 2022. Giai đoạn nửa đầu năm 2022, khi nhiều chính sách mới được kích hoạt sẽ tạo ra nhiều kỳ vọng cho nhà đầu tư. Tuy nhiên, mặt bằng giá cổ phiếu ở giai đoạn hiện tại nhìn chung đã được đẩy lên mức cao hơn khá nhiều so với thời điểm đầu năm 2021. Dự báo mức VN Index năm 2022 tăng khoảng 10-15% so với trung bình năm 2021.

Thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ đối diện với mức độ biến động cao trong năm 2022 với nhiều con sóng tăng ngắn xen kẽ bởi các cú sốc giảm giá, tuy nhiên xu hướng chung vẫn là đi lên.

Dự báo năm 2022, VN Index hướng đến mức đỉnh 1650-1700 điểm, với mức P/E 2022 tương đương 16.x lần. VN Index trung bình trong khoảng 1400-1500 điểm.

5. THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Thị trường TPCP:

Nhu cầu phát hành TPCP có thể tăng trong năm 2022, khối lượng phát hành khoảng 400 nghìn tỷ VNĐ.

Khối lượng TPCP đáo hạn năm 2022 giảm mạnh so với 2021 làm giảm áp lực phát hành nhằm cơ cấu lại nợ.

NHTW các nước lớn bắt đầu nới lỏng tiền tệ và nâng lãi suất. Lãi suất tại Việt Nam có thể tăng nhẹ vào nửa cuối năm tuy nhiên vẫn ở mức thấp.

Chủ trương của NHNN giữ mặt bằng lãi suất thị trường 1 ở mức thấp hợp lý, vốn khả dụng hệ thống dự báo dồi dào, trong điều kiện cầu vẫn vượt cung, lãi suất TPCP sẽ cơ bản duy trì mặt bằng thấp như hiện tại, với biên độ điều chỉnh nhỏ (20-50bsp). Đan xen trong các nhịp giảm là các nhịp tăng theo các biến động trên thị trường thế giới.

Lợi suất TPCP kỳ hạn 10 năm quanh mức 2-2,5%/năm.

Các kỳ hạn dài 10-15Y tiếp tục được ưa thích do lợi suất tốt hơn so với chi phí vốn.

Thị trường TPDN:

Thị trường TPDN trong năm 2022 được dự báo sẽ tiếp tục có những bước phát triển với sự mở rộng cả về quy mô lẫn tính đa dạng của sản phẩm.

Sự bạch thông tin của thị trường sẽ tiếp tục được cải hiện đi kèm với sự tuân thủ hành lang pháp lý nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững. Tiềm năng tăng trưởng hiện hữu trong dài hạn xét tới sự tăng trưởng của nền kinh tế đi kèm với nhu cầu mở rộng kinh doanh của doanh nghiệp, kéo theo đó là nhu cầu sử dụng vốn. Yếu tố thuận lợi đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp năm 2022 là mặt bằng lãi suất duy trì thấp. Tuy vậy, thách thức và cơ hội cũng song hành khi cạnh tranh gia tăng đến từ kênh tín dụng ngân hàng; khung pháp lý tiếp tục hoàn thiện đòi hỏi thành viên thích nghi cao.

Lợi suất trái phiếu doanh nghiệp nhiều khả năng sẽ có dư địa giảm đi cùng với xu hướng lãi suất cho vay duy trì thấp và tính thanh khoản các trái phiếu tăng lên với kỳ vọng về sàn giao dịch trái phiếu doanh nghiệp thứ cấp tập trung.

6. THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Nếu đại dịch Covid-19 được khống chế tốt, 2022 sẽ là một năm đầy sôi động của thị trường BĐS. Các động lực quan trọng nhất phải kể ra là sự nỗ lực của Chính phủ nhằm đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công đối với các dự án cơ sở hạ tầng trọng yếu và tháo gỡ các vướng mắc về pháp lý, tốc độ phủ vắc-xin cao và việc đường bay quốc tế được mở lại. Về dài hạn, sự gia tăng nhanh chóng của tầng lớp trung lưu cùng với tốc độ đô thị hóa nhanh chóng và một số điều kiện thuận lợi khách quan về vị trí địa lý hay dân số trẻ sẽ giúp nhiều phân khúc BĐS có sức cầu đáng kể, là điều kiện để thị trường BDS tiếp tục năng động và phát triển.

Xét kịch bản lạc quan nhất là các hoạt động kinh tế được khôi phục hoàn toàn thì các phân khúc cũng sẽ hồi phục với tốc độ không giống nhau. BĐS công nghiệp, nhà ở và văn phòng sẽ có nhiều ưu thế và tiếp tục đà tăng trưởng mạnh mẽ ngay trong năm 2022. BĐS nghỉ dưỡng thì cần thêm thời gian vì có quan hệ chặt chẽ với đà hồi phục của ngành du lịch, có khi cần đến 2 hoặc 3 năm để đạt mức tăng trưởng như giai đoạn trước dịch.

Năm 2021, trong bối cảnh đại dịch Covid -19 có nhiều diễn biến phức tạp và gây ảnh hưởng trên khắp thế giới, Tập đoàn Bảo Việt đã thành công trong việc tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu trên cả hai mảng kinh doanh chính là bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ nhờ chiến lược kinh doanh linh hoạt, tối ưu hóa các cơ hội cũng như nhờ sự đồng lòng, quyết tâm và nỗ lực của toàn hệ thống trong việc ứng dụng và triển khai các giải pháp, sản phẩm công nghệ, giúp tận dụng cơ hội đầu tư và phát huy tối đa sức mạnh hợp lực toàn Tập đoàn.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

50.380
(TỶ ĐỒNG)
Tổng Doanh thu vượt 3% so với kế hoạch

2.376
(TỶ ĐỒNG)
Lợi nhuận trước thuế vượt 43% so với kế hoạch

169.504
(TỶ ĐỒNG)
Tổng tài sản hợp nhất toàn Tập đoàn

TỔNG QUAN VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH TOÀN TẬP ĐOÀN TRONG NĂM 2021

Năm 2021, dưới tác động của các diễn biến phức tạp và khó lường của dịch bệnh Covid - 19, nền kinh tế nói chung ghi nhận nhiều khó khăn, thị trường bảo hiểm, đặc biệt là lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ ghi nhận sự cạnh tranh gay gắt trong khi mức tăng trưởng của thị trường giảm, Tập đoàn Bảo Việt vẫn nỗ lực hoàn thành vượt kế hoạch cả về Doanh thu và đặc biệt là Lợi nhuận, với Tổng Doanh thu đạt 50.380 tỷ VND, lợi nhuận trước thuế đạt 2.376 tỷ, vượt lần lượt 3% và 43% so với kế hoạch.

Là một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu, kết quả kinh doanh khả quan của Tập đoàn Bảo Việt có sự đóng góp cốt lõi từ hoạt động bảo hiểm với doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm năm 2021 đạt 36.828 tỷ đồng, tăng trưởng 7% so với năm 2020. Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục khẳng định vị thế số 1 trên cả thị trường bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ.

Cùng với bảo hiểm, năm 2021 hoạt động tài chính tiếp tục đạt hiệu quả cao: doanh thu đạt 8.912 tỷ, lợi nhuận đạt 7.852 tỷ đồng, là kết quả rất khả quan trong bối cảnh thị trường chịu nhiều tác động của dịch bệnh, góp phần quan trọng vào kết quả kinh doanh chung ấn tượng của Tập đoàn.

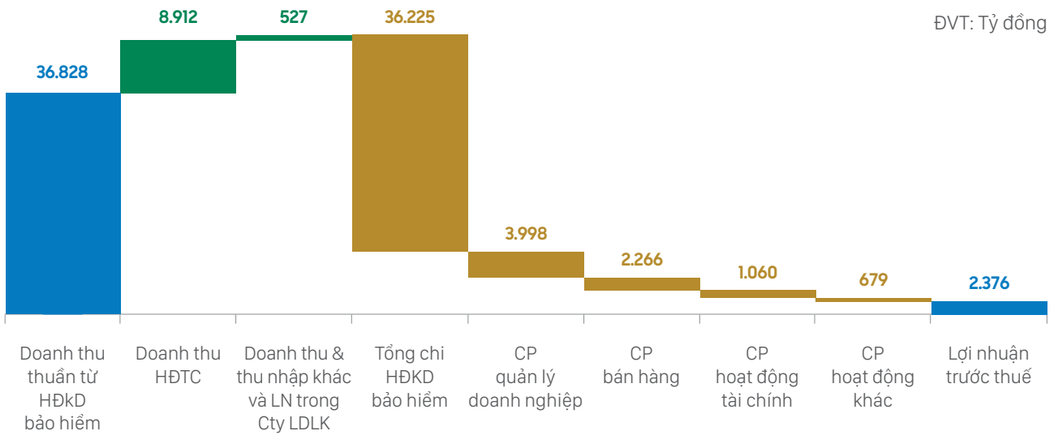

KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT TOÀN TẬP ĐOÀN

DOANH THU

Doanh thu hợp nhất giai đoạn 2017-2021
(ĐVT: Tỷ đồng)

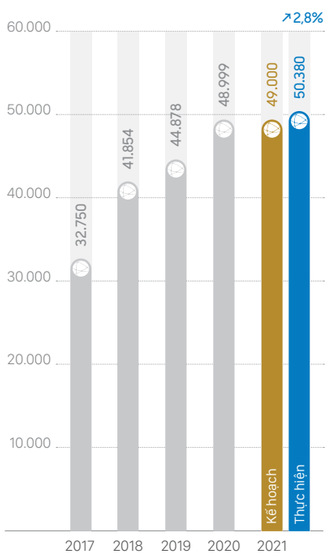

GHI NHẬN DẤU ẤN KHẢ QUAN TRONG MỌI LĨNH VỰC KINH DOANH

Năm 2021, trong bối cảnh khó khăn do đại dịch Covid-19, Tập đoàn Bảo Việt vẫn đạt được những dấu ấn khả quan trong kết quả kinh doanh của các lĩnh vực nhờ sớm nắm bắt và đầu tư vào nền tảng công nghệ, phát triển và hoàn thiện hệ sinh thái số bằng cách tận dụng các giải pháp công nghệ, tài nguyên số; đồng thời liên tục củng cố nội lực, kết hợp các chính sách ứng phó linh hoạt, không ngừng nghiên cứu, phát triển và tạo ra những sự đột phá về sản phẩm, kênh phân phối và dịch vụ khách hàng. Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn đạt 50.380 tỷ đồng, vượt 2,8% kế hoạch đề ra, tăng trưởng 2,8% so với năm 2020.

Doanh thu theo các lĩnh vực cốt lõi năm 2020-2021
(ĐVT: %)

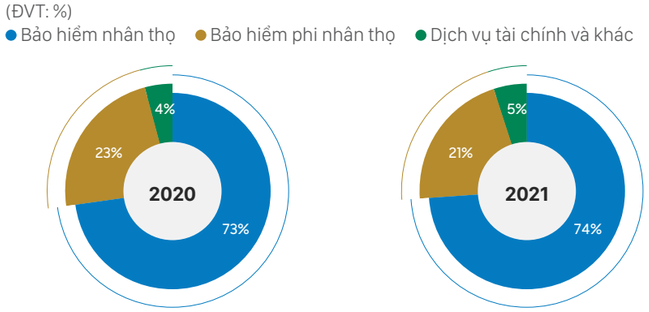

Các lĩnh vực đều tăng trưởng khả quan:

LĨNH VỰC KINH DOANH BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Tổng doanh thu Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ
(Tỷ đồng)

37.848

Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ ghi nhận tổng doanh thu lên đến 37.848 tỷ đồng, tăng trưởng 4,6%, trong đó tổng doanh thu phí bảo hiểm đạt 30.562 tỷ đồng, tăng trưởng 9,0% so với năm 2020; tiếp tục giữ vững ngôi vị số 1 thị trường. Luôn nỗ lực trong việc nghiên cứu, đáp ứng nhu cầu và chăm sóc khách hàng, liên tiếp trong nhiều năm, Bảo Việt Nhân thọ duy trì được mức tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm từ các hợp đồng đang có hiệu lực, cụ thể năm 2021 mức tăng trưởng này so với cùng kỳ là 12,7%. Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ tiếp tục có đóng góp lớn nhất (74%) vào tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn.

LĨNH VỰC KINH DOANH BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

Tổng doanh thu lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ
(Tỷ đồng)

10.588

Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ khẳng định vững vàng vị thế số 1 Việt Nam trong nhiều năm liên tiếp. Tổng doanh thu năm 2021 đạt 10.588 tỷ đồng, đóng góp 21% vào tổng doanh thu toàn Tập đoàn; trong đó doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 8.949 tỷ đồng. Tỷ lệ bồi thường trên phí gốc là 43,7%, giảm 11% so với tỷ lệ năm 2020 (54,7%), hướng đến mục tiêu tiếp tục nâng cao hiệu quả kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ.

LĨNH VỰC DỊCH VỤ TÀI CHÍNH VÀ KHÁC

Tổng doanh thu lĩnh vực Dịch vụ tài chính và khác
(Tỷ đồng)

>2.500

Lĩnh vực Dịch vụ tài chính và khác, với tổng doanh thu đạt trên 2.500 tỷ đồng, tăng trưởng ấn tượng 34,1%, đã đóng góp 5% vào tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn. Trong bối cảnh lãi suất duy trì ở mức thấp, thị trường chứng khoán diễn biến phức tạp, Bảo Việt với nhiều năm tiên phong trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán và quản lý quỹ đã chủ động nhận định, nắm bắt thời cơ tốt của thị trường, hiện thực hóa lợi nhuận, thu về những kết quả khả quan. Tổng doanh thu lĩnh vực kinh doanh chứng khoán ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 130,3% so cùng kỳ, đạt 1.147 tỷ đồng. Lĩnh vực quản lý quỹ tiếp tục có sự tăng trưởng ổn định với tổng doanh thu đạt 115 tỷ đồng. Tổng tài sản quản lý bởi Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt kết thúc năm 2021 đạt 96.298 tỷ đồng, tăng trưởng 22,6%.

Hoạt động quản lý và cho thuê văn phòng, xây lắp và kinh doanh bất động sản duy trì ổn định trong bối cảnh khó khăn do dịch bệnh, giãn cách, với tổng doanh thu đạt 312 tỷ đồng, góp phần vào kết quả kinh doanh khả quan chung toàn Tập đoàn.

TỐI ƯU HÓA CÁC CƠ HỘI, LỢI NHUẬN HỢP NHẤT TĂNG TRƯỞNG CAO

Ngay từ đầu năm 2021, nhận diện trước các khó khăn, thách thức của nền kinh tế, toàn Tập đoàn đã nỗ lực phát huy sức mạnh tổng thể trên nền tảng công nghệ và hệ sinh thái Bảo Việt nhằm tiếp tục phát huy thành quả từ năm 2020, nhờ đó kết thúc năm Tập đoàn về đích với kết quả xuất sắc: Lợi nhuận sau thuế Hợp nhất đạt 2.003 tỷ đồng, tăng trưởng 21,4% so với năm 2020, vượt 48,4% kế hoạch.

Trong bối cảnh môi trường kinh doanh kém khởi sắc cùng với các thách thức trong việc áp dụng công nghệ *(lãi suất duy trì ở mức thấp là rào cản cho hoạt động tài chính, trong khi đặc thù kinh doanh bảo hiểm là duy trì tỷ trọng trái phiếu và tiền gửi cao; chi phí duy trì và phát triển mạng lưới, đầu tư hệ thống công nghệ thông tin thích ứng môi trường mới vẫn ở mức cao...)*, Bảo Việt đã nỗ lực nắm bắt, lường định từ sớm để đưa ra các giải pháp kinh doanh hợp lý, nhờ đó, các lĩnh vực đều đạt kết quả lợi nhuận đáng ghi nhận.

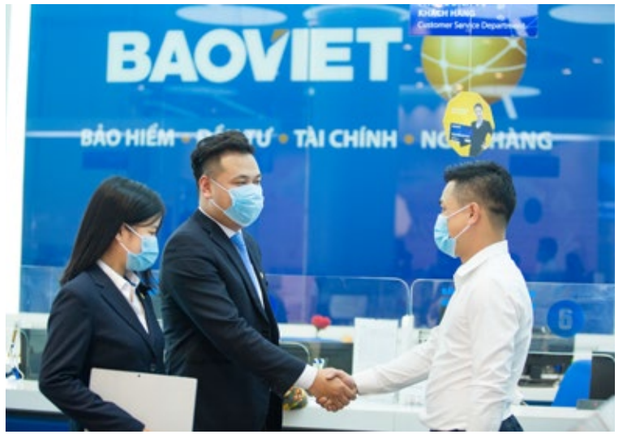

Cụ thể:

- Lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tiếp nối những thành công của việc tái cấu trúc, cũng như của việc sớm thay đổi để thích ứng môi trường kinh doanh số, ghi nhận Lợi nhuận sau thuế năm 2021 với mức tăng trưởng ấn tượng 192,6% so cùng kỳ, đạt 207 tỷ đồng. Lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ đạt mức lợi nhuận sau thuế tương đương cùng kỳ với 875 tỷ đồng.

- Lĩnh vực dịch vụ tài chính và khác có kết quả kinh doanh ấn tượng với lợi nhuận tăng trưởng 27,5%, đạt trên 830 tỷ đồng, nhờ kết quả kinh doanh khởi sắc trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, cũng như hiệu quả đầu tư cao tại Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt và Quỹ đầu tư Giá trị Bảo Việt (BVIF) do Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt quản lý.

Trong cơ cấu lợi nhuận, lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm duy trì là lĩnh vực có tỷ trọng đóng góp cao nhất (56%), các lĩnh vực dịch vụ tài chính và khác chiếm 44%. Hiệu quả đầu tư tăng cao so với cùng kỳ cũng như kết quả kinh doanh khởi sắc từ lĩnh vực chứng khoán đã góp phần nâng cao tỷ trọng của lĩnh vực dich vụ tài chính và khác trong cơ cấu lợi nhuận.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất giai đoạn 2017-2021 (ĐVT: Tỷ đồng)

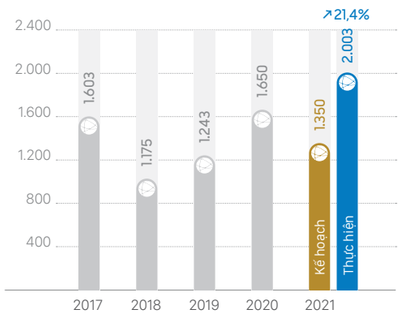

Cơ cấu Lợi nhuận sau thuế hợp nhất theo lĩnh vực năm 2020-2021
(ĐVT: %)

● Bảo hiểm ● Dịch vụ tài chính và khác

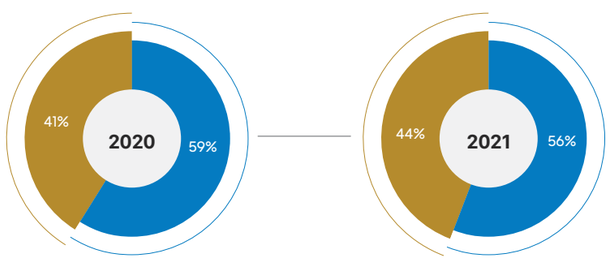

TÀI SẢN HỢP NHẤT

Năm 2021, tổng tài sản hợp nhất toàn Tập đoàn đạt 169.504 tỷ đồng. Tiền gửi và trái phiếu duy trì là kênh đầu tư chính nhằm tận dụng các diễn biến của thị trường tài chính đồng thời đảm bảo được các trách nhiệm dài hạn của doanh nghiệp bảo hiểm.

Tổng tài sản hợp nhất giai đoạn 2017-2021
ĐVT: Tỷ đồng

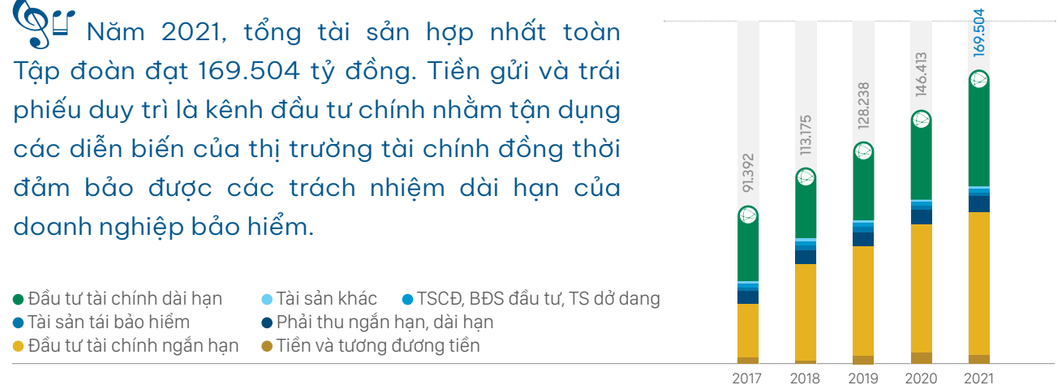

● Đầu tư tài chính dài hạn ● Tài sản khác ● TSCĐ, BĐS đầu tư, TS dở dang
● Tài sản tái bảo hiểm ● Phải thu ngắn hạn, dài hạn
● Đầu tư tài chính ngắn hạn ● Tiền và tương đương tiền

Quy mô tài sản hợp nhất

So với năm 2020, Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2021 tăng hơn 23.000 tỷ đồng (tương ứng với 15,8%), chủ yếu nhờ nguồn tiền từ hoạt động bảo hiểm. Phần tài sản tăng lên chủ yếu tập trung ở danh mục đầu tư tài chính dài hạn và ngắn hạn (lần lượt đạt 82.007 và 67.383 tỷ đồng, tăng 11,2% và 29,9% so với năm 2020).

Đối với khoản mục đầu tư tài chính dài hạn, nhằm đảm bảo cân đối giữa trách nhiệm bảo hiểm của doanh nghiệp và quyền lợi của người được bảo hiểm *(cân đối trách nhiệm và tài sản dài hạn - đặc thù của doanh nghiệp hoạt động bảo hiểm)*, trái phiếu dài hạn duy trì là kênh đầu tư trọng yếu - đạt 50.903 tỷ đồng, tăng 16.950 tỷ đồng so với năm 2020.

Đối với khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn, tiền gửi ngắn hạn cũng ghi nhận mức tăng gần 7.000 tỷ đồng so với năm 2020, góp phần nâng cao giá trị danh mục đầu tư cũng như Tổng tài sản. Tận dụng các cơ hội lãi suất tiền gửi ngắn hạn, nguồn vốn từ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được phân bổ một phần cho danh mục tiền gửi ngắn hạn, vừa giúp tối ưu hóa các cơ hội lãi suất vừa đảm bảo tính linh động trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động.

Tài sản hợp nhất 2021 theo khoản mục chính
ĐVT: Tỷ đồng ● 2020 ● 2021

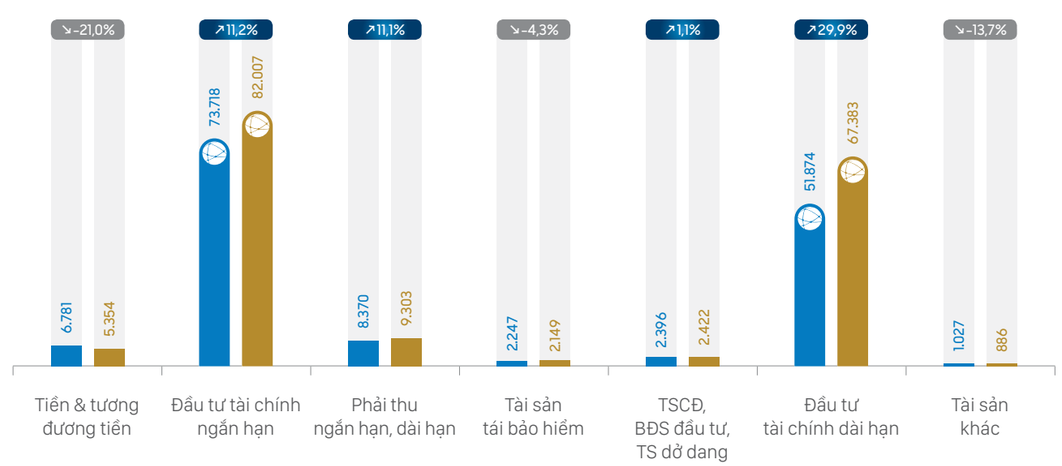

Cơ cấu tài sản hợp nhất

Cơ cấu tài sản hợp nhất năm 2021 về cơ bản không có nhiều biến động so với năm 2020, đầu tư tài chính luôn chiếm tỷ trọng cao nhất, tuy nhiên có sự dịch chuyển nhẹ giữa danh mục đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn. Tỷ trọng đầu tư ngắn hạn dù giảm nhẹ so với năm 2020 song vẫn duy trì cao nhất với 48%. Với giá trị đầu tư trái phiếu dài hạn tăng gần 17.000 so với năm 2020, tỷ trọng danh mục đầu tư tài chính dài hạn tăng từ 35% (năm 2020) lên 40% tại cuối năm 2021.

Việc duy trì tỷ trọng cao của danh mục đầu tư tài chính ngắn hạn trong các năm gần đây nhằm tận dụng các diễn biến thị trường lãi suất khi mặt bằng lãi suất trái phiếu dài hạn còn chưa cao, các kênh đầu tư dài hạn tốt còn hạn chế.

Cơ cấu Tài sản hợp nhất 2020-2021
(ĐVT: %)

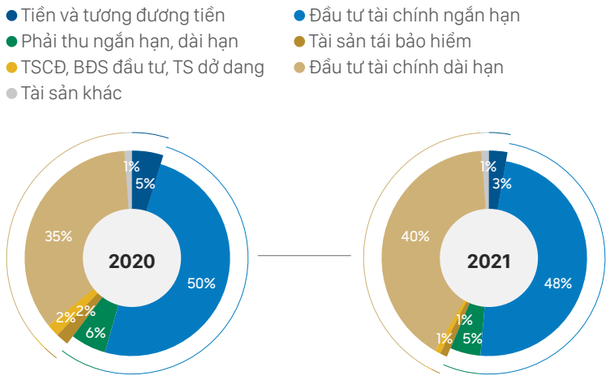

NGUỒN VỐN HỢP NHẤT

Quy mô Nguồn vốn

Tương tự, năm 2021 tổng nguồn vốn hợp nhất tăng 15,8% so với năm 2020, đạt 169.504 tỷ đồng, trong đó quy mô quỹ dự phòng nghiệp vụ tăng 19.958 tỷ đồng, tương ứng 19,0%; chủ yếu từ quỹ dự phòng tại Bảo Việt Nhân thọ. Cùng với mức tăng cao của doanh thu bảo hiểm, tác động của việc lãi suất trái phiếu Chính phủ duy trì thấp khiến quy mô quỹ dự phòng nghiệp vụ tăng mạnh, góp phần chủ yếu vào mức tăng của Nguồn vốn năm 2021. Quỹ dự phòng nghiệp vụ tăng cao thể hiện cam kết đối với các nghĩa vụ bảo hiểm của doanh nghiệp, đồng thời góp phần giảm thiểu tác động của các tổn thất tài chính có thể xảy ra trong tương lai.

Các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm 2021 ghi nhận mức tăng nhẹ hơn 1.000 tỷ đồng, chủ yếu từ danh mục nợ ngắn hạn, do các công ty thành viên tận dụng đòn bẩy tài chính để tối ưu hóa các cơ hội đầu tư, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Nguồn vốn hợp nhất giai đoạn 2017-2021
(ĐVT: Tỷ đồng)

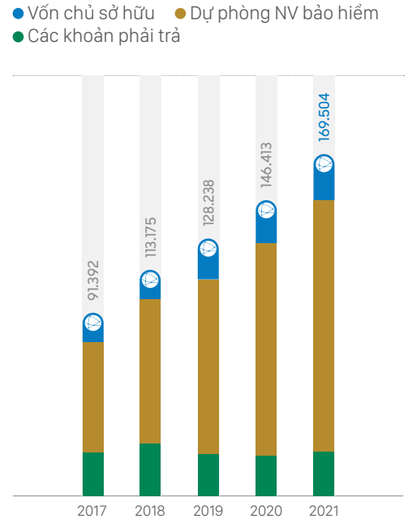

Nguồn vốn hợp nhất theo các khoản mục chính
(ĐVT: Tỷ đồng)

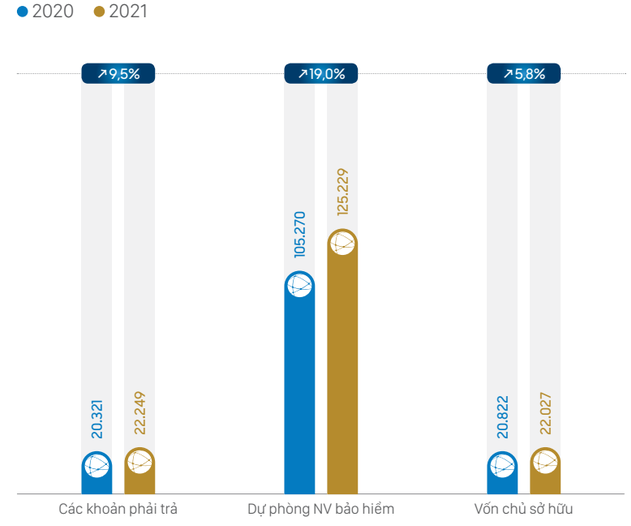

Ngoài các biến động trên, các khoản mục chính khác không có nhiều thay đổi so với năm 2020. Nguồn vốn chủ sở hữu chủ yếu tăng 5,8% từ nguồn lợi nhuận để lại và các quỹ.

Cơ cấu Nguồn vốn

Nhìn chung, cơ cấu nguồn vốn năm 2021 không có nhiều biến động so với năm 2020. Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm vẫn tiếp tục là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất và tăng nhẹ so với năm 2020, chiếm 74% trong tổng cơ cấu nguồn vốn. Quỹ dự phòng nghiệp vụ được nâng cao cả về giá trị và tỷ trọng thể hiện năng lực tài chính vững mạnh, không ngừng được gia tăng cũng như cam kết vững chắc về việc đảm bảo quyền lợi ổn định, lâu dài cho khách hàng của Bảo Việt.

Cơ cấu nguồn vốn 2020-2021
(ĐVT: %)

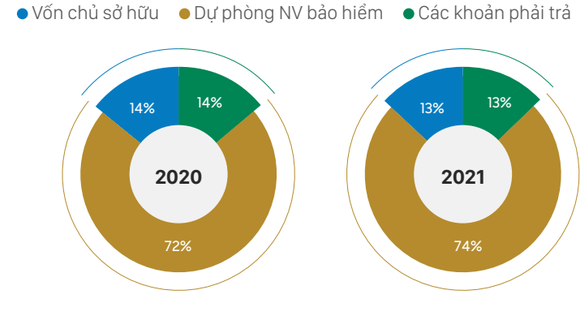

Luôn đảm bảo vượt mức các quy định về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán của các đơn vị luôn được duy trì tốt, đảm bảo tốt nghĩa vụ thanh toán cho các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn. Năm 2021, nhằm tiếp tục tận dụng các cơ hội đầu tư, tăng cường vai trò trên thị trường, BVSC đã tận dụng một số đòn bẩy tài chính nhằm tham gia sâu hơn các nghiệp vụ chứng khoán, khiến Nợ ngắn hạn tăng, hệ số thanh toán dù giảm nhẹ so với năm 2020 song vẫn ở mức an toàn.

Tại ngày 31/12/2021, hệ số an toàn vốn/tỷ lệ an toàn tài chính của các thành viên trong Tập đoàn luôn đảm bảo mức an toàn cao và tuân thủ quy định của Pháp luật, đặc biệt là Công ty Chứng khoán Bảo Việt và Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt, với tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tương ứng lên đến 489% và 530%, cao hơn nhiều lần so với quy định (180%)

Tương tự, tỷ lệ biên khả năng thanh toán tại thời điểm cuối năm của Bảo hiểm Bảo Việt (201%) và Bảo Việt Nhân thọ (111%) đều ở mức an toàn, cao hơn mức quy định của Bộ Tài chính (100%).

(*): Đối với Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, nợ ngắn hạn dùng để tính hệ số thanh toán đã loại trừ Dự phòng nghiệp vụ.

Hệ số thanh toán năm 2021
(ĐVT: Lần)

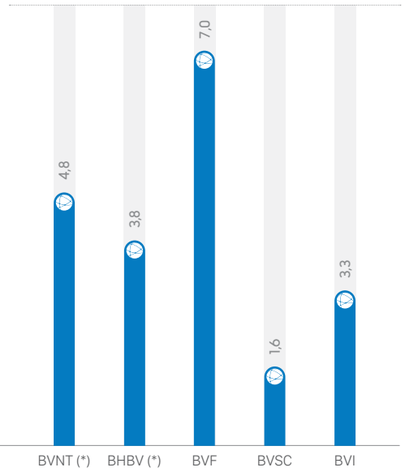

Tối ưu mọi nguồn lực và cơ hội, Bảo Việt vượt qua khó khăn, nâng cao hiệu quả hoạt động, gia tăng khả năng sinh lời

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam năm 2021 bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi làn sóng dịch thứ 4, Tập đoàn Bảo Việt đã phát huy sức mạnh hợp lực; ứng dụng nền tảng công nghệ thông tin để khắc phục khó khăn, đáp ứng các yêu cầu đặt ra trong điều kiện "bình thường mới", đồng thời tối ưu hóa các cơ hội, không ngừng cải thiện chất lượng các dịch vụ cung cấp cho khách hàng, nâng cao năng lực quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, chủ động và vững vàng vượt qua đại dịch.

Kết quả kinh doanh tích cực năm 2021 với mức hoàn thành cao của Lợi nhuận sau thuế là yếu tố chính giúp các chỉ số sinh lời năm 2021 tăng trưởng tốt so với năm 2020 và ở mức cao so với cả giai đoạn 5 năm 2017 - 2021.

Tỷ suất sinh lời giai đoạn 2017-2021
(ĐVT: %)

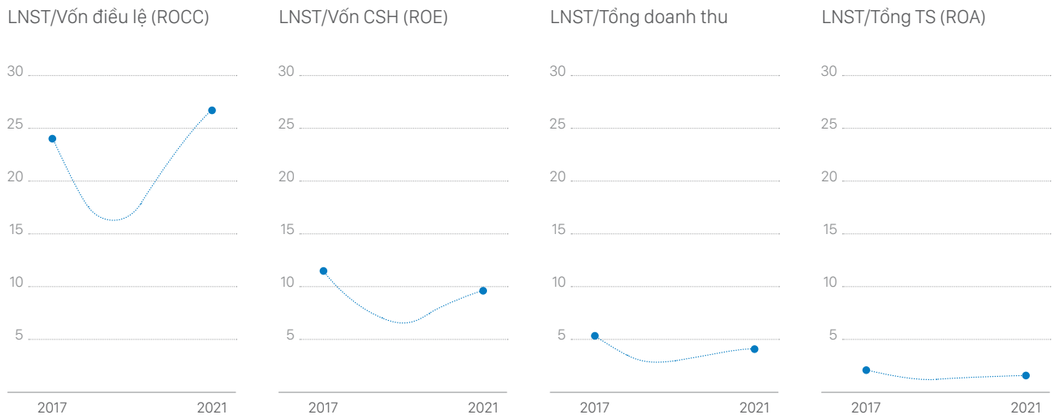

Năm 2021, dịch bệnh tiếp tục diễn biến phức tạp, tạo ra nhiều khó khăn và thách thức cho nền kinh tế nói chung và thị trường tài chính nói riêng. Trong bối cảnh đó, Công ty Mẹ vẫn ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực với các chỉ tiêu về Lợi nhuận trước và sau thuế đều hoàn thành tốt kế hoạch, tăng trưởng so với năm 2020.

KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ

18.908
(TỶ ĐỒNG)
Tổng tài sản năm 2021 Công ty Mẹ

18.519
(TỶ ĐỒNG)
Vốn chủ sở hữu Công ty Mẹ

1.084
(TỶ ĐỒNG)
Lợi nhuận trước thuế năm 2021 Công ty Mẹ

1.031
(TỶ ĐỒNG)
Lợi nhuận sau thuế năm 2021 Công ty Mẹ

TỔNG QUAN VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ TRONG NĂM 2021

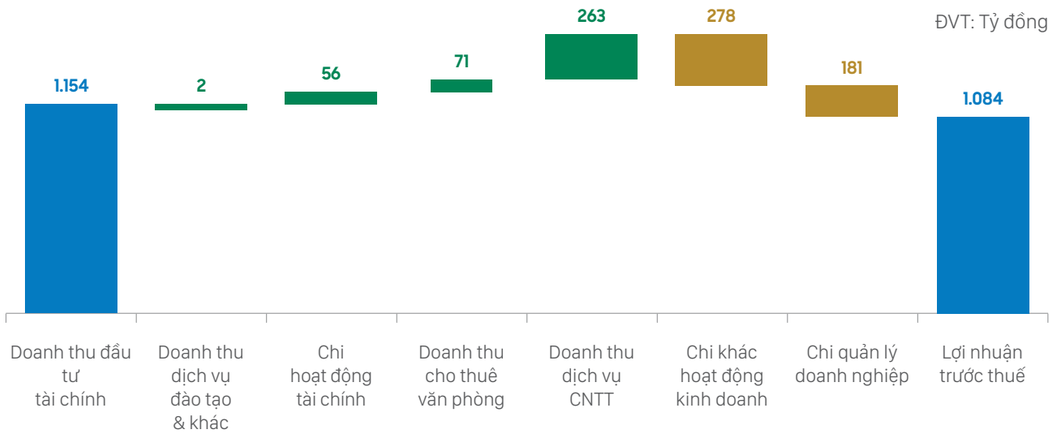

Đóng góp không nhỏ vào kết quả kinh doanh của Công ty Mẹ là Doanh thu tài chính với 1.154 tỷ, tăng trưởng hơn 8% so với năm 2020, đồng thời duy trì tỷ trọng chủ yếu (78%) trong cơ cấu tổng doanh thu. Khoản hoàn nhập chi phí dự phòng 55 tỷ cũng góp phần mang lại mức Lợi nhuận khả quan cho Công ty Mẹ.

Bên cạnh các nỗ lực bám sát kế hoạch doanh thu trong bối cảnh dịch bệnh, Công ty Mẹ Tập đoàn không ngừng ứng dụng công nghệ, nâng cao hiệu quả quản lý, tối ưu hóa nguồn lực nhằm giảm thiểu chi phí, từ đó góp phần hoàn thành tốt mục tiêu kế hoạch đề ra. Kết thúc năm, Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2021 được giao với 1.084 tỷ lợi nhuận trước thuế và 1.031 tỷ lợi nhuận sau thuế.

LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2021 HOÀN THÀNH VƯỢT KẾ HOẠCH, TĂNG TRƯỞNG TỐT BẤT CHẤP DỊCH BỆNH KÉO DÀI

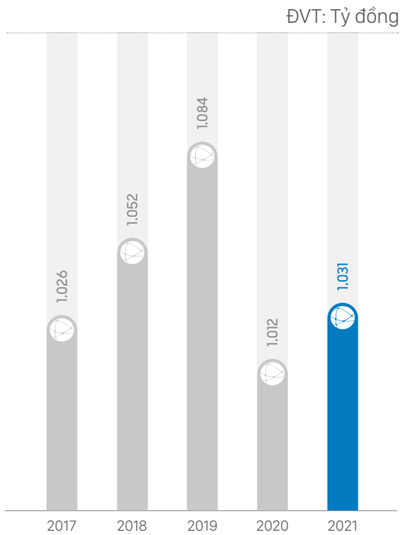

Năm 2021, dịch bệnh Covid 19 tiếp tục diễn biến phức tạp kéo dài với nhiều đợt cách ly xã hội trên diện rộng đã tạo ra nhiều khó khăn và thách thức đối với nền kinh tế nói chung cũng như đối với tình hình kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt nói riêng. Cùng với đó, thị trường tài chính không thuận lợi với mặt bằng lãi suất tiếp tục duy trì ở mức thấp đã tác động không nhỏ tới doanh thu của các doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt đã tăng cường ứng dụng công nghệ, hỗ trợ tối đa hoạt động kinh doanh cốt lõi, đồng thời nỗ lực tìm kiếm, tối ưu hóa các cơ hội đầu tư, tận dụng thuận lợi của thị trường chứng khoán để bù đắp cho mảng lãi suất cố định, mang lại kết quả kinh doanh tự doanh khả quan. Nhờ đó, trong bối cảnh khó khăn, doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn vẫn tăng trưởng so với năm trước, hoàn thành tốt kế hoạch được giao với Lợi nhuận trước thuế và sau thuế năm 2021 lần lượt đạt 1.084 tỷ và 1.031 tỷ đồng.

Năm 2021, Công ty Mẹ tiếp tục duy trì tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ ở mức cao với 13,9%, đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức đã cam kết với cổ đông.

Tài sản Công ty Mẹ

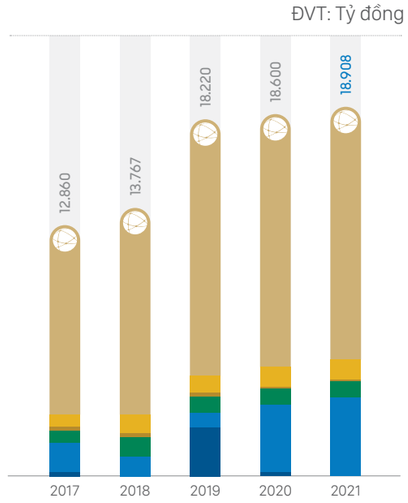

Tổng tài sản năm 2021 đạt 18.908 tỷ đồng, tăng nhẹ 1,7% so với năm 2020, chủ yếu tập trung ở khoản đầu tư vào các công ty Con. Năm 2021, danh mục đầu tư dài hạn vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi tiếp tục được gia tăng giá trị với việc Công ty Mẹ tăng thêm 1.000 tỷ đồng vốn điều lệ cho Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ, góp phần tăng cường năng lực tài chính cũng như khả năng cạnh tranh cho đơn vị. Bên cạnh đó, với định hướng chiến lược nhằm chủ động bắt nhịp và ứng dụng các công nghệ mới trong hoạt động kinh doanh, Công ty Mẹ tiếp tục đầu tư vào các dự án công nghệ thông tin, nâng cao giá trị tài sản đầu tư.

Trong bối cảnh nền kinh tế đang trải qua nhiều khó khăn và thử thách, cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt, đặc biệt là thị trường bảo hiểm, việc tăng vốn cho các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin của Tập đoàn góp phần quan trọng trong việc củng cố và gia tăng tiềm lực tài chính cho đơn vị thành viên, đồng thời tạo tiền đề cho các đơn vị thực hiện các mục tiêu chiến lược trong giai đoạn tiếp theo của Tập đoàn.

- Tiền và tương đương tiền
- Đầu tư tài chính ngắn hạn
- Phải thu khách hàng
- Hàng tồn kho và tài sản khác
- Tài sản cố định & bất động sản đầu tư
- Đầu tư tài chính dài hạn

Cơ cấu tài sản Công ty Mẹ

Tổng quan về kỳ hạn, tài sản dài hạn duy trì là danh mục có quy mô và tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tổng tài sản với 74% tỷ trọng, trong đó chủ yếu là các tài sản đầu tư tài chính (đầu tư vào công ty con và các công ty liên doanh, liên kết).

Theo khoản mục đầu tư, với việc đầu tư thêm vào Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết tiếp tục được gia tăng cả về giá trị và tỷ trọng trong cơ cấu tổng tài sản - từ 65% (năm 2020) lên 69% (năm 2021) - duy trì là danh mục chiếm tỷ trọng cao nhất. Cùng với đó, cơ cấu tài sản của Công ty Mẹ cũng ghi nhận sự chuyển dịch nhẹ về tỷ trọng từ tiền gửi và trái phiếu sang khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết; trong đó, tỷ trọng tiền gửi giảm từ 19% (năm 2020) còn 17% (năm 2021). Việc chuyển dịch này nhằm tối ưu hóa các nguồn lực sẵn có tại Công ty Mẹ.

Các danh mục khác giữ tỷ trọng ổn định so với năm 2020.

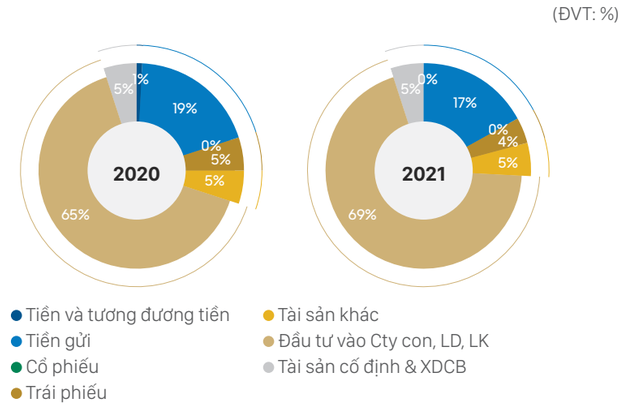

NGUỒN VỐN

Tổng nguồn vốn Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt
(Tỷ đồng)

18.908

Cơ cấu nguồn vốn Công ty Mẹ giai đoạn 2017-2021
(ĐVT: %)

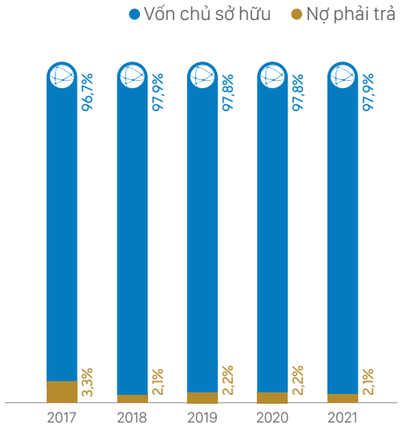

Kết quả kinh doanh ổn định, tiềm lực tài chính của Công ty Mẹ tiếp tục được củng cố với tỷ lệ Vốn chủ sở hữu trong cơ cấu nguồn vốn duy trì ổn định ở mức cao.

Tại thời điểm 31/12/2021, tổng nguồn vốn Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt đạt 18.908 tỷ đồng, tăng 1,7% so với năm 2020; trong đó tỷ trọng nguồn vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn đạt 97,9%. Cùng với năm 2018, tỷ lệ này tại thời điểm cuối năm 2021 đạt mức cao nhất trong vòng 05 năm qua. Dù phải đối mặt với những tác động không nhỏ của tình hình dịch bệnh kéo dài tới nền kinh tế nói chung và thị trường tài chính - bảo hiểm nói riêng, Công ty Mẹ vẫn không ngừng củng cố tiềm lực tài chính, bảo toàn và duy trì ổn định tỷ lệ Vốn chủ sở hữu ở mức cao trong cơ cấu vốn.

Thực hiện định hướng chiến lược đã đề ra về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh, năm 2021, Tập đoàn Bảo Việt duy trì tận dụng các đòn bẩy tài chính để giải ngân vốn đầu tư cho một số dự án công nghệ thông tin trọng điểm. Tỷ lệ Nợ dài hạn/Vốn Chủ sở hữu và tỷ lệ Nợ dài hạn/Vốn điều lệ của Công ty Mẹ ở mức rất thấp *(lần lượt là 0,9% và 2,2%)*, giảm nhẹ so với năm 2020. Bên cạnh đó, tỷ lệ nợ phải trả *(bao gồm nợ ngắn hạn và nợ dài hạn)*/Tổng nguồn vốn duy trì ổn định quanh mức 2,1% từ năm 2018 cũng cho thấy tiềm lực tài chính ổn định và vững mạnh của Công ty Mẹ.

Khả năng thanh toán của Công ty Mẹ luôn duy trì ở mức an toàn cao

Nợ ngắn hạn của Công ty Mẹ được duy trì ở mức thấp và chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu nguồn vốn, trong khi quy mô danh mục tài sản ngắn hạn không ngừng được nâng cao trong các năm gần đây, nhờ đó hệ số thanh toán luôn ổn định ở mức cao, đảm bảo tốt khả năng thanh toán các khoản nợ khi đến hạn của Công ty Mẹ.

Các tỷ suất sinh lời duy trì khả quan

Cùng với Tập đoàn, các chỉ tiêu sinh lời của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt luôn duy trì ở mức cao nhiều năm qua. Năm 2021, trong bối cảnh nền kinh tế đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (ROCC) và Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) của Công ty Mẹ lần lượt đạt 13,9% và 5,6% - là mức khá khả quan. Tỷ suất ROCC và ROE được duy trì tương đối ổn định qua các năm cho thấy sự ổn định mang tính lâu dài và bền vững trong hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty Mẹ.

Năm 2021, nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng tiếp tục chịu những tác động sâu sắc do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19. Với sự đồng lòng và nỗ lực không ngừng trên toàn hệ thống, Tập đoàn Bảo Việt đã khép lại năm 2021 với nhiều thành tựu đáng ghi nhận: tiếp tục giữ vững vai trò đầu tàu trên thị trường Tài chính – Bảo hiểm Việt Nam, vững vàng ở vị trí số 1 thị trường trên cả 2 lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ; đạt được các thành công đáng kể khác trong các lĩnh vực đầu tư và chứng khoán nhờ chủ động tận dụng tốt các biến động thuận lợi của thị trường. Trong bối cảnh biến động toàn cầu, doanh nghiệp phải đối mặt với những thách thức từ cuộc cách mạng công nghệ 4.0 và diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, với thông điệp chủ đạo của Tập đoàn trong năm 2022 là "**Chủ động thích ứng**", các thành công này sẽ là nền tảng cho những bước phát triển vững chắc tiếp theo của Tập đoàn.

Ảnh hưởng từ chênh lệch tỷ giá đến hoạt động kinh doanh

Biến động của tỷ giá ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Đơn vị chịu rủi ro ngoại tệ chủ yếu là Bảo hiểm Bảo Việt tuy nhiên mức độ chịu ảnh hưởng không đáng kể.

Năm 2021, với giả định các yếu tố khác không đổi, tỷ giá ngoại tệ giữa đồng đô la Mỹ và đồng Việt Nam biến động khoảng (+/-) 10% thì lợi nhuận trước thuế Hợp nhất biến động khoảng (+/-) 20,5 tỷ đồng.

Báo cáo thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

STT	Ngày	Nội dung	Chủ sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
1	15/10/2007	Hoàn thành cổ phần hóa	Bộ Tài chính	444.300.000	77,54%
			HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited	57.302.661	10,00%
			Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	20.400.000	3,56%
			Các cổ đông khác	51.023.944	8,90%
				573.026.605	**100%**
2	19/01/2010	Phát hành riêng lẻ cho HSBC	Bộ Tài chính	444.300.000	70,89%
			HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited	112.807.635	18,00%
			Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (1)	20.400.000	3,26%
			Các cổ đông khác	49.201.444	7,85%
				626.709.079	**100%**
3	14/01/2011	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Bộ Tài chính	482.509.800	70,91%
			HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited	122.509.091	18,00%
			Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	22.154.400	3,26%
			Các cổ đông khác	53.298.143	7,83%
				680.471.434	**100%**
4	26/06/2018	Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)	Bộ Tài chính	482.509.800	68,84%
			Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo (Sumitomo Life) (2)	122.509.091	17,48%
			Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	22.154.400	3,16%
			Các cổ đông khác	73.713.143	10,52%
				700.886.434	**100%**
5	18/12/2019	Phát hành riêng lẻ	Bộ Tài chính	482.509.800	65,00%
			Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo (Sumitomo Life)	163.945.421	22,09%
			Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	22.154.400	2,98%
			Các cổ đông khác	73.713.143	9,93%
				742.322.764	**100%**

(1): Ngày 23/09/2009, ĐHĐCĐ Tập đoàn Bảo Việt đã thông qua việc chuyển giao cổ phần của Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy tại Bảo Việt cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

(2): Ngày 26/03/2013, Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo (Sumitomo Life) đã hoàn tất việc mua 18% số cổ phần từ HSBC và trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài của Tập đoàn Bảo Việt với tỷ lệ sở hữu là 18% vốn điều lệ.

Trong năm 2021, Tập đoàn Bảo Việt đã phát huy vai trò trung tâm quản lý, điều phối hoạt động đầu tư của toàn Tập đoàn thông qua các chính sách đầu tư và quản lý rủi ro, tiếp tục áp dụng mô hình đánh giá, phân loại các tổ chức tín dụng để xác định hạn mức đầu tư tại các định chế tài chính mà Bảo Việt được phép đầu tư, tiếp tục cải tiến, hoàn thiện các quy trình, quy chế liên quan đến hoạt động đầu tư. Tập đoàn cũng thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm đảm bảo kịp thời hành động khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng. Nhờ vậy mà hoạt động đầu tư của Tập đoàn đảm bảo an toàn, đóng góp quan trọng vào kết quả kinh doanh chung của toàn Tập đoàn và của từng đơn vị.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ & THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN

154.630
(TỶ ĐỒNG)
Tổng nguồn vốn đầu tư của toàn Tập đoàn
↗ 16,8% so với thời điểm 31/12/2020

146.031
(TỶ ĐỒNG)
Đầu tư lãi suất cố định (tiền gửi, trái phiếu)
↗ 17,5% so với cùng kỳ

6.261
(TỶ ĐỒNG)
Đầu tư cổ phiếu, góp vốn
↗ 4,8% so với cùng kỳ

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TOÀN TẬP ĐOÀN 2021

Tại 31/12/2021, tổng nguồn vốn đầu tư của toàn Tập đoàn đạt 154.630 tỷ đồng, tăng 16,8% so với thời điểm 31/12/2020. Trong đó, đầu tư lãi suất cố định (tiền gửi, trái phiếu) đạt 146.031 tỷ đồng, chiếm 94,5% tổng nguồn vốn đầu tư và tăng 17,5% so với cùng kỳ. Đầu tư cổ phiếu, góp vốn đạt 6.261 tỷ đồng, chiếm 4,0% tổng nguồn vốn đầu tư và tăng 4,8% so với năm 2020.

Cơ cấu danh mục đầu tư toàn Tập đoàn tại 31/12

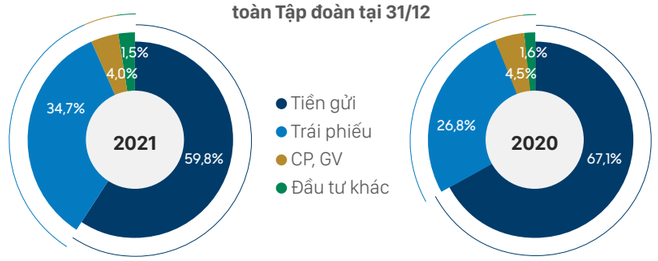

Cơ cấu danh mục đầu tư của toàn Tập đoàn (ĐVT: Tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Tại 31/12/2021		Tại 31/12/2020		So sánh 2021/2020
		Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	
I.	**Đầu tư lãi suất cố định**	**146.031**	**94,5%**	**124.281**	**93,9%**	**17,5%**
1.	Tiền gửi	92.453	59,8%	88.804	67,1%	4,1%
2.	Trái phiếu	53.578	34,7%	35.477	26,8%	51,0%
II.	**Đầu tư cổ phiếu, góp vốn**	**6.261**	**4,0%**	**5.972**	**4,5%**	**4,8%**
III.	**Đầu tư tài chính khác**	**2.338**	**1,5%**	**2.167**	**1,6%**	**7,9%**
	Tổng cộng	**154.630**	**100%**	**132,420**	**100%**	**16,8%**

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2021

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CÔNG TY MẸ 2021

Tại 31/12/2021, tổng nguồn vốn đầu tư của Công ty Mẹ đạt 17.025 tỷ đồng, tăng 1,5% so với 31/12/2020. Khoảng 90% tỷ trọng danh mục đầu tư cổ phiếu, góp vốn tập trung vào các ngành bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính - những lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn Bảo Việt. Tổng doanh thu hoạt động đầu tư năm 2021 đạt 1.154 tỷ đồng.

Cơ cấu danh mục đầu tư Công ty Mẹ tại 31/12

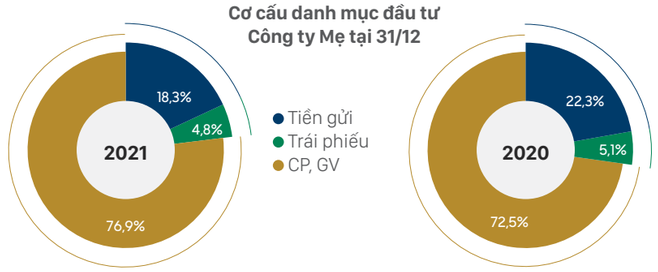

Cơ cấu danh mục đầu tư Công ty Mẹ (ĐVT: Tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Tại 31/12/2021		Tại 31/12/2020		So sánh 2021/2020
		Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	
I.	**Đầu tư lãi suất cố định**	**3.934**	**23%**	**4.604**	**27%**	**-14,5%**
1.	Tiền gửi	3.124	18,3%	3.744	22,3%	-16,6%
2.	Trái phiếu	810	4,8%	860	5,1%	-5,8%
II.	**Đầu tư cổ phiếu, góp vốn**	**13.091**	**76,9%**	**12.163**	**72,5%**	**7,6%**
	Tổng cộng	**17.025**	**100%**	**16.766**	**100%**	**1,5%**

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2021

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀO 04 CÔNG TY CON TẬP ĐOÀN SỞ HỮU 100% VỐN ĐIỀU LỆ:
Tăng cường năng lực tài chính các Công ty con

Tập đoàn tiếp tục ưu tiên tập trung vào các ngành nghề core lõi, tăng cường năng lực tài chính cho các Công ty con qua hình thức tăng vốn điều lệ để đảm bảo biên khả năng thanh toán, đáp ứng nhu cầu kinh doanh, phát triển bền vững của các đơn vị.

Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu ngành bảo hiểm Việt Nam trong nhiều năm liên tiếp. Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt tự hào nhận giải thưởng Công ty Quản lý Quỹ Tốt nhất Việt Nam hạng mục Quỹ Trái phiếu và Quỹ Cổ phiếu.

Năm 2021, tạp chí Forbes Việt Nam công bố danh sách 25 thương hiệu tài chính dẫn đầu, trong đó, Bảo Việt được vinh danh đứng đầu nhóm ngành Bảo hiểm. Việc 6 năm liên tiếp lọt vào danh sách bình chọn của Forbes đã khẳng định giá trị của Bảo Việt - một thương hiệu bền vững.

HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH:
Vượt kế hoạch

Năm 2021, trong bối cảnh khó khăn do dịch COVID-19, hoạt động đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt đã đạt được những kết quả kinh doanh khả quan, với mức tăng trưởng cao về doanh thu, góp phần quan trọng trong việc hoàn thành các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2021 - 2025.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ LÃI SUẤT CỐ ĐỊNH

Tập đoàn đã bám sát diễn biến lãi suất thị trường, kế hoạch dòng tiền để thực hiện tái đầu tư các khoản tiền nhàn rỗi với kỳ hạn phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư;

Doanh thu đầu tư lãi suất cố định cả năm 2021 đạt 234,8 tỷ đồng.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU, GÓP VỐN

Doanh thu CP, GV tự doanh đạt 182,5 tỷ đồng, vượt 313% kế hoạch năm 2021. Đây là doanh thu ghi nhận từ cổ tức được nhận từ các dự án và lợi nhuận thanh hoán cổ phiếu.

Danh mục các dự án góp vốn của Công ty Mẹ tại 31/12/2021 (ĐVT: Tỷ đồng)

STT	Ngành	Vốn góp		Tỷ trọng	
		31/12/2021	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2020
1	Bảo hiểm	9.117	8.117	69,6%	66,7%
2	Ngân hàng	1.570	1.599	12,0%	13,1%
3	CK, QLQ	1.260	1.260	9,6%	10,4%
4	BĐS	462	462	3,5%	3,8%
5	Khác	682	724	5,2%	6,0%
6	**Tổng cộng**	**13.091**	**12.163**	**100%**	**100%**

Trong các dự án lớn Bảo Việt đã tham gia đầu tư, góp vốn không có dự án nào không đạt được tiến độ đã công bố hoặc cam kết. Khoản đầu tư lớn nhất trong năm 2021 có thể kể đến là việc Tập đoàn Bảo Việt thực hiện tăng vốn điều lệ cho Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ từ 5.000 tỷ đồng lên mức 6.000 tỷ đồng nhằm tăng cường năng lực tài chính cho doanh nghiệp cốt lõi.

TẬP ĐOÀN PHÁT HUY VAI TRÒ TRUNG TÂM QUẢN LÝ, ĐIỀU PHỐI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Hoạt động đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt tuân thủ nguyên tắc an toàn và hiệu quả nhằm gia tăng lợi ích của cổ đông, khách hàng và đảm bảo việc làm, đời sống cho người lao động. Bám sát định hướng chiến lược giai đoạn 2021 - 2025 của Tập đoàn Bảo Việt, trong năm 2021, Tập đoàn Bảo Việt tăng cường phát huy vai trò trung tâm quản lý, điều phối hoạt động đầu tư của toàn Tập đoàn thông qua các chính sách đầu tư và quản lý rủi ro, tiếp tục áp dụng mô hình đánh giá, phân loại các tổ chức tín dụng để xác định hạn mức đầu tư tại các định chế tài chính mà Bảo Việt được phép đầu tư. Tập đoàn cũng tiếp tục cải tiến, hoàn thiện các quy trình, quy chế liên quan đến hoạt động đầu tư và thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm đảm bảo kịp thời hành động khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng. Nhờ vậy mà hoạt động đầu tư của Tập đoàn đảm bảo an toàn, đóng góp quan trọng vào kết quả kinh doanh chung của toàn Tập đoàn và của từng đơn vị.

GẮN KẾT YẾU TỐ ESG TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Bảo Việt tin rằng các vấn đề về cơ chế quản trị công ty, môi trường và xã hội là một phần quan trọng để đánh giá các giá trị và hiệu quả đầu tư trong trung và dài hạn. Do đó, bên cạnh các chỉ tiêu hiệu quả, chúng tôi cũng luôn chú trọng tới các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) trong quá trình thẩm định, lựa chọn phương án đầu tư và tiếp tục duy trì việc áp dụng Nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm khi rà soát các dự án đầu tư vốn lớn.

Là một doanh nghiệp niêm yết với sự tham gia góp vốn của nhiều nhà đầu tư, chúng tôi hiểu phát triển bền vững sẽ tạo ra lợi thế cạnh tranh trong việc hút vốn. Chính vì vậy, Bảo Việt - với tư cách của nhà đầu tư, muốn gắn kết các yếu tố bền vững trong quá trình xem xét các dự án tiềm năng.

> Với quy mô tổng tài sản hàng đầu trên thị trường bảo hiểm, Bảo Việt tăng cường đầu tư trở lại nền kinh tế với định hướng đầu tư trên cơ sở tuân thủ nguyên tắc an toàn và hiệu quả, đảm bảo sự phát triển bền vững của Tập đoàn nhằm gia tăng lợi ích của cổ đông, khách hàng và các bên liên quan.

Bảo Việt tập trung vào ngành nghề kinh doanh cốt lõi với 90% danh mục đầu tư cổ phần, góp vốn của chúng tôi tập trung vào các ngành bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính. Đây cũng là những ngành nghề thân thiện với môi trường. Trong năm qua, chúng tôi luôn tuân thủ các tiêu chí liên quan đến vấn đề Quản trị - Xã hội - Môi trường trong quá trình quản lý dự án đầu tư và đầu tư cổ phần, góp vốn.

Tại Lễ công bố Bảng xếp hạng 100 Doanh nghiệp Bền vững Việt Nam 2021 do Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển Bền vững (VBCSD), Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với các Bộ, ban ngành liên quan tổ chức, vượt qua hàng trăm ứng cử viên là các doanh nghiệp có những đóng góp tích cực trong các hoạt động về phát triển bền vững trong năm 2021, Bảo Việt tiếp tục được vinh danh trong Top 10 "Doanh nghiệp Bền vững Việt Nam 2021".

Nếu trước đây, vấn đề Quản trị được tập trung xem xét trong các dự án đầu tư góp vốn thì theo quy trình mới ban hành của Bảo Việt, các xem xét về vấn đề sử dụng lao động, đóng góp cộng đồng, các ý thức về môi trường cũng trở thành tiêu chí đánh giá và cộng điểm cho dự án. Trong thời gian tới, chúng tôi tiếp tục định hướng ưu tiên phát triển ngành nghề kinh doanh cốt lõi - vừa để đảm bảo sự phát triển bền vững của Bảo Việt, vừa góp phần giảm thiểu những tác động gây hại tới môi trường.

Việc gắn kết yếu tố bền vững đối với nhà cung cấp cũng như các dự án đầu tư giúp Bảo Việt tiến gần tới mục tiêu xây dựng chuỗi giá trị bền vững, mang lại lợi ích cho Bảo Việt và các đối tác tham gia.

THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

Nhận diện thị trường vốn xanh

Tăng trưởng xanh được xác định là điểm nhấn quan trọng trong chính sách phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới nhằm hướng tới sự phát triển bền vững. Không đứng ngoài nỗ lực này, thị trường tài chính Việt Nam đang nỗ lực nghiên cứu chính sách, tìm kiếm các giải pháp khả thi nhằm thúc đẩy phát triển thị trường vốn xanh. Sự chuyển dịch từ các thị trường vốn truyền thống sang thị trường vốn xanh được xem là bước tiến quan trọng, nhằm tạo ra kênh tài chính có sức ảnh hưởng lớn phục vụ tái cơ cấu nền kinh tế Việt Nam và hướng tới phát triển bền vững.

> Bảo Việt là một trong những doanh nghiệp lớn tiên phong nghiên cứu và tìm kiếm các cơ hội hỗ trợ về tài chính hướng đến tăng trưởng xanh thông qua việc cắt giảm khí phát thải nhà kính, ô nhiễm môi trường, sản xuất xanh...

Bảo Việt và thị trường vốn xanh

Bảo Việt mong muốn tham gia cùng Ủy Ban chứng khoán và các bên liên quan xây dựng và triển khai được một khuôn khổ định hướng về tài chính xanh và các sản phẩm tài chính xanh cho các doanh nghiệp hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam, để doanh nghiệp vừa duy trì được hoạt động kinh doanh hiệu quả, vừa đảm bảo lợi ích môi trường và xã hội. Trên cơ sở đó giúp thị trường vốn xanh phát triển bền vững.

Hoạt động đầu tư tại Bảo Việt tuân thủ các nguyên tắc cơ bản về đầu tư có trách nhiệm của Liên hợp quốc (không đầu tư vào các dự án gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, các dự án sử dụng lao động trẻ em...), lựa chọn đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết được HOSE công bố có chỉ số đo lường PTBV theo VNSI đạt điểm cao. Ngoài ra, Bảo Việt cũng đang nắm giữ nhiều cổ phiếu khác thuộc rổ chỉ số VNSI này như MBB, BID,VNM, FPT...

ĐỊNH HƯỚNG 2022

Bám sát định hướng chiến lược đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt, căn cứ những dự báo tình hình thị trường tài chính, tiền tệ, năm 2021 Tập đoàn tiếp nối và mở rộng định hướng đầu tư trên cơ sở tuân thủ nguyên tắc an toàn và hiệu quả nhằm gia tăng lợi ích của cổ đông, khách hàng và đảm bảo việc làm, đời sống cho người lao động.

Năm 2022, Bảo Việt định hướng tham gia tích cực vào thị trường vốn xanh thông qua việc cân nhắc lựa chọn một số sản phẩm, công cụ tài chính xanh có ý nghĩa quan trọng như: Danh mục dự án xanh do Ngân hàng Nhà nước xây dựng, hay trái phiếu xanh chính quyền địa phương được phát hành thí điểm, đầu tư vào các dự án trong lĩnh vực điện gió, điện mặt trời, xây dựng các tòa nhà xanh.... Tại Việt Nam thị trường trái phiếu gần đây đã phát triển rất ấn tượng, nhưng thị trường trái phiếu xanh vẫn còn sơ khai. Với tư cách là thành viên trong Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam (VBMA), Bảo Việt cam kết tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, hội thảo liên quan đến thị trường trái phiếu xanh và mong muốn cộng tác cùng các bên liên quan nghiên cứu sửa đổi các chính sách để thị trường trái phiếu xanh ngày càng phát triển hơn.

TOP 100
Nơi làm việc tốt nhất

TOP 50
Thương hiệu Nhà tuyển dụng hấp dẫn nhất Việt Nam

CHÍNH SÁCH

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

CỦA BẢO VIỆT

Luôn xác định con người là yếu tố cốt lõi, quyết định đến sự phát triển lớn mạnh và bền vững của doanh nghiệp, trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực của mình, Bảo Việt chú trọng cho việc xây dựng, huấn luyện, đào tạo và phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao trong các lĩnh vực then chốt; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, phúc lợi hấp dẫn; triển khai hệ thống đánh giá chất lượng công việc theo hiệu quả làm việc và được liên kết với nhau chặt chẽ, dựa trên tầm nhìn, quy tắc đạo đức ứng xử, đạo đức nghề nghiệp và các đặc trưng văn hóa của Bảo Việt.

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CỦA BẢO VIỆT

Từ khi thành lập đến nay, trải qua nhiều giai đoạn phát triển với nhiều thay đổi của môi trường pháp lý và kinh doanh, Bảo Việt luôn trân trọng và ý thức rằng những giá trị do mỗi thành viên tạo ra đều đóng góp vào thành công chung của doanh nghiệp; không phân biệt vị trí, độ tuổi, giới tính, trình độ, địa vị xã hội, tính cách, phong cách sống, quá trình tư duy, kinh nghiệm làm việc, nguồn gốc dân tộc...của người lao động. Triết lý và định hướng trong quản trị điều hành đó là nền tảng để Bảo Việt xây dựng một môi trường làm việc năng động, minh bạch, công bằng. Mỗi cá nhân đều có cơ hội được làm việc, cống hiến, học tập, rèn luyện để thành công và phát triển sự nghiệp tại Bảo Việt.

LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG TẠI BẢO VIỆT

6.530

Số lượng lao động của Bảo Việt năm 2021
(Người)

594

Số lượng cán bộ quản lý của Bảo Việt năm 2021
(Người)

Năm 2021, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức đến từ dịch bệnh Covid - 19, Bảo Việt vẫn duy trì ổn định số lượng lao động là 6.530 người (tăng nhẹ 0.2% so với năm 2020), đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Bảo Việt. Cơ cấu lao động cân đối, hợp lý về giới tính và độ tuổi; tiếp tục duy trì đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, hợp lý về cơ cấu, trong đó: Trình độ đại học và trên đại học chiếm 90,7%, còn lại là cao đẳng, trung cấp 9,3%.

Cơ cấu cán bộ quản lý trong tổng số lao động của Bảo Việt duy trì ở mức hợp lý, phù hợp với yêu cầu kinh doanh và thông lệ quản trị doanh nghiệp tiên tiến. Số lượng cán bộ quản lý của Bảo Việt là 594 người, chiếm tỷ lệ 9,2% (tăng 0,3% so với năm 2020), trong đó: cán bộ quản lý cấp cao là 44 người (tỉ lệ 0,67%), cán bộ quản lý cấp trung là 550 người (8,4%).

Cơ cấu lao động theo các tiêu chí

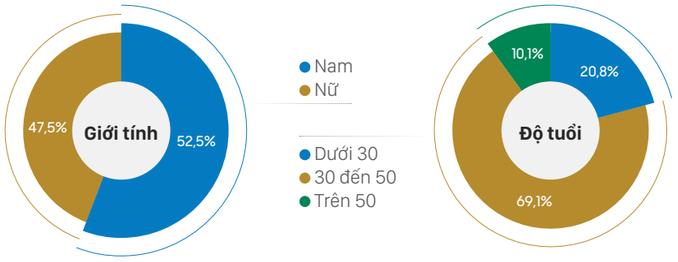

TOP 100
NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM

TOP 50
THƯƠNG HIỆU NHÀ TUYỂN DỤNG HẤP DẪN NHẤT VIỆT NAM

THU HÚT LAO ĐỘNG

Năm 2021, Bảo Việt - Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm duy nhất được vinh danh trong Top 100 Nơi làm việc tốt nhất và Top 50 Thương hiệu Nhà tuyển dụng hấp dẫn nhất Việt Nam do mạng Cộng đồng nghề nghiệp Anphabe thực hiện với sự bảo trợ của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). Kết quả này, cũng như đã có trong nhiều năm qua đến từ chính sách chú trọng đầu tư chiều sâu trên nhiều lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực, trong đó tuyển dụng và phúc lợi gắn kết nhân viên để thu hút lực lượng lao động trẻ, có trình độ chuyên môn cao, am hiểu công nghệ, năng động, sáng tạo, giàu nhiệt huyết, đáp ứng yêu cầu kinh doanh trong thời đại công nghệ 4.0 và mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt.

THỐNG KÊ CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO CÁC TIÊU CHÍ

TIÊU CHÍ		Số lượng cán bộ	Tỷ lệ
Dân tộc	Kinh	6408	98,1%
	Thiểu số	122	1,9%
Quốc gia	Việt Nam	6.529	99,98%
	Nước ngoài	1	0,02%
Trình độ đào tạo	Trên Đại học	561	8,6%
	Đại học	5.361	82,1%
	Cao đẳng	230	3,5%
	Khác	378	5,8%
Giới tính	Nam	3.428	52,5%
	Nữ	3.102	47,5%
Độ tuổi	Dưới 30	1.359	20,8%
	30 đến 50	4.511	69,1%
	Trên 50	660	10,1%
Khu vực	Bắc	3.351	51,3%
	Trung	1.078	16,5%
	Nam	2101	32,2%
Cấp quản lý	Quản lý cấp cao	44	0,67%
	Quản lý cấp trung	550	8,4%
	Nhân viên	5.936	90,9%

Năm 2021, Bảo Việt tuyển dụng được 351 người (giảm 162 người so với năm 2020), bằng 5,4% tổng số lao động, trong đó, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ tuyển dụng đa số, với 275 người, bằng 78% tổng số lao động được tuyển dụng trong năm của Bảo Việt.

Trong tổng số ứng viên được tuyển dụng, ứng viên Nam chiếm 64%, Nữ chiếm 36%; ứng viên trẻ có tuổi đời dưới 30 tuổi được Bảo Việt tuyển dụng chiếm tỷ trọng cao nhất 66%, tiếp đến là ứng viên trong độ tuổi từ 30 đến 50 tuổi chiếm 34%, không có ứng viên trên 50 tuổi. Tính theo vùng miền, các đơn vị thuộc miền Bắc tuyển dụng nhiều nhất chiếm 56%, tiếp đến là miền Nam 29% và miền Trung là 15%.

BIẾN ĐỘNG LAO ĐỘNG

Năm 2021, dịch bệnh Covid - 19 bùng phát trên cả nước, cùng với những biến động của thị trường kinh doanh đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc giữ chân nhân sự. Người lao động chủ động tìm kiếm, lựa chọn công việc phù hợp hơn với định hướng nghề nghiệp và thay đổi của môi trường. Tuy nhiên, với các chính sách nhân sự hấp dẫn, tỉ lệ thôi việc tại Bảo Việt ghi nhận ở mức thấp, giảm mạnh so với năm 2020, tỷ lệ thôi việc năm 2021 là 4,4%.

Về cơ cấu, tỉ lệ thôi việc ở lao động nam vẫn ở mức cao hơn so với lao động nữ (2,8% so với 1,7%), tỉ lệ thôi việc của lao động trong nhóm dưới 30 tuổi đã giảm mạnh so với năm 2020 (1,8% năm 2021 so với 19,2% năm 2020) và thấp hơn tỉ lệ thôi việc của nhóm lao động từ 30 - 50 tuổi (1,8% so với 2,4%). Theo khu vực địa lý, tỉ lệ thôi việc của lao động khu vực phía Nam đã giảm mạnh so với năm 2020 (1,5% năm 2021 so với 12,8% năm 2020).

Tỷ lệ thôi việc	Độ tuổi			Giới tính		Khu vực			Tổng
	<30	30-50	>50	Nam	Nữ	Bắc	Trung	Nam	
Số lượng lao động thôi việc năm 2021									
Số lượng (người)	116	155	17	180	108	152	38	98	**288**
Tỷ lệ (%)	1.8%	2.4%	0.3%	2.8%	1.7%	2.3%	0.6%	1.5%	**4.4%**
Số lượng lao động thôi việc năm 2020									
Số lượng (người)	295	235	21	316	237	295	84	174	**533**
Tỷ lệ (%)	19,2%	5,4%	3,5%	9,2%	7,6%	8,8%	4,6%	12,8%	**8,2%**

HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH CỦA BẢO VIỆT

Bảo Việt luôn nỗ lực cải thiện hệ thống chính sách phúc lợi, đem tới môi trường làm việc bình đẳng, thân thiện, chuyên nghiệp và nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn lao động và an toàn tài chính cho đội ngũ cán bộ nhân viên, cụ thể:

CÁC LOẠI HÌNH BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

Các loại hình bảo hiểm Phi nhân thọ để bảo vệ sức khỏe và an toàn tài chính trước các rủi ro về sức khỏe cho cán bộ nhân viên và người thân bao gồm: Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm kết hợp con người (Healthcare), Bảo hiểm sức khỏe cho người thân, Bảo hiểm kết hợp con người và Bảo hiểm Bệnh ung thư (K-Care).

CÁC LOẠI HÌNH BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Các loại hình bảo hiểm Nhân thọ đã triển khai bao gồm: Bảo hiểm An nghiệp thành công, Bảo hiểm An phát trọn đời và Hưu trí vững nghiệp tại Tập đoàn Bảo Việt và một số đơn vị thành viên nhằm thu hút, duy trì, phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn, đảm bảo nguồn nhân lực của Tập đoàn phát triển bền vững, gắn bó lâu dài, yên tâm phát triển sự nghiệp tại Tập đoàn, đồng thời giúp cho người được bảo hiểm nâng cao đời sống, có thêm thu nhập bổ sung ổn định ngoài phần lương hưu, đảm bảo cuộc sống thư thái, độc lập về tài chính, có khả năng tiếp tục trợ giúp người thân sau khi nghỉ hưu và bảo vệ trước những rủi ro trong cuộc sống và trong quá trình làm việc.

Năm 2021, Bảo Việt vẫn tiếp tục thể hiện sự quan tâm đến sức khỏe của người lao động thông qua việc thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại các cơ sở khám, chữa bệnh uy tín và có chất lượng dịch vụ cao tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108.

Với thế mạnh về sản phẩm bảo vệ khách hàng trước các rủi ro về sức khỏe, Bảo Việt thường xuyên tổ chức các chương trình tư vấn với sự tham gia của các chuyên gia và bác sỹ dành cho khách hàng nội bộ và cán bộ nhân viên nhằm tăng cường các kiến thức bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là đối với lao động nữ.

Đối với các cán bộ đã nghỉ hưu, ngoài việc tổ chức thăm hỏi, tặng quà nhân các dịp Quốc tế Người cao tuổi; Tết Âm lịch, Bảo Việt vẫn duy trì mua bảo hiểm kết hợp con người hàng năm với mức trách nhiệm bồi thường là 20.000.000 đồng/người.

QUẢN LÝ HIỆU QUẢ LÀM VIỆC

Chính sách quản lý hiệu quả làm việc

Quản lý hiệu quả làm việc là một trong những chính sách quan trọng trong hoạt động quản trị nguồn nhân sự tại Bảo Việt, được triển khai từ năm 2009 đến nay, nhằm thiết lập, kiểm soát, đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu, phân loại hiệu quả làmviệc của mỗi cá nhân, làm căn cứ xem xét điều chỉnh lương hằng năm và thưởng hiệu quả làm việc đối với cá nhân người lao động dựa trên thành tích, mức độ đóng góp vào thành công của tổ chức; góp phần tạo cơ chế thu nhập công bằng, cạnh tranh trong chính sách lương, thưởng, đãi ngộ và thăng tiến của Bảo Việt.

3.621

Tổng số lao động được đánh giá HQLV định kỳ theo quy định
(Người)

Trong đó

1.707

Lao động Nữ được đánh giá HQLV
(Người)

1.914

Lao động Nam được đánh giá HQLV
(Người)

Năm 2021, tổng số lao động được đánh giá HQLV định kỳ theo quy định của Bảo Việt là 3.621 người, tương đương 96% tổng số lao động thuộc đối tượng đánh giá. Trong đó, lao động Nữ được đánh giá HQLV là 1.707 người, chiếm 47% tổng số lao động được đánh giá HQLV, lao động Nam được đánh giá HQLV là 1.914 người, chiếm 53% tổng số lao động được đánh giá HQLV. Theo nhóm tuổi, lao động dưới 30 tuổi được đánh giá HQLV là 984 người, chiếm 27%, lao động từ 30 đến 50 tuổi được đánh giá HQLV là 2.137 người, chiếm 59%, lao động trên 50 tuổi được đánh giá HQLV 500 người, chiếm 14%.

Các lao động còn lại trong tổng số lao động tính đến thời điểm 31/12/2021 của Bảo Việt được đánh giá, ghi nhận thành tích làm việc trong năm 2021 theo các chính sách riêng của từng đơn vị thuộc Bảo Việt, phù hợp với từng vị trí, đặc thù công việc; và được xét khen thưởng theo thành tích đạt được.

Nhằm không ngừng hoàn thiện chính sách quản lý hiệu quả làm việc, phù hợp chiến lược quản trị nhân sự trong giai đoạn mới, yêu cầu công việc và tình hình, điều kiện thực tế tại Bảo Việt, từ cuối năm 2021, Bảo Việt đã triển khai xây dựng quy định quản lý hiệu quả làm việc, trong đó dự kiến bổ sung một số điểm mới như: (i) Mức xếp loại hoàn thành nhiệm vụ (loại 3) được phân thành loại 3+, 3 và 3- để đánh giá sát hơn mức độ hoàn thành mục tiêu của cá nhân; (ii) Đánh giá kỹ năng/hành vi của cá nhân trong công việc bên cạnh tiêu chí hoàn thành mục tiêu công việc. Dự kiến Quy định mới sẽ được Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt và áp dụng tại Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt từ năm 2022.

Triển khai xây dựng phần mềm Quản trị nhân sự mới HiStaff

Để thực hiện thành công chiến lược, mục tiêu, kế hoạch của Tập đoàn giai đoạn 2021 - 2025, bên cạnh những giải pháp về kinh doanh, đầu tư, tài chính, công nghệ thông tin, Tập đoàn chú trọng đầu tư các giải pháp công nghệ thông tin để phục vụ công tác quản trị nguồn nhân lực trong thời đại công nghiệp 4.0. Một trong số đó là triển khai phần mềm Quản trị nhân sự HiStaff của Tinh Vân Consulting, thay thế phần mềm Quản trị nhân sự UFIDA hiện nay.

HiStaff là giải pháp chuyên nghiệp, phục vụ quản lý tổng thể nguồn nhân lực tại Tập đoàn, hỗ trợ Tập đoàn nâng cao hiệu suất nguồn nhân lực bằng cách tích luỹ và chia sẻ những phương pháp quản trị nhân tiên tiến nhất hiện nay, quản trị cơ cấu tổ chức, quản lý hiệu quả công việc, mô tả công việc, quản lý nhân tài, quản lý lộ trình công danh, quản trị lương, thưởng, phúc lợi linh động, cho phép người dùng tự thay đổi công thức tính lương mà không cần sự can thiệp của Tinh Vân Consulting. Có khả năng áp dụng nhiều chính sách lương phù hợp với nhu cầu của Bảo Việt như: Lương doanh số, Lương KPI, Lương sản phẩm, Lương thời gian. Xử lý linh động với các quyết định backdate ảnh hưởng đến phúc lợi bảo hiểm. Đặc biệt, phần mềm mới có chức năng hỗ trợ công tác tổ chức Đảng và quản lý đảng viên tại Đảng bộ Tập đoàn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Ban Tổ chức Nhân sự sau khi hợp nhất theo Quy định số 69-QĐ/TW của Ban Bí thư. Ngoài ra, hệ thống báo cáo động cho phép người dùng tự thiết lập các mẫu báo cáo, truy vấn thông tin linh động, sử dụng các toán tử, kết hợp nhiều trường tìm kiếm; ứng dụng trên nền tảng Mobile, hỗ trợ nhiều tiện ích: Phê duyệt Online, Tuyển dụng Online, Chấm công Online và có khả năng tích hợp toàn diện với các hệ thống quản trị doanh nghiệp khác, đặc biệt với các hệ thống ERP, Core-banking của Bảo Việt và các đơn vị thành viên.

Dự kiến phần mềm Quản trị nhân sự mới HiStaff sẽ được Golive và chính thức áp dụng tại Tập đoàn Bảo Việt và Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ từ tháng 06/2022.

CHẾ ĐỘ NGHỈ THAI SẢN DÀNH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Bảo Việt áp dụng chính sách nghỉ thai sản đối với người lao động (cả nam và nữ) tuân thủ quy định của pháp luật lao động và vận dụng chính sách khen thưởng, phúc lợi, bảo hiểm sức khỏe và các loại bảo hiểm gia tăng khác; đồng thời người lao động vẫn được bình xét thi đua hằng năm, xét nâng lương định kỳ và được đánh giá hiệu quả làm việc làm cơ sở xét thưởng hiệu quả làm việc hằng năm và các chế độ phúc lợi có liên quan.

Năm 2021, số lao động thực tế nghỉ thai sản là 236 người (~ 100% so với năm 2020). Trong đó, lao động Nam có vợ sinh con được nghỉ thai sản là 33 người, lao động Nữ nghỉ sinh con là 203 người. Tính đến hết ngày 31/12/2021, đã có 220 lao động quay trở lại làm việc sau kỳ nghỉ thai sản, đạt 93%; trong đó, tỉ lệ lao động Nam quay trở lại làm việc là 100% và Nữ là 92% (187 người). Số lao động Nữ còn lại sẽ trở lại làm việc trong năm 2021 sau khi kết thúc thời gian nghỉ thai sản theo chế độ. Bảo Việt cam kết và luôn đảm bảo việc làm đầy đủ cho số lao động nghỉ thai sản được trở lại làm việc tại vị trí cũ sau khi kết thúc thời gian nghỉ.

Ngoài việc đảm bảo cho người lao động yên tâm nghỉ ngơi và phục hồi sức khỏe sau khi sinh và để có đủ sức khỏe cần thiết để tiếp tục làm việc theo yêu cầu của tổ chức sau khi kết thúc thời gian nghỉ thai sản, chính sách nghỉ thai sản còn giúp người lao động yên tâm về tài chính và tạo điều kiện tốt nhất hỗ trợ người lao động chăm sóc con cái.

Bên cạnh đó, để tạo điều kiện tối đa cho người lao động để có thời gian chăm sóc con cái, sau khi kết thúc thời gian nghỉ thai sản và đi làm lại, lao động nữ được Bảo Việt tạo điều kiện rút ngắn thời gian làm việc 1 giờ/ngày so với các lao động khác đến khi nuôi con đủ 12 tháng tuổi. Lao động nữ có thể đăng ký đi làm muộn hoặc về sớm so với thời gian làm việc tiêu chuẩn theo quy định của Bảo Việt và đảm bảo rằng tổng số giờ đi muộn và/hoặc về sớm không vượt quá 1 giờ theo quy định của Bảo Việt và pháp luật lao động.

THỰC HIỆN CÔNG TÁC AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG THEO ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

Căn cứ điều 74, Luật An toàn vệ sinh lao động 2015, mỗi Ban chức năng trong Tập đoàn Bảo Việt cần phải có ít nhất 01 cán bộ kiêm nhiệm công tác an toàn, vệ sinh viên. An toàn vệ sinh viên (WHSO) là người kiêm nhiệm công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ ở Ban chức năng. An toàn vệ sinh viên là người lao động trực tiếp, am hiểu chuyên môn và kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động; tự nguyện và gương mẫu trong việc chấp hành các quy định an toàn, vệ sinh lao động.

Trong năm 2021, Bảo Việt đã triển khai thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu quả, đem lại sự an tâm, an toàn đối với người lao động. Các công việc đã triển khai trong năm bao gồm:

- Xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động của năm
- Bố trí Người làm công tác an toàn lao động
- Thành lập mạng lưới An toàn, vệ sinh viên
- Ký hợp đồng cơ sở khám bệnh để chăm sóc sức khỏe người lao động
- Tổ chức huấn luyện về an toàn về sinh lao động cho người sử dụng lao động, người lao động
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng năm về công tác An toàn vệ sinh lao động, Báo cáo định kỳ tình hình tai nạn 6 tháng đầu năm và hàng năm gửi cơ quan quản lý nhà nước về lao động theo đúng quy định

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG

Năm 2021 là bước khởi đầu thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2030 của Tập đoàn Bảo Việt. Dưới sự lãnh đạo, điều hành của Tổng Giám đốc, sự nỗ lực của tập thể Ban Điều hành, Tập đoàn Bảo Việt với tinh thần hợp lực, đoàn kết, cùng các ĐVTV quyết liệt triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp, tăng cường áp dụng các ứng dụng công nghệ hiện đại để đạt được những thành quả đáng kể trong năm 2021. Bảo Việt tiếp tục khẳng định Thương hiệu số 1 trên thị trường Tài chính bảo hiểm Việt Nam, đồng thời tuân thủ chặt chẽ các quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ, quy chế Quản trị nội bộ và các quy định pháp lý hiện hành.

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2021

VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

50.380
Tổng doanh thu hợp nhất của Tập đoàn Bảo Việt
(Tỷ đồng)

Tổng doanh thu hợp nhất của Tập đoàn Bảo Việt đạt 50.380 tỷ đồng, tăng trưởng gần 3% so với năm 2020, trong đó Trong đó, tổng doanh thu lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ đạt 37.848 tỷ đồng, tăng trưởng 4,6% so với năm 2020, hoàn thành vượt kế hoạch 4,2%, chiếm tỷ trọng đóng góp lớn nhất vào tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn; Lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm Phi nhân thọ với tổng doanh thu đạt 10.588 tỷ đồng, chiếm 21% tổng doanh thu hợp nhất; Lĩnh vực dịch vụ tài chính và khác doanh thu đạt trên 2.500 tỷ đồng.

Lợi nhuận trước thuế (LNTT) hợp nhất đạt 2.376 tỷ đồng, hoàn thành 142,7% kế hoạch năm, tăng trưởng 21,7% so cùng kỳ; Lợi nhuận sau thuế (LNST) hợp nhất đạt 2.003 tỷ đồng, tăng trưởng 21,4% so với năm 2020.

VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ

1.490
Tổng doanh thu Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt
(Tỷ đồng)

Tổng doanh thu Công ty Mẹ đạt 1.490 tỷ đồng, tăng trưởng 5,7% so cùng kỳ; LNTT đạt 1.084 tỷ đồng, hoàn thành 101,5% kế hoạch năm; LNST đạt 1.031 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch năm; Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ 7.423 tỷ đồng (ROCC) đạt 13,9%. Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 5,6%;

13,9%
Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ Công ty Mẹ

Hoạt động kinh doanh của toàn Tập đoàn gặp nhiều khó khăn do đại dịch Covid-19 trong năm 2021. Tuy nhiên, nhờ kịp thời triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp, tăng cường áp dụng công nghệ, Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã ghi nhận kết quả kinh doanh năm 2021 khá khả quan, cơ bản hoàn thành tốt các nhiệm vụ đề ra. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm tiếp tục duy trì vị trí số 1 về thị phần tổng doanh thu phí cả lĩnh vực nhân thọ và phi nhân thọ.

5,6%
Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE) Công ty Mẹ

Lợi nhuận Hợp nhất toàn Tập đoàn hoàn thành tốt kế hoạch được giao nhờ tận dụng cơ hội của thị trường chứng khoán, đặc biệt đối với các đơn vị hoạt động trong lĩ nh vực này như BVSC, quỹ BVIF.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐÃ ĐỀ RA TRONG NĂM 2021

Bên cạnh những kết quả đạt được về các chỉ tiêu kinh doanh, năm 2021, với thông điệp "Bình thường mới - Tâm thế mới", Tập đoàn Bảo Việt đã quyết liệt thực hiện những giải pháp chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả của các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, tăng cường hợp tác nội bộ, nâng cao tính chuyên nghiệp và khẳng định thương hiệu và chất lượng dịch vụ hàng đầu của Bảo Việt.

Các kết quả đã đạt được trong việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2021 như sau:

- Hoàn thành các nhiệm vụ năm 2021 đã đề ra theo hướng hiệu quả, bền vững; Nâng cao năng lực tài chính cho Tập đoàn và các ĐVTV.
- Kết quả đề án hợp lực ghi nhận sự thành công của dự án bán chéo, các dự án ứng dụng công nghệ thông tin, trụ sở dùng chung, và truyền thông thương hiệu.
- Nắm bắt cùng xu thế của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, Bảo Việt đã nghiên cứu, triển khai Chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh, đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại.
- Hoạt động truyền thông thương hiệu, marketing hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động bán hàng, quản lý tốt khủng hoảng truyền thông. Đặc biệt, Tập đoàn và các đơn vị nhận được nhiều giải thưởng danh giá trong và ngoài nước.
- Bộ máy tổ chức được tinh gọn theo hướng hiệu quả, chất lượng nguồn nhân lực được nâng cao, thực hiện đánh giá hiệu quả công việc bằng các chỉ tiêu KPI, xây dựng chính sách lương, thưởng công bằng, hiệu quả
- Đa dạng hóa sản phẩm và các kênh phân phối, mở rộng mạng lưới, cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp, tạo sự khác biệt.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

Bảo Việt tự tin hành động, không ngừng học hỏi kiến thức, kinh nghiệm, vận dụng sáng tạo các công nghệ mới vào hoạt động kinh doanh,

1 TIẾP TỤC GIỮ VỮNG VỊ TRÍ SỐ

Tập đoàn Bảo Việt sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, vượt qua các khó khăn, thử thách do thiên tai, đại dịch Sars-Covid-2 gây ra, hướng tới phát triển hiệu quả và bền vững, bám sát định hướng chiến lược giai đoạn 2021 - 2030 bằng các giải pháp trọng tâm sau:

1. Tất cả các đơn vị hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh doanh năm 2022 đã đề ra theo hướng bền vững, an toàn; xây dựng Chiến lược giai đoạn 2021 - 2030 trình ĐHĐCĐ phê duyệt.
2. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án công nghệ thông tin trọng điểm
3. Tiếp tục phát triển và triển khai Dự án Chuyển đổi số, trong đó:
   - Ứng dụng công nghệ trong quản trị, quản lý, điều hành;
   - Phát triển các phần mềm trong bán hàng, dịch vụ khách hàng
4. Nâng cao vai trò quản trị, quản lý của HĐQT, Ban Điều hành; vai trò tham mưu tư vấn của các Ủy ban, Hội đồng.
   - Xây dựng văn hóa, môi trường doanh nghiệp hiện đại, tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo về quản trị doanh nghiệp
   - Hoàn thiện hành lang pháp lý: Điều lệ, hệ thống Quy chế, quy trình
   - Nâng cao vai trò của Tập đoàn đối với các đơn vị để hoàn thành các mục tiêu chung.
5. Phủ kín hình ảnh Bảo Việt thống nhất trên toàn quốc; Đẩy mạnh Marketing, truyền thông hỗ trợ hoạt động kinh doanh. Tiếp tục phát triển, gia tăng giá trị thương hiệu Bảo Việt.
6. Tái cơ cấu tổ chức bộ máy tinh gọn hiệu quả; nghiên cứu, ứng dụng về chuyển đổi số, tăng cường điều động, luân chuyển, xây dựng đội ngũ kế cận; xây dựng cơ chế lương, thưởng phù hợp; tăng cường đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
7. Phát triển sản phẩm mới, đa dạng, ưu việt, mở rộng mạng lưới, kênh phân phối.

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG

ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

BAOVIET Invest
ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

BAOVIET Securities
CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

BAOVIET Fund
QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

BAOVIET Life
BẢO VIỆT NHÂN THỌ

BAOVIET Insurance
BẢO HIỂM BẢO VIỆT

DẤU ẤN 2021

- Khẳng định vị trí Số 1 về thị phần Doanh thu phí bảo hiểm năm 2021.
- Giữ vững vị trí dẫn đầu về doanh thu và phát triển bền vững.
- Khẳng định ưu thế về quy mô mạng lưới, đưa dịch vụ thân thiện đến gần hơn với khách hàng.
- Tạo dựng hệ sinh thái bảo hiểm trọn vẹn cho khách hàng cá nhân và tổ chức.
- Đẩy mạnh phát triển, mở rộng các kênh phân phối mới, nhiều tiềm năng.

BẢO HIỂM BẢO VIỆT

ĐVT: TỶ ĐỒNG

10.588 Tổng doanh thu	**253** Lợi nhuận trước thuế	**207** Lợi nhuận sau thuế	**2.900** Vốn điều lệ	**8.949** Doanh thu phí bảo hiểm gốc
79 Số lượng chi nhánh	**702** Số lượng PGD/ Phòng khu vực/ Phòng CSKH	**76.800** Số lượng đại lý/ Tư vấn viên	**>11** triệu Số lượng khách hàng/ lượt khách hàng	**15,5%** Thị phần

BẢO VIỆT NHÂN THỌ

- Duy trì vị trí Số 1 về thị phần Doanh thu phí bảo hiểm năm 2021.
- Triển khai các kênh thông tin bảo vệ sức khỏe, kết nối với các Bác sĩ và chuyên gia y tế để tư vấn, phục vụ nhu cầu của khách hàng.
- Phát triển sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường, ra mắt sản phẩm "An Khang Hạnh Phúc", bảo vệ trọn đời và toàn diện trước các rủi ro trong cuộc sống.
- Củng cố và mở rộng mạng lưới kinh doanh, phát triển hệ thống phân phối đa kênh.
- Ủng hộ 30 tỷ đồng vào Quỹ vaccine phòng dịch COVID-19.
- Khởi động chiến dịch "Hành trình Việt Nam xanh" nhằm lan tỏa lối sống xanh.

37.848 Tổng doanh thu	**1.085** Lợi nhuận trước thuế	**875** Lợi nhuận sau thuế	**6.000** Vốn điều lệ	**30.558** Doanh thu phí bảo hiểm gốc
76 Số lượng chi nhánh	**364** Số lượng PGD/ Phòng khu vực/ Phòng CSKH	**187.000** Số lượng đại lý/ Tư vấn viên	**>6,6** triệu Số lượng khách hàng/ lượt khách hàng	**19,2%** Thị phần

QUỸ BẢO VIỆT

- Hoạt động đầu tư được triển khai hiệu quả, kết quả đầu tư vượt trội, đáp ứng kỳ vọng của khách hàng.
- Quy mô tổng tài sản quản lý tăng trưởng mạnh mẽ (23%), đạt 96.298 tỷ đồng (tương đương 4 tỷ USD).
- Giao dịch quỹ mở sôi động, thu hút thêm nhiều nhà đầu tư cá nhân - dần khẳng định vị trí của kênh đầu tư thời đại mới.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao tính chuyên nghiệp trên mọi mảng hoạt động.
- Đạt Giải thưởng Fastest Growing Fund Management Company in Vietnam 2021 của Tạp chí International Magazine, giải thưởng Best Asset Manager in Fixed Income Funds và Equity Funds của Tổ chức Alpha Southeast Asia.

96.298 Tổng tài sản quản lý tại thời điểm 31/12/2021, tăng trưởng 23% so với năm 2021.	**115** Tổng doanh thu, đạt 101,5%so với kế hoạch	**42,8%** Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ
43 Lợi nhuận sau thuế vượt 112% kế hoạch năm và tăng trưởng 3,1% so với năm 2020.	**489%**	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tại thời điểm 31/12/2021

ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

- Hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận 2021, đạt 108% kế hoạch năm.
- Đáp ứng nhu cầu đa dạng về đầu tư bất động sản và các dịch vụ xây dựng và tư vấn đầu tư xây dựng với các đối tác trong và ngoài nước.
- Chuyên nghiệp hóa hoạt động kinh doanh, cung cấp các giải pháp toàn diện về đầu tư, khai thác nguồn tài nguyên bất động sản của toàn hệ thống.
- Cung cấp hoạt động quản lý tòa nhà tại 14 tòa nhà mới so với năm 2020; nâng số tòa nhà quản lý lên 49 tòa nhà trên cả nước.

312 Tổng doanh thu

8,3 Lợi nhuận sau thuế, đạt 108% kế hoạch năm

	Trong đó:			
303 **Doanh thu hoạt động chính**	**32** Doanh thu xây lắp và quản lý dự án	**115** Doanh thu quản lý tòa nhà	**03** Doanh thu kinh doanh bất động sản	**148** Doanh thu thương mại dịch vụ

CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

- Hoạt động kinh doanh tăng trưởng mạnh, lợi nhuận sau thuế tăng gấp hơn 2 lần so với cùng kỳ năm 2020.
- Thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong hoạt động kinh doanh.
- Ra mắt sản phẩm mới eKYC: mở tài khoản trực tuyến dựa trên công nghệ nhận diện khuôn mặt eKYC, thực hiện trên ứng dụng di động BVSC Mobile.
- Phát triển sản phẩm tư vấn đầu tư mới dựa trên ứng dụng công nghệ BVS - Value.
- Triển khai thành công chương trình Future Broker 2021 - nền tảng xây dựng thế hệ nhân sự mới.

1.147 Tổng doanh thu, trong đó: Doanh thu thực hiện: **1.053** tỷ đồng	**351** Lợi nhuận trước thuế	**283** Lợi nhuận sau thuế trong đó: LNST thực hiện: **232** tỷ đồng	**722** Vốn điều lệ	
	01 Số lượng chi nhánh	**08** Số lượng phòng giao dịch	**75.482** Số tài khoản giao dịch chứng khoán	**2,37%** Thị phần

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Khẳng định vai trò của nhà bảo hiểm lâu đời nhất và luôn dẫn đầu thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, Bảo hiểm Bảo Việt luôn tiên phong xây dựng các chương trình kinh doanh mang tính chiến lược dài hạn, hiệu quả và dẫn đầu xu thế. Trong những năm qua, Bảo hiểm Bảo Việt đẩy mạnh ứng dụng cách mạng công nghệ 4.0 trong các hoạt động kinh doanh cũng như công tác quản trị nhằm xây dựng hệ sinh thái số toàn diện để mang lại những tiện ích ngày một thuận lợi hơn cho khách hàng và đối tác. Nhiều năm liên tiếp, Bảo hiểm Bảo Việt được các tổ chức uy tín trong và ngoài nước cũng như khách hàng, đối tác đánh giá cao về độ uy tín, tốc độ tăng trưởng, tính bền vững và khả năng dẫn dắt thị trường.

Ông NGUYỄN XUÂN VIỆT
Tổng Giám đốc

BAOVIET Insurance
BẢO HIỂM BẢO VIỆT

TỔNG QUAN VỀ BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Là doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đầu tiên trên thị trường Việt Nam với hơn năm mươi năm phát triển mạnh mẽ, liên tiếp đứng trong vị trí top đầu thị trường cả về doanh thu, thị phần, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt luôn tiên phong ứng dụng công nghệ và các giải pháp thành tựu của cách mạng công nghệ 4.0 không chỉ trong khâu bán hàng, quản lý nghiệp vụ, quản lý bồi thường, kiểm soát dữ liệu khách hàng mà còn trong việc tương tác với khách hàng để mang lại sự thuận tiện cao nhất. Định hướng chiến lược của Bảo hiểm Bảo Việt là phát triển bền vững vì sự thịnh vượng và bình an của mỗi khách hàng. Nằm trong chiến lược chung, Bảo hiểm Bảo Việt thực hiện chuyển đổi số trên tất cả các quy trình, giao dịch, giúp việc tra cứu và truy cập thông tin nhanh chóng, hiệu quả, tiết kiệm thời gian hơn cho khách hàng; thông tin dữ liệu được quản lý có hệ thống, tăng tính bảo mật và được dự phòng cẩn thận. Với mạng lưới kinh doanh, phân phối đa dạng trải rộng tại khắp các tỉnh thành phố trên toàn quốc, Bảo hiểm Bảo Việt hiện tiếp tục mở rộng kênh tương tác thông qua trang bán hàng trực tuyến (**baovietonline.com.vn**) và các kênh đối tác số, ngân hàng,... nhằm mang lại nhiều sự lựa chọn tối ưu cho khách hàng và thị trường. Bảo hiểm Bảo Việt hiện là doanh nghiệp bảo hiểm có năng lực tài chính vững mạnh, sản phẩm đa dạng, chất lượng dịch vụ vượt trội và đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao.

Năm 2021, Bảo hiểm Bảo Việt nhận được rất nhiều các giải thưởng uy tín, trong đó có: "**Sáng kiến bảo hiểm số của năm 2021 - Việt Nam**"; "**Thương hiệu Bảo hiểm Phi nhân thọ được tín nhiệm nhất Châu Á & Doanh nghiệp Bảo hiểm phi nhân thọ đạt chất lượng dịch vụ khách hàng tốt nhất Châu Á** (Best Brand Magazine)"... Bảo hiểm Bảo Việt luôn giữ vững ngôi vị số 1 trên bảng danh sách dành cho mảng bảo hiểm phi nhân thọ và là sự lựa chọn của hàng chục triệu người dân Việt. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Bảo hiểm Bảo Việt luôn khẳng định vai trò là nhà bảo hiểm đóng vai trò dẫn dắt và kiến thiết thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam, với nguồn lực mạnh mẽ và thực hiện đúng cam kết của mình trước khách hàng, nhằm mang lại các lợi ích cao nhất cho khách hàng và cộng đồng.

10.588
Tổng doanh thu năm 2021 TCT Bảo hiểm Bảo Việt
(Tỷ đồng)

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

Năm 2021, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục giữ vững vị trí đứng đầu trên thị trường ngành, đảm bảo hiệu quả kinh doanh, cũng như được đánh giá là doanh nghiệp phát triển bền vững và uy tín nhất trên thị trường ngành. Cụ thể:

1. Trước những ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid 19 tác động đến nền kinh tế thế giới và Việt Nam nói chung cũng như toàn ngành nói riêng, BHBV vẫn hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đề ra.

Doanh thu phí bảo hiểm gốc (Tỷ đồng) **8.949**

lợi nhuận sau thuế đạt (Tỷ đồng) **207**
hoàn thành 206% so với kế hoạch,

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt **7,1%**

CÁC CHỈ TIÊU AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐƯỢC DUY TRÌ VÀ TĂNG TRƯỞNG

Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp đạt (Tỷ đồng) **2.535**

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán đạt **200,7%**
(năm 2020 là 143,5%)

2. Năm 2021 với thông điệp kinh doanh xuyên suốt **"Quản trị hiệu quả - Công nghệ tiên phong"**, BHBV tập trung kiểm soát rủi ro, sàng lọc dịch vụ để đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Kết quả thực tế trong năm cho thấy tỷ lệ bồi thường bảo hiểm gốc giảm 11% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó tỷ lệ bồi thường các nghiệp vụ bán lẻ như bảo hiểm xe cơ giới, y tế và con người,... đều giảm. Bên cạnh đó, BHBV tiếp tục duy trì chính sách tái bảo hiểm để san sẻ rủi ro, đóng góp vào sự tăng trưởng bền vững của BHBV nói riêng, cũng như của Tập đoàn nói chung.

3. Nghiên cứu và xây dựng các chương trình bảo hiểm mới, linh hoạt, đa dạng về quyền lợi và có thể tham gia trực tuyến mọi lúc, mọi nơi.

4. Thúc đẩy triển khai các kênh bán đa dạng từ trực tiếp đến gián tiếp để khách hàng dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu và chủ động lựa chọn các gói bảo hiểm phù hợp.

5. Tạo dựng hệ sinh thái bảo hiểm trọn vẹn với các chương trình đa dạng dành cho cá nhân (như bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm du lịch, bảo hiểm xe cơ giới ...), dành cho doanh nghiệp (như bảo hiểm tài sản, bảo hiểm nhà, bảo hiểm doanh nghiệp ...) để mang lại sự an tâm tới Khách hàng trên mọi phương diện.

6. Hoạt động hợp lực bán chéo giữa TCT BHBV và các đơn vị trong hệ thống, đặc biệt là TCT BVNT tiếp tục khẳng định tiềm năng định hướng đúng đắn. Tổng doanh thu ước đạt gần 1.000 tỷ đồng, mang lại những giá trị bền vững cho doanh nghiệp và cho thị trường ngành.

7. Liên tiếp mở rộng hợp tác bảo lãnh với rất nhiều các đối tác trong lĩnh vực y tế như các bệnh viện lớn (Bệnh viện Việt Đức, Bệnh viện Việt Pháp, Bệnh viện Quân đội 108, Bệnh viện Nội tiết Trung Ương, Bệnh viên Y dược Tp. Hồ Chí Minh, BV Nhi đồng TP. Hồ Chí Minh, ...), các cơ sở khám chữa bệnh uy tín, hiện đại ..., tăng số lượng các cơ sở bảo lãnh viện phí của Bảo hiểm Bảo Việt lên tới gần 200 đơn vị trên toàn quốc.

8. Đẩy mạnh phát triển, mở rộng các kênh phân phối mới, nhiều tiềm năng qua mô hình B2B2C như Bancassurance, Bảo hiểm trực tuyến (Online), hợp tác cùng các đối tác thương mại điện tử,...

Luôn sẵn sàng đổi mới và hợp tác để chinh phục được hoàn toàn khách hàng cũng như thị trường bảo hiểm phi nhân thọ đang phát triển từng ngày, Bảo hiểm Bảo Việt qua nhiều năm đều được các tổ chức trong và ngoài nước ghi nhận là thương hiệu bảo hiểm uy tín và đạt chất lượng dịch vụ tốt nhất Châu Á.

Đối mặt với những thách thức của kinh tế thế giới, trong nước nói chung và thị trường ngành nói riêng, Bảo hiểm Bảo Việt đã không chỉ giữ vững tôn chỉ "**Khách hàng là trung tâm**" là kim chỉ nam cho các hoạt động kinh doanh, mà còn biến thách thức đó thành nguồn lực và cơ hội phát triển để hoàn thành tốt các chỉ tiêu đề ra, làm tốt sứ mệnh của một nhà doanh nghiệp bảo hiểm là mang đến sự an tâm, bền vững tới các thế hệ gia đình Việt cũng như doanh nghiệp trong và ngoài nước.

GIỮ VỮNG VỊ TRÍ DẪN ĐẦU VỀ DOANH THU & PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

BHBV KHẲNG ĐỊNH VAI TRÒ NHÀ BẢO HIỂM SỐ 1 TRÊN THỊ TRƯỜNG

Tính đến hết năm 2021, tổng doanh thu của Bảo hiểm Bảo Việt đạt hơn **10.500** (Tỷ đồng)

Nhiều năm liên tiếp, Bảo hiểm Bảo Việt khẳng định vai trò nhà bảo hiểm số 1 trên thị trường với tổng doanh thu tăng trưởng bền vững qua các năm tài chính. Cùng với đó là đứng đầu về thị phần trong TOP 5 Doanh nghiệp lớn toàn ngành với xấp xỉ 16%. Các nghiệp vụ bảo hiểm đều đạt mức tăng trưởng nhất định, trong đó phải kể đến bảo hiểm y tế vẫn là một trong những trọng tâm phát triển của Bảo hiểm Bảo Việt trong năm 2021.

Tính đến hết năm 2021, tổng doanh thu của Bảo hiểm Bảo Việt đạt mức hơn 10.500 tỷ đồng, cũng là mức tăng trưởng duy trì trong nhiều năm gần đây. Bảo hiểm Bảo Việt hiện được các tổ chức đánh giá uy tín ghi nhận là doanh nghiệp bảo hiểm có năng lực tài chính vững mạnh, sản phẩm đa dạng, chất lượng dịch vụ vượt trội và đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao.

KHẲNG ĐỊNH ƯU THẾ VỀ QUY MÔ MẠNG LƯỚI, ĐƯA DỊCH VỤ THÂN THIỆN ĐẾN GẦN HƠN VỚI KHÁCH HÀNG

Bảo hiểm Bảo Việt khẳng định ưu thế vượt trội về mạng lưới kinh doanh

Tổng số CTTV trên toàn hệ thống	Nhân viên	Đại lý	phòng bảo hiểm khu vực
79	>3.000	≤80.000	>700

trải rộng khắp các tỉnh, thành phố trên toàn quốc - là doanh nghiệp bảo hiểm có quy mô lớn nhất trên thị trường ngành tính đến thời điểm hiện tại.

Bảo hiểm Bảo Việt không những là đơn vị bảo hiểm số 1 đối với khách hàng cá nhân hộ gia đình mà còn là nhà bảo hiểm hàng đầu cung cấp các giải pháp bảo hiểm trọn gói, tổng thể, chương trình quản lý rủi ro, hạn chế thấp nhất những thiệt hại cho các khách hàng tổ chức và doanh nghiệp. Với những thay đổi mạnh mẽ hướng đến hệ sinh thái số đa dạng, toàn diện, thân thiện với khách hàng, Bảo hiểm Bảo Việt đã và đang mang đến cho khách hàng một hành trình trải nghiệm mới hơn, tốt hơn với quy trình bảo hiểm dễ hiểu hơn bao giờ, được khách hàng nhiệt tình đón nhận.

Năm 2021, Bảo hiểm Bảo Việt đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trong các hoạt động kinh doanh, quản trị, từ đó nâng cao uy tín thương hiệu, tính bền vững và khả năng dẫn dắt thị trường; đảm bảo hiệu quả trong doanh thu và lợi nhuận đóng góp vào bức tranh chung của Tập đoàn.

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC "TỐT NHẤT VIỆT NAM" ĐẢM BẢO PHÁT TRIỂN VÀ LỘ TRÌNH THĂNG TIẾN

Song song với các hoạt động thúc đẩy kinh doanh, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt cũng luôn đi đầu trong việc tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, mang đến cơ hội phát triển, thăng tiến và chế độ đãi ngộ tốt đối với toàn thể hơn 3.000 cán bộ nhân viên của Bảo hiểm Bảo Việt. Xuất phát từ việc luôn luôn lắng nghe để thấu hiểu những quan tâm của nhân viên, Bảo hiểm Bảo Việt đã xây dựng một tiêu chuẩn mới về nơi làm việc lý tưởng, nơi mà tất cả nhân viên nhận được cam kết quan tâm toàn diện và phát triển tối đa trong một lộ trình nghề nghiệp cá nhân, tương thưởng xứng đáng cho những đóng góp, thông qua những trải nghiệm đa dạng, những thử thách trong công việc, cơ hội học hỏi để hoàn thiện và phát triển bản thân.

& MỤC TIÊU ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2022

Năm 2022, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục đưa ra mục tiêu dẫn dắt thị trường với thông điệp **"Chủ động- Sáng tạo- Thích nghi"**, cam kết mạnh mẽ việc củng cố nguồn lực nội tại, áp dụng hiệu quả công nghệ 4.0 vào các hoạt động kinh doanh, quản trị cũng như các công tác liên quan đến chất lượng dịch vụ, công tác sau bán để cung cấp cho Khách hàng những sản phẩm, dịch vụ có khả năng đáp ứng nhu cầu cao nhất theo đúng định hướng "**Khách hàng là trung tâm**".

MỘT SỐ GIẢI PHÁP SẼ ĐƯỢC TRIỂN KHAI ĐỂ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

1 Quản lý tập trung - Tăng cường chuyên môn hóa hoạt động kinh doanh

Tiếp tục hoàn thiện mô hình quản lý tập trung trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên môn hóa các hoạt động kinh doanh bảo hiểm từ quản lý nghiệp vụ bồi thường, bán hàng, dịch vụ sau bán hàng.

2 Phát triển kinh doanh - quản lý và nâng cao hiệu quả nghiệp vụ, thúc đẩy hoạt động kinh doanh toàn hệ thống

Đẩy mạnh công tác phân tích dữ liệu, đưa vài trò actuary vào công tác quản lý nghiệp vụ; tiếp tục triển khai mô hình quản lý tập trung về định phí, quản lý nghiệp vụ, chào phí, hướng dẫn khai thác, phân cấp phân quyền; điều chỉnh và xây dựng biểu phí phù hợp với mục tiêu kinh doanh; điều chỉnh các chính sách bán hàng nhằm đảm bảo mục tiêu hiệu quả; thực hiện phân tích đánh giá kết quả kinh doanh hàng tháng để có điều chỉnh chính sách khai thác kịp thời; rà soát, điều chỉnh, cập nhật các hướng dẫn nghiệp vụ; đẩy mạnh công tác phát triển sản phẩm mới phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, đảm bảo tính đa dạng của sản phẩm; đẩy mạnh công tác bán chéo với Bảo Việt Nhân thọ.

3 Công tác giám định bồi thường - Quản lý hiệu quả, nâng cao doanh thu

Tiếp tục triển khai mô hình quản lý tập trung đối với công tác Giám định bồi thường theo lộ trình phù hợp với thực tiễn. Thực hiện các giải pháp công tác giám định bồi thường của tất cả các nghiệp vụ: xe cơ giới, tài sản kỹ thuật, hàng hải, sức khỏe, con người..., bao gồm: Điều chỉnh, áp dụng mô hình hoạt động tiên tiến; tăng cường công tác xác minh, giám định; phê duyệt giá sửa chữa, phương án bồi thường; đánh giá, đám phán nhà cung cấp (gara, bệnh viện ...); đào tạo, áp dụng KPI cho GĐV; ứng dụng CNTT.

4 Công nghệ thông tin - Tiếp tục đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số

Đảm bảo hoạt động phần mềm lõi quản lý nghiệp vụ bảo hiểm InsureJ (đối với các nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới, hàng hải, tài sản kỹ thuật) và BV Care (các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe); Hoàn thiện các báo cáo phục vụ cho quản trị; xây dựng cơ sở dữ liệu khách hàng tập trung hỗ trợ công tác khai thác, quản lý nghiệp vụ, giám định bồi thường, chăm sóc khách hàng; hoàn thành việc kết nối InsureJ với Sunaccount; tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp và triển khai các phần mềm khác thuộc hệ sinh thái công nghệ thông tin của Bảo hiểm Bảo Việt; đẩy mạnh chuyển đổi số hóa hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

5 Kênh phân phối - chú trọng phát triển kênh còn nhiều tiềm năng

Củng cố kênh đại lý chuyên nghiệp phi nhân thọ qua các hoạt động đào tạo, chương trình thi đua, ứng dụng phần mềm trong quản lý lực lượng đại lý. Kịp thời cảnh báo và kiểm soát các hoạt động mà đại lý thực hiện không đúng với quy định; tiếp tục đẩy mạnh kênh bán chéo, thực hiện các điều chỉnh để đảm bảo hiệu quả của kênh (điều chỉnh sản phẩm, chi phí); phát triển kênh còn nhiều tiềm năng như kênh môi giới, Bancassurance; tiếp tục phát triển các kênh phân phối mới như kênh online, telesales, kênh đối tác.. ứng dụng công nghệ thông tin.

6 Công tác tài chính - chính sách linh hoạt, nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả

Giao, điều chỉnh chi phí bán hàng theo hiệu quả nghiệp vụ; đôn đốc việc xử lý công nợ; kiểm soát chi phí ngoài bồi thường như chi phí hoạt động, quản lý, bán hàng; phối hợp với BVF thực hiện hiệu quả hoạt động đầu tư.

7 Phát triển nguồn nhân lực - xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và phát triển năng lực

Tuyển dụng, khai thác sử dụng nguồn lực phù hợp, đảm bảo chất lượng lao động, tiết kiệm chi phí; tiếp tục mở rộng việc triển khai áp dụng KPI để nâng cao năng suất lao động của cán bộ, nhân viên; thực hiện giao đơn giao tiền lương theo hướng tăng tỷ trọng theo hiệu quả nghiệp vụ.

8 Marketing & Truyền thông - Củng cố vị thế thương hiệu, hình ảnh doanh nghiệp

Tập trung các hoạt động xúc tiến bán hàng với nhóm khách hàng mục tiêu; xây dựng quan hệ hợp tác đối tác với các đối tác điện tử nhằm; giới thiệu và xúc tiến việc bán hàng trên các kênh truyền thông đến khách hàng cá nhân; triển khai các chiến dịch truyền thông về sản phẩm, dịch vụ mang lại hiểu biết và thông tin đa dạng tới khách hàng.

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Năm 2021 - Năm đánh dấu mốc son 25 năm với những thành công và các bước phát triển vượt bậc từ khi Bảo Việt Nhân thọ mang những hợp đồng đầu tiên đến với khách hàng. Trên một chặng đường còn nhiều thách thức, Bảo Việt Nhân thọ đã tiên phong, khai mở thị trường và đồng hành cùng khách hàng của Bảo Việt Nhân thọ, kiến tạo và mang đến những giá trị bền vững, bảo vệ sự bình an cho hàng triệu gia đình Việt Nam. Với tiềm lực tài chính ổn định và vững chắc, phát huy sức mạnh hợp lực của toàn Tập đoàn Bảo Việt, song hành với ứng dụng công nghệ 4.0, Bảo Việt Nhân thọ đang tiếp tục hướng tới mục tiêu tăng trưởng hiệu quả và bền vững.

Ông PHẠM NGỌC SƠN
Tổng Giám đốc

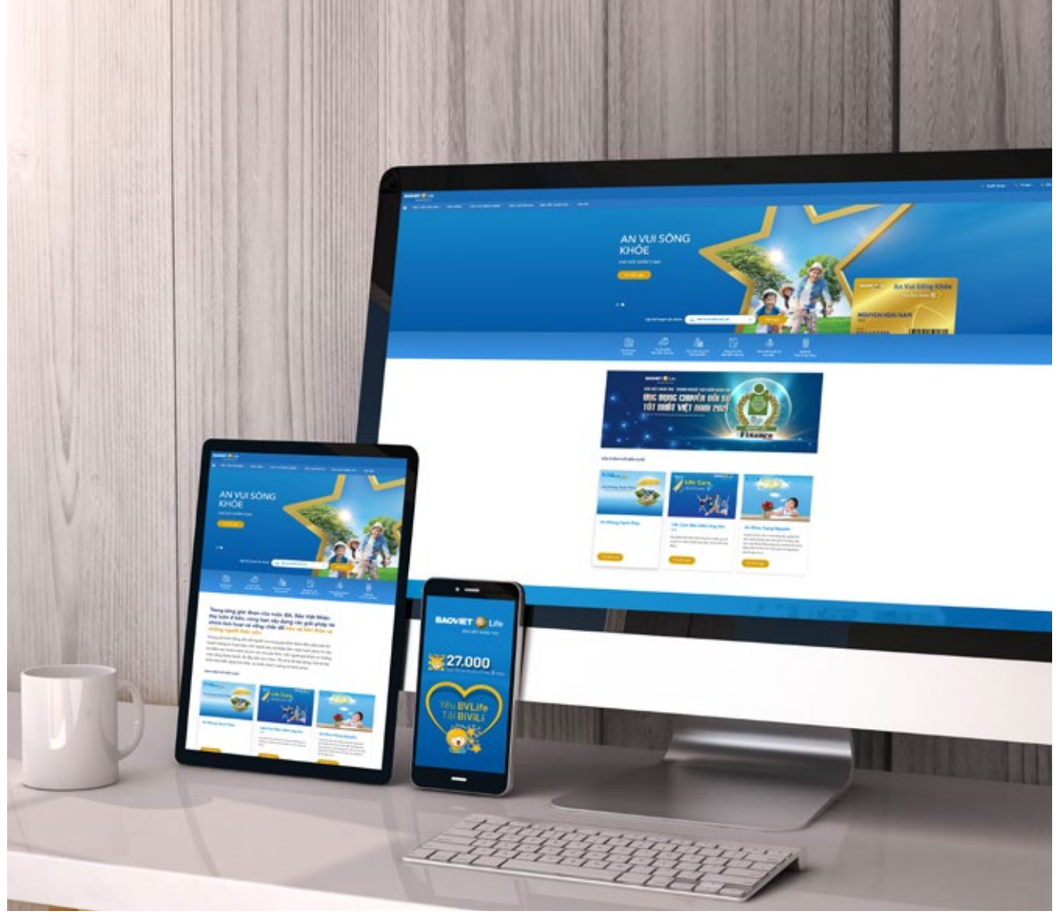

BAOVIET Life
BẢO VIỆT NHÂN THỌ

TỔNG QUAN VỀ BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Quy mô mạng lưới phân phối, cơ sở khách hàng (tính đến 31/12/2021)

- Số lượng chi nhánh: 76
- Số lượng văn Phòng khu vực: 364
- Số lượng đại lý/Tư vấn viên: trên 187.000 tư vấn viên
- Số lượng khách hàng: 6,6 triệu lượt khách hàng

Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ là Công ty thành viên 100% vốn của Tập đoàn Bảo Việt - Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Bảo Việt Nhân thọ (BVNT) liên tục khẳng định là doanh nghiệp có tiềm lực tài chính ổn định, vững mạnh và là công ty bảo hiểm nhân thọ duy nhất trên thị trường bảo hiểm nhân thọ có hệ thống mạng lưới các chi nhánh, các văn phòng khu vực trải dài khắp toàn quốc, trở thành thương hiệu uy tín, tin cậy của người dân Việt.

Luôn duy trì mức tăng trưởng ổn định về Doanh thu phí bảo hiểm. BVNT tiếp tục duy trì vị trí SỐ 1 về thị phần Doanh thu phí bảo hiểm năm 2021 trong 5 năm liên tiếp (theo số liệu ước tính của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam)

BVNT luôn kiên định với sứ mệnh "Bảo vệ Gia đình Việt - Bảo vệ Lợi ích Việt", thực hiện trách nhiệm xã hội, góp phần xây dựng một cộng đồng khỏe mạnh, an lành và thịnh vượng, đồng thời, luôn nỗ lực thay đổi với phương châm lấy khách hàng làm trọng tâm, không ngừng cải thiện để mang đến lợi ích và trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng.

Sự quyết tâm và những nỗ lực không ngừng nghỉ đó đã giúp BVNT nhận được nhiều giải thưởng uy tín trong và ngoài nước như:

- **"Công ty bảo hiểm nhân thọ uy tín năm 2021"** - giải thưởng do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam bình chọn. Đây cũng là lần thứ 5 liên tiếp Bảo Việt Nhân thọ vinh dự được trao tặng giải thưởng này.
- **"Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ mang tới sự hài lòng và hạnh phúc lớn nhất cho khách hàng Việt Nam 2021"** và **"Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ ứng dụng chuyển đổi số tốt nhất Việt Nam 2021"** - Danh hiệu được Tổ chức tài chính và ngân hàng toàn cầu bình chọn.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

Năm 2021 tiếp tục là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với hoạt động kinh doanh của BVNT do tác động từ dịch bệnh Covid-19, tuy nhiên, với định hướng tăng cường áp dụng công nghệ 4.0 vào hoạt động kinh doanh phù hợp trong bối cảnh dịch bệnh, BVNT đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh, tăng trưởng so với năm 2020.

Cụ thể như sau:

Tổng doanh thu năm 2021
(Tỷ đồng)

37.848

Tăng trưởng 4,6% so với năm 2020

Trong đó:

Doanh thu phí bảo hiểm gốc
(Tỷ đồng)

30.558

Tăng trưởng 9,0% so với năm 2020. Với kết quả này, BVNT tiếp tục duy trì vị trí DẪN ĐẦU thị trường về thị phần Doanh thu phí bảo hiểm.

Doanh thu tài chính
(Tỷ đồng)

7.252

Định hướng chung và xuyên suốt trong hoạt động đầu tư của BVNT là đảm bảo an toàn, hiệu quả, chú trọng quản lý rủi ro, quản lý thanh khoản, đảm bảo quyền lợi cho chủ hợp đồng.

Lợi nhuận trước thuế
(Tỷ đồng)

1.085

Lợi nhuận sau thuế
(Tỷ đồng)

875

Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ

14,6%

Là doanh nghiệp bảo hiểm nội địa duy nhất trên thị trường, BVNT đã khẳng định vị trí dẫn đầu là doanh nghiệp Việt. Thành công từ kết quả kinh doanh giúp BVNT tăng cường tiềm lực tài chính với tổng tài sản hơn 140 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 17,7% so với năm 2020.

Để đạt được kết quả trên, BVNT đã chủ động sáng tạo triển khai đồng bộ các giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, linh hoạt thích nghi trong bối cảnh dịch bệnh, tiếp tục bám sát định hướng kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt, tập trung cho mục tiêu tăng trưởng gắn với nâng cao hiệu quả kinh doanh và phát triển bền vững.

Phát triển hệ thống & mạng lưới kinh doanh

Với sự tin tưởng của khách hàng, mạng lưới kinh doanh của BVNT tiếp tục được mở rộng. Tính đến hết 31/12/2021, hệ thống mạng lưới của BVNT bao gồm 76 Công ty thành viên và 364 văn phòng khu vực trải rộng khắp 63 tỉnh thành với cơ sở vật chất hiện đại giúp BVNT tiếp cận và cung cấp dịch vụ đa dạng cho khách hàng trên cả nước.

Với bề dày 25 năm kinh nghiệm trên thị trường, đội ngũ tư vấn viên bảo hiểm của BVNT đã duy trì và liên tục phát triển, kỹ năng ngày càng được nâng cao, tổng số tư vấn viên toàn hệ thống của BVNT đạt gần 187.000 người tại thời điểm cuối năm 2021.

Bên cạnh kênh phân phối truyền thống, BVNT cũng liên tục đẩy mạnh khai thác thông qua hệ thống phân phối đa kênh: bancassurance, telesales, digital sales, online, sàn thương mại điện tử, ví điện tử...nhằm đa dạng hóa hình thức bán hàng cũng như tăng cường tư vấn cho các khách hàng về các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ.

Tính đến thời điểm hiện tại, BVNT đang hợp tác với 12 ngân hàng và các tổ chức tài chính, hứa hẹn mở ra cơ hội để BVNT tiếp cận và mang đến nhiều lợi ích hơn cho khách hàng.

Với định hướng áp dụng công nghệ 4.0 vào việc phát triển kênh phân phối, nâng cao trải nghiệm và sự hài lòng của khách hàng, BVNT đã tập trung mở rộng, phát triển kênh phân phối online và đưa sản phẩm của BVNT lên phân phối trên các nền tảng số của các đối tác hàng đầu thị trường ... Bước đi này thể hiện quyết tâm của BVNT trong việc đẩy mạnh số hóa, ứng dụng công nghệ hiện đại vào hoạt động kinh doanh.

Gia tăng thêm các tiện ích phục vụ khách hàng

Với phương châm **"Công nghệ tiên phong - Hiệu quả bền vững"**, BVNT luôn chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, đầu tư và ứng dụng công nghệ 4.0 trong quy trình vận hành và hoạt động kinh doanh để mang đến sự hài lòng cho khách hàng, đồng thời bảo đảm các quy định về an toàn phòng chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe cho khách hàng cũng như cán bộ, tư vấn viên của BVNT.

Năm 2021 bên cạnh việc tiếp tục hoàn thiện, nâng cao tiện ích cho khách hàng sử dụng dịch vụ hiện tại, BVNT đã tiến hành cải tiến quy trình, phát triển và mang đến các tiện ích mới, đơn giản hóa các thủ tục để phục vụ khách hàng tốt hơn như:

- Áp dụng quy trình không tiếp xúc trong công tác bán hàng và thu phí: giao nhận hợp đồng điện tử, chữ ký điện tử, thu phí online qua Mobile App, ví điện tử.... đảm bảo sự tiện lợi và an toàn phòng chống dịch bệnh trong quá trình giao dịch;
- Triển khai các thông báo cho các khách hàng qua tin nhắn, App...
- Số hóa các thủ tục, quy trình từ phát hành hợp đồng, chấp nhận bảo hiểm đến giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho các khách hàng. Đặc biệt trong năm 2021, các chính sách giải quyết quyền lợi cho khách hàng đã được điều chỉnh kịp thời trong thời gian dịch bệnh bùng phát thông qua miễn thời gian chờ, mở rộng phạm vi chi trả quyền lợi cho khách hàng mắc Covid-19, mở rộng phạm vi trợ cấp viện phí đặc biệt. Xử lý linh hoạt các trường hợp nợ phí của khách hàng, tạo điều kiện để khách hàng tiếp tục đóng phí, khôi phục hiệu lực hợp đồng.

Xây dựng Hệ thống bảo vệ toàn diện, gia tăng sức mạnh thương hiệu

Hướng đến mục tiêu bảo vệ toàn diện về sức khỏe tinh thần và thể chất cho khách hàng, BVNT duy trì và triển khai các kênh thông tin bảo vệ sức khỏe, kết nối với các Bác sĩ và chuyên gia y tế để tư vấn, phục vụ nhu cầu của khách hàng.

Tổng đài Bảo vệ sức khỏe Việt - 18006966/nhánh số 2 tiếp tục được triển khai nhằm cung cấp tư vấn cho khách hàng và cả gia đình từ các bác sỹ uy tín và giàu kinh nghiệm với ưu đãi không giới hạn thời gian gọi, không giới hạn cuộc gọi. Đây cũng là quyền lợi đặc biệt duy nhất hiện có trên thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam, chỉ dành riêng cho khách hàng của BVNT.

Bên cạnh đó, trang thông tin Bảo Vệ sức khỏe Việt, Bảo vệ Gia đình Việt cũng được tiếp tục đồng hành cùng khách hàng của BVNT, cung cấp các kiến thức hữu ích nâng cao chất lượng cuộc sống của khách hàng, chăm sóc sức khỏe cho khách hàng.

Tháng 10/2021, Bảo Việt Nhân thọ đã tổ chức chương trình Yoga trực tuyến miễn phí "Chào An Khang, Chào Hạnh Phúc" với sự giảng dạy của các huấn luyện viên có kinh nghiệm, chuyên môn cao đến từ Ấn Độ. Tính đến nay, chương trình đã thu hút hàng ngàn người tham gia tập luyện, góp phần nâng cao sức khỏe tinh thần và thể chất, đồng hành cùng các gia đình Việt vượt qua đại dịch.

Phát triển sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường

Công tác nghiên cứu, phát triển và hoàn thiện sản phẩm liên tục được thực hiện và đẩy mạnh để giới thiệu ra thị trường các sản phẩm mới ưu việt. Kỉ niệm 25 năm thành lập, ngày 1/8/2021, Bảo Việt Nhân thọ chính thức ra mắt sản phẩm "An Khang Hạnh Phúc", bảo vệ trọn đời và toàn diện trước các rủi ro trong cuộc sống, đặc biệt bảo vệ bệnh ung thư ngay từ giai đoạn đầu, đột quỵ, nhồi máu cơ tim và các quyền lợi chăm sóc y tế ưu việt. "An Khang Hạnh Phúc" mang đến nhiều quyền lợi ưu việt vượt trội, giúp người tham gia bảo hiểm tích lũy hiệu quả cho tương lai, đồng thời dự phòng một nguồn tài chính đảm bảo để điều trị các bệnh nan y hay chi trả các chi phí y tế, phẫu thuật khi không may gặp rủi ro tai nạn, bệnh tật. Đây cũng là sản phẩm có giải pháp đầu tư và tích lũy hiệu quả, được đánh giá là một trong những sản phẩm chủ chốt của Bảo Việt Nhân thọ.

Các hoạt động cộng đồng xã hội

Với vai trò là thương hiệu quốc gia, Bảo Việt Nhân thọ luôn nỗ lực thực hiện sứ mệnh "Bảo vệ Gia đình Việt - Bảo vệ Sức khỏe Việt - Bảo vệ Tương lai Việt".

Năm 2021, Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục trao tặng học bổng xe đạp cho gần 1.700 học sinh nghèo hiếu học tại 28 tỉnh thành trên cả nước: Bạc Liêu, Cao Bằng, Hà Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long, Yên Bái,... Đây là hoạt động thường niên được Bảo Việt Nhân thọ kiên tâm thực hiện trong nhiều năm qua, đã trao tặng gần 28.000 suất học bổng đến các trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, động viên các em tiếp tục con đường học tập thành tài, lớn lên trở thành công dân có ích, xây dựng quê hương đất nước ngày càng giàu đẹp. Thấu hiểu những lo âu và mong muốn tốt đẹp của các bậc phụ huynh trong hành trình nuôi dạy con khôn lớn. Đồng hành cùng các cha mẹ xây dựng tương lai vững vàng cho con yêu, chuỗi chương trình "Nuôi dạy con, dễ hay khó" đã được Bảo Việt Nhân thọ chính thức triển khai trên nền tảng số vào tháng 11/2021 với nhiều chủ đề giá trị và thực tiễn, giúp cha mẹ thấu hiểu và có phương pháp đồng hành nuôi dậy và phát triển con trẻ. Mỗi chương trình thu hút hơn 500 cha mẹ tham dự, tương tác đặt vấn đề và thảo luận, tạo nên cộng đồng cha mẹ thông thái, nuôi con thành tài.

Dịch bệnh Covid-19 tiếp tục lan rộng, cuộc sống của người Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề. Nhưng với tinh thần quyết tâm cao, cùng cả nước "*chống dịch như chống giặc*", ngày 5/6/2021, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ đã ủng hộ 30 tỷ đồng vào Quỹ vaccine phòng dịch COVID-19, nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách phòng chống dịch, đẩy nhanh tiến độ nhập khẩu vaccine để triển khai tiêm chủng miễn dịch trên diện rộng cho toàn dân, góp phần giảm gánh nặng lên ngân sách Nhà nước. Đây là nỗ lực của

Bảo Việt Nhân thọ nhằm chung tay bảo vệ sức khỏe cộng đồng, đóng góp vì một Việt Nam an bình và thịnh vượng, Cũng trong dịp này, các cán bộ nhân viên Bảo Việt Nhân thọ đã nhanh chóng thực hiện quyên góp tối thiểu 1 ngày lương làm việc để đóng góp vào Quỹ vắc-xin phòng dịch Covid-19, góp phần thể hiện tinh thần sẻ chia, cùng cả nước vượt qua giai đoạn khó khăn

Hướng đến các mục tiêu xã hội và phát triển bền vững, Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục các hoạt động cộng đồng với chủ đề bảo vệ môi trường và sức khỏe con người Việt Nam. Hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ "Trồng 1 tỷ cây xanh cho Việt Nam", ngày 7/01/2021, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ đã khởi động chiến dịch "Hành trình Việt Nam xanh" nhằm lan tỏa lối sống xanh và khuyến khích hành động bảo vệ môi trường đến cộng đồng. Theo đó, tại tỉnh Thừa Thiên Huế, Bảo Việt Nhân thọ trồng các cây gỗ bản địa trên 5ha đất tại Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền, đồng thời trồng hàng cây sao đen làm đẹp cảnh quan đô thị tại Thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Đây là hoạt động ý nghĩa kỷ niệm 25 năm Bảo Việt Nhân thọ tiên phong khai mở và đồng hành cùng thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam, thể hiện cam kết thực hiện sứ mệnh "Bảo vệ Tương lai Việt - Bảo vệ Gia đình Việt".

& MỤC TIÊU
ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2022

Với tiềm lực tài chính ổn định và vững chắc, dựa trên nền tảng kết quả kinh doanh liên tục tăng trưởng trong những năm qua, BVNT tiếp tục hướng tới mục tiêu tăng trưởng doanh thu, song hành với gia tăng chất lượng chăm sóc và tư vấn, đảm bảo các quyền lợi cho khách hàng, giữ vững vị thế là doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ hàng đầu trên thị trường, cụ thể:

Để đạt các mục tiêu trên, BVNT xây dựng các giải pháp đồng bộ và xuyên suốt dựa trên phát huy truyền thống của doanh nghiệp Việt Nam tiên phong khai mở thị trường nhân thọ Việt Nam và nền tảng Hợp lực Tập đoàn Bảo Việt.

Cụ thể như sau:

1 Củng cố và mở rộng mạng lưới kinh doanh, phát triển hệ thống phân phối đa kênh

Duy trì và tiếp tục phát triển kênh đại lý truyền thống là kênh chủ đạo và chiến lược, tập trung mọi nguồn lực phát triển hệ thống theo hướng chuyên nghiệp và trẻ hóa đội ngũ; Tiếp tục phát triển một cách phù hợp các kênh Telesales, Bancassurance, KHDN, phân phối Online, digital sales.

2 Phát triển sản phẩm mới

BVNT liên tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu thị trường, thiết kế và phát triển các gói sản phẩm đa dạng, phù hợp với thay đổi của thị trường, đáp ứng nhu cầu và các phân khúc khách hàng, có tính cạnh tranh cao đồng thời phù hợp với các định hướng chiến lược chung của Chính phủ và Bộ tài chính trong cải cách hệ thống an sinh xã hội. Trong năm 2022, Bảo Việt Nhân thọ sẽ tiếp tục đa dạng hóa các dòng sản phẩm bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm liên kết chung và bảo hiểm Liên kết đơn vị để tạo thêm sự phong phú cho giỏ sản phẩm của BVNT.

3 Chiến lược đầu tư hiệu quả

Trong điều kiện lãi suất thị trường tiếp tục duy trì ở mức thấp, BVNT sẽ có chiến lược đầu tư linh hoạt, tận dụng hiệu quả các cơ hội đầu tư với các diễn biến của thị trường tài chính để mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, đảm bảo cam kết với chủ hợp đồng. Đồng thời, để tiếp tục đóng góp cho sự phát triển của thị trường tài chính Việt Nam, BVNT cũng tích cực đầu tư trở lại nền kinh tế và tham gia vào thị trường trái phiếu chính phủ. Chú trọng xây dựng và đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm đầu tư hiệu quả; thiết lập mạng lưới thông tin, hợp tác đồng bộ, có hệ thống, phát huy sức mạnh tập thể trong Tập đoàn Bảo Việt, đảm bảo hiệu quả danh mục đầu tư.

4 Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng

Định hướng "số hóa" công tác dịch vụ khách hàng, tăng cường các giải pháp nhằm hỗ trợ tối đa cho hoạt động kinh doanh như phát hành, giao nhận hợp đồng không tiếp xúc, chữ ký điện tử, giải quyết quyền lợi bảo hiểm tự động, mở rộng triển khai các dịch vụ số đến khách hàng, mở rộng mạng lưới cộng tác viên y tế, chuyển đổi dữ liệu nhằm quản lý tập trung dữ liệu khách hàng, nâng cao chất lượng quản lý và phục vụ khách hàng.

Tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc và phục vụ khách hàng với việc đa dạng hóa các hình thức chăm sóc khách hàng, tận dụng tối đa ứng dụng của công nghệ thông tin nhằm đáp ứng kịp thời các nhu cầu về tư vấn của các khách hàng, nâng cao sự hài lòng của khách hàng.

5 Tối ưu hóa ứng dụng Công nghệ hiện đại

Để Tận dụng sự phát triển nhanh chóng của xu hướng công nghệ 4.0 và để đảm bảo BVNT luôn luôn đứng vững trước những rủi ro không thể lường trước tương tự như dịch bệnh Covid-19 trong tương lai, trong năm 2022, BVNT tiếp tục Phát triển và nâng cấp các phiên bản phần mềm đáp ứng các hoạt động kinh doanh cốt lõi và số hóa các quy trình của BVNT, ưu tiên cho dịch vụ khách hàng và quản lý khách hàng.

6 Đẩy mạnh hoạt động hợp lực toàn Tập đoàn

Phát huy thế mạnh của Tập đoàn Bảo Việt - Tập đoàn tài chính, bảo hiểm hàng đầu Việt Nam với lĩnh vực kinh doanh đa dạng: bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, quản lý quỹ đầu tư, ngân hàng, chứng khoán... trong năm 2022, BVNT tiếp tục phát huy sức mạnh tổng thể, tăng cường các hoạt động hợp tác, hợp lực nội bộ, nhằm cung cấp các giải pháp bảo hiểm - tài chính - ngân hàng tích hợp vượt trội, tối đa hóa các tiện ích đối với dịch vụ cung cấp cho khách hàng...

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

Năm 2021 vẫn là một năm đầy những thách thức và khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, tuy vậy Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt vẫn nỗ lực hoàn thành kế hoạch kinh doanh với kết quả khả quan cùng chất lượng hoạt động đầu tư ngày càng được chú trọng và nâng cao. Cùng với kết quả này, Công ty Quản lý quỹ Bảo Việt đã, đang và sẽ tiếp tục khẳng định được vị thế của mình trên thị trường tài chính Việt Nam, đồng thời tiếp tục đảm nhiệm tốt vai trò là một trong ba trụ cột kinh doanh chính của Tập đoàn Bảo Việt.

Ông NGUYỄN ĐÌNH AN
Tổng Giám đốc

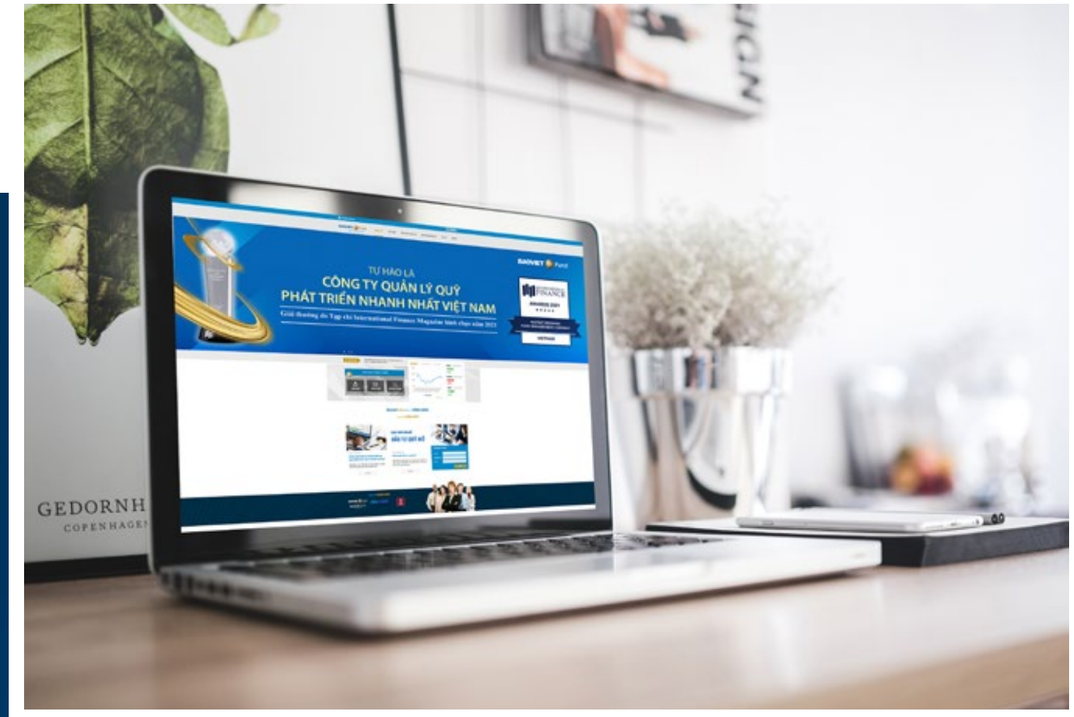

BAOVIET Fund
QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ TỐT NHẤT
QUỸ CỔ PHIẾU & TRÁI PHIẾU

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Trong suốt 16 năm hoạt động, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã đánh dấu từng bước phát triển vượt bậc, khẳng định được vị thế là nhà đầu tư tài chính chuyên nghiệp hàng đầu trên thị trường tài chính Việt Nam với quy mô tổng tài sản quản lý tăng trưởng 23% so với 31/12/2020, đạt 96.298 tỷ đồng (tương đương 4 tỷ USD). Với kinh nghiệm quản lý nguồn vốn lớn và dài hạn, cùng khả năng cung cấp các dịch vụ tài chính đa dạng, trọn gói theo chuẩn mực quốc tế, bao gồm: dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán. Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt luôn nỗ lực và cam kết mang đến lợi ích cao nhất cho các Nhà đầu tư và khách hàng.

Với vai trò là nòng cốt trong hoạt động đầu tư của hệ thống Bảo Việt, Công ty đang quản lý 5 danh mục, 3 quỹ mở và 1 quỹ thành viên. Các danh mục đầu tư của Công ty đều đạt kết quả tốt, đáp ứng kỳ vọng của khách hàng. Năm 2021, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt vinh dự nhận được nhiều giải thưởng do các Tổ chức, Tạp chí Quốc tế trao tặng: Giải thưởng Fastest Growing Fund Management Company in Vietnam 2021 của Tạp chí International Magazine, giải thưởng Best Asset Manager in Fixed Income Funds và Equity Funds của Tổ chức Alpha Southeast Asia.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

Đối mặt với những thách thức và khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, trong năm 2021, với các giải pháp, nỗ lực trong các từng mảng hoạt động, hướng tới mục tiêu chuẩn hóa, lấy yêu cầu của khách hàng làm kim chỉ nam để vận hành các danh mục, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt vẫn đạt được kết quả kinh doanh đầy khả quan, cụ thể:

Tổng tài sản quản lý Tại thời điểm 31/12/2021
(Tỷ đồng)

96.298

Tăng trưởng 23% so với năm 2020

Lợi nhuận sau thuế
(Tỷ đồng)

42,8

hoàn thành 109,5% kế hoạch năm và tăng trưởng1% so với năm 2020.

Tổng doanh thu năm 2021
(Tỷ đồng)

115

(Sau khi áp dụng chính sách giảm phí cho khách hàng), đạt 101,5% so với kế hoạch

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH KHÁC

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ đạt 42,8%.
- Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tại thời điểm 31/12/2021 đạt 530,1%.
- Tất cả các danh mục quản lý đầu tư cho khách hàng đều vượt mức kỳ vọng của khách hàng.

Hoạt động đầu tư được triển khai hiệu quả, kết quả đầu tư vượt trội, đáp ứng kỳ vọng của khách hàng

Với những diễn biến sôi động của thị trường chứng khoán trong năm 2021, tất cả các danh mục đầu tư do Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt quản lý đều vượt kỳ vọng của khách hàng. Kết quả này có được nhờ việc triển khai các hoạt động đầu tư dựa trên nguyên tắc đảm bảo bám sát các yêu cầu của khách hàng, đồng thời có sự linh hoạt trong việc áp dụng các giải pháp. Công ty liên tục tìm kiếm và chủ động thực hiện các cơ hội đầu tư mới, lựa chọn thời điểm thay đổi cơ cấu tài sản đầu tư để mang đến hiệu quả đầu tư tốt nhất cho danh mục.

Giao dịch quỹ mở sôi động, thu hút thêm nhiều nhà đầu tư cá nhân - dần khẳng định vị trí của kênh đầu tư thời đại mới

Năm 2021 được coi là một năm giao dịch sôi động của thị trường quỹ mở. Các Quỹ mở do Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt quản lý đạt được kết quả đầu tư tốt, cụ thể: Quỹ BVFED tăng 41,8%, Quỹ BVPF tăng 30,6% và Quỹ BVBF đạt mức tăng trưởng 4,7%, so với cuối năm 2020. Trong đó, Quỹ BVFED nằm trong top 10 quỹ mở cổ phiếu có mức tăng trưởng tốt nhất thị trường. Hiệu quả đầu tư tốt là một yếu tố quan trọng góp phần thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư đối với quỹ mở. Tính đến cuối năm 2021, tổng số Nhà đầu tư cá nhân mới mở tài khoản là 1.064, tổng số vốn huy động mới của 3 quỹ mở (BVBF, BVFED và BVPF) đạt hơn 105 tỷ đồng. Đây là dấu hiệu đáng mừng cho thấy các nhà đầu tư đã quan tâm hơn tới kênh đầu tư thông qua quỹ và là cơ hội tốt để Công ty mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm, đồng thời tiếp tục phát triển các sản phẩm quỹ đại chúng trong tương lai.

Từng bước hướng tới thực hiện chuyển đổi số, nâng cao tính chuyên nghiệp trên mọi mảng hoạt động

Với định hướng của Tập đoàn Bảo Việt về thực hiện chuyển đổi số, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã triển khai các dự án đầu tư phần mềm, nền tảng Công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, hỗ trợ hoạt động đầu tư như: hiệu chỉnh phần mềm IMS, phát triển và nâng cấp trang giao dịch chứng chỉ quỹ trực tuyến, các phần mềm hỗ trợ công tác kế toán; thiết lập một số công cụ và giải pháp để tạo ra các báo cáo tự động, đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty và khách hàng.

& MỤC TIÊU
ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2021

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

Năm 2022 được dự báo sẽ mở ra nhiều cơ hội đi kèm với những thách thức mới. Với mục tiêu tăng trưởng bền vững, tận dụng thế mạnh và cơ hội để tạo đà bứt phá trong giai đoạn tiếp theo, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đề ra chỉ tiêu kinh doanh như sau:

133
Tổng doanh thu
(Tỷ đồng)

49
Lợi nhuận sau thuế
(Tỷ đồng)

49%
Tỷ suất LNST/ Vốn điều lệ

MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2022

Trên cơ sở các mục tiêu kinh doanh, cùng những đánh giá về thị trường và thế mạnh của mình, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã đưa ra những nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm trong năm 2022 như sau:

1 Chú trọng triển khai các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư

Đầu tư hiệu quả, an toàn và đáp ứng kỳ vọng của khách hàng luôn là mục tiêu xuyên suốt của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt. Trong năm 2022, với điều kiện thị trường có nhiều biến động, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt sẽ tập trung bám sát diễn biến thị trường, tăng cường dự báo để đưa ra các giải pháp đầu tư phù hợp, phát huy sáng tạo và linh hoạt với sự thay đổi của thị trường. Đồng thời, chú trọng triển khai một số giải pháp để nâng cao hiệu quả đầu tư, bao gồm: (1) tái cấu trúc danh mục đầu tư theo hướng dịch chuyển các lớp tài sản, đảm bảo phù hợp với diễn biến thị trường và yêu cầu của khách hàng; (2) tận dụng cơ hội thị trường cho các hoạt động gia tăng hiệu quả danh mục như mua bán cổ phiếu, trái phiếu, repo,...

2 Thực hiện chuyển đổi số, đưa Công nghệ thông tin vào tất cả các mảng hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành

Bằng việc đẩy mạnh đầu tư vào hệ thống CNTT như tập trung phát triển hệ thống phần Core, phần mềm giao dịch quỹ mở trực tuyến, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt hướng tới cung cấp đầy đủ các công cụ hỗ trợ cho hoạt động đầu tư, bán hàng, quản trị điều hành v.v... Đó chính là nền tảng giúp công ty nâng cao năng lực canh tranh trong thời đại Công nghệ 4.0 và góp phần tăng tính hiệu quả trong tất cả các mảng hoạt động.

3 Ra mắt sản phẩm mới, tìm kiếm và phát triển kênh phân phối

Bám sát theo kế hoạch đã đề ra, trong năm 2022 Công ty dự kiến sẽ ra mắt các sản phẩm quỹ mới nhằm đáp ứng đa dạng nhu cầu đầu tư của khách hàng và đối tác. Cùng với đó, hệ thống kênh phân phối phù hợp với từng sản phẩm đặc thù vẫn tiếp tục được Công ty chú trọng phát triển.

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

Sau hơn 10 năm hoạt động, Công ty Đầu tư Bảo Việt đã xây dựng được bộ máy hoạt động chính trong 4 lĩnh vực:

- Đầu tư và kinh doanh bất động sản;
- Khai thác và quản lý bất động sản;
- Thi công xây lắp và tư vấn quản lý dự án;
- Kinh doanh và hợp tác kinh doanh thương mại dịch vụ.

Ông NGUYỄN MINH TUẤN
Tổng Giám đốc

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

Năm 2021 Công ty Đầu tư Bảo Việt đã hoàn thành vượt kế hoạch đề ra

Lợi nhuận sau thuế đạt (Tỷ đồng) **8,3**
vượt 8% so với kế hoạch

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn điều lệ đạt **4,1%**

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu đạt **3,8%**

Trong năm 2021, Công ty đã cung cấp hoạt động quản lý tòa nhà tại 14 tòa nhà mới so với năm 2020; nâng số tòa nhà quản lý lên 49 tòa nhà trên cả nước.

BAOVIET Invest
ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

312
Tổng doanh thu năm 2021 Công ty Đầu tư Bảo Việt
(Tỷ đồng)

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

Là một đơn vị thành viên của Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm - Bảo Việt, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Công ty Đầu tư Bảo Việt (BVI) được thành lập trên cơ sở tổng hợp các nguồn lực tài chính, con người, chức năng, nhiệm vụ và những thành tựu to lớn trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng của Tập đoàn Bảo Việt, nhằm chuyên nghiệp hóa hoạt động đầu tư, xây dựng để phát huy hơn nữa vị thế, vai trò của một Tập đoàn Nhà nước trong nền kinh tế quốc gia.

Năm 2021 Công ty Đầu tư Bảo Việt đã hoàn thành kế hoạch đề ra; tổng doanh thu đạt 312 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế đạt 8,3 tỷ đồng, vượt 8% so với kế hoạch.

Năm 2022, Công ty tiếp tục đặt mục tiêu cung cấp các giải pháp toàn diện về đầu tư, khai thác nguồn tài nguyên bất động sản cho Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt.

Sau hơn 10 năm hoạt động, Công ty Đầu tư Bảo Việt đã xây dựng được bộ máy hoạt động chính trong 3 lĩnh vực: kinh doanh đầu tư bất động sản; Khai thác và dịch vụ quản lý bất động sản và quản lý dự án.

BVI đã xác định rõ lĩnh vực khai thác và quản lý bất động sản là một trong những mục tiêu kinh doanh chính nằm trong định hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới và sẽ đẩy mạnh xây dựng các kế hoạch để đạt được mục tiêu này. Đồng thời BVI luôn tập trung gia tăng giá trị doanh nghiệp tại "**Đề án hợp lực BAOVIET**" cũng như đầu tư trọng tâm vào cơ sở hạ tầng; sử dụng hiệu quả quỹ đất; Khai thác - Hợp tác với các đối tác bán lẻ dịch vụ.

Với sự chuyên nghiệp, năng lực tài chính dồi dào, kinh nghiệm phong phú, nguồn nhân lực tinh nhuệ và tinh thần trách nhiệm cao với các cam kết, Công ty Đầu tư Bảo Việt luôn đáp ứng được nhu cầu về đầu tư bất động sản và các dịch vụ xây dựng và tư vấn đầu tư xây dựng với tất cả các đối tác trong và ngoài nước.

& MỤC TIÊU
ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2022

Năm 2022, BVI tiếp tục duy trì mục tiêu, định hướng chiến lược hoạt động là: Quản lý hiệu quả nguồn tài sản bất động sản trong nội bộ Tập đoàn; nghiên cứu quy hoạch tổng thể quỹ đất của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên;

MỤC TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

Với hướng đi dài hạn như vậy, BVI đặt mục tiêu tăng trưởng bền bững, với các chỉ tiêu tài chính như sau:

Tổng doanh thu (Tỷ đồng)	345
Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)	8

GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2022

1 Hoạt động đầu tư, kinh doanh bất động sản

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện trình phê duyệt chủ trương đối với các dự án theo chương trình hợp lực như dự án Tòa nhà Bảo Việt tại Tô Hiệu (Hà Đông), dự án căn hộ tại Phan Chu Trinh (Vũng Tàu).
- Hoàn thành thi công xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng Tòa nhà Bảo Việt tại Long Thành (Đồng Nai), Trà Vinh, Hậu Giang.
- Đánh giá thị trường và thực hiện kinh doanh thương mại căn hộ chung cư để gia tăng lợi nhuận trong ngắn hạn.
- Đẩy nhanh công tác thu hồi vốn tại hai dự án Eco - Green và Landmark 51.

2 Hoạt động quản lý tòa nhà

- Mở rộng cung cấp dịch vụ quản lý tòa nhà tại các địa phương trên cả nước của Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

3 Quản lý nguồn nhân lực

- Ưu tiên sử dụng nhân lực nội bộ để đáp ứng yêu cầu công việc.
- Tổ chức các khóa đào tạo cho người lao động.

4 Hoạt động đầu tư, kinh doanh bất động sản

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện đối với các dự án theo chương trình hợp lực như dự án Tòa nhà Bảo Việt tại Tô Hiệu (Hà Đông), dự án căn hộ tại Phan Chu Trinh (Vũng Tàu), dự án Tòa nhà Bảo Việt tại Long Thành (Đồng Nai).
- Hoàn thành thi công xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng Tòa nhà Bảo Việt tại Long Thành (Đồng Nai), Trà Vinh, Hậu Giang.
- Đánh giá thị trường và thực hiện kinh doanh thương mại căn hộ chung cư để gia tăng lợi nhuận trong ngắn hạn.

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) được thành lập từ năm 1999 với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt), trực thuộc Bộ Tài chính, BVSC kế thừa thương hiệu uy tín và thế mạnh tài chính của một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam. Công ty cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư cho tất cả các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, các quỹ và ngân hàng đầu tư danh tiếng trong nước và nước ngoài.

Ông NHỮ ĐÌNH HÒA
Tổng Giám đốc

CHỈ SỐ VNINDEX CUỐI NĂM 2021 ĐẠT
1.498,28
ĐIỂM, TĂNG 36% SO VỚI NĂM 2020

THANH KHOẢN THỊ TRƯỜNG DUY TRÌ Ở MỨC CAO
26.661
TỶ ĐỒNG, BẰNG 259% SO VỚI NĂM 2020

LÀN SÓNG NHÀ ĐẦU TƯ ĐẠT KỶ LỤC VỚI BÌNH QUÂN KHOẢNG
100.000
TÀI KHOẢN MỞ MỚI/THÁNG

BAOVIET Securities
CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Với sứ mệnh trao "**Niềm tin vững chắc**" cho nhà đầu tư, doanh nghiệp bằng "**Cam kết vững bền**", trong suốt 22 năm qua, BVSC đã liên tục củng cố hoạt động, đầu tư mạnh mẽ cho hệ thống công nghệ thông tin và nâng cao chất lượng dịch vụ để duy trì vị thế là công ty chứng khoán uy tín trên thị trường.

Hiện nay, BVSC có mạng lưới hoạt động tại 02 thành phố lớn nhất là Hà Nội và TP. HCM với 01 Chi nhánh và 08 phòng giao dịch. BVSC luôn cung cấp cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất thông qua đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán.

Trong những năm qua, BVSC liên tiếp được đón nhận các giải thưởng và bình chọn đánh giá cao của các tổ chức lớn có uy tín trong, ngoài nước và của các Cơ quan quản lý.

1.147
Tổng doanh thu năm 2021
(Tỷ đồng)

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

Năm 2021 là một năm thăng hoa của thị trường chứng khoán bất chấp việc dịch bệnh Covid- 19 tiếp tục lan rộng trên nhiều tỉnh thành lớn của cả nước. Năm 2021, cùng với làn sóng nhà đầu tư F0 đạt kỷ lục với bình quân khoảng 100.000 tài khoản mở mới/ tháng, cùng với dòng tiền rẻ là những yếu tố chính hỗ trợ tích cực cho thị trường. Chỉ số VnIndex duy trì xu hướng tăng điểm tích cực trong cả năm 2021, các đỉnh lịch sử như 1.300 điểm, 1.400 điểm và 1.500 điểm cũng lần lượt được phá vỡ và kết thúc năm đạt 1.498.28 điểm, tăng 36% so với thời điểm kết thúc năm 2020. Trên sàn HNX, chỉ số HnxIndex đóng cửa kết thúc năm 2021 ở mức 473,99 điểm, tăng 133% so với thời điểm kết thúc năm 2020. Thanh khoản thị trường duy trì ở mức cao, với bình quân GTGD trên cả 3 sàn đạt 26.661 tỷ đồng/phiên, bằng 259% so với bình quân năm 2020. Nhiều phiên giao dịch kỷ lục được thiết lập với GTGD lớn hơn 40.000 tỷ đồng/phiên.

Với việc nắm bắt cơ hội của thị trường, nhanh chóng thích ứng với những biến động, cùng với sự chỉ đạo sát sao của Ban điều hành và sự đồng lòng của toàn thể cán bộ nhân viên, năm 2021, BVSC đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 giao, cụ thể:

Tổng doanh thu đạt (Tỷ đồng) **1.147**

bằng 130,3% so với kế hoạch và tăng 93% so cùng kỳ năm trước. Trong đó doanh thu thực hiện là 1.053 tỷ đồng bằng 130,8% so với kế hoạch và tăng 103,2% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận trước thuế đạt (Tỷ đồng) **351**

bằng 145,5% so với kế hoạch và tăng 127,4% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, lợi nhuận thực hiện trước thuế là 291 tỷ đồng, bằng 141,8% so với kế hoạch và tăng 133,8% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng tài sản đạt (Tỷ đồng) **5.719**

tăng 2.306 tỷ đồng, tương ứng tăng 67,6% so với cùng kỳ năm trước. Tài sản của Công ty tăng chủ yếu từ các khoản đầu tư tài sản tài chính ngắn hạn và các khoản cho vay để đáp ứng cho các hoạt động đầu tư tự doanh và triển khai dịch vụ cho vay margin - ứng trước phù hợp với định hướng kinh doanh của Công ty.

Chỉ tiêu tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty luôn đạt mức cao so với tỷ lệ quy định (180%) của UBCKNN.

Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng đạt **489%**

bằng 2,72 lần so với tỷ lệ an toán vốn khả dụng cho phép và ở mức cao so với các công ty cùng ngành, thể hiện Công ty có tình hình tài chính lành mạnh, kiểm soát tốt các rủi ro về đầu tư và các rủi ro thanh toán, hoạt động của Công ty.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Năm 2021, Công ty đã đẩy mạnh việc vay vốn ngắn hạn với lãi suất thấp. Theo đó tỷ lệ vốn vay trên tổng nguồn vốn của Công ty đã tăng đáng kể. Điều này cho thấy, BVSC đã khai thác hiệu quả các nguồn vốn vay giá rẻ, lãi suất thấp trong ngắn hạn để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh chính, nâng cao đòn bẩy tài chính giúp gia tăng khả năng tăng trưởng của Công ty.

Chỉ tiêu khả năng sinh lời

Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu ROE đạt **13,2%**
tăng 86,9% so với cùng kỳ năm trước (7,1%)

Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tổng tài sản (ROA) đạt **4,9%**
Tăng 27,5% so với cùng kỳ năm trước

Điều này cho thấy, Công ty đã và đang sử dụng hiệu quả đòn bẩy tài chính và có các chiến lược kinh doanh hiệu quả để thúc đẩy tăng trưởng trong các hoạt động kinh doanh, mang lại lợi nhuận sau thuế tăng gấp hơn 2 lần so với cùng kỳ năm 2020.

HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI TĂNG TRƯỞNG MẠNH

HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI CHIẾM **44%** CƠ CẤU DOANH THU

Tính đến hết năm 2021, doanh thu hoạt động môi giới vẫn ghi nhận sự tăng trưởng vượt bậc so với 2020 **208,9%**

Hoạt động môi giới vẫn là hoạt động cốt lõi và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu thực hiện (44%) của công ty. Năm 2021, Công ty đã nắm bắt tốt những thuận lợi về quy mô giao dịch của thị trường và tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp về con người, nguồn vốn, đặc biệt là đẩy mạnh khai thác sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng số.

Mặc dù trước những hạn chế về nguồn vốn và áp lực cạnh tranh lớn trên thị trường, doanh thu hoạt động môi giới vẫn ghi nhận sự tăng trưởng vượt bậc, tương đương 129,9% kế hoạch và tăng trưởng 208,9% so với cùng kỳ - đây cũng là mức tăng trưởng lớn nhất trong tất cả các mảng hoạt động kinh doanh của công ty

ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN THU XẾP VỐN THÔNG QUA PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU VÀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI TPDN

5.100
Tổng giá trị TPDN do BVSC tư vấn
(Tỷ đồng)

Nắm bắt xu hướng phát triển của thị trường trái phiếu, kể từ năm 2020, BVSC đã bắt đầu chuyển dịch đẩy mạnh hoạt động tư vấn thu xếp vốn cho các doanh nghiệp, đặc biệt là tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Năm 2021, hoạt động tư vấn này đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ với doanh thu tăng 91% so với cùng kỳ năm ngoái. Tổng giá trị TPDN do BVSC tư vấn là 5.100 tỷ đồng với nhiều thương vụ tiêu biểu như tư vấn và đại lý phát hành TPDN của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat, Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương, Công ty Cổ phần Đầu tư Danh Khôi Holdings, Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer,...

Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiếp tục triển khai hiệu quả các hoạt động tư vấn vốn là thế mạnh như Thương vụ tư vấn niêm yết cổ phiếu IPO cho CTCP Bất động sản Khải Hoàn Land trên sàn HSX, tư vấn thoái vốn của Vietnam Post tại PTI. Với các hợp đồng tư vấn này, BVSC tiếp tục khẳng định vị trí và thương hiệu của mình trên thị trường.

THÚC ĐẨY MẠNH MẼ QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ & ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

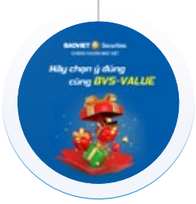

Trên nền tảng hệ thống giao dịch mới B-wise, năm 2021, BVSC đã tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong hoạt động kinh doanh nhằm thích ứng với điều kiện kinh doanh mới và phù hợp với xu hướng chung của thị trường.

Theo đó, bên cạnh việc liên tục nâng cấp và hoàn thiện hệ thống B-wise và App Mobile, BVSC đã cho ra mắt nhiều sản phẩm công nghệ nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng cũng như hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm trên nền tảng số:

Ra mắt sản phẩm mới eKYC: Tháng 08/2021, Công ty cho ra mắt dịch vụ mở tài khoản trực tuyến dựa trên công nghệ nhận diện khuôn mặt eKYC (gọi tắt là mở tài khoản eKYC), thực hiện trên ứng dụng di động BVSC Mobile, giúp khách hàng mở tài khoản nhanh chóng ở bất cứ nơi đâu và bất cứ thời điểm nào trong ngày. Sự ra đời của dịch vụ mở tài khoản eKYC đã giúp tối ưu hóa hoạt động mở tài khoản của khách hàng cũng như cải tiến phương thức tiếp cận khách hàng một cách hiệu quả, đặc biệt trong tình hình đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp như hiện nay.

Triển khai và nâng cấp dịch vụ Thu - Chi hộ điện tử với các ngân hàng thương mại: Nhằm mang đến sự tiện lợi tối ưu cho các khách hàng và nhà đầu tư trong việc nộp - rút tiền từ tài khoản chứng khoán về tài khoản ngân hàng, bên cạnh các kênh thu-chi hộ đã được triển khai với Viettinbank, chi hộ với BIDV, tháng 05/2021, Công ty đã cho ra mắt dịch vụ Chi hộ điện tử với Baovietbank. Đồng thời, Công ty đang tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn tất dịch vụ thu hộ điện tử với BIDV và Baovietbank.

Bán chứng khoán lô lẻ sàn HOSE: Nhằm hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện bán chứng khoán lô lẻ sàn HOSE nhanh chóng và thuận tiện, tránh việc sở hữu chứng khoán lô lẻ và khó giao dịch, trong tháng 10.2021, BVSC ra mắt tính năng bán chứng khoán lô lẻ sàn HOSE trên Hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến B-Wise và triển khai mua chứng khoán lô lẻ HOSE định kỳ hàng tháng. Với tiện ích này, Quý Khách hàng có thể chủ động đặt bán chứng khoán lô lẻ Online mà không cần đến các điểm giao dịch của Công ty. Việc đặt lệnh bán trực tuyến thuận tiện và nhanh chóng nhận tiền bán chứng khoán về tài khoản.

Phát triển sản phẩm tư vấn đầu tư mới dựa trên ứng dụng công nghệ: Trong tháng 12.2021, Công ty cho ra mắt sản phẩm BVS - Value - Ủy thác quản lý tiểu khoản giao dịch chứng khoán được quản lý bởi đội ngũ chuyên gia phân tích uy tín và giàu kinh nghiệm. Dựa trên nền tảng công nghệ, khách hàng hoàn toàn sở hữu và giám sát hàng ngày toàn bộ tài sản ủy thác trên tiểu khoản giao dịch, đồng thời, khách hàng có thể linh hoạt lựa chọn ủy thác một phần tài sản song song với việc chủ động tự giao dịch... Vào đầu năm 2022, BVSC tiếp tục nghiên cứu và cho ra mắt sản phẩm ủy thác quản lý đầu tư mới BVS - Active giúp khách hàng có thêm nhiều sự lựa chọn nhằm tối ưu hóa danh mục đầu tư của mình.

TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH FUTURE BROKER 2021 NỀN TẢNG XÂY DỰNG THẾ HỆ NHÂN SỰ MỚI

Tiếp nối sự thành công của Chương trình Future Broker 2020, chương trình Future Broker 2021 tiếp tục được triển khai tại cả hai khu vực Hà Nội và TP.HCM. Chương trình được thiết kế với 03 giai đoạn Đào tạo - Huấn luyện - Thực chiến cùng 24 chuyên đề dành cho đối tượng sinh viên sắp ra trường, có mong muốn và đam mê làm việc trong môi trường Tài chính - Chứng khoán, hướng tới trở thành nhà tư vấn đầu tư chuyên nghiệp. Thông qua chương trình này, BVSC hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ thế hệ nhân sự kế cận có chất lượng và mang lại hiệu quả bền vững trong tương lai.

& MỤC TIÊU ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2022

MỤC TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022 DỰ KIẾN TRÌNH ĐHĐCĐ 2022 THÔNG QUA

Tổng doanh thu (Tỷ đồng) **1.169**
tương đương 102% so với năm 2021

Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng) **283,5**
tương đương 100,2% so với năm 2021

Doanh thu thực hiện (Tỷ đồng) **1.080**
tương đương 103% so với năm 2021

Lợi nhuận sau thuế thực hiện (Tỷ đồng) **236**
tương đương 102% so với năm 2021

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

1 **Đẩy mạnh hoạt động môi giới**

Theo định hướng chiến lược phát triển của Công ty, năm 2022, BVSC vẫn sẽ tiếp tục tập trung nguồn lực đẩy mạnh phát triển hoạt động môi giới thông qua các giải pháp đồng bộ về sản phẩm dịch vụ, nguồn vốn, con người, và giải pháp công nghệ thông tin.

2 **Tập trung đẩy mạnh hoạt động tư vấn thu xếp vốn cho doanh nghiệp thông qua phát hành trái phiếu, cổ phiếu,** song song với duy trì hoạt động tư vấn M&A là thế mạnh của BVSC. Bên cạnh đó, tận dụng cơ hội khi kế hoạch thoái vốn, cổ phần hóa và tái cơ cấu doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025 được Chính phủ phê duyệt, công ty đẩy mạnh tiếp cận các Tập đoàn, Doanh nghiệp có nhu cầu tái cơ cấu để tư vấn IPO và niêm yết cổ phiếu.

3 **Áp dụng chiến lược đầu tư linh hoạt trong hoạt động tự doanh**

Năm 2022, Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán bằng chiến lược đầu tư linh hoạt, bám sát diễn biến của thị trường và dòng tiền để đưa ra các thời điểm giải ngân phù hợp, mang lại hiệu quả cho danh mục đầu tư.

4 **Triển khai Next Gen 2022 - nền tảng nhân sự thế hệ mới cho tương lai**

Bên cạnh việc tiếp tục triển khai Future Broker 2022 tại Hà nội, Công ty dự kiến thiết kế chương trình mới Next Gen 2022 nhằm xây dựng nguồn lực nhân sự trung và dài hạn tại tất cả các vị trí. Next Gen 2022 là sự kế thừa và phát triển từ chương trình Future Broker, hướng tới hoạch định nguồn cung nhân sự toàn diện tại tất cả các vị trí trong Công ty nhằm tạo nên một thế hệ nhân sự kế cận đáp ứng nhu cầu hiện tại và chiến lược phát triển lâu dài của công ty.

4 **Nâng cấp hệ thống CNTT nhằm đáp ứng quy mô phát triển của thị trường và tiến trình chuyển đổi số của Công ty**

Năm 2022, Công ty dự kiến sẽ thực hiện đầu tư bổ sung, thay thế hệ thống thiết bị cốt lõi nhằm nâng cấp hệ thống máy chủ và một số thiết bị trọng yếu liên quan; đồng thời nâng cấp hệ thống mạng và máy chủ ảo trung tâm. Việc đầu tư cho hệ thống công nghệ thông tin này sẽ giúp BVSC: (i) nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo đáp ứng tốt điều kiện hoạt động khi quy mô giao dịch của thị trường tăng lên trong thời gian tới; (ii) sẵn sàng đáp ứng yêu cầu cho hệ thống Core giao dịch chứng khoán mới của thị trường chứng khoán Việt Nam (hệ thống KRX) đi vào hoạt động; (iii) đẩy nhanh quá trình số hóa và chuyển đổi số để BVSC xây dựng sản phẩm tài chính trên nền công nghệ nhằm mang đến cho khách hàng những trải nghiệm tiện ích vượt trội khi sử dụng dịch vụ; đồng thời thúc đẩy hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp và tối ưu năng suất làm việc của cán bộ, nhân viên Công ty.

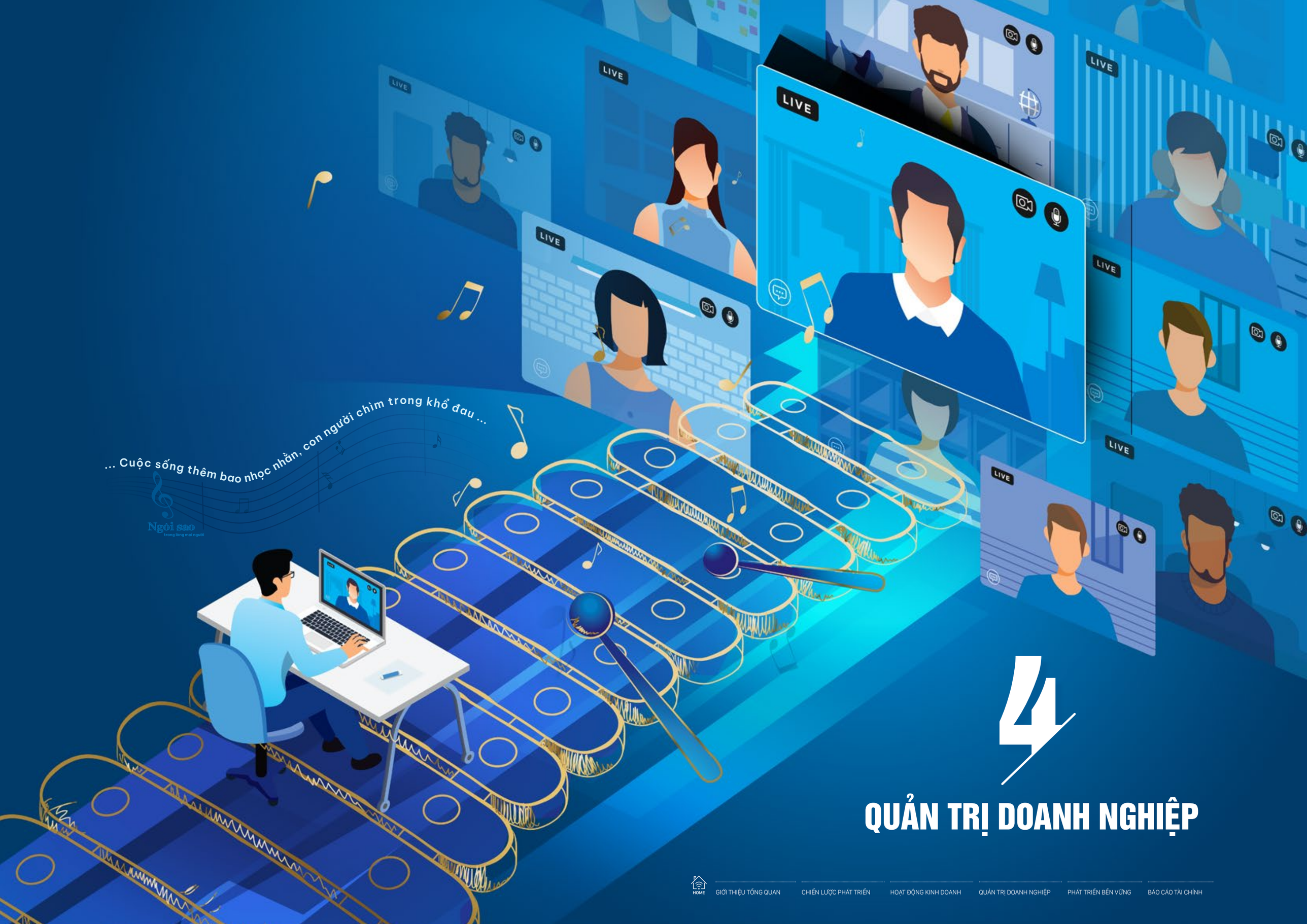

4

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

(Tại thời điểm 01/03/2022)

Ông ĐÀO ĐÌNH THI
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1974
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kinh tế
Kinh nghiệm	: 25 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 27/6/2018)

Chức vụ công tác đã qua:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2012-2017 (từ ngày 23/12/2014)
- Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam;
- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Viglacera kiêm Giám đốc Ban Tài chính kế toán Tổng Công ty Viglacera;
- Kế toán trưởng Tổng Công ty Viglacera kiêm Giám đốc Ban Tài chính đầu tư Tổng Công ty kiêm Giám đốc Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera.

Ông ĐỖ TRƯỜNG MINH
Thành viên Hội đồng Quản trị,
Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1971
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Kinh nghiệm	: 27 năm trong lĩnh vực bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 27/6/2018);
- Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 27/06/2018).

Chức vụ công tác đã qua:

- Quyền Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 03/01/2018);
- Thành viên Hội đồng Thành viên, Quyền Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.

Bà THÂN HIỀN ANH
Thành viên Hội đồng Quản trị,
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1974
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Cử nhân ngân hàng Cử nhân bảo hiểm.
Kinh nghiệm	: 24 năm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 27/6/2018);
- Ủy viên Ủy ban Thù lao và bổ nhiệm Tập đoàn;
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

Chức vụ công tác đã qua:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2012-2017 (từ ngày 23/12/2014)
- Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ;
- Giám đốc Khối Chiến lược và Quản lý rủi ro;
- Giám đốc Khối Xây dựng chiến lược;
- Giám đốc Dự án Tái cấu trúc Tập đoàn Bảo Việt;
- Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc Dự án chuyển đổi chiến lược; Giám đốc Khối Truyền thông kiêm Giám đốc dự án chuyển đổi thương hiệu; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI);

Ông NGUYỄN XUÂN VIỆT
Thành viên Hội đồng Quản trị,
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1970
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Kinh nghiệm	: 26 năm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 27/6/2018);
- Chủ nhiệm Ủy ban Thù lao và bổ nhiệm Tập đoàn;
- Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt.
- Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty Tái bảo hiểm quốc gia (VinaRe)

Chức vụ công tác đã qua:

- Quyền Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Trưởng ban Phát triển ứng dụng 2, Khối Công nghệ thông tin (nay là Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin), Tập đoàn Bảo Việt.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

(Tại thời điểm 01/03/2022)

Bà TRẦN THỊ DIỆU HẰNG
Thành viên Hội đồng Quản trị,
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1973
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Kinh nghiệm	: 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm, kiểm toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 27/6/2018);
- Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán Tập đoàn Bảo Việt;
- Trưởng Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua:

- Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Giám đốc Khối Quản lý Tài chính Tập đoàn Bảo Việt;
- Trưởng phòng Phát triển thị trường, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm - Bộ Tài chính;
- Trưởng phòng Quản lý, giám sát bảo hiểm phi nhân thọ, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm - Bộ Tài chính.

Ông NGUYỄN ĐÌNH AN
Thành viên Hội đồng Quản trị,
Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1981
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ kinh tế - tài chính, chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCK Nhà nước cấp ngày 25/12/2017
Kinh nghiệm	: 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 29/6/2020);
- Chủ nhiệm Ủy ban Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt.
- Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua:

- Thành viên Hội đồng thành viên, Quyền Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt.
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt.
- Trưởng Ban Thư ký - Tổng hợp, Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.

Ông TERUO SHIMMEN
Thành viên Hội đồng Quản trị,
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1969
Quốc tịch	: Nhật Bản
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Nghiên cứu Quốc tế
Kinh nghiệm	: 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ;
- Thành viên Hội đồng Chiến lược đầu tư Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ;
- Trưởng Văn phòng đại diện Sumitomo Life tại Hà Nội.

Chức vụ công tác đã qua tại Sumitomo Life:

- Trưởng phòng phụ trách, Phòng Kế hoạch, Công ty Sumitomo Life Information System;
- Trợ lý trưởng phòng, Phòng Kinh doanh quốc tế;
- Trợ lý đặc biệt của Trưởng phòng, Phòng Kế hoạch, bộ phận Xây dựng kế hoạch;
- Trợ lý đặc biệt của Trưởng phòng, Phòng Hệ thống thông tin.
- Trợ lý đặc biệt của Trưởng phòng, Phòng Hệ thống thông tin.

Ông KAZUHIKO ARAI
Thành viên Hội đồng Quản trị,
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1962
Quốc tịch	: Nhật Bản
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Luật
Kinh nghiệm	: 37 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Giám đốc Công ty Bảo hiểm nhân thọ PT BNI (công ty liên kết tại Indonesia);
- Giám đốc Khối Kinh doanh quốc tế;
- Trưởng Văn phòng đại diện Sumitomo Life tại Hà Nội;
- Giám đốc Chi nhánh Shonan;
- Trưởng phòng Kinh doanh quốc tế
- Công ty Sumitomo Life Hong Kong;
- Công ty Sumitomo Life Asset Management Hong Kong.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

(Tại thời điểm 01/03/2022)

Ông ĐỖ TRƯỜNG MINH
Tổng Giám đốc
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1971
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Kinh nghiệm	: 27 năm trong lĩnh vực bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 27/6/2018);
- Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 27/06/2018).

Chức vụ công tác đã qua:

- Quyền Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 03/01/2018);
- Thành viên Hội đồng Thành viên, Quyền Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.

Ông NGUYỄN XUÂN HÒA
Kế toán trưởng
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1977
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Kinh nghiệm	: 22 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 13/01/2016),
- Ủy viên Ủy ban Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn,
- Giám đốc Ban Tài chính Tập đoàn,
- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt,
- Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC),
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc.

Chức vụ công tác đã qua:

- Phó Giám đốc Khối Quản lý Tài chính Tập đoàn Bảo Việt;
- Giám đốc Ban Kế toán Tập đoàn Bảo Việt;
- Trưởng ban Tài chính, Kế hoạch - Tài chính Tập đoàn Bảo Việt;
- Phó Trưởng ban Kế hoạch - Tài chính Tập đoàn Bảo Việt.

Ông NGUYỄN THANH HẢI
Giám đốc Trung tâm Đào tạo
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1972
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Kinh nghiệm	: 25 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Giám đốc Trung tâm Đào tạo Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 13/01/2016).

Chức vụ công tác đã qua:

- Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt;
- Phó Trưởng ban, Trưởng ban Kế hoạch Tài chính Tập đoàn Bảo Việt;
- Phó Giám đốc, Quyền Giám đốc, Giám đốc Bảo Việt Nhân thọ Quảng Ninh;
- Trưởng phòng Tài chính kế toán, Bảo Việt Nhân thọ Hà Nội.

Ông TRƯƠNG TUẤN LÂM
Giám đốc Chi nhánh Trung tâm
Công nghệ thông tin Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1973
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ kinh tế, Cử nhân tin học kinh tế
Kinh nghiệm	: 26 năm trong lĩnh vực công nghệ thông tin

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Giám đốc Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 05/02/2020);
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC.

Chức vụ công tác đã qua:

- Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 08/3/2018 đến 05/02/2020)
- Phó Giám đốc Chi nhánh Trung tâm CNTT Tập đoàn Bảo Việt
- Phó Giám đốc Khối CNTT - Tập đoàn Bảo Việt
- Trưởng ban Vận hành và Quản trị hệ thống CNTT - Tập đoàn Bảo Việt.

BAN KIỂM SOÁT TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Ông ÔNG TIẾN HÙNG
Trưởng Ban kiểm soát
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1964
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Chứng chỉ Kế toán viên, Bộ Tài chính
Kinh nghiệm	: 32 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Trưởng Ban kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 29/6/2019)

Chức vụ công tác đã qua:

- Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 27/6/2018);
- Thành viên Ban kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2012-2017 từ ngày 29/11/2012;
- Giám đốc Ban Tổ chức - Nhân sự, Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Trưởng phòng, Giám đốc Ban Kiểm tra nội bộ và Quản lý rủi ro, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Phó Trưởng phòng Thanh tra nội bộ ngành; Thanh tra viên chính, Thanh tra Bộ Tài chính.

Ông ĐINH HOÀI LINH
Kiểm soát viên
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1983
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân tài chính kế toán
Kinh nghiệm	: 16 năm trong lĩnh vực kiểm toán, tài chính

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 29/6/2019);
- Phó Trưởng ban Kiểm toán bảo hiểm nhân thọ thuộc Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua:

- Trưởng nhóm, Kiểm toán viên Ban Kiểm toán hoạt động bảo hiểm nhân thọ, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt.
- Chuyên viên phân tích tài chính, Tập đoàn Bim Group.
- Trưởng nhóm kiểm toán, Công ty TNHH Honda Việt Nam.

Ông VŨ THANH HẢI
Kiểm soát viên
Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh	: 1983
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kiểm toán Chứng chỉ Kiểm toán viên, Bộ Tài chính
Kinh nghiệm	: 16 năm trong lĩnh vực kiểm toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 29/6/2019);
- Trưởng nhóm Kiểm toán bảo hiểm phi nhân thọ thuộc Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua:

- Kiểm toán viên Ban Kiểm toán hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt
- Kiểm toán viên, trưởng nhóm kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C - chi nhánh Hà Nội.

TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Bảo Việt tiên phong áp dụng các thông lệ tốt về quản trị công ty trong quá trình xây dựng hệ thống quản trị nội bộ tại Tập đoàn, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng quản trị công ty, tạo tiền đề bứt phá phát triển hoạt động kinh doanh và đạt được những mục tiêu kinh tế rộng hơn liên quan đến niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư, tích lũy và tiếp cận thị trường vốn và phân bổ vốn mở rộng hoạt động kinh doanh trên toàn Tập đoàn.

NGUYÊN TẮC VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Trong những năm vừa qua, dưới sự định hướng và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Tập đoàn Bảo Việt đã áp dụng Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất dành cho các Công ty đại chúng tại Việt Nam (xuất bản lần đầu vào tháng 9/2019), như một kim chỉ nam nhằm xác định một lộ trình cải thiện các chuẩn mực và thông lệ quản trị, giảm thiểu rủi ro và hướng đến sự phát triển bền vững và thịnh vượng lâu dài của doanh nghiệp.

Tập đoàn Bảo Việt chủ động tham chiếu Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty trong quá trình xây dựng hệ thống quản trị nội bộ tại Tập đoàn, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng quản trị công ty, tạo tiền đề bứt phá phát triển hoạt động kinh doanh và đạt được những mục tiêu kinh tế rộng hơn liên quan đến niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư, tích lũy, tiếp cận thị trường vốn và phân bổ vốn mở rộng hoạt động kinh doanh trên toàn Tập đoàn.

Các Nguyên tắc quản trị tại Tập đoàn Bảo Việt

1. Đảm bảo cơ cấu quản trị hiệu quả
2. Đảm bảo quyền lợi cổ đông, đối xử công bằng giữa các cổ đông
3. Đảm bảo vai trò, quyền lợi của các bên liên quan
4. Đảm bảo minh bạch trong mọi hoạt động của doanh nghiệp
5. Đảm bảo Hội đồng quản trị và ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp có hiệu quả

Giá trị cốt lõi

Mô hình quản trị doanh nghiệp của Bảo Việt được thực hiện dựa trên 5 giá trị cốt lõi sau:

TRÁCH NHIỆM
Bảo vệ quyền lợi của các cổ đông và đảm bảo sự đối xử công bằng đối với mọi cổ đông, kể cả các cổ đông nhỏ lẻ và các cổ đông nước ngoài.

MINH BẠCH
Đảm bảo việc công khai thông tin về các vấn đề quan trọng liên quan tới doanh nghiệp bao gồm tình hình tài chính, kết quả hoạt động, quyền sở hữu, và các cơ cấu kiểm soát luôn được thực hiện một cách kịp thời và chính xác.

CÔNG BẰNG
Công nhận quyền lợi của các bên có quyền lợi liên quan theo duy định của pháp luật và khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo ra của cải, công ăn việc làm và đảm bảo tính bền vững về mặt tài chính của Bảo Việt.

TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
Đảm bảo việc cung cấp định hướng chiến lược cho công ty, đảm bảo việc giám sát có hiệu lực từ HĐQT, đảm bảo việc giải trình của HĐQT trước công ty và các cổ đông.

BỀN VỮNG
Đảm bảo mang lại lợi ích lâu dài và bền vững cho cổ đông và đảm bảo hài hòa các yếu tố quản trị liên quan đến phát triển kinh tế-xã hội và môi trường.

Mô hình Quản trị công ty Bền vững của Bảo Việt được thực hiện dựa trên các sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố sau:

NỀN TẢNG CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY VỮNG CHẮC
Cơ cấu quản trị của Bảo Việt có đầy đủ các chủ thể quản trị của một công ty niêm yết (Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban trực thuộc HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành...)

CHUẨN MỰC QUẢN TRỊ QUỐC TẾ
Tuân thủ các khuôn khổ và thông lệ quốc tế về Quản trị công ty của OECD, Thẻ điểm quản trị Công ty khu vực ASEAN và mô hình quản trị tiên tiến trên cơ sở vận dụng mô hình của các đối tác chiến lược nước ngoài.

PHÙ HỢP THÔNG LỆ VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM
Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, khuôn khổ pháp lý của Việt Nam và các quy chế quản trị cho công ty niêm yết tại Việt Nam, điều chỉnh, rà soát thay đổi thích nghi với điều kiện tại Việt Nam

ÁP DỤNG THỐNG NHẤT TRÊN TOÀN TẬP ĐOÀN
Xây dựng và phát triển mô hình quản trị xuyên suốt tòan Tập đoàn nhằm đảm bảo tính thống nhất và nhất quán trong mọi hoạt động.

KHUNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Khung quản trị doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt bao gồm các cấu phần sau:

1 — Thành phần & Cơ cấu của HĐQT
(Tham chiếu Nội dung Chương IV: Báo cáo của HĐQT và Thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát)

- Thành phần và tổ chức
- Hướng dẫn và đào tạo
- Thù lao cho HĐQT
- Kế hoạch kế nhiệm

2 — Hoạt động & Hiệu quả của HĐQT
Tham chiếu nội dung Chương IV: Báo cáo của HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT)

- Đạo đức và mối quan hệ của các thành viên HĐQT
- Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO)
- Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm
- Ủy ban Chiến lược và Đầu tư
- Ủy ban Kiểm toán

3 — Chiến lược, Kế hoạch & Giám sát
(Tham chiếu báo cáo tại Chương II của Báo cáo thường niên)

- Tầm nhìn và sứ mệnh
- Kế hoạch chiến lược, kế hoạch kinh doanh
- Giám sát hiệu quả hoạt động của Tập đoàn và hiệu quả quản trị
- Chiến lược CNTT
- Quản lý nhân lực

4 — Các quy trình quản lý rủi ro & Tuân thủ hiệu quả
(Tham chiếu nội dung Chương IV: Hệ thống kiểm soát nội bộ)

- Hệ thống quản lý rủi ro
- Hệ thống kiểm soát nội bộ

5 — Minh bạch & Công bố thông tin
(Tham chiếu nội dung tại Chương VI Báo cáo thường niên)

- Báo cáo tài chính
- Tăng cường công tác báo cáo

Trách nhiệm của Tập đoàn Bảo Việt (xã hội, đạo đức & môi trường)
(Tham chiếu nội dung tại Chương V Báo cáo thường niên)

- Quy tắc ứng xử
- Đạo đức kinh doanh
- Quan hệ giữa các nhân viên/ An toàn và sức khỏe
- Trách nhiệm xã hội

TÍCH HỢP ESG TRONG QUẢN TRỊ HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Cuộc khủng hoảng do đại dịch Covid-19 và các hiện tượng thiên nhiên ngày càng cực đoan đã khiến gia tăng tầm quan trọng của việc ứng phó với các vấn đề liên quan đến ESG. Nhận thức được những thách thức và cơ hội đó, Bảo Việt đã thực hiện bổ sung các tiêu chí ESG, đưa thêm những quy trình, tiêu chí về bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu vào trong hoạt động quản trị và vận hành hoạt động kinh doanh của mình để đảm bảo doanh nghiệp tăng trưởng, nhưng sự phát triển này phải bền vững. Dưới góc nhìn của một Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng, đầu tư, chúng tôi cũng nhận định danh mục đầu tư ESG sở hữu ít rủi ro hơn trước các biến động môi trường - xã hội, trong khi mang lại lợi suất tốt trong dài hạn, nhất là khi các vấn đề biến đổi khí hậu ngày càng trở nên nghiêm trọng.

Bên cạnh đó, Bảo Việt cũng triển khai báo cáo tích hợp theo thông lệ quốc tế, theo đó thông tin tài chính và phi tài chính được tổng hợp phân tích và báo cáo theo mô hình quản lý các nguồn lực để tạo ra giá trị cho doanh nghiệp, cổ đông, người lao động và cộng đồng.

Trong định hướng phát triển bền vững, Bảo Việt đã tuyên bố sự cam kết của Lãnh đạo cấp cao (từ cấp HĐQT, Ban Điều hành) về việc đảm bảo thực hiện 3 mục tiêu kinh tế - xã hội và môi trường (ESG) trong Chiến lược phát triển của Bảo Việt. Định hướng chiến lược này được hiện thực hóa thông qua việc xây dựng mục tiêu cụ thể cho từng Ban chức năng và đơn vị thành viên. Các mục tiêu này được lượng hóa theo chỉ tiêu đánh giá hiệu quả (KPIs), trong đó bao gồm các chỉ tiêu tài chính (kinh tế) và phi tài chính (môi trường và xã hội).

Đánh giá năng lực và cách thức triển khai liên quan đến phát triển bền vững

Bảo Việt triển khai định hướng phát triển bền vững từ Lãnh đạo cấp cao đến các Ban thực hiện đánh giá các KPIs này và báo cáo lên Hội đồng Quản trị. Có thể nói, hoạt động kinh doanh của Bảo Việt gắn kết ngày một chặt chẽ hơn với các vấn đề xã hội và môi trường.

Các định hướng chiến lược và kế hoạch hành động liên quan đến vấn đề kinh tế - xã hội - môi trường được đưa ra tại Đại hội đồng cổ đông tổ chức hàng năm. Theo đó, HĐQT tổ chức triển khai các Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Ban điều hành chỉ đạo cụ thể hóa thành các hành động thông qua hoạt động tại Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên. Các Giám đốc Khối chức năng cùng Lãnh đạo Khối/Ban có trách nhiệm cụ thể hóa.

Thực hiện rà soát các ảnh hưởng, rủi ro và cơ hội liên quan đến Kinh tế - Xã hội - Môi trường

Trong các văn bản chỉ đạo, HĐQT thường xuyên yêu cầu Ban Điều hành tập trung công tác dự báo, cập nhật và theo dõi sát sao diễn biến thực tiễn về tình hình kinh tế, xã hội và môi trường trong hoạt động kinh doanh, để chủ động điều chỉnh linh hoạt và kịp thời đưa ra các định hướng, quyết sách, giải pháp cho phù hợp, hiệu quả, đảm bảo chỉ đạo triển khai thắng lợi kế hoạch kinh doanh năm và chiến lược kinh doanh.

Giám sát việc tổ chức triển khai các quyết định, nghị quyết và chính sách của Tập đoàn do Hội đồng Quản trị ban hành liên quan đến phát triển bền vững và các vấn đề môi trường, xã hội.

Chỉ đạo thực hiện báo cáo phát triển bền vững

HĐQT giám sát việc triển khai chiến lược của Bảo Việt, trong đó bao gồm chiến lược phát triển bền vững. HĐQT có trách nhiệm phê duyệt chủ trương thực hiện và phê chuẩn các báo cáo tài chính đã được kiểm toán và gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định trước khi trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua. Hội đồng Quản trị giao Ban điều hành và Bộ phận chịu trách nhiệm về báo cáo phát triển bền vững, đảm bảo xây dựng nội dung phù hợp với chuẩn mực thông lệ quốc tế và điều kiện Việt Nam.

ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ THUỘC BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THÔNG LỆ TỐT NHẤT DÀNH CHO CÁC CÔNG TY ĐẠI CHÚNG TẠI VIỆT NAM

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Dưới sự định hướng và chỉ đạo của HĐQT, trong những năm vừa qua, bên cạnh việc tuân thủ các quy định về quản trị công ty theo pháp luật Việt Nam, Bảo Việt đã chủ động áp dụng các thông lệ tốt về quản trị công ty trên thế giới và trong khu vực nhằm thúc đẩy cải thiện thực tiễn quản trị tại Bảo Việt và nâng cao nhận thức của các cán bộ quản lý và cán bộ nhân viên trong hệ thống Bảo Việt về các thông lệ quản trị công ty tốt. Các chuẩn mực về Quản trị công ty theo quy định tại ACGS đã được Bảo Việt tham chiếu trong quá trình xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp của mình.

Đánh giá chung về thực hành quản trị công ty trong năm 2021 của Tập đoàn Bảo Việt được ghi nhận như sau:

Thực hành tốt *Thực hành chưa tốt/các lĩnh vực cần cải thiện*

Tiêu chí	Kết quả đánh giá	Giải thích kết quả
VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG		
Quyền của cổ đông		Cổ đông được tham gia vào quá trình phê duyệt và thông qua Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt; phát hành cổ phiếu của Tập đoàn; bầu HĐQT và Kiểm soát viên; thông qua các vấn đề nghị sự thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
Biểu quyết vắng mặt		Cổ đông căn cứu các tài liệu Đại hội được đăng tải trên website để biểu quyết các vấn đề có liên quan và gửi về Tập đoàn Bảo Việt trước Đại hội, các biểu quyết này của cổ đông được coi là hợp lệ và được tính vào số phiếu tán thành/không tán thành/không có ý kiến khi kiểm phiếu tại Đại hội;
Chi trả cổ tức cho cổ đông		Đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày HĐQT ra Nghị quyết về chi trả cổ tức và trong vòng 06 tháng kể từ ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên.
Cung cấp Thông báo họp và Tài liệu họp ĐHĐCĐ		Đã cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong tài liệu ĐHĐCĐ.
Đề cử và bầu cử thành viên HĐQT		Cổ đông có quyền đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị bất kể là cổ đông lớn hay cổ đông thiểu số.
Tham dự ĐHĐCĐ của HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và cổ đông		Biên bản ĐHĐCĐ công bố đầy đủ về sự tham gia của HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát. Tập đoàn Bảo Việt cũng khuyến khích sự tham gia của các cổ đông, đặc biệt là cổ đông tổ chức.
Công bố Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ		• Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố thông tin song ngữ Anh - Việt trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc Đại hội; Biên bản ghi nhận tất cả các câu hỏi của cổ đông và trả lời của Chủ tịch Đoàn trong phần thảo luận tại Đại hội; • Nghị quyết ĐHĐCĐ bao gồm đầy đủ các nội dung kết quả biểu quyết: số phiếu thông qua, phản đối và phiếu trống cho mỗi nội dung nghị quyết.
Thời hạn công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ		Tài liệu họp ĐHĐCĐ chưa được công bố đầy đủ 21 ngày trước ngày họp.

Tiêu chí	Kết quả đánh giá	Giải thích kết quả
VỀ ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG		
Thông báo và tài liệu họp ĐHĐCĐ		• Công bố thông báo họp và các tài liệu liên quan song ngữ Anh - Việt trên website của Bảo Việt; • Cung cấp đầy đủ cơ sở, thông tin và giải trình cho các vấn đề trình ĐHĐCĐ thông qua tại Đại hội;
Công bố thông tin về ứng viên HĐQT, chính sách chi trả cổ tức		Công bố đầy đủ trong tài liệu ĐHĐCĐ và Báo cáo thường niên.
Chất lượng và thời gian công bố tài liệu ĐHĐCĐ bằng tiếng Anh		Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gần nhất đã được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu tiếng Việt.
Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao.		Công ty chưa có quy định yêu cầu phải có một tiểu ban bao gồm các thành viên HĐQT độc lập rà soát GDBLQ trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông.
		Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích trong Điều lệ, Quy chế nội bộ và Quy chế hoạt động của HĐQT
		Công ty quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty.
VỀ VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN		
Báo cáo phát triển bền vững		Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục triển khai kiểm toán/đảm bảo Báo cáo Báo cáo phát triển bền vững 06 năm liên tiếp (từ năm 2016-2021) bởi Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn. Các khuyến nghị của Kiểm toán nội bộ đã được cải thiện qua các năm, đảm bảo độ tin cậy của thông tin cung cấp trong báo cáo.
Tương tác với cộng đồng, trách nhiệm xã hội, và chính sách cho nhân viên		• Tập đoàn công bố chính sách và thực hành trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động, bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường và phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững. • Công bố chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, phúc lợi và chương trình đào tạo cho nhân viên.

TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Thực hành tốt *Thực hành chưa tốt/các lĩnh vực cần cải thiện*

Tiêu chí	Kết quả đánh giá	Giải thích kết quả
VỀ VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN		
Thông tin liên lạc cho cổ đông	Thực hành tốt	Tập đoàn cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty và Báo cáo Thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (như: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ.
Hệ thống /quy trình khiếu nại về hành vi không hợp pháp (Whistle -blowing system)	Thực hành tốt	Bảo Việt đã xây dựng, ban hành, và công bố trên website Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp, Quy chế phòng chống tham nhũng để định hướng văn hóa doanh nghiệp, chống các hành vi không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức. Ban Tổ chức Nhân sự, Khối Quản lý Hoạt động là đơn vị chịu trách nhiệm tiếp nhận các khiếu nại về các hành vi này.
Các thực hành, qui trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/ nhà thầu, bảo vệ quyền lợi của chủ nợ	Thực hành tốt	Đã xây dựng và công bố chi tiết trong Báo cáo phát triển bền vững hàng năm.
Chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn	Thực hành tốt	Tập đoàn đã thực hiện phát hành ESOP cho cán bộ nhân viên với thời gian hạn chế chuyển nhượng trong 03 năm (05/2018-05/2021), tăng cường sự gắn kết của Người lao động và tri ân sự đóng góp của Người lao động đối với hoạt động kinh doanh của Bảo Việt.
VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH		
Báo cáo thường niên	Thực hành tốt	• Bảo Việt cung cấp đầy đủ các thông tin về cổ đông, về cấu trúc sở hữu của Công ty, hệ thống công ty con, công ty liên kết của Bảo Việt và các thông tin tài chính và phi tài chính trên Báo cáo thường niên của Bảo Việt. • Chất lượng của Báo cáo thường niên: cung cấp đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, đạt nhiều giải trong nước và quốc tế về bình chọn Báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững.
Công bố thông tin về GDBLQ và giao dịch cổ phiếu của người trong công ty thực hiện	Thực hành tốt	Đã cung cấp thông tin chi tiết đối với các giao dịch bên liên quan trọng yếu và giao dịch cổ phiếu của người trong Tập đoàn tại các thời điểm phát sinh hợp đồng/giao dịch theo Nghị quyết của HĐQT trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị công ty và trên Báo cáo thường niên.
Website	Thực hành tốt	• Đăng tải các thông tin cập nhật song ngữ Anh - Việt. • Cung cấp thông tin định kỳ và bất thường (trong vòng 24 giờ kể từ khi phát sinh) cho các cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước về tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính và báo cáo thường niên có thể được tải về, báo cáo và tài liệu ĐHĐCĐ, tài liệu về quản trị công ty (Điều lệ, Quy chế Quản trị, Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp).
Họp báo và thông cáo báo chí	Thực hành tốt	Công bố các thông báo cáo chí có liên quan đến chiến lược và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
Hội nghị /Hội thảo chuyên gia phân tích/nhà đầu tư	Thực hành tốt	Bảo Việt đã tổ chức 02 Hội nghị Chuyên gia phân tích trong năm 2021 vào tháng 8 và tháng 11 (qua hình thức zoom, virtual conference) để trao đổi, chia sẻ và lắng nghe ý kiến của các chuyên gia phân tích đối về thị trường và hoạt động kinh doanh của Bảo Việt.

Tiêu chí	Kết quả đánh giá	Giải thích kết quả
VỀ TĂNG CƯỜNG TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Vai trò, trách nhiệm của thành viên HĐQT và quy định về quản trị công ty	Thực hành tốt	Quy định chi tiết tại Điều lệ, Quy chế Quản trị công ty.
Vai trò thành viên HĐQT tại các doanh nghiệp niêm yết khác	Thực hành tốt	• Tập đoàn quy định giới hạn tối đa năm vị trí HĐQT mà một thành viên HĐQT có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác tại Quy chế Quản trị Tập đoàn. • Tập đoàn không có thành viên HĐQT điều hành nào đang nắm giữ hơn 2 chức vụ trong HĐQT ở các công ty niêm yết khác ngoài Tập đoàn.
Cuộc họp HĐQT	Thực hành tốt	• HĐQT đã tổ chức 06 cuộc họp trong năm 2021. • Tài liệu họp HĐQT được cung cấp cho các thành viên HĐQT 5 ngày trước ngày họp. • Đã công bố thông tin về việc tham dự họp HĐQT của từng thành viên HĐQT trên báo cáo thường niên.
Tính độc lập của thành viên HĐQT	Thực hành chưa tốt/các lĩnh vực cần cải thiện	• Chưa có thành viên HĐQT độc lập. Đã có kế hoạch bầu bổ sung tại ĐHĐCĐ thường niên 2022 • Chủ tịch HĐQT không phải thành viên độc lập HĐQT. • Không tổ chức cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành trong năm để đánh giá các mặt hoạt động liên quan đến hoạt động điều hành doanh nghiệp.
Các Ủy ban trực thuộc HĐQT	Thực hành tốt	• Đã thành lập các Ủy ban trực thuộc HĐQT theo khuyến nghị của ACGS (bao gồm Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm, Ủy ban Kiểm toán), có bộ phận Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ. • Quy chế hoạt động của các Ủy ban và tình hình tham dự cuộc họp của các thành viên Ủy ban được công bố trong Báo cáo thường niên.
	Thực hành chưa tốt/các lĩnh vực cần cải thiện	• Sự tham gia của các thành viên độc lập HĐQT trong các Ủy ban còn hạn chế. Chủ nhiệm các Ủy ban thuộc HĐQT không phải là thành viên độc lập HĐQT. • Các Ủy ban họp chủ yếu thông qua hình thức xin ý kiến bằng văn bản, không tiến hành họp trực tiếp.
Đánh giá thành viên HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT	Thực hành tốt	• Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm và HĐQT đã thực hiện đánh giá hoạt động của HĐQT, Ủy ban thuộc HĐQT và từng thành viên HĐQT dựa trên các tiêu được HĐQT thông qua tại Quy chế hoạt động của HĐQT. • Kết quả đánh giá đã được công bố trên Báo cáo thường niên.
Chương trình định hướng cho các thành viên HĐQT mới và quy hoạch các vị trí lãnh đạo cấp cao	Thực hành chưa tốt/các lĩnh vực cần cải thiện	• Thiếu các thông tin công bố liên quan đến xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGĐ và Quản lý chủ chốt; • Chưa xây dựng các chương trình định hướng và đào tạo dành riêng cho thành viên HĐQT mới.

MỘT SỐ ĐIỂM BẢO VIỆT CẦN TIẾP TỤC CẢI THIỆN ĐỂ NÂNG CAO THỰC HÀNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Với mục tiêu tiên phong áp dụng và từng bước tiệm cận các chuẩn mực về quản trị công ty của khu vực và trên thế giới, trong thời gian tới Bảo Việt cần tiếp tục thực hiện một số công tác sau liên quan đến quản trị công ty:

KẾ HOẠCH NGẮN HẠN

Cải thiện các chuẩn mực liên quan đến "Công bố thông tin và minh bạch", và tăng cường "Vai trò của các Bên liên quan", cụ thể:

Tiếp tục duy trì việc tuân thủ các quy định về công bố và minh bạch thông tin theo yêu cầu tại Thông tư 96/2015/TT-BTC về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị công ty đại chúng và các chuẩn mực tại thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN; phấn đấu thực hiện tốt hơn các chuẩn mực quy định tại các quy định hiện hành và thông lệ quốc tế để cung cấp các thông tin đến cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Nghiên cứu xây dựng chính sách, quy trình tố giác/khiếu nại sai phạm của Công ty ngoài các vấn đề chung đã được quy định tại Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của Bảo Việt.

Xây dựng kế hoạch kế nhiệm, các chương trình định hướng và đào tạo dành cho các thành viên HĐQT mới và các thành viên đương nhiệm để đảm bảo duy trì đội ngũ lãnh đạo kế cận của Bảo Việt có đủ kinh nghiệm và kỹ năng cần thiết đảm nhận nhiệm vụ.

Đổi mới website Bảo Việt với giao diện và tính năng thân thiện hơn để cập nhật, công bố đầy đủ các thông tin cho các cổ đông, khách hàng, nhà đầu tư trong và ngoài nước dễ dàng tiếp cận.

KẾ HOẠCH TRUNG VÀ DÀI HẠN

Tăng cường Trách nhiệm của HĐQT

1. Xây dựng lộ trình cụ thể để tiệm cận yêu cầu về tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập trong HĐQT theo thông lệ quản trị tốt nhất và quy định pháp luật Việt Nam.

2. Tăng cường sự tham gia của các thành viên độc lập trong các Ủy ban thuộc HĐQT nâng cao hiệu quả hoạt động của các Ủy ban để tư vấn, tham mưu cho HĐQT; tăng cường tính độc lập của các Ủy ban thuộc HĐQT.

3. Nghiên cứu xây dựng/quy định một số chính sách liên quan đến phê duyệt của HĐQT đối với giao dịch với người có liên quan để đảm bảo quyền và lợi ích của Tập đoàn, cụ thể:
   - Chính sách yêu cầu một tiểu ban bao gồm Thành viên HĐQT độc lập rà soát giao dịch bên liên quan trọng yếu để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông;
   - Chính sách về rà soát và phê duyệt giao dịch bên liên quan trọng yếu;
   - Chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích.

4. Nghiên cứu thực hiện thuê bên thứ ba độc lập đánh giá hoạt động của HĐQT, thành viên HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT theo các thông lệ tốt về quản trị trên thế giới.

5. Về việc tổ chức Họp và tham gia Họp HĐQT:
   - Tăng cường các cuộc họp HĐQT mở rộng ngoài các cuộc họp định kỳ để thảo luận các vấn đề trọng yếu liên quan đến định hướng hoạt động kinh doanh và giải pháp trọng tâm (Tổ chức ít nhất 06 cuộc/năm);
   - Xây dựng cơ chế có ít nhất một cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành trong năm để đánh giá các mặt hoạt động liên quan đến hoạt động điều hành doanh nghiệp.

6. Nghiên cứu thực hiện thuê bên thứ ba độc lập đánh giá, tư vấn hoạt động kiểm soát nội bộ/quản lý rủi ro và tuân thủ của Tập đoàn, đặc biệt là các lĩnh vực xây dựng Khẩu vị rủi ro, quản lý tuân thủ để có xác nhận của bên thứ 3 về hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt.

7. Tiếp tục kiện toàn và tăng cường vai trò của Kiểm toán nội bộ, Quản lý rủi ro và Tuân thủ trong khung quản trị nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt với mục tiêu (i) đảm bảo hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả và chính xác, (ii) góp phần quan trọng trong nâng cao thực hành quản trị doanh nghiệp và (iii) là các tuyến phòng thủ bảo vệ nguồn vốn đầu tư và kiến tạo các giá trị bền vững trong dài hạn cho cổ đông.

ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT VỀ THỰC HÀNH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

Thực hiện tốt thông lệ
Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ
Chưa thực hiện theo thông lệ
Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt

PHẦN A - QUYỀN CỔ ĐÔNG

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
A.1	Quyền cơ bản của cổ đông		
A.1.1	Công ty có trả cổ tức (kỳ giữa và kỳ cuối hàng năm) một cách bình đẳng và kịp thời; nghĩa là, tất cả cổ đông được đối xử bình đẳng và được trả trong vòng 30 ngày sau khi được (i) công bố đối với cổ tức giữa kỳ và (ii) được cổ đông thông qua tại các đại hội cổ đông đối với cổ tức cuối năm? Trong trường hợp công ty công bố phương án chọn lựa chi trả cổ tức cổ phiếu (script dividend), công ty có trả cổ tức trong vòng 60 ngày kể từngày công bố hay không?		
A.2	Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi cơ bản của công ty		
Cổ đông có quyền tham gia			
A.2.1	Sửa đổi quy chế (Điều lệ) công ty?		Đã quy định tại Điều lệ Công ty.
A.2.2	Biểu quyết phát hành thêm cổ phiếu?		
A.2.3	Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của công ty, dẫn đến việc bán công ty?		
A3	Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, và phải được thông tin về quy định họp ĐHĐCĐ, bao gồm cả thủ tục biểu quyết		
A.3.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thù lao (phí, trợ cấp, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) hoặc mọi khoản tăng thù lao cho thành viên/ủy viên HĐQT không điều hành		Chương trình nghị sự ĐHĐCĐ thường niên đều thể hiện nội dung này.
A.3.2	Công ty có cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát quyền đề cử thành viên/ủy viên HĐQT?		Đã quy định tại Điều lệ Công ty
A.3.3	Cổ đông có quyền bỏ phiếu cho từng ứng cử viên HĐQT.		Quy chế bầu cử thành viên HĐQT quy định thể lệ bầu cử rõ ràng cho cổ đông.
A.3.4	Công ty có công bố thủ tục đề cử và biểu quyết được sử dụng, công bố cả hai thủ tục này trước khi đại hội tiến hành		Công bố tại Tài liệu họp ĐHĐCĐ trước ngày Đại hội và trước khi Đại hội được tiến hành
A.3.5	Biên bản họp có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và nêu vấn đề tại ĐHĐCĐ.		• Bảo Việt đã ghi nhận và công bố các câu hỏi và trả lời trong phần thảo luận trong Biên bản ĐHĐCĐ • Công bố Biên bản họp bằng tiếng Anh
A.3.6	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?		Công bố đầy đủ tại Nghị quyết ĐHĐCĐ
A.3.7	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?		Công bố tại Biên bản họp ĐHĐCĐ
A.3.8	Công ty có công bố rằng tất cả thành viên HĐQT và TGĐ có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?		Công bố tại Biên bản họp ĐHĐCĐ
A.3.9	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?		Ghi nhận tại Điều lệ và Quy chế tổ chức Đại hội
A.3.10	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của cổ đông (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất?		Công bố tại Quy chế tổ chức Đại hội.
A.3.11	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia ban kiểm phiếu để đếm và/hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ?		Công bố tại ĐHĐCĐ, thể hiện trong Biên bản ĐHĐCĐ
A.3.12	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?		
A.3.13	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ và ĐHCĐ bất thường trước tối thiểu 21 ngày?		Bảo Việt đã công bố thông báo mời họp, các giấy tờ ủy quyền, chương trình và nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đảm bảo quy định
A.3.14	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/ tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/ hoặc các báo cáo đính kèm?		• Tài liệu tại ĐHĐCĐ của Bảo Việt đã cung cấp đầy đủ thông tin và cơ sở về các vấn đề trình ĐHĐCĐ thông qua. • Đã công bố các tài liệu bằng tiếng Anh.
A.3.15	Cổ đông có được cho cơ hội để đóng góp (các) vấn đề thảo luận vào trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ?		Cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi cho Hội đồng Quản trị, kể cả câu hỏi liên quan tới kiểm toán độc lập hàng năm, kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông, và đề xuất các giải pháp trong giới hạn hợp lý. Ghi nhận trong Biên bản ĐHĐCĐ.
A.4	Thị trường giao dịch thâu tóm công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch		
A.4.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc thâu tóm cần được cổ đông thông qua, thành viên/ủy viên HĐQT của công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại?		Tại Bảo Việt chưa xảy ra trường hợp này.
A.5	Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức		
A.5.1	Công ty có công bố công khai chính sách/thực hành nhằm khuyến khích tham gia của cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ?		Bảo Việt đã công bố rất chi tiết nội dung này trên báo cáo thường niên (mục quan hệ cổ đông, các chính sách về việc khuyến khích cổ đông thực hiện các quyền của mình, tạo điều kiện cho cổ đông tham dự bỏ phiếu, biểu quyết các vấn đề quan trọng).

Thực hiện tốt thông lệ | *Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ*
Chưa thực hiện theo thông lệ | *Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt*

PHẦN B - ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
B.1	**Cổ phiếu và quyền biểu quyết**		
B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết		
B.1.2	Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố số phiếu biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu (vd: thông qua trang thông tin điện tử/báo cáo/sở giao dịch chứng khoán/trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý)?		Bảo Việt công bố rõ nội dung "công ty chỉ có một loại cổ phiếu thường" trong thông báo chốt danh sách, website Bảo Việt, báo cáo tài chính và báo cáo thường niên.
B.2	**Thông báo của ĐHĐCĐ**		
B.2.1	Mỗi một Nghị quyết được thông qua chỉ chứa một nội dung.		
B.2.2	Tài liệu ĐHĐCĐ được dịch sang tiếng Anh và được công bố cùng ngày với tài liệu ĐHĐCĐ bằng tiếng Việt.		Đã thực hiện đầy đủ từ ĐHĐCĐ thường niên 2016
Thông báo của ĐHĐCĐ có những chi tiết sau không:			
B.2.3	Tài liệu ĐHĐCĐ có công bố tiểu sử của các ứng cử viên cho HĐQT (bao gồm các thông tin: tuổi, bằng cấp, lần bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, và các vị trí HĐQT đang nắm giữ tại các công ty niêm yết khác).		Bảo Việt đã thực hiện công bố SYLL của ứng viên.
B.2.4	Kiểm toán viên/công ty kiểm toán chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?		Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này theo Tờ trình ĐHĐCĐ về việc phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán độc lập.
B.2.5	Giấy ủy quyền ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng		Đính kèm Thông báo Họp ĐHĐCĐ gửi cổ đông và up lên website Bảo Việt
B.3	**Phải cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân**		
B.3.1	Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm thành viên HĐQT và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài		Quy định tại Quy chế quản trị công ty và Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp
B.3.2	Thành viên HĐQT được yêu cầu báo cáo về giao dịch cổ phiếu của họ trong vòng 3 ngày làm việc.		Bảo Việt đã thực hiện tiêu chí này theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC.
B.4	**Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao**		
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty không?		Quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Tập đoàn
B.4.2	Công ty có quy định yêu cầu phải có một tiểu ban bao gồm các thành viên HĐQT độc lập rà soát GDBLQ trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông không?		Theo quy định tại Điều 31 của Điều lệ hiện hành của Tập đoàn Bảo Việt, HĐQT có thể thành lập các uỷ ban trực thuộc để hỗ trợ hoạt động của HĐQT. Thành viên của ủy ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. HĐQT sẽ nghiên cứu việc thành lập/có một tiểu ban có chức năng rà soát GDBLQ trong đó có sự tham gia của TV HĐQT độc lập.
B.4.3	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích		Theo quy định tại Điều 30.11 của Điều lệ hiện hành của TĐBV, TV HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tập đoàn. TV HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên HĐQT, trong đó quy định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng cac khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường		Theo quy định tại Khoản 4 Điều 40 của Điều lệ hiện hành, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, Tập đoàn không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác không phải là cổ đông và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các đối tượng này. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành của Tập đoàn mà Tập đoàn và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Khoản 5 Điều 40 Điều lệ hiện hành của Tập đoàn Bảo Việt.
B.5	**Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng**		
B.5.1	Công ty có công bố về việc GDBLQ được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?		Bảo Việt có nêu chính sách về việc đảm bảo công bằng và minh bạch trong giao dịch với các bên liên quan tại Báo cáo thường niên.
B.5.2	Trong trường hợp cần có phê duyệt của cổ đông thông qua các giao dịch các bên liên quan, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi các cổ đông không liên quan lợi ích.		Bảo Việt đã nêu rõ nội dung này trong phần giao dịch với Bên liên quan tại Báo cáo thường niên.

Thực hiện tốt thông lệ | *Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ*
Chưa thực hiện theo thông lệ | *Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt*

PHẦN C - VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
C.1	**Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng**		
Công ty có công bố chính sách và thực hành về:			
C.1.1	Công ty có công bố chính sách về bảo vệ lợi ích của khách hàng.		Bảo Việt đã công bố chính sách này trên BCTN và Báo cáo phát triển bền vững.
C.1.2	Công bố chính sách và các thực hành, qui trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?		Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này, chi tiết nêu trong báo cáo phát triển bền vững
C.1.3	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty nhằm bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững ?		Bảo Việt đã công bố chính sách này trong Báo cáo phát triển bền vững.
C.1.4	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động?		Bảo Việt đã công bố chiến lược và chính sách rõ ràng liên quan đến nội dung này trong Báo cáo phát triển bền vững
C.1.5	Công bố chính sách và các thực hành phòng chống tham nhũng của công ty?		Bảo Việt đã ban hành Quy tắc ứng xử và Quy chế Phòng chống rửa tiền.
C.1.6	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?		Đã ban hành bản tiếng Anh và tiếng Việt quy chế trên website.
C.1.7	Công ty có viết báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về môi trường/kinh tế và xã hội?		Bảo Việt sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu cho các hoạt động kinh doanh.
C.2	**Khi lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm**		
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (vd: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ		Bảo Việt đã nêu rõ đầu mối liên lạc và bộ phận Quan hệ cổ đông trên Báo cáo thường niên và website Tập đoàn.
C.3	**Cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng**		
C.3.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?		Bảo Việt đã nêu rõ trong BCTN và Báo cáo phát triển bền vững hàng năm
C.3.2	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?		
C.3.3	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?		Công ty đã thực hiện ESOP cho toàn thể cán bộ nhân viên trong Quý I/2018, hạn chế chuyển nhượng đến tháng 5/2021.
C.4	**Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên HĐQT và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ.**		
C.4.1	Công ty có chính sách tố giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các bên liên quan về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được đề cập trên trang web công ty hoặc báo cáo thường niên?		Quy định tại Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp. Đã upload bản Tiếng Anh và tiếng Việt Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp trên website của Công ty.
C.4.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp/ không phù hợp đạo đức?		Cần xây dựng quy trình cụ thể và chính sách bảo vệ người tố giác.

PHẦN D - CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
D.1	**Cấu trúc sở hữu minh bạch**		
D.1.1	Công bố thông tin sở hữu: danh tính cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần trở lên		Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo tóm tắt danh sách cổ đông gửi HOSE (sau mỗi lần chốt danh sách cổ đông); Báo cáo thường niên, báo cáo quản trị bán niên và hàng năm theo quy định.
D.1.2	Công bố thông tin sở hữu: cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà cổ đông lớn nắm giữ		
D.1.3	Công bố thông tin sở hữu: cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà các thành viên hội đồng quản trị nắm giữ		Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo thường niên, báo cáo quản trị bán niên và hàng năm theo quy định.
D.1.4	Công bố thông tin sở hữu: cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà các thành viên ban điều hành nắm giữ		
D.1.5	Công bố thông tin chi tiết của các công ty con, liên kết, liên doanh: cả tên và số cổ phần mà công ty nắm giữ ở các công ty này		Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo thường niên

TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Thực hiện tốt thông lệ
Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ
Chưa thực hiện theo thông lệ
Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
D.2	**Chất lượng của báo cáo thường niên**		
Báo cáo thường niên có công bố:			
D.2.1	Mục tiêu của công ty		Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo thường niên và Báo cáo phát triển bền vững, đăng tải trên website của Tập đoàn Bảo Việt
D.2.2	Các chỉ số tài chính, ví dụ như một trong các chỉ tiêu căn bản sau: ROI, ROS, ROE và EPS		
D.2.3	Các chỉ số phi tài chính, ví dụ như thị phần hoặc chỉ số hài lòng khách hàng		
D.2.4	Chính sách cổ tức, cụ thể về chính sách chi trả, tỷ lệ cổ tức dự kiến		
D.2.5	Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên HĐQT		
D.2.6	Chi tiết về tham gia của mỗi thành viên HĐQT trong các cuộc họp HĐQT đã thực hiện trong năm		Công bố trong chương Quản trị doanh nghiệp của Báo cáo thường niên.
D.2.7	Tổng thù lao của mỗi thành viên HĐQT		
Tuyên bố khẳng định về quản trị công ty			
D.2.8	Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?		Bảo Việt đã tuyên bố thực thi các quy định về quản trị công ty trong phần Báo cáo quản trị/Báo cáo thường niên.
D.3	**Công bố giao dịch bên liên quan**		
D.3.1	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu/quan trọng?		Bảo Việt đã nêu rõ nội dung này trong phần giao dịch với Bên liên quan tại Báo cáo thường niên và nội dung nghị quyết giao dịch với bên liên quan trong vòng 24 giờ từ khi Hội đồng quản trị chấp thuận chủ trương
D.3.2	Công ty có công bố tên của bên liên quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi GDBLQ trọng yếu/quan trọng?		
D.4	**Thành viên HĐQT và giao dịch cổ phiếu của công ty**		
D.4.1	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người người nội bộ của công ty thực hiện?		Bảo Việt đã nêu rõ nội dung này trong phần giao dịch với Bên liên quan tại Báo cáo thường niên
D.5	**Kiểm toán độc lập và báo cáo kiểm toán**		
Trường hợp cùng công ty kiểm toán cung cấp cả dịch vụ kiểm toán và phí phi kiểm toán			
D.5.1	Phí kiểm toán và phi kiểm toán có được công bố công khai?		
D.5.2	Công ty có phí phi kiểm toán nhiều hơn phí kiểm toán		Công ty không có phí phi kiểm toán

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
D.6	**Phương tiện truyền thông**		
Công ty có sử dụng các hình thức truyền thông sau đây:			
D.6.1	Báo cáo quý		Bảo Việt công bố rất đầy đủ
D.6.2	Trang web công ty		Bảo Việt đã bổ sung các nội dung tiếng Anh tại website của Công ty song song với các nội dung tiếng Việt
D.6.3	Đánh giá của chuyên gia phân tích		Đã thực hiện 02 Hội nghị chuyên gia phân tích trong năm 2021
D.6.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông/họp báo.		Bảo Việt đã quảng bá thông tin về doanh nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng
D.7	**Nộp/công bố báo cáo thường niên/báo cáo tài chính đúng hạn**		
D.7.1	Báo cáo tài chính được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính		Bảo Việt thực hiện công bố báo cáo trong vòng 100 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính
D.7.2	Báo cáo thường niên được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính		Bảo Việt thực hiện công bố báo cáo trong vòng 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính
D.7.3	Lời xác nhận trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất từ HĐQT và các cá nhân liên quan		
D.8	**Website của Công ty** **Công ty có website công bố thông tin cập nhật về:**		
Công ty có website công bố thông tin cập nhật về:			
D.8.1	Báo cáo Tài chính (quí gần nhất)		Cung cấp đầy đủ thông tin và cập nhật thường xuyên
D.8.2	Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông		
D.8.3	Báo cáo thường niên có thể được tải về		
D.8.4	Thông báo và tài liệu họp ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường		
D.8.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường		
D.8.6	Điều lệ công ty có thể được tải về		
D.9	**Quan hệ nhà đầu tư**		
D.9.1	Công bố chi tiết liên hệ của nhân viên phụ trách Quan hệ cổ đông (điện thoại, fax và email)		Bảo Việt đã công bố trên BCTN và website Công ty

Thực hiện tốt thông lệ | *Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ*
Chưa thực hiện theo thông lệ | *Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt*

PHẦN E - TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
E.1	Nhiệm vụ và trách nhiệm của HĐQT		
Trách nhiệm của HĐQT và chính sách quản trị công ty được xác định rõ ràng			
E.1.1	Công ty có công bố Quy chế Quản trị công ty, điều lệ hoạt động HĐQT		Bảo Việt đã công bố Quy chế quản trị công ty lên website (Tiếng Việt và tiếng Anh)
E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai		Các Nghị quyết của HĐQT định được công bố công khai theo luật định, đồng thời báo cáo tại Báo cáo tại Báo cáo quản trị Công ty và Báo cáo thường niên
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của HĐQT có được quy định rõ ràng		Quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT và báo cáo hàng năm tại Báo cáo thường niên.
Tầm nhìn/sứ mệnh của công ty			
E.1.4	Công ty có tuyên bố về tầm nhìn và sứ mệnh được xem xét, cập nhật		Bảo Việt có công bố đầy đủ nội dung này trong Báo cáo thường niên.
E.1.5	Thành viên HĐQT có đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi chiến lược của công ty ít nhất một năm?		HĐQT Tập đoàn thực hiện rà soát chiến lược định kỳ hàng năm và được trình bày trong Báo cáo thường niên
E.1.6	Thành viên HĐQT có quy trình xem xét, giám sát, theo dõi việc thực hiện chiến lược của công ty?		Bảo Việt tuân thủ nội dung này, HĐQT chỉ đạo việc xây dựng chiến lược và giám sát việc thực hiện, rà soát chiến lược định kỳ tại các kỳ họp HĐQT.
E.2	Cơ cấu Hội đồng Quản trị		
Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc ứng xử			
E.2.1	Công ty công bố chi tiết bộ Quy tắc đạo đức		Bảo Việt đã công bố nội dung Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp trên website (tiếng Anh và tiếng Việt)
E.2.2	Công ty nêu rõ rằng: tất cả HĐQT, thành viên Ban điều hành và nhân viên được yêu cầu tuân thủ bộ Quy tắc ứng xử		
E.2.3	Công ty nêu rõ cách thực thi và kiểm soát việc tuân thủ bộ Quy tắc ứng xử		
Thành phần và cơ cấu của HĐQT			
E.2.4	HĐQT có tối thiểu 50% thành viên độc lập		Bảo Việt chưa đáp ứng được yêu cầu này.
E.2.5	Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ tối đa 9 năm hoặc ít hơn hoặc tối đa 2 nhiệm kỳ 5 năm đối với mỗi thành viên HĐQT độc lập? (Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi đưa ra Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011)		Đã được quy định tại Điều 26.2 Điều lệ hiện hành của TĐBV, theo đó, Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tập đoàn không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
E.2.6	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa năm vị trí HĐQT mà một thành viên HĐQT độc lập/không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác		Đã được quy định tại Điều 11.3 Quy chế Quản trị hiện hành của TĐBV, theo đó, Thành viên HĐQT của Tập đoàn không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá năm (05) công ty khác.
E.2.7	Công ty có thành viên HĐQT điều hành nào đang nắm giữ hơn 2 chức vụ trong HĐQT ở các công ty niêm yết khác ngoài tập đoàn		Bảo Việt không có trường hợp này
Tiểu ban Nhân sự			
E.2.8	Công ty có tiểu ban nhân sự		Bảo Việt có Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm thuộc HĐQT
E.2.9	Thành viên trong Tiểu ban nhân sự phần lớn là thành viên HĐQT độc lập (hơn 50%)		Bảo Việt chưa đảm bảo chuẩn mực này.
E.2.10	Chủ tịch tiểu ban nhân sự là thành viên HĐQT độc lập		
E.2.11	Công ty có công bố vai trò, nhiệm vụ, và điều lệ hoạt động của tiểu ban nhân sự		Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.
E.2.12	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên tiểu ban nhân sự		
Tiểu ban Thù lao/ Tiểu ban Lương thưởng			
E.2.13	Công ty có tiểu ban lương thưởng		Bảo Việt có Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm thuộc HĐQT
E.2.14	Thành viên trong Tiểu ban lương thưởng phần lớn là thành viên HĐQT độc lập (hơn 50%)		Bảo Việt chưa đảm bảo chuẩn mực này.
E.2.15	Chủ tịch tiểu ban lương thưởng là thành viên HĐQT độc lập		
E.2.16	Công ty có công bố vai trò, nhiệm vụ, và điều lệ hoạt động của tiểu ban lương thưởng		Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này trong Báo cáo thường niên.
E.2.17	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên tiểu ban lương thưởng		
Tiểu ban Kiểm toán [1]			
E.2.18	Công ty có Tiểu ban kiểm toán		Bảo Việt có Ban Kiểm soát
E.2.19	Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát có bao gồm toàn bộ thành viên không điều hành với đa số thành viên/ủy viên độc lập		
E.2.20	Chủ tịch của Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát có phải là thành viên độc lập		Trưởng Ban Kiểm soát là thành viên độc lập do ĐHĐCĐ bầu, không phải là đại diện vốn của cổ đông lớn và làm việc chuyên trách tại Tập đoàn Bảo Việt.
E.2.21	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát		Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.
E.2.22	Có ít nhất 1 thành viên độc lập của Tiểu ban có chuyên môn về kế toán (bằng cấp hoặc kinh nghiệm kế toán)		
E.2.23	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát		Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.
E.2.24	Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát có nhiệm vụ chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập		

1 *Tiêu chí này áp dụng cho Ban Kiểm soát đối với Doanh nghiệp hoạt động theo mô hình ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS (Theo tư vấn của Chuyên gia đánh giá ACGS của ASEAN)*

Thực hiện tốt thông lệ | *Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ* | *Chưa thực hiện theo thông lệ* | *Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt*

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
E.2	Quy trình Hội đồng Quản trị		
Họp và tham dự họp HĐQT			
E.3.1	Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước năm tài chính	Thực hiện tốt thông lệ	HĐQT đã thực hiện lập kế hoạch hoạt động, bao gồm lịch họp HĐQT trong năm trước năm tài chính kế tiếp
E.3.2	HĐQT họp ít nhất 6 lần trong năm	Thực hiện tốt thông lệ	Năm 2021 HĐQT Bảo Việt thực hiện 6 cuộc họp HĐQT trực tiếp và hơn 100 phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để giải quyết các vấn đề trong năm. Đã báo cáo tại Báo cáo thường niên.
E.3.3	Mỗi thành viên HĐQT tham gia ít nhất 75% tổng số cuộc họp HĐQT trong năm đánh giá	Thực hiện tốt thông lệ	Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.
E.3.4	Công ty có yêu cầu tỉ lệ biểu quyết thông qua là tối thiểu 2/3 trong các quyết định của HĐQT?	Thực hiện tốt thông lệ	Hiện tại Bảo Việt đang yêu cầu tỷ lệ là quá bán theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ, tuy nhiên trên thực tế, các nghị quyết của HĐQT đều được sự tán thành của ít nhất 7/9 thành viên HĐQT, đa số đạt được đồng thuận tuyệt đối 9/9 phiếu đồng ý.
E.3.5	Có ít nhất 1 cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành trong năm đánh giá	Chưa thực hiện theo thông lệ	Bảo Việt chưa thực hiện quy định này.
Tiếp cận thông tin			
E.3.6	Tài liệu họp HĐQT được gửi tới các thành viên tối thiểu 5 ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra	Thực hiện tốt thông lệ	Bảo Việt tuân thủ quy định này, cung cấp các tài liệu bằng Tiếng Anh và Tiếng Việt
E.3.7	Công ty có nêu rõ trách nhiệm quan trọng của thư ký công ty trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện vai trò của mình	Thực hiện tốt thông lệ	Bảo Việt đã nêu rõ trong Điều lệ và BCTN
E.3.8	Thư ký công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên?	Thực hiện tốt thông lệ	Bảo Việt đảm bảo yêu cầu này
Bổ nhiệm và bầu lại HĐQT			
E.3.9	Công ty công bố tiêu chuẩn lựa chọn thành viên HĐQT mới	Thực hiện tốt thông lệ	Theo thông báo của HĐQT về việc bầu thành viên HĐQT mới tại các kỳ họp ĐHĐCĐ.
E.3.10	Công ty công bố quy trình bổ nhiệm thành viên HĐQT mới	Thực hiện tốt thông lệ	Bảo Việt có đưa ra quy chế bầu thành viên HĐQT.
E.3.11	Tất cả các thành viên HĐQT có được bầu lại tối thiểu 3 năm, hoặc 5 năm đối với công ty niêm yết ở những quốc gia có pháp luật quy định nhiệm kỳ 5 năm một lần? (Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011)	Thực hiện tốt thông lệ	Nhiệm kỳ thành viên HĐQT tại Tập đoàn Bảo Việt là 05 năm.

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
Các vấn đề thù lao			
E.3.12	Công bố chính sách/thông lệ về thù lao (phí, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) đối với t/v HĐQT điều hành và TGĐ.	Thực hiện tốt thông lệ	Cung cấp tại Báo cáo thường niên
E.3.13	Công bố cấu trúc thù lao của thành viên HĐQT ko điều hành	Thực hiện tốt thông lệ	
E.3.14	Cổ đông và HĐQT có thông qua thù lao của ban điều hành	Thực hiện tốt thông lệ	HĐQT thông qua mức lương thưởng của Ban Điều hành ĐHĐCĐ phê duyệt quỹ thưởng hoàn thành Kế hoạch kinh doanh cho Ban Điều hành
E.3.15	Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các thành viên HĐQT điều hành hoặc ban điều hành với lợi ích lâu dài của công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại (Clawback provision, deffered bonus)?	Chưa thực hiện theo thông lệ	
Kiểm toán nội bộ			
E.3.16	Công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ riêng biệt	Thực hiện tốt thông lệ	Bảo Việt có Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ
E.3.17	Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của công ty thuê ngoài có được công bố công khai?	Thực hiện tốt thông lệ	Bảo Việt đã thực hiện các nội dung này trong Báo cáo thường niên - công bố Giám đốc Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ, đồng thời đã thực hiện công bố thông tin lý lịch và người có liên quan của Giám đốc Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ.
E.3.18	Việc bổ nhiệm và bãi nhiệm của nhân viên kiểm toán nội bộ phải thông qua Tiểu ban Kiểm toán	Thực hiện tốt thông lệ	Bảo Việt đã thực hiện các nội dung này đối với việc bổ nhiệm Lãnh đạo Khối/Ban thuộc Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ.
Giám sát rủi ro			
E.3.19	Công ty công bố quy trình kiểm soát nội bộ và hệ thống quản lý rủi ro thích hợp	Thực hiện tốt thông lệ	Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này tại Báo cáo thường niên
E.3.20	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có công bố rằng thành viên HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống quản lý rủi ro?	Thực hiện tốt thông lệ	
E.3.21	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)?	Thực hiện tốt thông lệ	
E.3.22	BCTN của công ty có lời xác nhận từ HĐQT hoặc BKS về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro của công ty?	Thực hiện tốt thông lệ	Cung cấp tại Báo cáo thường niên (Phần Hệ thống kiểm soát nội bộ)

Thực hiện tốt thông lệ | *Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ*
Chưa thực hiện theo thông lệ | *Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt*

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
E.4	Nhân sự trong Hội đồng Quản trị		
Chủ tịch HĐQT			
E.4.1	Chủ tịch HĐQT và TGĐ không cùng 1 người đảm nhiệm		
E.4.2	Chủ tịch HĐQT là thành viên độc lập		Bảo Việt chưa đáp ứng tiêu chí này
E.4.3	Có bất kỳ thành viên HĐQT là nguyên Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành của công ty trong 2 năm trước?		Bảo Việt không có tình trạng này
E.4.4	Công ty công bố vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT		Bảo Việt công bố tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT và Báo cáo thường niên
Trưởng Thành viên HĐQT độc lập			
E.4.5	Nếu chủ tịch không phải là thành viên HĐQT độc lập, HĐQT có bầu chọn Trưởng thành viên độc lập (Lead independent director) và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng?		
Kỹ năng và năng lực			
E.4.6	Công ty có thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực hoạt động chính của công ty		Bảo Việt đáp ứng tiêu chí này
E.5	Hiệu quả Hội đồng Quản trị		
Phát triển thành viên HĐQT			
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho các thành viên HĐQT mới		Bảo Việt đã có bản đồ học tập cho từng vị trí chuyên môn, và hiện đang rà soát cập nhật bổ sung các chương trình dành cho t/v HĐQT mới và các chương trình đào tạo dành riêng cho t/v HĐQT
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích các thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo chuyên môn/quản trị cao hơn		
Bổ nhiệm và hiệu quả của TGĐ/Ban điều hành			
E.5.3	Công ty có công bố cách thức thành viên HĐQT xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGĐ/Giám đốc Điều hành/ Quản lý chủ chốt?		HĐQT có thực hiện các công tác này, tuy nhiên chưa công bố công khai
E.5.4	HĐQT có tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm đối với TGĐ		
Đánh giá HĐQT			Quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của HĐQT, đã báo cáo kết quả đánh giá tại phần Báo cáo hoạt động của HĐQT tại BCTN 2021
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?		Đã tiến hành đánh giá và công bố trên Báo cáo thường niên
Đánh giá thành viên HĐQT			
E.5.6	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với từng thành viên HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?		Đã tiến hành đánh giá và công bố trên Báo cáo thường niên
Đánh giá tiểu ban của HĐQT			
E.5.7	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với các tiểu ban của HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?		Đã tiến hành đánh giá và công bố trên Báo cáo thường niên

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2021

ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC SUMITOMO LIFE VỀ CÁC LĨNH VỰC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Ông KAZUHIKO ARAI
Thành viên Hội đồng Quản trị,
Tập đoàn Bảo Việt

Trong bối cảnh dịch Codid-19 đã và đang ảnh hưởng rất lớn tới chiến lược kinh doanh của các doanh nghiệp, Quản trị doanh nghiệp trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, bao gồm cả việc hướng tới Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Đối với Tập đoàn Bảo Việt, doanh nghiệp đại diện cho các đối tác chiến lược tại nước ngoài mà Sumitomo Life đang đầu tư, Sumitomo Life lại càng quan tâm tới cơ chế Quản trị doanh nghiệp của Bảo Việt. Không chỉ về mặt kết quả kinh doanh, cơ chế giám sát và quản trị nội bộ trong doanh nghiệp của Bảo Việt cũng đã phát triển tới mức cao trong số các tập đoàn tài chính hàng đầu tại Việt Nam.

Chúng tôi xin bày tỏ lời cảm ơn tới những nỗ lực và cống hiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và toàn bộ các thành viên của Bảo Việt. Sau đây là đánh giá của chúng tôi về mặt Quản trị doanh nghiệp, quản lý rủi ro, tuân thủ của Bảo Việt.

Về Quản trị doanh nghiệp

Các thông lệ quản trị doanh nghiệp hiệu quả sẽ góp phần vào sự tăng trưởng bền vững của doanh nghiệp và nâng cao giá trị doanh nghiệp trong trung và dài hạn. Những năm gần đây, Tập đoàn Bảo Việt là một trong những doanh nghiệp tiên phong trong việc áp dụng các thông lệ tốt nhất về quản trị doang nhiệp như Nguyên tắc quản trị doanh nghiệp của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Thẻ điểm quản trị doanh nghiệp ASEAN. Ví dụ, Tập đoàn Bảo Việt đã đầu tư đào tạo các thành viên Hội đồng quản trị và Ban thư ký thông qua các khóa đào tạo và huấn luyện về Thẻ điểm quản trị doanh nghiệp ASEAN. Thông qua những nỗ lực này, công tác quản trị doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt đang dần được cải thiện.

Về quản lý rủi ro và tuân thủ

Những năm gần đây, Tập đoàn Bảo Việt đã liên tục có những cải tiến về mặt chiến lược, chính sách và phương pháp quản lý rủi ro, bên cạnh đó, cũng đang xúc tiến nghiên cứu các biện pháp để chủ động nhận biết rủi ro bằng cách nâng cao nhận thức và văn hóa quản lý rủi ro.

Ngoài ra, Tập đoàn Bảo Việt đã liên tục sửa đổi các quy định tuân thủ của mình để đảm bảo việc thực hiện tuân thủ. Để nâng cao mức độ nhận thức và kiến thức tuân thủ của cán bộ nhân viên, doanh nghiệp đã tiến hành các khóa đào tạo để tuân thủ các quy định của pháp luật và quy chế, quy định nội bộ. Sumitomo Life hài lòng với những thành tựu này và mong muốn Tập đoàn Bảo Việt sẽ có những cải tiến hơn nữa trong tương lai. Sumitomo Life sẽ hỗ trợ lĩnh vực này thông qua việc cung cấp kiến thức và kinh nghiệm của chúng tôi, đồng thời sẽ tiếp tục hỗ trợ Tập đoàn Bảo Việt trở thành doanh nghiệp có nền tảng quản trị doanh nghiệp xuất sắc được đánh giá theo tiêu chuẩn toàn cầu.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2021, Hội đồng quản trị đã phát huy hiệu quả vai trò dẫn dắt trong việc chỉ đạo xây dựng các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2021; triển khai xây dựng kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021 - 2030 của toàn Tập đoàn và các chiến lược thành phần; đồng thời tăng cường hợp tác nội bộ nhằm phát huy sức mạnh tổng thể của toàn Tập đoàn, đẩy mạnh các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong quản trị, điều hành doanh nghiệp hướng tới thực hiện chiến lược tăng trưởng và phát triển bền vững.

CƠ CẤU THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt tại thời điểm 31/12/2021

STT	Họ và tên	Chức danh	Thành viên HĐQT	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Tập đoàn Bảo Việt	Chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty Cổ phần khác tại Việt Nam
1	Ông Đào Đình Thi	Chủ tịch HĐQT	Chuyên trách	**23,46%** *(Trong đó: Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 174.119.770 Sở hữu cá nhân: 55.045)*	Không có
2	Ông Đỗ Trường Minh	Thành viên HĐQT	Điều hành	**15,11%** *(Trong đó: Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 112.141.830 Sở hữu cá nhân: 15.000)*	Không có
3	Bà Thân Hiền Anh	Thành viên HĐQT	Không điều hành	**6,61%** *(Trong đó:Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 49.062.050 Sở hữu cá nhân: 34.903)*	Không có
4	Bà Trần Thị Diệu Hằng	Thành viên HĐQT	Điều hành	**6,61%** *(Trong đó: Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 49.062.050 Sở hữu cá nhân: 0)*	
5	Ông Nguyễn Xuân Việt	Thành viên HĐQT	Không điều hành	**6,62%** *(Trong đó: Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 49.062.050 Sở hữu cá nhân: 83.955)*	
6	Ông Nguyễn Đình An	Thành viên HĐQT	Không điều hành	**6,61%** *(Trong đó:Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 49.062.050 Sở hữu cá nhân: 9.960)*	
7	Ông Teruo Shimmen	Thành viên HĐQT	Không điều hành	**11,04%** *(Trong đó: Đại diện sở hữu phần vốn Sumitomo Life: 81.972.710 cổ phần Sở hữu cá nhân: 0)*	
8	Ông Arai Kazuhiko	Thành viên HĐQT	Không điều hành	**11,04%** *(Trong đó: Đại diện sở hữu phần vốn Sumitomo Life: 81.972.711 cổ phần Sở hữu cá nhân: 0)*	

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên và báo cáo xin ý kiến ĐHĐCĐ về các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ:

Năm 2021, HĐQT Tập đoàn Bảo Việt đã triệu tập 01 cuộc họp (ĐHĐCĐ) thường niên vào ngày 29/6/2021. ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Tập đoàn Bảo Việt đã thảo luận và thông qua các nội dung:

- Báo cáo của Tổng Giám đốc về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Tập đoàn Bảo Việt;
- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo Tài chính riêng năm 2020 của Tập đoàn Bảo Việt;
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt;
- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt;
- Tờ trình phê duyệt thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên năm tài chính 2020 và đề xuất mức thù lao kế hoạch năm tài chính 2021;
- Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2020 và kế hoạch sử dụng lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2021 của Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt;
- Tờ trình phê duyệt Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 12), Quy chế Quản trị nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 4), Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 3).
- Tờ trình phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 5)
- Bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2021-2023;

ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Tập đoàn Bảo Việt ("Đại hội") đã diễn ra theo đúng trình tự các bước quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt cũng như các quy định khác đối với công ty niêm yết. Trước khi tổ chức Đại hội, Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện việc công bố thông tin về việc tổ chức Đại hội, thông báo chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội; thông báo mời họp; công bố các tài liệu sẽ trình tại Đại hội và thực hiện công bố Báo cáo tài chính theo đúng quy định.

Ngoài ra, trong năm 2021, Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề cụ thể như sau:

- Thông qua Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán của Tập đoàn Bảo Việt;
- Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh và sửa đổi bổ sung Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt;
- Điều chỉnh việc sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021 HĐQT đã triển khai thực hiện các vấn đề được ĐHĐCĐ thông qua.

HỌP HĐQT ĐỊNH KỲ NHẰM ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ ĐƯA RA CÁC ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Thực hiện quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, trong năm 2021, HĐQT Tập đoàn Bảo Việt duy trì việc họp định kỳ mỗi quý một lần nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất và kịp thời đưa ra các chỉ đạo trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. HĐQT đã tổ chức 06 (sáu) cuộc họp trong đó có 05 (năm) cuộc họp định kỳ hàng quý và 01 (một) cuộc họp mở rộng.

Việc tổ chức các cuộc họp của HĐQT đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt và Luật Doanh nghiệp. Các thành viên HĐQT đã nghiêm túc tham dự trực tiếp các cuộc họp HĐQT hoặc ủy quyền cho các thành viên HĐQT dự họp và biểu quyết theo đúng quy định tại Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và Quy chế hoạt động của HĐQT, cụ thể như sau:

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị trong năm 2021

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Đào Đình Thi	Chủ tịch HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT: 23/12/2014	06/06	100%	
2	Ông Đỗ Trường Minh	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT: 27/6/2018	06/06	100%	
3	Bà Thân Hiền Anh	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT: 23/12/2014	06/06	100%	
5	Ông Nguyễn Xuân Việt	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT: 27/6/2018	06/06	100%	
6	Bà Trần Thị Diệu Hằng	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT: 27/6/2018	06/06	100%	
7	Nguyễn Đình An	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT: 29/06/2020	05/06	83,33%	Đi công tác
8	Ông Kazuhiko Arai	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT: 29/06/2021	04/04	100%	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT: 29/6/2021
9	Ông Kenji Yoneda	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT: 29/6/2019	02/02	100%	Không còn là thành viên HĐQT từ ngày 29/6/2021
10	Ông Teruo Shimmen	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT: 29/6/2019	06/06	100%	

Các cuộc họp HĐQT đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến chỉ đạo tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021; xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2021 theo phê duyệt của ĐHĐCĐ; chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, triển khai các nhiệm vụ trọng tâm trên toàn hệ thống Bảo Việt và thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021... Các Nghị quyết được HĐQT thống nhất đưa ra tại các cuộc họp là những định hướng quan trọng giúp Ban Điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Tập đoàn hiệu quả.

LẤY Ý KIẾN THÀNH VIÊN HĐQT BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA CÁC QUYẾT ĐỊNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA HĐQT

Ngoài các phiên họp trực tiếp của HĐQT, HĐQT đã thông qua các quyết định theo phương thức lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo giải quyết các sự vụ cụ thể thuộc thẩm quyền của HĐQT theo tờ trình của Tổng Giám đốc Tập đoàn và các Ủy ban thuộc HĐQT. Trong năm 2021, HĐQT đã giải quyết hơn 100 vấn đề và ban hành 87 Nghị quyết có liên quan đến các định hướng lớn về quản trị doanh nghiệp, hoàn thiện và ban hành các quy chế quản trị nội bộ, đầu tư phát triển nguồn nhân lực, kiện toàn bộ máy lãnh đạo, định hướng hoạt động đầu tư tập trung trên toàn hệ thống v.v...; chỉ đạo điều chỉnh cơ cấu tổ chức quản trị, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị được ban hành dựa trên tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên Hội đồng Quản trị vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

NGHIÊM TÚC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT, CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT NĂM 2021 THEO CÁC THÔNG LỆ TỐT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRÊN THẾ GIỚI VÀ KHU VỰC

Nhằm nâng cao công tác đánh giá hoạt động của HĐQT theo các thông lệ tốt về quản trị công ty trên thế giới và khu vực, năm 2021, HĐQT đã triển khai Quy chế hoạt động của HĐQT, hoàn thành công tác đánh giá Quy trình và các Tiêu chí đánh giá cụ thể đối với hoạt động của HĐQT, của từng thành viên HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT, cụ thể như sau:

Các Tiêu chí đánh giá nêu trên được xây dựng trên cơ sở tham chiếu các chuẩn mực tại Phần E - Trách nhiệm của HĐQT tại Bộ câu hỏi cấp 1 - Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN, Quy tắc Quản trị Công ty của OECD và tham khảo thông lệ về đánh giá hoạt động của HĐQT và thành viên HĐQT ở các nước phát triển trên thế giới.

Tiêu chí đánh giá hoạt động của HĐQT bao gồm 40 tiêu chí đánh giá về:

- (i) Nhiệm vụ và trách nhiệm của HĐQT;
- (ii) Cơ cấu HĐQT;
- (iii) Quy trình của HĐQT;
- (iv) Kết quả hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT;
- (v) Đánh giá thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và kế hoạch kinh doanh hàng năm.

Tiêu chí đánh giá hoạt động của từng thành viên HĐQT bao gồm 17 tiêu chí đánh giá về:

- (i) Mức độ tương tác giữa các thành viên HĐQT;
- (ii) Chất lượng các ý kiến/đề xuất của các thành viên HĐQT;
- (iii) Thực hiện nhiệm vụ của Thành viên HĐQT;
- (iv) Vai trò của Chủ tịch HĐQT.

Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm và Thư ký Công ty chịu trách nhiệm tham mưu cho HĐQT trong quá trình thực hiện đánh giá.

Trong tháng 12 năm 2021, HĐQT đã thực hiện đánh giá kết quả hoạt động năm 2021 của HĐQT, các Ủy ban thuộc HĐQT và các thành viên HĐQT với một số kết quả cụ thể như sau:

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT

CĂN CỨ 13 TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VỀ **03** NHÓM VẤN ĐỀ

- (i) Mức độ tương tác của các thành viên HĐQT;
- (ii) Chất lượng các ý kiến/đề xuất của các thành viên HĐQT;
- (iii) Thực hiện nhiệm vụ của Thành viên HĐQT, các thành viên HĐQT đã tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, đồng thời đánh giá chéo hoạt động của các thành viên HĐQT khác.

Kết quả đánh giá: 08/08 thành viên HĐQT đều đạt từ 4,6 đến 4,8 điểm (điểm tối đa 5 điểm) - Đạt mức Tốt.

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG HĐQT VÀ CÁC ỦY BAN CỦA HĐQT

Yếu *TB/Cần cải thiện* *Khá* *Tốt* *Rất tốt*

STT	Nội dung đánh giá	Điểm TB	Xếp loại	Vấn đề cần cải thiện
1	Nhiệm vụ và trách nhiệm của HĐQT	4,6		
2	Thành phần và cơ cấu HĐQT	4,7		• Tính độc lập giữa thành viên HĐQT với Ban Điều hành và cổ đông lớn của Tập đoàn
3	Quy trình HĐQT			
	• Họp và tham dự họp HĐQT	4,6		
	• Tiếp cận thông tin	4,7		
	• Lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản	4,6		
	• Bổ nhiệm và bầu lại HĐQT (nếu có)	4,9		
4	Kết quả hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT	4,4		
	• Ủy ban Thù lao & Bổ nhiệm	4,3		• Thành viên trong Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm phần lớn là thành viên HĐQT độc lập (hơn 50%). • Chủ tịch Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm là thành viên HĐQT độc lập
	• Ủy ban Kiểm toán	4,3		• Ủy ban Kiểm toán có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên HĐQT độc lập. • Chủ nhiệm của Ủy ban Kiểm toán là thành viên HĐQT độc lập
	• Ủy ban Chiến lược & Đầu tư	4,6		
	• Ủy ban Tài sản nợ - Tài sản có (ALCO)	4,5		
10	Đánh giá thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và kế hoạch kinh doanh hàng năm	4,7		

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT VÀ CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

1. HĐQT đã phát huy được vai trò và trách nhiệm của mình trong hoạt động quản trị doanh nghiệp, đảm bảo cơ cấu tổ chức và hoạt động theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tập đoàn.
2. HĐQT đã triển khai thực hiện nghiêm túc và hoàn thành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2021.
3. Các Ủy ban thuộc HĐQT đã góp phần quan trọng trong việc tham mưu cho HĐQT các vấn đề thuộc chức năng nhiệm vụ của Ủy ban như: chiến lược, đầu tư, bổ nhiệm nhân sự cấp cao, thù lao lương thưởng, kiểm toán và quản lý tài sản nợ - tài sản có...
4. Các thành viên HĐQT có mức độ chia sẻ thông tin rất tốt, chủ động đưa ra những đánh giá, phân tích chuyên sâu về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Tập đoàn.
5. Chủ tịch HĐQT phát huy vai trò trong việc triển khai hiệu quả các hoạt động của HĐQT, khuyến khích thành viên HĐQT tham gia ý kiến vào các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT; đảm bảo xây dựng các kế hoạch hoạt động của HĐQT trước năm tài chính và gửi tài liệu họp, tài liệu lấy ý kiến thành viên HĐQT tối thiểu 5 ngày trước ngày họp/ngày cho ý kiến.

Để tăng cường trách nhiệm của HĐQT, tuân thủ các chuẩn mực về Trách nhiệm của HĐQT tại Thẻ điểm quản trị Công ty khu vực ASEAN, HĐQT cần tiếp tục đẩy mạnh các công tác sau:

1. Tiếp tục tăng cường truyền thông sứ mệnh/tầm nhìn của Tập đoàn, xem xét chiến lược kinh doanh hàng năm để phù hợp diễn biến mới;
2. Xem xét bổ sung quy định về việc tổ chức cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành tại Quy chế Quản trị/Quy chế hoạt động của HĐQT;
3. Tăng cường tính độc lập giữa thành viên HĐQT với Ban Điều hành và cổ đông lớn của Tập đoàn qua việc bầu các thành viên HĐQT độc lập tham gia hoạt động của HĐQT, và tham gia vào hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT;
4. Tiếp tục nâng cao chất lượng báo cáo, tham mưu cho HĐQT các vấn đề thuộc chức năng nhiệm vụ của các Ủy ban thuộc HĐQT;
5. Tăng cường hơn nữa việc chia sẻ thông tin giữa các thành viên HĐQT qua việc tăng cường cung cấp, cập nhật các thông tin về lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn, về tình hình thị trường và các cơ hội phát triển kinh doanh; khuyến khích thành viên HĐQT có những đánh giá, phân tích chuyên sâu về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, cung cấp những đề xuất có tính thực tiễn và khả thi đối với các vấn đề trong chương trình nghị sự để HĐQT thảo luận quyết định.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022

Trong năm 2022, HĐQT sẽ tiếp tục duy trì chế độ họp định kỳ hàng Quý theo quy định và tổ chức các phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT để triển khai Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022, thực hiện các vấn đề liên quan đến quản trị công ty và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2022 trên toàn Tập đoàn.

Cụ thể như sau:

Triển khai thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022, trong đó tập trung hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2022 và bám sát chiến lược giai đoạn 2021-2025;

Tiếp tục phát huy những giá trị đã xây dựng và phát triển trong thời gian vừa qua, quyết liệt triển khai các giải pháp kinh doanh trong năm 2022, trong đó tập trung đến các vấn đề:

(i) Hiện đại hóa hệ thống giao tiếp với khách hàng trên nền tảng công nghệ số, trực tuyến, tạo ra những khác biệt về dịch vụ, sản phẩm. Chuyển đổi số trong hoạt động quản trị, điều hành;

(ii) Tiếp tục thực hiện các bước Quy hoạch nhân sự cấp cao; Thực hiện luân chuyển nội bộ, tận dụng nguồn lực sẵn có; Thực hiện đánh giá hiệu quả công việc bằng các chỉ tiêu KPI rõ ràng.

(iii) Đa dạng hóa sản phẩm và các kênh phân phối, mở rộng mạng lưới, cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp, tạo sự khác biệt.

Nâng cao năng lực quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ Quốc tế tốt nhất để đảm bảo khai thác các nguồn lực hiệu quả, tạo ra các giá trị bền vững trong dài hạn, và thu hút nguồn vốn đầu tư vào doanh nghiệp;

Phối hợp với các cơ quan quản lý của nhà nước xây dựng hành lang pháp lý, phát triển thị trường, sản phẩm mới; tiếp tục chú trọng triển khai các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng theo chủ trương của Đảng và Chính phủ, là doanh nghiệp tiên phong trong công tác bảo vệ môi trường, hướng tới thực hiện chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt.

VIOD®
VIETNAM INSTITUTE OF DIRECTORS

DANH SÁCH TV HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM 2021

Ông **Đào Đình Thi** - Chủ tịch HĐQT
Tham gia khóa "Xây dựng và điều hành Hội đồng Quản trị hiệu quả: Vai trò của Chủ tịch & Kế hoạch kế nhiệm" (Chứng chỉ QTCT 2015); "Chứng nhận Thành viên HĐQT" (DCP) (Chứng chỉ VIOD).

Ông **Đỗ Trường Minh** - Thành viên HĐQT,
Tổng Giám đốc (Chứng chỉ QTCT 2015); "Chứng nhận Thành viên HĐQT" (DCP) (Chứng chỉ VIOD).

Bà **Trần Thị Diệu Hằng** - Thành viên HĐQT
Tham gia khóa: Chương trình thạc sĩ Ủy ban kiểm toán (Chứng chỉ QTCT 2015); "Chứng nhận Thành viên HĐQT" (DCP) (Chứng chỉ VIOD).

Bà **Thân Hiền Anh** - Thành viên HĐQT:
"Chứng nhận Thành viên HĐQT" (DCP) (Chứng chỉ VIOD).

Ông **Nguyễn Xuân Việt** - Thành viên HĐQT (Chứng chỉ QTCT 2015);
"Chứng nhận Thành viên HĐQT" (DCP) (Chứng chỉ VIOD).

Ông **Nguyễn Đình An** - Thành viên HĐQT:
"Chứng nhận Thành viên HĐQT" (DCP) (Chứng chỉ VIOD).

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ủy ban Kiểm toán (UBKT) là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, trực thuộc Hội đồng Quản trị (HĐQT), do HĐQT quyết định thành lập từ năm 2008. Đến nay, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của UBKT được sửa đổi phù hợp hơn với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt, nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Ủy ban. Theo đó, UBKT có chức năng tư vấn và giúp việc cho HĐQT trong việc:

1. Đảm bảo có được hệ thống kiểm soát nội bộ và tuân thủ pháp luật một cách hiệu quả thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ.
2. Đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về báo cáo tài chính ra bên ngoài (gồm các yêu cầu áp dụng cho việc niêm yết trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tập đoàn) thông qua việc đánh giá các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (hoặc soát xét).

UBKT CÓ CÁC NHIỆM VỤ CHÍNH

1. Quản lý về mặt chuyên môn, nghiệp vụ đối với hoạt động của Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ (KTKTNB), bao gồm: việc xây dựng Kế hoạch kiểm toán chiến lược và Kế hoạch kiểm toán hàng năm; các vấn đề về nghiệp vụ của KTKTNB trong báo cáo kết quả kiểm toán; Kiểm tra và giám sát kế hoạch kiểm toán nội bộ, tính hiệu quả của hoạt động kiểm toán nội bộ; Xem xét các kết quả trọng yếu thu được từ việc kiểm toán nội bộ và các phản hồi từ Tổng Giám đốc Tập đoàn, Lãnh đạo các Ban chức năng/Trung tâm của Tập đoàn và các Tổng Giám đốc Công ty con do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn.
2. Đề xuất với Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt để đảm bảo KTKTNB có đủ nguồn lực tổ chức thực hiện việc kiểm toán.
3. Đánh giá các báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Bảo Việt hàng năm và giữa niên độ về việc tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán, các quy định về niêm yết và các yêu cầu của pháp luật liên quan đến báo cáo tài chính trình Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt. Thực hiện việc phối hợp với Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt về công tác liên quan đến lập báo cáo tài chính và kiểm toán độc lập

THÀNH PHẦN CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Năm 2021, UBKT tiếp tục hoạt động với thành phần bao gồm 01 Chủ nhiệm và 02 Ủy viên Ủy ban. Trong đó, Chủ nhiệm Ủy ban là thành viên HĐQT, Trưởng Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ; 01 Ủy viên là thành viên HĐQT, đại diện của Cổ đông chiến lược Sumitomo Life; 01 Ủy viên thường trực là Phó Trưởng Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt. Các Ủy viên UBKT đều có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, tài chính, bảo hiểm và đầu tư.

Nhân sự Ủy ban Kiểm toán tại thời điểm 31/12/2021

Bà TRẦN THỊ DIỆU HẰNG
Thành viên HĐQT,
Chủ nhiệm Ủy ban

Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Kinh nghiệm: 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm, kiểm toán
Chức vụ đang đảm nhiệm
- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 27/6/2018);
- Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán Tập đoàn Bảo Việt;
- Trưởng Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt.

Ông NGUYỄN QUANG VINH
Phó Trưởng Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ,
Ủy viên thường trực

Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn
Thạc sỹ kinh tế
Kinh nghiệm: 32 năm trong lĩnh vực bảo hiểm
Chức vụ đang đảm nhiệm
- Phó Trưởng Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ, Ủy viên thường trực Ủy ban Kiểm toán.

Ông TERUO SHIMMEN
Thành viên HĐQT,
Ủy viên

Quốc tịch: Nhật Bản
Trình độ chuyên môn
Cử nhân Nghiên cứu quốc tế
Kinh nghiệm: 30 năm trong lĩnh vực bảo hiểm
Chức vụ đang đảm nhiệm
- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ;
- Trưởng Văn phòng đại diện Sumitomo Life tại Hà Nội.

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2021

Năm 2021, UBKT đã thực hiện các công việc chính theo chức năng và quyền hạn của mình như sau:

1. Tham gia chỉ đạo việc lập kế hoạch KTNB và chỉ đạo các hoạt động chuyên môn của KTKTNB nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ, hoàn thành 100% kế hoạch KTNB năm 2021 được HĐQT phê duyệt; Chỉ đạo Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn thực hiện 39 cuộc kiểm toán, gồm 16 cuộc kiểm toán tại các đơn vị thành viên của Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt, 15 cuộc kiểm toán tại các đơn vị thành viên của Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ, 08 cuộc kiểm toán hoạt động Đầu tư. Các cuộc kiểm toán nội bộ đã phát hiện kịp thời những điểm yếu trong việc thực hiện các quy định nội bộ của Tập đoàn; quy chế, quy trình nghiệp vụ của các Tổng Công ty/Công ty, đưa ra các khuyến nghị phù hợp, khả thi. Bên cạnh đó KTKTNB còn có những đánh giá về việc thực hiện các quy định của nhà nước trong các lĩnh vực kinh doanh, giúp các đơn vị được kiểm toán tăng cường tính tuân thủ Pháp luật. Thông qua kết quả kiểm toán, HĐQT/ Tổng Giám đốc Tập đoàn đã có những chỉ đạo kịp thời nhằm tăng cường công tác quản trị, nâng cao hiệu quả quản lý.
2. Công tác soát xét Báo cáo tài chính: Trong năm 2021, UBKT đã thực hiện phối hợp với Ban Kiểm soát, Công ty kiểm toán độc lập Ernst & Young và bộ phận tài chính các Tổng Công ty, Công ty con đối với Báo cáo tài chính năm 2021 đảm bảo các BCTC tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ công bố thông tin báo cáo tài chính của công ty niêm yết. Đồng thời, UBKT tiến hành đánh giá/ tư vấn ý kiến lưu ý và trình HĐQT phê duyệt đối với các báo cáo tài chính VAS đã kiểm toán của Công ty Mẹ và Hợp nhất của Tập đoàn năm 2021 theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS và Chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS.
3. UBKT đưa ra ý kiến về một số báo cáo/tờ trình của KTKTNB nhằm nâng cao chất lượng hoạt động KTNB; đồng thời tham gia ý kiến, đề xuất và báo cáo HĐQT/Tổng Giám đốc trong công tác tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy hoạt động của KTKTNB.
4. Tham gia ý kiến đối với các nội dung theo yêu cầu của Hội đồng quản trị Tập đoàn đối với các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của UBKT.
5. Triển khai các hoạt động phối hợp của UBKT với các bộ phận của Công ty mẹ, các Tổng Công ty trong các công việc: tham gia ý kiến đối với các văn bản của Tập đoàn; tham gia ý kiến trong các cuộc họp RMC, ALCO và các công việc khác theo yêu cầu của HĐQT.
6. Để thực hiện nhiệm vụ trên, UBKT đã triển khai họp, thảo luận, tham gia ý kiến về các Báo cáo định kỳ cũng như các Báo cáo đánh giá Báo cáo tài chính của Ủy ban trước khi trình HĐQT.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Năm 2022, với nền tảng kinh nghiệm trong nước và quốc tế về kiểm toán, tài chính, bảo hiểm và đầu tư, UBKT tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn cho HĐQT với mục đích:

1. Đảm bảo hệ thống kiểm soát hiệu quả;
2. Chỉ đạo công tác chuyên môn của KTKTNB đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2022 do HĐQT giao;
4. Thực hiện tốt nhiệm vụ liên quan đến Báo cáo tài chính và tổ chức kiểm toán độc lập;
5. Chỉ đạo công tác đảm bảo chất lượng KTNB: rà soát, cập nhật các văn bản quy định, quy trình đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và Tập đoàn.

ỦY BAN THÙ LAO VÀ BỔ NHIỆM

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, do HĐQT quyết định thành lập. Chức năng chính của Ủy ban là:

1. Tham mưu, tư vấn cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt;
2. Kiến nghị Hội đồng Quản trị xem xét, phê duyệt những vấn đề cơ bản về:
   - Mô hình tổ chức bộ máy và mô hình quản trị doanh nghiệp;
   - Chính sách quản lý lao động và tiền lương của Tập đoàn;
   - Chính sách quản lý cán bộ của Tập đoàn.
   - Những vấn đề liên quan đến tiền lương, tiền thưởng, qui hoạch và bổ nhiệm cán bộ, kiện toàn nhân sự do Hội đồng quản trị quản lý...

THÀNH PHẦN CỦA ỦY BAN THÙ LAO VÀ BỔ NHIỆM

Dưới sự lãnh đạo của Chủ nhiệm Ủy ban, Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm đã thực hiện tốt chức năng giúp việc cho HĐQT trong việc hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp, xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực (qui hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo tại Tập đoàn và các Công ty con có 100% vốn đầu tư của Tập đoàn) cũng như các chính sách nhân sự, tiền lương, tiền thưởng của cán bộ do Hội đồng Quản trị quản lý.

Nhân sự Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm làm việc tại thời điểm 31/12/ 2021

Ông Nguyễn Xuân Việt
Thành viên HĐQT,
Chủ nhiệm Ủy ban

Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn
Cử nhân kinh tế
Kinh nghiệm: 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm, công nghệ thông tin
Chức vụ đang đảm nhiệm

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 27/6/2018);
- Chủ nhiệm Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm Tập đoàn Bảo Việt;
- Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt;
- Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty Tái bảo hiểm quốc gia (VinaRe).

Bà Thân Hiền Anh
Thành viên HĐQT,
Ủy viên

Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân ngân hàng, Cử nhân bảo hiểm.
Kinh nghiệm: 24 năm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm
Chức vụ đang đảm nhiệm

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 27/6/2018);
- Ủy viên Ủy ban Thù lao và bổ nhiệm Tập đoàn;
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

Ông Trần Nhuận An
Phó Giám đốc Ban Tổ chức Nhân sự,
Ủy viên

Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn
Thạc sỹ Quản trị nguồn nhân lực
Kinh nghiệm: 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị nhân sự
Chức vụ đang đảm nhiệm

- Phó Giám đốc Ban Tổ chức Nhân sự, Ủy viên Ủy ban Thù lao và bổ nhiệm Tập đoàn Bảo Việt.

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN THÙ LAO VÀ BỔ NHIỆM NĂM 2021

Trong năm 2021, Ủy ban Thù lao và bổ nhiệm đã tổ chức **03 cuộc họp** trực tiếp với các nội dung:

1. Đánh giá công việc thực hiện năm 2020 và kế hoạch thực hiện công việc trong năm 2021;
2. Phân công nhiệm vụ các Ủy viên Ủy ban;
3. Thảo luận về định hướng xây dựng các Quy chế, Quy định của Tập đoàn Bảo Việt trong lĩnh vực quản trị nhân sự.

Bên cạnh đó, Ủy ban đã tiến hành 28 phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để thẩm định, đánh giá các đề xuất của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ, để đề xuất Hội đồng Quản trị xem xét, quyết định những vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản trị nhân sự cấp cao sau đây:

1. Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý cấp Khối của Tập đoàn Bảo Việt và Phương án bố trí, sắp xếp nhân sự tạm thời theo mô hình tổ chức bộ máy mới.
2. Sửa đổi và bổ sung Quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Ủy ban TLBN theo mô hình tổ chức bộ máy mới .
3. Việc quyết toán quĩ tiền lương năm 2020 và kế hoạch lao động tiền lương năm 2021 của Tập đoàn và các Công ty 100% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn.
4. Việc bổ nhiệm và bổ nhiệm lại Cán bộ quản lý Tập đoàn do Hội đồng Quản trị Quyết định.
5. Việc kiện toàn nhân sự của các Ủy ban giúp việc Hội đồng Quản trị.
6. Về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh quản lý tại Tập đoàn trong giai đoạn 2021 - 2025.
7. Về việc đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt và các Thành viên HĐQT năm 2021.
8. Việc điều chỉnh cách xác định mức tiền lương bình quân thực hiện năm 2021 của Người quản lý chuyên trách Công ty con là đại diện vốn NN tại Tập đoàn.
9. Về việc ban hành Quy chế trả lương của Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi bổ sung lần 6).

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Năm 2022, Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm tiếp tục tham gia việc xây dựng chiến lược kinh doanh giai đoạn 2021 - 2025, đặc biệt vẫn quan tâm đến chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt, tư vấn tham mưu cho Hội đồng Quản trị chính sách về quản trị nhân sự trong phạm vi toàn Tập đoàn, nâng cấp hiệu quả quản trị điều hành tập trung trong thời kỳ cách mạng công nghệ 4.0.

Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm tiếp tục chức năng và nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn trong việc hoàn thiện các chính sách chế độ, quy trình, quy định liên quan đến công tác quản trị nhân sự cấp cao, đặc biệt với mô hình quản trị mới áp dụng tại Tập đoàn và các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ (BVNT, BHBV, BVF, BVI).

Bên cạnh đó, Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm đã và đang thực hiện công tác tham mưu cho HĐQT bổ sung thành viên HĐQT độc lập; tham mưu cho HĐQT kiện toàn mô hình quản trị của Tập đoàn, chú trọng quản trị mô hình kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro phù hợp các quy định mới (NĐ 05).

Đồng thời, Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm cũng tham gia đóng góp vào việc thực hiện các Quy định của Ban Bí thư và của Chính phủ về đẩy mạnh cải tiến, đổi mới doanh nghiệp Nhà nước, cũng như những chính sách có liên quan đến việc triển khai thực hiện các văn kiện chính trị của Hội nghị Trung ương XIII.

ỦY BAN QUẢN LÝ TÀI SẢN NỢ - TÀI SẢN CÓ (ALCO)

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Ủy Ban ALCO có chức năng tham mưu và tư vấn cho Hội đồng Quản trị trong việc:

1. Đánh giá, giám sát tình hình kinh doanh, kết quả tài chính và việc phát triển kinh doanh, quản lý và phát triển vốn và tài sản tại Tập đoàn Bảo Việt và tại các Công ty Con.
2. Đánh giá và khuyến nghị các chính sách, biện pháp quản lý hiệu quả cơ cấu, tính cân đối và tốc độ tăng trưởng của Tài sản Nợ và Tài sản Có tại Tập đoàn Bảo Việt và của Tập đoàn Bảo Việt đối với các Công ty Con với mục đích sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính và đảm bảo khả năng thanh toán.
3. Theo dõi môi trường bên ngoài và xác định tác động lên mức độ sinh lợi, Bảng Cân đối Kế toán và khả năng thanh toán theo các tình huống giả định.
4. Đánh giá và đưa ra các biện pháp triển khai thực hiện quản lý các rủi ro có khả năng ảnh hưởng tới Bảng Cân đối Kế toán và kết quả kinh doanh tại Tập đoàn Bảo Việt và của Tập đoàn Bảo Việt đối với các Công ty Con.

THÀNH PHẦN ỦY BAN ALCO

Ủy ban ALCO gồm các thành viên cơ cấu theo chức danh, trong đó: Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt là Chủ nhiệm Ủy ban, Giám đốc Ban Tài chính Tập đoàn Bảo Việt là Thành viên Thường trực Ủy ban, Thư ký Ủy ban gồm ba (3) thành viên. Các thành viên còn lại đến từ các Ban chức năng trong Tập đoàn và đại diện của các đơn vị thành viên, trong đó mỗi công ty thành viên có ít nhất 01 đại diện (Chủ nhiệm Ủy ban ALCO các Công ty thành viên).

ỦY BAN ALCO THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

1. Khuyến nghị về các chính sách, chiến lược và kế hoạch quản lý Tài sản Nợ, Tài sản Có, quản lý rủi ro liên quan đến Tài sản Nợ, Tài sản Có cho từng thời kỳ khác nhau.
2. Xem xét, đánh giá và khuyến nghị các giải pháp nhằm bảo đảm cơ cấu Tài sản Nợ, Tài sản Có và cân đối tốc độ tăng trưởng của Bảng Cân đối Kế toán với kế hoạch và chiến lược phát triển kinh doanh, quy mô vốn chủ sở hữu.
3. Xem xét, đánh giá và khuyến nghị về hiệu quả sử dụng Tài sản Nợ, Tài sản Có nhằm mục đích tối ưu hoá lợi nhuận và cân đối với rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con.
4. Đánh giá khả năng thanh toán theo thực tế, theo quy định của Tập đoàn Bảo Việt và của Pháp luật (nếu có), vị thế an toàn vốn, cân đối giữa tài sản và trách nhiệm của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con.
5. Đánh giá và khuyến nghị các giải pháp quản lý các rủi ro có khả năng ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh và Bảng Cân đối Kế toán. Khuyến nghị về các hạn mức đầu tư, hạn mức sinh lời, hạn mức rủi ro và các chỉ tiêu khác đối với các cấp tại Tập đoàn Bảo Việt và tại các Công ty Con.

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN ALCO NĂM 2021

Năm 2021, nhằm đánh giá các tác động ảnh hưởng đến lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị thành viên, Ủy ban ALCO đã lập Báo cáo ALCO toàn Tập đoàn định kỳ và gửi đến lãnh đạo Tập đoàn, các thành viên Ủy ban ALCO để lấy ý kiến (bằng văn bản) với các nội dung cụ thể tại Báo cáo như sau:

1. Rà soát các kết luận của cuộc họp trước và cập nhật tình hình triển khai thực hiện các khuyến nghị;
2. Rà soát hiệu quả hoạt động đầu tư của Ban Đầu tư;
3. Báo cáo của Ban Kế toán, Ban Tài chính về các nội dung:
   - Tình hình tài chính, Sự phù hợp Tài sản và Nợ phải trả;
   - Tình hình sử dụng vốn, nhu cầu vốn;
   - Biên khả năng thanh toán và Rủi ro thanh khoản
2. Tóm tắt các vấn đề chính của từng đơn vị thành viên.

Trong năm 2021, Ủy ban ALCO đã bước đầu xây dựng và chuyển đổi hệ thống số liệu hiện có để thực hiện lập báo cáo ALCO toàn Tập đoàn trên Power BI bên cạnh việc duy trì hệ thống báo cáo theo format cũ.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Năm 2022, Ủy ban ALCO Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục định hướng tập trung nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài sản, các khoản nợ của toàn Tập đoàn và tại các đơn vị thông qua việc đánh giá các tác động của thị trường, các rủi ro thanh khoản và các rủi ro có thể ảnh hưởng tới sự phù hợp giữa Tài sản Nợ và Tài sản Có; đưa ra khuyến nghị và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản, cũng như cung cấp các thông tin quản trị một cách đầy đủ kịp thời, cụ thể:

1. Tăng cường công tác đánh giá, quản lý, cân đối tài sản Nợ - tài sản Có tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên, cả về tần suất và chất lượng thực hiện;

2. Các Ban chức năng, đơn vị có liên quan thường xuyên trao đổi trực tiếp hoặc trực tuyến, hợp lực thực hiện các đánh giá và đề xuất khuyến nghị về chính sách, chiến lược và kế hoạch quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có tại Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên cho từng thời kỳ khác nhau; trên cơ sở xem xét, cập nhật các thay đổi trong kinh tế vĩ mô cũng như môi trường kinh doanh và tình hình thực tế tại đơn vị.

3. Xem xét, đánh giá các yếu tố tác động và đưa ra khuyến nghị về các giải pháp nhằm bảo đảm cơ cấu hợp lý của Tài sản Nợ, Tài sản Có, cân đối tốc độ tăng trưởng của tài sản trên Bảng Cân đối Kế toán đảm bảo trách nhiệm với khách hàng, phù hợp với kế hoạch, chiến lược phát triển kinh doanh bền vững của Tập đoàn;

3. Ủy ban ALCO tăng cường thực hiện đa dạng hóa các phương thức thông tin trao đổi; thảo luận, xin ý kiến qua thư điện tử Workchat...; tiếp tục và tăng cường việc ứng dụng Power BI vào công tác theo dõi, phân tích đánh giá và xây dựng báo cáo ALCO.

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN

Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn, Quy chế quản trị của Tập đoàn, HĐQT đã bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị Tập đoàn theo quy định. Đến thời điểm ngày 31/12/2021, NPTQTTĐ là lãnh đạo Văn phòng Tập đoàn, lãnh đạo Ban Tuyên giáo – Pháp chế, lãnh đạo Ban Truyền thông thương hiệu có kinh nghiệm về tài chính, đầu tư; tham mưu, tư vấn đề xuất HĐQT trong các hoạt động của Hội đồng quản trị, trong hoạt động quản trị doanh nghiệp.

Nhân sự NPTQTTĐ làm việc tại thời điểm 31/12/2021

Bà Lương Thị Bích Ngọc
Người phụ trách Quản trị Công ty,
kiêm Thư ký Tập đoàn (Người phụ trách chung)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn
Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng, Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp,
Chứng chỉ Kiểm toán viên, Bộ Tài chính

Kinh nghiệm: 17 năm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư, thư ký công ty

Chức vụ đang đảm nhiệm
- Người Phụ trách quản trị Tập đoàn kiêm Thư ký Tập đoàn;
- Phó Chánh Văn phòng Tập đoàn.

Chức vụ công tác đã qua
- Trưởng Ban, Phó Trưởng ban phụ trách Ban Thư ký - Tổng hợp Tập đoàn;
- Phó Chánh Văn phòng Tập đoàn;
- Chuyên viên Ban Đầu tư/Đầu tư dự án/Đầu tư chiến lược Tập đoàn;
- Kiểm toán viên - Công ty Cổ phần Kiểm toán Tư vấn thuế (ATC).

Bà Nguyễn Thanh Hoa
Người phụ trách Quản trị Công ty,
kiêm Giám đốc Ban Truyền thông - Thương hiệu

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Ngân hàng-Tài chính, Cử nhân tiếng Anh Thương mại

Kinh nghiệm: 18 năm trong lĩnh vực Tài chính, Bảo hiểm, Ngân hàng, Quản trị công ty, Quan hệ nhà đầu tư và phát triển bền vững

Chức vụ đang đảm nhiệm
- Giám đốc Ban Truyền thông - Thương hiệu kiêm Người phụ trách quản trị công ty;
- GRI Certified SME Training Course based on G4 reporting Guidelines 28/08/2015;
- VCGI (Vietnam Corporate Governance Initiative) Công bố thông tin theo thẻ điểm quản trị Công ty ASEAN 2017-2018;

Chức vụ công tác đã qua
- Giám đốc Ban Truyền thông Thương hiệu, Tập đoàn Bảo Việt (từ tháng 04/2014 đến nay) kiêm Người phụ trách quản trị Công ty (11/07/2021);
- Trưởng Ban Thư ký Tập đoàn, Tập đoàn Bảo Việt;
- Phó Trưởng Ban Thư ký Tập đoàn, Tập đoàn Bảo Việt;
- Chuyên viên Ban Thư ký Tập đoàn, Tập đoàn Bảo Việt;
- Chuyên viên Phòng Bancassurance, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ;
- Chuyên viên Phòng Nghiên cứu Phát triển Kinh doanh, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ;
- Cán bộ Trợ lý Dự án, Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA Việt Nam).

Nhân sự NPTQTTĐ làm việc tại thời điểm 31/12/2021

Bà Trần Thị Thụy Anh
Người phụ trách Quản trị Công ty,
kiêm Phó Giám đốc Ban Tuyên giáo - Pháp chế

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn
Cử nhân Luật, Cử nhân tiếng Anh, Thạc sỹ Luật kinh tế

Kinh nghiệm: 22 năm

Chức vụ đang đảm nhiệm
- Phó Giám đốc Ban Tuyên Giáo - Pháp chế kiêm Người phụ trách quản trị công ty.

Chức vụ công tác đã qua
- Giám đốc Pháp chế tại Eximbank, Sumitomo Mitsui Banking Coporation và Jaccar Capital Fund, Công ty cổ phần Chứng khoán MB, Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GELEX), Tập đoàn GTNfoods.

HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN NĂM 2021

Năm 2021, Người phụ trách quản trị Tập đoàn thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ và theo chỉ đạo, yêu cầu của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt, cụ thể như sau:

1. Tư vấn Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 theo quy định và các công việc liên quan giữa Tập đoàn Bảo Việt và cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt;
2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông trong năm 2021 theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, phù hợp kế hoạch hoạt động của HĐQT, BKS năm 2021 và tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt;
3. Tham dự và ghi chép, lập biên bản các cuộc họp HĐQT, BKS, ĐHĐCĐ thường niên Tập đoàn Bảo Việt trong năm 2021;
4. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị, ĐHĐCĐ phù hợp với luật pháp; Phối hợp tổ chức triển khai, đôn đốc việc thực hiện các nghị quyết, quyết định, thông báo, kết luận của Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông đảm bảo thời hạn theo quy định;
5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
6. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tập đoàn;
7. Nghiên cứu, đề xuất các khóa đào tạo cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các Ủy viên Ủy ban trực thuộc HĐQT Tập đoàn;
8. Thực hiện công tác lưu trữ, bảo mật các tài liệu, công văn ban hành của ĐHĐCĐ, Hội đồng Quản trị và các văn bản khác theo quy định;
9. Tham mưu, đề xuất HĐQT, BKS trong việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quản trị nội bộ của Tập đoàn phù hợp với các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của Tập đoàn;
10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Với vai trò là cơ quan tham mưu, tư vấn HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị, trong năm 2022, NPTQTTĐ sẽ tiếp tục chủ động tham mưu việc tổ chức các cuộc họp HĐQT hàng quý, các cuộc họp Ban Kiểm soát, tổ chức ĐHĐCĐ năm 2022 và các nội dung khác theo chức năng nhiệm vụ của NPTQTTĐ và theo chỉ đạo của HĐQT.

ỦY BAN CHIẾN LƯỢC VÀ ĐẦU TƯ

THÀNH VIÊN ỦY BAN CHIẾN LƯỢC VÀ ĐẦU TƯ

Ủy ban Chiến lược và Đầu tư trong năm 2021 hoạt động với 01 Chủ nhiệm - là Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt và là Thành viên HĐTV, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt, 01 Ủy viên là đại diện của cổ đông Sumitomo Life; 01 Ủy viên là Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt. Các thành viên Ủy Ban đều có kinh nghiệm chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực xây dựng và quản trị chiến lược, triển khai thực hiện các dự án đầu tư, nâng cao vai trò tham mưu, tư vấn đề xuất HĐQT trong các quyết định liên quan tới chiến lược phát triển và các hoạt động đầu tư của Tập đoàn.

Nhân sự Ủy ban Chiến lược và Đầu tư làm việc tại thời điểm 31/12/ 2021

Ông Nguyễn Đình An
Thành viên HĐQT,
Chủ nhiệm Ủy ban

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn
Thạc sỹ

Kinh nghiệm: 16 năm trong lĩnh vực đầu tư, quản lý quỹ

Chức vụ đang đảm nhiệm
- Thành viên HĐQT TĐBV;
- Thành viên HĐTV/ Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt;
- Thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia;
- Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt
Ủy viên

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn
Thạc sỹ

Kinh nghiệm: 21 năm trong lĩnh vực tài chính kế toán

Chức vụ đang đảm nhiệm
- Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt kiêm Giám đốc Ban Tài chính;
- Ủy viên Ủy ban Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt;
- Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty Bảo Việt Âu Lạc;
- Thành viên Ban Đại diện Quỹ BVIF.

Ông Teruo Shimmen
Thành viên HĐQT,
Ủy viên

Quốc tịch: Nhật Bản

Trình độ chuyên môn
Cử nhân Nghiên cứu quốc tế

Kinh nghiệm: 30 năm trong lĩnh vực bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm
- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt;
- Ủy viên viên Ủy ban Kiểm toán, Ủy viên Ủy ban Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ;
- Trưởng đại diện Văn phòng Sumitomo Life tại Hà Nội.

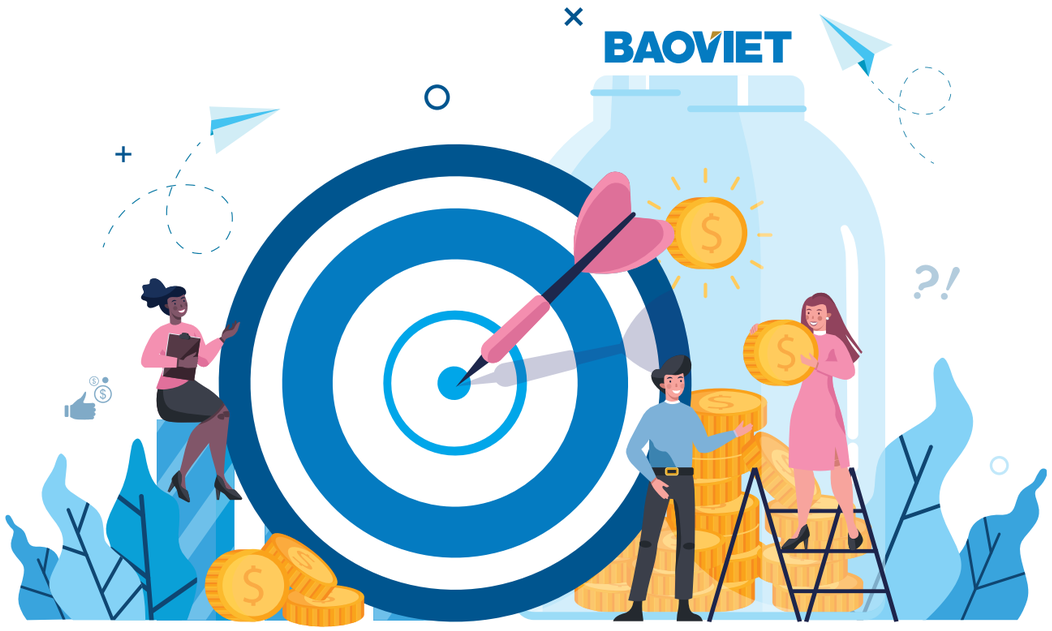

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NĂM 2021

Trong năm 2021, Ủy ban đã tiến hành **08 phiên họp** dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản liên quan đến các nội dung sau:

1. Tạm giao kế hoạch đầu tư Công nghệ thông tin năm 2021 cho Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt;
2. Nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt;
3. Phân loại đầu tư chiến lược và đầu tư tài chính;
4. Thông qua định hướng chiến lược của Tập đoàn Bảo Việt đối với Công ty Chứng khoán Bảo Việt giai đoạn 2021-2025;
5. Phê duyệt chủ trương thuê dịch vụ hạ tầng Trung tâm dữ liệu cho Tập đoàn Bảo Việt;
6. Phê duyệt sửa đổi tạm thời một số quy định của Quy chế Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt (lần 1 và lần 2);
7. Kê khai báo cáo và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý đối với đất tại địa chỉ 220 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội của Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP và NĐ 67/2021/NĐ-CP

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

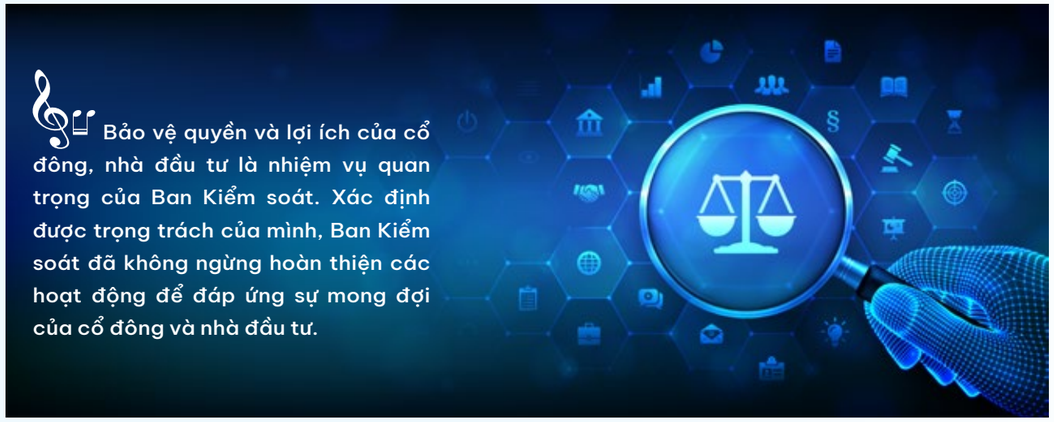

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt (BKS) là một bộ phận trong mô hình quản trị doanh nghiệp, được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Bảo Việt bầu ra, hoạt động của BKS tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và các quy định của pháp luật, quy định nội bộ có liên quan.

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt, BKS có các quyền và nghĩa vụ chính như sau:

1. Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc (TGĐ), người quản lý khác của Tập đoàn trong việc quản lý và điều hành Tập đoàn.
2. Thực hiện giám sát tình hình tài chính Tập đoàn, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và việc lập các báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Tập đoàn; Báo cáo đánh giá công tác quản lý hàng năm và sáu tháng của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tập đoàn.
5. Kiến nghị HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
6. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và các cuộc họp khác của công ty.
7. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn.

NHÂN SỰ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Nhân sự của BKS trong năm 2021 gồm các thành viên sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày được bầu Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên (KSV)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu BVH
1	Ông Ông Tiến Hùng	Trưởng Ban kiểm soát	Ngày 29/11/2012 được bầu KSV Ngày 27/06/2018 được bầu lại KSV Ngày 29/06/2019 được bầu Trưởng BKS	0,0069% (54.239 CP)
2	Bà Trần Thị Phương	KSV	Ngày 27/06/2018 được bầu KSV Ngày 29/06/2021 được miễn nhiệm KSV	0,00% (1.500 CP)
3	Ông Vũ Thanh Hải	KSV	Ngày 29/06/2019 được bầu KSV	0,00% (80 CP)
4	Ông Đinh Hoài Linh	KSV	Ngày 29/06/2021 được bầu KSV	

BKS có 03 KSV, trong đó Trưởng Ban kiểm soát làm việc chuyên trách và 02 KSV kiêm nhiệm. Các KSV đều đủ tư cách và đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện của KSV theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và Quy chế hoạt động của BKS (hiện tại các KSV đều có bằng tốt nghiệp đại học trở lên được đào tạo chuyên ngành kế toán, kiểm toán và thường trú tại Việt Nam; Trưởng Ban kiểm soát được đào tạo chuyên ngành kế toán). Các KSV đều hoạt động độc lập, không giữ các chức vụ quản lý tại Tập đoàn, không làm việc tại bộ phận Kế toán của Tập đoàn hoặc Kiểm toán viên độc lập kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn trong ba năm liền trước.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt (BKS) là một bộ phận trong mô hình quản trị doanh nghiệp, được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Bảo Việt bầu ra, hoạt động của BKS tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và các quy định của pháp luật, quy định nội bộ có liên quan.

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Trong các cuộc họp, các KSV đều tham gia đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao. Việc tổ chức các cuộc họp và ban hành văn bản của BKS đã thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Bên cạnh đó, để thực hiện các công việc khác của BKS, ngoài các cuộc họp trực tiếp, Trưởng Ban kiểm soát đã tổ chức lấy ý kiến của các KSV qua thư điện tử để kịp thời tham gia ý kiến với HĐQT, TGĐ và Ban điều hành.

BKS đã tổ chức 02 phiên họp định kỳ với các nội dung chính như sau:

Ngày họp: 02/06/2021	Nội dung
Số KSV tham dự: 3/3 Tỷ lệ: 100%	**Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS trong Quý I, II/2021 gồm các nội dung:** • Phối hợp với Ban Kế toán, Kiểm toán độc lập đôn đốc thực hiện lập và soát xét, kiểm toán BCTC Quý IV/2020 và BCTC năm 2020. • Thông qua việc sửa đổi bổ sung Quy chế hoạt động của BKS để phù hợp với những thay đổi của Luật Doanh nghiệp (ban hành 2020) có hiệu lực từ 1/1/2021. • Phối hợp với Ban điều hành lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC của TĐBV năm 2021, 2022, 2023. • Thẩm định BCTC riêng năm 2020 của Tập đoàn và ban hành công văn gửi HĐQT về nhận xét, đánh giá của BKS đối với Dự thảo BCTC riêng năm 2020. • Tham gia chuẩn bị Báo cáo quản trị năm 2020 của TĐBV (mảng hoạt động của BKS) • Thông qua dự thảo Báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên 2021. • Đề xuất bổ sung nhân sự cho BKS (do BKS có 01 KSV xin chuyển công tác). • Các KSV tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT, Trưởng BKS tham gia các phiên họp do Tập đoàn tổ chức để nắm bắt tình hình và thực hiện việc giám sát việc quản trị và điều hành Tập đoàn. • Các công việc thường xuyên khác theo chức năng nhiệm vụ của BKS.

Ngày họp:09/09/2021	Nội dung
Số KSV tham dự: 3/3 Tỷ lệ: 100%	**Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS tại kỳ họp gồm các nội dung:** • Tham gia họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020: i) Trình bày Báo cáo của hoạt động của BKS, Báo cáo kết quả giám sát, thẩm định báo cáo tài chính riêng, Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của BKS và KSV, Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2021-2022; ii) Báo cáo ĐHĐCĐTN thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021, 2022, 2023 của TĐBV. • Phối hợp với Ban Kế toán, Kiểm toán độc lập đôn đốc hoàn thiện BCTC riêng và hợp nhất bán niên năm 2021. • Thẩm định BCTC hợp nhất năm 2020 của Tập đoàn và ban hành công văn gửi HĐQT về nhận xét, đánh giá của BKS đối với Dự thảo BCTC hợp nhất năm 2020. • Thẩm định BCTC riêng và hợp nhất bán niên năm 2021 và ban hành công văn gửi HĐQT về nhận xét, đánh giá của BKS đối với Dự thảo BCTC riêng, hợp nhất bán niên năm 2021. • Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi bổ sung lần thứ 5). • Thông qua Kế hoạch hoạt động của BKS giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 - 2022; • Thông qua việc phân công nhiệm vụ cho các KSV (sau khi được ĐHĐCĐ bầu bổ sung thêm 01 thành viên)

Ngày họp:09/09/2021	Nội dung
Số KSV tham dự: 3/3 Tỷ lệ: 100%	• Phối hợp hỗ trợ lập Báo cáo quản trị bán niên năm 2021 của Tập đoàn Bảo Việt (phần hoạt động của BKS). • Các KSV tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT, Trưởng BKS tham gia các phiên họp do Tập đoàn tổ chức để nắm bắt tình hình và thực hiện việc giám sát việc quản trị và điều hành Tập đoàn. • Các công việc thường xuyên khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS.

Một số nội dung khác	Nội dung
Số KSV tham dự: 3/3 Tỷ lệ: 100%	• Phối hợp lập Báo cáo quản trị năm 2021 của Tập đoàn Bảo Việt (phần hoạt động của BKS). • Tham gia giám sát việc kiểm phiếu biểu quyết của Cổ đông Tập đoàn Bảo Việt theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT, TGĐ và Ban Điều hành năm 2021

Trên cơ sở quyền hạn và nghĩa vụ được quy định, BKS đã thực hiện giám sát HĐQT, TGĐ và Những người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành Tập đoàn, cụ thể:

- Giám sát việc tổ chức các phiên họp của HĐQT (thường xuyên và bất thường), việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Tập đoàn Bảo Việt.
- Giám sát việc xây dựng, sửa đổi bổ sung Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị của Tập đoàn để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua.
- Giám sát việc phê duyệt và thực hiện các giao dịch nội bộ, người có liên quan giữa Tập đoàn với các Công ty con, Công ty do Tập đoàn Bảo Việt nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ.
- Giám sát việc kiện toàn quy hoạch nhân sự chức danh Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, TGĐ, Ủy viên Ủy ban thù lao và bổ nhiệm, Trưởng Ban kiểm soát và KSV, Kế toán trưởng Tập đoàn.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành trong năm 2021.
- Giám sát việc xây dựng và tạm giao kế hoạch kinh doanh năm 2022 cho Công ty Mẹ Tập đoàn và các Công ty con.
- Giám sát việc kiểm phiếu biểu quyết của Cổ đông Tập đoàn Bảo Việt theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

- Giám sát các hoạt động của HĐQT, TGĐ, Người quản lý khác trong việc quản lý, điều hành Tập đoàn Bảo Việt trong năm 2021.
- Giám sát việc thực hiện chế độ kế toán và công tác lập, kiểm toán/soát xét báo cáo tài chính; việc thực hiện kiến nghị tại Thư quản lý năm 2020 đối với Tập đoàn của Kiểm toán độc lập.

Qua công tác giám sát, BKS thấy rằng các thành viên HĐQT, TGĐ và những Người quản lý khác đã rất nỗ lực để hoàn thành tốt trách nhiệm của mình trong công tác quản trị điều hành.

Mặc dù điều kiện kinh doanh trong năm 2021 không thuận lợi (dịch Covid tiếp tục bùng phát trên diện rộng với khả năng lây lan nhanh, nguy hiểm hơn), HĐQT, TGĐ và những Người quản lý khác luôn bám sát tình hình thực tiễn, có chỉ đạo kiên quyết, kịp thời, sáng tạo đã động viên được toàn thể CBCNV trong toàn Tập đoàn hoàn thành tốt Kế hoạch kinh doanh năm 2021, cụ thể: Doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2021 ước đạt 50.485 tỷ đồng, hoàn thành 103% kế hoạch năm và tăng trưởng 3% so với năm 2020; lợi nhuận sau thuế hợp nhất ước đạt 1.974 tỷ đồng, hoàn thành 146,3% kế hoạch năm, tăng trưởng 19,7% so với năm 2020. Riêng Công ty Mẹ doanh thu ước đạt1.490 tỷ đồng, tăng trưởng 5,7% so với năm 2020; lợi nhuận sau thuế ước đạt 1.031 tỷ đồng, hoàn thành 100,1% kế hoạch năm, tăng trưởng 1,9% so với năm 2020. Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn qua số liệu báo cáo ước thực hiện đều hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh được giao.

Các Nghị quyết, Quyết định trong quản trị, điều hành của HĐQT, TGĐ ban hành phù hợp với các quy định quản trị nội bộ của Tập đoàn và pháp luật, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông được thực hiện đúng và đầy đủ.

Giám sát quá trình tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và việc thông qua các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021

Qua giám sát BKS thấy rằng việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên và thông qua các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 tại Tập đoàn Bảo Việt đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

Giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021

Tập đoàn đã thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 với các nội dung như sau:

- Năm 2021, Tập đoàn đã thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Tập đoàn thông qua với các nội dung như đã nêu trên.
- Tập đoàn đã hoàn thành việc chi trả cổ tức năm tài chính 2020 theo tỷ lệ 8,895%/mệnh giá cổ phiếu tính trên vốn điều lệ 7.423.227.640.000 đồng với tổng số tiền đã chi trả là 666.977.003.454 đồng và sử dụng lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2020 để trích lập các quỹ theo đúng Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCD-TĐBV ngày 29/06/2021 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (BCTC) VÀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH DOANH

Năm 2021, BKS đã thường xuyên trao đổi, phối hợp tốt với Ban Tài chính, Ban Kế toán, Kiểm toán viên độc lập và các bộ phận có liên quan để thẩm định việc lập, kiểm toán BCTC riêng của Công ty Mẹ và BCTC hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2021.

Qua thẩm định các BCTC riêng, BCTC hợp nhất bán niên năm 2021 của Tập đoàn đã được soát xét, kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán độc lập Ernst & Young Việt Nam (EY Việt Nam), BKS nhận thấy: 1) Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất bán niên năm 2021 đã được lập trên cơ sở lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán, thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý, thận trọng và phù hợp các quy định, các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam; 2) Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất bán niên năm 2021 đã được trình bày rõ ràng các thông tin về các sự kiện trong 6 tháng đầu năm tài chính 2021 theo chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam; 3) BCTC riêng và BCTC hợp nhất bán biên năm 2021 đã được kiểm toán bởi EY Việt Nam và không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán; 4) BKS thống nhất về các số liệu đã được thể hiện trong BCTC riêng và BCTC hợp nhất bán niên năm 2021 của Tập đoàn đã được EY Việt Nam soát xét, kiểm toán.

SỰ PHỐI HỢP CỦA BAN KIỂM SOÁT

BKS với HĐQT, TGĐ và những Người quản lý khác đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Tập đoàn và cổ đông, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và quy định nội bộ.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, BKS thường xuyên trao đổi với các bộ phận chức năng: Ủy ban Kiểm toán, các Ban/Trung tâm/Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ của Tập đoàn để nắm bắt kịp thời các thông tin về việc quản trị, điều hành của HĐQT và TGĐ.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Để hoàn thành tốt vai trò, nhiệm vụ của mình, góp phần nâng cao năng lực trong quản trị, điều hành, nâng cao tính minh bạch nhằm mang lại quyền lợi hợp pháp, tối đa cho Tập đoàn và cổ đông, BKS sẽ tập trung thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ mà Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và các quy chế nội bộ của Tập đoàn quy định, trong đó tập trung vào công tác giám sát tình hình tài chính, thẩm định Báo cáo tài chính của Tập đoàn.
- Nghiên cứu, cập nhật kịp thời các cơ chế chính sách mới ban hành, giám sát, đề xuất, kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp để đảm bảo tuân thủ đầy đủ, kịp thời các quy định của pháp luật và nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Tham gia các lớp đào tạo, cập nhật kiến thức có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát để nâng cao hơn nữa chất lượng công việc thực hiện.
- Phối hợp tốt với HĐQT, TGĐ và các Ban chức năng của Tập đoàn để kịp thời nắm bắt thông tin, tham gia ý kiến nhằm phục vụ tốt hơn nữa công tác quản trị điều hành của Tập đoàn Bảo Việt.

Trên cơ sở kế thừa và phát huy những kết quả đã đạt được trong năm 2021, BKS tin tưởng rằng HĐQT, Ban TGĐ sẽ tiếp tục lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt hoàn thành tốt các mục tiêu, kế hoạch mà ĐHĐCĐ thường niên 2022 thông qua.

TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, BAN KIỂM SOÁT

VỀ CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG

Tiền lương của Thành viên chuyên trách Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được xác định theo quy định của Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính Phủ. Theo đó, tiền lương được gắn với mức độ hoàn thành chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn.

VỀ CHẾ ĐỘ TIỀN THƯỞNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Tiền thưởng năm 2021 của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được chi trả từ nguồn quỹ khen thưởng của người quản lý Tập đoàn. Quỹ khen thưởng của người quản lý Tập đoàn được trích lập từ nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn và được ĐHĐCĐ thông qua tại nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 29/6/2021, bằng: 629,380 triệu đồng, tương đương 0,06% lợi nhuận sau thuế.

VỀ CÁC CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ KHÁC ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, BAN KIỂM SOÁT

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Ban điều hành được hưởng các chế độ đãi ngộ khác bao gồm:

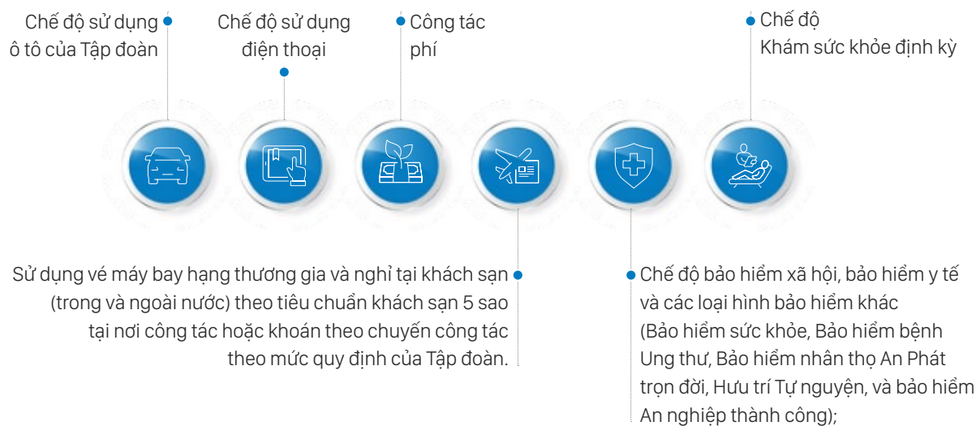

NGUYÊN TẮC CHI TRẢ THÙ LAO

Việc chi trả thù lao hằng tháng đối với Thành viên không chuyên trách HĐQT và Ban Kiểm soát thực hiện theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên hằng năm của Tập đoàn Bảo Việt.

Quỹ thù lao năm 2021 của Thành viên không chuyên trách HĐQT và Ban Kiểm soát của Tập đoàn Bảo Việt do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt cụ thể như sau:

- Mức thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị: 20 triệu đồng/người/tháng;
- Mức thù lao của Thành viên Kiểm soát viên: 10 triệu đồng/người/tháng.

Quỹ thù lao thực hiện năm 2021 được xác định trên cơ sở số người quản lý không chuyên trách thực tế tại các thời điểm trong năm, thời gian làm việc thực tế của từng thành viên và mức thù lao đảm bảo nguyên tắc không vượt quá 20% mức tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý chuyên trách Tập đoàn theo quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ.

THÙ LAO CHI TRẢ TRONG NĂM 2021

Căn cứ nguyên tắc xác định mức thù lao theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành của Tập đoàn, Quỹ thù lao thực hiện năm 2021 đối với thành viên không chuyên trách HĐQT và Ban Kiểm soát được xác định bằng: 1.920.000.000 đồng, trong đó:

- Quỹ thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị: 1.680.000.000 đồng.
- Quỹ thù lao Thành viên Ban Kiểm soát: 240.000.000 đồng.

Bảng chi trả thù lao đối với thành viên không chuyên trách Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021

STT	Họ và tên	HĐQT/BKS	Thù lao đã chi (đồng)
1	Teruo Shimmen	Thành viên HĐQT	240.000.000
2	Kazuhiko Arai	Thành viên HĐQT	120.000.000
3	Kenji Yoneda	Thành viên HĐQT	120.000.000
4	Thân Hiền Anh	Thành viên HĐQT	240.000.000
5	Trần Thị Diệu Hằng	Thành viên HĐQT	240.000.000
6	Nguyễn Xuân Việt	Thành viên HĐQT	240.000.000
7	Đỗ Trường Minh	Thành viên HĐQT	240.000.000
8	Nguyễn Đình An	Thành viên HĐQT	240.000.000
9	Trần Thị Phương	Thành viên BKS	60.000.000
10	Vũ Thanh Hải	Thành viên BKS	120.000.000
11	Đinh Hoài Linh	Thành viên BKS	60.000.000
	Tổng		1.920.000.000

Tiền lương sau thuế TNCN của Tổng Giám đốc và những Người quản lý khác của Tập đoàn năm 2021, như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương đã chi năm 2021 (đồng)
1	Đào Đình Thi	Chủ tịch HĐQT	1.228.757.948
2	Đỗ Trường Minh	Tổng Giám đốc	1.102.092.191
3	Tiến Hùng	Trưởng BKS	825.196.450
4	Nguyễn Xuân Hòa	Kế toán trưởng	990.628.204

HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Năm 2021, tiếp tục chịu sự tác động của dịch bệnh Covid-19 và trước xu hướng chuyển đổi số chung của toàn thế giới, Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ (KTKTNB) Tập đoàn Bảo Việt đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ nhằm chủ động thích ứng với tình hình mới. 100% các cuộc kiểm toán được thực hiện từ xa trong đó ưu tiên việc truy cập trực tiếp vào các hệ thống phần mềm quản lý nghiệp vụ của đơn vị được kiểm toán để lấy mẫu hồ sơ, nhằm tiết kiệm thời gian và nguồn lực. Việc ứng dụng phần mềm Power PI trong phân tích, đánh giá hoạt động kinh doanh, môi trường kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán cũng được đẩy mạnh.

Cung cấp những đánh giá độc lập, khách quan về tính đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp của các đối tượng kiểm toán cho Ủy ban Kiểm toán, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt dựa trên hoạt động đảm bảo và tư vấn nhằm hỗ trợ Tập đoàn đạt được các mục tiêu.

Tham mưu, giúp việc Đảng ủy Tập đoàn Bảo Việt, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Tập đoàn Bảo Việt thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Đảng bộ Tập đoàn theo quy định của Điều lệ Đảng; thực hiện các nhiệm vụ do Đảng ủy, Ban Thường vụ, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Tập đoàn Bảo Việt giao; là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng của Đảng ủy Tập đoàn, đầu mối tham mưu công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của Đảng ủy Tập đoàn.

NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG

ĐỘC LẬP

Xây dựng, đề xuất với Ủy ban Kiểm toán, Hội đồng quản trị phê chuẩn việc lựa chọn quy trình kiểm toán, đối tượng kiểm toán, phạm vi kiểm toán, tần suất kiểm toán, thời điểm kiểm toán.

Thực thi hoạt động kiểm toán, đưa ra các phát hiện, kết luận, phát hành báo cáo kiểm toán.

KHÁCH QUAN

Trung thực, công bằng, không định kiến khi thực hiện nhiệm vụ.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NĂM 2021

Trong năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp và xu hướng chuyển đổi số toàn cầu càng thêm mạnh mẽ, Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt đã triển khai các cuộc kiểm toán theo phương pháp kiểm toán từ xa. Bằng phương pháp này, Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ đã hoàn thành 100% số cuộc kiểm toán được Hội đồng quản trị giao với chất lượng được đảm bảo, tiết kiệm nguồn lực về thời gian và chi phí.

Trong 5 năm liên tiếp thực hiện đảm bảo có giới hạn Báo cáo phát triển bền vững (PTBV) theo Tiêu chuẩn GRI, KTKTNB đã cung cấp những đánh giá độc lập, khách quan về tính chính xác, đầy đủ và thống nhất của số liệu trên Báo cáo Phát triển bền vững, qua đó thể hiện tính nghiêm túc và cam kết cao về Phát triển bền vững của Lãnh đạo Tập đoàn như thông điệp đưa ra. Trên cơ sở thực hiện các thủ tục, phương pháp được quy định tại Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về kiểm toán nội bộ, Quy chế và quy trình kiểm toán nội bộ của Tập đoàn và vận dụng Chuẩn mực 3000 - Hợp đồng dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán và soát xét thông tin tài chính quá khứ (ban hành kèm theo Thông tư số 66/2015/TT-BTC ngày 08/05/2015 của Bộ Tài chính), KTKTNB đã đưa ra ý kiến đảm bảo có giới hạn về các chỉ tiêu Báo cáo phát triển bền vững được lựa chọn, đồng thời khuyến nghị các giải pháp nhằm cải thiện chất lượng Báo cáo Phát triển bền vững hàng năm để phù hợp với Bộ tiêu chuẩn GRI và Công bố bổ sung ngành dịch vụ tài chính của GRI.

GRI 202-1
Tỷ lệ mức lương thỏa thuận của nhân viên tuyển dụng mới theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng.

GRI 404-1
Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên.

GRI 413-1
Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển.

GRI G4 - FS7
Giá trị (bằng tiền) của sản phẩm và dịch vụ được thiết kế phục vụ một lợi ích xã hội nhất định cho từng lĩnh vực kinh doanh phân theo mục đích.

QUY TRÌNH ĐẢM BẢO CÓ GIỚI HẠN BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1 LẬP KẾ HOẠCH

Họp khai mạc với các bên liên quan;

Xác nhận phạm vi đảm bảo có giới hạn và thời gian triển khai;

Thu thập và nghiên cứu tài liệu;

Thực hiện đánh giá rủi ro, xây dựng chương trình đảm bảo, kế hoạch triển khai chi tiết.

2 THỰC HIỆN

Đánh giá tính đầy đủ và hiệu lực của các kiểm soát thiết lập đối với việc:

- Lập Báo cáo PTBV
- Cập nhật nội dung dự thảo Báo cáo PTBV

3 PHÁT HÀNH BÁO CÁO VÀ THƯ ĐẢM BẢO

Lập dự thảo Báo cáo PTBV và thư đảm bảo;

Trao đổi với các bên liên quan;

Phát hành báo cáo và thư đảm bảo.

4 THEO DÕI THỰC HIỆN KHUYẾN NGHỊ

Đánh giá việc thực hiện các khuyến nghị của KTKTNB trong kỳ trước.

Minh họa một số rủi ro có thể xảy ra trong quá trình lập Báo cáo Phát triển bền vững và một số biện pháp kiểm soát rủi ro trọng yếu:

	Mô tả rủi ro	Mô tả biện pháp kiểm soát
THU THẬP THÔNG TIN, SỐ LIỆU	Thông tin, số liệu của các chỉ số PTBV không được thu thập đầy đủ, kịp thời	Thành lập Nhóm thực hiện báo cáo PTBV bao gồm đầy đủ các bộ phận, cá nhân liên quan của Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên, trong đó có Nhóm thành viên chủ chốt chịu trách nhiệm điều phối toàn bộ quá trình lập báo cáo.
KIỂM SOÁT, TỔNG HỢP THÔNG TIN, SỐ LIỆU	Thông tin, số liệu cung cấp không được rà soát để đảm bảo tính chính xác và thống nhất trước khi trình bày báo cáo	Nhóm thành viên chủ chốt rà soát thông tin, số liệu thu thập được về tính đầy đủ, tính chính xác cơ học (cộng ngang, cộng dọc, tỷ lệ %), tính so sánh (so sánh số liệu năm hiện tại với năm liền trước để xác định biến động lớn hoặc bất thường), tính thống nhất (với thông tin, số liệu đã được báo cáo ra bên ngoài).
LẬP VÀ TRÌNH BÀY BÁO CÁO	Thông tin, số liệu được trình bày trên báo cáo PTBV không đầy đủ, không chính xác, không thống nhất, không rõ ràng	1. Nhóm thành viên chủ chốt thực hiện nghiên cứu, ban hành và tổ chức hướng dẫn các thành viên cách thức trình bày báo cáo đối với từng nội dung thông tin, từng chỉ số. 2. Nhóm thành viên chủ chốt thực hiện rà soát toàn bộ nội dung trình bày trên báo cáo để đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, thống nhất, rõ ràng của các thông tin, số liệu trên báo cáo.

Vai trò tư vấn của Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ tiếp tục được nâng cao thông qua việc đóng góp ý kiến cho các văn bản, quy trình, quy chế của Nhà nước và của Tập đoàn Bảo Việt.

- Quy chế quản lý CNTT
- Quy chế trích lập và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển của Tập đoàn Bảo Việt
- Quy chế đào tạo của Tập đoàn Bảo Việt
- Quy định về quản lý hiệu quả làm việc tại Tập đoàn Bảo Việt
- ...

HÀNG CHỤC VĂN BẢN CÓ Ý KIẾN THAM GIA CỦA KTKTNB

- Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung lần thứ 12 của Tập đoàn Bảo Việt
- Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung của BVF, BVL, BVGI, BVI...

Tình hình thực hiện khuyến nghị của đơn vị được kiểm toán:

93% **các khuyến nghị của KTKTNB đã được hoàn thành góp phần ngăn chặn/ giảm thiểu các rủi ro có khả năng ảnh hưởng đến việc hoàn thành mục tiêu của các đơn vị**

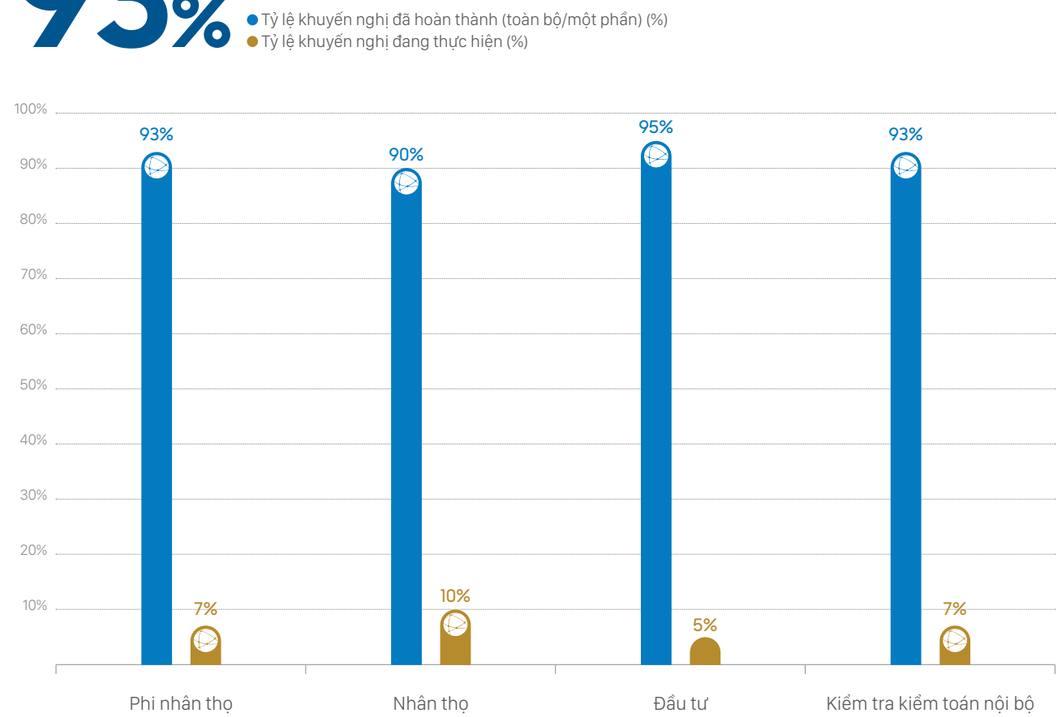

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

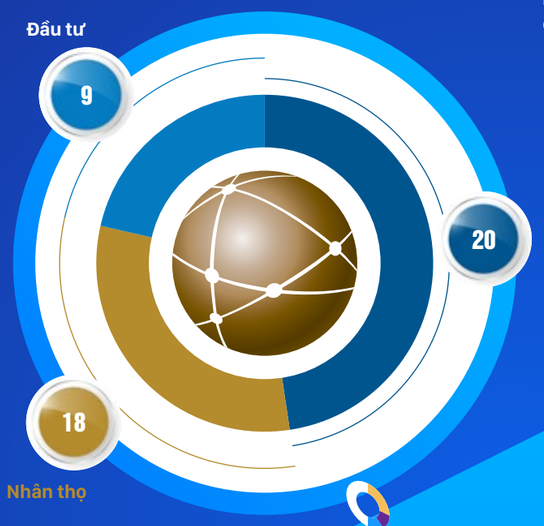

Hoàn thành kế hoạch kiểm toán năm 2022 được Hội đồng quản trị giao

47 CUỘC KIỂM TOÁN theo kế hoạch năm 2022

Liên tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác kiểm toán nội bộ

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC KIỂM TOÁN NỘI BỘ

- Tiếp cận các phần mềm quản lý hoạt động KTNB tiên tiến trong khu vực và trên thế giới
- Xây dựng hệ thống lưu trữ hồ sơ kiểm toán điện tử

Nhằm nâng cao năng suất lao động và tiết kiệm chi phí, Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ tiếp tục xác định chuyển đổi số trong công tác kiểm toán nội bộ là mục tiêu trọng tâm của năm 2022. Để thực hiện việc này, Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ đặt ra kế hoạch tiếp cận các phần mềm quản lý hoạt động KTNB tiên tiến nhằm từng bước tự động hóa công tác kiểm toán. Đồng thời, Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ đã triển khai dự án xây dựng hệ thống lưu trữ hồ sơ kiểm toán điện tử ngay từ những ngày đầu năm 2022 để phù hợp với quy trình kiểm toán từ xa, tiết kiệm thời gian và chi phí in ấn, lưu trữ, bảo quản hồ sơ tài liệu. Việc đổi mới hoạt động kiểm toán theo hướng chuyển đổi số sẽ giúp nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động KTNB, phát hiện kịp thời các rủi ro, lỗ hổng trong quy trình kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, quản trị doanh nghiệp, nhanh chóng đưa ra các ý kiến tư vấn, khuyến nghị để xử lý rủi ro, góp phần hỗ trợ các đơn vị được kiểm toán đạt được các mục tiêu của mình.

QUẢN LÝ RỦI RO

Tầm quan trọng của hoạt động Quản lý rủi ro càng được thể hiện rõ rệt trong giai đoạn kinh tế thế giới và Việt Nam ảnh hưởng nặng nề do đại dịch COVID-19. Các giải pháp quản lý rủi ro được áp dụng linh hoạt trong kịch bản bình thường và khủng hoảng, các rủi ro được nhận diện và báo cáo thường xuyên đến Hội đồng quản trị và Ban điều hành để có hành động xử lý kịp thời.

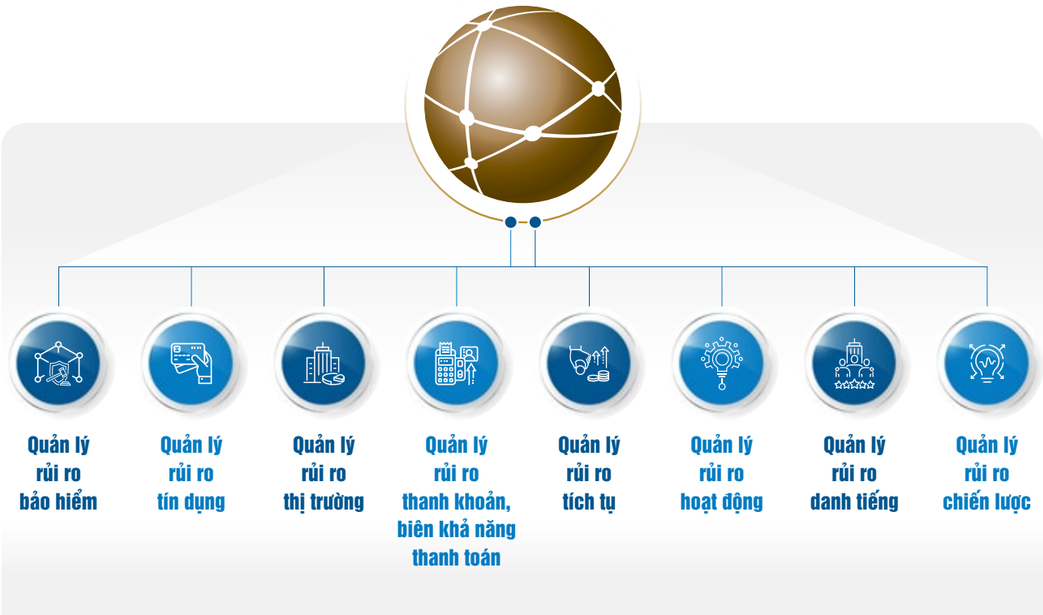

Mục tiêu hoạt động quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt năm 2021

1. Tăng cường phối hợp hoạt động quản lý rủi ro giữa Tập đoàn và các Công ty con để nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý rủi ro toàn Tập đoàn.
2. Duy trì và nâng cao hiệu quả của các cuộc họp RMC tại Tập đoàn và các Công ty con; nâng cao hiệu quả của việc phối hợp hoạt động, trao đổi thông tin giữa ba tầng phòng thủ.
3. Sử dụng phương pháp định tính và định lượng để xác định, đánh giá và giảm thiểu rủi ro; nâng cao khả năng quản lý rủi ro tổng thể, hỗ trợ hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính.
4. Nâng cao hiệu quả của các báo cáo rủi ro để tham mưu, tư vấn cho Ban Điều hành ra quyết định trong hoạt động kinh doanh; bảo đảm các rủi ro trọng yếu được quản lý và xử lý kịp thời.
5. Tăng cường quản lý rủi ro cho toàn hệ thống công nghệ thông tin tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên. Tiếp tục triển khai các biện pháp an ninh, bảo mật và nâng cao tính an toàn của hệ thống, giám sát và cảnh báo rủi ro đối với khách hàng, cán bộ nhân viên và các đơn vị liên quan.

KẾT QUẢ NỔI BẬT CỦA HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RỦI RO NĂM 2021

- Xây dựng Chiến lược Quản lý rủi ro giai đoạn 2021-2025; rà soát Chính sách quản lý rủi ro, Tuyên bố Khẩu vị rủi ro và Hạn mức rủi ro chủ yếu; thực hiện báo cáo rủi ro tháng/quý/năm.
- Tổ chức các cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt và Công ty con theo kế hoạch (bao gồm cả hình thức trực tuyến và trực tiếp).
- Đã phối hợp với Trung tâm Đào tạo xây dựng nội dung và tiến hành đào tạo online (tháng 8/2021) về tuân thủ và quản lý rủi ro.
- Hoàn thành đánh giá, phân loại ngân hàng và xác định hạn mức đầu tư tiền gửi năm 2021 và kỳ rà soát lần 2 (tháng 12/2021).
- Hỗ trợ các Công ty con của Tập đoàn Bảo Việt xây dựng, hoàn thiệncác quy định về quản lý rủi ro và rà soát chính sách quản lý rủi ro, khẩu vị rủi ro.

Năm 2021, Hội đồng Quản lý rủi ro (RMC) Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con đã tổ chức các cuộc họp như kế hoạch đã đề ra để đánh giá, giám sát việc thực hiện QLRR trong toàn hệ thống; tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về quản lý rủi ro, xác định các rủi ro trọng yếu cần tập trung quản lý, tăng cường các chính sách, biện pháp, mô hình để đánh giá và giảm thiểu rủi ro một cách tổng thể, bảo đảm tất cả các rủi ro được quản lý kịp thời, hiệu quả.

Các vấn đề chủ yếu được đề cập, xử lý tại cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro, bao gồm:

- Cập nhật các quy định về quản lý rủi ro, thảo luận nội dung mang tính chiến lược như: Chính sách quản lý rủi ro, Tuyên bố Khẩu vị rủi ro và các Hạn mức rủi ro chủ yếu...
- Rà soát, phân tích, đánh giá các loại rủi ro và đề xuất các biện pháp kiểm soát phù hợp như rủi ro bảo hiểm, rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường và một số rủi ro trọng yếu khác.

Hoạt động kiểm soát rủi ro cũng được thực hiện thông qua việc phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng Quản lý rủi ro với các Ủy ban tại Tập đoàn Bảo Việt cũng như giữa Tập đoàn Bảo Việt với các Công ty con:

- Phối hợp với Ủy ban Chiến lược và Đầu tư trao đổi thông tin, số liệu và đưa ra các kiến nghị, giải pháp liên quan đến quản lý rủi ro trong lĩnh vực chiến lược và đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt;
- Phối hợp với Ủy ban Kiểm toán rà soát các rủi ro trọng yếu tiềm ẩn, đặc biệt là những rủi ro liên quan đến tuân thủ chính sách, chuẩn mực, quy trình và các quy định pháp luật có liên quan để kịp thời đưa ra phương án xử lý phù hợp; phối hợp xây dựng hệ thống chỉ số đo lường rủi ro.
- Phối hợp với Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO) để trao đổi thông tin về rủi ro liên quan đến cân đối Tài sản Nợ - Tài sản Cótại các cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro. Đại diện Hội đồng Quản lý rủi ro đã tham dự các cuộc họp định kỳ của ALCO để tham gia ý kiến và đưa ra các khuyến cáo về các rủi ro liên quan.
- Thành viên thường trực Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro các công ty con để hỗ trợ, tư vấn chuyên môn về quản lý rủi ro tại các đơn vị, đảm bảo hoạt động quản lý rủi ro thống nhất, hiệu quả trong toàn Tập đoàn.
- Các Công ty Con tiếp tục kiện toàn hệ thống quản trị nội bộ, thành lập các Hội đồng, Ủy ban nhằm giúp việc, tư vấn cho Hội đồng thành viên trong hoạt động đầu tư.
- Hệ thống báo cáo rủi ro được thực hiện hàng tháng, hàng quý và đột xuất để các thông tin được báo cáo kịp thời đến Hội đồng quản trị và Ban Điều hành.

Ngoài ra, công tác quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con nhận được hỗ trợ tư vấn từ đối tác cổ đông chiến lược Sumitomo Life trong hoạt động đầu tư, dự báo...

QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM

Năm 2021, Hội đồng Quản lý rủi ro (RMC) Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con đã tổ chức các cuộc họp như kế hoạch đã đề ra để đánh giá, giám sát việc thực hiện QLRR trong toàn hệ thống; tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về quản lý rủi ro, xác định các rủi ro trọng yếu cần tập trung quản lý, tăng cường các chính sách, biện pháp, mô hình để đánh giá và giảm thiểu rủi ro một cách tổng thể, bảo đảm tất cả các rủi ro được quản lý kịp thời, hiệu quả.

Lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ

Lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ đóng góp doanh thu chủ yếu cho toàn hệ thống, chiếm 74% tổng doanh thu của toàn Tập đoàn. Chính vì vậy, công tác quản lý rủi ro tại Bảo Việt Nhân thọ được chú trọng trong lĩnh vực bảo hiểm và đầu tư.

Hệ thống khung quản lý rủi ro tại Bảo Việt Nhân thọ được xây dựng đồng bộ và thống nhất với Tập đoàn bằng hệ thống các văn bản quy định nội bộ được ban hành gồm Quy chế Quản lý rủi ro (bao gồm Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản lý rủi ro), Chính sách Quản lý rủi ro, Tuyên bố Khẩu vị rủi ro và các hạn mức rủi ro chủ yếu, Hệ thống các báo cáo định kỳ.

Bảo Việt Nhân thọ luôn chú trọng đánh giá và giám sát rủi ro bảo hiểm trong quá trình hoạt động kinh doanh,cụ thể: sử dụng các biện pháp/mô hình đo lường rủi ro nội bộ, các phân tích về độ nhạy, phân tích kịch bản và lý thuyết xác suất để xác định mức phí bảo hiểm và danh mục các loại sản phẩm bảo hiểm có thể cung cấp.

Bảo Việt Nhân thọ thực hiện quy định, quy trình chặt chẽ về thiết kế và quản lý sản phẩm; theo dõi kết quả triển khai; định kỳ đánh giá doanh số, lợi nhuận sản phẩm; phân tích kịch bản; kịp thời hoàn thiện sản phẩm, định phí lại khi thực tế khác với giả định.

Ngoài ra, Bảo Việt Nhân thọ xây dựng các hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình phê duyệt các giao dịch có liên quan đến hợp đồng mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức được ban hành cụ thể và chặt chẽ;đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ và xác định nguyên tắc định giá, nguyên tắc tái bảo hiểm và thực hiện chia sẻ rủi ro.

Năm 2021, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, công tác quản lý rủi ro bảo hiểm càng được chú trọng. Để ứng phó với các rủi ro do dịch COVID-19,Bảo Việt Nhân thọ đã thực hiện đồng bộ các giải pháp như:

- Theo dõi chặt chẽ biến động tỷ lệ rủi ro, đánh giá định kỳ để có phương án đề xuất điều chỉnh định hướng kinh doanh sản phẩm phù hợp; rà soát các chính sách, hạn mức rủi rovà điều chỉnh kịp thời để đảm bảo vừa tăng trưởng doanh thu vừa quản lý rủi ro hiệu quả.
- Đánh giá ảnh hưởng của Covid-19 trong các tỷ lệ rủi ro giả định và xem xét chi phí triển khai các kênh phân phối mới trong đánh giá lợi nhuận và định phí sản phẩm mới.

Chú trọng chất lượng công tác đánh giá rủi ro, đặc biệt ở các nhóm có dấu hiệu trục lợi, địa bàn có nhiều hồ sơ trục lợi.

- Triển khai nhiều giải pháp số hóa nhằm giảm tiếp xúc trực tiếp và rút ngắn thời gian thực hiện bao gồm quy trình khai thác, tuyển dụng, thu phí không tiếp xúc (từ kê khai giấy yêu cầu bảo hiểm online, ký điện tử đến thanh toán online, quy trình giải quyết quyền lợi bảo hiểm, chăm sóc khách hàng...)

- Nhiều ứng dụng được nâng cấp và triển khai đồng bộ nhằm nâng cao lợi ích cho khách hàng bao gồm:ứng dụng Loyalty dựa trên công nghệ blockchain dành cho khách hàng thân thiết, ứng dụng MyBVLife - Cổng thông tin khách hàng của Bảo Việt Nhân thọ giúp khách hàng tra cứu thông tin về các hợp đồng bảo hiểm đang tham gia, thanh toán phí bảo hiểm trực tuyến nhanh chóng, thuận tiện và an toàn, tra cứu hóa đơn điện tử và các thông báo thường niên của từng hợp đồng trên ứng dụng.Do đó, năm 2021, các rủi ro bảo hiểm nhân thọ được cơ bản kiểm soát tốt.

Lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ

Lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ là một trong lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Bảo Việt, doanh thu lĩnh vực này đến từ Bảo hiểm Bảo Việt.

Hệ thống khung quản lý rủi ro tại Bảo hiểm Bảo Việt được thiết lập đồng bộ và thống nhất với Tập đoàn bằng hệ thống các văn bản gồm Quy chế Quản lý rủi ro, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản lý rủi ro, Chính sách Quản lý rủi ro, Tuyên bố Khẩu vị rủi ro...

Hoạt động quản lý rủi ro bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt được thực hiện thông qua các quy trình kiểm soát chặt chẽ như: đánh giá rủi ro khi nhận bảo hiểm, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, giải quyết bồi thường, tính toán, phân tích các tỉ lệ kinh nghiệm (theo dữ liệu quá khứ) và định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả của sản phẩm bảo hiểm để điều chỉnh tỷ lệ phí bảo hiểm, điều chỉnh phạm vi bảo hiểm...bảo đảm tỷ lệ tổn thất trong mức độ chấp nhận được.

Bảo hiểm Bảo Việt áp dụng các giải pháp chuyển giao rủi ro để chia sẻ rủi ro với các công ty bảo hiểm khác thông qua đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm và chia sẻ rủi ro với chính người tham gia bảo hiểm, áp dụng mức miễn thường. Chương trình tái bảo hiểm được xây dựng căn cứ vào các yêu cầu luật pháp liên quan, năng lực tài chính, chiến lược kinh doanh, các yêu cầu về biên khả năng thanh toán, danh mục rủi ro, danh mục tổn thất... của Bảo hiểm Bảo Việt.

Đại dịch Covid-19 đã tác động đến doanh thu bảo hiểm do lệnh cách ly xã hội và thu nhập của khách hàng bị giảm sút, tuy nhiên chi phí bồi thường giảm tương ứng. Do đó, lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ vẫn đạt hiệu quả. Về dài hạn, Bảo hiểm Bảo Việt đánh giá, phân tích dữ liệu chi phí điều trị và tử vong liên quan đến đại dịch Covid-19 để có chính sách bán hàng phù hợp. Bảo hiểm Bảo Việt thường xuyên rà soát, kịp thời điều chỉnh giả định tính toán trong thiết kế sản phẩm để đảm bảo trách nhiệm với khách hàng.

Đối với các rủi ro được chấp nhận bảo hiểm, năm 2021, Bảo hiểm Bảo Việt đã xác định lại tỉ lệ phí bảo hiểm áp dụng với từng nhóm rủi ro dựa trên kinh nghiệm tổn thất và dự báo, xu thế của rủi ro, lạm phát, mức độ cạnh tranh, các quy định của pháp luật. Đối với các nhóm rủi ro có tỉ lệ tổn thất và chi phí gia tăng, Bảo hiểm Bảo Việt chỉ chấp nhận bảo hiểm nếu người tham gia bảo hiểm chấp nhận tăng phí bảo hiểm tương ứng hoặc giới hạn phạm vi bảo hiểm, tăng mức miễn thường. Đối với các nhóm rủi ro có tỉ lệ tổn thất vẫn đảm bảo lợi nhuận bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt chủ trương tăng tỷ trọng chấp nhận bảo hiểm để gia tăng thị phần, gia tăng dòng tiền vào để sinh lợi ở hoạt động đầu tư tài chính.

Năm 2021, mặc dù ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19, Bảo hiểm Bảo Việt vẫn cơ bản kiểm soát tốt rủi ro bảo hiểm và đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

QUẢN LÝ RỦI RO TÍN DỤNG

RỦI RO TÍN DỤNG

- Đầu tư tiền gửi
- Đầu tư trái phiếu
- Bảo hiểm
- Giao dịch ký quỹ

**Quản lý rủi ro tín dụng
từ hoạt động đầu tư tiền gửi**

Hoạt động đầu tư tiền gửi được quản lý rủi ro bằng quy định chấm điểm, phân loại các ngân hàng thương mại và công ty tài chính, thiết lập hạn mức đầu tư định kỳ 2 lần/ năm.

Hạn mức đầu tư tiền gửi của Tập đoàn Bảo Việt được rà soát, cập nhật định kỳ 2 lần/ năm. Việc thực hiện hạn mức đầu tư tiền gửi toàn Tập đoàn giúp hạn chế rủi ro tín dụng phù hợp với tình hình kinh tế, tài chính, chính sách vĩ mô và các quy định của pháp luật.

Rủi ro tín dụng được theo dõi, đánh giá thường xuyên và định kỳ trong các Báo cáo rủi ro để đưa ra hành động kịp thời khi đối tác xuất hiện các dấu hiệu suy giảm chất lượng tín dụng.

**Quản lý rủi ro tín dụng
từ hoạt động đầu tư trái phiếu**

Trong hoạt động đầu tư trái phiếu, rủi ro tín dụng chủ yếu xuất phát từ danh mục đầu tư trái phiếu doanh nghiệp. Tuy nhiên, trái phiếu Chính phủ vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng danh mục đầu tư trái phiếu nên hoạt động đầu tư trái phiếu được đánh giá là có mức độ rủi ro trung bình thấp.

Tập đoàn Bảo Việt xây dựng quy định về quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, phê duyệt hạn mức đầu tư từng loại trái phiếu phù hợp với chiến lược đầu tư và cơ cấu tổng tài sản.

**Quản lý rủi ro tín dụng
trong hoạt động bảo hiểm**

Rủi ro tín dụng trong hoạt động bảo hiểm chủ yếu phát sinh tại Bảo hiểm Bảo Việt. Để quản lý rủi ro này, Bảo hiểm Bảo Việt đã ban hành các quy định, hướng dẫn và yêu cầu các bên liên quan tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật về nợ phí bảo hiểm.

Để quản lý rủi ro tín dụng đối với các nhà nhận tái bảo hiểm, việc nhượng tái bảo hiểm chỉ được thực hiện đối với các công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp hạng theo quy định hiện hành.

**Quản lý rủi ro tín dụng
từ hoạt động giao dịch ký quỹ**

Đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để cấp hạn mức ký quỹ phù hợp với khả năng tài chính, tài sản ký quỹ của khách hàng. Định kỳ thực hiện rà soát nhóm các khách hàng có rủi ro tích tụ, tuân thủ theo hạn mức rủi ro BVSC đã ban hành.

Lựa chọn Danh mục chứng khoán được vay ký quỹ theo đúng quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các Sở Giao dịch chứng khoán. Thường xuyên cập nhật thông tin cổ phiếu trên thị trường để sớm nhận diện và đưa ra cảnh báo sớm các mã có dấu hiệu mất thanh khoản, giảm giá kéo dài.

Xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ an toàn, từ đó, thực hiện công tác theo dõi gọi bổ sung ký quỹ để sớm cảnh báo tới khách hàng về tình trạng món vay và tiến hành công tác xử lý tài sản đảm bảo nhằm bảo toàn vốn cho BVSC trong quá trình cho vay ký quỹ.

QUẢN LÝ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

- Lãi suất
- Giá cổ phiếu
- Tỷ giá ngoại tệ
- Giá chứng chỉ quỹ

Rủi ro lãi suất

Lãi suất thay đổi sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty bảo hiểm, quyền lợi của chủ hợp đồngvà giá trị hợp lý của danh mục đầu tư, thu nhập lãi hoạt động tái đầu tư. Trong danh mục đầu tư toàn Tập đoàn, các khoản đầu tư trái phiếu và tiền gửi có lãi suất cố định chiếm tỷ trọng lớn và được nắm giữ phù hợp để đáp ứng các khoản phải trả trong tương lai.

Năm 2021, lãi suất trái phiếu chính phủ và lãi suất huy động của ngân hàng đi ngang ở mức thấp.

Bảo Việt Nhân thọ triển khai tăng tỷ trọng các hợp đồng bảo hiểm có cấu phần không đảm bảo, chia sẻ thu nhập với người tham gia bảo hiểm giúp giảm thiểu rủi ro lãi suất. Đồng thời, Bảo Việt Nhân thọ tăng cường tìm kiếm các cơ hội đầu tư an toàn hiệu quả phù hợp với mục tiêu chiến lược. Bảo Việt Nhân thọ cũng đã ứng dụng mô hình dự báo lãi suất được chuyển giao từ đối tác chiến lược Sumitomo Life để ứng phó kịp thời với diễn biến lãi suất trong tương lai.

Tập đoàn Bảo Việt sử dụng các thước đo Duration và PVO1 để đánh giá độ nhạy của danh mục tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu đối với lãi suất.

Tập đoàn Bảo Việt chú trọng công tác dự báo lãi suất thị trường, thường xuyên rà soát và lựa chọn chiến lược đầu tư, kỳ hạn tái đầu tư hợp lý để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất trong khi vẫn bảo đảm mục tiêu lợi nhuận và bảo đảm tính thanh khoản của Tập đoàn và các Công ty con.

Rủi ro giá cổ phiếu

Danh mục đầu tư cổ phiếu toàn Tập đoàn bao gồm cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Danh mục cổ phiếu niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp từbiến động của thị trường chứng khoán.

Danh mục cổ phiếu chưa niêm yết cũng có thể thay đổi theo điều kiện thị trường và tình hình tài chính của doanh nghiệp đầu tư. Danh mục cổ phiếu của Tập đoàn được đầu tư đa dạng hóa theo các ngành, lĩnh vực khác nhau đảm bảo theo quy định Tập đoàn về hạn mức đầu tư vào một ngành, một công ty hoặc nhóm công ty..

Tại thời điểm ngày 31/12/2021, tỷ trọng cổ phiếu chiếm 2,3% danh mục đầu tư tài chính toàn Tập đoàn.

Đối với danh mục cổ phiếu niêm yết, Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con sử dụng thước đo Giá trị rủi ro ("VaR") để ước tính tổn thất tối đa có thể xảy ra khi có những biến động bất lợi trong khoảng thời gian nhất định (1 ngày, 1 tuần, 1 tháng), với mức độ tin cậy cho trước (95%) và phương pháp phân tích kịch bản "stress-testing" để đánh giá những ảnh hưởng đối với danh mục đầu tư trong các điều kiện thị trường khác nhau.

Đối với danh mục cổ phiếu chưa niêm yết (OTC), Tập đoàn sử dụng phương pháp phân tích cơ bản, theo dõi, giám sát tình hình tài chính và phi tài chính của các doanh nghiệpmà Tập đoàn góp vốn đầu tư thông qua những Người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn tại các doanh nghiệp đó.

Các thước đo/phương pháp nêu trênsẽ được cập nhật trong Báo cáo rủi ro hàng tháng, là cơ sở giúp Ban lãnh đạo đưa ra các quyết định kịp thời.

QUẢN LÝ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con. Đơn vị chịu rủi ro ngoại tệ chủ yếu là Bảo hiểm Bảo Việt, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng của rủi ro này là thấp.

Trong danh mục nợ của Bảo hiểm Bảo Việt, một phần công nợ tái bảo hiểm được quy đổi và chốt theo đồng Đô la Mỹ. Hình thức thanh toán được áp dụng chủ yếu là thanh toán bù trừ và chỉ thực chi phần chênh lệch. Vì vậy, mức độ ảnh hưởng của biến động tỷ giá đối với kết quả kinh doanh của Bảo hiểm Bảo Việt là không đáng kể.

Rủi ro giá chứng chỉ quỹ

Các chứng chỉ quỹ mà Tập đoàn và các Công ty con đầu tư chủ yếu đượcquản lý bởi Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt và được rà soát, đánh giá thường xuyên. Giá trị Tài sản ròng (NAV) trên mỗi chứng chỉ quỹ có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào Giá trị Tài sản và những khoản thanh toán của Quỹ phát sinh tùy từng thời điểm trong quá trình hoạt động của Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu do sự giảm giá của các loại chứng khoán như trái phiếu, cổ phiếu mà Quỹ đã đầu tư. Khi đó, NAV của Quỹ sẽ bị giảm sút và ảnh hưởng trực tiếp đến thị giá của chứng chỉ quỹ.

Việc đầu tư của Quỹ được thực hiện thông qua các nghiên cứu, thẩm định thận trọngvà tuân thủ tiêu chí hoạt động của quỹ nhằm lựa chọn cơ hội đầu tư hiệu quả, tăng trưởng cao với mức rủi ro phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt luôn theo dõi chặt chẽ những biến động và xu hướng của nền kinh tế, cập nhật thường xuyên kết quả kinh doanh và đánh giá triển vọng trong tương lai để xác định những chiến lược đầu tư hiệu quả.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN, BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con quản lý cân đối các nguồn lực tài chính để duy trì biên khả năng thanh toán ở mức phù hợp, đáp ứng quy định hiện hành và nhucầu kinh doanh. Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con tiến hành phân tích dòngtiền ước tính, các nhu cầu thanh toántrong quá khứ để phát hiện những biến động và các nhân tố ảnh hưởng. Mức độ thanh khoản của Tập đoàn được định kỳ rà soát và báo cáo Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO) nhằm đưa ra các biện pháp phù hợp.

Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt luôn duy trì biên khả năng thanh toán tuân thủ quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 và Thông tư số 01/2019/TT-BTC ngày 02/01/2019 của Bộ Tài chính.

QUẢN LÝ RỦI RO TÍCH TỤ

Rủi ro tích tụ có thể phát sinh từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hoạt động đầu tư tài chính.

RỦI RO TÍCH TỤ

- Hoạt động kinh doanh bảo hiểm
- Hoạt động đầu tư tài chính

  - Rủi ro tích tụ được đo lường bằng cơ cấu tài sản, tổng giá trị đầu tư, doanh thu phí bảo hiểm, giá trị chi trả/ bồi thường theo đối tượng khách hàng, theo địa bàn và/ hoặc lĩnh vực kinh doanh.
  - Rủi ro tích tụ được giám sát bằng hệ thống báo cáo từ bộ phận kinh doanh tới Ban điều hành, RMC Tập đoàn và RMC Công ty con.
  - Rủi ro tích tụ được quản lý bằng các hạn mức đầu tư, quy trìnhnghiệp vụ vàthẩm quyền quyết định đầu tư.

Quản lý rủi ro tích tụ từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Tại Bảo hiểm Bảo Việt,rủi ro tích tụ bảo hiểm có thể phát sinh từ các loại hình bảo hiểm như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thủy, bảo hiểm hàng không, bảo hiểm dầu khí, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm con người, bảo hiểm kỹ thuật... Do vậy, ngoài rủi ro tích tụ cùng loại rủi ro, Bảo hiểm Bảo Việt còn đối mặt với rủi ro tích tụ từ các loại rủi ro liên quan, như bảo hiểm đồng thời tàu và hàng, bảo hiểm đồng thời tài sản và con người... Bảo hiểm Bảo Việt đã có quy định về quản lý rủi ro tích tụ và mua các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ để giới hạn mức trách nhiệm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Tại Bảo Việt Nhân thọ, chiến lược khai thác bảo hiểm đảm bảo những rủi ro bảo hiểm được đa dạng cả về loại hình và quyền lợi bảo hiểm. Hoạt động khai thác bảo hiểm được triển khai ởtất cả các ngành, vùng lãnh thổ, đặc thù về sức khỏe, nghề nghiệp của những người làm việc trong từng ngành.Các vụ bồi thường thực tế và quy trình định giá các sản phẩm bảo hiểm, quy trình giải quyết bồi thường được rà soát thường xuyên. Đồng thời,các hạn mức khai thác bảo hiểm được thực hiện nhằm đảm bảo các tiêu chí lựa chọn rủi ro phù hợp.

Quản lý rủi ro tích tụ từ hoạt động đầu tư tài chính

Tập đoàn và các Công ty Con quản lý rủi ro tập trung bằng các hạn mức rủi ro, được cập nhật hàng năm. Nhằm giảm thiểu rủi ro tích tụ trong đầu tư, chiến lược đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt dựa trên nguyên tắc đa dạng hóa danh mục đầu tư:

- Đa dạng hóa với nhiều loại tài sản đầu tư (ví dụ như đầu tư vào: cổ phiếu, trái phiếu, tiền gửi, chứng chỉ quỹ...);
- Đa dạng hóa với một loại tài sản (ví dụ đầu tư trái phiếu bao gồm: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp hoặc trái phiếu chính quyền địa phương...);
- Đa dạng hóa ngành nghề: mở rộng phạm vi đầu tư vào các công ty, lĩnh vực không có sự liên kết, sở hữu chéo với nhau...;
- Đa dạng hóa theo vốn hóa thị trường: Phân bổ danh mục đầu tư vào các cổ phiếu của công ty có quy mô khác nhau.

QUẢN LÝ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động được báo cáo trong bảng đánh giá rủi ro tại các cuộc họp RMC Tập đoàn và RMC Công ty con. Mỗi loại rủi ro hoạt động chính đều có các tiêu chí nhận diện, đánh giá cụ thể, các rủi ro trọng yếu trong kỳ được phân tích và đưa ra hành động cần thực hiện nhằm giảm thiểu tổn thất từ rủi ro này.

Năm 2021, tình hình dịch bệnh kéo dài với nhiều biến chủng mới, có tốc độ lây nhiễm cao và các biện pháp giãn cách xã hội kéo dài khiến nhu cầu làm việc online tăng cao, ảnh hưởng tới hiệu suất hoạt động của hệ thống công nghệ thông tin, có thể gây gián đoạn hệ thống cục bộ vào thời gian cao điểm có thể tác động tới việc duy trì hoạt động kinh doanh liên tục và năng suất lao động...

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

- Báo cáo & Kiểm soát tài chính
- Pháp lý, tuân thủ
- Con người
- Quy trình, quy chế
- Hệ thống CN thông tin

Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện các giải pháp để vừa đảm bảo tuân thủ những quy định về phòng chống dịch bệnh, bảo đảm sức khỏe cho người lao động, tạo môi trường làm việc an toàn để duy trì các hoạt động kinh doanh tại các đơn vị trong Tập đoàn.

Bảo Việt cũng đã thực hiện chuyển đổi số sâu rộng trên hệ thống để thích ứng linh hoạt trong đại dịch Covid19, đảm bảo các rủi ro an toàn, bảo mật thông tin được giám sát và xử lý kịp thời, cụ thể:

- Rà soát, bố trí nhân sự dự phòng; ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ làm việc trực tuyến, từ xa cho hầu hết các mảng nghiệp vụ.
- Tăng cường bảo mật và an toàn hệ thống thông tin. Chú trọng đầu tư hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin theo chuẩn mực quốc tế, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, hiệu quả và an toàn và thực hiện các giải pháp, chiến lược phù hợp nhằm theo kịp xu hướng phát triển và sự hội nhập của Việt Nam với thế giới.
- Truyền thông, hướng dẫn người dùng thường xuyên cập nhật các phần mềm bảo mật; thực hiện một giải pháp bảo mật đáng tin cậy cho các thiết bị, kể cả điện thoại di động.
- Đội ngũ chuyên trách An toàn thông tin luôn theo dõi các xu hướng và những cuộc tấn công mới nhất để nắm bắt tình hình, đồng thời liên tục khuyến khích nhân viên báo cáo các phát hiện và liên hệ đáng ngờ.
- Quản lý an toàn thông tin theo một kiến trúc quản lý rủi ro an ninh mạng tổng thể với tiêu chuẩn ISO 27001 và định hướng áp dụng giải pháp Zero trust.

QUẢN LÝ RỦI RO DANH TIẾNG

Tập đoàn Bảo Việt quản lý các rủi ro danh tiếng thông qua việc theo dõi thái độ, phản ứng của các bên liên quan gồm cơ quan quản lý, khách hàng, cơ quan truyền thông, báo chí và người lao động đối với uy tín, thương hiệu của Tập đoàn;

Rà soát, điều chỉnh các quy định nội bộ bảo đảm tuân thủ pháp luật và phù hợp với thực tiễn kinh doanh; xây dựng các biện pháp quản lý, kiểm soát an toàn hệ thống CNTT.

Tổ chức đào tạo và truyền thông cho các cán bộ và lãnh đạo trong Tập đoàn về Xử lý khủng hoảng truyền thông và các khóa đào tạo chuyên đề về quản lý rủi ro danh tiếng.

QUẢN LÝ RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Tập đoàn Bảo Việt quản lý rủi ro chiến lược thông quaviệc đo lường, giám sát các chỉ số tài chính và phi tài chính kết quả thực hiện chiến lược; phân tích kịch bản sự biến động các nhân tố kinh tế vĩ mô và các nhân tố nội tại để kịp thời rà soát, điều chỉnh chiến lược phù hợp. Phân tích, đánh giá các ảnh hưởng của rủi ro an toàn thông tin liên quan đến chuyển đổi số và tự động hóa các hoạt động kinh doanh để xác định các mục tiêu chiến lược hiệu quả.

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỦI RO NĂM 2022

- Thực hiện chiến lược Quản lý rủi ro giai đoạn 2021-2025;Tiếp tục cập nhật, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định về Quản lý rủi ro tại Tập đoàn và các Công ty Con gồmChính sách quản lý rủi ro, Tuyên bố Khẩu vị rủi ro và các hạn mức rủi ro chủ yếu, và các quy định khác.
- Tổ chức các cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con theo kế hoạch.
- Chú trọng quản lý các rủi ro chủ yếu; tiếp tục duy trì hệ thống báo cáo rủi ro hàng tháng, quý. Ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động quản lý rủi ro.
- Tăng cường hoạt động quản lý rủi ro trong giai đoạn Chuyển đổi số tại Tập đoàn và các Công ty Con, đặc biệt chú trọng thực hiện chính sách An ninh bảo mật và an toàn hệ thống thông tin; diễn tập tình huống hệ thống công nghệ thông tin xảy ra sự cố.
- Thường xuyên nhận diện, đánh giá rủi ro do dịch Covid-19, biến động chính trị thế giới và các rủi ro mới khác làm tác động đến nền kinh tế Việt Nam và các lĩnh vực kinh doanh thuộc hệ thống Bảo Việt.
- Tổ chức các khóa đào tạo nội bộ, đào tạo chuyên sâu về quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con.

5

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CON SỐ VÀ SỰ KIỆN TIÊU BIỂU NĂM 2021

TĂNG TRƯỞNG KINH DOANH BỀN VỮNG

147.238
Đầu tư trở lại nền kinh tế

50.380
Tỷ đồng
Doanh thu hợp nhất
↗2,8%

gần **9.500**
Tỷ đồng
Chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông

gần **700**
Tỷ đồng
Cổ tức chi trả trong năm 2021

CHUNG TAY BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

500 POSTER
Truyền thông về việc sử dụng hợp lý nguồn năng lượng trên toàn Hệ thống Bảo Việt

360
Bản tin qua kênh workplace toàn hệ thống truyền thông về vấn đề phát triển bền vững

5s
Đẩy mạnh Thực hành 5s tại Môi trường làm việc, triển khai BVoffice giảm lượng giấy thải

Tiết giảm
7.000 m^3
lượng nước thải ra môi trường trên toàn hệ thống Bảo Việt

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

11.447
LƯỢT ĐÀO TẠO
cho 6.530 cán bộ

183.649
GIỜ ĐÀO TẠO
Cho cán bộ nhân viên

108.524
GIỜ ĐÀO TẠO
Chuyên môn nghiệp vụ

95,5%
CÁN BỘ NHÂN VIÊN
Tham gia hoạt động cộng đồng năm 2021

ĐÓNG GÓP CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CỘNG ĐỒNG

18006966
ra mắt TỔNG ĐÀI TƯ VẤN
sức khỏe gia đình miễn phí

35
Tỷ đồng
Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia

18 Tỷ VNĐ
Đầu tư cho chương trình học bổng an sinh Giáo dục từ năm 2005

3.700
HỘ NGHÈO
được khám chữa bệnh miễn phí

2.000
ĐƠN VỊ MÁU
được hiến tặng cho bệnh nhân

GẮN KẾT PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

ISO **19600**
TIÊU CHUẨN
Được tuân thủ trong tổ chức đào tạo

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ Thường trực về PTBV (Core Team) với **18** THÀNH VIÊN

27
QUY ĐỊNH ISO
Điều chỉnh quá trình tác nghiệp nghiệp vụ quan trọng

TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI BẢO VIỆT

Thông qua quá trình trao đổi, tiếp xúc với các bên liên quan, phân tích các tác động của Bảo Việt, ảnh hưởng và cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững, từ đó Bảo Việt đã hoàn thiện mô hình phát triển bền vững với tầm nhìn đến năm 2025.

Hoạt động phát triển bền vững được Bảo Việt chia sẻ tích cực và chủ động với các bên liên quan nhằm nhận diện những vấn đề được các bên quan tâm. Những vấn đề này tiếp tục được chúng tôi đánh giá và xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp, từ đó xác định ra các vấn đề trọng yếu để thực hiện rà soát, cải tiến cũng như thể hiện trong Báo cáo Phát triển bền vững 2021.

Báo cáo phát triển bền vững của Bảo Việt ghi lại những hoạt động quan trọng của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên của Bảo Việt liên quan đến các vấn đề về phát triển bền vững trong năm 2021. Cách tiếp cận với các vấn đề phát triển bền vững của Bảo Việt xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong dài hạn của doanh nghiệp kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, từ đó đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng.

Tại Báo cáo thường niên 2021, Bảo Việt đã tích hợp việc trình bày các nội dung về phát triển bền vững xuyên suốt từ định hướng chiến lược đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 đến các hoạt động kinh doanh hàng ngày tại Bảo Việt và các đơn vị thành viên. Nội dung Phát triển bền vững tại Chương V Báo cáo thường niên 2021 tập trung vào các hoạt động thực hiện trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường, bao gồm các chỉ tiêu thuộc các lĩnh vực trọng yếu được Bảo Việt ưu tiên triển khai trong năm 2021 được rà soát và đảm bảo bởi Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt.

Nội dung phát triển bền vững được Bảo Việt lập thành Báo cáo độc lập theo Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững mới nhất - GRI Sustainability Reporting Standards của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI).

TỔNG QUAN MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI BẢO VIỆT

Bảo Việt luôn gắn liền Tăng trưởng kinh tế với Bảo vệ môi trường và Trách nhiệm xã hội - ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của Bảo Việt. Trong đó, mục tiêu kinh tế là mục tiêu quan trọng nhất của Bảo Việt vì việc thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

CAM KẾT VÀ ĐỊNH HƯỚNG TỪ BAN LÃNH ĐẠO

Nhằm đảm bảo thực hiện định hướng chiến lược về phát triển bền vững của Bảo Việt, trong năm 2021, Ban điều hành đã bám sát theo chỉ đạo và định hướng của Hội đồng Quản trị, tích cực triển khai các hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Với mong muốn đem lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng, Bảo Việt cũng thực hiện đầu tư vào các dự án vì cộng đồng. Bảo Việt thay mặt các cổ đông thực hiện các dự án nhằm tối đa hóa giá trị mang lại cho người dân địa phương và gia tăng mức độ ảnh hưởng tích cực của Bảo Việt đối với con người và môi trường tại địa phương đó.

Về các hoạt động vì cộng đồng, thực hiện trách nhiệm xã hội

Trong bối cảnh dịch bệnh, để hỗ trợ khách hàng thăm khám sức khỏe, Bảo Việt đã thúc đẩy hợp tác cùng các doanh nghiệp lớn về công nghệ bảo hiểm số uy tín, trong đó có Tập đoàn Hitachi triển khai tính năng "Sức khỏe là Vàng" trên Baoviet Direct - ứng dụng nền tảng công nghệ trí thông minh nhân tạo (AI) - phân tích các chỉ số, thói quen sinh hoạt, các chỉ số xét nghiệm, tiền sử bệnh đã có để đưa ra đánh giá các rủi ro sức khỏe tiềm ẩn... Đồng thời triển khai dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến ứng dụng BaoViet Mydoctor tích hợp trên website https://baovietonline.com.vn/; khách hàng sẽ được kết nối thăm khám với hệ thống bác sĩ đa khoa, bác sĩ chuyên khoa hàng đầu tại Việt Nam thông qua video call trực tiếp, dễ dàng nhận tư vấn và kê đơn trực tuyến mọi lúc mọi nơi.

Bên cạnh đó, nhằm đáp ứng nhu cầu gia tăng bảo vệ và chăm sóc y tế, đặc biệt trong bối cảnh các rủi ro đang gia tăng như hiện nay, Bảo Việt Nhân thọ đã triển khai giải pháp tài chính mới "An Khang Hạnh Phúc", bảo vệ trọn đời và toàn diện trước các rủi ro trong cuộc sống, đặc biệt bảo vệ bệnh ung thư ngay từ giai đoạn đầu, đột quỵ, nhồi máu cơ tim và các quyền lợi chăm sóc y tế ưu việt.

Bảo Việt đầu tư phát triển các sản phẩm vi mô như bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm học sinh, bảo hiểm xe cơ giới nhằm giúp khách hàng thu nhập thấp, ở các khu vực nông thôn có thể tiếp cận các dịch vụ bảo hiểm cho cuộc sống và hoạt động sản xuất, nông nghiệp. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng san sẻ với xã hội khi nghiên cứu và phát triển sản phẩm bảo hiểm hưu trí nhằm đem lại nguồn thu nhập ổn định của người lao động sau khi về hưu, gắn kết doanh nghiệp với người lao động đồng thời góp phần giảm bớt áp lực về ngân sách bảo hiểm xã hội của Nhà nước.

Về các hoạt động bảo vệ môi trường, xanh hóa hoạt động kinh doanh

Nhận thức được tác động từ biến đổi khí hậu và hoạt động của con người đối với môi trường, Bảo Việt đã tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm số hóa các giao dịch, hoạt động để giảm thiểu tác động đến môi trường, nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng trong hoạt động kinh doanh. Năm 2021, các vấn đề Quản trị - Xã hội và Môi trường được Bảo Việt chú trọng lồng ghép trong hoạt động đánh giá chuỗi cung ứng và đánh giá rủi ro hoạt động thông qua việc gắn kết các ràng buộc trách nhiệm trong các hợp đồng thương thảo với nhà thầu chính; Các quy trình quản lý đầu tư dự án và quy trình đầu tư góp vốn cổ phần.

Bảo Việt hiểu rằng để xây dựng nên một tương lai tốt đẹp, cần sự nỗ lực của tất cả chúng tôi từ ngày hôm nay, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò như một nhân tố tích cực trong việc hiện thực hóa tương lai này. Và để làm được, chúng tôi cũng cần xây dựng lộ trình cụ thể nhằm bù đắp lại những thiếu hụt về nguồn lực tài nguyên mà con người đã khai thác quá mức trong quá khứ và trong hiện tại.

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI KINH TẾ

1. Đóng góp cho sự phát triển kinh tế chung
2. Góp phần phát triển kinh tế địa phương
3. Tiên phong triển khai các chủ trương của Nhà nước

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI

1. Tạo công ăn việc làm
2. Chia sẻ gánh nặng trước những bất trắc liên quan đến sức khỏe, tài sản của khách hàng
3. Chung tay vì một cộng đồng phát triển

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

1. Giảm thiểu tác động từ xả thải và tiêu thụ năng lượng
2. Xanh hóa hoạt động kinh doanh
3. Lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ

300.000
Lao động

200
Chi nhánh

700
Phòng giao dịch

Đóng góp cho sự phát triển kinh tế chung

Hoạt động trong lĩnh vực Bảo hiểm - Đầu tư - Tài chính - Ngân hàng, sự tăng trưởng của Bảo Việt có đóng góp quan trọng cho ngành tài chính - bảo hiểm nói riêng và nền kinh tế đất nước nói chung.

Góp phần phát triển kinh tế địa phương

Với gần 300.000 lao động, trên 200 chi nhánh và hơn 700 phòng giao dịch của bảo hiểm trên 63 tỉnh thành, Bảo Việt cung cấp sản phẩm cho người dân cả nước, góp phần tạo công ăn việc làm cho người lao động, đóng góp cho sự tăng trưởng của các nhà cung cấp địa phương và đóng góp cho ngân sách địa phương.

Tiên phong triển khai các chủ trương của Nhà nước

Bảo Việt luôn đi đầu trong việc thực hiện các chủ trương chính sách của nhà nước, thực hiện các chương trình bảo hiểm mang tính xã hội, chương trình bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm khai thác thủy sản, bảo hiểm rủi ro thiên tai.

TÁC ĐỘNG TỚI MÔI TRƯỜNG

Giảm thiểu tác động từ xả thải và tiêu thụ năng lượng

Với 90% danh mục đầu tư cổ phần, vốn góp của Bảo Việt tập trung vào các ngành kinh doanh cốt lõi là bảo hiểm - đầu tư, tài chính, ngân hàng - những ngành nghề thân thiện với môi trường. Do vậy, các tác động đến môi trường của Bảo Việt chủ yếu thông qua hoạt động xả thải và tiêu thụ năng lượng tại 200 chi nhánh và 700 điểm giao dịch,...

Nhằm giảm thiểu tác động này, Bảo Việt đã xây dựng đề án bảo vệ môi trường tại các trụ sở văn phòng của Bảo Việt và được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt. Đề án này bao gồm các phân tích nguồn chất thải có khả năng gây hại tới môi trường, Bảo Việt cũng tiến hành lập báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng quý tại tòa nhà văn phòng làm việc của Bảo Việt và các giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm.

TÁC ĐỘNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI

Bảo Việt luôn chú trọng thực hiện mục tiêu phát triển cộng đồng vì một cộng đồng phát triển lành mạnh, an toàn và giàu có là điều kiện quan trọng để doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, dịch vụ tài chính như Bảo Việt có thể phát triển và phục vụ lâu dài.

Tạo công ăn việc làm và thúc đẩy các chính sách phát triển bền vững trong hệ thống

Với hoạt động rộng khắp cả nước, Bảo Việt góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương. Đồng thời những định hướng phát triển bền vững của Bảo Việt khi được triển khai xuống các đơn vị và thực hiện bởi các cán bộ sẽ tạo ra hiệu ứng lan tỏa trên khắp cộng đồng.

Chia sẻ gánh nặng trước những bất trắc liên quan đến sức khỏe, tài sản của khách hàng

Với cơ sở hơn 17 triệu khách hàng, Bảo Việt cung cấp các sản phẩm bảo hiểm - tài chính đa dạng, đem lại sự an tâm cho khách hàng trước những rủi ro trong cuộc sống. Bên cạnh đó, các sản phẩm bảo hiểm vi mô vẫn được Bảo Việt triển khai hàng năm nhằm giúp khách hàng thu nhập thấp, ở các khu vực nông thôn có thể tiếp cận các dịch vụ bảo hiểm cho cuộc sống và hoạt động sản xuất, nông nghiệp.

Chung tay vì một cộng đồng phát triển

Tính đến nay, Bảo Việt đầu tư hơn 400 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội, tập trung cho công tác xóa đói giảm nghèo cho đồng bào tại địa bàn khó khăn; đầu tư xây dựng trường học, các chương trình học bổng dành cho trẻ em nghèo hiếu học. Với hành động thiết thực, Bảo Việt mong muốn chung tay cùng cộng đồng doanh nghiệp, các bộ, ngành triển khai tích cực Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, hoàn thành các chỉ tiêu đã được Quốc hội giao.

Bảo Việt đầu tư cho các hoạt động an sinh xã hội
(Tỷ đồng) **400**

GẮN KẾT MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG

Vấn đề môi trường được Bảo Việt đưa vào trong các nội dung trao đổi liên quan đến phát triển bền vững và đánh giá dựa trên mức độ quan tâm của các bên. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, các tác động trực tiếp đến môi trường trong quá trình vận hành của Bảo Việt là không đáng kể. Tuy nhiên, chúng tôi hiểu rằng việc giám sát quá trình sử dụng nguồn năng lượng, tài nguyên thiên nhiên, ứng dụng công nghệ giảm thiểu tác động đến môi trường và triển khai các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu là những hành động nhỏ nhưng vô cùng cần thiết giúp xanh hóa hoạt động kinh doanh, bảo vệ môi trường chung của cộng đồng.

Biến đổi khí hậu là một trong những thách thức lớn nhất của nhân loại thế kỷ 21. Theo các chuyên gia, cộng đồng doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong ứng phó biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, nhận thức về biến đổi khí hậu của các doanh nghiệp còn hạn chế, chưa đồng đều gây ảnh hưởng đến mục tiêu tăng trưởng xanh. Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ tài chính nên Bảo Việt tác động không đáng kể đến môi trường, tuy nhiên chúng tôi luôn chú trọng giám sát việc sử dụng nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên qua đó góp phần giảm thiểu cường độ phát thải khí nhà kính và các tác động đến môi trường và cộng đồng.

Trong quá trình hoạt động, Bảo Việt hiểu rằng khi doanh nghiệp thay đổi, cân đối các nguồn năng lượng do doanh nghiệp trực tiếp hoặc gián tiếp tiêu thụ có thể giúp giảm thiểu tác động môi trường.

Chúng tôi tin rằng, mục tiêu môi trường của Bảo Việt sẽ trở nên dễ dàng hơn khi các bên liên quan, đặc biệt là các bên nằm trong chuỗi giá trị của Bảo Việt cùng tham gia thực hiện gắn kết mục tiêu môi trường trong các hoạt động kinh doanh. Từ đó giảm thiểu sử dụng các nguồn năng lượng, tài nguyên, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, góp phần bảo vệ môi trường.

GIẢI PHÁP GIÁM SÁT VÀ KIỂM SOÁT TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

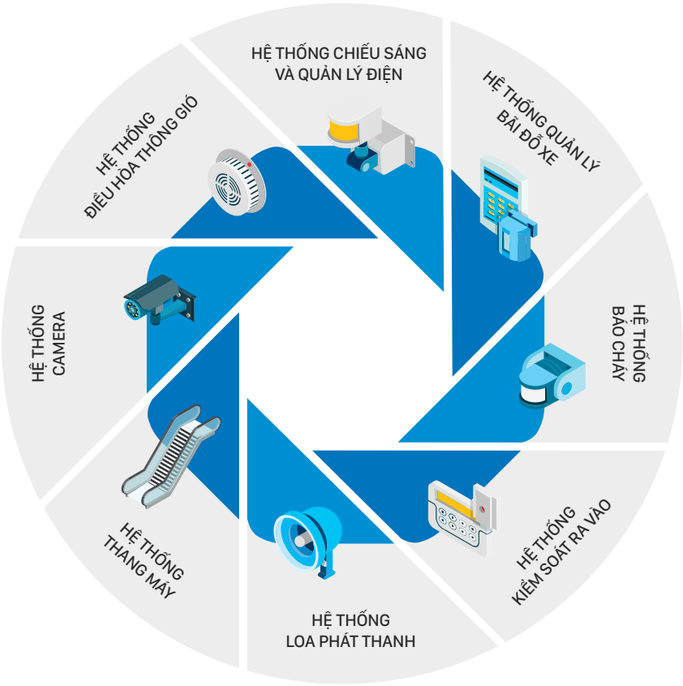

Nhận thức được những tác động từ biến đổi khí hậu và hoạt động của con người đối với môi trường, Bảo Việt đã tăng cường truyền thông nội bộ nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ nhân viên thông qua việc tiết kiệm năng lượng tiêu thụ tại trụ sở chính và các chi nhánh trong toàn hệ thống. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, nhằm số hóa các giao dịch hoạt động, giảm lượng giấy thải ra môi trường.

Để giám sát và sử dụng năng lượng, bên cạnh việc nâng cao ý thức của cán bộ, Bảo Việt xác định việc ứng dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến sẽ là công cụ hỗ trợ tiết kiệm năng lượng. Các Tòa nhà Bảo Việt đã áp dụng và phát huy hiệu năng của hệ thống BMS (Building Management System), là một hệ thống đồng bộ cho phép điều khiển và quản lý mọi hệ thống kỹ thuật trong toà nhà như hệ thống điện, hệ thống cung cấp nước sinh hoạt, điều hoà thông gió, cảnh báo môi trường, an ninh, báo cháy - chữa cháy v.v..., đảm bảo cho việc vận hành các thiết bị trong tòa nhà được chính xác, kịp thời.

Về không gian làm việc, các phòng làm việc tại Bảo Việt đều có khả năng mở cửa sổ kính hợp lý kết hợp các hình thức che nắng để vừa được thông thoáng, chiếu sáng tự nhiên và hạn chế nóng khi cần, hạn chế được ảnh hưởng của bức xạ mặt trời, vừa chống mất nhiệt khi có điều hòa không khí.

Khi tiến hành cải tạo các khu vực văn phòng, Bảo Việt đều yêu cầu đơn vị thi công cung cấp giải pháp hạn chế tăng nhiệt độ trong nhà do hiệu ứng nhà kính gây ra khi có mảng kính lớn, hoặc kết cấu bao che chủ yếu bằng kính.

Năm 2021, Bảo Việt tiếp tục duy trì Hợp đồng tư vấn đánh giá kiểm tra vận hành kỹ thuật và dịch vụ quản lý tòa nhà với Công ty Cổ phần Quản lý và khai thác Tòa nhà (PMC) - đơn vị vận hành quản lý tòa nhà chuyên nghiệp. Đơn vị tư vấn PMC định kỳ hàng Quý sẽ kiểm tra thực địa và lập báo cáo tư vấn chi tiết về việc vận hành hệ thống kỹ thuật và dịch vụ quản lý tòa nhà nhằm đưa ra các khuyến nghị giúp cho Bảo Việt có phương án vận hành tối ưu, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu nguy cơ hỏng hóc thiết bị, tiết giảm chi phí sửa chữa thay thế qua đó kéo dài tuổi thọ của Tòa nhà.

GIẢI PHÁP TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH

- Tổ chức quản lý, vận hành hợp lý theo nhu cầu sử dụng;
- Chế độ bảo trì cho toàn bộ hệ thống sau khi đưa vào sử dụng;
- Định kỳ làm vệ sinh các dàn trao đổi nhiệt, đặc biệt các giàn nóng giải nhiệt gió không để bám bụi bẩn làm giảm khả năng trao đổi nhiệt của giàn;
- Đảm bảo chất lượng nước mềm cho các hệ thống máy lạnh giải nhiệt nước (water chiller);
- Duy tu, sửa chữa các hỏng hóc kịp thời để tránh tổn thất năng lượng cho hệ thống;
- Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp để quản lý và vận hành một cách đúng đắn, khoa học hệ thống điều hòa không khí và thông gió trong các công trình, mang lại hiệu quả cao về tiết kiệm năng lượng.

THEO DÕI VÀ KIỂM SOÁT LƯỢNG KHÍ THẢI NHÀ KÍNH

Là doanh nghiệp có các hoạt động kinh doanh dịch vụ tài chính, hoạt động kinh doanh Bảo Việt không sản sinh nhiều lượng khí thải nhà kính cũng như gây ra các tác động đáng kể đến môi trường. Tuy nhiên với các trụ sở làm việc, các Tòa nhà do Bảo Việt quản lý và sử dụng, việc kiểm soát lượng khí thải, chất thải, nước thải từ các Tòa nhà Bảo Việt là biện pháp bảo vệ môi trường tiếp theo sẽ được Bảo Việt triển khai. Hiện tại, Bảo Việt cũng đang xây dựng quy chế quản lý các nguồn phát thải khí nhà kính căn cứ theo Giao thức báo cáo Khí nhà kính (GHG Protocol).

Nguồn phát thải khí nhà kính tại các tòa nhà Bảo Việt

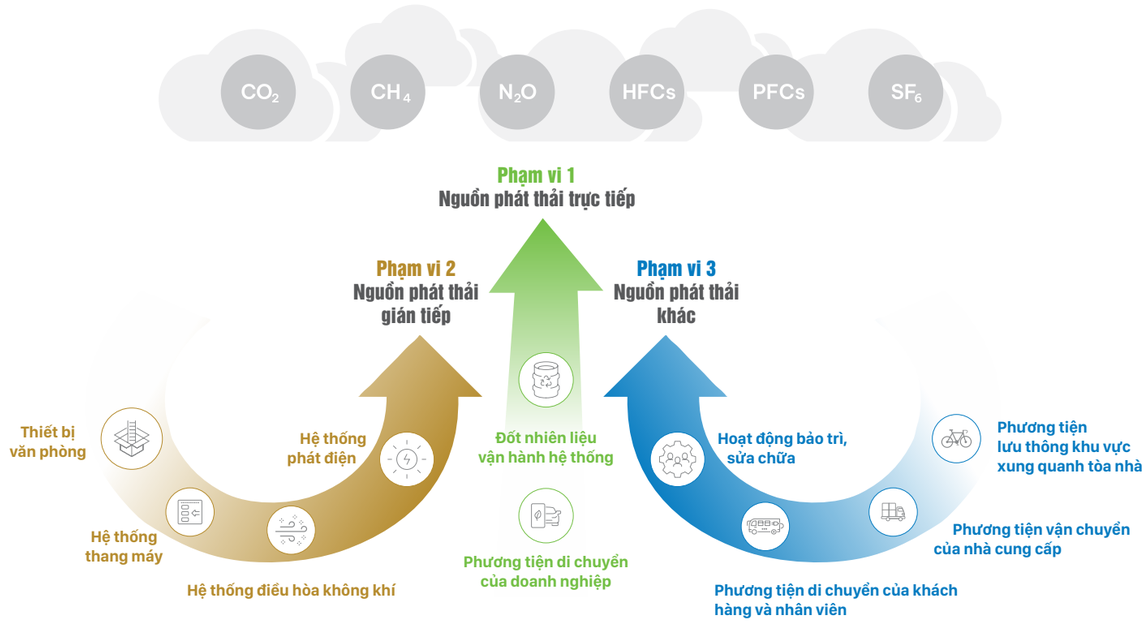

Trong từng tòa nhà, tùy điều kiện cho phép khi bố trí mặt bằng, Bảo Việt bố trí xen kẽ các không gian xanh để tạo không khí trong lành, giảm thiểu lượng CO_2 thải ra trong không khí. Riêng tại Tòa nhà Trung tâm tài chính Bảo Việt 233 Đồng Khởi được bố trí một khu vực hơn 300 m^2 mảng xanh bằng cây cảnh, là một điểm nhấn trong thiết kế của Tòa nhà cũng như là hệ thống lọc khí CO_2 tiết kiệm và hiệu quả.

Bên cạnh đó, chủ trương tiết giảm di chuyển và đẩy mạnh hoạt động kinh doanh online đã hỗ trợ giảm chi phí nhiên liệu cho phương tiện vận chuyển, tiết kiệm 12.850 lít xăng trong năm 2021, đồng thời giảm lượng phát thải CO_2 trong quá trình di chuyển. Các hoạt động tiết kiệm điện của tòa nhà cũng như trong nội bộ nhân viên cũng đã giúp giảm 65.738 kWh điện trong năm 2021, hỗ trợ giảm chi phí năng lượng và giảm phát thải khí nhà kính một lượng khá lớn.

300m^2 cây xanh hấp thụ
(Tấn CO_2/năm)
252,7

12.850 lít xăng được tiết kiệm tương đương giảm phát thải
(Tấn CO_2/năm)
18,2

65.738 kWh điện được tiết kiệm tương đương giảm phát thải
(Tấn CO_2/năm)
25,2

BIỆN PHÁP XỬ LÝ CÁC NGUỒN CHẤT THẢI TẠI NƠI LÀM VIỆC

Trong năm 2021, Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện một số giải pháp tại các tòa nhà trụ sở chính, bao gồm

- Bổ sung hệ thống khử trùng nước thải sau xử lý cho hệ thống cũng như nuôi cấy vi sinh cho các bể hiếu khí để nâng cao quá trình xử lý hiếu khí;
- Khử trùng nước bằng Clorin trước khi thải ra môi trường;
- Vệ sinh bể chứa nước sạch để đảm bảo nguồn nước sạch cung cấp cho các Tòa nhà;
- Lắp đặt hệ thống đo đếm lượng nước xả thải ở hai Tòa nhà 71 Ngô Sỹ Liên và 72 Trần Hưng Đạo, Hà Nội để kiểm soát lưu lượng nước thải ra môi trường từ các Tòa nhà;
- Thực hiện phân tích lượng nước thải định kỳ hàng Quý của các Tòa nhà để có biện pháp xử lý kịp thời nếu phát hiện có chỉ tiêu vượt tiêu chuẩn quy định.

Bên cạnh đó, Đề án bảo vệ môi trường của Bảo Việt tiếp tục được triển khai tại các Tòa nhà của Bảo Việt. Đề án này bao gồm các nội dung liên quan đến giải pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thải thông qua việc bổ sung chế phẩm vi sinh, dọn dẹp hệ thống cống thoát nước để đảm bảo thông thoáng sạch sẽ; kiểm tra định kỳ hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải tránh hiện tượng tắc nghẽn trên các dòng thải.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VÀ QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG

Trong năm 2021, Tập đoàn Bảo Việt, bao gồm các Công ty thành viên, không ghi nhận các biên bản/thông báo nào liên quan đến việc vi phạm các điều Luật và Quy định về môi trường. Việc xác nhận không có trường hợp vi phạm cũng được Bảo Việt căn cứ dựa trên các thông tin dữ liệu từ kết quả kiểm toán (không ghi nhận số tiền phạt), các thông tin ghi nhận từ hệ thống giám sát tuân thủ, pháp chế và kết quả từ các cuộc quan trắc môi trường.

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI ĐỊNH KỲ

Năm 2021, Tập đoàn Bảo Việt tiến hành lắp đặt hệ thống đo đếm lượng nước xả thải ở hai Tòa nhà 71 Ngô Sỹ Liên, 72 Trần Hưng Đạo và số 8 Lê Thái Tổ, Hà Nội để kiểm soát lưu lượng nước thải ra môi trường từ các Tòa nhà. Đồng thời, Tập đoàn Bảo Việt cũng tiến hành phân tích lượng nước thải định kỳ hàng Quý để từ đó có biện pháp xử lý kịp thời nếu phát hiện có chỉ tiêu vượt tiêu chuẩn quy định.

Báo cáo quan trắc môi trường tại tòa nhà của Bảo Việt được thực hiện dựa trên các căn cứ pháp lý sau:

- Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam (Luật số: 72/2020/QH14)
- Tiêu chuẩn và quy chuẩn Việt Nam;
- Đơn vị tham gia quan trắc và chứng nhận kết quả có giấy chứng nhận đủ điều kiện quan trắc môi trường VIMCERTS 006;
- Đơn vị tham gia quan trắc và chứng nhận kết quả có Chứng chỉ công nhận Vilas số hiệu Vilas 372.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ KIẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

Bên cạnh các kết quả quan trắc về nước thải, đoàn kiểm tra cũng kiểm tra thêm về các yếu tố về môi trường không khí như các khí độc, nồng độ bụi tại nơi làm việc. Qua các kết quả khảo sát hiện trạng thực tế và đo đạc phân tích tại khu vực làm việc và xung quanh địa điểm tòa nhà, căn cứ vào báo cáo quan trắc năm 2021, đoàn kiểm tra đưa ra các nhận xét cụ thể như sau:

CÁC KHÍ ĐỘC: Giá trị nồng độ các khí độc tại các vị trí kiểm tra trong khu vực làm việc và xung quanh đơn vị đều nằm trong giới hạn cho phép theo TC 3733-2002/ BYT-QĐ, QCVN 05:2013/BTNMT.

NỒNG ĐỘ BỤI: Giá trị nồng độ bụi tại các vị trí kiểm tra trong khu vực làm việc và xung quanh đơn vị đều nằm trong giới hạn cho phép theo TC 3733-2002/ BYT- QĐ và QCVN 05:2013/BTNMT.

MÔI TRƯỜNG NƯỚC: Nước thải sinh hoạt: Giá trị hàm lượng các chỉ tiêu đã phân tích trong mẫu nước thải tại đơn vị đều nằm trong giươsi hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.

CÁC KIẾN NGHỊ: Kiến nghị tiếp tục duy trì hệ thống kiểm soát, giảm thiểu tác động để đảm bảo chất lượng môi trường theo các quy định.

Bên cạnh các hoạt động bảo vệ và gìn giữ môi trường được thực hiện bởi cá nhân doanh nghiệp, Bảo Việt còn phối hợp với các nhà cung cấp để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường một cách có hệ thống và chuyên nghiệp hơn. Trong năm 2021, Tập đoàn Bảo Việt đã đầu tư hơn 2 tỷ đồng ký kết các hợp đồng quan trắc, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải và các hợp đồng bảo trì hệ thống đảm bảo an toàn lao động và sử dụng hiệu quả nguồn điện năng. Các hợp đồng với nhà cung cấp môi trường đã được Bảo Việt thực hiện hằng năm và sẽ được tiếp tục mở rộng trong các năm tiếp theo.

GẮN KẾT CÁN BỘ TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG XANH HÓA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO THI ĐUA 5S TẠI MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Với quan điểm đem đến một môi trường làm việc lành mạnh, sạch đẹp, thoáng đãng, tiện lợi, từ đó đem lại tinh thần thoải mái cho người lao động, tăng năng suất lao động và áp dụng hệ thống quản lý hiệu quả, năm 2021, Tập đoàn Bảo Việt đã đẩy mạnh phong trào thi đua 5S tại môi trường làm việc bằng việc thành lập Tổ giám sát 5S thường niên, đánh giá quá trình thực hiện và tiến bộ trong việc quản lý tài liệu, sắp xếp không gian làm việc và hoạt động tái chế văn phòng phẩm.

Việc triển khai chương trình 5S thành công và định kỳ đã mang lại sự thay đổi kỳ diệu. Những thứ không cần thiết sẽ được loại bỏ khỏi nơi làm việc, những vật dụng cần thiết được xếp ngăn nắp, gọn gàng, đặt ở những vị trí thuận tiện cho người sử dụng, máy móc thiết bị trở nên sạch sẽ, được bảo dưỡng, bảo quản. Từ các hoạt động 5S sẽ nâng cao tinh thần tập thể, khuyến khích sự hoà đồng của mọi người, qua đó người làm việc sẽ có thái độ tích cực hơn, có trách nhiệm và ý thức hơn với công việc.

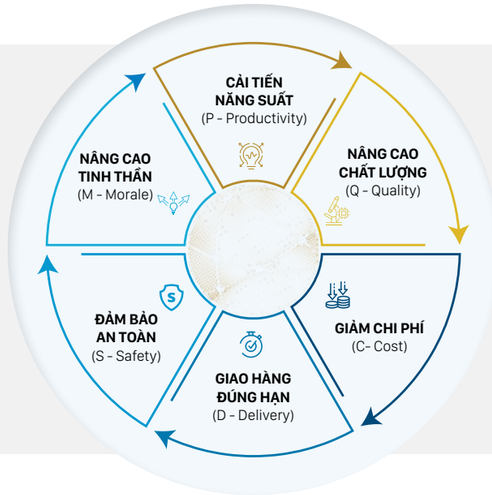

SỰ KIỆN VÀ HOẠT ĐỘNG THUỘC TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT

1. ĐẦU TƯ CHO GIÁO DỤC VÀ THẾ HỆ TRẺ

Chắp cánh ước mơ cho các trẻ em nghèo hiếu học

Nhằm **"Bảo vệ lợi ích Việt - Bảo vệ tương lai Việt"**, năm 2021, Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục trao tặng học bổng xe đạp cho gần 1.700 học sinh nghèo hiếu học tại 28 tỉnh thành trên cả nước: Bạc Liêu, Cao Bằng, Hà Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long, Yên Bái, ... Đây là hoạt động thường niên được Bảo Việt Nhân thọ kiên tâm thực hiện trong nhiều năm qua, đã trao tặng gần 28.000 suất học bổng đến các trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, động viên các em tiếp tục con đường học tập thành tài, lớn lên trở thành công dân có ích, xây dựng quê hương đất nước ngày càng giàu đẹp.

Đồng hành cùng các bậc phụ huynh ươm mầm tương lai

Là doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ của người Việt, Bảo Việt Nhân thọ thấu hiểu những lo âu và mong muốn tốt đẹp của các bậc phụ huynh trong hành trình nuôi dạy con khôn lớn. Đồng hành cùng các cha mẹ xây dựng tương lai vững vàng cho con yêu, chuỗi chương trình **"Nuôi dạy con, dễ hay khó"** đã được Bảo Việt Nhân thọ chính thức triển khai trên nền tảng số vào tháng 11/2021 với nhiều chủ đề giá trị và thực tiễn, giúp cha mẹ thấu hiểu và có phương pháp đồng hành nuôi dậy và phát triển con trẻ. Mỗi chương trình thu hút hơn 500 cha mẹ tham dự, tương tác đặt vấn đề và thảo luận, tạo nên cộng đồng cha mẹ thông thái, nuôi con thành tài.

Trao tặng học bổng cho học sinh tại Simacai, Lào Cai

Nằm trong chương trình Tết Nhân ái 2021, Bảo hiểm Bảo Việt đã trao tặng học bổng cho các học sinh tại Simacai, Lào Cai. Món quà thay cho lời động viên, chia sẻ và giúp đỡ các em học sinh vươn lên trong học tập.

"Mang hơi ấm tới vùng cao" Trao quà cho những hộ dân chịu nhiều thiệt hại lớn do mưa lũ gây ra

Trẻ em là tương lai của gia đình và xã hội, là thế hệ xây dựng và bảo vệ đất nước mai sau. Nhận thức được việc đó, tại BVSC chúng tôi đặc biệt quan tâm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho "mầm xanh" tương lai của đất nước, góp phần tạo nên tương lai tươi sáng và trường tồn cho quốc gia. Trong những năm qua, BVSC luôn dành ưu tiên ngân sách cho các hoạt động phát triển giáo dục tài trợ các dụng cụ học tập cho các địa bàn vùng sâu vùng xa, trao quà và học bổng cho các em có hoàn cảnh khó khăn.

Năm 2021, BVSC phối hợp với Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn Quảng Bình, Ban thư ký Hội LHTN Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ tỉnh Quảng Bình và một số đơn vị khác tổ chức Chương trình **"Xuân biên giới - Tết vùng cao"** nhân dịp đón Tết Tân Sửu năm 2021. Đây là một trong những hoạt động hướng về đồng bào, học sinh vùng dân tộc, biên giới, vùng sâu vùng xa tại tỉnh Quảng Bình. Đồng hành cùng Chương trình, BVSC trao tặng 70 suất quà Tết cho các hộ gia đình và các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Bản Cà Xen, xã Thanh Hóa trị giá 50 triệu đồng từ quỹ "Mang hơi ấm tới vùng cao" của BVSC.

2. XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO VÀ HỖ TRỢ Y TẾ

ỦNG HỘ 30 tỷ đồng vào Quỹ Vaccine phòng chống dịch COVID-19

Với tinh thần quyết tâm cao, cùng cả nước "chống dịch như chống giặc", ngày 5/6/2021, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ đã ủng hộ 30 tỷ đồng vào Quỹ vaccine phòng dịch COVID-19, nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách phòng chống dịch, đẩy nhanh tiến độ nhập khẩu vaccine để triển khai tiêm chủng miễn dịch trên diện rộng cho toàn dân. Trong đó, Bảo Việt Nhân thọ ủng hộ 15 tỷ đồng cho Quỹ mua vaccine tiêm phòng cho người dân và 15 tỷ đồng để chủ động thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với người lao động, hỗ trợ chi phí tiêm vaccine cho cán bộ và tư vấn viên, giảm gánh nặng lên ngân sách Nhà nước.

Đây là nỗ lực của Bảo Việt Nhân thọ nhằm chung tay bảo vệ sức khỏe cộng đồng, đóng góp vì một Việt Nam an bình và thịnh vượng, Cũng trong dịp này, các cán bộ nhân viên Bảo Việt Nhân thọ đã nhanh chóng thực hiện quyên góp tối thiểu 1 ngày lương làm việc để đóng góp vào Quỹ vắc-xin phòng dịch Covid-19, góp phần thể hiện tinh thần sẻ chia, cùng cả nước vượt qua giai đoạn khó khăn.

Nâng cao chất lượng cuộc sống và sức khỏe cho người dân

Dịch bệnh bùng phát đã tác động không nhỏ đến sức khỏe, đời sống sinh hoạt của người dân. Với mục tiêu nâng cao nhận thức về tập luyện thể thao, chủ động bảo vệ sức khỏe trước các rủi ro bệnh tật, tháng 10/2021, Bảo Việt Nhân thọ đã tổ chức chương trình Yoga trực tuyến miễn phí "Chào An Khang, Chào Hạnh Phúc" với sự giảng dạy của các huấn luyện viên có kinh nghiệm, chuyên môn cao đến từ Ấn Độ. Tính đến nay, chương trình đã thu hút hơn 15.000 người tham gia tập luyện, góp phần nâng cao sức khỏe tinh thần và thể chất, đồng hành cùng các gia đình Việt vượt qua đại dịch.

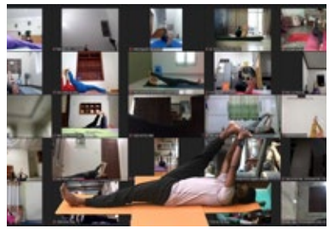

"Tết Nhân ái- 2021" Bảo hiểm Bảo Việt tặng thuốc, quà cho đồng bào dân tộc huyện Siamcai, Lào Cai

Năm 2021, TCT Bảo hiểm Bảo Việt lại tiếp tục chuyến hành trình kết nối trái tim, mang yêu thương đến bản làng vùng cao Simacai khi tham gia đồng hành cùng chương trình "Tết Nhân Ái 2021"cho người nghèo, gia đình chính sách và người dân tại huyện miền núi khó khăn nhất tỉnh Lào Cai.

Góp sức đồng hành cùng chương trình "Tết Nhân Ái 2021" chính là món quà ý nghĩa của TCT Bảo hiểm Bảo Việt gửi tới bà con xã Sín Chéng, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai, với mong muốn cùng chia sẻ niềm vui, trao hơi ấm, kết nối trái tim đến người dân nghèo vùng cao vào những ngày gần giáp Tết nguyên đán Tân Sửu năm 2021. Qua đó, đoàn công tác TCT Bảo hiểm Bảo Việt đã trao tặng các phần quà với Tổng trị giá trên 120.000.000 vnđ.

2. XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO VÀ HỖ TRỢ Y TẾ

Chứng khoán Bảo Việt đồng hành cùng các y, bác sĩ, lực lượng tuyến đầu và nhân dân cả nước chống dịch Covid-19

Trước sự lây lan nhanh chóng của dịch bệnh, nhằm chung tay với Chính phủ kiểm soát dịch bệnh và bảo vệ sức khỏe cho người lao động trong Công ty, BVSC triển khai chương trình **"BVSC - Môi trường làm việc An toàn & Hạnh phúc"**. Chương trình bao gồm chiến dịch phát động cán bộ nhân viên Công ty ủng hộ Quỹ vắc-xin phòng Covid-19 của Chính phủ & triển khai kế hoạch tiêm phòng vaccine cho người lao động. Tính đến cuối chương trình, BVSC đã phát động và ủng hộ số tiền lên tới gần 3 tỷ đồng và tỉ lệ bao phủ mũi thứ 3 vaccine covid-19 đến người lao động lên đến gần 70%.

Đồng hành cùng các y, bác sĩ, lực lượng tuyến đầu chống dịch Covid-19, đồng thời chung tay san sẻ những khó khăn mà lực lượng y tế gặp phải trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm đảm bảo ngăn ngừa dịch bệnh cho cộng đồng. BVSC đã tài trợ và đóng góp cho những đơn vị tuyến đầu phòng chống dịch trên cả nước, cụ thể như:

Tài trợ hiện kim và hiện vật ủng hộ cho đơn vị tuyến đầu phòng chống dịch trên địa bàn.

- Ủng hộ bệnh viện Bạch Mai trong công tác phòng chống dịch Covid 19: 300.000.000đ
- Ủng hộ quỹ Covid - Bệnh viện Phổi Trung ương: 500.000.000đ

Ngoài các tài trợ bằng hiện kim, BVSC còn giúp trang bị các trang thiết bị sử dụng trong quá trình phòng chống dịch như quần áo bảo hộ, khẩu trang, kit xét nghiệm,..cho các đơn vị, các trung tâm y tế trên địa bàn Hà Nội, như:

- Ủng hộ mua trang phục phòng chống dịch covid-19 ủng hộ UBND Q. Hoàn Kiếm: 159.544.636 đ
- Trao tặng 500 kit xét nghiệm nhanh virus SARS-CoV-2 trị giá 34.500.000đ cho các chiến sỹ Công an quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Tài trợ quần áo phòng hộ chống dịch (cấp II + III) cho TTYT Q. Cầu Giấy: 96.500.000 đ
- Ủng hộ TTYT Q. Hai Bà Trưng phòng chống Covid-19: 100.000.000đ
- Ủng hộ Bệnh viện Phổi TW mua test xét nghiệm virut SARS-CoV2 bằng phương pháp Realtime PCR: 85.714.286 đ

BVSC đã phát động và ủng hộ số tiền (VNĐ)

3.000.000.000 **& tỉ lệ bao phủ mũi thứ 3 vaccine covid-19 đến người lao động lên đến gần 70%**

3. KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI VÀ MÔI TRƯỜNG

Phủ xanh Việt Nam, lan tỏa lối sống tích cực đến các gia đình Việt

Hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ "Trồng 1 tỷ cây xanh cho Việt Nam", ngày 7/01/2021, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ đã khởi động chiến dịch "Hành trình Việt Nam xanh" nhằm lan tỏa lối sống xanh và khuyến khích hành động bảo vệ môi trường đến cộng đồng. Theo đó, tại tỉnh Thừa Thiên Huế, Bảo Việt Nhân thọ sẽ trồng các cây gỗ bản địa trên 5ha đất tại Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền, đồng thời trồng hàng cây sao đen làm đẹp cảnh quan đô thị tại Thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Đây là hoạt động ý nghĩa kỷ niệm 25 năm Bảo Việt Nhân thọ tiên phong khai mở và đồng hành cùng thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam, thể hiện cam kết thực hiện sứ mệnh "Bảo vệ Tương lai Việt - Bảo vệ Gia đình Việt".

"Mang hơi ấm tới vùng cao"
Trao quà cho những hộ dân chịu nhiều thiệt hại lớn do mưa lũ gây ra

BVSC cũng đã tổ chức thành công Chương trình "Mang hơi ấm tới vùng cao" tại xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình trong đợt bão lũ Miền Trung. Chương trình đã trao tặng 300 suất quà bằng tiền mặt với giá trị 300.000 đồng/suất cho những hộ dân chịu nhiều thiệt hại lớn do mưa lũ gây ra; 100 chiếc ba lô học sinh; 03 bộ trống liên đội và sách cho các em học sinh với tổng giá trị quà tặng 195.000.000 đồng.

4. TRI ÂN ANH HÙNG LIỆT SỸ, GIA ĐÌNH CÓ CÔNG VỚI ĐẤT NƯỚC

Trao tặng khẩu trang kháng khuẩn cho các chiến sĩ Sư đoàn 7- Quân khu 4

Truyền thống "Uống nước nhớ nguồn" không chỉ là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam mà còn là một hoạt động thường niên được BVSC rất coi trọng. Nhân kỷ niệm 73 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ 27/07, Công ty đã tổ chức các hoạt động ý nghĩa nhằm tri ân các thế hệ cha anh đã cống hiến và hy sinh vì độc lập dân tộc. Công ty đã gửi lời thăm hỏi cùng nhiều quà tặng tri ân đến gia đình CBNV để tỏ lòng biết ơn đối với những con người đã hi sinh cả cuộc đời mình cho hòa bình dân tộc.

Ngoài ra, BVSC đã thực hiện trao tặng các set khẩu trang kháng khuẩn cho Sư đoàn 7- Quân khu 4 giúp các chiến sĩ an tâm thực hiện nhiệm vụ bảo vệ nhân dân với giá trị hiện vật lên tới: 28.100.000đ

5. AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE CỦA KHÁCH HÀNG

Bảo hiểm Bảo Việt ủng hộ 2 tỷ đồng vào quỹ vaccine cùng nỗ lực đạt mục tiêu kép

Thủ tướng Chính phủ đã nhấn mạnh: "Sức khỏe của Nhân dân là quan trọng nhất, đặt nhiệm vụ bảo vệ tính mạng của người dân lên trên hết, trước hết. Việt Nam đã đạt được kết quả tích cực trong phòng chống dịch, khẳng định vai trò một thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, để tiến công thắng lợi trong cuộc chiến phòng chống dịch Covid-19, Vaccine là vũ khí lợi hại nhất, là tiên quyết để cuộc chiến đi đến thắng lợi toàn diện".

Hiểu sự cần thiết và cấp bách trong giai đoạn dịch đang ngày một phức tạp, ngay sau khi tiếp nhận thông tin, Bảo hiểm Bảo Việt đã hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ về huy động các nguồn lực xã hội hóa tại chiến lược Vaccine thông qua công tác ủng hộ 2 tỷ đồng vào Quỹ Vaccine phòng chống dịch Covid-19. Điều này giúp giảm tải gánh nặng lên ngân sách Nhà nước, bảo vệ các gia đình Việt và góp phần đảm bảo an toàn cho xã hội trong tình hình dịch bệnh.

Bên cạnh đó, Bảo hiểm Bảo Việt đã ủng hộ nhân dân tỉnh Bình Dương 1.2 tỷ đồng để hỗ trợ các bệnh nhân bị Covid-19.

Không ngừng nghiên cứu phục vụ nhu cầu khách hàng

Theo dự án nghiên cứu ung thư quốc tế GLOBOCAN năm 2020, số lượng người mắc và tử vong do ung thư trên toàn thế giới đang có xu hướng tăng, trong đó tỷ lệ này ở Việt Nam cũng đang tăng nhanh trong 2 năm gần đây. Tuy nhiên, vượt qua "án tử" ung thư, bệnh tim mạch mới là rủi ro gây tử vong hàng đầu trong gần 2 thập kỉ qua, theo công bố mới nhất của Tổ chức Y tế Thế giới WHO. Tại Việt Nam, theo thống kê của Bộ Y tế, mỗi năm có khoảng 200.000 người tử vong vì bệnh tim mạch, chiếm 33% số ca tử vong. Trong tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp và mang đến nguy cơ cao hơn cho những người có bệnh lý nền bao gồm tim mạch, ung thư, nhu cầu bảo vệ càng trở nên cấp bách hơn.

Để đáp ứng các nhu cầu bảo vệ ngày càng cao, sản phẩm mới "An Khang Hạnh Phúc" của Bảo Việt Nhân thọ mang đến nhiều quyền lợi ưu việt vượt trội, giúp người tham gia bảo hiểm tích lũy hiệu quả cho tương lai, đồng thời dự phòng một nguồn tài chính đảm bảo để điều trị các bệnh nan y hay chi trả các chi phí y tế, phẫu thuật khi không may gặp rủi ro tai nạn, bệnh tật hoặc bị nhiễm Covid-19. "An Khang Hạnh Phúc" đặc biệt bảo vệ trước bệnh ung thư từ ngay giai đoạn đầu, đồng thời bảo vệ kép trước nguy cơ đột quỵ và nhồi máu cơ tim. Giá trị bảo vệ cao, lên đến 2.5 tỷ đồng.

Khi không xảy ra rủi ro, tại năm kỉ niệm hợp đồng thứ 10 và 20, khách hàng sẽ nhận được thêm quyền lợi thưởng đặc biệt tương ứng tối đa 30% và 50% phí bảo hiểm định kỳ quy năm. Đặc biệt, hợp đồng còn được hưởng quyền lợi thưởng gia tăng đầu tư và lãi suất cam kết. Trên thực tế, lãi suất công bố đối với các sản phẩm bảo hiểm liên kết chung của Bảo Việt Nhân thọ luôn cao hơn nhiều so với mức cam kết và luôn là một trong các mức cao nhất trên thị trường.

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

... Mang ánh sáng tương lai tràn ngập thế gian ...

Ngôi sao
trong lòng mọi người

BAOVIET

Chủ động
THÍCH ỨNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

299 Thông tin chung
301 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
302 Báo cáo kiểm toán độc lập
304 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
308 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
310 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
312 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

TẬP ĐOÀN

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Tập đoàn đã được đăng ký thay đổi 14 lần với lần thứ 14 được thực hiện vào ngày 25 tháng 02 năm 2022.

Toàn bộ số cổ phần thuộc vốn điều lệ của Tập đoàn được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Một số thông tin về Tập đoàn theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 72, phố Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; dịch vụ hỗ trợ giáo dục và các ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh
Vốn điều lệ:	7.423.227.640.000 VND
Số cổ phần đã đăng ký:	742.322.764 cổ phần
Cổ đông sáng lập:	Bộ Tài chính; Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ("SCIC"); HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Đỗ Trường Minh - Tổng Giám đốc

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đào Đình Thi	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 12 năm 2014
Ông Đỗ Trường Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2018
Bà Thân Hiển Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 12 năm 2014
Bà Trần Thị Diệu Hằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2018
Ông Nguyễn Xuân Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2018
Ông Teruo Shimmen	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2019
Ông Nguyễn Đình An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2020
Ông Arai Kazuhiko	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2021
Ông Kenji Yoneda	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2021

BAN KIỂM SOÁT

Các kiểm soát viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Ông Tiến Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2019
	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2012
Ông Vũ Thanh Hải	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2019
Ông Đinh Hoài Linh	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2021
Bà Trần Thị Phương	Kiểm soát viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2021

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Trường Minh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2018
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn vào ngày lập báo cáo này là Ông Đỗ Trường Minh - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Tập đoàn.

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt ("Tập đoàn") trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Tập đoàn ("Ban Điều hành") chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:

M.S.D.N: 0100111761 - CTCP
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Ông Đào Đình Thi
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2022

EY
Building a better working world

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60780870/22679888-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tập đoàn Bảo Việt ("Tập đoàn"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2022 và được trình bày từ trang 304 đến trang 399, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Tập đoàn

Ban Điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

EY
Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trịnh Hoàng Anh	Huỳnh Nhật Hưng
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2071-2018-004-1	Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 5040-2019-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2022

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

B01-DN/HN

Đơn vị: VND

Mã số		TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
100	**A.**	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**99.467.964.400.489**	**91.841.581.344.776**
110	***I.***	***Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5***	***5.354.092.025.872***	***6.780.742.363.756***
111	1.	Tiền		745.692.025.865	643.642.363.751
112	2.	Các khoản tương đương tiền		4.608.400.000.007	6.137.100.000.005
120	***II.***	***Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***82.007.147.486.839***	***73.718.143.604.394***
121	1.	Chứng khoán kinh doanh	14.1	2.842.449.430.183	2.449.645.175.350
122	2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	14.1	(46.212.778.674)	(156.221.229.549)
123	3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.2	79.210.910.835.330	71.424.719.658.593
130	***III.***	***Các khoản phải thu ngắn hạn***	***6.1***	***9.230.511.316.787***	***8.299.283.030.486***
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng		5.693.409.420.064	6.147.086.149.110
131.1	*1.1*	*Phải thu về hoạt động bảo hiểm*		*1.223.876.924.280*	*1.754.864.348.632*
131.2	*1.2*	*Phải thu về hoạt động đầu tư tài chính*		*4.469.532.495.784*	*4.392.221.800.478*
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn		56.638.491.525	63.469.950.921
135	3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn		3.417.516.489.890	2.238.592.447.282
136	4.	Phải thu ngắn hạn khác		477.495.537.770	270.591.778.388
137	5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(414.718.728.147)	(420.627.400.900)
139	6.	Tài sản thiếu chờ xử lý		170.105.685	170.105.685
140	***IV.***	***Hàng tồn kho***	***7***	***141.653.223.444***	***124.433.087.390***
150	***V.***	***Tài sản ngắn hạn khác***		***585.578.169.288***	***672.283.091.006***
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn		542.934.988.670	634.419.485.710
151.1	*1.1*	*Chi phí hoa hồng chưa phân bổ*	*8*	*493.005.752.612*	*600.397.009.237*
151.2	*1.2*	*Chi phí trả trước ngắn hạn khác*	*9*	*49.929.236.058*	*34.022.476.473*
152	2.	Thuế GTGT được khấu trừ		25.624.105.125	24.620.422.132
153	3.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		1.847.071.254	3.512.662.035
155	4.	Tài sản ngắn hạn khác		15.172.004.239	9.730.521.129
190	***VI.***	***Tài sản tái bảo hiểm***		***2.148.982.178.259***	***2.246.696.167.744***
191	1.	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	24	1.033.169.851.481	1.059.460.785.355
192	2.	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	24	1.115.812.326.778	1.187.235.382.389

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

B01-DN/HN

Đơn vị: VND

Mã số		TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
200	**B.**	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**70.036.158.576.516**	**54.571.219.473.584**
210	***I.***	***Các khoản phải thu dài hạn***	***6.2***	***72.361.637.816***	***70.801.065.457***
216	1.	Phải thu dài hạn khác		72.361.637.816	70.801.065.457
220	***II.***	***Tài sản cố định***		***1.934.480.147.292***	***1.788.655.050.662***
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	10	974.265.052.366	859.647.804.853
222		*Nguyên giá*		*2.558.529.794.503*	*2.316.960.202.591*
223		*Giá trị khấu hao luỹ kế*		*(1.584.264.742.137)*	*(1.457.312.397.738)*
227	2.	Tài sản cố định vô hình	11	960.215.094.926	929.007.245.809
228		*Nguyên giá*		*1.539.962.270.408*	*1.430.463.210.802*
229		*Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(579.747.175.482)*	*(501.455.964.993)*
230	***III.***	***Bất động sản đầu tư***	***12***	***45.388.992.000***	***45.388.992.000***
240	***IV.***	***Tài sản dở dang dài hạn***		***441.738.975.020***	***561.928.499.811***
242	1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	441.738.975.020	561.928.499.811
250	***V.***	***Đầu tư tài chính dài hạn***		***67.383.497.918.631***	***51.874.244.925.437***
252	1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14.3.1	3.088.258.326.242	2.880.436.188.476
253	2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.3.2	929.538.716.123	1.042.701.268.763
254	3.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	14.3.2	(42.683.425.929)	(120.753.192.331)
255	4.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.2	63.408.384.302.195	48.071.860.660.529
260	***VI.***	***Tài sản dài hạn khác***		***158.690.905.757***	***230.200.940.217***
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	9	108.990.144.232	202.692.782.843
262	2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	16.2.1	18.414.546.814	12.137.474.250
268	3.	Tài sản dài hạn khác		31.286.214.711	15.370.683.124
270		**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**169.504.122.977.005**	**146.412.800.818.360**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

B01-DN/HN

Đơn vị: VND

Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
300	**C.**	**NỢ PHẢI TRẢ**		**147.477.392.612.620**	**125.591.034.777.516**
310	***I.***	***Nợ ngắn hạn***		***21.707.051.775.852***	***19.747.437.592.781***
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	15	2.427.860.701.125	2.710.675.408.406
311.1	*1.1*	*Phải trả hoạt động bảo hiểm*		*2.339.603.934.638*	*2.651.844.948.296*
311.2	*1.2*	*Phải trả khác hoạt động tài chính*		*24.042.025.826*	*4.024.930.000*
311.3	*1.3*	*Phải trả người bán và nhà cung cấp dịch vụ*		*64.214.740.661*	*54.805.530.110*
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		17.372.000.000	14.895.367.272
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	207.468.643.695	122.177.355.612
314	4.	Phải trả người lao động		1.641.394.958.939	855.435.551.317
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn		52.323.112.912	52.220.043.380
318	6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	164.952.999.903	230.592.057.618
318.1	7.	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	18.1	167.928.784.567	87.737.943.073
319	8.	Phải trả ngắn hạn khác	19	1.099.392.948.721	939.865.915.372
320	9.	Vay ngắn hạn	20	2.506.330.153.950	895.634.463.715
322	10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	199.699.495.740	154.253.870.948
324	11.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu	22	13.222.327.976.300	13.683.949.616.068
330	***II.***	***Nợ dài hạn***		***125.770.340.836.768***	***105.843.597.184.735***
337	1.	Phải trả dài hạn khác	23	270.418.960.801	251.591.787.491
338	2.	Vay dài hạn	20	267.266.088.776	316.542.417.119
341	3.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	16.2.2	3.963.738.615	5.101.265.074
344	4.	Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	24	125.228.692.048.576	105.270.361.715.051
344.1	*4.1*	*Dự phòng toán học*		*112.070.973.854.439*	*93.090.719.199.763*
344.2	*4.2*	*Dự phòng phí chưa được hưởng*		*4.642.357.944.455*	*4.970.615.412.207*
344.3	*4.3*	*Dự phòng bồi thường*		*2.407.649.271.122*	*2.575.753.599.129*
344.4	*4.4*	*Dự phòng chia lãi*		*2.157.438.745.997*	*1.935.346.562.096*
344.5	*4.5*	*Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu*		*3.688.335.309.663*	*2.547.998.489.076*
344.6	*4.6*	*Dự phòng đảm bảo cân đối*		*207.300.826.538*	*133.720.703.795*
344.7	*4.7*	*Dự phòng dao động lớn*		*54.636.096.362*	*16.207.748.985*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

B01-DN/HN

Đơn vị: VND

Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
400	**D.**	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**22.026.730.364.385**	**20.821.766.040.844**
410	***I.***	***Vốn chủ sở hữu***	***25***	***22.026.730.364.385***	***20.821.766.040.844***
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu		7.423.227.640.000	7.423.227.640.000
411a		*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*7.423.227.640.000*	*7.423.227.640.000*
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần		7.310.458.742.807	7.310.458.742.807
417	3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		15.445.192.000	15.445.192.000
418	4.	Quỹ đầu tư phát triển và dự phòng tài chính		1.284.786.140.295	967.358.385.620
420	5.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		103.568.802.818	103.568.802.818
421	6.	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện chưa phân phối		4.475.440.359.637	3.723.310.113.726
421a		*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*2.653.064.465.370*	*2.186.864.003.123*
421b		*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*1.822.375.894.267*	*1.536.446.110.603*
423	7.	Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm		577.618.921.373	523.523.906.834
429	8.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		836.184.565.455	754.873.257.039
440		**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**169.504.122.977.005**	**146.412.800.818.360**

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Đỗ Trường Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B02-DN/HN

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
01	**Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 02 + 03 + 04)**		**39.996.504.593.125**	**38.204.891.722.825**
02	Phí bảo hiểm gốc	26.1	39.503.608.139.870	37.727.000.410.986
03	Phí nhận tái bảo hiểm	26.2	164.638.985.503	179.220.641.986
04	Giảm dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		328.257.467.752	298.670.669.853
05	**Phí nhượng tái bảo hiểm (05 = 06 + 07)**		**(4.104.197.442.569)**	**(4.761.215.263.679)**
06	Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	27	(4.077.906.508.695)	(4.119.350.824.090)
07	Giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		(26.290.933.874)	(641.864.439.589)
08	**Doanh thu phí bảo hiểm thuần (08 = 01 + 05)**		**35.892.307.150.556**	**33.443.676.459.146**
09	**Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm**		**935.654.349.652**	**1.080.367.825.398**
15	**Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm (15 = 08 + 09)**		**36.827.961.500.208**	**34.524.044.284.544**
16	**Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn**	**28.1**	**(12.747.844.422.468)**	**(12.800.823.934.349)**
17	**Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm**	**28.2**	**(119.410.886.417)**	**(132.653.130.239)**
18	**Các khoản giảm trừ chi phí (18 = 19 + 20)**		**2.757.799.997**	**3.179.894.839**
19	Thu đòi người thứ ba		1.642.506.238	1.561.404.451
20	Thu xử lý hàng bồi thường 100%		1.115.293.759	1.618.490.388
21	**Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm**	**28.3**	**1.723.267.262.211**	**2.158.008.670.719**
22	**Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc (22 = 23 + 24 + 25 + 26)**		**(20.416.263.781.907)**	**(19.123.200.751.466)**
23	Tăng dự phòng toán học		(18.980.254.654.676)	(17.544.035.787.158)
24	Tăng dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu		(1.140.336.820.587)	(1.419.369.122.647)
25	Tăng dự phòng chia lãi		(222.092.183.901)	(121.723.538.646)
26	Tăng dự phòng đảm bảo cân đối		(73.580.122.743)	(38.072.303.015)
27	**Giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm**		**168.104.328.007**	**342.927.712.146**
28	**Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm**		**(71.423.055.611)**	**(152.814.367.780)**
29	**Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (29 = 16 + 17 + 18 + 21 + 22 + 27 + 28)**		**(31.460.812.756.188)**	**(29.705.375.906.130)**
30	**Tăng dự phòng dao động lớn**		**(38.428.347.377)**	**(41.472.073.431)**
31	**Sử dụng từ dự phòng dao động lớn**		**-**	**25.306.889.418**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B02-DN/HN

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
32	**Chi khác hoạt động bảo hiểm gốc (32 = 33 + 34)**		**(4.725.543.333.449)**	**(4.477.259.732.473)**
33	Chi hoa hồng		(2.928.815.553.658)	(3.094.850.217.854)
34	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	29	(1.796.727.779.791)	(1.382.409.514.619)
41	**Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41 = 29 + 30 + 31 + 32)**		**(36.224.784.437.014)**	**(34.198.800.822.616)**
42	**Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (42 = 15 + 41)**		**603.177.063.194**	**325.243.461.928**
43.1	Doanh thu hoạt động khác		750.298.675.797	433.287.152.651
43.2	Chi phí hoạt động khác		(676.872.151.022)	(417.934.268.486)
43	**Lãi từ các hoạt động khác (43 = 43.1 + 43.2)**	**30**	**73.426.524.775**	**15.352.884.165**
44.1	Doanh thu hoạt động tài chính	31.1	8.911.612.242.924	9.495.658.687.333
44.2	Chi phí hoạt động tài chính	31.2	(1.059.722.118.833)	(1.841.912.602.607)
44	**Lợi nhuận hoạt động tài chính (44 = 44.1 + 44.2)**		**7.851.890.124.091**	**7.653.746.084.726**
45	**Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát**	**14.3.1**	**92.993.746.827**	**70.011.972.612**
46	**Chi phí bán hàng**	**32**	**(2.266.015.074.428)**	**(2.366.157.942.795)**
47	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**33**	**(3.997.998.677.361)**	**(3.756.517.474.608)**
48.1	Thu nhập khác		21.094.866.627	13.517.757.652
48.2	Chi phí khác		(2.079.859.229)	(1.910.935.621)
48	**Lợi nhuận khác (48 = 48.1 + 48.2)**	**34**	**19.015.007.398**	**11.606.822.031**
50	**TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (50 = 42 + 43 + 44 + 45 + 46 + 47 + 48)**		**2.376.488.714.496**	**1.953.285.808.059**
51	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	**16.1**	**(380.484.124.137)**	**(267.396.475.068)**
52	**Thu nhập/(Chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**	**16.2**	**7.414.599.023**	**(36.042.360.066)**
60	**LỢI NHUẬN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (60 = 50 + 51 + 52)**		**2.003.419.189.382**	**1.649.846.972.925**
61	**LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA CHỦ SỞ HỮU TẬP ĐOÀN**		**1.896.699.438.352**	**1.597.588.285.269**
62	**Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		**106.719.751.030**	**52.258.687.656**
70	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**36**	**2.555**	**2.097**

M.S.D.N: 0100111751 - C.T.C.P
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Đỗ Trường Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B03-DN/HN

Đơn vị: VND

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
	I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
01	**1.**	**Lợi nhuận trước thuế**		**2.376.488.714.496**	**1.953.285.808.059**
	2.	**Điều chỉnh cho các khoản**		**11.317.060.867.464**	**9.683.183.505.884**
02	-	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	10, 11	226.311.777.789	206.997.738.211
03	-	Các khoản dự phòng		19.764.343.443.495	18.324.904.209.345
04	-	Lãi chênh lệch tỉ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(7.612.658.011)	(3.832.163.038)
05	-	Lãi từ hoạt động đầu tư		(8.987.183.374.694)	(9.547.259.680.419)
06	-	Chi phí repo, lãi vay		321.201.678.885	702.373.401.785
08	**3.**	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**13.693.549.581.960**	**11.636.469.313.943**
09	-	Tăng các khoản phải thu		(1.065.508.541.724)	(13.288.642.669)
10	-	(Tăng)/Giảm hàng tồn kho		(17.220.136.054)	1.924.398.500
11	-	Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		710.225.094.428	105.126.771.747
12	-	Giảm chi phí trả trước		211.478.069.525	748.213.752.516
13	-	(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh		(392.804.254.833)	381.642.210.752
14	-	Tiền lãi vay đã trả		(420.996.995.370)	(757.788.609.663)
15	-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(338.734.753.436)	(237.775.940.333)
17	-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(58.336.039.784)	(68.382.974.829)
20		**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**12.321.652.024.712**	**11.796.140.279.964**
	II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
21	1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(237.768.613.970)	(231.433.491.623)
22	2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.585.989.110	1.026.440.364
23	3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(94.785.369.046.052)	(87.906.743.938.242)
24	4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		72.177.863.032.366	71.688.969.281.693
25	5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(4.425.975.843)	(29.535.895.500)
26	6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		207.297.671.249	-
27	7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia và lãi bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		8.354.119.919.729	8.717.737.729.146
30		**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(14.286.697.023.411)**	**(7.759.979.874.162)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B03-DN/HN

Đơn vị: VND

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
	III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
33	1.	Tiền thu từ đi vay (bao gồm hoạt động repo)		48.063.151.289.896	17.451.796.200.000
34	2.	Tiền trả nợ gốc vay (bao gồm hoạt động repo)		(46.836.804.754.365)	(18.829.087.539.287)
36	3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(687.434.838.726)	(621.510.028.457)
40		**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng hoạt động tài chính**		**538.911.696.805**	**(1.998.801.367.744)**
50		**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(1.426.133.301.894)**	**2.037.359.038.058**
60		**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**6.780.742.363.756**	**4.742.602.123.821**
61		Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(517.035.990)	781.201.877
70		**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**5**	**5.354.092.025.872**	**6.780.742.363.756**

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	**Ông Nguyễn Xuân Hòa**	**Ông Đỗ Trường Minh**
Người lập	Kế toán Trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2022

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Tập đoàn đã được đăng ký thay đổi 14 lần với lần thứ 14 được thực hiện vào ngày 25 tháng 02 năm 2022.

Toàn bộ số cổ phần thuộc vốn điều lệ của Tập đoàn được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Một số thông tin về Tập đoàn theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 72, phố Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; dịch vụ hỗ trợ giáo dục và các ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh
Vốn điều lệ:	7.423.227.640.000 VND
Số cổ phần đã đăng ký:	742.322.764 cổ phần
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Đỗ Trường Minh - Tổng Giám đốc

Tập đoàn có Địa điểm kinh doanh số 1 - Tập đoàn Bảo Việt tại địa chỉ: số 8 phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Cơ cấu vốn cổ phần của Tập đoàn tại ngày lập báo cáo như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
- Bộ Tài chính	482.509.800	65,00
- Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo ("Sumitomo Life")	163.945.421	22,09
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ("SCIC")	22.154.400	2,98
- Các cổ đông khác	73.713.143	9,93
Tổng cộng	**742.322.764**	**100,00**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có sáu (06) công ty con, một (01) quỹ đầu tư, tám (08) công ty liên doanh, liên kết (do công ty mẹ nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con/quỹ đầu tư) và ba (03) đơn vị hạch toán phụ thuộc, chi tiết như sau:

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn	Quyền biểu quyết của Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt ("Bảo hiểm Bảo Việt")	7 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm con người, kinh doanh tái bảo hiểm và giám định tổn thất	100%	100%
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ ("Bảo Việt Nhân thọ")	Tầng 37 Keangnam Hà Nội Landmark Tower, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ và kinh doanh tái bảo hiểm	100%	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("BVF")	Tầng 5, Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt ("BVInvest")	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, tư vấn đầu tư xây dựng và cung cấp máy móc thiết bị	100%	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC")	8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Môi giới và lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán	59,92%	59,92%
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc ("Bảo Việt - Âu Lạc")	Hà Liễu, Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh hướng nghiệp lái xe	60%	60%

- Bảo hiểm Bảo Việt được thành lập ngày 21 tháng 06 năm 2004 theo Quyết định số 1296/QĐ/BTC của Bộ Tài chính và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 01/GPĐC3/KDBH do Bộ Tài chính cấp cùng ngày. Sau khi Tập đoàn được cổ phần hóa, vào ngày 23 tháng 11 năm 2007, Bộ Tài chính đã cho phép Tập đoàn được thành lập lại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 45/GP/KDBH và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 45/GPDC16/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 09 tháng 02 năm 2022. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ của Bảo hiểm Bảo Việt là 2.900 tỷ VND.

- Bảo Việt Nhân thọ được thành lập ngày 04 tháng 12 năm 2003 theo Quyết định số 3668/QĐ/BTC của Bộ Tài chính. Sau khi Tập đoàn được cổ phần hóa, vào ngày 23 tháng 11 năm 2007, Bộ Tài chính đã cho phép Tập đoàn được thành lập lại Bảo Việt Nhân thọ dưới hình thức chuyển đổi từ Bảo hiểm Nhân thọ Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 46/GP/KDBH. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ của Bảo Việt Nhân thọ là 6.000 tỷ VND theo Giấy phép điều chỉnh số 46/GPDC11/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 13 tháng 04 năm 2021.

- BVF được thành lập vào ngày 22 tháng 08 năm 2005 theo Quyết định số 911/2005/QĐ/HDQT-BV của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 08 tháng 11 năm 2005 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 08/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ của BVF là 100 tỷ VND.

1. **THÔNG TIN DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

Các công ty con (tiếp theo)

- BVSC được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 03/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 01 năm 2022 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ của BVSC là 722.339.370.000 VND.

- Bảo Việt - Âu Lạc được thành lập vào ngày 18 tháng 02 năm 2009 theo Quyết định số 2300373648 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ của Bảo Việt - Âu Lạc là 60.660.000.000 VND.

- BVInvest được thành lập vào ngày 09 tháng 01 năm 2009 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103034168 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Ngày 04 tháng 01 năm 2019, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103193730 được thay đổi lần thứ 08, chuyển đổi từ Công ty Cổ phần thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tập đoàn Bảo Việt sở hữu 100% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã góp của BVInvest là 200 tỷ VND.

BVInvest có 1 công ty con là Công ty TNHH MTV Xây dựng Bảo Việt ("BVC") hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, trụ sở chính tại 71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội. BVC được thành lập ngày 10 tháng 01 năm 2017 theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0107699334 của Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty này là 5 tỷ VND, do BVInvest góp vốn 100%.

Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt (BVIF)

Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt ("BVIF") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ thành viên đóng theo giấy phép số 223/TB-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2015. Thời gian hoạt động ban đầu của quỹ là tám (08) năm kể từ ngày được cấp giấy phép.

Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt là công ty con của Tập đoàn Bảo Việt. Ngân hàng lưu ký của Quỹ BVIF là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn góp trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn vào BVIF như sau:

	Số vốn góp VND	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
Đầu tư trực tiếp của Tập đoàn Bảo Việt	420.000.000.000	42%
Đầu tư gián tiếp qua các Công ty con		
- *Bảo Việt Nhân thọ*	*350.000.000.000*	*35%*
- *Bảo hiểm Bảo Việt*	*150.000.000.000*	*15%*
- *Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt*	*80.000.000.000*	*8%*
	1.000.000.000.000	**100%**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
B09-DN/HN

1. **THÔNG TIN DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Trung tâm Đào tạo Bảo Việt	8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Dịch vụ đào tạo
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Bảo Việt ("PMU")	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội	Xây dựng và quản lý dự án
Chi nhánh Trung tâm Công nghệ Thông tin Tập đoàn Bảo Việt	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, bán buôn phần mềm và phần cứng

Các công ty liên doanh, liên kết

Công ty được đầu tư	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu: Nắm giữ bởi công ty mẹ	Tỷ lệ sở hữu: Thông qua công ty con/quỹ	Tỷ lệ sở hữu: Tổng	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn
		VND	%	%	%	%
Công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Long Việt ("Long Việt") (*)	Xây dựng	65.043.200.000	-	45,00	45,00	45,00
Công ty Cổ phần Đầu tư SCIC - Bảo Việt ("Bảo Việt SCIC")	Kinh doanh bất động sản	140.000.000.000	-	50,00	50,00	50,00
Ngân hàng TMCP Bảo Việt ("Bảo Việt Bank")	Dịch vụ ngân hàng	3.150.000.000.000	49,52	-	49,52	49,52
Công ty Cổ phần Trung Nam Phú Quốc ("Trung Nam Phú Quốc")	Dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng	220.000.000.000	49,00	-	49,00	49,00
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin PLT ("PLT")	Dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông	73.125.000.000	-	35,00	35,00	35,00
Công ty Cổ phần Hòn Tằm Biển Nha Trang ("Hòn Tằm Biển Nha Trang") (**)	Dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng	903.097.620.000	-	22,74	22,74	22,74
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu ("Thủy điện Nậm Mu") (***)	Sản xuất điện thương phẩm	209.999.000.000	-	24,29	24,29	24,29
Công ty liên doanh						
Công ty TNHH Bảo hiểm Tokio Marine Việt Nam ("Tokio Marine Việt Nam")	Bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư tài chính	300.000.000.000	49,00	-	49,00	49,00

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

(*) *Trong Quý 2 năm 2020, Tập đoàn đã công bố thông tin về phương án chuyển nhượng toàn bộ cổ phần mà Tập đoàn (thông qua Bảo Việt Nhân thọ) đang nắm giữ tại Long Việt.*

(**) *Trong tháng 03 năm 2022, Tập đoàn (thông qua Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ) đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Hòn tằm biển Nha Trang. Theo đó, tại ngày lập báo cáo này, Công ty Cổ phần Hòn tằm biển Nha Trang không còn là công ty liên kết của Tập đoàn.*

(***) *Trong tháng 01 năm 2021, thông qua Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt, Tập đoàn đã mua 24,29% cổ phần của Thủy điện Nậm Mu.*

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các Công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty mẹ Tập đoàn là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư tài chính và lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200"). Tuy nhiên, do các công ty con chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập dựa trên Thông tư 200, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 - Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202") và có tham khảo đến các nội dung của Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 - Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm ("Thông tư 199") và Thông tư số 232/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012 - Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài ("Thông tư 232").

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ, các công ty con và BVIF (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty con nhằm thu lợi ích từ hoạt động này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tập đoàn cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03, cho giai đoạn tài chính ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06, cho giai đoạn tài chính ba tháng và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 và cho giai đoạn tài chính ba tháng và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Điều hành Tập đoàn cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Tập đoàn cũng đồng thời tuân thủ chính sách kế toán về ghi nhận giá trị định giá lại quyền sử dụng đất như được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi thanh toán, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng Tập đoàn thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết; hoặc khoản nợ đã được Tập đoàn yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Tập đoàn khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án, mức trích lập dự phòng được ước tính trên cơ sở dự kiến tổn thất có thể xảy ra.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Tập đoàn chủ yếu bao gồm ấn chỉ của các công ty con hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm và hàng hóa bất động sản của BVInvest được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng tồn kho	Phương pháp xác định giá trị
Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa thiết bị xây dựng	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp thực tế đích danh

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v...) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hàng hóa bất động sản của BVInvest

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của BVInvest, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
B09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Hàng hóa bất động sản của BVInvest (tiếp theo)

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm

- Chi phí mua đất, tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu tính cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

4.4 Thuê tài sản

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

4.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn hoặc lâu dài được ghi nhận là tài sản cố định vô hình căn cứ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp bởi các cơ quan có thẩm quyền.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Tài sản cố định (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Quyền sử dụng đất đối với các lô đất mà Tập đoàn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc đang trong thời gian chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005 nhằm phục vụ mục đích cổ phần hóa của Công ty mẹ, được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình dựa trên giá trị định giá lại do chuyên gia thẩm định giá thực hiện.

4.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 20 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	theo thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Phần mềm tin học	03 - 08 năm
Tài sản cố định vô hình khác	02 - 20 năm

Tập đoàn không trích khấu hao liên quan đến các giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn theo quy định tại Thông tư số 45.

4.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

4.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
B09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

4.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể mà không phải dưới hình thức công ty con hay công ty liên doanh. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận như sau:

- Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh gộp trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.
- Phần chênh lệch giữa phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết lớn hơn giá phí khoản đầu tư được ghi nhận ngay là thu nhập phù hợp với kỳ mua khoản đầu tư.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết được mua trong năm, Tập đoàn sử dụng giá mua (giá gốc) là giá trị tạm thời để hạch toán ghi nhận ban đầu đối với khoản đầu tư này. Giá trị của khoản đầu tư sẽ được điều chỉnh theo giá trị hợp lý trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày mua. Chênh lệch (nếu có) giữa giá trị hợp lý và giá gốc của khoản đầu tư sẽ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào thời điểm xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư đó.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Danh sách các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 14.3.1.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên doanh (tiếp theo)

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên doanh. Cổ tức được nhận/lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Tùy theo mục đích nắm giữ, các khoản đầu tư chứng khoán được phân loại thành các nhóm: chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

- Chứng khoán kinh doanh: bao gồm chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán và các loại chứng khoán, công cụ tài chính khác nắm giữ cho mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Doanh nghiệp, các khoản tiền gửi kỳ hạn, cho vay kỳ hạn và các khoản đầu tư khác được nắm giữ tới ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ban đầu được ghi nhận theo giá gốc và sau đó được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: bao gồm các khoản đầu tư vào vốn chủ sở hữu của đơn vị khác nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi tiết cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản mục đầu được trình bày như dưới đây:

- Chứng khoán kinh doanh: Là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán Tập đoàn đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh và được trích lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy khoản đầu tư bị suy giảm giá trị;
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Tập đoàn sẽ đánh giá khả năng thu hồi của các khoản đầu tư này và trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được;
- Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác: Các khoản vốn góp của doanh nghiệp vào các tổ chức kinh tế trong nước, không phải các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh mà Tập đoàn đang sở hữu tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm do với giá trị đầu tư của doanh nghiệp; việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào báo cáo tài chính riêng của bên được đầu tư được lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính năm của Tập đoàn;
- Các khoản đầu tư mà Tập đoàn nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh); đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào báo cáo tài chính riêng của bên được đầu tư được lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính năm của Tập đoàn (dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Tạm ứng từ giá trị hoàn lại

Chủ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có quyền được yêu cầu tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị hoàn lại và lãi tích lũy đến thời điểm vay khi hợp đồng bảo hiểm đáp ứng các điều kiện sau:

- Hợp đồng đã có giá trị giải ước;
- Hợp đồng có hiệu lực từ đủ 24 tháng trở lên (với các hợp đồng không phải là hợp đồng liên kết chung, liên kết đơn vị); và
- Hợp đồng không có khoản tạm ứng quyền lợi bảo hiểm.

Tạm ứng từ giá trị hoàn lại được ghi nhận theo giá gốc và được trình bày trong mục "Đầu tư ngắn hạn" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lãi suất cho từng hợp đồng sẽ do Bảo Việt Nhân thọ thông báo trong từng thời kỳ. Phần tiền lãi phát sinh từ các khoản tạm ứng từ giá trị hoàn lại này được hạch toán vào khoản mục "Doanh thu hoạt động tài chính" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.12 Chứng khoán bán và mua lại theo hợp đồng có kỳ hạn ("hợp đồng repo và hợp đồng bán kết hợp mua lại")

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) hoặc các hợp đồng bán kết hợp mua lại không được ghi giảm trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được phân bổ vào chi phí và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại theo phương pháp đường thẳng.

4.13 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.14 Lợi ích nhân viên

Các khoản trợ cấp bảo hiểm xã hội

Căn cứ Luật Bảo hiểm Xã hội 2014 và các văn bản hướng dẫn thực hiện, hàng tháng Tập đoàn đã thực hiện việc đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam theo mức 14% trên quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của người lao động. Tập đoàn cũng trích nộp 3% quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của người lao động để đóng vào quỹ ốm đau và thai sản; 0,5% quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của người lao động để đóng vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Ngoài ra, từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Tập đoàn đã triển khai thực hiện mua sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho cán bộ, nhân viên. Theo đó, khi cán bộ, nhân viên nghỉ hưu trí sẽ được thêm quyền lợi từ giá trị Hợp đồng hưu trí theo số năm tham gia và mức đóng của cá nhân.

Trợ cấp bảo hiểm y tế

Căn cứ Luật Bảo hiểm Y tế 2014 và các văn bản hướng dẫn thực hiện, hàng tháng Tập đoàn đã thực hiện việc đóng vào quỹ bảo hiểm y tế cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam theo mức 3% quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của người lao động.

Trợ cấp thôi việc và trợ cấp mất việc

Đối với người lao động đã làm việc thường xuyên cho Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên:

- Khi hợp đồng lao động chấm dứt, Tập đoàn có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc;

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.14 Lợi ích nhân viên (tiếp theo)

Trợ cấp thôi việc và trợ cấp mất việc (tiếp theo)

- Khi người lao động bị mất việc do thay đổi cơ cấu, công nghệ, vì lý do kinh tế hoặc sáp nhập, hợp nhất, chia tách doanh nghiệp, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển nhượng quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của doanh nghiệp theo quy định tại Điều 34 của Bộ luật Lao động, Tập đoàn có trách nhiệm chi trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng tiền lương.

Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm.

Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của 06 tháng liền kề theo hợp đồng lao động trước khi người lao động thôi việc.

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2023/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 28/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp. Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công hàng tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

Theo Quyết định số 28/2021/QĐ-TTG ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, mức đóng bảo hiểm thất nghiệp 1% trích từ quỹ tiền lương, tiền công của người tham gia bảo hiểm thất nghiệp nêu trên được giảm xuống còn 0% trong vòng 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2021.

4.15 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 ("Nghị định 73"), Thông tư số 50/2017/TT-BTC ("Thông tư 50") do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 05 năm 2017, Thông tư số 52/2016/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016 ("Thông tư 52"), Thông tư số 115/2013/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 08 năm 2013 ("Thông tư 115") và Thông tư số 01/2019/TT-BTC được Bộ Tài Chính ban hành ngày 02 tháng 01 năm 2019 ("Thông tư 01") và Thông tư 89/2020/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2020 ("Thông tư 89") sửa đổi bổ sung Thông tư 50 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, các quỹ dự phòng nghiệp vụ của Tập đoàn bao gồm:

Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ	Dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ
Dự phòng toán học	Dự phòng toán học
Dự phòng rủi ro bảo hiểm	Dự phòng phí chưa được hưởng
Dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng	Dự phòng bồi thường
Dự phòng bồi thường	Dự phòng dao động lớn
Dự phòng chia lãi	Dự phòng đảm bảo cân đối
Dự phòng đảm bảo lãi suất cam kết	
Dự phòng đảm bảo cân đối	

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

4.15.1 Các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ

Chi tiết về các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ được trình bày dưới đây:

a) Dự phòng nghiệp vụ cho những sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống bao gồm dự phòng toán học, dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng bồi thường, dự phòng chia lãi và dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập theo Nghị định 73, Thông tư 50 và Thông tư 01 và thông tư 89 sửa đổi bổ sung Thông tư 50 do Bộ Tài chính ban hành:

- *Dự phòng toán học* của Bảo Việt Nhân thọ được tính toán dựa trên một trong các phương pháp sau: phương pháp dự phòng phí bảo hiểm toàn phần, phương pháp dự phòng phí bảo hiểm thuần hoặc phương pháp dự phòng phí bảo hiểm thuần điều chỉnh theo hệ số Zillmer. Phương pháp, cơ sở và giả định trích lập dự phòng được phê chuẩn bởi Bộ Tài chính khi trình sản phẩm hoặc trong các lần trình tiếp theo. Dự phòng nghiệp vụ công bố là giá trị lớn hơn giữa dự phòng trích lập theo phương pháp của Tổng Công ty và dự phòng tối thiểu theo luật định.

- *Dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng* là dự phòng cho thu nhập chưa được hưởng của những khoản đã trả vào ngày lập báo cáo tài chính và được tính toán trên phí bảo hiểm gộp cho tất cả các đơn bảo hiểm có thời hạn từ một năm (01) trở xuống còn hiệu lực vào ngày lập báo cáo.

- *Dự phòng bồi thường* bao gồm dự phòng cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng cho các tổn thất đã xảy ra nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường.

  - Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết (OSC): được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.

  - Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR): chỉ được áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống.

- *Dự phòng chia lãi* bao gồm dự phòng cho phần lãi tích luỹ chưa trả, bảo tức và dự phòng thặng dư chưa phân phối đối với các hợp đồng bảo hiểm được chia lãi.

- *Dự phòng đảm bảo cân đối* được trích lập bằng một phần trăm (1%) của lợi nhuận trước thuế, được trích lập hàng năm cho đến khi dự phòng này bằng năm phần trăm (5%) của phí bảo hiểm thu được trong năm của Bảo Việt Nhân thọ.

b) Theo Thông tư 50, Thông tư 52 và dựa trên phương pháp và cơ sở xác định số liệu dự phòng nghiệp vụ đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê duyệt, Bảo Việt Nhân thọ đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm liên kết chung như sau:

- *Dự phòng nghiệp vụ* đối với phần liên kết chung là tổng giá trị tài khoản của các hợp đồng liên kết chung, dự phòng cho quyền lợi duy trì hợp đồng được giữ lại trong quỹ liên kết chung và một số quyền lợi khác theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

- *Dự phòng rủi ro bảo hiểm* là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng.

- *Dự phòng bồi thường* được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường từ doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.

- *Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu* là dự phòng được trích lập trong trường hợp thị trường đầu tư có biến động hoặc kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm thấp hơn lãi suất cam kết, được tính trên mức chênh lệch giữa kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm và lãi suất cam kết của Bảo Việt Nhân thọ đối với khách hàng theo thoả thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

4.15.1 Các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ (tiếp theo)

c) Theo Thông tư 50, Thông tư 115 và dựa trên phương pháp và cơ sở xác định số liệu dự phòng nghiệp vụ đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê duyệt, Bảo Việt Nhân thọ đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm bảo hiểm hưu trí như sau:

- *Dự phòng nghiệp vụ* đối với tài khoản bảo hiểm hưu trí là tổng giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí tại thời điểm trích lập.
- *Dự phòng rủi ro bảo hiểm* là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng và dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng.
- *Dự phòng bồi thường* được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
- *Dự phòng đảm bảo lãi suất cam kết* là dự phòng được trích lập trong trường hợp thị trường đầu tư có biến động hoặc kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm thấp hơn lãi suất cam kết, được tính trên mức chênh lệch giữa kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm và lãi suất cam kết của Tổng Công ty đối với khách hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Trên mức độ tổng danh mục, cũng theo quy định tại Thông tư 50/2017/TT-BTC, Tổng Công ty còn phải trích lập Dự phòng đảm bảo cân đối bằng một phần trăm (1%) của lợi nhuận trước thuế, được trích lập hàng năm cho đến khi dự phòng này bằng năm phần trăm (5%) của phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của Tổng Công ty.

4.15.2 Các quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo Công văn số 2470/BTC-QLBH ban hành ngày 06 tháng 03 năm 2018 hiệu lực từ năm tài chính 2017 bao gồm a) nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và b) nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư 50.

Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

a) Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm hoặc theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể:

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa có thời hạn từ 01 năm trở xuống, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập bằng 25% tổng phí bảo hiểm.
- Đối với các loại hình bảo hiểm khác và các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm của nghiệp vụ hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp 1/8. Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một quý của doanh nghiệp bảo hiểm phân bổ đều giữa các tháng trong quý, hay nói một cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó. Dự phòng phí chưa được hưởng sẽ được tính theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \text{Phí bảo hiểm} \times \text{Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng}$$

- Các khoản dự phòng phí chưa được hưởng của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng phí chưa được hưởng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

4.15.2 Các quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ (tiếp theo)

a) Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ (tiếp theo)

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường (IBNR) được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.
- Các khoản dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

(iii) Dự phòng dao động lớn

- Dự phòng dao động lớn được trích hàng năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong năm và được trích lập trên cơ sở phí bảo hiểm giữ lại.
- Dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán ("CMKT") mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính". Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng CMKT số 19 và theo quy định tại Nghị định số 73 về việc quy định chi tiết thi hành luật kinh doanh bảo hiểm và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Tập đoàn căn cứ Điều 17, Thông tư 50 để trích lập dự phòng dao động lớn trên báo cáo tài chính hợp nhất. Tỷ lệ trích lập hiện tại là 2% tổng phí giữ lại của từng loại hình bảo hiểm.

b) Nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

(i) Dự phòng toán học

- Đối với hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 01 năm, trừ các hợp đồng chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp 1/8 trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.
- Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, dự phòng toán học được trích lập như sau:

$$\text{Dự phòng toán học} = \frac{\text{Phí bảo hiểm x Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}$$

Dự phòng toán học được hạch toán vào tài khoản dự phòng phí chưa được hưởng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Trong mọi trường hợp Bảo hiểm Bảo Việt đảm bảo kết quả trích lập dự phòng không thấp hơn kết quả trích lập theo phương pháp 1/8.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

4.15.2 Các quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ (tiếp theo)

b) Nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe (tiếp theo)

(ii) Dự phòng phí chưa được hưởng

Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn 01 năm trở xuống, dự phòng phí chưa được hưởng trích lập theo phương pháp 1/8.

(iii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm; và

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường (IBNR) được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

- Các khoản dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

(iv) Dự phòng đảm bảo cân đối

Mức trích lập hằng năm là 2% phí bảo hiểm giữ lại và được hạch toán vào tài khoản dự phòng đảm bảo cân đối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.16 Quỹ dự trữ bắt buộc

Các quỹ dự trữ bắt buộc dưới đây được trích lập phù hợp với các quy định hiện hành mà Tập đoàn và các Công ty con đang hoạt động trong từng lĩnh vực cụ thể:

Hoạt động bảo hiểm

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế mỗi đơn vị Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ mỗi kỳ kế toán và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ mỗi đơn vị trên theo quy định tại Nghị định 73.

Hoạt động chứng khoán, quản lý quỹ

BVSC và BVF là Công ty con của Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán và quản lý quỹ, căn cứ lợi nhuận sau thuế hàng năm mỗi đơn vị để trích lập các quỹ theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC (*) do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Quỹ dự trữ bắt buộc (tiếp theo)

Hoạt động chứng khoán, quản lý quỹ (tiếp theo)

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên/Hội đồng Quản trị đơn vị.

(*) Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114/2021/TT-BTC về việc bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC. Thông tư 114/2021/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 và áp dụng từ năm tài chính 2022, theo đó, số dư các quỹ này sẽ được sử dụng theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

4.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Bảo hiểm nhân thọ

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với Thông tư 50. Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm. Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ được quy định trong hợp đồng bảo hiểm, doanh thu phí bảo hiểm được hạch toán tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh. Các khoản phí đến hạn sau ngày lập báo cáo nhưng đã nhận được trước ngày kết thúc năm tài chính sẽ được ghi nhận là "Doanh thu chưa thực hiện" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trừ trường hợp hợp đồng bảo hiểm có điều khoản thanh toán phí tối thiểu, doanh thu từ hợp đồng bảo hiểm liên kết chung được Bảo Việt Nhân thọ ghi nhận khi thu được phí bảo hiểm. Giá trị quỹ liên kết chung được các Chuyên gia định phí của Bảo Việt Nhân thọ tính toán và được ghi nhận thông qua "Dự phòng nghiệp vụ" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Bảo hiểm phi nhân thọ

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 50 hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

Theo đó, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm, đồng thời bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; (2) có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; (3) khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn). Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm phải được quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Theo Thông tư 50, thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, Bảo hiểm Bảo Việt hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và chỉ hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối năm kế toán được ghi nhận vào "Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Những khoản hoàn hoặc giảm phí bảo hiểm gốc là các khoản giảm trừ doanh thu và được theo dõi riêng, cuối năm kết chuyển vào tài khoản doanh thu phí bảo hiểm gốc để tính doanh thu thuần.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Đối với trái phiếu, doanh thu tiền lãi bao gồm cả số phân bổ theo phương pháp đường thẳng các khoản chiết khấu, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của trái phiếu và giá trị của trái phiếu khi đáo hạn. Khi tiền lãi chưa thu của một khoản đầu tư trái phiếu đã được dồn tích trước khi doanh nghiệp mua lại khoản trái phiếu đó, thì khi thu được tiền lãi từ khoản đầu tư trái phiếu, doanh nghiệp phải phân bổ vào cả các năm trước khi nó được mua. Chỉ phần tiền lãi của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua mới được ghi nhận là doanh thu của Tập đoàn. Phần tiền lãi của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí lưu ký, phí thưởng hoạt động, phí môi giới, bảo lãnh phát hành, v.v... được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện được một phần và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Lãi từ kinh doanh chứng khoán được tính từ phần chênh lệch giữa giá bán và giá gốc bình quân của chứng khoán.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức hay lợi nhuận được chia của Tập đoàn với tư cách là nhà đầu tư được xác định. Theo quy định tại Thông tư 200, Tập đoàn không ghi nhận doanh thu đối với phần cổ tức được trả bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên như quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác", ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
B09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Ghi nhận chi phí

Chi bồi thường và chi trả đáo hạn

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi bồi thường và chi trả đáo hạn được ghi nhận khi nghĩa vụ thanh toán đối với chủ hợp đồng theo điều khoản hợp đồng được xác lập.

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Bảo hiểm Bảo Việt chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Chi hoa hồng

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính và chi trả theo từng quyết định phê chuẩn sản phẩm của Bộ Tài chính và phù hợp với quy định tại Thông tư 50.

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, Bảo hiểm Bảo Việt tính toán hoa hồng phải chi trả của mỗi loại sản phẩm bảo hiểm theo tỷ lệ phần trăm nhất định trên doanh thu phí bảo hiểm gốc phù hợp với các tỷ lệ quy định tại Thông tư 50 và chỉ ghi nhận vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho phần chi phí hoa hồng được phân bổ trong năm theo tỷ lệ phù hợp với phần doanh thu phí được hưởng. Phần hoa hồng chưa được phân bổ sẽ được ghi nhận như là một khoản chi phí trả trước và sẽ được phân bổ vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho các năm tiếp theo. Đối với nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe, chi khen thưởng đại lý và chi hỗ trợ đại lý không vượt quá 100% hoa hồng bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe đã khai thác trong giai đoạn tài chính theo quy định tại Thông tư 89/2020/TT-BTC ("Thông tư 89") ngày 11 tháng 11 năm 2020.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận. Cuối kỳ kế toán năm, khoản hoa hồng nhượng tái bảo hiểm tương ứng với hoa hồng hoạt động bảo hiểm gốc chưa được tính vào doanh thu kỳ này tương ứng với doanh thu phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm.

Giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Giá vốn đất đã chuyển nhượng bao gồm toàn bộ các chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất hoặc các chi phí có thể phân bổ/ước tính trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Toàn bộ các chi phí về đất và phát triển đất;
- Các chi phí bắt buộc, không thu hồi được khác phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản liên quan đến các hoạt động phát triển đất hiện tại và trong tương lai của dự án.

Tài sản đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.19 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

(i) Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm, hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và các khoản thu khác phát sinh từ hoạt động nhượng tái bảo hiểm được hạch toán cùng kỳ với kỳ kế toán ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm gốc hoặc phí nhận tái bảo hiểm tương ứng. Chi phí từ hoạt động nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đúng theo quy định hiện hành đảm bảo có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hoặc bằng chứng chứng minh.

Cuối kỳ kế toán năm, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu kỳ này tương ứng với doanh thu phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm.

(ii) Nhận tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm và các khoản thu khác phát sinh từ hoạt động nhận tái bảo hiểm được hạch toán theo bản thanh toán về tái bảo hiểm được xác nhận. Chi phí từ hoạt động tái bảo hiểm được ghi nhận đúng theo quy định hiện hành đảm bảo có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hoặc bằng chứng chứng minh.

Cuối kỳ kế toán năm, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với doanh thu nhận tái chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm.

4.20 Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm và được phản ánh trên các hóa đơn đã phát hành.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận khi phát sinh.

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng xây dựng đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận vào khoản mục "Các khoản phải thu/phải trả" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
B09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.22 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ Đầu tư và Phát triển: được trích lập cho mục đích đầu tư mở rộng quy mô hoạt động, đầu tư chiều sâu của Tập đoàn;
- Quỹ Khen thưởng Phúc lợi cho người lao động và Quỹ Khen thưởng cho người quản lý: được trích lập cho mục đích khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho người lao động và người quản lý, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.23 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 200 để hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.24 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế có thể phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
B09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.25 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bảo hiểm, đầu tư, tài chính và hoạt động khác. Ban Điều hành xác định bộ phận theo hoạt động kinh doanh của từng đơn vị của Tập đoàn theo đặc điểm của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp.

4.26 Các khoản mục ngoại bảng

Theo Chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm, các hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết nhưng chưa phát sinh trách nhiệm đối với các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không cần phải phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi phí bảo hiểm đã được thu hoặc đơn bảo hiểm có hiệu lực.

Ngoài ra, Tập đoàn hoạt động trên các lĩnh vực chứng khoán, quản lý quỹ,... do vậy một số thông tin liên quan đến các khoản mục như chứng khoán lưu ký và chưa lưu ký, cam kết ngoại bảng, danh mục ủy thác đầu tư,... cũng được trình bày ngoại bảng theo các yêu cầu luật định áp dụng cho các hoạt động này.

4.27 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân được coi là liên quan.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Tiền mặt tại quỹ	38.525.584.892	49.506.405.375
Tiền gửi ngân hàng	542.653.720.500	449.099.728.375
Tiền đang chuyển	164.512.720.473	145.036.230.001
Các khoản tương đương tiền (*)	4.608.400.000.007	6.137.100.000.005
TỔNG CỘNG	**5.354.092.025.872**	**6.780.742.363.756**

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các hợp đồng tiền gửi tại các tổ chức tài chính có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng và được hưởng lãi suất từ 2,90%/năm đến 3,60%/năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

6.1 *Các khoản phải thu ngắn hạn*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phải thu về hoạt động bảo hiểm		
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	681.564.752.933	633.787.937.543
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	54.371.217.644	65.638.146.690
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	250.718.242.631	638.427.889.268
Phải thu khác nhượng tái bảo hiểm	88.208.401.121	271.136.799.519
Phải thu liên quan đến đồng bảo hiểm	140.363.167.090	141.004.900.147
Phải thu khác hoạt động bảo hiểm	8.651.142.861	4.868.675.465
	1.223.876.924.280	**1.754.864.348.632**
Phải thu về hoạt động đầu tư tài chính		
Phải thu cổ tức	8.665.558.460	6.269.389.950
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	2.627.384.296.582	2.955.624.573.146
Phải thu lãi trái phiếu	1.474.996.161.257	1.231.124.604.145
Phải thu liên quan đến tạm ứng từ giá trị giải ước	350.677.511.617	197.428.548.101
Phải thu đầu tư khác	7.808.967.868	1.774.685.136
	4.469.532.495.784	**4.392.221.800.478**
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**56.638.491.525**	**63.469.950.921**
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Phải thu từ hoạt động margin và ứng trước	3.414.299.036.244	2.235.374.993.636
Phải thu từ cho vay ủy thác	3.217.453.646	3.217.453.646
	3.417.516.489.890	**2.238.592.447.282**
Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	193.702.544.608	21.717.958.132
Phải thu phí quản lý quỹ	3.744.563.340	3.794.160.924
Phải thu từ hoạt động xây lắp, quản lý tòa nhà, và cho thuê văn phòng	19.775.630.820	44.668.607.532
Tạm ứng khác	25.474.558.848	19.588.793.956
Phải thu ngắn hạn khác	234.798.240.154	180.822.257.844
	477.495.537.770	**270.591.778.388**
Tài sản thiếu chờ xử lý	**170.105.685**	**170.105.685**
Tổng cộng các khoản phải thu	**9.645.230.044.934**	**8.719.910.431.386**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(414.718.728.147)	(420.627.400.900)
Giá trị thuần của các khoản phải thu ngắn hạn	**9.230.511.316.787**	**8.299.283.030.486**

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

6.2 *Các khoản phải thu dài hạn*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Ký quỹ		
- Hoạt động bảo hiểm nhân thọ	20.000.000.000	20.000.000.000
- Hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ	8.000.000.000	8.000.000.000
- Hoạt động kinh doanh chứng khoán	21.178.821.110	21.350.120.520
	49.178.821.110	**49.350.120.520**
Phải thu dài hạn khác		
- Phải thu dài hạn khác	23.182.816.706	21.450.944.937
	23.182.816.706	**21.450.944.937**
TỔNG CỘNG	**72.361.637.816**	**70.801.065.457**

7. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Ấn chỉ	36.039.325.944	31.656.766.750
Vật liệu, văn phòng phẩm	34.966.726.707	34.430.373.509
Thiết bị, dụng cụ	7.618.522.854	2.953.335.423
Hàng tồn kho tại BVInvest (*)	63.028.647.939	55.392.611.708
Tổng cộng hàng tồn kho	**141.653.223.444**	**124.433.087.390**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	**141.653.223.444**	**124.433.087.390**

(*) Bao gồm trong khoản mục này là các chi phí mua sắm và chi phí xây dựng dở dang của các bất động sản đầu tư của BVInvest. Các khoản này đang được ghi nhận là hàng tồn kho cho đến khi được bán và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. CHI PHÍ HOA HỒNG CHƯA PHÂN BỔ

	Bảo hiểm nhân thọ VND	Bảo hiểm phi nhân thọ VND	Tổng cộng VND
Ngày 31/12/2020	-	**600.397.009.237**	**600.397.009.237**
Phát sinh trong năm	1.887.725.438.646	933.698.858.387	2.821.424.297.033
Phân bổ vào chi phí trong năm	(1.887.725.438.646)	(1.041.090.115.012)	(2.928.815.553.658)
Ngày 31/12/2021	-	**493.005.752.612**	**493.005.752.612**

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn		
Trả trước tiền thuê văn phòng	19.374.672.347	13.111.025.670
Chi phí công cụ, dụng cụ, bảo hành	12.296.405.314	4.451.974.154
Chi phí khác	18.258.158.397	16.459.476.649
	49.929.236.058	**34.022.476.473**
Chi phí trả trước dài hạn		
Trả trước tiền thuê văn phòng	49.556.516.797	128.609.331.984
Cải tạo thiết bị nội thất	14.127.248.746	20.375.607.162
Chi phí công cụ, dụng cụ, bảo hành	28.960.118.052	30.398.791.031
Chi phí khác	16.346.260.637	23.309.052.666
	108.990.144.232	**202.692.782.843**
TỔNG CỘNG	**158.919.380.290**	**236.715.259.316**

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Công cụ, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:						
Vào ngày 31/12/2020	1.160.279.687.713	257.560.267.434	548.216.937.536	347.051.091.083	3.852.218.825	2.316.960.202.591
- Mua sắm	-	1.892.821.120	37.798.817.438	24.606.319.507	-	64.297.958.065
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	179.602.827.265	-	-	17.739.289.953	-	197.342.117.218
- (Giảm)/Tăng khác	(3.427.708.675)	473.290.196	3.498.000	28.775.000	-	(2.922.145.479)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.061.275.890)	(6.919.285.377)	(6.172.478.925)	(995.297.700)	(17.148.337.892)
Vào ngày 31/12/2021	**1.336.454.806.303**	**256.865.102.860**	**579.099.967.597**	**383.252.996.618**	**2.856.921.125**	**2.558.529.794.503**
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31/12/2020	574.289.677.288	168.349.318.953	436.832.428.827	274.466.774.661	3.374.198.009	1.457.312.397.738
- Khấu hao trong năm	50.951.924.086	26.041.457.964	39.593.343.264	31.020.316.054	413.525.932	148.020.567.300
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.970.687.094)	(6.919.285.377)	(6.172.478.925)	(991.720.529)	(17.054.171.925)
- (Giảm)/Tăng khác	(3.859.305.184)	(218.158.422)	-	63.412.630	-	(4.014.050.976)
Vào ngày 31/12/2021	**621.382.296.190**	**191.201.931.401**	**469.506.486.714**	**299.378.024.420**	**2.796.003.412**	**1.584.264.742.137**
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31/12/2020	585.990.010.425	89.210.948.481	111.384.508.709	72.584.316.422	478.020.816	859.647.804.853
Vào ngày 31/12/2021	**715.072.510.113**	**65.663.171.459**	**109.593.480.883**	**83.874.972.198**	**60.917.713**	**974.265.052.366**

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:				
Vào ngày 31/12/2020	758.296.631.434	667.953.257.629	4.213.321.739	1.430.463.210.802
- Mua trong năm	-	8.308.112.375	456.000.000	8.764.112.375
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	100.734.947.231	-	100.734.947.231
Vào ngày 31/12/2021	**758.296.631.434**	**776.996.317.235**	**4.669.321.739**	**1.539.962.270.408**
Giá trị hao mòn luỹ kế:				
Vào ngày 31/12/2020	102.102.606.421	395.148.782.458	4.204.576.114	501.455.964.993
- Hao mòn trong năm	7.899.913.781	70.381.325.276	9.971.432	78.291.210.489
Vào ngày 31/12/2021	**110.002.520.202**	**465.530.107.734**	**4.214.547.546**	**579.747.175.482**
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31/12/2020	656.194.025.013	272.804.475.171	8.745.625	929.007.245.809
Vào ngày 31/12/2021	**648.294.111.232**	**311.466.209.501**	**454.774.193**	**960.215.094.926**

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Là khoản đầu tư vào Dự án khu biệt thự nhà vườn Quang Minh tại khu vực Đồng Đìa, Cửa Cuồng, Mả Vàng thuộc thôn Gia Tân, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, các dự án này vẫn đang được nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc bán dự án.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Mua sắm (*)	286.568.382.510	307.562.843.478
Xây dựng cơ bản dở dang (**)	152.927.520.393	253.579.326.598
Sửa chữa lớn (***)	2.243.072.117	786.329.735
TỔNG CỘNG	**441.738.975.020**	**561.928.499.811**

(*) Chi tiết các tài sản mua sắm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Tòa nhà hợp khối tại số 8 Lê Thái Tổ	242.242.223.019	242.242.223.019
Các tài sản khác	44.326.159.491	65.320.620.459
TỔNG CỘNG	**286.568.382.510**	**307.562.843.478**

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG (tiếp theo)

(**) Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Tòa nhà Thanh Trì	37.970.371.996	37.677.417.451
Trụ sở Bảo Việt Hà Đông	25.588.694.226	25.588.694.226
Trụ sở Bảo hiểm Bảo Việt, số 7 Lý Thường Kiệt, Hà Nội	45.514.230.822	156.066.506.635
Các công trình khác	43.854.223.349	34.246.708.286
TỔNG CỘNG	**152.927.520.393**	**253.579.326.598**

(***) Sửa chữa lớn tài sản cố định gồm việc cải tạo, nâng cấp các tòa nhà, văn phòng hiện hữu.

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Chứng khoán kinh doanh	**14.1**		
Cổ phiếu niêm yết		1.915.618.700.833	1.563.799.696.578
Cổ phiếu chưa niêm yết		79.333.223.424	244.398.855.678
Chứng chỉ quỹ		247.371.797.008	275.871.916.465
Trái phiếu		600.125.708.918	365.574.706.629
		2.842.449.430.183	**2.449.645.175.350**
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	**14.1**	**(46.212.778.674)**	**(156.221.229.549)**
		2.796.236.651.509	**2.293.423.945.801**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	**14.2**		
Ngắn hạn		79.210.910.835.330	71.424.719.658.593
- *Tiền gửi*		*74.798.114.071.362*	*68.099.541.630.509*
- *Trái phiếu*		*2.074.978.748.657*	*1.158.100.608.311*
- *Tạm ứng từ giá trị hoàn lại*		*2.337.818.015.311*	*2.167.077.419.773*
Dài hạn		63.408.384.302.195	48.071.860.660.529
- *Tiền gửi*		*12.505.120.574.205*	*14.119.017.923.547*
- *Trái phiếu*		*50.903.263.727.990*	*33.952.842.736.982*
		142.619.295.137.525	**119.496.580.319.122**
Đầu tư tài chính dài hạn khác	**14.3**		
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14.3.1	3.088.258.326.242	2.880.436.188.476
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.3.2	929.538.716.123	1.042.701.268.763
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn khác	14.3.2	(42.683.425.929)	(120.753.192.331)
		3.975.113.616.436	**3.802.384.264.908**
Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính		**149.390.645.405.470**	**125.592.388.529.831**

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14.1 Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020		
	Giá gốc	Giá trị thuần	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị thuần	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết						
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	265.979.803.260	265.979.803.260	-	265.979.803.260	209.912.000.000	(56.067.803.260)
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	170.687.061.328	170.687.061.328	-	310.735.756.074	308.623.506.474	(2.112.249.600)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	287.322.747.396	287.322.747.396	-	6.239.137.498	5.873.672.750	(365.464.748)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	163.483.737.210	163.483.737.210	-	318.830.560.512	318.830.560.512	-
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	209.763.212.610	207.395.691.958	(2.367.520.652)	11.780.631.835	11.030.035.200	(750.596.635)
Cổ phiếu niêm yết khác	818.382.139.029	812.156.811.964	(6.225.327.065)	650.233.807.399	598.815.799.303	(51.418.008.096)
	1.915.618.700.833	**1.907.025.853.116**	**(8.592.847.717)**	**1.563.799.696.578**	**1.453.085.574.239**	**(110.714.122.339)**
Cổ phiếu chưa niêm yết						
Tổng Công ty MBLand	28.800.000.000	5.040.000.000	(23.760.000.000)	28.800.000.000	13.200.000.000	(15.600.000.000)
Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau	24.000.000.000	24.000.000.000	-	24.000.000.000	13.572.000.000	(10.428.000.000)
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	26.533.223.424	12.692.018.024	(13.841.205.400)	191.598.855.678	172.119.748.468	(19.479.107.210)
	79.333.223.424	**41.732.018.024**	**(37.601.205.400)**	**244.398.855.678**	**198.891.748.468**	**(45.507.107.210)**
Trái phiếu						
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	120.026.959.200	120.026.959.200	-	120.026.959.200	120.026.959.200	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt	93.028.622.222	93.028.622.222	-	97.088.400.000	97.088.400.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	-
Trái phiếu chính phủ	61.787.000.000	61.787.000.000	-	-	-	-
Khác	225.283.127.496	225.283.127.496	-	148.459.347.429	148.459.347.429	-
	600.125.708.918	**600.125.708.918**	**-**	**365.574.706.629**	**365.574.706.629**	**-**
Chứng chỉ quỹ						
BVPF	77.000.000.000	77.000.000.000	-	77.000.000.000	77.000.000.000	-
BVBF	60.000.000.000	60.000.000.000	-	60.000.000.000	60.000.000.000	-
BVFED	55.000.000.000	55.000.000.000	-	55.000.000.000	55.000.000.000	-
E1VFVN30	19.612.419.582	19.612.419.582	-	57.292.853.111	57.292.853.111	-
Khác	35.759.377.426	35.740.651.869	(18.725.557)	26.579.063.354	26.579.063.354	-
	247.371.797.008	**247.353.071.451**	**(18.725.557)**	**275.871.916.465**	**275.871.916.465**	**-**
TỔNG CỘNG	**2.842.449.430.183**	**2.796.236.651.509**	**(46.212.778.674)**	**2.449.645.175.350**	**2.293.423.945.801**	**(156.221.229.549)**

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi (i)	75.240.714.071.362	74.798.114.071.362	68.542.141.630.509	68.099.541.630.509
Trái phiếu	2.924.731.065.160	2.074.978.748.657	1.832.852.924.813	1.158.100.608.311
- *Trái phiếu doanh nghiệp (iii)*	*2.924.731.065.160*	*2.074.978.748.657*	*1.724.395.245.470*	*1.049.642.928.968*
- *Trái phiếu Chính phủ (iv)*	-	-	*108.457.679.343*	*108.457.679.343*
Tạm ứng từ giá trị hoàn lại (v)	2.337.818.015.311	2.337.818.015.311	2.167.077.419.773	2.167.077.419.773
	80.503.263.151.833	**79.210.910.835.330**	**72.542.071.975.095**	**71.424.719.658.593**
Dài hạn				
Tiền gửi (ii)	12.505.120.574.205	12.505.120.574.205	14.119.017.923.547	14.119.017.923.547
Trái phiếu (iv)	50.903.263.727.990	50.903.263.727.990	33.952.842.736.982	33.952.842.736.982
- *Trái phiếu doanh nghiệp*	*7.834.881.072.845*	*7.834.881.072.845*	*5.365.123.419.000*	*5.365.123.419.000*
- *Trái phiếu Chính phủ*	*43.068.382.655.145*	*43.068.382.655.145*	*28.587.719.317.982*	*28.587.719.317.982*
	63.408.384.302.195	**63.408.384.302.195**	**48.071.860.660.529**	**48.071.860.660.529**
TỔNG CỘNG	**143.911.647.454.028**	**142.619.295.137.525**	**120.613.932.635.624**	**119.496.580.319.122**

(i) Ngoài các hợp đồng tiền gửi tại ALCII, VFC đã quá hạn, các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng có thời hạn gốc trên ba (03) tháng và thời gian đáo hạn không quá một (01) năm và có mức lãi suất từ 3,30%/năm đến 7,30%/năm.

(ii) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn trên một (01) năm và được hưởng lãi suất từ 4,70%/năm đến 10,50%/năm.

(iii) Ngoài các trái phiếu Vinashin, các trái phiếu doanh nghiệp khác có lãi suất từ 7,05%/năm đến 10,83%/năm với kỳ hạn từ năm (05) đến bảy (07) năm.

(iv) Các trái phiếu Chính phủ mà Tập đoàn đầu tư có lãi suất từ 2,90%/năm đến 8,90%/năm với kỳ hạn từ mười (10) đến ba mươi (30) năm, trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn từ năm (05) đến mười (10) năm và được hưởng lãi suất từ 6,40%/năm đến 7,78%/năm.

(v) Bao gồm khoản tạm ứng từ giá trị hoàn lại theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được ghi nhận theo giá gốc. Người tham gia bảo hiểm có hợp đồng bảo hiểm đã đóng phí đủ từ 24 tháng trở lên và có giá trị hoàn lại có quyền được yêu cầu tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị hoàn lại và lãi tích lũy đến thời điểm tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14.3 Đầu tư tài chính dài hạn khác

14.3.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Chi tiết biến động các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

Đơn vị: VND

Đơn vị được đầu tư	Vốn góp của Tập đoàn	Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021	Đầu tư trong năm	Cổ tức thu được	Lợi nhuận/(Lỗ) trong năm thuộc về Tập đoàn	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
Long Việt	29.269.440.000	29.853.609.771	-	-	201.313.724	30.054.923.495
Tokio Marine Việt Nam	147.000.000.000	270.411.757.057	-	(52.811.609.061)	68.098.083.132	285.698.231.128
Bảo Việt SCIC	70.000.000.000	75.836.926.119	-	-	(1.913.501.441)	73.923.424.678
Bảo Việt Bank	1.560.000.000.000	1.786.553.260.773	-	-	46.736.696.818	1.833.289.957.591
Trung Nam Phú Quốc	431.200.000.000	431.184.692.577	-	-	(1.663.743)	431.183.028.834
Hòn Tằm Biển Nha Trang	196.000.000.000	174.026.372.823	-	-	(37.997.001.668)	136.029.371.155
Thuỷ điện Nậm Mu	178.860.000.000	-	178.860.000.000	(11.220.000.000)	11.327.354.055	178.967.354.055
PLT	97.650.000.000	112.569.569.356	-	-	6.542.465.950	119.112.035.306
TỔNG CỘNG	**2.709.979.440.000**	**2.880.436.188.476**	**178.860.000.000**	**(64.031.609.061)**	**92.993.746.827**	**3.088.258.326.242**

14.3.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị thuần
Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG	225.000.000.000	-	225.000.000.000	225.000.000.000	-	225.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	144.000.000.000	-	144.000.000.000	163.921.040.000	(443.182.000)	163.477.858.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	125.000.000.000	-	125.000.000.000	125.000.000.000	-	125.000.000.000
Dự án Tháp Tài chính Quốc tế ("IFT")	168.386.311.194	-	168.386.311.194	168.163.853.956	-	168.163.853.956
Khác	267.152.404.929	(42.683.425.929)	224.468.979.000	360.616.374.807	(120.310.010.331)	240.306.364.476
TỔNG CỘNG	**929.538.716.123**	**(42.683.425.929)**	**886.855.290.194**	**1.042.701.268.763**	**(120.753.192.331)**	**921.948.076.432**

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phải trả hoạt động bảo hiểm		
Bảo hiểm nhân thọ	***922.888.682.961***	***930.520.293.775***
Phải trả bồi thường và trả tiền bảo hiểm	108.918.365.682	117.710.801.390
Phải trả thu nhập đại lý	810.203.143.467	807.201.230.097
Lãi phải trả cho chủ hợp đồng	15.728.100	5.608.262.288
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm nhân thọ	3.751.445.712	-
Bảo hiểm phi nhân thọ	***1.416.715.251.677***	***1.721.324.654.521***
Phải trả hoa hồng bảo hiểm	91.953.917.624	148.734.773.104
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc phi nhân thọ	228.328.537.296	167.185.228.324
Phải trả nhận tái bảo hiểm phi nhân thọ	81.231.857.247	66.043.470.030
Phải trả nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ	908.508.679.072	1.272.249.697.974
Phải trả đồng bảo hiểm	106.692.260.438	67.111.485.089
	2.339.603.934.638	**2.651.844.948.296**
Phải trả hoạt động tài chính		
Phải trả nhận đặt cọc chuyển nhượng đầu tư	20.000.000.000	-
Phải trả mua chứng khoán	4.042.025.826	4.024.930.000
	24.042.025.826	**4.024.930.000**
Phải trả người bán và nhà cung cấp dịch vụ		
Phải trả người bán, nhà cung cấp	63.494.247.268	54.206.035.291
Phải trả khác	720.493.393	599.494.819
	64.214.740.661	**54.805.530.110**
TỔNG CỘNG	**2.427.860.701.125**	**2.710.675.408.406**

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Thuế phải thu Nhà nước				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.125.067.026)	6.960.219.697	(6.624.645.283)	(1.789.492.612)
Thuế thu nhập cá nhân	(87.680.982)	87.680.982	-	-
Thuế khác	(1.299.914.027)	1.299.914.027	(57.578.642)	(57.578.642)
TỔNG CỘNG	**(3.512.662.035)**	**8.347.814.706**	**(6.682.223.925)**	**(1.847.071.254)**
Thuế phải nộp Nhà nước				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	16.819.765.061	410.132.155.136	(390.021.265.555)	36.930.654.642
Thuế thu nhập doanh nghiệp	74.825.261.835	373.608.690.608	(332.110.108.153)	116.323.844.290
Thuế thu nhập cá nhân	30.668.733.043	569.545.928.809	(546.535.133.812)	53.679.528.040
Tiền thuế đất	(365.984.079)	9.635.919.011	(9.675.713.451)	(405.778.519)
Các loại thuế khác	229.579.752	19.925.017.346	(19.214.201.856)	940.395.242
TỔNG CỘNG	**122.177.355.612**	**1.382.847.710.910**	**(1.297.556.422.827)**	**207.468.643.695**

Trong năm 2021, mức thuế suất áp dụng đối với các đơn vị trong Tập đoàn như sau:

Đơn vị	Thuế suất áp dụng
Bảo Việt - Âu Lạc	10%
Quỹ BVIF	Không thuộc đối tượng chịu thuế
Công ty mẹ và các công ty con khác	20%

Các báo cáo thuế của Công ty mẹ Tập đoàn và các Công ty con chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	380.484.124.137	267.396.475.068
(Thu nhập)/Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(7.414.599.023)	36.042.360.066
TỔNG CỘNG	**373.069.525.114**	**303.438.835.134**

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

16.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế tính thuế:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**2.376.488.714.496**	**1.953.285.808.059**
Các điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng		
- *Hoa hồng dự trả ước tính năm nay*	*37.475.252.532*	*23.221.445.863*
- *Hoàn nhập lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá năm trước*	*25.506.325.369*	*554.636.910*
- *Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm*	*3.709.422*	*-*
- *Chi phí không hợp lệ cho mục đích tính thuế*	*10.771.686.567*	*31.936.967.895*
Các khoản điều chỉnh giảm		
- *Thu nhập không chịu thuế từ cổ tức, lợi nhuận được chia*	*(96.492.323.447)*	*(173.768.233.230)*
- *Hoàn nhập hoa hồng dự trả ước tính năm trước*	*(23.221.445.863)*	*(35.218.162.708)*
- *Hoàn nhập chênh lệch tạm thời chi phí dự phòng tài chính chưa được trừ các năm trước*	*-*	*(222.371.446.511)*
- *Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm*	*(19.818.693.075)*	*(25.504.985.854)*
- *Hoàn nhập chi phí chưa được khấu trừ năm trước*	*(2.519.264.161)*	*-*
Các khoản không chịu thuế phát sinh từ các bút toán điều chỉnh hợp nhất	(62.266.325.878)	(93.471.131.562)
Các khoản không chịu thuế	(328.301.004.188)	(106.388.428.190)
Tổng điều chỉnh đối với lợi nhuận trước thuế	**(458.862.082.722)**	**(601.009.337.387)**
Thu nhập chịu thuế ("TNCT") ước tính	**1.917.626.631.774**	**1.352.276.470.672**
- *TNCT chịu thuế suất 10%*	*582.509.183*	*516.551.497*
- *TNCT chịu thuế suất 20%*	*1.917.044.122.591*	*1.351.759.919.175*
Thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	**383.467.075.436**	**270.403.638.984**
Điều chỉnh số thuế phải nộp của các năm trước theo quyết định của cơ quan thuế	-	1.600.000
Điều chỉnh giảm thuế TNDN 30% theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP và Nghị định 92/2021/NĐ-CP của Chính phủ của các công ty con	(2.982.951.299)	(3.008.763.916)
Thuế TNDN ước tính trong năm	**380.484.124.137**	**267.396.475.068**
Thuế TNDN phải trả đầu năm	72.700.194.809	43.010.561.525
Điều chỉnh số thuế phải nộp của các năm trước theo quyết định của cơ quan thuế	84.786.168	69.098.549
Thuế TNDN đã trả trong năm	(338.734.753.436)	(237.775.940.333)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	**114.534.351.678**	**72.700.194.809**

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

16.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 VND**	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	18.414.546.814	12.137.474.250	6.277.072.564	(31.052.022.374)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.963.738.615)	(5.101.265.074)	1.137.526.459	(4.990.337.692)
Thu nhập/(Chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			**7.414.599.023**	**(36.042.360.066)**

16.2.1 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	92.072.734.072	60.687.371.248
Trong đó:		
- Hoa hồng phải trả trên phí bảo hiểm phải thu	*42.828.607.130*	*28.574.800.461*
- Chi phí dự phòng thu hồi các khoản hoa hồng	*32.112.570.787*	*32.112.570.787*
- Khác	*17.131.556.155*	*-*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**18.414.546.814**	**12.137.474.250**

16.2.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	19.818.693.075	25.506.325.368
Trong đó:		
- Lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm	*19.818.693.075*	*25.506.325.368*
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	**3.963.738.615**	**5.101.265.074**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
B09-DN/HN

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Hoạt động bảo hiểm		
Bảo hiểm nhân thọ	43.476.331.242	118.953.832.507
Bảo hiểm phi nhân thọ	91.480.295.750	105.363.731.909
	134.956.626.992	**224.317.564.416**
Hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi nhận trước	1.185.176.202	1.185.176.203
	1.185.176.202	**1.185.176.203**
Hoạt động khác		
Hoạt động quản lý bất động sản	28.733.787.627	5.037.544.216
Doanh thu đào tạo nhận trước	77.409.082	51.772.783
	28.811.196.709	**5.089.316.999**
TỔNG CỘNG	**164.952.999.903**	**230.592.057.618**

18. THU HOA HỒNG NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Thuyết minh	**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 VND**	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 VND
Bảo hiểm phi nhân thọ	18.1	522.610.802.337	519.549.787.848
Bảo hiểm nhân thọ		4.434.198.587	8.656.033.413
TỔNG CỘNG		**527.045.000.924**	**528.205.821.261**

18.1 Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng

	Bảo hiểm phi nhân thọ VND
Số đầu năm	**87.737.943.073**
Phát sinh trong năm	602.801.643.831
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm - Phân bổ vào doanh thu trong năm	(522.610.802.337)
Số cuối năm	**167.928.784.567**

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	2.854.403	2.854.403
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	10.088.612.113	9.101.405.291
Phải trả các nghiệp vụ chứng khoán (i)	634.295.398.856	425.247.261.328
Kinh phí cho các chương trình An sinh xã hội chờ giải ngân (ii)	16.179.020.961	20.783.479.912
Phải trả đối tác theo cam kết góp vốn vào Trung Nam Phú Quốc (iii)	34.320.000.000	34.320.000.000
Phải trả tiền đặt cọc của các đơn vị thuê trụ sở làm việc	15.419.201.081	12.876.859.548
Phải trả khác (iv)	389.087.861.307	437.534.054.890
TỔNG CỘNG	**1.099.392.948.721**	**939.865.915.372**

(i) Bao gồm các khoản phải trả liên quan đến nghiệp vụ kinh doanh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

(ii) Chi phí chương trình 30A của Chính phủ và các chương trình An sinh xã hội đang chờ giải ngân theo tiến độ các công trình tài trợ.

(iii) Căn cứ theo các điều khoản của Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần, Tập đoàn sẽ thực hiện chuyển tiền cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Thăng Long theo tiến độ và điều kiện cam kết để hoàn tất việc góp vốn vào Công ty Cổ phần Trung Nam Phú Quốc.

(iv) Chủ yếu bao gồm các khoản phải trả nhà cung cấp nhằm phục vụ nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm của các đơn vị thành viên.

20. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020				Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
Vay thấu chi ngân hàng	-	-	5.955.867.787.212	(5.408.172.096.977)	547.695.690.235	547.695.690.235
Vay ngân hàng	895.634.463.715	895.634.463.715	7.388.630.989.789	(6.325.630.989.789)	1.958.634.463.715	1.958.634.463.715
	895.634.463.715	**895.634.463.715**	**13.344.498.777.001**	**(11.733.803.086.766)**	**2.506.330.153.950**	**2.506.330.153.950**
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng	216.542.417.119	216.542.417.119	25.572.000.000	(74.848.328.343)	167.266.088.776	167.266.088.776
Trái phiếu phát hành (*)	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	(100.000.000.000)	100.000.000.000	100.000.000.000
	316.542.417.119	**316.542.417.119**	**125.572.000.000**	**(174.848.328.343)**	**267.266.088.776**	**267.266.088.776**
TỔNG CỘNG	**1.212.176.880.834**	**1.212.176.880.834**	**13.470.070.777.001**	**(11.908.651.415.109)**	**2.773.596.242.726**	**2.773.596.242.726**

Trong đó: Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại các Ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ dưới một (01) năm đến năm (05) năm và chịu lãi suất từ 3,70%/năm đến 7,50%/năm

(*) Trái phiếu dài hạn do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt phát hành bao gồm 1.000.000 trái phiếu BVSH2123001 với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu (tổng cộng mệnh giá 100.000.000.000 VND). Đây là trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi do BVSC phát hành theo Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Quản trị BVSC. Trái phiếu có kỳ hạn hai (02) năm được phát hành với lãi suất quy định trong phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ của BVSC.

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	**154.253.870.948**
Tăng trong năm	103.781.664.576
Sử dụng trong năm	(58.336.039.784)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	**199.699.495.740**

22. GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI TRÁI PHIẾU

Hợp đồng repo (*)	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Bán trong năm VND	Mua lại trong năm VND	Chi phí repo đã phân bổ trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Giá trị ghi sổ trái phiếu repo VND
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	4.137.884.187.808	2.681.087.600.000	(4.206.240.300.000)	73.806.135.380	2.686.537.623.188	1.446.094.958.600
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	6.535.166.107.966	14.125.867.380.000	(13.404.734.560.000)	76.760.926.090	7.333.059.854.056	3.706.376.991.777
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.914.621.046.483	6.374.855.950.000	(8.310.511.260.000)	21.034.263.517	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	4.684.985.000.000	(4.691.628.336.466)	6.643.336.466	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	1.096.278.273.811	7.762.407.070.000	(5.741.415.160.000)	23.548.732.372	3.140.818.916.183	1.984.018.172.930
Khác	-	61.739.000.000	-	172.582.873	61.911.582.873	61.787.000.000
TỔNG CỘNG	**13.683.949.616.068**	**35.690.942.000.000**	**(36.354.529.616.466)**	**201.965.976.698**	**13.222.327.976.300**	**7.198.277.123.307**

(*) Bao gồm khoản phải trả hợp đồng repo với đối với các trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp mà Tập đoàn đã bán và cam kết sẽ mua lại trong thời gian dưới 12 tháng và chịu lãi suất từ 0,90%/năm đến 4,10%/năm.

23. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Ký quỹ đại lý bảo hiểm	258.702.744.077	228.758.495.113
Phải trả khác	11.716.216.724	22.833.292.378
	270.418.960.801	**251.591.787.491**

24. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM

	Dự phòng toán học VND	Dự phòng phí chưa được hưởng VND	Dự phòng bồi thường VND	Dự phòng chia lãi VND	Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu VND	Dự phòng đảm bảo cân đối VND	Dự phòng dao động lớn VND	Tổng cộng VND
Bảo hiểm nhân thọ								
Ngày 31/12/2020	93.090.719.199.763	201.174.810.274	65.908.852.003	1.935.346.562.096	2.547.998.489.076	106.535.697.100	-	97.947.683.610.312
Thay đổi trong năm	18.980.254.654.676	9.971.272.379	20.321.562.720	222.092.183.901	1.140.336.820.587	10.961.612.349	-	20.383.938.106.612
Ngày 31/12/2021	112.070.973.854.439	211.146.082.653	86.230.414.723	2.157.438.745.997	3.688.335.309.663	117.497.309.449	-	118.331.621.716.924
Bảo hiểm phi nhân thọ (*)								
Ngày 31/12/2020	-	4.769.440.601.933	2.509.844.747.126	-	-	27.185.006.695	16.207.748.985	7.322.678.104.739
Thay đổi trong năm	-	(338.228.740.131)	(188.425.890.727)	-	-	62.618.510.394	38.428.347.377	(425.607.773.087)
Ngày 31/12/2021	-	4.431.211.861.802	2.321.418.856.399	-	-	89.803.517.089	54.636.096.362	6.897.070.331.652
Ngày 31/12/2020	**93.090.719.199.763**	**4.970.615.412.207**	**2.575.753.599.129**	**1.935.346.562.096**	**2.547.998.489.076**	**133.720.703.795**	**16.207.748.985**	**105.270.361.715.051**
Thay đổi trong năm	**18.980.254.654.676**	**(328.257.467.752)**	**(168.104.328.007)**	**222.092.183.901**	**1.140.336.820.587**	**73.580.122.743**	**38.428.347.377**	**19.958.330.333.525**
Ngày 31/12/2021	**112.070.973.854.439**	**4.642.357.944.455**	**2.407.649.271.122**	**2.157.438.745.997**	**3.688.335.309.663**	**207.300.826.538**	**54.636.096.362**	**125.228.692.048.576**

(*) Chi tiết thay đổi dự phòng nghiệp vụ hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ như sau:

	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm (tài sản tái bảo hiểm) VND	Dự phòng bảo hiểm thuần VND
Ngày 31/12/2020			
Dự phòng phí chưa được hưởng	4.769.440.601.933	(1.059.460.785.355)	3.709.979.816.578
Dự phòng bồi thường	2.509.844.747.126	(1.187.235.382.389)	1.322.609.364.737
Dự phòng dao động lớn	16.207.748.985	-	16.207.748.985
Dự phòng đảm bảo cân đối	27.185.006.695	-	27.185.006.695
TỔNG CỘNG	**7.322.678.104.739**	**(2.246.696.167.744)**	**5.075.981.936.995**
Ngày 31/12/2021			
Dự phòng phí chưa được hưởng	4.431.211.861.802	(1.033.169.851.481)	3.398.042.010.321
Dự phòng bồi thường	2.321.418.856.399	(1.115.812.326.778)	1.205.606.529.621
Dự phòng dao động lớn	54.636.096.362	-	54.636.096.362
Dự phòng đảm bảo cân đối	89.803.517.089	-	89.803.517.089
TỔNG CỘNG	**6.897.070.331.652**	**(2.148.982.178.259)**	**4.748.088.153.393**

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển và dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (**) VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	**Tổng cộng VND**
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021	**7.423.227.640.000**	**7.310.458.742.807**	**15.445.192.000**	**967.358.385.620**	**103.568.802.818**	**3.723.310.113.726**	**523.523.906.834**	**754.873.257.039**	**20.821.766.040.844**
Cổ tức chia cho cổ đông	-	-	-	-	-	(666.977.003.454)	-	-	(666.977.003.454)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(101.508.383.562)	-	(2.273.281.014)	(103.781.664.576)
Của công ty mẹ (***)	-	-	-	-	-	*(41.190.589.002)*	-	-	*(41.190.589.002)*
Của các công ty con	-	-	-	-	-	*(60.317.794.560)*	-	*(2.273.281.014)*	*(62.591.075.574)*
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	303.514.675.133	-	(303.514.675.133)	-	-	-
Của công ty mẹ (***)	-	-	-	*303.514.675.133*	-	*(303.514.675.133)*	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	1.896.699.438.352	-	106.719.751.030	2.003.419.189.382
Chi trả thù lao Hội đồng Thành viên và Ban Kiểm soát của các Công ty con	-	-	-	-	-	(1.289.450.004)	-	-	(1.289.450.004)
Trích lập các quỹ dự trữ	-	-	-	13.913.079.542	-	(68.008.094.081)	54.095.014.539	-	-
Cổ tức chia cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(23.135.161.600)	(23.135.161.600)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(3.271.586.207)	-	-	(3.271.586.207)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	**7.423.227.640.000**	**7.310.458.742.807**	**15.445.192.000**	**1.284.786.140.295**	**103.568.802.818**	**4.475.440.359.637**	**577.618.921.373**	**836.184.565.455**	**22.026.730.364.385**

(*) Quỹ chênh lệch tỷ giá thể hiện chênh lệch do chuyển đổi đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán của Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine từ USD sang VND từ ngày 01 tháng 01 năm 2008.

(**) Số dư Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu thể hiện phần lợi ích còn lại của Tập đoàn trong thặng dư vốn cổ phần của BVSC phát sinh do hợp nhất báo cáo tài chính.

(***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 29 tháng 06 năm 2021, Tập đoàn trích 30% lợi nhuận sau thuế 2020 (tương đương với số tiền 303.514.675.133 VND) cho Quỹ Đầu tư phát triển và 4,07% lợi nhuận sau thuế 2020 (tương đương với số tiền 41.190.589.002 VND) cho các Quỹ Khen thưởng phúc lợi cho người lao động và Quỹ thưởng cho người quản lý của Tập đoàn.

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển và dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	**Tổng cộng VND**
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2020	**7.423.227.640.000**	**7.310.458.742.807**	**15.445.192.000**	**801.321.408.999**	**103.568.802.818**	**3.037.187.232.453**	**476.227.833.633**	**735.171.665.904**	**19.902.608.518.614**
Cổ tức chia cho cổ đông	-	-	-	-	-	(593.858.211.200)	-	-	(593.858.211.200)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(89.588.815.986)	-	(3.638.144.521)	(93.226.960.507)
Của công ty mẹ	-	-	-	-	-	*(33.203.549.136)*	-	-	*(33.203.549.136)*
Của các công ty con	-	-	-	-	-	*(56.385.266.850)*	-	*(3.638.144.521)*	*(60.023.411.371)*
Trích quỹ phục vụ hoạt động An sinh xã hội	-	-	-	-	-	(10.843.169.505)	-	-	(10.843.169.505)
Của công ty mẹ	-	-	-	-	-	*(10.843.169.505)*	-	-	*(10.843.169.505)*
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	157.888.424.020	-	(157.888.424.020)	-	-	-
Của công ty mẹ	-	-	-	*162.648.000.000*	-	*(162.648.000.000)*	-	-	-
Của các công ty con	-	-	-	*(4.759.575.980)*	-	*4.759.575.980*	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	1.597.588.285.269	-	52.258.687.656	1.649.846.972.925
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Tập đoàn và các Công ty con	-	-	-	-	-	(3.036.636.015)	-	-	(3.036.636.015)
Trích lập các quỹ dự trữ	-	-	-	8.148.552.601	-	(55.444.625.802)	47.296.073.201	-	-
Cổ tức chia cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(28.918.952.000)	(28.918.952.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(805.521.468)	-	-	(805.521.468)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	**7.423.227.640.000**	**7.310.458.742.807**	**15.445.192.000**	**967.358.385.620**	**103.568.802.818**	**3.723.310.113.726**	**523.523.906.834**	**754.873.257.039**	**20.821.766.040.844**

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Cổ phiếu thường VND	Tổng số VND	Cổ phiếu thường VND	Tổng số VND
Số vốn góp của cổ đông	7.423.227.640.000	7.423.227.640.000	7.423.227.640.000	7.423.227.640.000
Thặng dư vốn cổ phần	7.310.458.742.807	7.310.458.742.807	7.310.458.742.807	7.310.458.742.807
TỔNG CỘNG	**14.733.686.382.807**	**14.733.686.382.807**	**14.733.686.382.807**	**14.733.686.382.807**

25.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Ngày 01 tháng 01	**7.423.227.640.000**	**7.423.227.640.000**
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Ngày 31 tháng 12	**7.423.227.640.000**	**7.423.227.640.000**
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	**666.977.003.454**	**593.858.211.200**

25.4 Cổ tức

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm	666.977.003.454	593.858.211.200
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông (cổ tức cho năm 2020: 898,5 VND/cổ phiếu, cổ tức cho năm 2019: 800 VND/cổ phiếu)	*666.977.003.454*	*593.858.211.200*

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 29 tháng 06 năm 2021, Tập đoàn Bảo Việt đã chi trả cổ tức cho năm tài chính 2020 là 8,985% (898,5 VND/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 7.423.227.640.000 VND, tương đương với số tiền 666.977.003.454 VND. Việc chi trả cổ tức đã được thực hiện vào tháng 11 năm 2021.

25.5 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Số lượng VND	Giá trị VND	Số lượng VND	Giá trị VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành	**742.322.764**	**7.423.227.640.000**	**742.322.764**	**7.423.227.640.000**
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	**742.322.764**	**7.423.227.640.000**	**742.322.764**	**7.423.227.640.000**
Cổ phiếu phổ thông	*742.322.764*	*7.423.227.640.000*	*742.322.764*	*7.423.227.640.00*
Cổ phiếu đang lưu hành	**742.322.764**	**7.423.227.640.000**	**742.322.764**	**7.423.227.640.000**
Cổ phiếu phổ thông	*742.322.764*	*7.423.227.640.000*	*742.322.764*	*7.423.227.640.000*

26. DOANH THU VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM

26.1 Phí bảo hiểm gốc

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Bảo hiểm nhân thọ		
Bảo hiểm hỗn hợp	7.352.960.463.594	7.905.465.382.063
Bảo hiểm liên kết chung	21.858.697.627.025	18.709.816.640.956
Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ khác	1.345.903.254.996	1.422.365.215.821
Tổng doanh thu bảo hiểm nhân thọ	**30.557.561.345.615**	**28.037.647.238.840**
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm trách nhiệm	955.331.731.670	1.046.875.784.644
Bảo hiểm tài sản	3.885.994.748.915	4.251.635.290.776
Bảo hiểm con người	4.104.720.313.670	4.390.842.096.726
Tổng doanh thu bảo hiểm phi nhân thọ	**8.946.046.794.255**	**9.689.353.172.146**
Tổng doanh thu bảo hiểm	**39.503.608.139.870**	**37.727.000.410.986**

26.2 Phí nhân tái bảo hiểm

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Bảo hiểm trách nhiệm	15.279.136.573	15.227.092.347
Bảo hiểm tài sản	148.224.978.297	157.054.577.545
Bảo hiểm con người	1.134.870.633	6.938.972.094
TỔNG CỘNG	**164.638.985.503**	**179.220.641.986**

27. TỔNG PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm nhân thọ		
Bảo hiểm hỗn hợp	274.064.391	358.178.035
Bảo hiểm liên kết chung	11.287.500.734	10.690.831.445
Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ khác	4.843.547.304	4.381.770.078
	16.405.112.429	**15.430.779.558**
Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm trách nhiệm	369.610.631.443	336.370.029.771
Bảo hiểm tài sản	2.716.961.100.202	3.063.674.809.756
Bảo hiểm con người	974.929.664.621	703.875.205.005
	4.061.501.396.266	**4.103.920.044.532**
TỔNG CỘNG	**4.077.906.508.695**	**4.119.350.824.090**

28. CHI PHÍ TRỰC TIẾP LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

28.1 Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Bảo hiểm nhân thọ		
Chi trả đáo hạn	2.271.480.012.204	1.952.395.201.219
Chi giá trị hoàn lại	4.606.142.065.759	3.913.649.673.687
Chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro và chi trả khác theo hợp đồng bảo hiểm	1.957.500.616.094	1.629.710.259.893
	8.835.122.694.057	**7.495.755.134.799**
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm trách nhiệm	212.068.718.291	327.072.625.688
Bảo hiểm tài sản	1.811.032.556.817	2.712.609.157.063
Bảo hiểm con người	1.889.620.453.303	2.265.387.016.799
	3.912.721.728.411	**5.305.068.799.550**
TỔNG CỘNG	**12.747.844.422.468**	**12.800.823.934.349**

28. CHI PHÍ TRỰC TIẾP LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM (tiếp theo)

28.2 Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm trách nhiệm	8.500.355.382	12.289.741.960
Bảo hiểm tài sản	105.307.020.424	105.418.417.038
Bảo hiểm con người	5.603.510.611	14.944.971.241
TỔNG CỘNG	**119.410.886.417**	**132.653.130.239**

28.3 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Bảo hiểm nhân thọ		
Thu từ nhượng tái bảo hiểm	3.475.909.265	5.323.422.286
	3.475.909.265	**5.323.422.286**
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm trách nhiệm	59.643.121.056	66.192.344.112
Bảo hiểm tài sản	1.090.736.340.038	1.677.101.052.170
Bảo hiểm con người	569.411.891.852	409.391.852.151
	1.719.791.352.946	**2.152.685.248.433**
TỔNG CỘNG	**1.723.267.262.211**	**2.158.008.670.719**

29. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	49.955.854.638	71.498.861.679
Chi giám định, chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm, chi khác	128.776.282.732	142.241.201.876
Chi nhận tái bảo hiểm khác	3.132.992.403	3.245.813.421
Chi đại lý bảo hiểm và các khoản chi khác	291.928.876.894	279.280.204.786
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm phân bổ từ chi quản lý	1.308.922.664.894	873.424.503.908
Chi nộp quỹ bảo vệ người được bảo hiểm	14.011.108.230	12.718.928.949
TỔNG CỘNG	**1.796.727.779.791**	**1.382.409.514.619**

30. THU NHẬP THUẦN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Thu nhập từ các hoạt động khác		
Hoạt động môi giới chứng khoán và bảo lãnh phát hành	495.658.607.854	165.982.093.674
Dịch vụ tư vấn đầu tư	12.696.040.438	8.499.895.454
Dịch vụ lưu ký chứng khoán	9.002.018.858	5.470.747.111
Quản lý danh mục đầu tư	5.671.469.523	4.200.494.321
Cho thuê và quản lý bất động sản	53.236.216.032	55.505.332.365
Dịch vụ đào tạo	24.895.269.543	32.815.153.234
Hoạt động xây dựng và kinh doanh thương mại	108.592.733.507	146.478.451.722
Các dịch vụ khác	40.546.320.042	14.334.984.770
	750.298.675.797	**433.287.152.651**
Chi phí từ các hoạt động khác		
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán và bảo lãnh phát hành	(370.390.484.719)	(117.933.887.676)
Dịch vụ tư vấn đầu tư	(17.810.044.411)	(15.947.095.197)
Dịch vụ lưu ký chứng khoán	(22.241.457.522)	(16.078.708.610)
Quản lý danh mục đầu tư	(3.481.954.950)	(1.922.383.360)
Quản lý bất động sản	(48.149.445.325)	(72.402.808.894)
Hoạt động xây dựng và kinh doanh thương mại	(144.287.364.815)	(147.910.744.550)
Các dịch vụ khác	(70.511.399.280)	(45.738.640.199)
	(676.872.151.022)	**(417.934.268.486)**
TỔNG CỘNG	**73.426.524.775**	**15.352.884.165**

31. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

31.1 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	4.742.324.964.852	5.718.119.483.622
Lãi đầu tư trái phiếu	2.851.722.219.325	2.494.064.231.788
Thu nhập từ tạm ứng giá trị hoàn lại	244.768.821.632	212.234.336.424
Cổ tức được chia	136.813.671.447	216.172.780.230
Lãi chênh lệch tỷ giá	19.159.625.947	19.541.571.046
Lãi đầu tư, kinh doanh chứng khoán	552.428.758.106	661.437.392.467
Doanh thu hoạt động tài chính khác	364.394.181.615	174.088.891.756
TỔNG CỘNG	**8.911.612.242.924**	**9.495.658.687.333**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
B09-DN/HN

31. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.2 Chi phí hoạt động tài chính

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Chênh lệch tỷ giá	11.546.967.936	15.709.408.008
Chi phí repo và lãi vay	321.201.678.885	702.373.401.785
Trả lãi cho chủ hợp đồng	318.137.497.296	295.764.143.348
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	78.590.114.284	97.575.840.347
Hoàn nhập dự phòng	(13.162.217.277)	(196.734.887.759)
Các chi phí khác	343.408.077.709	927.224.696.878
TỔNG CỘNG	**1.059.722.118.833**	**1.841.912.602.607**

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Chi khen thưởng và hỗ trợ đại lý	2.222.915.382.891	2.313.037.126.835
Chi đào tạo đại lý	40.376.185.103	48.311.504.149
Chi phí tuyển dụng	2.723.506.434	4.809.311.811
TỔNG CỘNG	**2.266.015.074.428**	**2.366.157.942.795**

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm		
Chi phí nhân công	2.188.965.577.062	1.821.319.917.044
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	171.763.887.540	230.251.922.035
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.211.684.900	66.870.434.546
Thuế và chi phí lệ phí	25.217.653.522	20.281.754.340
Chi phí dịch vụ mua ngoài	526.819.743.054	657.232.125.145
Chi phí dự phòng	12.976.357.399	23.414.810.127
Chi phí khác	333.645.524.106	358.000.582.404
	3.328.600.427.583	**3.177.371.545.641**
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan đến các lĩnh vực khác		
Chi phí nhân công	314.081.082.760	227.941.153.988
Chi phí khấu hao tài sản cố định	121.011.745.918	109.655.787.532
Thuế và chi phí lệ phí	19.230.090.887	15.322.486.862
Chi phí dịch vụ mua ngoài	152.994.110.371	155.977.704.145
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng	(18.801.030.152)	456.733.500
Chi phí khác	80.882.249.994	69.792.062.940
	669.398.249.778	**579.145.928.967**
TỔNG CỘNG	**3.997.998.677.361**	**3.756.517.474.608**

34. LỢI NHUẬN KHÁC

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản	1.865.167.433	1.181.349.087
Thu nhập khác	19.229.699.194	12.336.408.565
	21.094.866.627	**13.517.757.652**
Chi phí khác		
Chi thanh lý tài sản	(128.156.543)	(50.757.567)
Chi phí khác	(1.951.702.686)	(1.860.178.054)
	(2.079.859.229)	**(1.910.935.621)**
Lợi nhuận khác	**19.015.007.398**	**11.606.822.031**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
B09-DN/HN

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan với Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày bao gồm:

Các bên liên quan	*Quan hệ*
Bộ Tài chính	Cổ đông sáng lập
SCIC	Cổ đông sáng lập
Sumitomo Life	Cổ đông chiến lược
Tokio Marine Việt Nam	Công ty liên doanh
Bảo Việt Bank	Công ty liên kết
Bảo Việt SCIC	Công ty liên kết
Long Việt	Công ty liên kết
Trung Nam Phú Quốc	Công ty liên kết
PLT	Công ty liên kết
Hòn Tằm Biển Nha Trang	Công ty liên kết
Thủy điện Nậm Mu	Công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 gồm:

Các bên liên quan	Giao dịch	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 VND
Cổ đông sáng lập			
Bộ Tài chính	Cổ tức đã trả	(433.535.055.300)	(386.007.840.000)
SCIC	Cổ tức đã trả	(19.905.728.400)	(17.723.520.000)
Cổ đông chiến lược			
Sumitomo Life	Cổ tức đã trả	(147.304.960.768)	(131.156.336.800)
	Doanh thu cho thuê văn phòng	583.244.408	577.039.680
	Chi phí dự án Hỗ trợ và Chuyển giao Năng lực Kỹ thuật	-	(2.028.308.286)
Công ty liên doanh, liên kết			
Tokio Marine Việt Nam	Cổ tức được chia	52.811.609.061	38.098.894.254
	Phí quản lý quỹ	463.189.321	410.270.277
Bảo Việt Bank	Doanh thu dịch vụ CNTT	3.467.610.120	3.504.469.437
	Doanh thu lãi tiền gửi	407.058.328.113	972.548.380.432
	Doanh thu lãi trái phiếu	98.009.999.998	110.617.012.004
	Doanh thu cho thuê trụ sở làm việc, phí quản lý tòa nhà, phí giữ xe	6.528.815.205	9.492.719.625
	Chi phí repo, lãi trái phiếu phát hành và lãi vay	(73.806.135.379)	(203.943.551.484)

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả trọng yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

		Phải thu/(phải trả)	
Các bên liên quan	Giao dịch	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Công ty liên kết			
Bảo Việt Bank	Số dư tiền gửi thanh toán, ký quỹ	122.481.048.556	158.768.384.872
	Tiền đang chuyển	115.661.324.730	80.453.716.295
	Số dư tiền gửi có kỳ hạn và lãi dự thu	10.776.980.019.265	8.187.911.121.581
	Số dư trái phiếu và lãi dự thu	1.312.787.909.891	1.316.600.746.871
	Số dư các hợp đồng mua bán lại trái phiếu Chính phủ	(2.686.537.623.188)	(4.137.884.187.807)
	Phải thu phí CNTT, dịch vụ đào tạo	929.687.858	940.364.220
Cổ đông chiến lược			
Sumitomo Life	Phải trả tiền đặt cọc thuê văn phòng, trả trước tiền thuê văn phòng	(158.685.912)	(317.371.824)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, tiền lương sau thuế TNCN của Tổng Giám đốc và những Người quản lý khác của Tập đoàn, năm 2021, như sau:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Kenji Yoneda	69.333.333	228.000.000
Ông Teruo Shimmen	240.000.000	228.000.000
Ông Arai Kazuhiko	170.666.667	-
Ông Nguyễn Đình An	240.000.000	114.000.000
Bà Thân Hiền Anh	240.000.000	228.000.000
Ông Đỗ Trường Minh	240.000.000	228.000.000
Bà Trần Thị Diệu Hằng	240.000.000	228.000.000
Ông Nguyễn Xuân Việt	240.000.000	228.000.000
Ông Nguyễn Minh Hoàng	-	32.413.793
Tiền lương của Tổng Giám đốc và Người quản lý khác		
Ông Đào Đình Thi	1.228.757.948	1.188.203.387
Ông Đỗ Trường Minh	1.102.092.191	1.037.109.208
Ông Ông Tiến Hùng	825.196.450	778.413.905
Ông Nguyễn Xuân Hòa	990.628.204	939.102.524

36. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**1.896.699.438.352**	**1.597.588.285.269**
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(41.190.589.002)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.896.699.438.352**	**1.556.397.696.267**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	742.322.764	742.322.764
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.555**	**2.097**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (**)	**2.555**	**2.097**

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

(**) Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau. Ban Điều hành theo dõi kết quả hoạt động của từng đơn vị kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho quá trình ra quyết định về việc phân bổ nguồn lực và đánh giá hoạt động.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo tài chính hợp nhất này không trình bày các thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì phạm vi hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trên lãnh thổ Việt Nam và các khu vực địa lý đó đều không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và khả năng sinh lời.

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm mục đích quản trị, Tập đoàn được tổ chức theo từng đơn vị kinh doanh dựa trên sản phẩm và dịch vụ mà các đơn vị này cung cấp. Tập đoàn thực hiện báo cáo theo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

- Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ, cung cấp các dịch vụ: bảo hiểm trọn đời; bảo hiểm sinh kỳ; bảo hiểm tử kỳ; bảo hiểm hỗn hợp; bảo hiểm liên kết ngân hàng; bảo hiểm trả tiền định kỳ; bảo hiểm liên kết chung; bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người bổ trợ cho bảo hiểm nhân thọ và các loại hình bảo hiểm nhân thọ khác; nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người.

- Dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ cung cấp các dịch vụ: bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người; bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; bảo hiểm hàng hóa vận chuyển; bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu; bảo hiểm trách nhiệm chung; bảo hiểm hàng không; bảo hiểm xe cơ giới; bảo hiểm cháy nổ; bảo hiểm nông nghiệp và các loại hình bảo hiểm phi nhân thọ khác; nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.

- Dịch vụ tài chính bao gồm các dịch vụ quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư, môi giới và kinh doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư, v.v... BVF cung cấp các dịch vụ quản lý danh mục đầu tư cho chủ hợp đồng bảo hiểm. BVSC cung cấp các dịch vụ môi giới, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và kinh doanh chứng khoán.

- Các hoạt động về bất động sản và các hoạt động khác bao gồm các dịch vụ cho thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan đối với các tòa nhà Bảo Việt. Ngoài ra, Tập đoàn đang tiến hành xây dựng các dự án bất động sản như xây dựng tòa nhà Bảo hiểm Bảo Việt ở Hà Nội, dự án ở thành phố Hồ Chí Minh và các dự án bất động sản khác trong nước.

Giá cả giao dịch giữa các bộ phận kinh doanh được quyết định dựa trên giá thị trường tương tự như giao dịch với bên thứ ba khác. Doanh thu bộ phận, chi phí bộ phận và kết quả kinh doanh bộ phận bao gồm doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động chuyển giao giữa các bộ phận với nhau được loại bỏ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Các bảng biểu sau trình bày thông tin về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, doanh thu và lợi nhuận liên quan đến các bộ phận kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
B09-DN/HN

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021:

Đơn vị: triệu đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh hợp nhất	Tổng
Doanh thu phí bảo hiểm	30.547.590	9.452.073	-	-	(3.158)	39.996.505
Phí nhượng tái bảo hiểm	(16.405)	(4.087.792)	-	-	-	(4.104.197)
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4.434	931.220	-	-	-	935.654
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**30.535.619**	**6.295.501**	**-**	**-**	**(3.158)**	**36.827.962**
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	(8.835.123)	(3.912.721)	-	-	-	(12.747.844)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	-	(119.411)	-	-	-	(119.411)
Các khoản thu giảm trừ chi phí	-	2.758	-	-	-	2.758
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	3.476	1.719.791	-	-	-	1.723.267
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	(20.353.645)	(62.619)	-	-	-	(20.416.264)
(Tăng)/Giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(20.322)	188.426	-	-	-	168.104
Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	-	(71.423)	-	-	-	(71.423)
Trích dự phòng dao động lớn	-	(38.428)	-	-	-	(38.428)
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	-	-	-	-	-	-
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(1.939.526)	(2.878.273)	-	-	92.256	(4.725.543)
Tổng chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**(31.145.140)**	**(5.171.900)**	**-**	**-**	**92.256**	**(36.224.784)**
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	-	-	525.811	21.316	(473.700)	73.427
Chi phí bán hàng	(2.266.316)	-	-	-	301	(2.266.015)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(2.278.235)	(1.337.324)	(669.838)	(19.560)	306.958	(3.997.999)
Lợi nhuận hoạt động tài chính	6.205.203	457.518	2.019.945	6.275	(837.051)	7.851.890
Lợi nhuận/(Lỗ) khác	34.069	8.707	(279)	2.479	(25.962)	19.014
Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	92.994	92.994
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**1.085.200**	**252.502**	**1.875.639**	**10.510**	**(847.362)**	**2.376.489**

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020:

Đơn vị: triệu đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh hợp nhất	Tổng
Doanh thu phí bảo hiểm	28.017.816	10.189.932	-	-	(2.857)	38.204.891
Phí nhượng tái bảo hiểm	(15.431)	(4.745.784)	-	-	-	(4.761.215)
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	8.656	1.071.712	-	-	-	1.080.368
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**28.011.041**	**6.515.860**	**-**	**-**	**(2.857)**	**34.524.044**
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	(7.495.755)	(5.305.069)	-	-	-	(12.800.824)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	-	(132.653)	-	-	-	(132.653)
Các khoản thu giảm trừ chi phí	-	3.180	-	-	-	3.180
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	5.323	2.152.686	-	-	-	2.158.009
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	(19.096.016)	-	-	-	(27.185)	(19.123.201)
Giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	33.269	309.659	-	-	-	342.928
Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	-	(152.814)	-	-	-	(152.814)
Trích dự phòng dao động lớn	-	(115.350)	-	-	73.878	(41.472)
Thu bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	-	72.000	-	-	(46.693)	25.307
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(1.998.176)	(2.569.358)	-	-	90.273	(4.477.261)
Tổng chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**(28.551.355)**	**(5.737.719)**	**-**	**-**	**90.273**	**(34.198.801)**
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	-	-	461.762	20.842	(467.251)	15.353
Chi phí bán hàng	(2.366.263)	-	-	-	105	(2.366.158)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(2.307.985)	(1.153.870)	(578.627)	(19.455)	303.420	(3.756.517)
Lợi nhuận hoạt động tài chính	6.265.488	453.260	1.514.315	7.956	(587.273)	7.653.746
Lợi nhuận khác	26.915	10.248	894	707	(27.157)	11.607
Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	70.012	70.012
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**1.077.841**	**87.779**	**1.398.344**	**10.050**	**(620.728)**	**1.953.286**

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về tình hình tài chính theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

Đơn vị: triệu đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh hợp nhất	Tổng
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	438.524	105.737	250.549	34.559	4.524.723	5.354.092
Các khoản phải thu từ hoạt động tái bảo hiểm	2.554	302.536	-	-	-	305.090
Các khoản phải thu từ hoạt động bảo hiểm	190.101	728.686	-	-	-	918.787
Tài sản tái bảo hiểm	-	2.148.982	-	-	-	2.148.982
Các khoản phải thu khác	4.197.569	157.068	1.124.036	85.614	(902.807)	4.661.480
Đầu tư tài chính	135.887.459	8.144.832	20.638.240	100.800	(15.380.686)	149.390.645
Phải thu về cho vay	-	-	3.395.803	-	20.603	3.416.406
Tài sản cố định hữu hình	230.259	360.106	335.422	23.664	24.814	974.265
Tài sản cố định vô hình	254.844	359.216	331.515	14.640	-	960.215
Các tài sản khác	220.695	722.363	330.150	125.767	(24.814)	1.374.161
TỔNG TÀI SẢN	**141.422.005**	**13.029.526**	**26.405.715**	**385.044**	**(11.738.167)**	**169.504.123**
NỢ PHẢI TRẢ						
Nợ ngắn hạn	15.281.825	2.827.473	3.674.424	84.722	(161.392)	21.707.052
Nợ dài hạn	118.590.324	6.903.431	305.314	21.512	(50.240)	125.770.341
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**133.872.149**	**9.730.904**	**3.979.738**	**106.234**	**(211.632)**	**147.477.393**
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**7.549.856**	**3.298.622**	**22.425.977**	**278.810**	**(11.526.535)**	**22.026.730**
TỔNG NGUỒN VỐN	**141.422.005**	**13.029.526**	**26.405.715**	**385.044**	**(11.738.167)**	**169.504.123**

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về tình hình tài chính theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

Đơn vị: triệu đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động t ài chính	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh hợp nhất	Tổng
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	384.396	142.711	493.393	24.017	5.736.225	6.780.742
Các khoản phải thu từ hoạt động tái bảo hiểm	2.608	701.458	-	-	-	704.066
Các khoản phải thu từ hoạt động bảo hiểm	119.416	931.662	-	-	(280)	1.050.798
Tài sản tái bảo hiểm	-	2.246.696	-	-	-	2.246.696
Các khoản phải thu khác	3.935.086	241.394	927.835	79.185	(806.873)	4.376.627
Đầu tư tài chính	115.015.974	7.191.133	18.764.545	106.138	(15.485.401)	125.592.389
Phải thu về cho vay	-	-	2.216.794	-	20.687	2.237.481
Tài sản cố định hữu hình	234.768	205.394	361.651	32.469	25.366	859.648
Tài sản cố định vô hình	251.973	375.976	286.419	14.639	-	929.007
Các tài sản khác	229.261	941.655	401.746	100.080	(37.395)	1.635.347
TỔNG TÀI SẢN	**120.173.482**	**12.978.079**	**23.452.383**	**356.528**	**(10.547.671)**	**146.412.801**
NỢ PHẢI TRẢ						
Nợ ngắn hạn	15.753.058	2.496.715	1.626.742	47.931	(177.008)	19.747.438
Nợ dài hạn	98.176.442	7.329.914	331.800	24.304	(18.863)	105.843.597
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**113.929.500**	**9.826.629**	**1.958.542**	**72.235**	**(195.871)**	**125.591.035**
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**6.243.982**	**3.151.450**	**21.493.841**	**284.293**	**(10.351.800)**	**20.821.766**
TỔNG NGUỒN VỐN	**120.173.482**	**12.978.079**	**23.452.383**	**356.528**	**(10.547.671)**	**146.412.801**

38. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

38.1 Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động khác bao gồm các tài sản là văn phòng, trụ sở làm việc không hủy ngang như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
- Từ 1 năm trở xuống	84.185.634.810	78.302.512.182
- Từ trên 1 năm đến 5 năm	161.615.146.009	113.038.054.387
- Trên 5 năm	58.987.221.774	70.062.124.605
	304.788.002.593	**261.402.691.174**

38.2 Các khoản tranh chấp kiện tụng

Trong hai năm 2008 và 2009, Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con đã ký các hợp đồng tiền gửi với Công ty Cho thuê tài chính II - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("ALCII"), kỳ hạn từ 06 tháng đến 01 năm và lãi suất tiền gửi từ 10,5% đến 17,5%/năm. Bắt đầu từ năm 2009, do tình hình tài chính khó khăn, ALCII đã không thực hiện việc chi trả gốc và lãi của một số hợp đồng tiền gửi cho Tập đoàn. Do đó, năm 2016, Tập đoàn đã thực hiện khởi kiện ALCII theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc không thực hiện các nghĩa vụ quy định trong các hợp đồng tiền gửi đã giao kết. Theo quyết định của Bản án số 1009/2016/KDTM-PT ngày 05 tháng 09 năm 2016 và Bản án số 1158/2016/HDTM-PT ngày 30 tháng 09 năm 2016 của Tòa phúc thẩm - Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ALCII có trách nhiệm phải thanh toán cho Tập đoàn khoản tiền còn nợ Tập đoàn tính đến ngày 31 tháng 05 năm 2016, bao gồm 326.600.000.000 VND nợ gốc tiền gửi chưa thanh toán, 52.990.388.887 VND nợ lãi trong hạn chưa thanh toán, 421.212.752.500 VND nợ lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc quá hạn chưa thanh toán và 69.068.967.356 VND nợ lãi quá hạn tính trên dư nợ lãi trong hạn chưa thanh toán và tiền lãi phát sinh từ ngày 01 tháng 06 năm 2016 cho đến khi trả hết nợ tính trên số dư nợ gốc và nợ lãi trong hạn còn lại theo lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tiền gửi đã ký. Ngày 31 tháng 07 năm 2018, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định 1009/2018/QĐ-TBPS về việc tuyên bố phá sản đối với ALCII. Tập đoàn hiện vẫn đang tiếp tục phối hợp với các bên liên quan thực hiện công tác thu hồi công nợ của ALCII.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, Bảo hiểm Bảo Việt có các vụ tranh chấp, kiện tụng với khách hàng liên quan đến các khoản yêu cầu đòi bồi thường từ phía khách hàng nhưng Bảo hiểm Bảo Việt không chấp nhận toàn phần, hoặc chỉ chấp nhận một phần trách nhiệm bảo hiểm. Tổng số yêu cầu đòi bồi thường từ phía khách hàng liên quan đến các vụ việc nêu trên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 143,4 tỷ VND, trong đó phần ước tính thuộc trách nhiệm của Bảo hiểm Bảo Việt là 128 tỷ VND. Ảnh hưởng cuối cùng của các vụ tranh chấp, kiện tụng nêu trên chỉ có thể được xác định dựa trên kết quả cuối cùng của các Ủy ban hòa giải hay của Tòa án và do đó, Bảo hiểm Bảo Việt hiện chưa trích lập dự phòng nợ phải trả cho các yêu cầu đòi bồi thường này.

39. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
1. Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm (VND)	236.054.619.347	215.722.244.159
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	7.436.521.813	7.436.521.813
3. Ngoại tệ (USD)	1.171.625	941.499
4. Chứng khoán lưu ký (VND)	34.102.970.363.000	29.420.061.882.810
5. Chứng khoán chưa lưu ký (VND)	2.706.091.656.767	2.767.950.787.600
6. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác (VND)	1.516.974.651.605	1.175.873.185.276
7. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác (VND)	251.490.246.497	247.873.383.596
8. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác (VND)	6.799.606.027	7.034.397.261
9. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác (VND)	(1.520.185.203.590)	(1.176.118.011.151)
10. Phải thu lãi tiền gửi, trái phiếu, cho vay ủy thác (VND)	2.769.739.252.317	2.424.552.722.009

40. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

Hoạt động Quản lý rủi ro ("QLRR") tại Tập đoàn và các Công ty con nhằm phòng ngừa, giảm thiểu những rủi ro, thiệt hại có thể xảy ra để góp phần duy trì hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các Công ty con theo phương châm ổn định, an toàn, hiệu quả; góp phần tạo ra môi trường quản lý minh bạch; bảo vệ tài sản và uy tín của Tập đoàn và các Công ty con.

Hoạt động QLRR được thực hiện thống nhất từ Ban Lãnh đạo Tập đoàn đến từng bộ phận chức năng, cán bộ tại Tập đoàn và các Công ty con theo một nguyên tắc chung nhằm chủ động phát hiện, đánh giá và kiểm soát tác động của các loại rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị Tập đoàn ("HĐQT") chịu trách nhiệm quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống quản lý rủi ro Tập đoàn; ban hành chiến lược, chính sách quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt và thực hiện giám sát hoạt động QLRR toàn Tập đoàn.

Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn quản lý rủi ro nội bộ, tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách quản lý rủi ro đã được HĐQT phê duyệt. Các chính sách và hệ thống QLRR được rà soát định kỳ nhằm phản ánh kịp thời những biến động của thị trường và các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn ("HĐQLRR") là cơ quan giúp việc của Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt để triển khai công tác quản lý rủi ro. Các cuộc họp của HĐQLRR được tổ chức định kỳ nhằm đánh giá mức độ rủi ro tập trung toàn Tập đoàn, đánh giá nhận dạng các rủi ro mới và biện pháp phòng ngừa; phê duyệt mô hình, công cụ đo lường, hạn mức các loại rủi ro; giám sát việc thực hiện các hạn mức rủi ro đã được phê duyệt.

Tại thuyết minh này, Tập đoàn trình bày cách thức cơ bản về hoạt động QLRR nói chung và các mục tiêu, chính sách, quy trình, phương pháp quản lý, đo lường các loại rủi ro cụ thể liên quan tới việc sử dụng các công cụ tài chính nói riêng.

Quản lý vốn

Mục tiêu ưu tiên của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ phát triển kinh doanh và bù đắp các rủi ro cố hữu. Ngoài ra, việc quản lý vốn tuân theo các yêu cầu về biên khả năng thanh toán theo luật định và các yêu cầu chiến lược của Tập đoàn.

40. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

Quản lý vốn (tiếp theo)

Tập đoàn và các công ty con nhận thức được những tác động của mức độ vốn đã góp đối với lợi nhuận của cổ đông. Các Công ty con quản lý vốn của mình để phát triển hoạt động kinh doanh, đáp ứng yêu cầu luật định đồng thời phù hợp với kế hoạch vốn của Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn và các Công ty con đều đáp ứng tất cả các yêu cầu về vốn để đáp ứng các nghĩa vụ nợ và các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam.

Các cơ quan quản lý chủ yếu quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của chủ hợp đồng bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả vì lợi ích của các chủ hợp đồng này. Các cơ quan quản lý đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để ứng phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự kiến do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

Bảng dưới đây trình bày biên khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ:

	Biên khả năng thanh toán (triệu VND)	Biên khả năng thanh toán tối thiểu (triệu VND)	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán (%)
Bảo hiểm Bảo Việt			
Tại ngày 31/12/2021	2.534.908	1.263.086	200
Tại ngày 31/12/2020	2.069.190	1.441.877	144
Bảo Việt Nhân thọ			
Tại ngày 31/12/2021	6.935.414	6.223.146	111
Tại ngày 31/12/2020	5.656.346	5.287.750	107

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt là chỉ tiêu đánh giá tình hình khả năng thanh toán chung của hoạt động kinh doanh bảo hiểm và được tính toán dựa trên các quy định có liên quan ban hành tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 05 năm 2017 và Thông tư số 01/2019/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính.

Trong năm 2021, tình hình dịch COVID trên thế giới vẫn tiếp diễn phức tạp, tuy nhiên Việt Nam đã kiểm soát tốt. Thiệt hại bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt do COVID không đáng kể. Bảo hiểm Bảo Việt đáp ứng yêu cầu về biên khả năng thanh toán theo quy định.

Lãi suất trái phiếu chính phủ giảm đã làm dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ tăng lên, đã ảnh hưởng đến lợi nhuận, nguồn vốn chủ sở hữu của Bảo Việt Nhân thọ. Bảo Việt Nhân thọ bảo đảm biên khả năng thanh toán theo quy định.

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu chịu sự tác động của các loại rủi ro sau:

- Rủi ro bảo hiểm;
- Rủi ro tài chính, bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu trong các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Ban Điều hành Tập đoàn liên tục theo dõi hoạt động quản lý rủi ro của Tập đoàn để đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa thiệt hại do rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm

Rủi ro bảo hiểm là rủi ro liên quan đến tổn thất mà công ty bảo hiểm có thể phải gánh chịu do mức phí bảo hiểm không đủ để chi trả cho các sự kiện bảo hiểm. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm được thực hiện bởi hai công ty con của Tập đoàn Bảo Việt là Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ.

41.1.1 Các mục tiêu, chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm

Mục tiêu quản lý rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt là kiểm soát phạm vi và mức độ tổn thất phát sinh nhằm đảm bảo phạm vi và mức độ này nằm trong giới hạn chấp nhận rủi ro đã thiết lập.

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo Việt Nhân thọ

Bảo Việt Nhân thọ ban hành Chính sách quản lý rủi ro quy định cơ chế quản lý đối với các rủi ro chính, trong đó có rủi ro bảo hiểm. Khẩu vị rủi ro và hạn mức rủi ro chủ yếu của Bảo Việt Nhân thọ quy định giới hạn, ngưỡng cảnh báo để kiểm soát các rủi ro chủ yếu. Rủi ro bảo hiểm được xem xét trên một số khía cạnh như rủi ro về sản phẩm, rủi ro định phí, các vấn đề từ quy định pháp luật, kiểm soát chi phí, vấn đề liên quan đến đầu tư và quản lý đầu tư, chấp nhận bảo hiểm, trục lợi bảo hiểm, tái bảo hiểm... Rủi ro bảo hiểm được nhận diện, đánh giá định kỳ hàng quý để kịp thời đưa ra các giải pháp ứng phó phù hợp, đảm bảo luôn nằm trong giới hạn cho phép.

Bảo Việt Nhân thọ áp dụng đầy đủ các biện pháp quản lý rủi ro trong thiết kế sản phẩm bảo hiểm mới/điều chỉnh thiết kế sản phẩm hiện tại, khai thác, xây dựng các quy định sản phẩm, theo dõi kinh nghiệm, giám định và trả tiền hoặc bồi thường bảo hiểm nhằm đảm bảo thanh toán trách nhiệm theo hợp đồng bảo hiểm và kết quả kinh doanh bảo hiểm theo dự kiến. Bảo Việt Nhân thọ thường xuyên rà soát các giả định quan trọng (như bảng tỷ lệ tử vong, lãi suất kỹ thuật, chi phí, các thông số về tổn thất, mức chia lãi/bảo tức), rà soát các rủi ro nhận bảo hiểm và đối tượng bảo hiểm hợp lý; đảm bảo việc áp dụng đầy đủ các nguyên tắc trong khai thác, giám định, trả tiền hoặc bồi thường bảo hiểm; chú trọng rà soát các rủi ro có khả năng xảy ra cao, nguy cơ trục lợi bảo hiểm; thường xuyên đánh giá các rủi ro tích tụ, bảo đảm trích lập đầy đủ các khoản dự phòng nghiệp vụ và thu xếp tái bảo hiểm.

Công tác quản lý rủi ro bảo hiểm luôn được chú trọng trong tất cả các khâu liên quan của quá trình hoạt động kinh doanh. Trước hết, rủi ro bảo hiểm được giám sát chặt chẽ thông qua việc xây dựng những giả định phù hợp về tổn thất dự kiến liên quan đến đối tượng được bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm. Bảo Việt Nhân thọ có thể chịu rủi ro về các khoản bồi thường chưa xác định rõ thời điểm, tần suất và mức độ bồi thường liên quan đến những tổn thất do tai nạn, sức khỏe, trục lợi hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện bảo hiểm. Do vậy, Bảo Việt Nhân thọ đã đưa ra và thực hiện quy định, quy trình chặt chẽ về: thiết kế và quản lý sản phẩm; theo dõi kinh nghiệm triển khai; định kỳ đánh giá doanh số và lợi nhuận sản phẩm; phân tích kịch bản; kịp thời hoàn thiện sản phẩm, định phí lại khi thực tế khác với giả định, nhất là khi thực tế bất lợi so với giả định.

Bảo Việt Nhân thọ quản lý rủi ro bảo hiểm bằng hạn mức chấp nhận bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến hợp đồng mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro nhận bảo hiểm, đưa ra nguyên tắc định phí/định giá, nguyên tắc tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

Bảo Việt Nhân thọ sử dụng nhiều phương pháp để đánh giá và quản lý rủi ro bảo hiểm. Các phương pháp này bao gồm mô hình đo lường rủi ro nội bộ, các phân tích về độ nhạy, phân tích tình huống và phương pháp kiểm tra sức chịu đựng (stress testing). Các lý thuyết xác suất thống kê và toán học được áp dụng để xác định mức phí bảo hiểm và danh mục các loại sản phẩm bảo hiểm có thể cung cấp. Với các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, rủi ro bảo hiểm chủ yếu là tần suất xảy ra tổn thất bảo hiểm lớn hơn dự kiến. Theo bản chất, các tổn thất bảo hiểm xảy ra mang tính ngẫu nhiên và các con số thực tế của các sự kiện bảo hiểm có thể diễn ra trong thời gian một năm bất kỳ có thể khác nhiều so với con số ước tính bằng các phương pháp thống kê thông dụng.

Quy trình xây dựng các giả định của Bảo Việt Nhân thọ nhằm đưa ra các ước tính thận trọng và ổn định về kết quả tương lai. Điều này được đảm bảo bằng việc áp dụng giả định tương đối thận trọng để tránh các biến động bất lợi trong thực tiễn hoạt động. Hoạt động kiểm tra hàng năm được thực hiện nhằm đảm bảo mức chênh lệch giữa giả định áp dụng và ước tính khả thi nhất với kết quả trong tương lai nằm trong giới hạn chấp nhận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
B09-DN/HN

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

41.1.1 Các mục tiêu, chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo Việt Nhân thọ (tiếp theo)

Bảo Việt Nhân thọ thực hiện tính toán và trích lập các Quỹ dự phòng nghiệp vụ cho các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ theo nguyên tắc như được trình bày tại Thuyết minh 4.15 - các Quỹ dự phòng nghiệp vụ.

Các giả định cơ bản sử dụng trong tính toán dự phòng cho các hợp đồng dài hạn bao gồm:

(i) Bảng tỷ lệ tử vong

Bảng tỷ lệ tử vong sử dụng trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt và tuân thủ theo quy định của pháp luật. Bảo Việt Nhân thọ đang sử dụng Bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980 để tham chiếu và so sánh.

Riêng với các sản phẩm niên kim nhân thọ, bảng tỷ lệ riêng biệt được sử dụng nhằm đảm bảo trích lập dự phòng thận trọng và đầy đủ.

(ii) Bảng phân loại bệnh tật, thương tật, nằm viện

Tỷ lệ xảy ra bệnh tật, thương tật, nằm viện trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt. Tỷ lệ xảy ra bệnh tật, thương tật chủ yếu bao gồm các bệnh và thương tật được tính toán từ thống kê về thanh toán quyền lợi được chi trả và phí bảo hiểm bình quân năm.

Thêm vào đó, với những hợp đồng người được bảo hiểm có rủi ro lớn hơn mức tiêu chuẩn (tức có phí bảo hiểm phụ trội), dự phòng bổ sung được trích lập tương ứng với rủi ro tăng thêm.

(iii) Lãi suất kỹ thuật

Bảo Việt Nhân thọ sử dụng các lãi suất kỹ thuật khác nhau cho các nhóm sản phẩm bảo hiểm truyền thống khác nhau thuộc quỹ chủ hợp đồng truyền thống chia lãi và quỹ chủ hợp đồng truyền thống không chia lãi. Đồng thời, để đảm bảo tuân thủ quy định của luật về dự phòng tối thiểu và phê chuẩn của Bộ Tài chính, kết quả tính toán dự phòng theo phương pháp và cơ sở dự phòng công bố sẽ được so sánh với dự phòng tối thiểu theo luật định (được tính theo phương pháp và cơ sở dự phòng tối thiểu theo luật định) nhằm đảm bảo dự phòng công bố không thấp hơn dự phòng tối thiểu theo luật định. Cụ thể, nếu kết quả tính toán theo phương pháp và cơ sở dự phòng công bố thấp hơn dự phòng tối thiểu theo luật định thì dự phòng tối thiểu theo luật định sẽ được sử dụng để xác định dự phòng công bố.

Bảo Việt Nhân thọ đã đưa ra các quy định chặt chẽ, đặc biệt là trong hoạt động thiết kế sản phẩm, định phí và các quy định loại trừ nhằm hạn chế tối đa rủi ro trục lợi bảo hiểm và lựa chọn đối nghịch. Đồng thời, Bảo Việt Nhân thọ đưa ra các quy định về triển khai sản phẩm như quy định đối tượng được chấp nhận bảo hiểm, đánh giá rủi ro và chấp nhận bảo hiểm, số tiền bảo hiểm tối đa/tối thiểu, sản phẩm được chấp nhận, bệnh viện được chấp nhận thanh toán quyền lợi bảo hiểm...; thực hiện định phí bảo hiểm đầy đủ, đảm bảo lợi nhuận hợp lý và khả năng thanh toán trong tình huống trả tiền bảo hiểm/bồi thường thực tế khác với giả định trong một giới hạn nhất định. Các phương pháp, công cụ được Bảo Việt Nhân thọ sử dụng để đánh giá và giám sát rủi ro bảo hiểm như mô hình đo lường rủi ro, các phân tích về độ nhạy, phân tích tình huống và phân tích kịch bản. Các phương pháp actuary tiên tiến được áp dụng để xác định mức phí bảo hiểm và danh mục các sản phẩm bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm có thể cung cấp.

Công tác đánh giá rủi ro, chấp nhận bảo hiểm, giám định và giải quyết quyền lợi bảo hiểm đã được tăng cường thông qua việc hoàn thiện các quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể, đào tạo cán bộ và xây dựng mối quan hệ hợp tác hiệu quả với đối tác liên quan... Đặc biệt, các công việc này đã được thực hiện tập trung và được quản lý thống nhất trong toàn hệ thống.

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

41.1.1 Các mục tiêu, chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo hiểm Bảo Việt

Bảo hiểm Bảo Việt đã đánh giá thực trạng, phân tích tác động và thực hiện các điều chỉnh như: điều chỉnh sản phẩm, điều chỉnh chính sách phân cấp khai thác, bồi thường,.. định phí bảo hiểm theo mức độ tổn thất của từng hợp đồng; tiếp tục kiểm soát rủi ro nhằm đạt được các mục tiêu về lợi nhuận.

Đối với hoạt động khai thác bảo hiểm, ngoài việc chủ động đa dạng hóa loại hình rủi ro bảo hiểm hướng về khách hàng cá nhân và qua kênh bán lẻ, Bảo hiểm Bảo Việt cũng áp dụng các tiêu chí lựa chọn rủi ro, cụ thể là không chấp nhận bảo hiểm đối với các rủi ro bảo hiểm có khả năng xảy ra cao hoặc có nguy cơ bị trục lợi cao. Bảo hiểm Bảo Việt cũng tăng cường đánh giá rủi ro tích tụ và đưa ra các quy định về chấp nhận bảo hiểm đối với các nghiệp vụ khác nhau, các địa phương khác nhau để phân tán rủi ro, tránh tích tụ rủi ro ở cấp độ toàn Bảo hiểm Bảo Việt.

Đối với các rủi ro được chấp nhận bảo hiểm, năm 2021, Bảo hiểm Bảo Việt đã xác định lại tỉ lệ phí bảo hiểm áp dụng với từng nhóm rủi ro dựa trên kinh nghiệm tổn thất và dự báo, xu thế của rủi ro, lạm phát, mức độ cạnh tranh, các quy định của pháp luật. Đối với các nhóm rủi ro có tỉ lệ tổn thất và chi phí gia tăng, Bảo hiểm Bảo Việt chỉ chấp nhận bảo hiểm nếu người tham gia bảo hiểm chấp nhận tăng phí bảo hiểm tương ứng hoặc giới hạn phạm vi bảo hiểm, tăng mức miễn thường. Đối với các nhóm rủi ro có tỉ lệ tổn thất vẫn đảm bảo lợi nhuận bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt chủ trương tăng tỷ trọng chấp nhận bảo hiểm để gia tăng thị phần, gia tăng dòng tiền vào để sinh lợi ở hoạt động đầu tư tài chính.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm đang có hiệu lực, nếu phát sinh thêm rủi ro tín dụng, tức người tham gia bảo hiểm mất khả năng nộp phí bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ chủ động chấm dứt hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm để chấm dứt nghĩa vụ phát sinh về phí tái bảo hiểm, thuế, hay về bồi thường nếu xảy ra tổn thất.

Bảo hiểm Bảo Việt cũng áp dụng triệt để các giải pháp chuyển giao rủi ro để chia sẻ rủi ro với các công ty bảo hiểm khác và với chính người tham gia bảo hiểm như đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, áp dụng miễn thường, đối với các nghiệp vụ bảo hiểm không trực tiếp mua tái bảo hiểm. Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm còn lại, Bảo hiểm Bảo Việt yêu cầu thu xếp tái bảo hiểm theo vụ trước khi cấp đơn bảo hiểm gốc cũng như mua các hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường theo vụ và theo nghiệp vụ.

Việc giám định tổn thất và giải quyết bồi thường đã được thực hiện theo 2 cấp. Những vụ tổn thất lớn, có tính chất phức tạp đều đã được xử lý và bồi thường tập trung tại Bảo hiểm Bảo Việt. Những vụ tổn thất nhỏ mà các đơn vị thành viên đã có kinh nghiệm tiếp nhận và giải quyết được xử lý tại các công ty thành viên. Bảo hiểm Bảo Việt cũng chủ trương đẩy nhanh tốc độ xử lý khiếu nại và giải quyết bồi thường để tránh các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình giám định và bồi thường như rủi ro tỉ giá tăng, lạm phát, tổn thất gia tăng, các rủi ro đạo đức,...

Bảo hiểm Bảo Việt đã xây dựng và đưa vào phục vụ kinh doanh thành công Trung tâm dịch vụ khách hàng để hoàn thiện thêm một bước quy trình khai thác bảo hiểm và đặc biệt là quy trình tiếp nhận thông báo tai nạn, giám định tổn thất và giải quyết bồi thường. Bảo hiểm Bảo Việt cũng đã triển khai phần mềm InsureJ và xây dựng mô hình Trung tâm cấp đơn và giám định bồi thường để đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường tập trung tới cấp Công ty thành viên. Phần mềm cũng cho phép ghi nhận thông tin khách hàng, thông tin hợp đồng bảo hiểm, thông tin tổn thất một cách chính xác và kịp thời, phục vụ phân tích, đánh giá và ra quyết định quản lý rủi ro.

41.1.2 Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Bảo Việt Nhân thọ là đa dạng hóa nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và dựa trên một danh mục đủ lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy, làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh. Dưới đây là mô tả chi tiết các sản phẩm bảo hiểm chính của Bảo Việt Nhân thọ và cách thức Bảo Việt Nhân thọ quản lý các rủi ro liên quan:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
B09-DN/HN

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

41.1.2 Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm (tiếp theo)

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống (tiếp theo)

Các đặc tính sản phẩm - Đặc điểm cơ bản của hoạt động bảo hiểm truyền thống dài hạn là cung cấp quyền lợi bảo hiểm tử vong được đảm bảo xác định từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực. Các sản phẩm bảo hiểm có yếu tố tiết kiệm đều được đảm bảo quyền lợi đáo hạn, quyền lợi nhận giá trị hoàn lại, số tiền bảo hiểm giảm khi dừng đóng phí bảo hiểm và quyền lợi định kỳ (đối với một số sản phẩm). Đối với một số sản phẩm (như sản phẩm dành cho trẻ em), bên mua bảo hiểm sẽ được hưởng quyền lợi miễn nộp phí bảo hiểm khi bên mua bảo hiểm chết, trong tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn, hoặc khi người được bảo hiểm trong tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn. Quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn cũng được chi trả trong trường hợp người được bảo hiểm bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn đối với sản phẩm dành cho trẻ em và các sản phẩm khác. Bên cạnh đó, trong một số sản phẩm quyền lợi bảo hiểm thương tật nghiêm trọng do tai nạn hoặc quyền lợi bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng được cung cấp trong trường hợp sự kiện bảo hiểm tương ứng xảy ra với người được bảo hiểm.

Các sản phẩm nhân thọ truyền thống với cấu phần không đảm bảo cho phép bên mua bảo hiểm được tham gia chia lãi trên cơ sở quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ chia lãi của các sản phẩm này hoặc bảo tức. Các quỹ này đưa ra mức lãi chia hàng năm dưới dạng lãi chia bằng tiền mặt tích lũy vào cuối năm tài chính và phải trả các chủ hợp đồng bảo hiểm tại ngày kỷ niệm hợp đồng cho mỗi giai đoạn năm (05) năm. Với sản phẩm chia lãi dưới hình thức bảo tức, lãi chia cho bên mua bảo hiểm bao gồm: bảo tức hàng năm và lãi chia cuối hợp đồng.

Các nguyên tắc phân chia lợi nhuận giữa các chủ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ:

(i) Phản ánh tình hình tài chính của quỹ chủ hợp đồng chia lãi tương ứng của Bảo Việt Nhân thọ;

(ii) Xem xét kỳ vọng thích đáng của các chủ hợp đồng bảo hiểm;

(iii) Cân bằng lợi ích giữa chủ hợp đồng bảo hiểm và chủ sở hữu; và

(iv) Tuân thủ các quy định liên quan.

Quản trị rủi ro - Bảo Việt Nhân thọ được toàn quyền quyết định mức lãi chia, bảo tức công bố theo hợp đồng trên cơ sở tuân thủ đúng và đầy đủ quy định hiện hành. Trên thực tế, Bảo Việt Nhân thọ sẽ xem xét các kỳ vọng thích đáng của khách hàng khi xác định mức lãi chia/bảo tức. Mục đích của Bảo Việt Nhân thọ là duy trì tỷ lệ lãi chia/bảo tức ổn định và hợp lý dựa trên tỷ suất lợi nhuận dài hạn của sản phẩm. Công việc soát xét hàng năm sẽ được thực hiện để đảm bảo tỷ lệ lãi chia/bảo tức là hợp lý khi xem xét kinh nghiệm tổng thể về các khoản đầu tư, bồi thường, chi phí hoạt động và hủy hợp đồng.

Rủi ro đầu tư được quản lý thông qua việc cân đối giữa tài sản và các khoản nợ. Các chiến lược đầu tư được xây dựng nhằm đáp ứng hợp lý mức lợi suất đầu tư kỳ vọng của các chủ hợp đồng bảo hiểm trên cơ sở tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành. Rủi ro tử vong, thương tật, bệnh tật được quản lý thông qua việc thực hiện đúng quy trình bán hàng, phát hành hợp đồng bảo hiểm, giám định xác minh và bồi thường bảo hiểm, theo dõi kinh nghiệm.

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ liên kết chung

Các đặc tính sản phẩm - Bảo Việt Nhân thọ hiện đang cung cấp các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung với cả hai yếu tố bảo vệ và đầu tư trong quỹ liên kết chung bao gồm sản phẩm bảo hiểm liên kết chung hỗn hợp có thời hạn bảo hiểm mười lăm, hai mươi hoặc hai mươi lăm (15, 20 hoặc 25) năm, sản phẩm bảo hiểm liên kết chung dành cho trẻ em và sản phẩm bảo hiểm liên kết chung trọn đời.

Bên mua bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm liên kết chung có thể lựa chọn quyền lợi bảo hiểm rủi ro (tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn) là số lớn hơn giữa giá trị tài khoản và số tiền bảo hiểm gia tăng hoặc giá trị tài khoản cộng với số tiền bảo hiểm gia tăng và quyền lợi đáo hạn là giá trị tài khoản của bên mua bảo hiểm. Thêm vào đó, bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn mức Quyền lợi hỗ trợ tài chính tại thời điểm tham gia hợp đồng (với sản phẩm bảo hiểm liên kết chung dành cho trẻ em) hoặc các quyền lợi nâng cao như chăm sóc y tế, ung thư, đột quỵ (với sản phẩm An Phát Cát Tường).

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

41.1.2 Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm (tiếp theo)

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ liên kết chung (tiếp theo)

Hợp đồng liên kết chung cung cấp lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu theo cơ chế cam kết "mềm" (đó là, lãi suất đầu tư tối thiểu được cam kết trong trường hợp xảy ra tử vong, hủy hợp đồng và khi hợp đồng đáo hạn) hoặc theo cơ chế cam kết "cứng" (đó là, lãi suất đầu tư tối thiểu được cam kết theo từng năm hợp đồng hoặc từng nhóm năm hợp đồng).

Sản phẩm liên kết chung còn cung cấp quyền lợi Duy trì hợp đồng, quyền lợi gia tăng giá trị tài khoản và quyền lợi Thưởng đặc biệt nhằm gia tăng giá trị cho những hợp đồng có giá trị tài khoản lớn và/hoặc đóng phí bảo hiểm đều đặn.

Phí bảo hiểm thu được sẽ được chuyển vào quỹ liên kết chung của Bảo Việt Nhân thọ sau khi trừ đi phí ban đầu. Các phí khác như phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý hợp đồng và phí quản lý quỹ sẽ được khấu trừ từ giá trị tài khoản hợp đồng.

Các sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện

Các đặc tính sản phẩm - Bảo Việt Nhân thọ triển khai 02 sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bao gồm sản phẩm hưu trí nhóm và sản phẩm hưu trí cá nhân cung cấp kế hoạch tài chính cho tuổi nghỉ hưu bên cạnh yếu tố bảo vệ cho các đối tượng khách hàng khác nhau. Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn tuổi nghỉ hưu cho Người được bảo hiểm và lựa chọn hình thức đóng góp (một lần hoặc định kỳ đến tuổi nghỉ hưu). Đối với sản phẩm hưu trí nhóm, khoản đóng góp có thể đến từ cả hai đối tượng Bên mua bảo hiểm và Thành viên được bảo hiểm.

Các quyền lợi chính của các sản phẩm bao gồm quyền lợi hưu trí, quyền lợi bảo hiểm tử vong, quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn, quyền lợi trợ cấp mai táng, quyền lợi rút tài khoản, quyền lợi duy trì tài khoản. Khi Người được bảo hiểm đạt tuổi nghỉ hưu, quyền lợi hưu trí sẽ được trích ra từ Giá trị tài khoản hưu trí để chi trả định kỳ trong một khoảng thời gian xác định hoặc đến khi Người được bảo hiểm tử vong, tùy theo lựa chọn của Bên mua bảo hiểm. Quyền lợi tử vong và quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn có thể được lựa chọn là số lớn hơn giữa giá trị tài khoản và số tiền bảo hiểm hoặc giá trị tài khoản cộng với số tiền bảo hiểm. Quyền lợi trợ cấp mai táng được chi trả ngay lập tức khi Người được bảo hiểm tử vong theo mọi nguyên nhân, và sẽ được đối trừ khi chi trả quyền lợi tử vong hoặc bất kỳ khoản chi trả nào sau đó. Tùy theo điều khoản của từng sản phẩm, Người được bảo hiểm rút tài khoản hoặc chuyển giao tài khoản trong một số trường hợp. Các sản phẩm hưu trí còn cung cấp quyền lợi duy trì tài khoản nhằm gia tăng giá trị cho những tài khoản hưu trí lớn và/hoặc có đóng góp đều đặn.

Lãi suất đầu tư tối thiểu đối với sản phẩm hưu trí tự nguyện được cam kết cho từng năm tài khoản bảo hiểm hưu trí (cam kết "cứng").

Khoản đóng góp thu được sẽ được chuyển vào Quỹ hưu trí tự nguyện của Bảo Việt Nhân thọ sau khi trừ đi Phí ban đầu. Các phí khác như phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý Tài khoản bảo hiểm hưu trí và phí quản lý Quỹ hưu trí tự nguyện sẽ được khấu trừ từ Giá trị tài khoản hưu trí. Đối với sản phẩm hưu trí nhóm, các loại phí có thể được áp dụng khác nhau tùy theo đặc điểm của từng nhóm.

Các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe

Các đặc tính sản phẩm - Các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe đều được đảm bảo quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm rủi ro nhưng không có quyền lợi đáo hạn và giá trị hoàn lại. Các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe không tham gia chia lãi.

Về thời hạn bảo hiểm, Bảo Việt Nhân thọ đang cung cấp hai loại thời hạn đối với sản phẩm bảo hiểm sức khỏe: tái tục hàng năm (thời hạn bảo hiểm bằng 01 năm) và dài hạn (thời hạn bảo hiểm trên 01 năm).

Quản trị rủi ro - Rủi ro thương tật, bệnh tật, nằm viện... được quản lý thông qua việc thiết kế sản phẩm, định phí, thực hiện đúng quy trình bán hàng, phát hành hợp đồng bảo hiểm, giám định xác minh và bồi thường, theo dõi kinh nghiệm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
B09-DN/HN

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

41.1.2 Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm (tiếp theo)

Các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ

Bảo hiểm Bảo Việt tuân thủ đầy đủ quy định của Bộ Tài chính về nợ phí bảo hiểm và xử lý nợ phí bảo hiểm, thực hiện các chính sách quản trị để hạn chế việc bị chiếm dụng dòng tiền.

Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục duy trì chính sách quản lý dòng tiền, đảm bảo duy trì được thanh khoản, đáp ứng nhu cầu chi bồi thường và tận dụng tối đa nguồn tiền nhàn rỗi để sinh lợi trong năm 2021.

41.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm

Bảng tổng hợp số liệu về tình hình bồi thường

Bảng dưới đây thể hiện các ước tính về bồi thường thuần phát sinh dồn tích, cùng với các khoản thanh toán dồn tích tính đến thời điểm hiện tại của Bảo hiểm Bảo Việt:

Đơn vị tính: triệu VND

CHỈ TIÊU	Năm tổn thất					
	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
Năm bồi thường	1	2	3	4	5	6
I. Số ước tính chi bồi thường luỹ kế						
1	2.954.365	4.034.625	3.751.268	2.116.986	3.113.602	-
2	3.718.676	4.210.835	4.435.773	2.634.198	-	-
3	3.532.364	4.086.371	4.341.429	-	-	-
4	3.379.411	4.051.678	-	-	-	-
5	3.501.057	-	-	-	-	-
Số ước tính chi bồi thường luỹ kế đến năm hiện tại (1)	**3.501.057**	**4.051.678**	**4.341.429**	**2.634.198**	**3.113.602**	**17.641.964**
II. Số đã chi trả bồi thường luỹ kế						
1	2.424.100	2.757.013	3.146.324	1.407.772	1.745.976	-
2	3.294.708	3.811.575	3.720.755	2.004.568	-	-
3	3.415.379	3.929.080	3.908.577	-	-	-
4	3.491.930	3.969.766	-	-	-	-
5	3.498.231	-	-	-	-	-
Số đã chi trả bồi thường luỹ kế đến năm hiện tại (2)	**3.498.231**	**3.969.766**	**3.908.577**	**2.004.568**	**1.745.976**	**15.127.118**
III. Tổng dự phòng bồi thường chưa giải quyết (3) = (1) - (2)	**2.826**	**81.912**	**432.852**	**629.630**	**1.367.626**	**2.514.846**
IV. Ước thâm hụt dự phòng bồi thường (4)	**(546.692)**	**(17.053)**	**(590.161)**	**(517.212)**	**-**	
V. Tỷ lệ % thâm hụt dự phòng trên số ước tính chi bồi thường (5) = (4)/(1)*100%	**-16%**	**0%**	**-14%**	**-20%**	**0%**	

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

41.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Các yếu tố tác động đến lợi nhuận báo cáo và vốn chủ sở hữu

Hoạt động bảo hiểm, cùng với hoạt động đầu tư là hai hoạt động sinh lợi chính của Bảo hiểm Bảo Việt, trong đó lợi nhuận của hoạt động bảo hiểm đóng góp một phần nhỏ vào lợi nhuận chung của Bảo hiểm Bảo Việt.

Đối với Bảo Việt Nhân thọ, lợi nhuận từ hoạt động bảo hiểm phụ thuộc rất lớn vào các rủi ro như rủi ro lãi suất chiết khấu, tỷ lệ tử vong, chi phí hoạt động. Bảo Việt Nhân thọ đã thực hiện thử nghiệm các mô hình định giá/định phí dựa trên các giả định khác nhau. Việc phân tích độ nhạy với từng tình huống cho thấy cái nhìn rõ hơn với các rủi ro chính mà Bảo Việt Nhân thọ có thể gặp phải. Bảng trình bày dưới đây chỉ ra độ nhạy của các ước tính trách nhiệm bảo hiểm đối với từng thay đổi cụ thể trong các giả định sử dụng trong quá trình ước tính. Một số biến nhất định dự kiến sẽ ảnh hưởng đến các trách nhiệm hợp đồng bảo hiểm lớn hơn các biến khác, và vì vậy dự kiến sẽ có độ nhạy lớn hơn đối với các biến này.

Ảnh hưởng tới lợi nhuận báo cáo do ảnh hưởng của các biến số chính:

Đơn vị: triệu VND

	Thay đổi biến (%)	Thay đổi trách nhiệm bảo hiểm	Ảnh hưởng đến nguồn vốn chủ sở hữu
Ngày 31 tháng 12 năm 2021			
Tỷ lệ chiết khấu	+0,25	(1.021.279)	817.023
Tỷ lệ chiết khấu	-0,25	1.141.236	(912.989)
Tỷ lệ tử vong	+10	165.007	(132.006)
Tỷ lệ tử vong	-10	(162.760)	130.208
Tỷ lệ tử vong	+20	335.192	(268.154)
Tỷ lệ tử vong	-20	(321.925)	257.540
Ngày 31 tháng 12 năm 2020			
Tỷ lệ chiết khấu	+0,25	(1.110.687)	888.550
Tỷ lệ chiết khấu	-0,25	1.230.826	(984.661)
Tỷ lệ tử vong	+10	201.596	(161.277)
Tỷ lệ tử vong	-10	(198.934)	159.147
Tỷ lệ tử vong	+20	409.519	(327.615)
Tỷ lệ tử vong	-20	(393.475)	314.780

Phân tích trên được lập với giả định các giả định khác không đổi khi thay đổi một biến số và bỏ qua thay đổi về giá trị của các tài sản liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
B09-DN/HN

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

41.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Tích tụ rủi ro

Rủi ro bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm hầu hết các loại rủi ro bảo hiểm phi nhân thọ như rủi ro bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, rủi ro bảo hiểm tàu thủy, rủi ro bảo hiểm hàng không, rủi ro bảo hiểm dầu khí, rủi ro bảo hiểm tài sản, rủi ro bảo hiểm con người, rủi ro bảo hiểm kỹ thuật,... Ngoài rủi ro tích tụ cùng loại rủi ro, Bảo hiểm Bảo Việt còn đối mặt với rủi ro tích tụ các loại rủi ro liên quan, chẳng hạn như bảo hiểm đồng thời tàu và hàng, bảo hiểm đồng thời tài sản và con người,... Năm 2021, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục thực hiện các chính sách, quy trình khai thác để quản lý rủi ro tích tụ và duy trì các các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ để giới hạn mức trách nhiệm khi xảy ra sự kiện rủi ro tích tụ hoặc thảm họa.

Những rủi ro chính đối với Bảo Việt Nhân thọ như rủi ro tử vong, rủi ro bệnh tật, rủi ro tuổi thọ, rủi ro từ hoạt động đầu tư, rủi ro chi phí, rủi ro từ việc ra quyết định của người được bảo hiểm không có khác biệt lớn giữa các vùng miền, theo loại hình được bảo hiểm hay theo ngành.

Chiến lược bán hàng của Bảo Việt Nhân thọ nhằm đảm bảo rằng những rủi ro bảo hiểm được đa dạng cả về loại hình và mức độ của các quyền lợi bảo hiểm. Điều này phần lớn đạt được thông qua việc khai thác bảo hiểm trên tất cả ngành, vùng lãnh thổ địa lý, sử dụng các đánh giá y tế để đảm bảo rằng việc định phí sản phẩm đã tính đến các điều kiện sức khỏe hiện tại và tiền sử sức khỏe của gia đình, đặc thù nghề nghiệp những người làm việc trong từng ngành, rà soát thường xuyên các vụ bồi thường thực tế và quy trình định phí các sản phẩm cũng như quy trình giải quyết bồi thường. Các hạn mức khai thác được thực hiện nhằm đảm bảo các tiêu chí lựa chọn rủi ro phù hợp.

Ví dụ, Bảo Việt Nhân thọ có quyền không tái tục các hợp đồng riêng lẻ, có quyền từ chối thanh toán các khiếu nại gian lận. Bảo Việt Nhân thọ củng cố chính sách chủ động quản lý và thu đòi bồi thường để giảm các rủi ro không dự đoán trước được trong tương lai có thể ảnh hưởng không tốt trực tiếp đến Bảo Việt Nhân thọ.

Tái bảo hiểm

Tái bảo hiểm là một công cụ quản lý rủi ro quan trọng và hữu hiệu tại Bảo hiểm Bảo Việt. Chương trình tái bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm các hợp đồng tái bảo hiểm cố định được thực hiện với thời hạn 1 năm và tái bảo hiểm tạm thời được thực hiện theo từng dịch vụ. Các đối tác tái bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt đều là các công ty bảo hiểm lớn trên thế giới có xếp hạng tín nhiệm cao và đã có quan hệ hợp tác lâu dài với Bảo hiểm Bảo Việt như Munich Re, Swiss Re. Chương trình tái bảo hiểm đã được xây dựng đã tăng khả năng bảo hiểm cho Bảo hiểm Bảo Việt, bảo vệ Bảo hiểm Bảo Việt trước các rủi ro và tổn thất lớn, đồng thời hỗ trợ tích cực cho Bảo hiểm Bảo Việt trong việc đảm bảo biên khả năng thanh toán.

Bảo Việt Nhân thọ cũng thực hiện chính sách quản lý rủi ro thông qua tái bảo hiểm, chuyển giao một phần rủi ro của hợp đồng bảo hiểm cho công ty nhận tái bảo hiểm. Mức giữ lại phụ thuộc vào khả năng tài chính, mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm, kinh nghiệm của Bảo Việt Nhân thọ. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm hoặc theo thỏa thuận, bên nhận tái bảo hiểm đồng ý chi trả số tiền tương ứng đã nhận tái bảo hiểm trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm. Trong mọi trường hợp, Bảo Việt Nhân thọ phải chịu trách nhiệm toàn bộ đối với chủ hợp đồng kể cả khi bên nhận tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ. Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro đối tác/tín dụng, để giảm thiểu rủi ro, Bảo Việt Nhân thọ chỉ thiết lập thỏa thuận tái bảo hiểm với những công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp hạng theo quy định hiện hành.

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

41.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Ước tính quyền lợi bảo hiểm

Bảng dưới đây thể hiện mức độ tập trung của các khoản phải trả hợp đồng bảo hiểm nhân thọ theo loại hình hợp đồng:

Đơn vị: triệu VND

	Trách nhiệm theo các hợp đồng bảo hiểm và đầu tư có cấu phần không đảm bảo	Trách nhiệm theo các hợp đồng bảo hiểm không có cấu phần không đảm bảo	Tổng
Ngày 31 tháng 12 năm 2021			
Điều khoản riêng	355	610.578	610.933
Trọn đời	90.309	-	90.309
Tử kỳ	-	11.271	11.271
Hỗn hợp	22.282.886	25.678.384	47.961.270
Liên kết chung	-	67.300.818	67.300.818
Niên kim	1.374.269	-	1.374.269
Hưu trí	-	861.435	861.435
Bảo hiểm sức khỏe	-	3.818	3.818
Tổng cộng	**23.747.819**	**94.466.304**	**118.214.123**
Ngày 31 tháng 12 năm 2020			
Điều khoản riêng	439	535.593	536.032
Trọn đời	89.177	-	89.177
Tử kỳ	-	11.177	11.177
Hỗn hợp	19.089.556	23.879.914	42.969.470
Liên kết chung	-	52.312.900	52.312.900
Niên kim	1.180.743	-	1.180.743
Hưu trí	-	738.757	738.757
Khác	-	2.892	2.892
Tổng cộng	**20.359.915**	**77.481.233**	**97.841.148**

Ước tính bồi thường

Để quản lý hiệu quả rủi ro bảo hiểm, quy trình tiếp nhận thông tin tổn thất, ước tính, thống kê và quản lý dữ liệu bồi thường là một công tác được Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt chú trọng.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục hoàn thiện thêm quy trình thống kê và quản lý bồi thường để ước tính và trích vào chi phí đúng kỳ các khoản chi trả bồi thường có thể phát sinh. Đồng thời, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục áp dụng quản lý tập trung hoạt động giám định và bồi thường bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm chi phí y tế trên địa bàn trọng điểm tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh nhằm kiểm soát và nâng cao chất lượng giám định, bồi thường xe cơ giới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
B09-DN/HN

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

41.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Ước tính bồi thường (tiếp theo)

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm hoặc cuối kỳ báo cáo chưa được giải quyết; dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh, thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường. Thông tin tổn thất sẽ được cập nhật vào hệ thống quản lý nghiệp vụ khi Bảo hiểm Bảo Việt nhận được thông báo từ phía khách hàng. Số tiền bồi thường ước tính thường không chênh lệch lớn so với chi bồi thường thực trả do tổn thất ước tính được xác định dựa trên thông tin tổn thất và tỷ lệ bồi thường quy định theo từng loại sản phẩm bảo hiểm.

Đại dịch Covid-19 đã gây sụt giảm doanh thu bảo hiểm do các đợt cách ly xã hội và thu nhập của khách hàng bị giảm sút. Tuy nhiên, do Chính phủ đang tài trợ toàn bộ chi phí liên quan đến xét nghiệm và điều trị bệnh, dịch bệnh chưa làm gia tăng chi phí bồi thường của các công ty con kinh doanh bảo hiểm. Về dài hạn, các công ty con kinh doanh bảo hiểm tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến của dịch bệnh và phân tích tác động của đại dịch Covid-19 tới tỷ lệ tử vong, bệnh tật trên đối tượng khách hàng được bảo hiểm. Trong trường hợp có ảnh hưởng trọng yếu, Tập đoàn sẽ xem xét điều chỉnh giả định tính toán trong thiết kế sản phẩm mới cũng như trích lập dự phòng bổ sung đối với các sản phẩm hiện hành để đảm bảo trách nhiệm với khách hàng.

41.2 Quản lý rủi ro tài chính

Các giao dịch công cụ tài chính có thể mang rủi ro tài chính cho Tập đoàn và các công ty con. Những rủi ro này bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Điều hành Tập đoàn xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

41.2.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng được định nghĩa là nguy cơ xảy ra tổn thất do khách hàng hoặc đối tác không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ tài chính đến hạn theo cam kết với Tập đoàn và các công ty con.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn có thể phát sinh từ hoạt động tín dụng bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính (tiền gửi, trái phiếu và các công cụ tài chính khác) và hoạt động kinh doanh khác. Ban Điều hành đã ban hành khung quản lý rủi ro tín dụng để quản lý chất lượng tín dụng và rủi ro tập trung.

Tín dụng bảo hiểm

Rủi ro tín dụng bảo hiểm là nguy cơ người tham gia bảo hiểm không thực hiện được đầy đủ và đúng hạn việc đóng phí bảo hiểm theo các điều kiện và điều khoản được quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Rủi ro này phát sinh chủ yếu tại Bảo hiểm Bảo Việt, khi Bảo hiểm Bảo Việt chưa thu được phí bảo hiểm nhưng do hợp đồng bảo hiểm đã phát sinh hiệu lực nên vẫn phải nộp thuế GTGT, phát sinh chi phí phát hành và quản lý hợp đồng, chuyển phí nhượng tái bảo hiểm và nếu tổn thất phát sinh Bảo hiểm Bảo Việt vẫn phải thanh toán bồi thường.

Để làm giảm thiểu rủi ro này, Bảo hiểm Bảo Việt đã ban hành các quy định và yêu cầu các bên, các bộ phận liên quan tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật về nợ phí bảo hiểm.

Trong các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm, sau khi phân bổ trách nhiệm đối với tổn thất cho các nhà nhận tái bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ cũng phải đối mặt với rủi ro tín dụng khi các nhà nhận tái bảo hiểm này không thanh toán được phần trách nhiệm của họ cho Công ty. Tập đoàn và các Công ty con chú trọng việc kiểm soát rủi ro này khi chỉ trung nhượng tái bảo hiểm cho các công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh xếp hạng tín nhiệm cao theo chuẩn quốc tế theo quy định hiện hành của Việt Nam, đồng thời định kỳ đánh giá năng lực và xếp hạng hàng năm đối với công ty nhận tái bảo hiểm.

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Các khoản đầu tư tiền gửi

Rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi được hiểu là nguy cơ không thu hồi được cả gốc và lãi theo thời hạn đã ấn định trong hợp đồng xảy ra do tổ chức tín dụng phá sản, bị tụt hạng tín dụng hoặc mất khả năng thanh khoản.

Tập đoàn đã ban hành Quy định về việc chấm điểm, phân loại và xác định hạn mức đầu tư tiền gửi đối với ngân hàng thương mại và công ty tài chính kèm theo Quyết định số 1018/2020/QĐ-TĐBV ngày 03 tháng 08 năm 2020. Quy định này được xây dựng trên cơ sở Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhằm chuẩn hóa mô hình phân tích tín dụng nội bộ áp dụng tại Tập đoàn và các công ty con. Hội đồng QLRR Tập đoàn Bảo Việt xác định hạn mức tín dụng tại các ngân hàng mà Tập đoàn được phép gửi tiền và các hạn mức này được rà soát định kỳ. Tập đoàn cũng thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm đảm bảo kịp thời hành động khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng. Hội đồng QLRR Tập đoàn rà soát mức độ rủi ro và đề xuất các biện pháp xử lý phù hợp.

Đầu tư trái phiếu

Rủi ro tín dụng đối với các khoản đầu tư trái phiếu là nguy cơ không thu hồi được mệnh giá trái phiếu và lãi trái phiếu của bên phát hành trái phiếu khi đến hạn thanh toán. Để quản lý rủi ro tín dụng từ đầu tư trái phiếu, Tập đoàn xây dựng kế hoạch, phê duyệt hạn mức đầu tư trái phiếu phù hợp với chiến lược đầu tư và cơ cấu tổng tài sản; ban hành Quy định của Tập đoàn về quản lý rủi ro trong đầu tư trái phiếu doanh nghiệp kèm theo Quyết định số 1129/2020/QĐ-TĐBV ngày 27 tháng 08 năm 2020 (thay thế Quy định về Quản lý rủi ro trong đầu tư Trái phiếu doanh nghiệp của Tập đoàn kèm theo Quyết định số 1762/2019/QĐ-TĐBV ngày 26 tháng 12 năm 2019) nhằm quản lý chặt hơn tình hình tài chính, phi tài chính của tổ chức phát hành và biến động giá trị tài sản đảm bảo.

Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán, Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con sẽ tiến hành thành lập Hội đồng xử lý các khoản nợ không có khả năng thu hồi và tiến hành xử lý tài sản đảm bảo (nếu có).

Trái phiếu Chính phủ ít rủi ro hơn trái phiếu doanh nghiệp và đang chiếm phần lớn trong danh mục đầu tư trái phiếu nên hoạt động đầu tư trái phiếu được đánh giá là có mức độ rủi ro trung bình thấp. Tập đoàn chưa nhận thấy ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến rủi ro tín dụng của danh mục đầu tư lãi suất cố định của toàn Tập đoàn.

Hoạt động giao dịch ký quỹ

Rủi ro tín dụng trong hoạt động giao dịch ký quỹ xảy ra khi khách hàng không thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi của khoản vay ký quỹ dù đã bán hết chứng khoán là tài sản đảm bảo. BVSC tiếp tục duy trì các chính sách quản trị mà tính hiệu quả đã được kiểm chứng:

- Đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để cấp hạn mức ký quỹ phù hợp với khả năng tài chính, tài sản ký quỹ của khách hàng. Định kỳ thực hiện rà soát nhóm các khách hàng có rủi ro tích tụ, tuân thủ theo hạn mức rủi ro BVSC đã ban hành.

- Lựa chọn Danh mục chứng khoán được vay ký quỹ theo đúng quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các Sở Giao dịch chứng khoán. Thường xuyên cập nhật thông tin cổ phiếu trên thị trường để sớm nhận diện và đưa ra cảnh báo sớm các mã có dấu hiệu mất thanh khoản, giảm giá kéo dài.

- Xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ an toàn, từ đó, thực hiện công tác theo dõi gọi bổ sung ký quỹ để sớm cảnh báo tới khách hàng về tình trạng món vay và tiến hành công tác xử lý tài sản đảm bảo nhằm bảo toàn vốn cho BVSC trong quá trình cho vay ký quỹ.

Rủi ro tín dụng đối với hoạt động giao dịch ký quỹ được đánh giá ở mức trung bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
B09-DN/HN

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Phải thu khách hàng khác

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Do các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến các khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định. Tập đoàn thực hiện trích lập dự phòng dựa trên tổn thất ước tính khi có bằng chứng các khoản phải thu không có khả năng thu hồi.

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Chưa quá hạn và không giảm giá trị	Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng lẻ	Bị giảm giá trị riêng lẻ (*)	Tổng
TÀI SẢN				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.354.092	-	-	5.354.092
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	594.968	60.837	4.096	659.901
Phải thu tái bảo hiểm	273.992	16.409	3.596	293.997
Tài sản tái bảo hiểm	2.148.982	-	-	2.148.982
Các khoản phải thu khác	86.438	-	-	86.438
- *Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược*	*77.772*	-	-	*77.772*
- *Phải thu cổ tức*	*8.666*	-	-	*8.666*
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	144.538.181	-	(175.000)	144.363.181
- *Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn*	*89.909.942*	-	-	*89.909.942*
- *Trái phiếu*	*54.628.239*	-	*(175.000)*	*54.453.239*
Chứng khoán kinh doanh	600.126	-	-	600.126
- *Trái phiếu*	*600.126*	-	-	*600.126*
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	6.130.245	1.073	1.167	6.132.485
Các tài sản khác	425.781	2.160	3.327	431.268
TỔNG CỘNG	**160.152.805**	**80.479**	**(162.814)**	**160.070.470**

(*) Số liệu trình bày bao gồm các khoản dự phòng đã trích lập.

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Chưa quá hạn và không giảm giá trị	Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng lẻ	Bị giảm giá trị riêng lẻ (*)	Tổng
TÀI SẢN				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.780.742	-	-	6.780.742
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	732.123	41.409	15.784	789.316
Phải thu tái bảo hiểm	704.066	-	-	704.066
Tài sản tái bảo hiểm	2.246.696	-	-	2.246.696
Các khoản phải thu khác	77.855	-	-	77.855
- *Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược*	*71.586*	-	-	*71.586*
- *Phải thu cổ tức*	*6.269*	-	-	*6.269*
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	121.507.403	-	-	121.507.403
- *Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn*	*85.165.335*	-	-	*85.165.335*
- *Trái phiếu*	*36.342.068*	-	-	*36.342.068*
Chứng khoán kinh doanh	365.575	-	-	365.575
- *Trái phiếu*	*365.575*	-	-	*365.575*
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	4.608.567	802	1.286	4.610.655
Các tài sản khác	173.831	3.053	3.136	180.020
TỔNG CỘNG	**137.196.858**	**45.264**	**20.206**	**137.262.328**

(*) Số liệu trình bày bao gồm các khoản dự phòng đã trích lập

Các tài sản của Tập đoàn chưa quá hạn và không giảm giá trị bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán; các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác chưa quá hạn và không giảm giá trị theo Thông tư 48.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
B09-DN/HN

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Trong đó:

- ***Chưa quá hạn và không giảm giá trị:*** các tài sản hoặc các khoản cho vay với lãi suất và nợ gốc chưa tới ngày đáo hạn và không có bằng chứng của việc suy giảm giá trị.
- ***Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng lẻ:*** các tài sản với lãi suất và nợ gốc đã quá hạn nhưng Tập đoàn tin rằng các khoản này không bị giảm giá trị vì chúng được đảm bảo bởi các tài sản thế chấp và tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng và các biện pháp đảm bảo tín dụng khác của khách hàng.
- ***Bị giảm giá trị riêng lẻ:*** các công cụ nợ và các khoản cho vay khách hàng mà Tập đoàn cho rằng không thể thu hồi đầy đủ lãi và nợ gốc theo các điều khoản của hợp đồng.

Tập đoàn trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá các khoản phải thu theo quy định tại Thông tư 48. Trong tổng tài sản quá hạn, Tập đoàn đang làm thủ tục xóa nợ đối với những khoản nợ đã đủ cơ sở xóa nợ nhưng không thu được. Đối với những khoản nợ không thu được nhưng chưa đủ cơ sở xóa nợ, Tập đoàn đang làm các thủ tục khởi kiện. Đối với những khoản nợ mà bên nợ vẫn có khả năng trả nợ, Tập đoàn đã làm các thủ tục xác nhận nợ và xúc tiến việc thu nợ.

41.2.2 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính đến hạn do mất cân đối giữa tài sản và nợ phải trả trong ngắn hạn hoặc có khả năng thực hiện các cam kết tài chính đến hạn nhưng phải chịu tổn thất lớn để thực hiện nghĩa vụ cam kết đó.

Mục tiêu của Tập đoàn là đảm bảo cân đối các luồng tiền và các cam kết tài chính được thực hiện khi đến hạn. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn tiếp tục tiến hành phân tích thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính và thông tin về luồng tiền ước tính. Phân tích các nhu cầu thanh khoản trong quá khứ để thấy những biến động về nhu cầu này và các nhân tố ảnh hưởng. Mức độ thanh khoản của Tập đoàn được định kỳ xem xét và báo cáo cho Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có ("ALCO"). Ủy ban sẽ rà soát mức độ thanh khoản, hiệu quả đầu tư và xác định các hành động phù hợp. Thanh khoản toàn Tập đoàn được đảm bảo

Mặc dù đại dịch Covid-19 làm sụt giảm nhẹ doanh thu đối với một số nghiệp vụ thuộc lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, dịch bệnh cũng đồng thời làm giảm chi phí bồi thường trong thời gian giãn cách xã hội, do đó thanh khoản toàn Tập đoàn không bị ảnh hưởng.

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2021:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Quá hạn	Không xác định kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	5.354.092	-	-	5.354.092
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	64.933	-	594.968	-	-	659.901
Phải thu tái bảo hiểm	-	-	293.997	-	-	293.997
Tài sản tái bảo hiểm	-	-	2.148.982	-	-	2.148.982
Các khoản phải thu khác	-	-	86.438	-	-	86.438
- *Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược*	-	-	*77.772*	-	-	*77.772*
- *Phải thu cổ tức*	-	-	*8.666*	-	-	*8.666*
Đầu tư tài chính	-	2.914.580	84.447.202	28.913.664	83.683.337	199.958.783
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	83.991.775	28.913.664	83.683.337	196.588.776
- *Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn*	-		*78.886.612*	*13.552.428*	-	*92.439.040*
- *Trái phiếu*	-	-	*5.105.163*	*15.361.236*	*83.683.337*	*104.149.736*
Chứng khoán kinh doanh	-	2.196.111	455.427	-	-	2.651.538
- *Cổ phiếu niêm yết*	-	*1.907.026*	-	-	-	*1.907.026*
- *Cổ phiếu chưa niêm yết*	-	*41.732*	-	-	-	*41.732*
- *Chứng chỉ quỹ*	-	*247.353*	-	-	-	*247.353*
- *Trái phiếu*	-	-	*455.427*	-	-	*455.427*
Đầu tư tài chính khác	-	718.469	-	-	-	718.469
Cho vay và tạm ứng khách hàng	2.240	-	6.130.245	-	-	6.132.485
Các tài sản khác	5.487	-	425.781	-	-	431.268
TỔNG CỘNG	**72.660**	**2.914.580**	**99.481.705**	**28.913.664**	**83.683.337**	**215.065.946**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
B09-DN/HN

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các khoản nợ tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2021:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Quá hạn	Không xác định kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
NỢ TÀI CHÍNH						
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	14.234	-	(12.198.890)	(25.035.309)	197.111.714	159.891.749
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	1.346.112	-	-	1.346.112
Phải trả tái bảo hiểm	-	-	993.492	-	-	993.492
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	-	-	16.439.558	-	-	16.439.558
- *Nhận ký quỹ*	-	-	*263.474*	-	-	*263.474*
- *Khác*	-	-	*16.176.084*	-	-	*16.176.084*
TỔNG CỘNG	**14.234**	**-**	**6.580.272**	**(25.035.309)**	**197.111.714**	**178.670.911**

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2020:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Quá hạn	Không xác định kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	6.780.742	-	-	6.780.742
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	57.193	-	732.123	-	-	789.316
Phải thu tái bảo hiểm	-	-	704.066	-	-	704.066
Tài sản tái bảo hiểm	-	-	2.246.696	-	-	2.246.696
Các khoản phải thu khác	-	-	77.855	-	-	77.855
- *Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược*	-	-	*71.586*	-	-	*71.586*
- *Phải thu cổ tức*	-	-	*6.269*	-	-	*6.269*
Đầu tư tài chính	-	2.681.635	76.817.790	27.691.448	57.506.110	164.696.983
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	76.444.345	27.691.448	57.506.110	161.641.903
- *Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn*	-	-	*72.911.395*	*15.191.301*	-	*88.102.696*
- *Trái phiếu*	-	-	*3.532.950*	*12.500.147*	*57.506.110*	*73.539.207*
Chứng khoán kinh doanh	-	1.927.850	373.445	-	-	2.301.295
- *Cổ phiếu niêm yết*	-	*1.453.086*	-	-	-	*1.453.086*
- *Cổ phiếu chưa niêm yết*	-	*198.892*	-	-	-	*198.892*
- *Chứng chỉ quỹ*	-	*275.872*	-	-	-	*275.872*
- *Trái phiếu*	-	-	*373.445*	-	-	*373.445*
Đầu tư tài chính khác	-	753.785	-	-	-	753.785
Cho vay và tạm ứng khách hàng	2.088	-	4.608.567	-	-	4.610.655
Các tài sản khác	6.189	-	173.831	-	-	180.020
TỔNG CỘNG	**65.470**	**2.681.635**	**92.141.670**	**27.691.448**	**57.506.110**	**180.086.333**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
B09-DN/HN

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các khoản nợ tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2020:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Quá hạn	Không xác định kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
NỢ TÀI CHÍNH						
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	13.778	-	(11.514.011)	(33.239.317)	168.262.091	123.522.541
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	1.328.277	-	-	1.328.277
Phải trả tái bảo hiểm	-	-	1.338.293	-	-	1.338.293
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	-	-	15.292.402	-	-	15.292.402
- *Nhận ký quỹ*	-	-	*246.647*	-	-	*246.647*
- *Khác*	-	-	*15.045.755*	-	-	*15.045.755*
TỔNG CỘNG	**13.778**	**-**	**6.444.961**	**(33.239.317)**	**168.262.091**	**141.481.513**

41.2.3 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do sự biến động của các nhân tố chủ yếu như lãi suất, giá cổ phiếu và tỷ giá hối đoái hay giá cả hàng hóa.

Mục tiêu của Tập đoàn là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro thị trường nhằm cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro bằng cách duy trì danh mục rủi ro thị trường nhất quán với chiến lược đầu tư của Tập đoàn.

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động của tỷ giá ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Đơn vị chịu rủi ro ngoại tệ chủ yếu là Bảo hiểm Bảo Việt tuy nhiên mức độ chịu ảnh hưởng không đáng kể.

Bảng sau minh họa ảnh hưởng của biến động tỷ giá ngoại tệ giữa đồng đô la Mỹ và đồng Việt Nam đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất với giả định là các yếu tố khác không đổi:

Đơn vị: triệu VND

Biến động	Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế
Năm nay	
+10%	20.493
- 10%	(20.493)
Năm trước	
+10%	6.002
- 10%	(6.002)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Trong danh mục đầu tư toàn Tập đoàn, các khoản đầu tư trái phiếu và tiền gửi có lãi suất cố định chiếm tỷ trọng lớn và được nắm giữ phù hợp để đáp ứng các khoản phải trả trong tương lai. Lãi suất tiền gửi bình quân của danh mục toàn Tập đoàn năm 2021 giảm so với năm 2020, làm ảnh hưởng đến doanh thu tái đầu tư của danh mục lãi suất cố định. Tập đoàn thực hiện cân đối dòng tiền, danh mục đầu tư, thực hiện đầu tư với kỳ hạn phù hợp để đảm bảo hiệu quả đầu tư.

Đối với các sản phẩm của Bảo Việt Nhân thọ, rủi ro lãi suất liên quan đến các loại hình bảo hiểm truyền thống có thể được giảm thiểu thông qua việc chia sẻ thu nhập với người tham gia bảo hiểm theo cơ chế các hợp đồng có cấu phần không đảm bảo.

Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu là nguy cơ giảm giá trị danh mục cổ phiếu đầu tư do giá cổ phiếu niêm yết, giá cổ phiếu chưa niêm yết biến động mạnh trên thị trường chứng khoán. Rủi ro giá cổ phiếu có nguy cơ khi đầu tư quá nhiều vào một ngành, một công ty hoặc một nhóm công ty có chung chủ sở hữu. Tập đoàn quản lý rủi ro này bằng việc xây dựng quy định hạn mức vào một ngành, một công ty hoặc nhóm công ty; phân tích rủi ro hệ thống đến danh mục khi có biến động lớn của thị trường.

Dịch Covid-19 có tác động đến thị trường chứng khoán, tuy nhiên, đà tăng của thị trường được duy trì tốt trong năm 2021. Tập đoàn thực hiện chiến lược thận trọng trong đầu tư cổ phiếu và duy trì tỷ trọng ở mức tương đối hợp lý trong toàn danh mục đầu tư.

Tập đoàn sử dụng công cụ Giá trị rủi ro ("VaR") để giám sát và giới hạn rủi ro giá cổ phiếu niêm yết. VaR là phương pháp ước tính tổn thất tối đa có thể xảy ra khi có những biến động của thị trường và giá trong khoảng thời gian nhất định, với mức độ tin cậy cho trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
B09-DN/HN

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro giá cổ phiếu (tiếp theo)

Đơn vị: triệu VND

Giá trị rủi ro của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31/12/2021	HOSE	HNX	Tổng
Giá trị sổ sách	1.790.147	369.850	2.159.997
Giá trị thị trường	3.222.352	878.582	4.100.934
VaR (95%, 1 ngày)	(81.600)	(38.279)	(119.879)
Mức độ đa dạng hóa VaR (95%)	35.810	2.301	38.111
VaR (95%, 1 tuần)	(182.464)	(85.594)	(268.058)
VaR (95%, 1 tháng)	(382.739)	(179.544)	(562.283)
VaR (95%, 1 năm)	(1.295.365)	(607.659)	(1.903.024)
Giá trị rủi ro của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31/12/2020	**HOSE**	**HNX**	**Tổng**
Giá trị sổ sách	1.511.560	476.298	1.987.858
Giá trị thị trường	2.255.994	565.152	2.821.146
VaR (95%, 1 ngày)	(52.015)	(19.736)	(71.751)
Mức độ đa dạng hóa VaR (95%)	51.162	4.658	55.820
VaR (95%, 1 tuần)	(116.310)	(44.131)	(160.441)
VaR (95%, 1 tháng)	(243.974)	(92.571)	(336.545)
VaR (95%, 1 năm)	(825.717)	(313.304)	(1.139.021)

Giá trị rủi ro VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 119,879 tỷ đồng, nghĩa là với xác suất 95%, mức tổn thất tối đa của danh mục cổ phiếu niêm yết trong một ngày là 119,879 tỷ đồng.

VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cao hơn VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tỷ lệ phần trăm của VaR (95%, 1 ngày) so với giá thị trường của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (2,92%) thấp hơn tỷ lệ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (3,45%).

Tập đoàn còn sử dụng phương pháp phân tích kịch bản "stress testing" để đánh giá những ảnh hưởng tiềm ẩn đối với danh mục đầu tư trong các điều kiện thị trường khác nhau. Phân tích dưới đây cho thấy, khi có sự biến động của chỉ số thị trường (chỉ số VN-Index hoặc HNX Index), các yếu tố còn lại không đổi, lợi nhuận trước thuế sẽ bị ảnh hưởng. Mối tương quan của các biến số cũng tác động đáng kể trong việc giảm thiểu rủi ro về giá:

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro giá cổ phiếu (tiếp theo)

Đơn vị: triệu VND

	Biến động của giá thị trường	Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế của danh mục cổ phiếu niêm yết (*)
Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
Kịch bản 1	+10%	8.534
Kịch bản 2	-10%	(74.650)
Ngày 31 tháng 12 năm 2020		
Kịch bản 1	+10%	16.347
Kịch bản 2	-10%	(36.168)

(*) Số liệu được tính toán áp dụng chính sách trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán theo quy định tại Thông tư 48 do đó ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế của việc biến động giá cổ phiếu chỉ tính tới các cổ phiếu niêm yết mà giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính giảm xuống dưới giá gốc.

Rủi ro giá chứng chỉ quỹ

Biến động giá chứng chỉ quỹ mà Tập đoàn và các công ty con đầu tư và quản lý cũng được Tập đoàn và BVF xem xét, rà soát và đánh giá thường xuyên. Giá trị Tài sản ròng ("NAV") trên mỗi chứng chỉ quỹ có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào Giá trị Tài sản và những khoản thanh toán của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động của Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu do sự giảm giá của các loại chứng khoán như trái phiếu, cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán mà Quỹ đầu tư, khi đó, NAV của Quỹ sẽ bị giảm sút và ảnh hưởng trực tiếp đến thị giá của chứng chỉ quỹ.

Việc đầu tư của Quỹ được thực hiện thông qua quá trình nghiên cứu thẩm định theo tiêu chí hoạt động của quỹ nhằm lựa chọn cơ hội đầu tư hiệu quả, tăng trưởng cao với mức rủi ro phù hợp. Bên cạnh đó, BVF theo dõi chặt chẽ về những biến động và xu hướng của nền kinh tế cũng như cập nhật thường xuyên về kết quả kinh doanh và đánh giá triển vọng trong tương lai để có những chiến lược đầu tư hợp lý.

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Tập đoàn vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
B09-DN/HN

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các công cụ kỳ hạn cố định, công cụ vốn niêm yết và không niêm yết, các khoản cho vay và phải thu khách hàng, và các khoản phải thu tài chính khác. Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- ***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:***

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

(i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;

(ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

(iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và

c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- ***Các khoản cho vay và phải thu:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

- ***Tài sản sẵn sàng để bán:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;

b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc

c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản nợ và vay. Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- ***Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:***

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

(i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;

(ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

(iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ***Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:***

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
B09-DN/HN

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

Đơn vị: triệu VND

	Giá trị ghi sổ			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Nguyên giá	Dự phòng giảm giá trị	Giá trị thuần	Giá trị hợp lý
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	145.655.534	(1.292.352)	144.363.182	162.051.614
- *Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn*	*90.352.543*	*(442.600)*	*89.909.943*	*90.287.953*
- *Trái phiếu*	*55.302.991*	*(849.752)*	*54.453.239*	*71.763.661*
Chứng khoán kinh doanh	2.842.450	(46.213)	2.796.237	4.302.085
- *Cổ phiếu niêm yết*	*1.915.619*	*(8.593)*	*1.907.026*	*3.312.266*
- *Cổ phiếu chưa niêm yết*	*79.333*	*(37.601)*	*41.732*	*42.868*
- *Chứng chỉ quỹ*	*247.372*	*(19)*	*247.353*	*491.524*
- *Trái phiếu*	*600.126*	*-*	*600.126*	*455.427*
Đầu tư tài chính khác	761.152	(42.683)	718.469	1.647.415
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	6.106.012	(55.640)	6.050.372	6.050.372
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	918.787	(258.887)	659.900	673.711
Phải thu tái bảo hiểm	305.090	(11.092)	293.998	293.996
Tài sản tái bảo hiểm	2.148.982	-	2.148.982	2.148.982
Phải thu khác	606.806	(89.100)	517.706	517.706
- *Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược*	*77.772*	*-*	*77.772*	*77.772*
- *Phải thu cổ tức*	*8.666*	*-*	*8.666*	*8.666*
- *Khác*	*520.368*	*(89.100)*	*431.268*	*431.268*
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.354.092	-	5.354.092	5.354.092
TỔNG CỘNG	**164.698.905**	**(1.795.967)**	**162.902.938**	**183.039.973**

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

Đơn vị: triệu VND

	Giá trị ghi sổ			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Nguyên giá	Dự phòng giảm giá trị	Giá trị thuần	Giá trị hợp lý
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122.624.756	(1.117.352)	121.507.404	142.103.925
- *Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn*	*85.607.936*	*(442.600)*	*85.165.336*	*88.102.697*
- *Trái phiếu*	*37.016.820*	*(674.752)*	*36.342.068*	*54.001.228*
Chứng khoán kinh doanh	2.449.646	(156.221)	2.293.425	3.191.633
- *Cổ phiếu niêm yết*	*1.563.800*	*(110.714)*	*1.453.086*	*2.180.487*
- *Cổ phiếu chưa niêm yết*	*244.399*	*(45.507)*	*198.892*	*221.054*
- *Chứng chỉ quỹ*	*275.872*	*-*	*275.872*	*416.647*
- *Trái phiếu*	*365.575*	*-*	*365.575*	*373.445*
Đầu tư tài chính khác	874.538	(120.753)	753.785	1.218.309
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	4.603.098	(75.402)	4.527.696	4.527.696
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	1.050.798	(261.483)	789.315	799.790
Phải thu tái bảo hiểm	704.066	-	704.066	700.958
Tài sản tái bảo hiểm	2.246.696	-	2.246.696	2.246.696
Phải thu khác	341.618	(83.743)	257.875	257.875
- *Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược*	*71.586*	*-*	*71.586*	*71.586*
- *Phải thu cổ tức*	*6.269*	*-*	*6.269*	*6.269*
- *Khác*	*263.763*	*(83.743)*	*180.020*	*180.020*
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.780.742	-	6.780.742	6.780.742
TỔNG CỘNG	**141.675.958**	**(1.814.954)**	**139.861.004**	**161.827.624**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

Đơn vị: triệu VND

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
Nợ phải trả tài chính		
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	120.379.033	120.379.033
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	1.346.112	1.346.112
Phải trả tái bảo hiểm	993.492	993.492
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	16.439.558	16.439.558
- *Nhận ký quỹ*	*263.474*	*263.474*
- *Khác*	*16.176.084*	*16.176.084*
Tổng cộng	**139.158.195**	**139.158.195**
Ngày 31 tháng 12 năm 2020		
Nợ phải trả tài chính		
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	100.166.026	100.166.026
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	1.313.552	1.313.552
Phải trả tái bảo hiểm	1.338.293	1.338.293
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	15.292.402	15.292.402
- *Nhận ký quỹ*	*246.647*	*246.647*
- *Khác*	*15.045.755*	*15.045.755*
Tổng cộng	**118.110.273**	**118.110.273**

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư kỳ hạn cố định có lãi suất cố định hay thả nổi được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, độ rủi ro của dự án được tài trợ và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Tập đoàn ước tính giá trị hiện tại của các luồng tiền trong tương lai bằng cách chiết khấu theo lãi suất thị trường.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn được giao dịch tích cực trên thị trường tài chính có tổ chức được xác định theo giá công bố, nếu có, tại ngày lập báo cáo.
- Với các khoản đầu tư vốn không có thị trường tích cực, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp. Các phương pháp này bao gồm chiết khấu luồng tiền, so sánh với các công cụ tài chính tương đồng có giá thị trường, giá trị tài sản ròng và các mô hình định giá liên quan.
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và các khoản ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn đánh giá xem liệu có tồn tại các bằng chứng khách quan về việc suy giảm giá trị của từng tài sản tài chính riêng biệt trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ đó là đáng kể, hoặc đánh giá chung các tài sản tài chính trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ không đáng kể.
- Đối với các tài sản bị suy giảm giá trị riêng lẻ, lỗ do suy giảm giá trị được xác định là chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hiện tại của các dòng tiền ước tính trong tương lai chiết khấu theo lãi suất thực tế ban đầu.
- Đối với đánh giá suy giảm giá trị chung, các tài sản được phân nhóm dựa trên đặc tính rủi ro tín dụng. Lỗ do giảm giá trị được đánh giá tổng thể dựa trên kinh nghiệm tổn thất trong quá khứ của các tài sản với đặc tính tương tự.
- Đối với các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

43. THÔNG TIN KHÁC

Đại dịch Covid-19 tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tập đoàn vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

44. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngoài những sự kiện đã thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

M.S.D.N: 0100111761 - CTCP TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Ông Nguyễn Xuân Hòa	Ông Đỗ Trường Minh
Người lập	Kế toán Trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2022

BAOVIET

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

401 Báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính riêng tóm tắt
402 Bảng cân đối kế toán riêng tóm tắt
404 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tóm tắt
405 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng tóm tắt

EY
Building a better working world

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60780870/22679888-SMY

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT

Kính gửi: Các cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt kèm theo, được lập ngày 31 tháng 03 năm 2022 và được trình bày từ trang 402 đến trang 405, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tóm tắt và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt ("Tập đoàn") đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đầy đủ nói trên tại báo cáo kiểm toán lập ngày 31 tháng 03 năm 2022. Báo cáo tài chính riêng đầy đủ này và báo cáo tài chính riêng tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính riêng tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính riêng đầy đủ đã được kiểm toán của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Tập đoàn

Ban Điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt của Tập đoàn, cho mục đích lập công bố thông tin và lập báo cáo thường niên theo quy định của pháp luật.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 – Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng tóm tắt – được trích từ báo cáo tài chính riêng đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tập đoàn đã được kiểm toán – đã được phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán, phù hợp với quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2071-2018-004-1

Huỳnh Nhật Hưng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 5040-2019-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2022

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TÓM TẮT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

Mã số		TÀI SẢN	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
100	**A.**	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**4.995.798.020.224**	**4.646.200.813.579**
110	***I.***	***Tiền và các khoản tương đương tiền***	***65.595.878.785***	***284.719.971.015***
111	1.	Tiền	65.595.878.785	34.719.971.015
112	2.	Các khoản tương đương tiền	-	250.000.000.000
120	***II.***	***Đầu tư tài chính ngắn hạn***	***4.006.104.986.164***	***3.439.334.361.164***
121	1.	Chứng khoán kinh doanh	73.104.986.164	55.334.361.164
123	2.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.933.000.000.000	3.384.000.000.000
130	***III.***	***Các khoản phải thu ngắn hạn***	***885.176.842.577***	***883.262.938.147***
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	865.090.218.064	873.006.663.712
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	10.023.104.980	198.791.000
136	3.	Phải thu ngắn hạn khác	10.063.519.533	10.057.483.435
150	***IV.***	***Tài sản ngắn hạn khác***	***38.920.312.698***	***38.883.543.253***
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	14.868.623.717	13.531.940.245
152	2.	Thuế GTGT được khấu trừ	24.051.688.981	24.051.688.981
153	3.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	1.299.914.027
200	**B.**	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**13.911.860.237.999**	**13.953.916.461.231**
220	***I.***	***Tài sản cố định***	***650.696.812.018***	***628.630.158.436***
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	323.412.915.539	347.514.355.365
222		*Nguyên giá*	*856.183.201.721*	*819.944.770.140*
223		*Giá trị hao mòn lũy kế*	*(532.770.286.182)*	*(472.430.414.775)*
227	2.	Tài sản cố định vô hình	327.283.896.479	281.115.803.071
228		*Nguyên giá*	*533.776.323.732*	*435.221.676.501*
229		*Giá trị hao mòn lũy kế*	*(206.492.427.253)*	*(154.105.873.430)*
240	***II.***	***Tài sản dở dang dài hạn***	***271.136.347.373***	***308.693.071.956***
242	1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	271.136.347.373	308.693.071.956
250	***III.***	***Đầu tư tài chính dài hạn***	***12.984.419.283.079***	***12.986.897.174.058***
251	1.	Đầu tư vào công ty con và BVIF	10.352.286.148.720	9.352.286.148.720
252	2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	2.138.200.000.000	2.138.200.000.000
253	3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	527.895.480.716	616.781.114.000
254	4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(34.962.346.357)	(89.940.967.187)
255	5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	969.570.878.525
260	***IV.***	***Tài sản dài hạn khác***	***5.607.795.529***	***29.696.056.781***
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	5.607.795.529	29.696.056.781
270		**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**	**18.907.658.258.223**	**18.600.117.274.810**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TÓM TẮT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

Mã số		NGUỒN VỐN	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
300	**C.**	**NỢ PHẢI TRẢ**	**388.194.559.803**	**404.803.491.483**
310	***I.***	***Nợ ngắn hạn***	***221.481.365.827***	***189.735.656.269***
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	13.249.934.085	4.922.606.612
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	158.685.912
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	25.095.889.373	18.423.969.606
314	4.	Phải trả người lao động	66.512.398.550	62.902.494.416
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	4.596.468.691	6.426.007.236
319	6.	Phải trả ngắn hạn khác	79.073.849.662	79.533.349.539
322	7.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	32.952.825.466	17.368.542.948
330	***II.***	***Nợ dài hạn***	***166.713.193.976***	***215.067.835.214***
338	1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	166.713.193.976	215.067.835.214
400	**D.**	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**18.519.463.698.420**	**18.195.313.783.327**
410	***I.***	***Vốn chủ sở hữu***	***18.519.463.698.420***	***18.195.313.783.327***
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu	7.423.227.640.000	7.423.227.640.000
411a		*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*7.423.227.640.000*	*7.423.227.640.000*
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần	7.310.458.742.807	7.310.458.742.807
418	3.	Quỹ đầu tư phát triển	1.193.628.491.611	890.113.816.478
421	4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.592.148.824.002	2.571.513.584.042
421a		*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*	*1.561.585.730.246*	*1.561.552.414.060*
421b		*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*	*1.030.563.093.756*	*1.009.961.169.982*
440		**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**18.907.658.258.223**	**18.600.117.274.810**

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Đỗ Trường Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TÓM TẮT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
01	1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	1.489.512.537.506	1.408.926.396.582
11	2. Chi phí hoạt động kinh doanh	(224.810.366.431)	(164.130.649.518)
20	**3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh**	**1.264.702.171.075**	**1.244.795.747.064**
26	4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(181.134.125.603)	(178.818.005.528)
30	**5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**1.083.568.045.472**	**1.065.977.741.536**
31	6. Thu nhập khác	354.162.876	1.011.348.941
32	7. Chi phí khác	(72.208.958)	(72.345.516)
40	**8. Lợi nhuận khác**	**281.953.918**	**939.003.425**
50	**9. Tổng lợi nhuận trước thuế**	**1.083.849.999.390**	**1.066.916.744.961**
51	**10. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**(53.286.905.634)**	**(49.518.591.186)**
52	**11. Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	**-**	**(5.682.570.000)**
60	**12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**1.030.563.093.756**	**1.011.715.583.775**

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Đỗ Trường Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG TÓM TẮT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**		
01	1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1.431.961.952.683	1.372.549.631.597
	- Thu lãi tiền gửi, lãi trái phiếu, lãi bán chứng khoán, cổ tức và lợi nhuận được chia	*1.082.405.868.594*	*1.065.847.991.080*
	- Tiền thu từ cung cấp dịch vụ khác	*349.556.084.089*	*306.701.640.517*
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	(191.245.047.453)	(140.172.291.446)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(120.787.027.772)	(117.618.794.051)
04	4. Tiền chi trả lãi vay	(11.086.774.448)	(12.508.071.470)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(44.800.000.000)	(32.001.600.000)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	47.936.231.948	25.191.578.523
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(136.155.960.717)	(136.493.245.768)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**	**975.823.374.241**	**958.947.207.385**
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(83.719.852.665)	(59.641.462.036)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	37.550.000	15.850.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(2.714.000.000.000)	(2.735.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	3.135.000.000.000	1.043.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(1.004.292.501.500)	(850.000.000.000)
26	6. Tiền thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	185.658.005.000	-
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**	**(481.316.799.165)**	**(2.601.625.612.036)**
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**		
33	1. Tiền thu từ đi vay	25.572.000.000	43.572.470.000
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay	(73.926.641.238)	(59.535.873.286)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(665.272.316.646)	(592.843.450.920)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**	**(713.626.957.884)**	**(608.806.854.206)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)**	**(219.120.382.808)**	**(2.251.485.258.857)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	**284.719.971.015**	**2.536.206.569.386**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(3.709.422)	(1.339.514)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**65.595.878.785**	**284.719.971.015**

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Đỗ Trường Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2022

BAOVIET

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

31 tháng 12 năm 2021

407 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
409 Báo cáo thu nhập tổng hợp hợp nhất
410 Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất
412 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất
414 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
415 Tóm tắt một số chính sách kế toán chủ yếu
438 Đối chiếu sự khác biệt về lợi nhuận ròng và vốn giữa hai hệ thống kế toán
439 Mô tả những khác biệt chủ yếu về cách thức đo lường và ghi nhận thu nhập giữa VAS và IFRS

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	2021 VND	2020 VND
Thu phí bảo hiểm	39.668.247.125.373	37.906.221.052.972
Phí nhượng tái bảo hiểm	(4.077.906.508.695)	(4.119.350.824.090)
Thu ròng về phí bảo hiểm	**35.590.340.616.678**	**33.786.870.228.882**
Thay đổi quỹ dự phòng phí chưa được hưởng	301.966.533.878	(343.193.769.736)
Phí bảo hiểm ròng được hưởng	**35.892.307.150.556**	**33.443.676.459.146**
Hoa hồng từ hoạt động nhượng tái	**527.045.000.924**	**528.205.821.261**
Thu nhập khác từ hoạt động bảo hiểm	**408.609.348.728**	**552.162.004.137**
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**36.827.961.500.208**	**34.524.044.284.544**
Doanh thu tính toán sử dụng phương pháp lãi suất thực	7.929.264.180.678	8.333.981.726.140
Lỗ ròng từ tài sản tài chính ghi nhận theo FTVTPL	92.651.153.188	(7.749.037.968)
Lãi ròng phát sinh từ việc ngừng ghi nhận các tài sản tài chính AFS	613.728.930.962	765.906.281.040
Lãi ròng phát sinh từ việc ngừng ghi nhận các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị phân bổ	387.364.343	-
Doanh thu tài chính khác	384.988.380.861	428.407.116.654
Lỗ suy giảm các tài sản tài chính	9.120.766.851	(438.112.821.303)
Lỗ từ chênh lệch tỷ giá	7.612.658.011	3.832.163.038
Thu nhập từ hoạt động đầu tư	**9.037.753.434.894**	**9.086.265.427.601**
Thu nhập hoạt động khác	771.393.542.424	446.804.910.303
Tổng doanh thu khác	**9.809.146.977.318**	**9.533.070.337.904**
TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG	**46.637.108.477.526**	**44.057.114.622.448**
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và các quyền lợi bảo hiểm	(13.182.635.006.184)	(13.226.061.313.097)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1.723.267.262.211	2.158.008.670.719
Thay đổi gộp về nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	(21.235.186.227.380)	(19.429.615.675.728)
Thay đổi gộp về nghĩa vụ hoãn lại cho chủ hợp đồng	(24.663.808.241)	(66.997.189.645)
Thay đổi về nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm đã nhượng cho công ty tái bảo hiểm	576.553.542.365	340.200.305.422

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	2021 VND	2020 VND
Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại	**(32.142.664.237.229)**	**(30.224.465.202.329)**
Chi hoa hồng và chi phí khai thác hoạt động bảo hiểm	(3.107.547.691.028)	(3.308.590.281.409)
Chi nhận tái bảo hiểm khác	(3.132.992.403)	(3.245.813.421)
Chi phí bán hàng	(2.266.015.074.428)	(2.366.157.942.795)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(5.681.065.606.043)	(5.023.226.869.450)
Chi phí tài chính	(616.138.291.981)	(1.568.725.315.182)
Chi phí hoạt động khác	(678.952.010.251)	(419.845.204.107)
Tổng hoa hồng và chi phí	**(12.352.851.666.134)**	**(12.689.791.426.364)**
TỔNG CHI TRẢ ĐÁO HẠN, CHI BỒI THƯỜNG VÀ CÁC CHI PHÍ KHÁC	**(44.495.515.903.363)**	**(42.914.256.628.693)**
LỢI NHUẬN TRƯỚC PHẦN LỢI NHUẬN Ở CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH	**2.141.592.574.163**	**1.142.857.993.755**
Phần (lỗ)/lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	(186.367.203.218)	(22.121.633.439)
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	**1.955.225.370.945**	**1.120.736.360.316**
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(309.252.218.597)	(174.712.944.462)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	**1.645.973.152.348**	**946.023.415.854**
Lợi nhuận sau thuế thuộc về:		
Cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt	1.522.657.360.880	889.758.833.452
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	123.315.791.468	56.264.582.402
LÃI TRÊN CỔ PHIẾU		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.051	1.143

Bà Lê Thanh Thủy
Người lập
Kế toán

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Đỗ Trường Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 05 năm 2022

BÁO CÁO THU NHẬP TỔNG HỢP HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

	2021 VND	2020 VND
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	**1.645.973.152.348**	**946.023.415.854**
Thu nhập tổng hợp khác trong năm		
Phần thu nhập tổng hợp khác sẽ được phân loại sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong những năm tiếp theo		
Thay đổi ròng của quỹ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán	609.927.810.527	1.667.707.414.380
Thuế thu nhập liên quan đến các khoản thu nhập tổng hợp khác	(97.932.355.570)	(319.434.348.660)
	511.995.454.957	**1.348.273.065.720**
Phần thu nhập tổng hợp khác không được phân loại sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong những năm tiếp theo		
Chênh lệch đánh giá lại Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	10.243.551.688	(379.339.617)
Thuế thu nhập liên quan đến các khoản thu nhập tổng hợp khác	(2.048.710.337)	75.867.924
	8.194.841.351	**(303.471.693)**
Thu nhập tổng hợp khác sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**520.190.296.308**	**1.347.969.594.027**
Tổng thu nhập tổng hợp trong năm sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**2.166.163.448.656**	**2.293.993.009.881**
Tổng thu nhập tổng hợp trong năm thuộc về:		
Cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt	2.028.884.797.043	2.233.777.917.754
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	137.278.651.613	60.215.092.127

Bà Lê Thanh Thủy
Người lập
Kế toán

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Đỗ Trường Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 05 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Tài sản		
Tài sản cố định hữu hình	1.321.194.378.726	1.281.267.848.302
Bất động sản đầu tư	81.649.181.953	90.600.592.940
Tài sản cố định vô hình	758.046.516.922	757.389.593.561
Quyền sử dụng tài sản	441.445.506.145	524.598.523.387
Chi phí hoãn lại	493.005.752.612	600.397.009.237
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	1.835.771.022.283	1.907.309.834.562
Các khoản đầu tư có kỳ hạn cố định		
- *Sẵn sàng để bán*	*61.099.877.670.842*	*46.608.691.410.270*
- *Phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo lãi lỗ*	*455.426.657.132*	*377.096.872.863*
- *Cho vay và phải thu*	*103.269.556.328.531*	*93.442.489.853.248*
Đầu tư vốn		
- *Sẵn sàng để bán*	*5.206.603.004.943*	*3.800.358.450.686*
- *Phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo lãi lỗ*	*287.469.199.709*	*328.557.176.377*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	294.240.907.999	245.618.211.202
Phải thu về hoạt động bảo hiểm	966.779.961.838	1.499.538.678.134
Tài sản tái bảo hiểm	3.629.324.159.707	3.079.061.551.216
Các khoản trả trước và tài sản khác	3.601.293.517.332	3.024.258.279.632
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	1.847.071.254	3.512.662.035
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.354.092.025.872	6.780.742.363.756
TỔNG TÀI SẢN	**189.097.622.863.800**	**164.351.488.911.408**
Vốn chủ sở hữu		
Vốn điều lệ đã góp	7.423.227.640.000	7.423.227.640.000
Thặng dư vốn cổ phần	8.764.403.107.607	7.310.458.742.807
Lợi nhuận chưa phân phối	647.695.965.448	261.419.632.324
Quỹ đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán	5.154.753.734.804	4.656.714.463.326
Quỹ chênh lệch tỷ giá	15.445.192.000	15.445.192.000
Quỹ đầu tư phát triển	1.284.786.140.295	967.358.385.620
Quỹ dự trữ bắt buộc	577.618.921.373	523.523.906.834
Quỹ khác	103.568.802.818	103.568.802.818
Quỹ ESOP	-	1.373.788.449.854
Tổng vốn chủ sở hữu	**23.971.499.504.345**	**22.635.505.215.583**
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	**890.032.007.346**	**778.161.798.347**
TỔNG VỐN	**24.861.531.511.691**	**23.413.667.013.930**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Nợ phải trả		
Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	127.777.646.062.634	106.870.717.303.006
Các nghia vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm	13.062.928.318.502	12.664.558.021.353
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	51.639.097.230	62.982.294.563
Doanh thu hoãn lại	167.928.784.567	87.737.943.073
Vay thấu chi	547.695.690.235	-
Phải trả theo các hợp đồng Repo và phải trả tài chính khác	15.454.950.385.227	14.896.377.919.118
Người mua trả tiền trước	17.372.000.000	14.895.367.272
Thuế và các khoản phải trả nhà nước	207.468.643.695	122.177.355.612
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	915.010.619.851	837.638.762.687
Phải trả hoạt động bảo hiểm	2.339.603.934.638	2.651.844.948.296
Phải trả thuê hoạt động	182.845.716.148	185.003.401.291
Phải trả thương mại và các khoản phải trả khác	3.511.002.099.382	2.543.888.581.207
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**164.236.091.352.109**	**140.937.821.897.478**
TỔNG VỐN VÀ NỢ PHẢI TRẢ	**189.097.622.863.800**	**164.351.488.911.408**

Bà Lê Thanh Thủy
Người lập
Kế toán

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Đỗ Trường Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 05 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm 2021 như sau:

	Vốn điều lệ đã góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quỹ đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán VND	Quỹ chênh lệch tỷ giá (*) VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Quỹ khác (**) VND	Quỹ ESOP VND	Tổng cộng VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 31/12/2020	**7.423.227.640.000**	**7.310.458.742.807**	**261.419.632.324**	**4.656.714.463.326**	**15.445.192.000**	**967.358.385.620**	**523.523.906.834**	**103.568.802.818**	**1.373.788.449.854**	**22.635.505.215.583**	**778.161.798.347**	**23.413.667.013.930**
Tăng vốn theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP")	-	1.453.944.364.800	-	-	-	-	-	-	(1.373.788.449.854)	80.155.914.946	-	80.155.914.946
Cổ tức chia cho cổ đông	-	-	(666.977.003.454)	-	-	-	-	-	-	(666.977.003.454)	-	(666.977.003.454)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(101.508.383.562)	-	-	-	-	-	-	(101.508.383.562)	(2.273.281.014)	(103.781.664.576)
Của công ty mẹ (***)	-	-	(41.190.589.002)	-	-	-	-	-	-	(41.190.589.002)	-	(41.190.589.002)
Của các công ty con	-	-	(60.317.794.560)	-	-	-	-	-	-	(60.317.794.560)	(2.273.281.014)	(62.591.075.574)
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	(303.514.675.133)	-	-	303.514.675.133	-	-	-	-	-	-
Của công ty mẹ (***)	-	-	(303.514.675.133)	-	-	303.514.675.133	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.522.657.360.880	-	-	-	-	-	-	1.522.657.360.880	123.315.791.468	1.645.973.152.348
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(1.289.450.004)	-	-	-	-	-	-	(1.289.450.004)	-	(1.289.450.004)
Thu nhập tổng hợp khác	-	-	8.188.164.685	498.039.271.478	-	-	-	-	-	506.227.436.163	13.962.860.145	520.190.296.308
Trích lập các quỹ dự trữ	-	-	(68.008.094.081)	-	-	13.913.079.542	54.095.014.539	-	-	-	-	-
Cổ tức chia cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(23.135.161.600)	(23.135.161.600)
Giảm khác	-	-	(3.271.586.207)	-	-	-	-	-	-	(3.271.586.207)		(3.271.586.207)
Số dư tại ngày 31/12/2021	**7.423.227.640.000**	**8.764.403.107.607**	**647.695.965.448**	**5.154.753.734.804**	**15.445.192.000**	**1.284.786.140.295**	**577.618.921.373**	**103.568.802.818**	**-**	**23.971.499.504.345**	**890.032.007.346**	**24.861.531.511.691**

(*) Quỹ chênh lệch tỷ giá thể hiện chênh lệch do chuyển đổi đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán của Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine từ USD sang VND từ ngày 01 tháng 01 năm 2008.

(**) Số dư Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu thể hiện phần lợi ích còn lại của Tập đoàn trong thặng dư vốn cổ phần của BVSC phát sinh do hợp nhất báo cáo tài chính.

(***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 29 tháng 06 năm 2021, Tập đoàn trích 30% lợi nhuận sau thuế 2020 (tương đương với số tiền 303.514.675.133 VND) cho Quỹ Đầu tư Phát triển. Việc trích lập chi tiết cho các Quỹ Khen thưởng, Quỹ Phúc lợi được thực hiện theo Nghị quyết ngày 13 tháng 07 năm 2021 của Hội đồng Quản trị.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm 2020 như sau:

	Vốn điều lệ đã góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quỹ đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán VND	Quỹ chênh lệch tỷ giá (*) VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Quỹ khác (**) VND	Quỹ ESOP VND	Tổng cộng VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 31/12/2019	**7.423.227.640.000**	**7.310.458.742.807**	**283.408.359.589**	**3.312.413.222.303**	**15.445.192.000**	**801.321.408.999**	**476.227.833.633**	**103.568.802.818**	**1.235.364.447.367**	**20.961.435.649.516**	**750.503.802.741**	**21.711.939.452.257**
Tăng vốn theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP")	-	-	-	-	-	-	-	-	138.424.002.487	138.424.002.487	-	138.424.002.487
Cổ tức chia cho cổ đông	-	-	(593.858.211.200)	-	-	-	-	-	-	(593.858.211.200)	-	(593.858.211.200)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(89.588.815.986)	-	-	-	-	-	-	(89.588.815.986)	(3.638.144.521)	(93.226.960.507)
Của công ty mẹ	-	-	*(33.203.549.136)*	-	-	-	-	-	-	*(33.203.549.136)*	-	*(33.203.549.136)*
Của các công ty con	-	-	*(56.385.266.850)*	-	-	-	-	-	-	*(56.385.266.850)*	*(3.638.144.521)*	*(60.023.411.371)*
Trích quỹ phục vụ hoạt động An sinh xã hội	-	-	(10.843.169.505)	-	-	-	-	-	-	(10.843.169.505)	-	(10.843.169.505)
Của công ty mẹ	-	-	(10.843.169.505)	-	-	-	-	-	-	(10.843.169.505)	-	(10.843.169.505)
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	(157.888.424.020)	-	-	157.888.424.020	-	-	-	-	-	-
Của công ty mẹ	-	-	*(162.648.000.000)*	-	-	*162.648.000.000*	-	-	-	-	-	-
Của các công ty con	-	-	*4.759.575.980*	-	-	*(4.759.575.980)*	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	889.758.833.452	-	-	-	-	-	-	889.758.833.452	56.264.582.402	946.023.415.854
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(3.036.636.015)	-	-	-	-	-	-	(3.036.636.015)	-	(3.036.636.015)
Thu nhập tổng hợp khác	-	-	(282.156.721)	1.344.301.241.023	-	-	-	-	-	1.344.019.084.302	3.950.509.725	1.347.969.594.027
Trích lập các quỹ dự trữ	-	-	(55.444.625.802)	-	-	8.148.552.601	47.296.073.201	-	-	-	-	-
Cổ tức chia cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(28.918.952.000)	(28.918.952.000)
Giảm khác	-	-	(805.521.468)	-	-	-	-	-	-	(805.521.468)	-	(805.521.468)
Số dư tại ngày 31/12/2020	**7.423.227.640.000**	**7.310.458.742.807**	**261.419.632.324**	**4.656.714.463.326**	**15.445.192.000**	**967.358.385.620**	**523.523.906.834**	**103.568.802.818**	**1.373.788.449.854**	**22.635.505.215.583**	**778.161.798.347**	**23.413.667.013.930**

Bà Lê Thanh Thủy
Người lập
Kế toán

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Đỗ Trường Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 05 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Tiền thu phí bảo hiểm và thu lãi	39.209.259.900.458	37.343.392.124.681
Tiền trả cho người bán, người cung cấp dịch vụ	(20.843.152.926.096)	(20.748.822.639.371)
Tiền chi trả cho người lao động	(2.196.397.930.273)	(1.930.109.263.520)
Tiền chi trả lãi vay	(420.996.995.370)	(757.788.609.663)
Tiền nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(338.734.753.436)	(237.775.940.333)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	49.096.196.399.733	25.790.638.185.712
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(52.077.383.030.944)	(27.578.873.538.145)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**12.428.790.664.072**	**11.880.660.319.361**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và các tài sản dài hạn khác	(237.768.613.970)	(231.433.491.623)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và các tài sản dài hạn khác	1.585.989.110	1.026.440.364
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	(94.785.369.046.052)	(87.906.743.938.242)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	72.177.863.032.366	71.688.969.281.693
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	(4.425.975.843)	(29.535.895.500)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	207.297.671.249	-
Cổ tức nhận được	134.417.502.937	213.871.279.780
Tiền lãi nhận được	8.219.702.416.792	8.503.866.449.366
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	**(14.286.697.023.411)**	**(7.759.979.874.162)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-
Tiền thu từ đi vay (bao gồm hoạt động repo)	42.107.283.502.684	17.451.796.200.000
Tiền trả nợ gốc vay (bao gồm hoạt động repo)	(41.428.632.657.388)	(18.829.087.539.287)
Tiền chi trả cổ tức	(687.434.838.726)	(621.510.028.457)
Tiền trả nợ nghĩa vụ thuê	(107.138.639.360)	(84.520.039.397)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính	**(115.922.632.790)**	**(2.083.321.407.141)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**(1.973.828.992.129)**	**2.037.359.038.058**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	6.780.742.363.756	4.742.602.123.821
Ảnh hưởng của biến động tỷ giá	(517.035.990)	781.201.877
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	**4.806.396.335.637**	**6.780.742.363.756**

Bà Lê Thanh Thủy
Người lập
Kế toán

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Đỗ Trường Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 05 năm 2022

1. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1.1 Phân loại sản phẩm

Các hợp đồng bảo hiểm là các hợp đồng mà các Công ty con của Tập đoàn chấp nhận những rủi ro bảo hiểm trọng yếu từ khách hàng ("Chủ hợp đồng bảo hiểm") bằng các thỏa thuận bồi thường cho chủ hợp đồng bảo hiểm nếu một sự kiện xác định xảy ra trong tương lai ("sự kiện được bảo hiểm") gây tổn thất đến chủ hợp đồng bảo hiểm. Một quy tắc chung là các công ty con kinh doanh bảo hiểm sẽ xem xét việc có rủi ro bảo hiểm trọng yếu hay không bằng cách so sánh lợi ích bảo hiểm đã chi trả sau khi xảy ra các sự kiện được bảo hiểm và lợi ích bảo hiểm phải trả trong trường hợp sự kiện được bảo hiểm không xảy ra. Hợp đồng bảo hiểm cũng có thể chuyển giao một số rủi ro về tài chính.

Hợp đồng đầu tư là các hợp đồng chuyển giao các rủi ro tài chính trọng yếu nhưng không chuyển giao rủi ro bảo hiểm trọng yếu. Rủi ro tài chính là rủi ro xảy ra khi có sự thay đổi của một hoặc nhiều hơn một của các biến số sau: lãi suất, giá của công cụ tài chính, giá cả hàng hóa, tỉ giá hối đoái, chỉ số giá cả hoặc tỷ suất, xếp hạng tín dụng và chỉ số tín dụng hoặc biến số phi tài chính khi biến số này không gắn liền với một đối tượng nào của hợp đồng.

Khi một hợp đồng được phân loại là hợp đồng bảo hiểm, việc phân loại được giữ nguyên cho đến khi hợp đồng hết hạn, ngay cả khi rủi ro về bảo hiểm không còn trọng yếu, trừ khi tất cả các quyền và nghĩa vụ gắn liền với hợp đồng bảo hiểm bị xóa bỏ hay hết hạn. Các hợp đồng đầu tư, ngược lại, có thể được phân loại lại thành hợp đồng bảo hiểm sau đó nếu rủi ro bảo hiểm trở nên trọng yếu.

Hợp đồng có cấu phần không đảm bảo ("DPF")

Hợp đồng bảo hiểm và hợp đồng đầu tư được phân loại dựa trên đặc điểm có hay không có cấu phần không đảm bảo. Cấu phần không đảm bảo là quyền lợi tăng thêm được nhận ngoài quyền lợi đảm bảo và thỏa mãn các điều kiện sau:

- Là một phần đáng kể trong tổng quyền lợi theo hợp đồng
- Giá trị và thời điểm của cấu phần không đảm bảo phụ thuộc vào bên phát hành
- Được ràng buộc theo hợp đồng dựa trên:
  - của Bảo Việt Nhân thọ, quỹ hay các đơn vị khác phát hành hợp đồng

Công cụ phái sinh thuộc hợp đồng bảo hiểm hoặc hợp đồng đầu tư có cấu phần không đảm bảo được tách riêng và ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ trừ trường hợp công cụ phái sinh ấy cũng là một hợp đồng bảo hiểm hoặc hợp đồng đầu tư có cấu phần không đảm bảo. Công cụ phái sinh không được trình bày riêng biệt nếu hợp đồng bảo hiểm gốc hoặc hợp đồng đầu tư gốc có cấu phần không đảm bảo được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

1.2 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh sử dụng phương pháp mua lại. Chi phí của việc mua lại được tính toán bằng tổng của các khoản lợi ích chuyển giao. Tổng các khoản lợi ích chuyển giao được xác định theo giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào ngày mua và bất kỳ khoản Lợi ích cổ đông không kiểm soát nào của bên mua. Đối với mỗi vụ hợp nhất kinh doanh, Tập đoàn được lựa chọn việc đánh giá Lợi ích cổ đông không kiểm soát của bên mua theo giá trị hợp lí hay theo tỷ lệ giá trị tài sản ròng có thể xác định được của bên mua. Chi phí liên quan đến việc mua lại được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi phát sinh.

Khi thực hiện mua lại một doanh nghiệp, Tập đoàn đánh giá tài sản mua lại và nợ phải trả tài chính thu được để phù hợp với phân loại theo các điều khoản hợp đồng, các điều kiện kinh tế và các điều khoản thích hợp khác tại ngày mua. Việc đánh giá lại bao gồm việc tách bạch các giá trị phái sinh tiềm ẩn trong hợp đồng với bên mua.

Bất kỳ khoản lợi ích chuyển giao tiềm tàng nào từ bên mua sẽ được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Lợi ích chuyển giao tiềm tàng được phân loại là vốn chủ sở hữu không được đánh giá lại. Việc thanh toán các khoản lợi ích chuyển giao tiềm tàng được phân loại là vốn chủ sở hữu được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu. Những khoản lợi ích chuyển giao tiềm tàng được phân loại là tài sản hoặc nợ phải trả như các công cụ tài chính theo IAS 39 - (Các công cụ tài chính: Ghi nhận và đo lường) được đo lường theo giá trị hợp lí, thay đổi trong giá trị hợp lí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo IAS 39. Các khoản lợi ích chuyển giao tiềm tàng khác không thuộc phạm vi của IAS 39 được xác định bằng giá trị hợp lý tại ngày báo cáo, và những thay đổi trong giá trị hợp lý được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

1. **TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

1.2 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)

Lợi thế thương mại được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (là phần chênh lệch giữa tổng các khoản lợi ích chuyển giao cộng với các khoản lợi ích cổ đông không kiểm soát và giá trị tài sản ròng mua lại có thể xác định được, và nợ phải trả nhận được). Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuần mua lại vượt quá tổng các khoản lợi ích chuyển giao, Tập đoàn thực hiện đánh giá lại xem đã xác định đúng tất cả các tài sản mua lại, tất cả các khoản nợ phải trả nhận được và đánh giá các phương pháp được sử dụng để tính các khoản được ghi nhận vào ngày mua. Nếu việc đánh giá lại vẫn có kết quả là giá trị hợp lý của tài sản thuần mua lại vượt quá tổng các khoản lợi ích chuyển giao thì phần lợi nhuận chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được đo lường theo giá gốc trừ đi các khoản suy giảm giá trị lũy kế. Nhằm mục đích cho việc đánh giá sự suy giảm giá trị, lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh tính từ ngày mua lại được phân bổ cho từng đơn vị tạo dòng tiền ("CGU") của Tập đoàn mà từng đơn vị tạo dòng tiền này được xác định là có nhận được lợi ích từ hợp nhất kinh doanh, không phân biệt tài sản hoặc nợ phải trả khác của bên được mua lại được phân bổ cho từng đơn vị tạo dòng tiền.

Trường hợp lợi thế thương mại được phân bổ cho từng đơn vị tạo dòng tiền (CGU) và một phần hoạt động trong đơn vị tạo dòng tiền dừng lại thì lợi thế thương mại liên quan đến việc dừng hoạt động được bao gồm trong giá trị còn lại của hoạt động khi xác định lãi lỗ của việc dừng hoạt động. Lợi thế thương mại từ việc dừng hoạt động trong những trường hợp này được tính dựa trên các giá trị tương đối của hoạt động dừng lại và tỉ lệ của từng đơn vị tiền tệ tạo dòng tiền được giữ lại.

1.3 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình mua riêng lẻ được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị ghi sổ của tài sản vô hình là nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế và các khoản lỗ lũy kế do suy giảm giá trị. Các tài sản vô hình tự xây dựng, ngoại trừ các khoản chi phí phát triển đã được vốn hóa, đều không được vốn hóa và ghi nhận là chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thời gian sử dụng của tài sản vô hình được đánh giá là hữu hạn hoặc vô hạn.

Tài sản vô hình với thời gian sử dụng hữu hạn được trích hao mòn trong suốt thời gian sử dụng và được đánh giá suy giảm giá trị nếu có bằng chứng rằng tài sản vô hình đó bị giảm giá trị. Thời gian và phương pháp hao mòn của tài sản cố định vô hình với thời gian sử dụng hữu hạn được xem xét lại định kỳ ít nhất mỗi năm tài chính. Những thay đổi trong thời gian hữu dụng hay việc tiêu dùng các lợi ích kinh tế trong tương lai của các tài sản được xác định bằng cách thay đổi thời gian hay phương pháp hao mòn, nếu cần thiết, và được ghi nhận là thay đổi ước tính kế toán. Chi phí hao mòn của tài sản vô hình với thời gian sử dụng hữu hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Tài sản cố định vô hình khác	2 - 20 năm

Chi phí quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng vô thời hạn không được trích hao mòn nhưng được đánh giá suy giảm giá trị riêng rẽ hoặc theo đơn vị tạo dòng tiền ít nhất 1 năm 1 lần. Việc đánh giá thời gian sử dụng vô thời hạn của quyền sử dụng đất được xem xét hàng năm để xác định liệu việc thời gian sử dụng vô thời hạn còn hợp lý hay không. Nếu không còn hợp lý, thời gian sử dụng hữu ích của quyền sử dụng đất sẽ được thay đổi từ vô thời hạn sang có thời hạn và các điều chỉnh có liên quan sẽ được thực hiện phi hồi tố. Các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc ngừng ghi nhận quyền sử dụng đất vô thời hạn được xác định dựa trên phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ của tài sản và được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Việc đánh giá khả năng suy giảm giá trị được thực hiện khi có dấu hiệu cho thấy giá trị ghi sổ có thể vượt quá giá trị có thể thu hồi. Các khoản lỗ giảm giá trị được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một khoản chi phí.

1. **TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

1.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi khấu khao lũy kế và dự phòng giảm giá (nếu có). Các chi phí sửa chữa thay thế lớn và các chi phí lãi vay từ các dự án xây dựng dài hạn sẽ được ghi tăng nguyên giá nếu những chi phí này đáp ứng điều kiện ghi nhận. Nếu chi phí thay thế một phần của tài sản cố định hữu hình lớn, Tập đoàn sẽ ghi nhận như một tài sản riêng biệt với thời gian hữu dụng và tiến hành khấu hao tương ứng. Tất cả các chi phí bảo trì, sửa chữa khác được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Giá trị hiện tại của chi phí dự tính cho việc thanh lý tài sản đó sau khi sử dụng được bao gồm trong nguyên giá của tài sản đó nếu đủ điều kiện hạch toán trích lập dự phòng.

Tài sản sẽ được ngừng ghi nhận sau khi thanh lý hoặc khi tài sản đó không còn mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai. Các khoản lãi lỗ phát sinh khi ngừng ghi nhận tài sản (tính toán trên cơ sở chênh lệch giữa thu hồi thuần từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 30 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 25 năm

Giá trị còn lại, thời gian hữu dụng và phương pháp tính khấu hao và hao mòn của tài sản được đánh giá lại vào cuối mỗi năm tài chính và được điều chỉnh cho phù hợp nếu cần thiết. Việc đánh giá khả năng suy giảm giá trị được thực hiện khi có dấu hiệu cho thấy giá trị ghi sổ có thể vượt quá giá trị có thể thu hồi. Các khoản lỗ giảm giá trị được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một khoản chi phí.

1.5 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan. Giá trị ghi sổ bao gồm chi phí thay thế một phần của một bất động sản đầu tư hiện hữu tại thời điểm chi phí phát sinh nếu các tiêu chuẩn ghi nhận được thỏa mãn và không bao gồm các chi phí dịch vụ thường xuyên gắn liền với tài sản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, bất động sản đầu tư vẫn được ghi nhận theo giá gốc.

Bất động sản đầu tư sẽ được ngừng ghi nhận sau khi đã thanh lý hoặc sau khi bất động sản đầu tư không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch số tiền thu hồi từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc phân loại sang bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang các khoản mục khác chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Trường hợp chuyển đổi từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng, giá trị ghi nhận sau đó là giá trị ghi sổ tại ngày thay đổi mục đích sử dụng. Khi bất động sản chủ sở hữu sử dụng được phân loại sang bất động sản đầu tư, Tập Đoàn sẽ hạch toán những bất động sản đó theo các chính sách kế toán về tài sản cố định hữu hình tại ngày chuyển đổi mục đích sử dụng.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 50 năm
Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Tài sản cố định vô hình khác	5 - 10 năm

Chi phí quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng vô thời hạn không được trích khấu hao.

1. **TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

1.6 Suy giảm giá trị các tài sản phi tài chính

Tập đoàn tiến hành xem xét tại thời điểm báo cáo các dấu hiệu về việc một tài sản có thể bị giảm giá. Nếu có bất kì dấu hiệu nào hoặc khi bắt buộc phải tiến hành đánh giá sự giảm giá hàng năm của một tài sản, Tập đoàn sẽ ước tính giá trị thu hồi của tài sản đó. Giá trị thu hồi của một tài sản là giá trị lớn hơn giữa: (i) giá trị hợp lý của tài sản hoặc giá trị hợp lý của đơn vị tạo dòng tiền trừ đi chi phí thanh lý; và (ii) giá trị sử dụng của tài sản đó. Giá trị thu hồi được tính toán cho từng tài sản riêng lẻ, trừ trường hợp dòng tiền tạo ra từ tài sản đó phụ thuộc rất lớn vào các tài sản khác hay nhóm các tài sản khác. Khi giá trị sổ sách của một tài sản hay một đơn vị tạo dòng tiền vượt quá giá trị thu hồi của nó, tài sản được coi là bị giảm giá và sẽ được ghi giảm về giá trị thu hồi.

Khi đánh giá giá trị sử dụng của tài sản, giá trị ước lượng của dòng tiền tạo ra trong tương lai được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng lãi suất chiết khấu trước thuế phản ánh những đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và các rủi ro gắn liền với tài sản đó. Các giao dịch trên thị trường gần đây, nếu có, sẽ được xem xét khi xác định giá trị hợp lý trừ chi phí nhượng bán. Trong trường hợp không có những giao dịch gần đây, Tập đoàn sẽ lựa chọn một phương pháp định giá thích hợp. Tính hợp lý của các phương pháp tính toán trên sẽ được kiểm định bởi các hệ số định giá, giá trị niêm yết của các cổ phiếu của các công ty được niêm yết trên thị trường hay các thông số liên quan đến giá trị hợp lý có sẵn.

Tập đoàn tính toán suy giảm giá trị cho từng đơn vị tạo dòng tiền để phân bổ cho các tài sản riêng biệt dựa trên các dự báo và ngân sách chi tiết. Các dự báo và ngân sách chi tiết này thường được lập cho giai đoạn 5 năm. Cho giai đoạn kinh doanh dài hơn, tỉ lệ tăng trưởng dài hạn sẽ được tính toán và áp dụng để dự báo dòng tiền phát sinh cho giai đoạn sau năm thứ 5 trở đi.

Lỗ từ việc giảm giá trị của các tài sản phi tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ngoại trừ lợi thế thương mại, các tài sản sẽ được đánh giá định kỳ tại thời điểm báo cáo để xem liệu có hay không các dấu hiệu về việc tài sản không còn bị suy giảm giá trị nữa hoặc suy giảm với giá trị ít hơn khoản lỗ đã ghi nhận trước đó. Nếu có dấu hiệu này, Tập đoàn sẽ ước tính giá trị thu hồi của tài sản hay của đơn vị tạo dòng tiền có sử dụng tài sản đó. Khoản lỗ giảm giá trị đã được ghi nhận trước đó chỉ được hoàn nhập nếu có sự thay đổi về các ước tính sử dụng để đánh giá giá trị thu hồi của tài sản đó kể từ lần cuối cùng phần lỗ giảm giá trị được ghi nhận.

Trong trường hợp đó, giá trị sổ sách của tài sản sẽ được ghi tăng lên theo giá trị thu hồi, nhưng không được vượt quá giá trị ghi sổ trừ đi khấu hao/hao mòn trong trường hợp không có khoản lỗ giảm giá trị nào được ghi nhận trong những năm trước. Hoàn nhập giảm giá trị được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi tài sản đó được ghi nhận theo giá trị định giá, trong trường hợp đó khoản tăng lên được ghi nhận là khoản tăng do định giá lại.

1.7 Đầu tư vào các công ty liên doanh và công ty liên kết

Công ty liên doanh là một hình thức liên doanh trong đó các bên liên doanh góp vốn có quyền đồng kiểm soát đối với Công ty liên doanh và có lợi ích đối với tài sản thuần của Công ty liên doanh. Đồng kiểm soát là quyền cùng chi phối của các bên góp vốn liên doanh về các chính sách tài chính và hoạt động đối với một hoạt động kinh tế trên cơ sở thỏa thuận bằng hợp đồng.

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể là quyền tham gia của nhà đầu tư vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách đó.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh và công ty liên kết của Tập đoàn được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào các công ty liên doanh hoặc công ty liên kết được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá gốc cộng với các điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản ròng của công ty liên doanh, liên kết sau ngày đầu tư.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. **TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

1.7 Đầu tư vào các công ty liên doanh và công ty liên kết (tiếp theo)

Phần chênh lệch giữa giá vốn của khoản đầu tư và giá trị hợp lý của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản ròng của công ty liên doanh/liên kết tại ngày mua được ghi nhận như sau:

- Lợi thế thương mại phát sinh từ đầu tư vào công ty liên doanh/liên kết được ghi nhận gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Lợi thế thương mại này sẽ không được ghi nhận hao mòn cũng như đánh giá suy giảm giá trị riêng biệt hàng năm.

- Phần chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên doanh/liên kết so với giá vốn của khoản đầu tư được ghi nhận là thu nhập trong kỳ mua khoản đầu tư.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên doanh hoặc công ty liên kết. Bất cứ thay đổi nào của thu nhập tổng hợp khác của các đơn vị được đầu tư này sẽ được ghi nhận như là thu nhập tổng hợp khác của Tập đoàn. Ngoài ra, khi có thay đổi ảnh hưởng trực tiếp vào vốn sở hữu của công ty liên doanh hoặc công ty liên kết, Tập đoàn sẽ ghi nhận và trình bày phần thay đổi đó theo tỉ lệ sở hữu trong báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu nếu thích hợp. Phần lãi và lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Tập đoàn và công ty liên kết sẽ bị loại bỏ trong phần lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên doanh, liên kết đó.

Việc phân chia lợi ích từ các công ty liên doanh, liên kết được thể hiện trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Đây là phần lợi nhuận được chia cho các cổ đông của công ty liên doanh, liên kết và vì vậy chính là lợi nhuận còn lại sau khi trừ thuế và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong công ty con của công ty liên doanh hoặc công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của các công ty liên doanh, liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Sau khi áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu, Tập đoàn sẽ quyết định việc ghi nhận phần lỗ giảm giá trị của các khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết có cần thiết hay không. Tập đoàn sẽ xem xét tại từng thời điểm báo cáo các bằng chứng khách quan về việc khoản đầu tư bị giảm giá trị. Trong trường hợp đó, Tập đoàn sẽ tính toán phần giảm giá trị là chênh lệch giữa giá trị có thể thu hồi và giá trị sổ sách của khoản đầu tư vào công ty liên kết và ghi nhận chênh lệch này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khi mất quyền ảnh hưởng đáng kể ở một công ty liên kết, hoặc quyền đồng quyền soát tại một công ty liên doanh, Tập đoàn sẽ tính toán và ghi nhận phần đầu tư còn lại tại giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị sổ sách của một công ty liên kết khi mất quyền ảnh hưởng đáng kể và công ty liên doanh khi mất quyền đồng kiểm soát và giá trị hợp lý phần đầu tư còn lại và tiền thu hồi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

1.8 Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của BVInvest, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí mua đất, tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;

- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và

- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu theo giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

1. **TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

1.8 Hàng hóa bất động sản (tiếp theo)

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng tồn kho	Phương pháp xác định giá trị
Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa thiết bị xây dựng	Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp thực tế đích danh

Dự phòng giảm giá hàng hóa bất động sản

Dự phòng giảm giá hàng hóa bất động sản được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá bất động sản tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng hóa bất động sản tồn kho được hạch toán vào chi phí kinh doanh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

1.9 Tài sản tài chính

1.9.1 Ghi nhận và đo lường ban đầu

Các tài sản tài chính trong phạm vi quy định của Chuẩn mực Kế toán Quốc tế số 39 ("IAS 39") được phân loại thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định việc phân loại các tài sản tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính theo FVTPL được ghi nhận ban đầu tại giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư không thuộc nhóm tài sản tài chính theo FVTPL được ghi nhận ban đầu tại giá trị hợp lý cộng với các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp.

Việc phân loại phụ thuộc vào mục đích của khoản đầu tư khi mua hoặc đầu tư ban đầu. Các tài sản tài chính được ghi nhận theo FVTPL khi Tập đoàn có văn bản ghi nhận chiến lược đầu tư là quản lý tài sản trên cơ sở giá trị hợp lý, bởi các nghĩa vụ liên quan cũng được quản lý dựa trên cơ sở này. Việc phân loại vào tài sản tài chính sẵn sàng để bán và giữ đến ngày đáo hạn được thực hiện khi các nghĩa vụ liên quan (bao gồm các quỹ của cổ đông) được quản lý một cách bị động và/hoặc ghi nhận theo giá trị phân bổ.

Việc mua hoặc bán các tài sản tài chính có yêu cầu giao tài sản trong một khung thời gian quy định bởi luật pháp hoặc tập quán của thị trường (giao dịch thương mại thông thường) được ghi nhận tại ngày giao dịch, là ngày Tập đoàn cam kết mua hoặc bán tài sản.

Các tài sản tài chính bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác, cho vay và các khoản phải thu, công cụ tài chính niêm yết và chưa niêm yết.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. **TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

1.9 Tài sản tài chính (tiếp theo)

1.9.2 Ghi nhận sau ghi nhận ban đầu

Việc ghi nhận giá trị tiếp theo của tài sản tài chính phụ thuộc vào phân loại tài sản như sau:

a. Tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL bao gồm các tài sản nắm giữ với mục đích kinh doanh và tài sản tài chính được chỉ định tại ngày ghi nhận ban đầu theo FVTPL.

Để các khoản đầu tư được chỉ định ban đầu là FVTPL, các điều kiện sau cần được đáp ứng:

- Việc chỉ định loại bỏ hoặc giảm thiểu đáng kể sự không đồng nhất trong cách hạch toán có thể xảy ra nếu ghi nhận tài sản hoặc công nợ hoặc lãi lỗ trên một cơ sở khác; hoặc
- Các tài sản và công nợ là một phần trong nhóm các tài sản hoặc nợ tài chính hoặc cả hai, mà các nhóm này được quản lý và xác định giá trị trên cơ sở giá trị hợp lý tuân thủ theo chiến lược quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư đã được quy định.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính theo FVTPL được đo lường theo giá trị hợp lý. Bất kỳ thay đổi nào của giá trị hợp lý này được ghi nhận vào "Thu nhập từ hoạt động đầu tư" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Tiền lãi được dự thu và được ghi nhận vào "Thu nhập từ hoạt động đầu tư", sử dụng phương pháp lãi suất thực ("EIR"). Cổ tức được ghi nhận vào thu nhập hoạt động đầu tư khi quyền được nhận cổ tức được xác lập.

b. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán bao gồm chứng khoán vốn và chứng khoán nợ. Chứng khoán vốn phân loại thành chứng khoán sẵn sàng để bán là các chứng khoán không được phân loại thành chứng khoán kinh doanh hoặc chứng khoán ghi nhận theo FVTPL. Các chứng khoán nợ sẵn sàng để bán là các chứng khoán được nắm giữ với thời hạn không xác định và có thể bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc do thay đổi điều kiện thị trường.

Sau ghi nhận giá trị ban đầu, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán sẽ được định giá lại theo giá trị hợp lý với lãi/lỗ chưa thực hiện được ghi nhận là thu nhập tổng hợp khác trên tài khoản dự phòng đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán (trên vốn chủ sở hữu). Khi Tập đoàn mua một chứng khoán nhiều lần, các khoản đầu tư này khi thanh lý sẽ được hạch toán theo phương pháp bình quân gia quyền đối với các khoản đầu tư vốn và phương pháp nhập trước xuất trước đối với các khoản đầu tư vào công cụ nợ. Lãi phát sinh khi nắm giữ các khoản đầu tư AFS được ghi nhận là thu nhập từ hoạt động đầu tư, tính toán theo phương pháp lãi suất thực. Khi tài sản bị suy giảm giá trị hoặc dừng ghi nhận, lãi hoặc lỗ dồn tích sẽ được chuyển từ quỹ dự phòng đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tập đoàn đánh giá khả năng cũng như ý định bán tài sản AFS trong tương lai gần là phù hợp hay không. Trong một số trường hợp hi hữu, khi Tập đoàn không có khả năng bán các tài sản tài chính này do thiếu thị trường năng động, Tập đoàn có thể phân loại lại các tài sản tài chính này nếu Ban Điều hành Tập đoàn có khả năng và có ý định nắm giữ các tài sản này trong một khoảng thời gian cụ thể hoặc đến ngày đáo hạn. Việc phân loại lại thành cho vay và phải thu được cho phép khi tài sản tài chính đáp ứng các định nghĩa về cho vay và phải thu và Tập đoàn có ý định và khả năng nắm giữ các tài sản này trong một thời gian cụ thể hoặc đến ngày đáo hạn. Việc phân loại lại thành nắm giữ đến ngày đáo hạn được cho phép chỉ khi doanh nghiệp có khả năng và mục đích nắm giữ tài sản đến ngày đáo hạn.

Khi một tài sản tài chính được đưa ra khỏi danh mục sẵn sàng để bán, giá trị hợp lý tại ngày loại khỏi danh mục sẽ là giá trị phân bổ và bất kỳ lãi hoặc lỗ trước đó của tài sản được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian còn lại của khoản đầu tư, sử dụng lãi suất thực. Chênh lệch nếu có giữa giá trị phân bổ và giá trị đến ngày đáo hạn cũng sẽ được phân bổ theo thời gian còn lại của tài sản, sử dụng lãi suất thực. Nếu tài sản sau đó bị xác định là giảm giá trị thì giá trị ghi nhận trong vốn chủ sở hữu được chuyển sang hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

1. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.9 Tài sản tài chính (tiếp theo)

1.9.2 Ghi nhận sau ghi nhận ban đầu (tiếp theo)

c. Cho vay và phải thu

Cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với thu nhập cố định hoặc có thể xác định được mà không được niêm yết trên thị trường năng động.

Sau khi ghi nhận giá trị ban đầu, các khoản cho vay và phải thu được phản ánh theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, trừ đi suy giảm giá trị. Giá trị phân bổ được tính toán trên cơ sở tính đến tất cả các khoản chiết khấu và phụ trội khi mua, các khoản phí hoặc chi phí là những cấu phần không tách rời liên quan đến việc xác định lãi suất thực. Phần phân bổ theo lãi suất thực được ghi nhận vào "Thu nhập từ hoạt động đầu tư" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi và lỗ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư bị suy giảm giá trị hoặc dừng ghi nhận, cũng như trong quá trình phân bổ.

d. Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các tài sản tài chính phi phái sinh với thu nhập cố định hoặc có thể xác định được và có kỳ hạn cố định được phân loại là tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ, sử dụng lãi suất thực, trừ đi phần suy giảm giá trị. Phần phân bổ theo lãi suất thực được ghi nhận vào "Thu nhập từ hoạt động đầu tư" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi và lỗ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư bị suy giảm giá trị hoặc dừng ghi nhận, cũng như trong quá trình phân bổ.

1.9.3 Dừng ghi nhận tài sản tài chính

Một tài sản tài chính (hoặc, trong các trường hợp thích hợp, một phần của tài sản tài chính hoặc một phần của một nhóm các tài sản tài chính giống nhau) được dừng ghi nhận khi:

- Quyền được nhận luồng tiền từ tài sản đã hết hiệu lực;

- Tập đoàn đã chuyển nhượng quyền được nhận luồng tiền từ tài sản hoặc có nghĩa vụ trả lại toàn bộ các luồng tiền nhận được mà không có sự trì hoãn đáng kể cho bên thứ ba dưới dạng hợp đồng "chuyển qua"; và hoặc (a) Tập đoàn đã chuyển nhượng hầu hết các rủi ro cũng như lợi ích đi kèm với tài sản, hoặc (b) Tập đoàn không chuyển giao hay giữ lại hầu hết các rủi ro và lợi ích đi kèm với tài sản, nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản đó.

Khi Tập đoàn chuyển quyền nhận các luồng tiền từ tài sản hoặc tham gia vào một hợp đồng "chuyển qua" nhưng chưa chuyển giao đáng kể và cũng không giữ lại tất cả rủi ro và lợi ích của tài sản và chưa chuyển quyền kiểm soát tài sản, tài sản đó được ghi nhận ở mức tiếp tục tham gia vào tài sản của Tập đoàn. Trong trường hợp đó, Tập đoàn cũng ghi nhận các nghĩa vụ liên quan. Phần tài sản đã được chuyển giao và nghĩa vụ liên quan được xác định căn cứ trên quyền và nghĩa vụ còn lại mà Tập đoàn nắm giữ.

Phần tham gia của Tập đoàn dưới hình thức bảo đảm với tài sản đã được chuyển giao được ghi nhận ở mức thấp hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và mức tối đa mà Tập đoàn phải trả.

1.9.4 Giảm giá trị của các tài sản tài chính

Tại các thời điểm lập báo cáo, Tập đoàn đánh giá xem có bằng chứng khách quan nào cho thấy từng tài sản tài chính hoặc từng nhóm các tài sản tài chính bị suy giảm giá trị. Một tài sản tài chính hoặc một nhóm tài sản tài chính được xem là giảm giá trị nếu, và chỉ nếu, có bằng chứng khách quan về sự suy giảm, là hệ quả của một hoặc nhiều sự kiện đã xảy ra sau ghi nhận ban đầu của tài sản (một "sự kiện tổn thất" đã xảy ra) và ảnh hưởng của sự kiện tổn thất lên luồng tiền tương lai dự kiến của tài sản tài chính hoặc nhóm các tài sản tài chính có thể ước tính một cách đáng tin cậy.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.9 Tài sản tài chính (tiếp theo)

1.9.4 Giảm giá trị của các tài sản tài chính (tiếp theo)

Bằng chứng của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm các dấu hiệu cho thấy bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính, và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy các luồng tiền dự kiến trong tương lai có sự suy giảm có thể lượng hóa được, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ.

a. Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị phân bổ

Đối với các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ, Tập đoàn trước tiên đánh giá riêng lẻ xem liệu có tồn tại các bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị đáng kể của từng tài sản tài chính trọng yếu hoặc đánh giá chung cho các tài sản tài chính không trọng yếu. Nếu Tập đoàn xác định rằng không có bằng chứng về sự giảm giá trị của một tài sản tài chính riêng lẻ, dù đáng kể hay không, Tập đoàn sẽ đưa tài sản đó vào nhóm các tài sản tài chính có cùng đặc tính rủi ro tín dụng và đánh giá chung suy giảm giá trị của nhóm tài sản. Các tài sản được đánh giá suy giảm giá trị riêng biệt và có lỗ suy giảm giá trị đang/sẽ được ghi nhận không được đưa vào đánh giá suy giảm giá trị chung.

Lỗ suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hiện tại của các dòng tiền ước tính thu hồi được trong tương lai (không tính đến các tổn thất tín dụng dự kiến trong tương lai chưa phát sinh). Giá trị hiện tại của các dòng tiền trong tương lai được chiết khấu theo lãi suất thực ban đầu.

Giá trị ghi sổ của tài sản được ghi giảm thông qua việc sử dụng tài khoản dự phòng và lỗ giảm giá trị được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Thu nhập lãi (được ghi nhận vào thu nhập đầu tư trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất) tiếp tục được dự thu trên giá trị ghi sổ đã được ghi giảm, sử dụng lãi suất dùng để chiết khấu dòng tiền trong tương lai cho mục đích xác định tổn thất.

Các khoản cho vay cùng với dự phòng tổn thất tín dụng có liên quan được xóa bỏ nếu không có khả năng thu hồi trong tương lai và tất cả các tài sản đảm bảo đã được xử lý hoặc được chuyển lại cho Tập đoàn. Nếu trong năm tiếp theo, khoản dự phòng tổn thất ước tính tăng hay giảm do một sự kiện xảy ra sau khi tổn thất được ghi nhận, các khoản tổn thất đã ghi nhận trước đó được ghi tăng hoặc giảm tương ứng bằng việc điều chỉnh tài khoản dự phòng. Nếu khoản vay đã xóa sổ sau đó được thu hồi, phần thu hồi sẽ được ghi giảm chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Để phục vụ mục đích đánh giá suy giảm giá trị chung, các tài sản tài chính được nhóm lại trên cơ sở xếp hạng tín dụng nội bộ, xem xét các đặc tính rủi ro tín dụng như loại tài sản, ngành nghề, vị trí địa lý, loại tài sản đảm bảo, tình trạng quá hạn và các yếu tố liên quan. Việc ước tính suy giảm các luồng tiền trong tương lai từ các nhóm các tài sản tài chính được đánh giá tổng thể trên cơ sở kinh nghiệm tổn thất trong quá khứ của các tài sản với đặc tính rủi ro tín dụng tương tự. Các kinh nghiệm tổn thất trong quá khứ được điều chỉnh trên cơ sở dữ liệu có thể quan sát được nhằm phản ánh ảnh hưởng của các điều kiện hiện tại cũng như loại bỏ các ảnh hưởng của điều kiện trong quá khứ không còn hiện hữu tại thời điểm hiện tại. Ước tính thay đổi luồng tiền tương lai phản ánh và đồng nhất với các thay đổi về dữ liệu có thể quan sát được từ năm này sang năm khác (ví dụ như sự thay đổi về tỷ lệ thất nghiệp, giá bất động sản, giá cả hàng hóa tiêu dùng, tình trạng trả nợ, hoặc các yếu tố khác là dấu hiệu cho việc xảy ra tổn thất trong nhóm và quy mô của nó). Phương pháp và giả định được sử dụng để ước tính luồng tiền trong tương lai được xem xét thường xuyên để giảm thiểu sự khác biệt giữa tổn thất ước tính và tổn thất thực tế.

b. Khoản đầu tư tài chính sẵn sàng để bán

Với các khoản đầu tư tài chính sẵn sàng để bán, Tập đoàn đánh giá tại các thời điểm lập báo cáo liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng khoản đầu tư hoặc nhóm các khoản đầu tư bị suy giảm giá trị.

Với các khoản đầu tư tài chính sẵn sàng để bán, Tập đoàn đánh giá tại các thời điểm lập báo cáo liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng khoản đầu tư hoặc nhóm các khoản đầu tư bị suy giảm giá trị.

1. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.9 Tài sản tài chính (tiếp theo)

1.9.4 Giảm giá trị của các tài sản tài chính (tiếp theo)

b. Khoản đầu tư tài chính sẵn sàng để bán (tiếp theo)

Trong trường hợp các khoản đầu tư vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, lỗ dồn tích - được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị hợp lý hiện tại, trừ các khoản lỗ đã được ghi nhận trước đó vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất - được loại ra khỏi thu nhập tổng hợp khác và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần tăng lên của giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn sau khi ghi nhận suy giảm giá trị không được hoàn nhập vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất mà được ghi nhận trực tiếp vào thu nhập tổng hợp khác.

Việc xác định "Đáng kể" và "Kéo dài" đòi hỏi các xét đoán chủ quan. Khi đưa ra các xét đoán này, Tập đoàn cần đánh giá, có cân nhắc các yếu tố khác, khoảng thời gian và mức độ mà giá trị hợp lý của một khoản đầu tư thấp hơn giá gốc.

Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại là sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị phân bổ. Tuy nhiên, giá trị suy giảm là tổng lỗ dồn tích xác định bằng chênh lệch giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý, trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị của các khoản đầu tư đã được ghi nhận trước đó vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thu nhập lãi trong tương lai tiếp tục được dự thu trên giá trị ghi sổ đã ghi giảm, sử dụng lãi suất dùng để chiết khấu dòng tiền trong tương lai cho mục đích xác định các khoản lỗ suy giảm giá trị. Thu nhập lãi được ghi nhận là doanh thu tài chính. Nếu trong năm tiếp sau, giá trị hợp lý của công cụ nợ tăng và giá trị tăng liên quan khách quan đến sự kiện xảy ra sau khi các khoản lỗ giảm giá trị được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, khoản lỗ được hoàn nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

1.10 Các khoản nợ tài chính

1.10.1 Ghi nhận và đo lường ban đầu

Các khoản nợ tài chính được phân loại tại thời điểm ghi nhận ban đầu vào các nhóm thích hợp: nợ tài chính phản ánh theo FVTPL, vay và nợ phải trả hoặc các công cụ tài chính phái sinh được xếp vào nhóm công cụ phòng ngừa hiệu quả.

Tất cả các khoản nợ tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý, riêng đối với các khoản vay và nợ phải trả thì giá trị ghi nhận ban đầu bằng giá trị hợp lý trừ đi các chi phí giao dịch trực tiếp.

Các khoản nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm phải trả thương mại và các khoản phải trả khác, thấu chi, vay và nợ phải trả.

1.10.2 Ghi nhận sau ghi nhận ban đầu

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản nợ tài chính, tùy theo nhóm được phân loại, được xác định giá trị như sau:

a. Các khoản nợ tài chính tại FVTPL

Các khoản nợ tài chính phản ánh theo FVTPL bao gồm các khoản nợ tài chính kinh doanh và các khoản nợ tài chính tại thời điểm ban đầu được xếp vào nhóm phản ánh theo FVTPL.

Nợ tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu được mua với mục đích bán lại trong ngắn hạn.

Lãi hoặc lỗ của các khoản nợ nắm giữ để kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.10 Các khoản nợ tài chính (tiếp theo)

1.10.2 Ghi nhận sau ghi nhận ban đầu (tiếp theo)

b. Vay và nợ phải trả

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản vay và phải trả chịu lãi suất được ghi nhận theo giá trị phân bổ, sử dụng phương pháp lãi suất thực. Lãi hoặc lỗ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nợ phải trả được ngừng ghi nhận cũng như thông qua việc phân bổ giá trị theo phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ được tính toán trên cơ sở tính đến tất cả các khoản chiết khấu và phụ trội khi phát sinh, và phí hoặc chi phí là các khoản mục không thể tách rời liên quan đến việc xác định lãi suất thực. Phần phân bổ theo lãi suất thực được ghi nhận là chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

1.10.3 Dừng ghi nhận

Một khoản nợ tài chính sẽ được dừng ghi nhận khi nghĩa vụ nợ được hoàn thành hoặc hủy bỏ hoặc hết hạn. Khi một khoản nợ tài chính được thay thế bằng một khoản nợ khác từ cùng một bên cho vay nhưng các điều khoản cơ bản đã thay đổi hoặc các điều khoản của nghĩa vụ nợ hiện tại đã được sửa đổi cơ bản, thì việc thay đổi hoặc chỉnh sửa đó được coi là dừng ghi nhận khoản nợ tài chính ban đầu và ghi nhận một khoản nợ tài chính khác. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản nợ mới và khoản nợ cũ được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

1.11 Bù trừ các công cụ tài chính

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ các khoản đã được ghi nhận và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

1.12 Vốn góp của chủ sở hữu

Các cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí sau thuế phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu mới hoặc quyền chọn mua cổ phiếu được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu như một khoản giảm trừ.

1.13 Xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị có thể nhận được từ việc bán một tài sản hoặc trả cho việc chuyển giao một khoản nợ phải trả trong một giao dịch ngang giá giữa các bên tại ngày đánh giá. Giá trị hợp lý được xác định dựa trên giả định giá giao dịch bán tài sản hoặc chuyển giao nợ phải trả diễn ra tại:

- Thị trường chủ chốt đối với tài sản hoặc khoản nợ phải trả; hoặc
- Khi không có thị trường chủ chốt thì sử dụng thị trường tối ưu đối với tài sản hoặc nợ phải trả.

Để xác định được giá trị hợp lý, Tập đoàn phải có khả năng tiếp cận tới thị trường chủ chốt hoặc thị trường tối ưu.

Giá trị hợp lý của tài sản hoặc nợ phải trả được đánh giá dựa vào giả định các bên tham gia thị trường sẽ sử dụng giá trị này khi định giá tài sản hoặc nợ phải trả nhằm đạt được lợi ích tốt nhất cho mình.

Tập đoàn sử dụng các phương pháp định giá phù hợp với từng trường hợp mà các thông tin cần thiết là sẵn có để xác định giá trị hợp lý, sử dụng tối đa các dữ liệu liên quan có thể quan sát được và giảm thiểu việc sử dụng các dữ liệu không thể quan sát được.

Tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý hoặc có giá trị hợp lý được thuyết minh trong báo cáo tài chính được phân loại vào ba cấp trong hệ thống bậc giá trị hợp lý như được mô tả dưới đây, dựa trên các thông tin cơ bản nhất có ảnh hưởng đáng kể tới việc xác định giá trị hợp lý:

1. **TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

1.13 Xác định giá trị hợp lý (tiếp theo)

- Cấp 1 - Giá niêm yết (không điều chỉnh) trên các thị trường năng động của các tài sản và nợ phải trả tương tự;
- Cấp 2 - Sử dụng kỹ thuật định giá mà các thông tin cơ bản nhất có ảnh hưởng đáng kể tới việc xác định giá trị hợp lý có thể quan sát được một cách trực tiếp hoặc gián tiếp;
- Cấp 3 - Sử dụng kỹ thuật định giá mà các thông tin cơ bản nhất có ảnh hưởng đáng kể tới việc xác định giá trị hợp lý không thể quan sát được.

Đối với các tài sản và nợ phải trả ghi nhận theo giá trị hợp lý định kỳ trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, Tập đoàn xác định liệu có việc chuyển cấp trong hệ thống phân cấp thông qua việc đánh giá lại cách phân loại vào các cấp (dựa trên các thông tin cơ bản nhất có ảnh hưởng đáng kể tới việc xác định giá trị hợp lý trên phương diện tổng thể) tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính được giao dịch tích cực trên thị trường tài chính có tổ chức được xác định theo giá chào mua niêm yết cho tài sản và giá chào bán cho nợ phải trả, tại cuối ngày báo cáo, không trừ chi phí giao dịch.

Với các công cụ tài chính không có thị trường năng động, giá trị hợp lý được xác định sử dụng các phương pháp định giá phù hợp. Phương pháp định giá bao gồm chiết khấu luồng tiền, so sánh với các công cụ tài chính tương đồng có giá thị trường, mô hình định giá quyền chọn, mô hình tín dụng và các mô hình định giá liên quan. Một số công cụ tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý xác định bằng phương pháp định giá do không có giao dịch thị trường hoặc không có dữ liệu thị trường quan sát được. Giá trị hợp lý được xác định sử dụng các mô hình định giá đã được kiểm chứng với giá hoặc thông số đầu vào của giao dịch thực tế trên thị trường và sử dụng ước tính tốt nhất của Tập đoàn về các giả định phù hợp cho mô hình. Các mô hình được điều chỉnh cho chênh lệch giữa giá chào mua và chào bán để phản ánh chi phí phát sinh khi tất toán tài sản hoặc nợ phải trả, hệ số tín nhiệm của đối tác và chênh lệch thanh khoản cũng như hạn chế của mô hình. Thêm vào đó, lãi hoặc lỗ được tính toán tại ngày công cụ tài chính được ghi nhận (lãi hoặc lỗ ngày mua) được hoãn lại và được ghi nhận chỉ khi các thông số đầu vào có thể quan sát được hoặc khi dừng ghi nhận công cụ tài chính.

Với phương pháp chiết khấu luồng tiền, các luồng tiền tương lai dự kiến dựa trên ước tính tốt nhất của Ban Điều hành và lãi suất chiết khấu sử dụng là lãi suất thị trường cho các công cụ tương tự. Việc sử dụng các mô hình định giá và giả định khác nhau có thể tạo ra sự khác biệt đáng kể trong ước tính giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi lãi suất thả nổi và lãi suất qua đêm với các tổ chức tín dụng là giá trị ghi sổ. Giá trị ghi sổ là chi phí ban đầu cộng với lãi dồn tích. Giá trị hợp lý của tiền gửi lãi suất cố định được ước tính sử dụng phương pháp chiết khấu luồng tiền. Luồng tiền ước tính được chiết khấu sử dụng lãi suất thị trường hiện tại cho công cụ tương tự tại ngày báo cáo.

Nếu giá trị hợp lý không thể được xác định một cách tin cậy, các công cụ tài chính được ghi theo giá gốc, được xem là giá trị hợp lý trả cho khoản đầu tư hoặc giá trị nhận được khi phát hành nợ tài chính. Tất cả chi phí giao dịch liên quan trực tiếp tới việc mua tài sản được tính vào giá gốc của khoản đầu tư.

Giá trị hợp lý của tài sản phi tài chính được đánh giá dựa vào khả năng tạo ra lợi ích kinh tế của các bên tham gia thị trường từ việc sử dụng tối đa tài sản vào mục đích có lợi nhất hoặc bán tài sản đó cho một bên khác mà bên đó sẽ sử dụng tối đa tài sản vào mục đích có lợi nhất.

1.14 Tạm ứng từ giá trị hoàn lại

Chủ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có quyền được yêu cầu tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị hoàn lại và lãi tích lũy đến thời điểm vay khi hợp đồng bảo hiểm đáp ứng các điều kiện sau:

- Hợp đồng đã có giá trị giải ước;
- Hợp đồng có hiệu lực từ đủ 24 tháng trở lên (với các hợp đồng không phải là hợp đồng liên kết chung, liên kết đơn vị); và
- Hợp đồng không có khoản tạm ứng quyền lợi bảo hiểm.

Tạm ứng từ giá trị hoàn lại được ghi nhận theo giá trị phân bổ. Lãi suất cho từng hợp đồng sẽ do Bảo Việt Nhân thọ thông báo trong từng thời kỳ. Phần tiền lãi phát sinh từ các khoản tạm ứng từ giá trị hoàn lại này được hạch toán vào thu nhập từ hoạt động đầu tư trong năm.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. **TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

1.15 Các khoản phải thu bảo hiểm

Các khoản phải thu bảo hiểm được ghi nhận khi đến hạn với giá trị ban đầu bằng giá trị hợp lý của khoản phải thu. Sau ghi nhận ban đầu, khoản phải thu bảo hiểm được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Giá trị ghi sổ của khoản phải thu bảo hiểm được đánh giá giảm giá trị khi có sự kiện cho thấy giá trị ghi sổ có thể không thu hồi được. Khoản lỗ giảm giá được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản phải thu bảo hiểm được dừng ghi nhận nếu thỏa mãn các điều kiện ngừng ghi nhận tài sản tài chính được mô tả tại thuyết minh số 1.10.3.

1.16 Phí bảo hiểm nhượng tái cho nhà tái bảo hiểm

Hai công ty con của Tập đoàn, gồm Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, nhượng tái rủi ro bảo hiểm cho một số dòng sản phẩm nhất định. Tài sản tái bảo hiểm là khoản phải thu từ các công ty tái bảo hiểm. Số tiền thu được từ các công ty tái bảo hiểm được ước tính nhất quán với dự phòng tổn thất đang giải quyết hoặc tổn thất đã giải quyết phù hợp với các chính sách tái bảo hiểm và phù hợp với hợp đồng tái bảo hiểm với công ty tái bảo hiểm liên quan.

Tài sản tái bảo hiểm được đánh giá giảm giá định kỳ hoặc ngay khi có dấu hiệu giảm giá. Dấu hiệu giảm giá trị xuất hiện khi có bằng chứng khách quan xuất phát từ sự kiện phát sinh sau khi tài sản tái bảo hiểm được ghi nhận ban đầu cho thấy Tập đoàn có thể không nhận được đầy đủ các khoản phải thu theo như điều khoản của hợp đồng và ảnh hưởng của sự kiện đó tới số tiền mà Bảo hiểm Bảo Việt sẽ nhận được từ các công ty tái bảo hiểm có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Lỗ dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lãi hoặc lỗ khi mua tái bảo hiểm được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào ngày mua và không được phân bổ.

Việc nhượng tái bảo hiểm không giúp Tập đoàn từ bỏ nghĩa vụ đối với chủ hợp đồng.

1.17 Phí bảo hiểm nhận tái

Tập đoàn cũng nhận tái các rủi ro bảo hiểm trong hoạt động thông thường của bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ khi phù hợp. Phí và bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận là doanh thu và chi phí tương tự như đối với hợp đồng bảo hiểm gốc cho từng loại hình bảo hiểm. Các khoản phải trả tái bảo hiểm là số dư phải trả cho các công ty bảo hiểm khác. Các khoản phải trả này được ước tính phù hợp với các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan.

Phí và bồi thường được trình bày trên cơ sở tách biệt giữa nhượng tái và nhận tái bảo hiểm. Tài sản và nợ phải trả tái bảo hiểm được dừng ghi nhận khi các quyền lợi theo hợp đồng bị hủy hoặc hết hạn hoặc khi hợp đồng được chuyển giao cho bên khác.

Hợp đồng tái bảo hiểm không chuyển giao phần lớn rủi ro bảo hiểm được ghi nhận trực tiếp trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, là các khoản tài sản đặt cọc hoặc nợ phải trả tài chính được ghi nhận bằng khoản phí đã trả hoặc đã nhận trừ đi các khoản phí được xác định hoặc phí giữ lại bởi bên tái bảo hiểm. Thu nhập từ hoạt động đầu tư của những hợp đồng này được ghi nhận theo phương pháp lãi suất thực khi phát sinh.

1.18 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Cho mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư ngắn hạn như trình bày ở trên trừ đi số dư các khoản vay thấu chi vì những khoản này được coi là một phần không thể tách rời của hoạt động quản lý dòng tiền của Tập đoàn.

1. **TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

1.19 Thuê tài sản

Tập đoàn đánh giá nội dung các hợp đồng để kiểm tra các hợp đồng thuê tài sản. Trong đó, hợp đồng có quy định trao đổi nguồn lực với quyền sử dụng tài sản trong một khoảng thời gian xác định.

Tập đoàn là bên đi thuê

Tập đoàn áp dụng phương pháp ghi nhận và định giá một lần cho mọi khoản thuê tài sản, ngoại trừ các hợp đồng mang ngắn hạn hoặc tài sản có giá trị thấp. Tập đoàn ghi nhận phải trả thuê hoạt động để thực hiện chi trả và quyền sử dụng tài sản cho các tài sản cơ sở.

Quyền sử dụng tài sản

Tập đoàn ghi nhận quyền sử dụng tài sản tại ngày bắt đầu hợp đồng thuê (tức là ngày tài sản cơ sở sẵn sàng để sử dụng). Quyền sử dụng tài sản được xác định theo giá gốc, trừ đi khấu hao lũy kế và tổn thất suy giảm giá trị, và được điều chỉnh cho bất cứ khoản đánh giá lại của các khoản thuê phải trả. Giá gốc của quyền sử dụng tài sản bao gồm khoản thuê phải trả được ghi nhận, chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh, và các khoản thanh toán cho thuê được thực hiện vào (hoặc trước) ngày bắt đầu thuê trừ đi bất kỳ ưu đãi thuê nào nhận được. Trừ khi Tập đoàn chắc chắn một cách hợp lý có được quyền sở hữu tài sản đi thuê khi thời hạn thuê kết thúc, quyền sở hữu tài sản được khấu hao theo cơ sở đường thẳng trong khoảng thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích của tài sản và thời hạn thuê.

Nếu quyền sử hữu chuyển giao cho Tập đoàn vào cuối thời hạn thuê hoặc giá gốc phản ảnh việc thực hiện quyền chọn mua, giá trị khấu hao được tính theo thời hạn hữu ích ước tính của tài sản. Quyền sử dụng tài sản có thể bị suy giảm giá trị. Tham chiếu các chính sách kế toán trong Thuyết minh 3.6 – Suy giảm giá trị các tài sản phi tài chính.

Phải trả thuê tài sản

Tại ngày bắt đầu hợp đồng thuê, Tập đoàn ghi nhận các khoản phải trả thuê tài sản xác định tại theo giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê được thực hiện trong suốt thời gian thuê. Các khoản thanh toán tiền thuê bao gồm khoản thanh toán cố định (bao gồm cả những khoản bản chất là thanh toán cố định) trừ đi bất kỳ ưu đãi thuê phải thu nào, các khoản thanh toán biến đổi mà phụ thuộc vào chỉ số hoặc một tỷ lệ nào đó nhất định, và giá trị còn lại của tài sản được nhận theo cam kếtcác khoản được cho là phải trả theo bảo lãnh giá trị còn lại. Các khoản thanh toán tiền thuê cũng bao gồm giá thực hiện của quyền chọn mua chắc chắn một cách hợp lý sẽ được thực hiện bởi Tập đoàn và các khoản thanh toán tiền phạt do chấm dứt hợp đồng, nếu thời hạn thuê phản ánh việc Tập đoàn thực hiện quyền chọn chấm dứt hợp đồng. Các khoản thanh toán biến đổi mà không phụ thuộc vào một chỉ số hay tỷ lệ nào đónhất định sẽ được ghi nhận là chi phí phí trong kỳ xảy ra các sự kiện và điều kiện làm phát sinh các khoản thanh toán.

Khi tính toán giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê, Tập đoàn sử dụng lãi suất biên đi vay tại ngày bắt đầu nếu lãi suất ngầm định trong hợp đồng chưa thể xác định được. Sau ngày bắt đầu, khoản đi thuê phải trả tăng lên để phản ánh khoản lãi tích lũy và giảm do việc thực hiện thanh toán tiền thuê. Thêm vào đó, giá trị ghi sổ của khoản phải trả thuê tài sản được xác định lại nếu có sự sửa đổi, thay đổi thời hạn thuê, thay đổi khoản thanh toán bản chất là cố định hay thay đổi trong việc đánh giá để mua tài sản cơ sở.

Thuê ngắn hạn và thuê tài sản giá trị thấp

Tập đoàn áp dụng miễn ghi nhận thuê ngắn hạn đối với thuê máy móc và trang thiết bị ngắn hạn (những hợp đồng này có thời gian thuê là 12 tháng hoặc ít hơn từ ngày ghi nhận ban đầu và không bao gồm quyền chọn mua). Tập đoàn cũng áp dụng miễn ghi nhận thuê tài sản giá trị thấp đối với thuê thiết bị văn phòng mà được cho là có giá trị thấp. Các khoản thanh toán thuê ngắn hạn và thuê tài sản giá trị thấp được ghi nhận là chi phí theo trên cơ sở đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. **TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

1.19 Thuê tài sản (tiếp theo)

Sử dụng xét đoán khi quyết định thời hạn thuê của hợp đồng có quyền chọn gia hạn

Tập đoàn quyết định thời hạn thuê là thời hạn không thể hủy bỏ của hợp đồng thuê, cùng với bất kỳ thời hạn nào được nêu trong quyền chọn gia hạn hợp đồng nếu quyền chọn chắc chắc một cách hợp lý được thực hiện. Tập đoàn xem xét việc đánh giá liệu quyền chọn gia hạn có chắc chắn một cách hợp lý được thực hiện. Có nghĩa là Tập đoàn xem xét tất cả yếu tố liên quan mà tạo động lực kinh tế để thực hiện gia hạn. Sau ngày bắt đầu, Tập đoàn đánh giá lại thời hạn thuê nếu có sự kiện quan trọng hay sự thay đổi hoàn cảnh nằm trong kiểm soát của Tập đoàn và ảnh hưởng khả năng Tập đoàn thực hiện (hoặc không thực hiện) quyền chọn gia hạn (ví dụ: thay đổi chiến lược kinh doanh).

Tập đoàn xem thời gian gia hạn như là một phần của thời hạn thuê đối với hợp đồng thuê nhà cửa và máy móc do tầm quan trọng của những tài sản này đối với hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Những hợp đồng này có thời gian không thể hủy bỏ ngắn (nghĩa là từ 03 đến 05 năm) và sẽ có tác động tiêu cực đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh nếu không có sẵn sản phẩm thay thế. Các quyền chọn gia hạn đối với hợp đồng thuê xe cơ giới không được bao gồm trong thời hạn thuê vì Tập đoàn có chính sách thuê xe cơ giới không quá năm năm và do đó, không thực hiện bất kỳ quyền chọn gia hạn nào.

1.20 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam, đồng thời là đồng tiền hạch toán của công ty Mẹ. Mỗi công ty thành viên trong tập đoàn lựa chọn đồng tiền hạch toán của mình và sử dụng đồng tiền này để trình bày các khoản mục trên báo cáo tài chính.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá kế toán áp dụng tại đơn vị vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỉ giá liên ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo. Tất cả các khoản chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ các khoản mục tiền tệ được dùng làm biện pháp phòng ngừa rủi ro hiệu quả cho các khoản đầu tư nước ngoài. Các khoản mục này được ghi nhận trên báo cáo thu nhập tổng hợp khác cho đến khi khoản đầu tư này được thanh lý và được chuyển sang ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thuế và phí liên quan đến chênh lệch tỉ giá của các khoản mục này cũng được ghi nhận vào thu nhập tổng hợp khác.

Các khoản mục phi tiền tệ có nguyên giá bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá vào ngày ghi nhận ban đầu. Các khoản mục phi tiền tệ ghi nhận theo giá trị hợp lý bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá vào ngày xác định giá trị hợp lý. Các khoản lãi/lỗ phát sinh từ việc quy đổi các khoản mục phi tiền tệ (đo lường theo giá trị hợp lý) được ghi nhận tương tự như việc ghi nhận lãi/lỗ phát sinh do thay đổi giá trị hợp lý của khoản mục đó.

1.21 Thuế

1.21.1 Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản hoặc công nợ thuế thu nhập hiện hành cho kỳ hiện hành hoặc kỳ trước đó được xác định trên giá trị dự kiến được hoàn lại hoặc phải nộp cho cơ quan thuế. Thuế suất và luật thuế sử dụng để tính giá trị trên là các luật được thực thi hoặc phần lớn được thực thi tại thời điểm báo cáo.

Thuế thu nhập hiện hành liên quan đến các khoản mục ghi nhận trực tiếp vào vốn hoặc thu nhập tổng hợp khác được ghi nhận trực tiếp vào vốn hoặc thu nhập tổng hợp khác và không thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ban Điều hành đánh giá lại hàng năm liệu Tập đoàn có được hoàn thuế hay không dựa trên các tình huống mà luật thuế được áp dụng và trích lập dự phòng nếu cần thiết.

1. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.21 Thuế (tiếp theo)

1.21.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp nợ cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch thuế phải trả tạm thời, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của lợi thế thương mại hoặc tài sản/nợ phải trả từ một giao dịch không phải là hợp nhất kinh doanh và, tại thời điểm giao dịch, giao dịch này không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận hoặc lỗ tính thuế thu nhập.

- Chênh lệch tạm thời chịu thuế liên quan đến các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và liên doanh, nếu thời gian hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời có thể được kiểm soát và có khả năng các chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai xác định.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch không phải là hợp nhất kinh doanh và tại thời điểm giao dịch, không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận hoặc lỗ tính thuế.

- Chênh lệch tạm thời chịu thuế liên quan đến các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn các chênh lệch tạm thời có khả năng được hoàn nhập trong tương lai xác định và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận được đánh giá lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương để có thể sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản mục ghi nhận ngoài lãi hoặc lỗ không được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, mà được ghi tương ứng theo các khoản mục đó trên thu nhập tổng hợp khác hoặc trực tiếp vào vốn.

Tài sản và nghĩa vụ thuế thu nhập hoãn lại chỉ được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp, và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến cùng pháp nhân chịu thuế và cùng cơ quan quản lý thuế.

1. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.22 Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm

a. Các nghĩa vụ bảo hiểm nhân thọ

Dự phòng nghiệp vụ cho những sản phẩm truyền thống bao gồm dự phòng toán học, dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng bồi thường và dự phòng chia lãi được trích lập theo Nghị định 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 07 năm 2016 ("Nghị định 73") và Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 05 năm 2017 ("Thông tư 50"), hướng dẫn thi hành Nghị định 73 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 01/2019/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2019 ("Thông tư 01") sửa đổi bổ sung Thông tư 50 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 89/2020/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2020 sửa đổi bổ sung Thông tư 50 do Bộ Tài chính ban hành. Trong đó:

- Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống bao gồm: dự phòng toán học, dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng, dự phòng bồi thường và dự phòng chia lãi.

- Các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe: dự phòng toán học, dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường.

Với các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống:

- Dự phòng toán học trích lập theo phương pháp của Bảo Việt Nhân thọ được tính toán dựa trên một trong các phương pháp sau: phương pháp dự phòng phí bảo hiểm toàn phần, phương pháp dự phòng phí bảo hiểm thuần hoặc phương pháp dự phòng phí bảo hiểm thuần điều chỉnh theo hệ số Zillmer. Phương pháp, cơ sở và giả định trích lập dự phòng được phê chuẩn bởi Bộ Tài chính khi trình sản phẩm hoặc trong các lần trình tiếp theo. Dự phòng nghiệp vụ công bố là giá trị lớn hơn giữa dự phòng trích lập theo phương pháp của Bảo Việt Nhân thọ và dự phòng tối thiểu theo luật định.

- Dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng là dự phòng cho thu nhập chưa được hưởng của những khoản đã trả vào ngày lập báo cáo tài chính và được tính toán trên phí bảo hiểm gộp cho tất cả các đơn bảo hiểm có thời hạn từ một năm (01) trở xuống còn hiệu lực vào ngày lập báo cáo.

- Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng cho các tổn thất đã xảy ra nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường.

  - Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết (OSC): được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.

  - Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR): chỉ được áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống.

- Dự phòng chia lãi bao gồm dự phòng cho phần lãi tích luỹ chưa trả, bảo tức và dự phòng thặng dư chưa phân phối đối với các hợp đồng bảo hiểm được chia lãi.

Với các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe:

- Dự phòng toán học trích lập theo phương pháp của Bảo Việt Nhân thọ là giá trị lớn hơn giữa dự phòng phí bảo hiểm thuần và dự phòng phí chưa được hưởng theo phương pháp hệ số thời hạn 1/8.

- Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng cho các tổn thất đã xảy ra nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường.

  - Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết (OSC): được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.

  - Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR): bằng 3% phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính với hợp đồng đóng phí định kỳ hoặc 3% của phí bảo hiểm một lần chia cho thời hạn bảo hiểm của hợp đồng với hợp đồng đóng một lần.

1. **TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

1.22 Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm (tiếp theo)

a. Các nghĩa vụ bảo hiểm nhân thọ (tiếp theo)

Theo Thông tư 50 và Thông tư 52/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016 và dựa trên phương pháp và cơ sở xác định số liệu dự phòng nghiệp vụ đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê duyệt, Bảo Việt Nhân thọ đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm liên kết chung như sau:

- Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung là giá trị hoàn lại của hợp đồng trong quỹ liên kết chung, được tính bằng tổng giá trị hoàn lại của các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung hoặc tổng giá trị tài khoản của các hợp đồng liên kết chung. Trong đó, giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm liên kết chung phải bảo đảm các cam kết tại hợp đồng bảo hiểm.

- Dự phòng rủi ro bảo hiểm là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng.

- Dự phòng bồi thường được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.

- Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu là dự phòng được trích lập trong trường hợp thị trường đầu tư có biến động hoặc kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm thấp hơn lãi suất cam kết, được tính trên mức chênh lệch giữa kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm và lãi suất cam kết của Bảo Việt Nhân thọ đối với khách hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Khoản phải trả quyền lợi bổ sung miễn phí bảo hiểm trong báo cáo tài chính là khoản phải trả nhằm ghi nhận nghĩa vụ của Bảo Việt Nhân thọ đối với các trường hợp đã phát sinh bồi thường có liên quan đến quyền lợi này. Khoản phải trả này được tính bằng hiện giá của các kỳ phí bảo hiểm được miễn trong tương lai. Khoản tiền phải trả này đảm bảo Bảo Việt Nhân thọ có đầy đủ nguồn vốn để trang trải các nghĩa vụ nợ trong tương lai và tác động của những thay đổi tỷ lệ tử vong đã được thể hiện trong tỷ suất chiết khấu dùng để tính toán hiện giá của khoản phải trả này như đã đề cập trên đây.

b. Quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe

Bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỉ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại hoặc theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm cho các loại hình bảo hiểm khác nhau:

- Đối với bảo hiểm hàng hóa có thời hạn dưới 1 năm trở xuống, dự phòng phí chưa được hưởng được tính bằng 25% tổng phí bảo hiểm giữ lại;

- Đối với các loại hình bảo hiểm khác và bảo hiểm hàng hóa có thời hạn trên 1 năm: dự phòng phí chưa được hưởng cho các đơn bảo hiểm được tính theo phương pháp 1/8.

Bảo hiểm sức khỏe

Dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp 1/8 đối với hợp đồng bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 1 năm, trừ các hợp đồng chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn. Đối với trường hợp bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp tính theo số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng.

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp 1/8 đối với hợp đồng bảo hiểm sức khỏe có thời hạn từ 01 năm trở xuống.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. **TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

1.22 Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm (tiếp theo)

b. Quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe (tiếp theo)

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại. Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được xác định trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường, tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm. Dự phòng cũng được lập cho chi phí ước tính để xử lý khiếu nại đã phát sinh nhưng chưa giải quyết cũng như các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại tại thời điểm lập báo cáo.

Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại được ước tính dựa trên phương pháp tỷ lệ bồi thường kỳ vọng với điều chỉnh cho các năm tổn thất gần đây. Những mô hình này được sử dụng để đưa ra những ước tính chính xác nhất về các rủi ro đã phát sinh nhưng chưa thông báo cho năm xảy ra tai nạn và dùng để tính toán dự phòng cho các rủi ro chưa thanh toán, các rủi ro thuần và các rủi ro gộp. Các khoản bồi thường cho tất cả các loại hình bảo hiểm không được chiết khấu.

c. Kiểm tra tính đầy đủ của các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn sẽ thực hiện kiểm tra tính đầy đủ của việc ghi nhận các khoản dự phòng bảo hiểm. Việc tính toán này sử dụng các ước tính hiện tại của các dòng tiền tương lai theo hợp đồng bảo hiểm, bao gồm các chi phí xử lý khiếu nại bồi thường. Nếu những ước tính này chỉ ra rằng giá trị ghi sổ của các khoản dự phòng bảo hiểm này là chưa đầy đủ, thì khoản thiếu hụt sẽ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bằng việc trích lập một khoản dự phòng tương ứng.

1.23 Các nghĩa vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm

Các nghĩa vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng là các khoản dự phòng bảo hiểm liên quan đến các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ liên kết chung và hợp đồng bảo hiểm với cấu phần không đảm bảo thể hiện phần lãi, lỗ chưa thực hiện của tài sản tài chính sẵn sàng để bán và tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ thuộc về chủ hợp đồng.

1.24 Hoạt động bảo hiểm nhân thọ liên kết chung

Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ liên kết chung của Tập đoàn có các rủi ro bảo hiểm đáng kể và được phân loại là các hợp đồng bảo hiểm. Các hợp đồng này bao gồm cả cấu phần bảo hiểm và cấu phần tiết kiệm.

Phí bảo hiểm thu được được ghi nhận là doanh thu và sau đó ghi nhận một khoản chi phí tương ứng với giá trị quỹ chủ hợp đồng và trình bày là nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm. Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm được đo lường ban đầu theo giá trị hợp lý và sau đó theo giá trị hợp lý áp dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền. Hoa hồng, sau khi trừ đi phí thu được ban đầu để bù đắp chi phí, được ghi nhận là chi phí giao dịch nằm trong giá trị ban đầu của khoản nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm.

Thay đổi về giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán liên quan đến danh mục bảo hiểm liên kết chung được ghi nhận vào thu nhập tổng hợp khác sau khi trừ đi phần chia cho chủ hợp đồng được ghi nhận vào nghĩa vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm.

1. **TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

1.25 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

1.25.1 Phí bảo hiểm

Tổng phí bảo hiểm định kỳ trên sản phẩm bảo hiểm nhân thọ được ghi nhận là doanh thu khi đến hạn thanh toán từ chủ hợp đồng bảo hiểm. Đối với các hợp đồng phí riêng lẻ, doanh thu được ghi nhận tại ngày hợp đồng hiệu lực.

Phí bảo hiểm gộp cho hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ bao gồm tổng phí bảo hiểm phải thu cho thời gian hiệu lực của các hợp đồng phát sinh trong kỳ kế toán và được ghi nhận vào ngày hợp đồng bảo hiểm phát sinh trách nhiệm. Phí bảo hiểm bao gồm bất kì điều chỉnh nào phát sinh trong kỳ kế toán đối với các khoản phí bảo hiểm phải thu cho các hợp đồng khai thác vào các kỳ kế toán trước đó.

Tổng phí nhượng tái bảo hiểm bao gồm tổng phí nhượng tái bảo hiểm phải trả cho thời gian hiệu lực của các hợp đồng phát sinh trong kỳ kế toán và được ghi nhận vào ngày hợp đồng bảo hiểm phát sinh trách nhiệm. Phí nhượng tái bảo hiểm bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến hợp đồng tái bảo hiểm ký kết trong các kỳ kế toán trước đó.

Phí bảo hiểm chưa được hưởng là phần phí bảo hiểm đã khai thác liên quan đến các kỳ rủi ro sau ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Phí bảo hiểm chưa được hưởng được tính toán và ghi nhận hoãn lại như một khoản dự phòng cho các kỳ tiếp sau như trình bày tại Thuyết minh 1.21.

Phí bảo hiểm được nhận, hoa hồng và tiền bồi thường đã trả hoặc phải trả trên hợp đồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi có thông báo từ công ty nhượng tái hoặc đại lý liên quan.

1.25.2 Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích theo lãi suất thực. Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính. Thu nhập lãi được bao gồm trong thu nhập tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

1.25.3 Lợi nhuận từ giao dịch chứng khoán

Lợi nhuận từ giao dịch chứng khoán là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn trung bình của chứng khoán bán.

1.25.4 Doanh thu cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

1.25.5 Phí và hoa hồng

Tập đoàn thu phí và hoa hồng từ các dịch vụ tài chính cho khách hàng. Doanh thu được ghi nhận theo số tiền mà Tập đoàn dự kiến nhận được từ việc cung cấp dịch vụ đó.

Nghĩa vụ và thời gian thực hiện hợp đồng được xác định và thống nhất tại thời điểm ký kết hợp đồng.

Khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, Tập đoàn phát hành hóa đơn và yêu cầu thanh toán (i) ngay sau khi dịch vụ được hoàn thành đối với các dịch vụ được cung cấp tại một thời điểm; hoặc (ii) cuối thời hạn thực hiện hợp đồng đối với dịch vụ được cung cấp trong một khoảng thời gian.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. **TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

1.25 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

1.25.5 Phí và hoa hồng (tiếp theo)

Nghĩa vụ hợp đồng được thực hiện qua một thời kỳ

Các nghĩa vụ hợp đồng được thực hiện qua một thời kỳ bao gồm: quản lý tài sản, môi giới, phát hành, lưu ký chứng khoán, hoa hồng từ hoạt động nhượng tái và các dịch vụ khác, khi mà khách hàng nhận được và sử dụng lợi ích đồng thời với quá trình Tập đoàn thực hiện cung cấp các lợi ích đó.

Phí quản lý tài sản

Phí quản lý tài sản bao gồm các khoản thu về được từ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ thường được cung cấp trong thời hạn dưới một năm. Dịch vụ quản lý tài sản thể hiện một nghĩa vụ hợp đồng riêng lẻ bao gồm nhiều dịch vụ khác nhau nhưng có bản chất tương tự được thực hiện liên tục trong thời gian hiệu lực của hợp đồng. Phí quản lý tài sản bao gồm phí quản lý và phí thưởng được phân loại là các khoản lợi ích biến đổi theo IFRS 15.

Phí quản lý: được ghi nhận hàng tháng dựa trên kỳ cung cấp dịch vụ và được xác định dựa trên tỷ lệ phần trăm cố định của giá trị tài sản ròng của quỹ được quản lý tại thời điểm cuối mỗi tháng. Phí quản lý của Tập đoàn là loại phí không bị truy đòi.

Phí thưởng: được xác định hàng năm dựa trên phần kết quả kinh doanh vượt kế hoạch so với mức quy định của hợp đồng. Phí thưởng được thanh toán vào thời điểm cuối cùng của thời gian thực hiện dịch vụ quy định trong hợp đồng. Tập đoàn ghi nhận doanh thu từ phí thưởng trên cơ sở dồn tích trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng khi Tập đoàn có cơ sở chắc chắn rằng khoản phí đó sẽ không bị thu hồi trong các kỳ kế toán kế tiếp.

Phí lưu ký

Phí lưu ký là loại phí thường niên, theo tỷ lệ cố định, phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ lưu ký cho khách hàng, theo đó, Tập đoàn thay mặt khách hàng thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến các chứng khoán nằm trong danh mục, bao gồm: bảo quản và thực hiện các thủ tục cần thiết để nhận các khoản cổ tức và lãi liên quan. Tất cả các dịch vụ này được coi là một nghĩa vụ hợp đồng riêng lẻ, trong đó bao gồm nhiều dịch vụ được thực hiện hàng ngày, có bản chất và cách thức thực hiện tương tự. Phí lưu ký được hạch toán vào doanh thu khác trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Nghĩa vụ hợp đồng được thực hiện tại một thời điểm

Phí môi giới

Là khoản hoa hồng cố định Tập đoàn nhận được cho mỗi giao dịch mua và bán chứng khoán theo yêu cầu của khách hàng. Nghĩa vụ hợp đồng của Tập đoàn trong trường hợp này là việc thực hiện giao dịch mua/bán theo yêu cầu của khách hàng và doanh thu được ghi nhận khi giao dịch được thực hiện (ví dụ: tại ngày giao dịch).

Đối với một số loại hợp đồng môi giới, Tập đoàn cũng thực hiện trả chi phí hoa hồng môi giới cho các đại lý cho mỗi hợp đồng mà đại lý mang về. Tập đoàn sẽ lựa chọn hạch toán các khoản hoa hồng môi giới này một lần vào chi phí trong kỳ phát sinh do thời gian thực hiện của các hợp đồng môi giới thường ngắn, từ một năm trở xuống.

Kinh doanh bất động sản

Doanh thu từ kinh doanh bất động sản được ghi nhận tại thời điểm quyền kiểm soát bất động sản đó được chuyển giao cho khách hàng.

1. **TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

1.25 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

1.25.6 Các số dư theo hợp đồng

Tập đoàn xem xét các cam kết khác trong hợp đồng mà có thể được coi là một nghĩa vụ hợp đồng riêng biệt, và do đó, giá trị hợp đồng cũng cần được phân bổ tương ứng. Để xác định giá giao dịch trong giao dịch kinh doanh bất động sản, Tập đoàn xem xét các ảnh hưởng của khoản nhận về biến đổi, các khoản chiếm dụng vốn lớn, các khoản thanh toán không bằng tiền, và các khoản dự kiến phải trả cho khách hàng (nếu có).

Phải thu phí và hoa hồng được hạch toán trên Phải thu khác, thể hiện quyền (không có điều kiện kèm theo) được nhận các khoản thanh toán khi chuyển giao hàng hóa dịch vụ cho khách hàng.

Doanh thu phí và hoa hồng chưa thực hiện: được hạch toán trên phải trả khác và thể hiện nghĩa vụ chuyển giao hàng hóa hay dịch vụ cho khách hàng khi Tập đoàn đã nhận được tiền (hoặc khoản thanh toán đến hạn) từ khách hàng. Khoản phải trả sẽ được ghi nhận tại thời điểm thanh toán hoặc đến hạn thanh toán (tùy trường hợp nào đến sớm hơn) và được phân bổ vào doanh thu khi Tập đoàn thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng.

1.25.7 Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê phát sinh từ hợp đồng cho thuê hoạt động với bất động sản đầu tư được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê và được trình bày trong khoản mục doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa vào bản chất hoạt động.

1.26 Chi phí lãi vay

Tất cả chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ phát sinh. Chi phí lãi vay bao gồm lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan đến khoản vay.

1.27 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày báo cáo. Tỷ lệ hoàn thành được tính bằng tỷ lệ của chi phí phát sinh cho phần công việc đã được hoàn thành so với tổng chi phí hợp đồng, trừ khi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng được ghi nhận là chi phí trong năm phát sinh.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. **TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

1.28 Ghi nhận chi trả đáo hạn, chi phí bồi thường và các chi phí khác

a. Chi bồi thường bảo hiểm gốc và các quyền lợi bảo hiểm

Tổng lợi ích và các khoản bồi thường của các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ và các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có cấu phần không đảm bảo (DPF) bao gồm chi phí của tất cả các khoản bồi thường phát sinh trong năm như các chi phí nội bộ và bên ngoài lên quan đến xử lý khiếu nại bồi thường và những phần lợi tức chia thêm cho người mua bảo hiểm đã được nêu rõ trên hợp đồng DPF, cũng như những thay đổi trên tổng giá trị của hợp đồng bảo hiểm và những nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có DPF. Các yêu cầu bồi thường tử vong và giá trị hoàn lại được xử lý trên cơ sở nhận được thông báo chứng nhận. Những khoản thanh toán hàng năm hoặc khi đến hạn được ghi nhận khi phát sinh.

Các khoản bồi thường bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm y tế bao gồm tất cả các khoản khiếu kiện xảy ra trong năm, bất kể đã được thông báo hay chưa, các chi phí nội bộ và bên ngoài liên quan đến xử lý khiếu nại bồi thường, trừ giá trị thu hồi và thu đòi, cùng với bất kỳ những điều chỉnh cho những khoản bồi thường còn lại từ năm trước.

b. Các khoản bồi thường tái bảo hiểm

Các khoản bồi thường tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với tổng giá trị bồi thường bảo hiểm liên quan được ghi nhận theo kỳ của hợp đồng liên quan .

c. Chi phí tài chính

Lãi phải trả được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích theo phương pháp lãi suất thực. Lãi dự chi được bao gồm trong giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính.

1.29 Quỹ dự trữ

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của các công ty con của Tập đoàn là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm trên báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("VAS") cho đến khi đạt mức tối đa là 10% vốn điều lệ.

Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính

Theo các điều luật và quy định hiện hành ở Việt Nam, các công ty con của Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán phải trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ áp dụng cho từng ngành. Quỹ đầu tư phát triển được trích lập để sử dụng vào việc mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc bổ sung vốn điều lệ. Quỹ dự phòng tài chính được trích lập để đảm bảo cho các hoạt động bình thường của các công ty trước các rủi ro kinh doanh hoặc thua lỗ, để chuẩn bị cho các tổn thất không được lường trước hoặc thiệt hại do nguyên nhân khách quan.

2. ĐỐI CHIẾU SỰ KHÁC BIỆT VỀ LỢI NHUẬN RÒNG VÀ VỐN GIỮA HAI HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Các khác biệt đáng kể giữa các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("VAS") và chuẩn mực kế toán quốc tế ("IFRS") trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và đối chiếu giữa Lợi nhuận sau thuế và vốn hợp nhất của Tập đoàn như sau:

(i) Lợi nhuận sau thuế hợp nhất

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận sau thuế theo VAS	**2.003.419.189.382**	**1.649.846.972.925**
Điều chỉnh cho:		
Đánh giá danh mục đầu tư có kỳ hạn cố định	218.965.215.735	(224.279.439.137)
Đánh giá danh mục đầu tư chứng khoán vốn	39.921.587.804	(182.195.501.588)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	(279.360.950.519)	(92.133.606.049)
Ảnh hưởng của ghi giảm hàng tồn kho	(9.584.099.823)	(2.016.297.640)
Dự phòng giảm giá trị các khoản phải thu phí bảo hiểm và tái bảo hiểm	6.724.583.481	(3.434.968.855)
Phân bổ chi phí trả trước	9.241.787.134	6.829.821.472
Dự phòng bảo hiểm	(412.630.298.248)	(194.400.266.221)
Loại bỏ dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	112.008.470.120	54.237.487.028
Các nghĩa vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm	(24.663.808.241)	(66.997.189.645)
Thuế thu nhập hoãn lại	63.817.306.517	128.725.890.672
Dự phòng trợ cấp mất việc	1.099.645.645	(1.070.954.099)
Điều chỉnh chi trả trên cơ sở cổ phiếu	(80.155.914.946)	(138.424.002.487)
Điều chỉnh các khoản cho thuê	(2.829.561.693)	11.335.469.478
Lợi nhuận sau thuế theo IFRS	**1.645.973.152.348**	**946.023.415.854**

(ii) Vốn hợp nhất của Tập đoàn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Vốn hợp nhất theo VAS	**22.026.730.364.383**	**20.821.766.040.844**
Điều chỉnh cho:		
Đánh giá danh mục đầu tư có kỳ hạn cố định	4.155.931.302.432	4.133.007.880.861
Đánh giá danh mục đầu tư chứng khoán vốn	1.913.880.198.486	1.067.989.005.990
Đầu tư vào công ty liên kết	(1.252.487.303.959)	(973.126.353.440)
Ảnh hưởng của ghi giảm hàng tồn kho	(78.624.575.505)	(69.040.475.682)
Dự phòng cho các khoản phải thu phí bảo hiểm và tái bảo hiểm	12.881.945.677	6.157.362.196
Phân bổ chi phí trả trước	(71.288.535.926)	(80.530.323.060)
Dự phòng bảo hiểm	(1.330.548.955.510)	(917.918.657.264)
Loại bỏ dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	261.936.922.900	149.928.452.780
Các nghĩa vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm	(65.227.151.299)	(40.563.343.057)
Thuế thu nhập hoãn lại	(635.220.520.051)	(599.056.760.661)
Giảm giá trị tài sản cố định	(8.395.941.223)	(8.395.941.223)
Dự phòng trợ cấp mất việc	(51.639.097.230)	(62.982.294.563)
Điều chỉnh các khoản cho thuê	(16.397.141.484)	(13.567.579.791)
Vốn hợp nhất theo IFRS	**24.861.531.511.691**	**23.413.667.013.930**

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

3. MÔ TẢ NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CÁCH THỨC ĐO LƯỜNG VÀ GHI NHẬN THU NHẬP GIỮA VAS VÀ IFRS

Khoản mục	VAS	IFRS
Tài sản tài chính	Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo nguyên giá. Các khoản đầu tư ngắn hạn là các chứng khoán niêm yết và các chứng khoán thanh khoản khác luôn sẵn sàng để bán và dự định nắm giữ ít hơn một năm. Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết ("OTC"), trái phiếu chính phủ, các khoản cho vay và cho vay ủy thác, tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, tất cả đều được dự định nắm giữ hơn một năm. Dự phòng giảm giá cổ phiếu được ghi nhận nếu như giá mua vượt quá giá thị trường tại thời điểm báo cáo.	Tài sản tài chính theo FVTPL được ghi nhận ban đầu tại giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư không thuộc nhóm tài sản tài sản tài chính được ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu tại giá trị hợp lý cộng với các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp. Ghi nhận giá trị tiếp theo của tài sản tài chính phụ thuộc vào phân loại tài sản, cụ thể như sau: (i) Tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL bao gồm các tài sản nắm giữ với mục đích kinh doanh và tài sản tài chính được chỉ định tại ngày ghi nhận ban đầu theo FVTPL. ii) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán: là các chứng khoán có mục đích nắm giữ vô thời hạn và có thể bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc do thay đổi điều kiện thị trường. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị hợp lý được xác định lại tại cuối mỗi năm tài chính, các khoản tăng/giảm được ghi nhận vào Thu nhập tổng hợp khác và lãi, lỗ lũy kế được trình bày riêng rẽ trong quỹ đánh giá lại giá trị hợp lý thuộc vốn chủ sở hữu cho đến khi khoản đầu tư được bán hoặc bị giảm giá trị. Khi các khoản đầu tư sẵn sàng để bán được bán, lãi/lỗ lũy kế đã ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trước đây được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. iii) Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản phải trả cố định và không được niêm yết trên thị trường tích cực. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay và phải thu được ghi nhận theo giá trị phân bổ, sử dụng phương pháp lãi suất thực. Lãi/lỗ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi các khoản đầu tư bị giảm giá trị hoặc dừng ghi nhận, cũng như thông qua việc phân bổ giá trị. (iv) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các tài sản phi phái sinh với các khoản lãi và thời gian đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị phân bổ tương tự như các khoản cho vay và phải thu.

3. MÔ TẢ NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CÁCH THỨC ĐO LƯỜNG VÀ GHI NHẬN THU NHẬP GIỮA VAS VÀ IFRS (tiếp theo)

Khoản mục	VAS	IFRS
Dự phòng giảm giá trị	Dự phòng giảm giá cổ phiếu được ghi nhận nếu như giá gốc vượt quá giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính. Dự phòng đối với cho vay và phải thu được ghi nhận khi các khoản này đã quá hạn trên 6 tháng hoặc chưa đến hạn nhưng có dấu hiệu tổn thất. Chưa có quy định về dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nhưng doanh nghiệp có thể áp dụng Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228) để trích lập cho phù hợp.	Dự phòng được ghi nhận đối với các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Trong trường hợp giá trị hợp lý của tài sản sẵn sàng để bán tăng lên: - Lỗ dự phòng trước đây của các công cụ nợ Sẵn sàng để bán (tài sản tiền tệ) được ghi hoàn nhập vào thu nhập. - Đối với các công cụ vốn Sẵn sàng để bán (các tài sản phi tiền tệ), các lỗ dự phòng trước đây được ghi hoàn nhập vào vốn chủ sở hữu.
Công ty liên doanh, liên kết	Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu và không đánh giá suy giảm giá trị trên báo cáo tài chính hợp nhất.	Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất và được đánh giá tổn thất nếu có bằng chứng về suy giảm giá trị.
Các khoản phải thu	Các khoản phải thu phản ánh theo giá trị phải thu đến hạn từ khách hàng và các bên nợ khác, trừ đi dự phòng nợ khó đòi. Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ theo Thông tư số 228.	Các khoản phải thu được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ khó đòi. Giá trị ghi nhận này sẽ bị ghi giảm khi có bằng chứng về tổn thất.
Tài sản cố định hữu hình	Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Định giá lại hoặc ghi giảm khi có tổn thất là không được phép, trừ phi có quyết định riêng từ Bộ Tài chính.	Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế và bất kỳ dự phòng giảm giá nào.
Các tài sản vô hình	Các tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Việc đánh giá lại hoặc ghi giảm do tổn thất là không được phép.	Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế và bất cứ tổn thất lũy kế nào. Nếu tài sản vô hình có thời hạn sử dụng vô thời hạn thì IAS 38 yêu cầu không tiến hành trích khấu hao cho tài sản.
Dự phòng bảo hiểm nhân thọ	Dự phòng đảm bảo cân đối được trích dựa trên lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ.	IFRS 4 không cho phép các khoản dự phòng cho các hợp đồng chưa tồn tại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (như dự phòng đảm bảo cân đối).

3. MÔ TẢ NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CÁCH THỨC ĐO LƯỜNG VÀ GHI NHẬN THU NHẬP GIỮA VAS VÀ IFRS (tiếp theo)

Khoản mục	VAS	IFRS
Dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ	Quỹ dự phòng tổn thất đã phát sinh nhưng chưa báo cáo tại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt được tính theo công thức mà Bộ Tài Chính ban hành. Dự phòng dao động lớn được trích dựa trên phí giữ lại và kinh nghiệm của lãnh đạo công ty.	Toàn bộ dự phòng được trích cho các ước tính về tổn thất đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết tại ngày khóa sổ và các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại. IFRS 4 không cho phép các khoản dự phòng cho các hợp đồng chưa tồn tại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (như dự phòng dao động lớn).
Thuế thu nhập	VAS 17 không quy định về các chênh lệch tạm thời và việc ghi nhận thuế hoãn lại liên quan đến hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại, các tài sản ghi nhận theo giá trị hợp lý và các khoản hỗ trợ từ chính phủ.	Các tài sản và nghĩa vụ thuế hoãn lại phát sinh từ các chênh lệch được khấu trừ hoặc chịu thuế là các chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nghĩa vụ cho mục đích báo cáo tài chính và mục đích tính thuế. Các tài sản thuế hoãn lại cũng phát sinh từ các các khoản lỗ thuế chưa sử dụng hoặc các khoản khấu trừ chưa sử dụng của thuế, nếu có. Giá trị của khoản thuế hoãn lại được ghi nhận dựa trên dự kiến về cách thức thực hiện hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các tài sản và nghĩa vụ, sử dụng các mức thuế đã ban hành hoặc có hiệu lực ban hành vào thời điểm khóa sổ.

BAOVIET

| 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
| (+84 24) 3928 9999 / 3928 9898
| (+84 24) 3928 9609 / 3928 9610
| www.baoviet.com.vn

SCAN ĐỂ XEM
PHIÊN BẢN TRỰC TUYẾN

Designed by Value+ 0909 974 479